



NAM MÔ ĐƯƠNG LAI HẠ SANH DI LẶC TÔN PHẬT

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
Tập 2

BỔ TÁT DI LẶC THUYẾT

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN

TẬP 2

(Từ quyển 21 - 40)

Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư HUYỀN TRANG

Người dịch: Sa-môn THÍCH GIÁC PHỔ

Cư sĩ TRẦN PHÁ NHẠC

Hiệu đính: Sa-môn THÍCH LÊ QUANG



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Quyển 21

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA

Phần đầu DU GIÀ XỨ - CHUNG TÁNH ĐỊA thứ 1

Như vậy đã thuyết Tu sở thành địa. Sao gọi là *Thanh văn địa*? Hợp chung tất cả Thanh văn địa, Ốt-Đà-Nam nói:

*Nếu lược thuyết địa đây
Tánh thấy, số thủ thú
Như thích hợp an lập
Thế gian, xuất thế gian
Địa đây lược có ba
Là chủng tánh, thú nhập
Và xuất ly tưởng địa
Đây thuyết là Thanh văn.*

Sao gọi là *Chủng tánh địa*? Ốt-Đà-Nam nói:

*Nếu nói lược tất cả
Nên biết chủng tánh địa
Là tự tánh, an lập
Các tướng, số thủ thú.*

Đó là: **1. Tự tánh chủng tánh; 2. An lập chủng tánh; 3. Sở hữu các tướng của người trụ chủng tánh; 4. Bồ-đặc-già-la trụ chủng tánh.** Hết thấy như thế lược chung là một, gọi là Chủng tánh địa.

1. Chủng tánh: Là bồ-đặc-già-la trụ chủng tánh có pháp chủng tử. Bồ-đặc-già-la an trụ chủng tánh do hiện hữu, nếu được gặp duyên thù thắng, bèn có khả năng kham nhiệm, bèn có thể lực năng đắc năng chứng Niết-bàn.

Hỏi: Chủng tánh đây có tên gọi sai khác gì?

Đáp: Hoặc gọi là Chủng tử, hoặc gọi là Giới, hoặc gọi là Tánh. Đây là tên gọi sai khác.

Hỏi: Nay chủng tánh đây lấy gì làm thể?

Đáp: Nương nơi thân sở y, có tướng như vậy nhiếp thuộc sáu xứ. Lẽ pháp có được đây là từ đời vô thủy triển chuyển truyền lại đến nay. Do nơi sự thành lập mà có các tên gọi sai khác, đó là: chủng tánh, chủng tử, giới, tánh. Đây gọi là chủng tánh.

2. An lập chủng tánh: Nên hỏi rằng: Nay chủng tánh đây nên nói là thô hay nên nói là tế? —Nên đáp là tế. Vì có sao? Do chủng tử đây chưa

thể cho quả, chưa tập thành quả, nên nói là tế. Nếu đã cho quả, đã tập thành quả, bấy giờ chúng tánh hoặc chủng, hoặc quả đều nói là thô.

Hỏi: Chủng tánh như thế nên nói rơi vào một tương tục, hay rơi vào nhiều tương tục?

Đáp: Nên nói rơi vào một tương tục. Vì có sao? Giả sử pháp khác tướng câu hữu mà chuyển, thấy chủng chủng kia tương tục, chủng chủng lưu chuyển mỗi mỗi riêng khác. Chủng tử như thế chẳng phải có tướng riêng khác so với sáu xứ, tức ở nơi chủng loại như vậy, phần vị của sáu xứ vượt trội hơn. Lễ pháp có được đây là từ đời vô thủy triển chuyển truyền lại đến nay, có tướng như vậy và dùng ngôn thuyết gọi là chủng tánh, chủng tử, giới, tánh. Cho nên nói là rơi vào một tương tục.

Hỏi: Nếu bổ-đặc-già-la trụ chủng tánh có pháp Niết-bàn, thì vì nhân duyên nào bổ-đặc-già-la có pháp Niết-bàn đây, mà từ xưa đến nay trường thời lưu chuyển không Bát-niết-bàn?

Đáp: Do 4 nhân duyên không Bát-niết-bàn. Những gì là bốn? 1. Vì sanh không nhân hạ; 2. Vì lỗi phóng dật; 3. Vì hành tà giải; 4. Vì lỗi có chương ngại.

Sao gọi là sanh không nhân hạ? Như có người sanh nơi biên địa và sanh trong dòng tộc thấp hèn hạ tiện. Nơi không có các bậc chánh chí thiện sĩ và bốn chúng hiền lương du hành qua lại. Đây gọi là sanh không nhân hạ.

Sao gọi là lỗi phóng dật? Như có người tuy sanh ở giữa đất nước, lại không phải thuộc dòng tộc thấp hèn hạ tiện. Nơi có các bậc chánh chí thiện sĩ và bốn chúng hiền lương đều du hành qua lại. Nhưng sanh nhà hào quý đầy đủ tài bảo, nên sanh tham trước thọ dụng nơi các diệu dụng, chẳng thấy tai họa, chẳng biết ra khỏi. Đây gọi là lỗi phóng dật.

Sao gọi là hành tà giải? Như có người tuy sanh ở giữa đất nước... cho đến nói rộng như trên, mà có chủng chủng ác kiến ngoại đạo, khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: Không có bố thí... nói rộng cho đến ta tự biết rõ không có các đời sau. Do kiến chấp ngoại đạo như vậy, lại thêm chẳng được gặp chư Phật xuất hiện nơi đời, không được các bạn lành nói chánh pháp. Đây gọi là hành tà giải.

Sao gọi là có lỗi chướng ngại? Như có người tuy sanh ở giữa đất nước... cho đến nói rộng như

trên, được gặp chư Phật xuất hiện nơi đời, được gặp các bạn lành nói chánh pháp. Nhưng căn tánh ngu độn, ngờ nghếch, vô tri, lại thêm tâm ngạo, dùng tay thay lời, không đủ sức hiểu rõ pháp nghĩa của lời thiện hay lời ác. Hoặc lại gây tạo các nghiệp vô gián. Hoặc lại trường thời khởi các phiền não. Đây gọi là có lỗi chướng ngại.

Như vậy gọi là bốn chủng nhân duyên. Do nhân duyên đây, tuy có pháp Bát-niết-bàn mà không Bát-niết-bàn. Nếu người kia được gặp chư Phật xuất hiện nơi đời, lắng nghe chánh pháp, có được sự thuận theo dạy răn dạy trao không mắc phải các nhân duyên trên. Bấy giờ mới có thể thành thực thiện căn, lần hồi cho đến đắc Bát-niết-bàn.

Bồ-đặc-già-la trụ tụ quyết định không pháp Bát-niết-bàn, hoặc có gặp duyên, hoặc không gặp duyên, khắp tất cả chủng loại thuộc tụ đây rốt ráo chẳng thể đắc Bát-niết-bàn.

Hỏi: Những gì gọi là duyên của pháp Niết-bàn mà nói vì khuyết, vì không, vì không hội ngộ, nên không Bát-niết-bàn?

Đáp: Có 2 chủng duyên. Những gì là hai? 1. Thắng duyên; 2. Liệt duyên.

Sao gọi là thắng duyên? Là tăng thượng lắng nghe âm thanh người thuyết chánh pháp và bên trong như lý tác ý.

Sao gọi là liệt duyên? Liệt duyên đây có nhiều chủng: **a.** Tự mình viên mãn; **b.** Người khác viên mãn; **c.** Muốn thiện pháp; **d.** Chân chánh xuất gia; **e.** Luật nghi giới; **f.** Luật nghi căn; **g.** Đối với ăn uống biết lượng; **h.** Đầu đêm, cuối đêm thường siêng năng tu tập tỉnh thức Du-già; **i.** An trụ chánh biết; **j.** Vui viễn ly; **k.** Thanh tịnh các cái; **l.** Nương Tam-ma-địa.

a. Sao gọi là tự mình viên mãn? Đó là khéo được thân người, sanh nơi thánh xứ, không khuyết các căn, tịnh tín thắng xứ, lìa các nghiệp chướng.

Sao gọi là khéo được thân người? Như có người sanh đồng phận trong cõi người, hoặc được thân trượng phu, thành tựu nam căn, hoặc được thân người nữ. Như vậy gọi là khéo được thân người.

Sao gọi là sanh nơi thánh xứ? Như có người sanh giữa đất nước, nói rộng như trước, cho đến các bậc chánh chí thiện sĩ đều du hành qua lại. Như vậy gọi là sanh nơi thánh xứ.

Sao gọi là không khuyết các căn? Như có người

tánh không ngu độn, không xuẩn ngốc, lại không câm ngọng, nói rộng cho đến các chi phần cơ thể không bị thiếu. Do kia chi phần không khuyết như vậy, như tai không khuyết... có thể tinh cần tu tập phẩm thiện. Như vậy gọi là không khuyết các căn.

Sao gọi là tịnh tín thắng xứ? Như có người ở nơi pháp Tỳ-nại-da của chư Phật Như Lai Chánh Giác đã thuyết, được tâm tịnh tín. Như vậy gọi là tịnh tín thắng xứ. Nói thắng xứ: vì pháp Tỳ-nại-da mà chư Như Lai Chánh Giác đã thuyết, năng sanh tất cả pháp bạch tịnh thế gian và xuất thế gian. Trong pháp đây, trước phát khởi các tín thanh tịnh tăng thượng mà hành, nên gọi là tịnh tín thắng xứ; sau nương pháp đây năng trừ tất cả phiền não, cấu uế, ô trược.

Sao gọi là lìa các nghiệp chướng? Là năng xa lìa năm nghiệp vô gián: hại cha, hại mẹ, hại A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, đối với Như Lai ác tâm làm chảy máu. Nếu có người gây tạo, tăng trưởng năm nghiệp vô gián đây, trong hiện pháp chẳng thể sanh khởi Thánh đạo, chuyển đắc Bát-niết-bàn. Nếu có người trong hiện pháp chẳng gây tạo, chẳng làm một trong số các nghiệp chướng vô gián

đây, gọi là lia các nghiệp chướng. Như vậy gọi là lia các nghiệp chướng.

Chỉ do đầy đủ 5 chủng chi phần như vậy mới được gọi là tự thể viên mãn. Do đây gọi là tự mình viên mãn.

b. Sao gọi là người khác viên mãn? Đó là chư Phật xuất thế, thuyết chánh giáo pháp, giáo pháp cứu trụ, pháp trụ tùy chuyển và được người khác thương xót.

Sao gọi là chư Phật xuất thế? Như có người khởi ý vui tăng thượng muốn làm lợi ích khắp tất cả các loại hữu tình, nên tu tập muôn ngàn khổ hạnh khó hành, đoạn trừ năm cái, tâm khéo an trụ nơi bốn niệm trụ, tu tập ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần. Trải qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp, tích tập rộng lớn hai chủng tư lương phước đức và trí tuệ, đạt được thân tối hậu thượng diệu, an tọa nơi tòa Vô thượng Bồ-đề thù thắng, hiện chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Như vậy gọi là chư Phật xuất thế. Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều do như vậy gọi là xuất thế.

Sao gọi là thuyết chánh giáo pháp? Chư Phật Thế Tôn xuất hiện nơi đời như vậy, vì thương xót

tất cả Thanh văn, nương bốn thánh đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo, tuyên thuyết chân thật vô lượng giáo pháp, bao gồm Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Phúng tụng, Tự thuyết, Nhân duyên, Thí dụ, Bốn sanh, Bốn sự, Hy pháp, Phương quảng, Luận nghị. Như vậy gọi là thuyết chánh giáo pháp. Chư Phật Thế Tôn và thánh đệ tử, tất cả bậc chánh sĩ đều cưỡi pháp đây mà được xuất ly, về sau lại vì người tuyên thuyết xưng khen, cho nên nói đây là chánh pháp. Vì tuyên thuyết đây gọi là chánh giáo pháp.

Sao gọi là giáo pháp cứu trụ? Tức là Đức Phật Thế Tôn đã thuyết chánh pháp, đã chuyển pháp luân, cho đến thọ mạng cứu trụ. Sau khi Thế Tôn Niết-bàn, trải qua thời gian ấy, chánh hạnh chưa hoại diệt, chánh pháp chưa ẩn mất, như vậy gọi là chánh pháp cứu trụ. Cứu trụ như vậy, nên biết tức là nói đến đạo lý thắng nghĩa tác chứng chánh pháp.

Sao gọi là pháp trụ tùy chuyển? Người đã chứng chánh pháp như vậy, có lực thấu biết: “Chúng sanh đều có khả năng chứng chánh pháp như thế”. Tức như điều đã chứng mà tùy chuyển, tùy thuận dạy trao dạy răn. Như vậy gọi là pháp trụ tùy chuyển.

Sao gọi là được người khác thương xót? Người khác đây là thí chủ. Thí chủ kia đối với hành giả khởi tâm thương quý, nên huệ thí vật dụng nuôi thân thuận theo pháp tịnh mạng, như là pháp: huệ thí y phục, thức ăn, thức uống, các thứ tọa cụ, ngọa cụ và thuốc trị bệnh. Như vậy gọi là được người khác thương xót.

c. Sao gọi là muốn thiện pháp? Như có người hoặc từ Phật, hoặc từ đệ tử Phật, được nghe chánh pháp phát khởi tâm tịnh tín. Đã được tịnh tín, phải học như vậy: “Nếu ở trong cõi trần tục này, cuộc sống tại gia có nhiều phiền não nhiều loạn. Xuất gia thanh nhàn giống như hư không. Ta nay nên xả bỏ tất cả vợ con, quyến thuộc, tài sản, thân bảo”. Người kia chánh xả pháp gia đình, hướng đến đời sống không gia đình. Đã xuất gia rồi, ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da tinh cần tu chánh hạnh khiến được viên mãn. Ở trong thiện pháp sanh khởi muốn như vậy, gọi là muốn thiện pháp.

d. Sao gọi là chân chánh xuất gia? Tức do lực mãnh liệt của lòng ham muốn thắng thiện pháp, bạch tứ yết-ma thọ Cụ túc giới, hoặc thọ học sở

học Thi-la của Sa-di. Đây gọi là chánh xuất gia.

e. *Sao gọi là luật nghi giới?* Người kia đã chân chánh xuất gia như vậy, an trụ giới cụ túc, phòng hộ bền vững luật nghi Biệt giải thoát, sở hành quy tắc đều được viên mãn, thấy sợ hãi lớn đối với tội rất nhỏ, thọ học tất cả sở hữu học xứ. Đây gọi là luật nghi giới.

f. *Sao gọi là luật nghi căn?* Tức là nương luật nghi giới đây, thủ hộ chánh niệm, tu niệm thường thuận theo, lấy niệm phòng hộ tâm, hành vị bình đẳng. Mắt thấy sắc rồi, không giữ lấy tướng, không giữ lấy tướng tùy hảo. Sợ rằng nương sắc đây, nếu không tu tập an trụ luật nghi phòng hộ căn mắt, khiến nơi tâm rĩ chảy pháp ác bất thiện thuộc sở hữu tham ưu, nên ở nơi kia phải tu hành luật nghi phòng hộ căn mắt. Như đây tức là nương nơi căn mắt, tu hành luật nghi.

Như đã thực hành ở nơi mắt thấy sắc, thì thực hành ở nơi tai nghe tiếng, nơi mũi ngửi hương, nơi lưỡi nếm vị, nơi thân cảm xúc, nơi ý liễu pháp nên biết cũng vậy. Tức là không giữ lấy tướng, không giữ lấy tướng tùy hảo, sợ rằng nương nơi đây, nếu không tu tập an trụ luật nghi phòng hộ căn tai cho

đến căn ý, khiến nơi tâm rỉ chảy pháp ác bất thiện thuộc sở hữu tham ưu, nên ở nơi kia phải tu hành luật nghi phòng hộ căn tai cho đến căn ý. Như đây tức là nương nơi căn tai cho đến căn ý, tu hành luật nghi. Đây gọi là luật nghi căn.

g. *Sao gọi là đối với việc ăn uống biết lượng?* Người kia đã giữ gìn các căn như vậy rồi, dùng tư duy chân chánh phân tích việc ăn uống vật thực. Đó là không vì ca hát phóng túng, không vì kiêu ngạo phóng dật, không vì trang sức tướng đẹp, không vì đoan nghiêm. Nhưng ăn uống vật thực đây vì an trụ thân, vì tạm giữ gìn các chi phần cơ thể, vì trừ đói khát, vì nhiếp phạm hạnh, vì đoạn trừ thọ cũ, vì khiến thọ mới không sanh khởi trở lại, vì phải nuôi dưỡng sức khỏe, vui vẻ không tội, an trụ yên ổn. Như vậy gọi là đối với việc ăn uống biết lượng.

h. *Sao gọi là đầu đêm, cuối đêm thường siêng tu tập tinh thức Du-già?* Người kia đối với ăn đã biết lượng như vậy, vào ban ngày, ở nơi hai thứ oai nghi hoặc kinh hành, hoặc tĩnh tọa, từ pháp thuận chướng trong lòng tịnh tu. Vào phần đầu đêm, ở nơi hai thứ oai nghi hoặc kinh hành, hoặc tĩnh

tọa, từ pháp thuận chướng trong lòng tịnh tu. Qua phần đầu đêm, ra ngoài trú xứ, rửa chân sạch sẽ, trở vào trú xứ, nằm nghiêng hông bên phải, chân chồng lên nhau, trụ tướng quang minh, chánh niệm chánh biết tư duy khởi tướng. Vào phần cuối đêm, nhanh chóng tỉnh thức, ở nơi hai thứ oai nghi hoặc kinh hành, hoặc tĩnh tọa, từ pháp thuận chướng trong lòng tịnh tu. Như vậy gọi là đầu đêm, cuối đêm thường siêng tu tập tỉnh thức Du-già.

i. *Sao gọi là an trụ chánh biết?* Người kia đã thường siêng tu tập tỉnh thức Du-già như vậy, hoặc đến, hoặc về an trụ chánh biết; hoặc thấy, hoặc nhìn an trụ chánh biết; hoặc co, hoặc duỗi an trụ chánh biết; giữ y Tăng-già-lê và giữ y bát an trụ chánh biết; hoặc ăn, hoặc uống, hoặc nhai, hoặc nếm an trụ chánh biết; hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm an trụ chánh biết; vào lúc tỉnh thức an trụ chánh biết; hoặc nói, hoặc im an trụ chánh biết; vào lúc ngủ nghỉ, giải lao an trụ chánh biết. Như vậy gọi là an trụ chánh biết.

j. *Sao gọi là vui viễn ly?* Người kia đã khéo tu tập thiện pháp như vậy, tu sửa trị không điên đảo nghiệp địa đầu tiên rồi, xa lìa tất cả tham trước

ngọa cụ, thường ở nơi a-lan-nhã, nhà trống, dưới gốc cây, trong hang núi, động đá, rừng cây, thảo nguyên, đồng không mông quạnh, chỗ nằm ngồi bên bờ vắng. Đây gọi là vui viễn ly.

k. Sao gọi là thanh tịnh các cái? Người kia đã an trụ chốn a-lan-nhã như vậy, hoặc dưới gốc cây, hoặc trong nhà trống... ở nơi năm chủng cái là tham dục, sân khuể, hôn trầm thụy miên, trạo cử ác tác, cùng với nghi cái, tịnh tu trong tâm. Tùy theo mỗi cái hiện hành mà tu tâm rồi, tâm xa lìa các cái, an trụ Hiền Thiện Thắng tam-ma-địa. Như vậy gọi là thanh tịnh các cái.

l. Sao gọi là nương Tam-ma-địa? Người kia đã đoạn năm cái như vậy, bèn năng xa lìa tùy phiền não của tâm, xa lìa các pháp dục ác bất thiện, có tầm có tứ, ly sanh hỷ lạc, nhập sơ tĩnh lự, đầy đủ an trụ. Tầm tứ tịch tĩnh, ở nơi nội tịnh, tâm tánh nhất hượng, không tầm không tứ, định sanh hỷ lạc, đầy đủ an trụ đệ nhị tĩnh lự. Xa lìa hỷ tham, an trụ niệm xả cùng với chánh biết, thân lãnh thọ lạc, chỗ mà bậc Thánh nói là “an trụ niệm xả, đầy đủ an lạc”, như vậy đầy đủ an trụ đệ tam tĩnh lự. Trước đoạn khổ, rốt ráo đoạn lạc, hỷ và ưu đồng

diệt mất, không khổ không lạc, niệm thanh tịnh, xả thanh tịnh, đầy đủ an trụ đệ tứ tinh lự. Như vậy gọi là nương Tam-ma-địa.

Do người kia tuân tự dần dần tu hành các duyên như vậy, từ đầu tiên tự mình viên mãn cho đến sau cùng nương tam-ma-địa, về sau càng tu tập càng khiến chuyển thắng, chuyển tăng, chuyển thượng. Như thế được tâm thanh tịnh sáng sạch, không các cấu uế, lìa tùy phiền não, chất trực, có khả năng kham nhiệm, an trụ vô động.

Hoặc lại đạt được trong việc y chỉ bốn thánh đế. Vì khiến tác chứng vĩnh viễn đoạn biến tri, nên tu tập nương theo âm thanh dạy răn dạy trao của người khác, bèn có năng lực kham nhiệm, phát sanh như lý dẫn dắt tác ý, cùng với sở hữu chánh kiến làm tiền dẫn. Do đây bèn năng ở nơi bốn thánh đế nhập hiện quán chân thật, giải thoát viên mãn, ở Vô dư y Niết-bàn giới mà Bát-niết-bàn. Trong đây nên biết, khởi đầu thuận theo chánh kiến cho đến về sau giải thoát viên mãn, ở Vô dư y Niết-bàn giới mà Bát-niết-bàn. Đây gọi là tu tập chân thật chủng tánh.

Như vậy từ đầu tiên tự mình viên mãn cho

đến sau cùng nương Tam-ma-địa, nên biết gọi là tu tập liệt duyên. Nếu y chỉ giáo pháp bốn thánh đế tăng thượng, nương âm thanh dạy trao dạy răn của người khác, như lý dẫn dắt tác ý, nên biết gọi là tu tập thắng duyên.

Như vậy gọi là an lập chủng tánh.

3. Sở hữu các tướng của người trụ chủng tánh: Tức là các tướng trái với sở hữu tất cả tướng của bồ-đặc-già-la không pháp Niết-bàn, nên biết gọi là sở hữu các tướng của bồ-đặc-già-la an trụ chủng tánh.

Hỏi: Những gì gọi là sở hữu các tướng của bồ-đặc-già-la không pháp Niết-bàn, vì thành tựu tướng kia mà gọi là bồ-đặc-già-la không pháp Niết-bàn?

Đáp: Bồ-đặc-già-la không pháp Bát-niết-bàn có rất nhiều tướng. Nay Ta sẽ nói ít phần tướng kia.

Đó là có bồ-đặc-già-la lúc ban đầu không trụ chủng tánh không pháp Niết-bàn. Do ái A-lại-da thức, khắp tất cả chủng hành chuyển thấy đều thuận theo sự trói cột, phụ thuộc vào sở y, triển chuyển thành vô lượng pháp, không thể lay động nhổ bật, đuổi theo dai dẳng lâu dài, rốt ráo bền

chặt, tương tục nương gá. Tất cả chư Phật cũng không thể cứu. Đây gọi là tướng không chủng tánh của bồ-đặc-già-la không trụ chủng tánh thứ nhất.

Lại có tướng không chủng tánh của bồ-đặc-già-la không trụ chủng tánh khác. Đó là có kẻ lắng nghe, dùng vô lượng môn hủy mắng lỗi lầm của sanh tử. Nhưng đối với tận ái, tịch diệt Niết-bàn, không thấy chút phần công đức dầu nhỏ, không thấy chút phần sở hữu lợi ích thù thắng, cũng chẳng thấy chút phần hân lạc. Thấy vui như thế, ở đời quá khứ chẳng thể đã sanh, ở đời vị lai chẳng thể sẽ sanh, ở đời hiện tại chẳng thể đang sanh. Lại có kẻ lắng nghe, dùng vô lượng môn xưng khen các công đức của Niết-bàn. Nhưng đối với sanh tử, không thấy chút phần lỗi lầm của sự hý luận, không thấy chút phần sở hữu quá hoạn, cũng lại chẳng thể chút phần chán lìa. Thấy nhàm chán như vậy, ở đời quá khứ chẳng thể đã sanh, ở đời vị lai chẳng thể sẽ sanh, ở đời hiện tại chẳng thể đang sanh. Đây gọi là tướng không chủng tánh của bồ-đặc-già-la không trụ chủng tánh thứ hai.

Lại có tướng không chủng tánh của bồ-đặc-già-la không trụ chủng tánh khác. Đó là có kẻ bản

tánh thành tựu không tầm không quý phẩm thượng. Do nhân duyên đây, không biết chán ghét, không tâm khiếp sợ, đem tâm thích thú gây tạo các ác. Do nhân duyên đây, chưa từng hối hận. Đây chỉ quán sát bổ-đặc-già-la ở hiện pháp. Do nhân duyên đây, lãnh chịu các lỗi lầm họa hoạn do chính thân mạng tài bảo của mình bị suy thoái. Đây gọi là tướng không chủng tánh của bổ-đặc-già-la không trụ chủng tánh thứ ba.

Lại có tướng không chủng tánh của bổ-đặc-già-la không trụ chủng tánh khác. Đó là có kẻ ở nơi tất cả chủng đều phân tích rõ ràng, xưng khen các đạo lý vi diệu thù thắng, dễ có thể hiểu biết chi tiết. Nhưng khi được khai thị tuyên thuyết giáo pháp chân chánh, hoặc nương khổ đế, hoặc nương tập đế, hoặc nương diệt đế, hoặc nương đạo đế, kẻ kia không thể thu được chút ít phát tâm nhỏ nhoi, chút ít tin hiểu nhỏ nhoi, hà huống năng khiến lông trên thân dựng đứng, buồn khóc rơi lệ. Đây nương quán sát bổ-đặc-già-la ở cả ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại riêng biệt. Đây gọi là tướng không chủng tánh của bổ-đặc-già-la không trụ chủng tánh thứ tư.

Lại có tướng không chủng tánh của bổ-đặc-

già-la không trụ chủng tánh khác. Đó là kẻ kia có lúc chỉ tạm xuất gia trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, vì hoặc bị quốc vương bức bách, hoặc bị giặc cướp bức bách, hoặc bị chủ nợ bức bách, hoặc vì sợ hãi bức bách, hoặc vì lo lắng việc kiếm sống bức bách. Chẳng phải vì tự điều phục mình, chẳng phải vì tự tịch tĩnh mình, chẳng phải vì tự mình Niết-bàn, chẳng phải vì tánh Sa-môn, chẳng phải vì tánh Bà-la-môn mà cầu xuất gia. Nên khi đã xuất gia rồi, lại vui cùng với người tại gia và chúng xuất gia chung sống hỗn tạp huyên náo. Hoặc phát tà nguyện mà tu các phạm hạnh, như cầu sanh thiên, hay các cõi trời khác. Hoặc vui thích xả bỏ các cấm giới đã thọ học, hoặc trái phạm Thi-la (giới). Trong lòng mục nát, ngoài hiện tướng chân thật, như loài ốc sên bắn thủ trong nước sanh ra. Tiếng như ốc, hạnh như chó. Thật chẳng phải Sa-môn mà tự xưng Sa-môn, chẳng phải hành phạm hạnh mà tự xưng phạm hạnh. Đây cũng nương quán sát bổ-đặc-già-la ở cả ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại riêng biệt. Nên biết đây là bổ-đặc-già-la không trụ chủng tánh, chỉ mượn tướng xuất gia.

Có bổ-đặc-già-la vui muốn tu học, gọi là chân

xuất gia. Vị đây thọ Cụ túc giới, thành tựu tánh Bì-sô. Do môn khác biệt đây, do ý thú đây hiển nghĩa kẻ kia vốn không phải người xuất gia, chỉ giữ lấy tướng mạo xuất gia mà vào trong hàng ngũ những người xuất gia. Đây gọi là tướng không chủng tánh của bổ-đặc-già-la không trụ chủng tánh thứ năm.

Lại có tướng không chủng tánh của bổ-đặc-già-la không trụ chủng tánh khác. Đó là kia có chút ít tạo tác thiện nghiệp ở nơi thân, hoặc ngữ, hoặc ý. Nhưng tất cả đều vì mong cầu các hữu, hoặc cầu hậu hữu thù thắng ở đời vị lai, hoặc cầu tài bảo, hoặc cầu gặt hái sở hữu tài bảo thù thắng. Đây gọi là tướng không chủng tánh của bổ-đặc-già-la không trụ chủng tánh thứ sáu.

Tất cả loại như vậy có rất nhiều tướng. Vì thành tựu những tướng kia, nên rơi vào trong số không pháp Bát-niết-bàn.

4. Bổ-đặc-già-la an trụ chủng tánh: Đó là bổ-đặc-già-la trụ chủng tánh, hoặc chỉ trụ chủng tánh mà chưa thú nhập cũng chưa xuất ly, hoặc có an trụ chủng tánh cũng đã thú nhập mà chưa xuất ly, hoặc có an trụ chủng tánh cũng đã thú nhập đã

xuất ly, hoặc có căn yếu kém, hoặc có căn trung bình, hoặc có căn thông lợi, hoặc có hành tham, hoặc có hành sân, hoặc có hành si, hoặc sanh không nhân hạ, hoặc sanh có nhân hạ, hoặc có phóng túng buông lung, hoặc không phóng túng buông lung, hoặc có tà hạnh, hoặc không tà hạnh, hoặc có chướng ngại, hoặc không chướng ngại, hoặc xa, hoặc gần, hoặc chưa thành thực, hoặc đã thành thực, hoặc chưa thanh tịnh, hoặc đã thanh tịnh.

Sao gọi là bồ-đặc-già-la an trụ chủng tánh, chỉ trụ chủng tánh mà chưa thú nhập, cũng chưa xuất ly? Như có bồ-đặc-già-la đã thành tựu chủng tử pháp xuất thế của bậc thánh, nhưng chưa được thân cận Thiện tri thức để lắng nghe chánh pháp, chưa thu được chánh tín đối với pháp Tỳ-nại-da mà chư Như Lai chánh giác chánh thuyết, chưa thọ trì tịnh giới, chưa nhiếp thọ đa văn, chưa tăng trưởng huệ xả, chưa điều nhu các kiến. Như vậy gọi là bồ-đặc-già-la chỉ trụ chủng tánh mà chưa thú nhập, cũng chưa xuất ly.

Sao gọi là bồ-đặc-già-la an trụ chủng tánh, cũng đã thú nhập mà chưa xuất ly? Như trước đã nói sở hữu tướng phẩm hắc, trái với tướng đây là

phẩm bạch, nên biết gọi là bổ-đặc-già-la an trụ chủng tánh cũng đã thú nhập. Nhưng có chỗ khác biệt là do kia chưa lìa hệ buộc của phiền não, chưa đắc sở hữu thánh đạo và quả thánh đạo.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la an trụ chủng tánh, cũng đã thú nhập và đã xuất ly? Cũng như trước đã thuyết, nhưng có chỗ khác biệt là kia đã lìa hệ buộc của phiền não, đã đắc thánh đạo và quả thánh đạo.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la căn yếu kém? Có bổ-đặc-già-la đối với sự sở tri, cảnh giới sở duyên, chỗ có các căn chuyển vận rất trì trệ, chuyển vận rất yếu ớt. Tác ý tương ưng hoặc do nghe mà thành tựu, hoặc do tư duy mà thành tựu, hoặc do tu tập mà thành tựu, hoặc tín căn, hoặc tinh tấn căn, hoặc niệm căn, hoặc định căn, hoặc tuệ căn không có năng lực kham nhiệm, không có sức thông đạt pháp nghĩa, không thể nhanh chóng chứng chân thật. Đây gọi là bổ-đặc-già-la căn yếu kém.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la căn trung bình? Có bổ-đặc-già-la đối với sự sở tri, cảnh giới sở duyên, chỗ có các căn chuyển vận ít trì trệ, còn lại tất cả như trước đã thuyết. Đây gọi là bổ-đặc-già-la căn trung bình.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la căn thông lợi? Có bổ-đặc-già-la đối với sự sở tri, cảnh giới sở duyên, chỗ có các căn chuyển vận không trì trệ, chuyển vận không yếu ớt. Ở nơi tác ý tương ưng, hoặc do nghe mà thành tựu, hoặc do tư duy mà thành tựu, hoặc do tu tập mà thành tựu, hoặc tín căn, hoặc tinh tấn căn, hoặc niệm căn, hoặc định căn, hoặc tuệ căn có năng lực kham nhiệm, có sức thông đạt pháp nghĩa rất mãnh lợi, nhanh chóng chứng chân thật. Đây gọi là bổ-đặc-già-la lợi căn.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la hành tham? Có bổ-đặc-già-la đối với các việc đáng yêu thích, việc đáng nhiệm trước, cảnh giới sở duyên, có tham mãnh lợi, có tham trường thời. Đây gọi là bổ-đặc-già-la hành tham.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la hành sân? Có bổ-đặc-già-la đối với việc đáng ghét, việc đáng giận dữ, cảnh giới sở duyên, có sân mãnh lợi, có sân trường thời. Đây gọi là bổ-đặc-già-la hành sân.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la hành si? Có bổ-đặc-già-la đối với sự sở tri, cảnh giới sở duyên, có si mãnh lợi, có si trường thời. Đây gọi là bổ-đặc-già-la hành si.

Bổ-đặc-già-la hoặc sanh nơi không nhân hạ, hoặc có phóng túng buông lung, hoặc có tà hạnh, hoặc có chướng ngại, tất cả như vậy nên biết tương tự như trên. Trái với các tướng trên, nên biết tức là bổ-đặc-già-la sanh nơi có nhân hạ, không phóng túng buông lung, không có tà hạnh và không có chướng ngại.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la xa? Có bổ-đặc-già-la hoặc do thời gian xa nên cách xa Niết-bàn, hoặc do gia hạnh xa nên gọi là xa.

- Sao gọi là do thời gian xa nên cách xa Niết-bàn? Có bổ-đặc-già-la trải qua nhiều trăm đời, hoặc nhiều ngàn đời, hoặc nhiều trăm ngàn đời sau mới có thể được gặp thẳng duyên, đấng Bát-niết-bàn.

- Sao gọi là do gia hạnh xa nên gọi là xa? Có bổ-đặc-già-la chỉ trụ chủng tánh mà chưa thú nhập, chẳng thể nhanh chóng được gặp thẳng duyên đấng Bát-niết-bàn. Người kia đối với Niết-bàn chưa thể phát khởi gia hạnh thù thắng. Do gia hạnh còn xa mà gọi là xa, chẳng do thời gian xa. Hai chủng như vậy lược chung làm một, gọi là bổ-đặc-già-la xa.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la gần? Có bổ-đặc-già-la như vậy, hoặc do thời gian gần nên gần Niết-bàn,

hoặc do gia hạnh gần nên gọi là gần.

- Sao gọi là do thời gian gần nên gần Niết-bàn? Có bồ-đặc-già-la trụ sanh tối hậu, trụ hữu tối hậu, trụ thân tối hậu, tức do thân đây sẽ đắc Niết-bàn; hoặc tức do sát-na không gián đoạn, ở nơi phiền não đoạn sẽ được tác chứng. Như vậy gọi là do thời gian gần nên gần Niết-bàn.

- Sao gọi là do gia hạnh gần nên gọi là gần? Có bồ-đặc-già-la an trụ chủng tánh cũng đã thú nhập. Hai chủng như vậy lược chung làm một, gọi là bồ-đặc-già-la gần.

Sao gọi là bồ-đặc-già-la chưa thành thực? Có bồ-đặc-già-la chưa thể đạt được thân tối hậu hữu, tức là chưa thể trụ ở thân đây Bát-niết-bàn, hoặc thú nhập Chánh tánh ly sanh. Đây gọi là bồ-đặc-già-la chưa thành thực.

Sao gọi là bồ-đặc-già-la đã thành thực? Có bồ-đặc-già-la đã năng đạt được thân tối hậu hữu, tức là trụ ở thân đây năng Bát-niết-bàn, hoặc năng thú nhập Chánh tánh ly sanh. Đây gọi là bồ-đặc-già-la đã thành thực.

Sao gọi là bồ-đặc-già-la chưa thanh tịnh? Có bồ-đặc-già-la chưa sanh khởi thánh đạo, chưa là

hệ buộc của phiền não, chưa thể tác chứng đối với quả thánh đạo. Đây gọi là bổ-đặc-già-la chưa thanh tịnh.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la thanh tịnh? Nên biết tướng đây trái với tướng bổ-đặc-già-la chưa thanh tịnh.

Như vậy gọi là sở hữu các tướng sai biệt của bổ-đặc-già-la an trụ chủng tánh. Vì độ kia mà chư Phật Thế Tôn xuất hiện nơi đời, đó là chuyển chánh pháp luân, kiến lập học xứ, nếu người chưa thú nhập khiến được thú nhập, nếu người chưa thành thực khiến được thành thực, nếu người chưa thanh tịnh khiến được thanh tịnh.

Phần đầu DU GIÀ XỨ - THÚ NHẬP ĐỊA thứ 2

Như vậy đã thuyết Chủng tánh địa. Sao gọi là *Thú nhập địa*? Ôt-Đà-Nam nói:

*Nếu lược thuyết tất cả
Thú nhập địa nên biết*

*Là tự tánh, an lập
Các tướng, số thú thú.*

Đó là: **1.** Tự tánh thú nhập; **2.** An lập thú nhập; **3.** Sở hữu các tướng của người thú nhập; **4.** Bồ-đặc-già-la dã thú nhập. Tất cả như vậy lược chung là một, gọi là Thú nhập địa.

1. Tự tánh thú nhập: Là bồ-đặc-già-la an trụ chủng tánh, đã có bản tánh thành tựu chủng tử Niết-bàn, sanh ở giữa đất nước, không sanh trong dòng tộc thấp hèn hạ liệt... cho đến nói rộng. Nếu lúc bấy giờ có Phật xuất hiện nơi đời, kia được gặp Phật và đệ tử Phật, được đến lui phụng sự, được nghe chánh pháp, nên bắt đầu có được chánh tín, thú đến thọ trì tịnh giới, nhiếp thọ đa văn, tăng trưởng huệ xả, điều nhu các kiến, từ đây về sau thọ trì pháp đây. Do nhân duyên như vậy, trải qua kiếp sống đó, sau khi thân hoại diệt, đạt được sáu xứ dị thực nhiếp lấy các căn thù thắng, năng trường thời làm sanh khởi triển chuyển chánh tín thù thắng, lấy đây làm y chỉ. Cùng với chánh tín kia là năng thọ trì tịnh giới, nhiếp thọ đa văn, tăng trưởng huệ xả, điều nhu các kiến khiến chuyển

thượng, chuyển thắng, cho đến chuyển thêm vi diệu làm chỗ y chỉ. Lại do chuyển thượng, chuyển thắng, cho đến chuyển thêm vi diệu các pháp như tín... nên càng được dị thực thù thắng khác. Do dị thực đây, lại thuận theo pháp xuất thế mà triển chuyển tăng trưởng các thiện pháp thù thắng khác. Triển chuyển như thế xoay vần làm chỗ nhân nương, xoay vần thành thế lực ở các kiếp sống về sau, cho đến đạt được thân tối hậu hữu, tức là trụ thân đây đặc Bát-niết-bàn, hoặc năng thú nhập Chánh tánh ly sanh. Đây gọi là thú nhập. Vì có sao? Hoặc đạo, hoặc đường, hoặc dấu đi ngay thẳng, năng đặc Niết-bàn, năng hướng đến Niết-bàn, bấy giờ vị kia năng tiến đến, năng nhập vào, năng thực hành chánh hạnh, lần hồi thứ lớp đi đến cực cứu cánh. Cho nên gọi đây là đã thú nhập.

Như vậy gọi là tự tánh thú nhập.

2. Kiến lập thú nhập: Đó là hoặc có chủng tánh, hoặc có thú nhập, hoặc sắp thành thực, hoặc đã thành thực, hoặc chỉ thú nhập chẳng phải sắp thành thực chẳng phải đã thành thực, hoặc cũng thú nhập cũng sắp thành thực chẳng phải đã thành

thục, hoặc cũng thú nhập cũng đã thành thục chẳng phải sắp thành thục, hoặc chẳng phải thú nhập chẳng phải sắp thành thục chẳng phải đã thành thục.

Sao gọi là có chủng tánh? Như trước đã thuyết.

Sao gọi là có thú nhập? Là bổ-đặc-già-la trụ chủng tánh, ban đầu đạt được điều xưa chưa từng được: đối với pháp Tỳ-nại-da mà chư Như Lai chánh giác chánh thuyết, có được tâm chánh tín, thọ trì tịnh giới, nhiếp thọ đa văn, tăng trưởng huệ xả, điều nhu các kiến. Đây gọi là thú nhập.

Sao gọi là sắp thành thục? Chỉ trừ khi chưa đạt được thân tối hậu hữu, tức là trụ thân ấy đắc Bát-niết-bàn, hoặc năng thú nhập Chánh tánh ly sanh. Bổ-đặc-già-la đã thú nhập như vậy, từ khi thú nhập cho đến ở các kiếp về sau tu tập các căn càng chuyển thượng, càng chuyển thắng, càng chuyển thêm vi diệu. Đây gọi là sắp thành thục.

Sao gọi là đã thành thục? Bổ-đặc-già-la đã đạt được thân tối hậu hữu, trụ ở thân đây đắc Bát-niết-bàn, hoặc năng thú nhập Chánh tánh ly sanh. Đây gọi là đã thành thục.

Sao gọi là chỉ thú nhập, chẳng phải sắp thành

thục, chẳng phải đã thành thục? Có bổ-đặc-già-la ban đầu đối với pháp Tỳ-nại-da mà chư Như Lai chánh giác chánh thuyết, có được tâm chánh tín, nói rộng cho đến điều nhu các kiến. Nhưng từ đây về sau, lại chưa trải qua một kiếp sống hành như vậy, thì gọi là chỉ thú nhập, chẳng phải sắp thành thục, chẳng phải đã thành thục.

Sao gọi là cũng thú nhập, cũng sắp thành thục, chẳng phải đã thành thục? Có bổ-đặc-già-la ban đầu đối với pháp Tỳ-nại-da mà chư Như Lai chánh giác chánh thuyết, có được tâm chánh tín, nói rộng cho đến điều nhu các kiến. Từ đây về sau, lại trải qua hoặc một đời, hoặc hai đời, hoặc nhiều đời, mà chưa đạt được thân tối hậu hữu, tức là trụ thân đây đắc Bát-niết-bàn, còn lại như trước đã thuyết. Đây gọi là cũng thú nhập, cũng sắp thành thục, chẳng phải đã thành thục.

Sao gọi là cũng thú nhập, cũng đã thành thục, chẳng phải sắp thành thục? Có bổ-đặc-già-la đã đắc thú nhập như vậy, cũng đã đạt được thân tối hậu hữu, hoặc trụ thân đây đắc Bát-niết-bàn, còn lại như trước đã thuyết. Đây gọi là cũng thú nhập, cũng đã thành thục, chẳng phải sắp thành thục.

Sao gọi là chẳng phải đã thú nhập, chẳng phải sắp thành thực, chẳng phải đã thành thực? Có bồ-đặc-già-la có pháp Bát-niết-bàn như vậy, nhưng chỉ trụ chủng tánh mà chưa thú nhập. Đây gọi là bồ-đặc-già-la chẳng phải đã thú nhập, chẳng phải sắp thành thực, chẳng phải đã thành thực. Nhưng có khả năng kham nhiệm, nhất định sẽ thú nhập, sẽ được thành thực.

Lại có một loại bồ-đặc-già-la quyết định không có khả năng kham nhiệm, không được thú nhập, không được thành thực, đó là bồ-đặc-già-la không pháp Niết-bàn, xa lìa chủng tánh. Nên biết bồ-đặc-già-la không chủng tánh như vậy, còn quyết định không khả năng kham nhiệm, không sẽ được thú nhập, không sẽ được thành thực, hà huống năng đắc Bát-niết-bàn.

Nên biết bồ-đặc-già-la nói trên nhiếp vào 6 vị. Những gì là sáu? 1. Bồ-đặc-già-la có khả năng kham nhiệm; 2. Bồ-đặc-già-la thành tựu thiện căn phẩm hạ; 3. Bồ-đặc-già-la thành tựu thiện căn phẩm trung; 4. Bồ-đặc-già-la thành tựu thiện căn phẩm thượng; 5. Bồ-đặc-già-la có phương tiện cứu cánh; 6. Bồ-đặc-già-la đã đến cứu cánh.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la có khả năng kham nhiệm? Có bổ-đặc-già-la an trụ chủng tánh, đối với pháp Tỳ-nại-da mà chư Như Lai chánh giác chánh thuyết, chưa có được tâm chánh tín, nói rộng cho đến chưa điều nhu các kiến. Đây gọi là bổ-đặc-già-la có khả năng kham nhiệm.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la thành tựu thiện căn phẩm hạ? Có bổ-đặc-già-la an trụ chủng tánh, ban đầu đối với pháp Tỳ-nại-da mà chư Như Lai chánh giác chánh thuyết, có được tâm chánh tín, nói rộng cho đến điều nhu các kiến. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thành tựu thiện căn phẩm hạ.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la thành tựu thiện căn phẩm trung? Có bổ-đặc-già-la an trụ chủng tánh, ban đầu đối với pháp Tỳ-nại-da mà chư Như Lai chánh giác chánh thuyết, có được tâm chánh tín, nói rộng cho đến điều nhu các kiến. Từ đây về sau, trải qua hoặc một đời, hoặc hai đời, hoặc nhiều đời triển chuyển thăng tiến, mà chưa đạt được thân tối hậu hữu, tức là trụ thân đây đắc Bát-niết-bàn, hoặc năng thú nhập Chánh tánh ly sanh. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thành tựu thiện căn phẩm trung.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la thành tựu thiện căn

phẩm thượng? Có bồ-đặc-già-la triển chuyển thắng tiến như vậy, đã năng đạt được thân tối hậu hữu, tức là trụ ở thân đây năng Bát-niết-bàn, hoặc năng thú nhập Chánh tánh ly sanh. Đây gọi bồ-đặc-già-la thành tựu thiện căn phẩm thượng.

Sao gọi là bồ-đặc-già-la phương tiện cứu cánh? Có bồ-đặc-già-la đã đạt được thân tối hậu hữu. Vì tận dứt các lậu hoặc, lắng nghe chánh pháp, có được sự dạy trao dạy răn không điên đảo, chánh tu hành gia hạnh mà chưa thể vĩnh viễn tận các lậu khắp tất cả chủng, chưa đạt đến rốt ráo. Đây gọi là bồ-đặc-già-la phương tiện cứu cánh.

Sao gọi là bồ-đặc-già-la đã đến cứu cánh? Có bồ-đặc-già-la vì tận dứt các lậu, lắng nghe chánh pháp, có được sự dạy trao dạy răn không điên đảo, chánh tu gia hạnh như vậy, đã năng đạt được vĩnh viễn tận các lậu khắp tất cả chủng, việc cần làm đã làm xong, rốt ráo đạt đến thanh lương bậc nhất. Đây gọi là bồ-đặc-già-la đã đến cứu cánh.

Nên biết trong đây chủng loại bồ-đặc-già-la có khả năng kham nhiệm, tức là lấy chủng tánh làm chỗ nương, làm chỗ trụ, bền năng đạt được thiện căn phẩm hạ và năng thú nhập. Đã thú nhập

rồi, lấy thiện căn phẩm hạ làm chỗ nương, làm chỗ trụ, lại năng đạt được thiện căn phẩm trung, lấy thiện căn đây mà tự thành thực. Người kia ở đây như vậy, lúc tự thành thực, lấy thiện căn bậc trung làm chỗ nương, làm chỗ trụ, lại năng đạt được thiện căn phẩm thượng, đã được thành thực. Do người kia như vậy, tu tập thiện căn phẩm thượng làm nhân, chứng đắc tự thể. Lại năng tu tập tư lương triển chuyển thù thắng, do đây xúc chứng tâm tánh nhất cảnh. Lại năng thú nhập Chánh tánh ly sanh, chứng quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, mà chưa năng chứng quả A-la-hán tối thắng bậc nhất. Như vậy gọi là bồ-đặc-già-la phương tiện cứu cánh. Nếu đã chứng đắc tất cả phiền não thấy đều vĩnh viễn đoạn tận, chứng đắc quả A-la-hán, bấy giờ gọi là bồ-đặc-già-la đã đến cứu cánh.

Như trên tức do sự tu hành chánh hạnh đầu, giữa, sau của tất cả Thanh văn, nên hiển thị kiến lập 6 chủng bồ-đặc-già-la. Do có chánh hạnh của Thanh văn chủng tánh, nên hiển thị bồ-đặc-già-la đầu tiên. Do có chánh hạnh của Thanh văn đến cứu cánh, nên hiển thị bồ-đặc-già-la sau cùng. Do

chánh hạnh của Thanh văn tu hành còn lại, nên hiển thị bổ-đặc-già-la trung gian.

Hỏi: Bổ-đặc-già-la đã được thú nhập là có định lượng tất cả thời đồng đắc Bát-niết-bàn, hay là không định lượng tất cả thời phần không đồng đắc Bát-niết-bàn?

Đáp: Không có định lượng, cũng chẳng phải ở tất cả thời phần đồng đều mà đắc Bát-niết-bàn. Tuy nhiên tùy chỗ thích hợp, tức là chỗ duyên gặp gỡ có sự sai khác mà Bát-niết-bàn. Nên biết trong đây hoặc có một loại trải qua thời gian rất lâu xa, hoặc có một loại không cần trải qua thời gian quá lâu đắc Bát-niết-bàn. Hoặc có một loại vô cùng nhanh chóng đắc Bát-niết-bàn, đó là bổ-đặc-già-la trụ chủng tánh, vô cùng nhanh chóng đắc Bát-niết-bàn. Người kia chỉ trải qua ba đời, trong đời thứ nhất thú nhập trước tiên, trong đời thứ hai tu tập khiến thành thực, trong đời thứ ba đã tu tập thành thực rồi, liền ở thân đây đắc Bát-niết-bàn. Nếu không ở thân đây đắc Bát-niết-bàn, tất phải nhập vị học mới có thể chết đi, trải qua nhiều nhất bảy hữu, đắc Bát-niết-bàn.

Như vậy gọi là an lập thú nhập.

3. Sở hữu các tướng của người đã thú nhập: Có bồ-đặc-già-la đắc Bát-niết-bàn an trụ chủng tánh, vừa mới thú nhập. Giả sử chuyển sanh đời khác, đối với Đại sư của mình và trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, có sự quên mất nhớ nghĩ. Nếu gặp pháp ác thuyết Tỳ-nại-da và pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da cùng hiện hữu ở thế gian, thì tuy ở nơi pháp ác thuyết Tỳ-nại-da được lắng nghe đã lâu, lại được nghe vô lượng môn tốt đẹp xưng khen công đức thù thắng của pháp kia, nhưng không tin hiểu vui thích tu hành, cũng không ở nơi pháp kia mà cầu xuất gia. Giả sử người kia tạm thời xuất gia, vừa được nhập vào, liền nhanh chóng xả bỏ thối lui, vì tánh đối với pháp kia không vui an trụ. Cũng ví như trong mật sanh giòi, lấy giòi bỏ vào rượu hay giấm đặc, hoặc ví như người vui thích thọ diệu dục mà gặp phải bùn lầy như bản vậy. Đó là do lực nhậm trì của nhân diệu thiện đời trước. Còn đối với pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, hoặc mới chỉ tạm lắng nghe sự xưng khen ít phần công đức, hoặc hoàn toàn chưa cần nghe, tuy nhiên năng nhanh chóng thú nhập tin hiểu, vui thích tu hành, hoặc cầu xuất gia. Người kia xuất gia rồi, rất ráo thú

nhập trọn không thối chuyển, vì tánh đối với pháp đây vui thích an trụ. Ví như mật sanh giòi, giòi lại được bỏ vào loại mật hảo hạng; hoặc như người vui thích thọ diệu dục mà gặp được dục thù thắng hơn cả. Đây do lực nhậm trì của nhân diệu thiện đời trước. Đây gọi là tướng đã thú nhập của bồ-đặc-già-la đã được thú nhập thứ nhất.

Lại có tướng đã thú nhập của bồ-đặc-già-la đã được thú nhập khác. Đó là người kia tuy chưa thể vượt qua được tất cả đường ác, chốn không nhân hạ, lìa hệ buộc của phiền não, mà có thể không sanh nơi đường ác hay chốn không nhân hạ. Thế Tôn nương bồ-đặc-già-la đã được thú nhập đây mà mật ý thuyết rằng: “Nếu có người thế gian chánh kiến phẩm thượng, tuy trải qua ngàn đời không đọa đường ác. Nếu người kia đã nhập thiện căn phẩm thượng, dần dần hướng đến thành thực, bấy giờ người kia bèn không sanh chốn không nhân hạ và các đường ác”. Đây gọi là tướng đã thú nhập của bồ-đặc-già-la đã được thú nhập thứ hai.

Lại có tướng đã thú nhập của bồ-đặc-già-la đã được thú nhập khác. Đó là người kia thoát nghe công đức thù thắng của Phật, Pháp, Tăng liền

được tín tâm tùy niệm thanh tịnh, dẫn phát thiện căn xuất ly rộng lớn, luôn luôn duyên nhớ nghĩ, điều nhu suy lường thanh tịnh nơi tâm, toàn lòng trên thân dựng đứng, vui mừng rơi lệ. Đây là tướng đã thú nhập của bồ-đặc-già-la đã được thú nhập thứ ba.

Lại có tướng đã thú nhập của bồ-đặc-già-la đã được thú nhập khác. Đó là người kia có bản tánh đã thành tựu tâm quý mãnh lợi, sanh tâm hổ thẹn sâu đối với các tội hiện hành. Đây gọi là tướng đã thú nhập của bồ-đặc-già-la đã được thú nhập thứ tư.

Lại có tướng đã thú nhập của bồ-đặc-già-la đã được thú nhập khác. Đó là người kia vui thích sâu xa, vui thích mãnh lợi trong việc thọ trì, đọc tụng, thưa hỏi, tư duy, quán hành, cầu thiện pháp. Đây gọi là tướng đã thú nhập của bồ-đặc-già-la đã được thú nhập thứ năm.

Lại có tướng đã thú nhập của bồ-đặc-già-la đã được thú nhập khác. Đó là người kia đối với tất cả việc làm đều không tội, tu tập trong tất cả phương tiện gia hạnh phẩm thiện. Năng khéo tu tập, phát khởi bền chắc, phát khởi trường thời. Đây gọi là

tướng đã thú nhập của bổ-đặc-già-la đã được thú nhập thứ sáu.

Lại có tướng đã thú nhập của bổ-đặc-già-la đã được thú nhập khác. Đó là người kia có bản tánh trần cấu mỏng nhẹ, phiền não suy yếu, tuy khởi các triền mà không tương tục trụ lâu dài. Không siểm, không cưỡng, năng hàng phục kiêu mạn chấp ngã, ngã sở. Giữ gìn công đức lành, nhằm ghét xoay lưng với các lỗi lầm. Đây gọi là tướng đã thú nhập của bổ-đặc-già-la đã được thú nhập thứ bảy.

Lại có tướng đã thú nhập của bổ-đặc-già-la đã được thú nhập khác. Đó là người kia năng khéo léo thủ hộ ngăn ngừa tâm. Đối với các điều chứng đắc rộng lớn, không tự mình an phận trong chỗ bất lực. Sự tin hiểu ngày càng tăng trưởng mãnh lợi mạnh mẽ. Đây gọi là tướng đã thú nhập của bổ-đặc-già-la đã được thú nhập thứ tám.

Như vậy, các loại tướng đã thú nhập của bổ-đặc-già-la đã được thú nhập có vô lượng, nay Ta chỉ lược thuyết ít phần tướng kia. Các tướng như vậy, hoặc có người an trụ thiện căn phẩm hạ mà thú nhập, nên biết thuộc loại phẩm hạ, gọi là có khuyết hở, chưa được không gián đoạn, chưa thiện

thanh tịnh. Hoặc có người an trụ thiện căn phẩm trung mà thú nhập, nên biết thuộc loại phẩm trung. Hoặc có người an trụ thiện căn phẩm thượng mà thú nhập, nên biết thuộc loại phẩm thượng, gọi là không khuyết hở, không gián đoạn, đã thiện thanh tịnh. Như vậy gọi là tướng đã thú nhập của bồ-đặc-già-la đã được thú nhập. Người thành tựu tướng thú nhập như vậy, nên biết thuộc trong số đã thú nhập.

Nên biết bồ-đặc-già-la an trụ chủng tánh đã thú nhập như vậy, sở hữu rất nhiều tướng kiết tường của bậc thiện sĩ. Duy chỉ có chư Phật Thế Tôn và đệ tử Phật đã đến cứu cánh bậc nhất, dùng trí kiến thắng diệu thiện thanh tịnh hiện thấy hiện chứng, tùy theo chủng tánh, tùy đối tượng thú nhập mà diệu ứng cứu độ.

4. Bồ-đặc-già-la đã được thú nhập: Hoặc có bồ-đặc-già-la đã được thú nhập, duy chỉ có đã thú nhập, chưa sắp thành thực, chưa đã thành thực, chưa đắc xuất ly. Hoặc có bồ-đặc-già-la cũng đã thú nhập, cũng sắp thành thực, chưa đã thành thực, chưa đắc xuất ly. Hoặc có bồ-đặc-già-la cũng

đã thú nhập, cũng đã thành thực, chưa đắc xuất ly, tùy muốn mà hành. Các tướng sai biệt như vậy, nên biết đều đã biện ở trước.

Lại có sở hữu các tướng sai khác của bồ-đặc-già-la đã nói trong phần *Chứng tánh địa*, như bồ-đặc-già-la căn yếu kém. Nay ở trong đây tùy chỗ thích hợp cũng nên rõ biết sở hữu các tướng sai khác.

Như vậy đã thuyết hoặc tự tánh thú nhập, hoặc an lập thú nhập, hoặc sở hữu các tướng của người đã thú nhập, hoặc bồ-đặc-già-la đã thú nhập, tất cả gọi chung là Thú nhập địa.



Quyển 22

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA

Phần đầu DU GIÀ XỬ - XUẤT LY ĐỊA thứ 3-1

Như vậy đã thuyết Thú nhập địa. Sao gọi *Xuất ly địa*?

Ốt-Đà-Nam nói:

*Hoặc thế gian ly dục
Xuất thế gian như vậy
Cùng hai tư lương đây
Gọi là Xuất ly địa.*

Đó là: 1. Do đạo thế gian mà hướng đến ly dục; 2. Do đạo xuất thế gian mà hướng đến ly dục; 3. Sở hữu tư lương của hai đạo đây. Tất cả đây lược chung là một, gọi là Xuất ly địa.

1. Do đạo thế gian mà hướng đến ly dục:

Như có người đối với hạ dục giới, quán là tướng thô; đối với Sơ tinh lự, ly sanh hỷ lạc, hoặc định hoặc sanh, quán là tướng tinh. Do kia trụ quán nhiều thời như vậy, bèn ở nơi dục giới mà đắc ly

dục, cũng năng chứng nhập Sơ tinh lự. Cũng vậy, đối với các tinh lự địa trên Sơ tinh lự, như chỗ thích hợp dần dần thứ lớp, đối với tất cả địa dưới quán là tướng thô, đối với tất cả địa trên quán là tướng tinh. Do người kia nhiều thời an trụ quán như vậy, cho đến Vô sở hữu xứ mà đắc ly dục, cũng năng chứng nhập cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Như vậy gọi là do đạo thế gian mà hướng đến ly dục. Ngoài đây ra trọn không có hoặc vượt quá, hoặc tăng thêm.

2. Do đạo xuất thế gian mà hướng đến ly dục: Như có người thân cận bậc thiện sĩ, ở trong thánh pháp đã thành tựu tuệ thông sáng, ở trong thánh pháp đã được điều thuận. Ở nơi Khổ thánh đế, như thật biết khổ; ở nơi Tập thánh đế, như thật biết tập; ở nơi Diệt thánh đế, như thật biết diệt; ở nơi Đạo thánh đế, như thật biết đạo. Đã thành tựu trí kiến hữu học. Từ đây về sau, lần hồi tu tập Thánh đạo, với tất cả pháp kiến tu sở đoạn khắp trong ba cõi tự có khả năng lìa hệ buộc, tự chứng đắc giải thoát, bền năng vượt ra ba cõi. Như vậy gọi là do đạo xuất thế gian mà hướng đến ly dục.

3. Tư lương của hai đạo:

Ốt-Đà-Nam nói:

*Mình, người viên mãn, muốn thiện pháp,
Luật nghi giới, căn, ăn biết lượng,
Tỉnh thức, trụ chánh biết, bạn lành,
Vấn, tu, không chướng, xả, trang nghiêm.*

Đó là: **a.** Tự mình viên mãn; **b.** Người khác viên mãn; **c.** Muốn thiện pháp; **d.** Luật nghi giới; **e.** Luật nghi căn; **f.** Đối với việc ăn uống biết lượng; **g.** Đầu đêm, cuối đêm, thường siêng tu tập tỉnh thức Du-già; **h.** An trụ chánh biết; **i.** Tánh bạn lành; **j.** Nghe chánh pháp; **k.** Tư duy chánh pháp; **l.** Không chướng ngại; **m.** Tu huệ xả; **n.** Vật trang nghiêm của Sa-môn. Hết thấy pháp như vậy gọi là tư lương của hai đạo thế gian và xuất thế gian thú hướng ly dục.

Nên biết trong đây:

a. Hoặc tự mình viên mãn.

b. Hoặc người khác viên mãn.

c. Hoặc muốn thiện pháp.

Tương của ba chủng đây, đã biện rõ trong tu tập chủng tánh của phần *Liệt duyên*.

d. Sao gọi là luật nghi giới? Ôt-Đà-Nam nói:

*Luật nghi giới nên biết
Biện ba thiếu, mười đủ
Sáu dị môn, ba tịnh
Mười chủng thắng công đức.*

Luật nghi giới, đó là như có người an trụ đầy đủ giới, nói rộng cho đến thọ học các học xứ.

Sao gọi là an trụ giới cụ túc? Ở nơi sở hữu học xứ đã thọ học, thân nghiệp không khuyết phạm, ngữ nghiệp không khuyết phạm. Đã không khuyết phạm, cũng không xuyên thủng. Như vậy gọi là đầy đủ giới.

Sao gọi là khéo năng thủ hộ luật nghi Biệt giải thoát? Tức là năng thủ hộ luật nghi Biệt giải thoát được bảy chúng lãnh thọ. Vì chúng thủ hộ luật nghi đây sai khác, nên hình thành nhiều luật nghi. Nay trong nghĩa đây chỉ nương luật nghi của Bí-sô mà thuyết “khéo năng thủ hộ luật nghi Biệt giải thoát”.

Sao gọi là quý tác viên mãn? Như có người ở nơi đường oai nghi, ở nơi các việc được làm, ở nơi gia hạnh của các phẩm thiện, thành tựu quý tác

thuận theo thế gian, không trái vượt thế gian, thuận theo Tỳ-nại-da, không trái vượt Tỳ-nại-da.

- Sao gọi là nơi đường oai nghi, thành tựu quỹ tắc thuận theo thế gian, không trái vượt thế gian, thuận theo Tỳ-nại-da, không trái vượt Tỳ-nại-da? Như có người ở nơi việc nên đi, ở nơi như việc đi, tức ở trong đây như vậy mà đi. Do đi như thế, nên không bị sự hủy báng chê trách của thế gian, không bị sự quở trách của các bậc hiền lương chánh chí thiện sĩ, những bậc đồng pháp, những bậc trì luật, những bậc học luật. Như ở nơi việc đi, thì ở nơi việc đứng, việc ngồi, việc nằm cũng lại như thế. Như vậy gọi là nơi đường oai nghi, thành tựu quỹ tắc thuận theo thế gian, không trái vượt thế gian, thuận theo Tỳ-nại-da, không trái vượt Tỳ-nại-da.

- Sao gọi là nơi các việc được làm, thành tựu quỹ tắc thuận theo thế gian, không trái vượt thế gian, thuận theo Tỳ-nại-da, không trái vượt Tỳ-nại-da? Như có người như việc được làm, hoặc việc y phục, hoặc việc đại tiểu tiện, hoặc việc dùng nước, hoặc việc dùng tăm xỉa răng, hoặc việc vào xóm làng khát thực, hoặc việc thọ dụng, hoặc việc rửa bát, hoặc việc sắp xếp, hoặc việc rửa chân,

hoặc việc xếp ngọạ cụ... tức ở đây lược nói việc y, việc bát. Ngoài ra lại có hết thảy các loại việc nên làm như vậy, gọi là các việc được làm. Như chỗ thích hợp đối với việc nên làm, đối với như việc được làm, tức trong đó như thế mà làm. Vì làm như vậy, nên không bị sự hủy báng chê trách của thế gian, không bị sự quở trách của các bậc hiền lương chánh chí thiện sĩ, những bậc đồng pháp, những bậc trì luật, những bậc học luật. Như vậy gọi là ở nơi các việc được làm, thành tựu quý tắc thuận theo thế gian, không trái vượt thế gian, thuận theo Tỳ-nại-da, không trái vượt Tỳ-nại-da.

- Sao gọi là nơi gia hạnh các phẩm thiện, thành tựu quý tắc thuận theo thế gian, không trái vượt thế gian, thuận theo Tỳ-nại-da, không trái vượt Tỳ-nại-da? Tức là gia hạnh đối với chúng chúng pháp thuộc phẩm thiện: Hoặc đối với chánh pháp, thọ trì đọc tụng. Hoặc đối với bậc tôn trưởng, tu nghiệp hòa kính, hầu hạ phụng sự. Hoặc đối với người bệnh, khởi tâm từ bi ân cần chăm sóc. Hoặc đối với gia hạnh tác bạch như pháp, trụ tâm từ bi, triển chuyển gửi dục. Hoặc đối với việc thưa hỏi, lắng nghe thọ trì chánh pháp, tinh cần không

biếng nhác. Hoặc đối với các bậc có trí đồng phạm hạnh, tận thân lực mà cung kính hầu hạ. Hoặc đối với các thiện pháp của người khác, thường tinh cần khen ngợi khích lệ, thường vui vì người tuyên thuyết chánh pháp. Vào tịnh thất ngồi kiết già, buộc niệm tư duy... Hết thấy việc tu tập vô lượng các thiện pháp khác như vậy đều gọi là gia hạnh các phẩm thiện.

Người kia ở nơi như vậy, thuận theo gia hạnh của phẩm thiện đã tuyên thuyết, như chỗ thích hợp đối với việc nên làm, đối với như việc được làm, tức ở trong đó như vậy mà làm. Do làm như vậy không bị sự chê trách hủy báng của thế gian, không bị sự quở trách của các bậc hiền lương chánh chí thiện sĩ, những bậc đồng pháp, những bậc trì luật, những bậc học luật. Như vậy gọi là ở nơi gia hạnh phẩm thiện, thành tựu quỹ tắc thuận theo thế gian, không trái vượt thế gian, thuận theo Tỳ-nại-da, không trái vượt Tỳ-nại-da.

Nếu ở nơi các hành tướng quỹ tắc sai biệt đã thuyết như vậy thấy đều đầy đủ, nên biết gọi là quỹ tắc viên mãn.

Sao gọi là việc đi viên mãn? Có 5 chỗ chẳng

phải là chỗ nên đi đến của các Bí-sô. Những gì là năm? 1. Nhà truyền lệnh; 2. Nhà dâm nữ; 3. Nhà bán rượu; 4. Cung vua; 5. Nhà yết-sĩ-na, chiêm-trà-la. Đối với những chỗ chẳng phải là chỗ nên đến mà chư Như Lai đã chỉ dạy như vậy, phải năng khéo xa lìa. Đối với những nơi hành xứ không tội khác, phải biết tùy thời mà đi. Như vậy gọi là việc đi viên mãn.

Sao gọi là đối với các tội nhỏ vi tế, thấy sợ hãi lớn? Ở nơi những học xứ nhỏ, chi tiết nhỏ, nếu có trái phạm có thể khiến trở lại thanh tịnh, gọi là tội nhỏ vi tế. Ở nơi hủy phạm các học xứ hiện hành, gọi là tội. Sau khi đã hủy phạm, ít dụng công lực mà được trở lại thanh tịnh, gọi là nhỏ vi tế. Do nhân duyên đây gọi là tội nhỏ vi tế. Ở trong tội kia thấy sợ hãi lớn là thế nào? Như có người khởi quán sát như vậy: “Ta chớ do nhân duyên hủy phạm đây, không thể kham năng đắc điều chưa đắc, xúc điều chưa xúc, chứng điều chưa chứng. Ta chớ do đây tiến gần đến các đường ác, đi vào các đường ác. Để rồi tự mình trách chính mình, hoặc bị đại sư, chư thiên, các bậc có trí đồng phạm hạnh dùng pháp quả trách. Ta chớ do đây khiến danh

xung ác, tiếng ác, tán tụng ác truyền khắp mọi nơi, lưu bố gần xa khắp chốn. Đối với nhân hủy phạm trong hiện pháp như vậy, đương lai sẽ sanh các quả phi ái, phải nên thấy sợ hãi lớn”. Do nhân duyên đây, ở nơi sở hữu học xứ nhỏ, chi tiết nhỏ, dù gặp nhân duyên khó tồn tại mạng sống cũng không cố phạm. Hoặc có lúc, hoặc gặp chỗ nếu thất niệm mà trái phạm, sau khi quan sát, liền nhanh chóng như pháp phát lồ khiến trở lại thanh tịnh. Như vậy gọi là đối với các tội nhỏ vi tế, thấy sợ hãi lớn.

Sao gọi là thọ học các học xứ? Lúc thọ giới Biệt giải thoát, trước tiên phải bạch tứ yết-ma thọ giới Cụ túc. Từ chỗ thầy truyền giới, theo vị thầy truyền giới, được nghe phần ít thể tánh của học xứ. Lại từ chỗ Thân giáo sư, Quý phạm sư được nghe kinh Biệt giải thoát còn lại, tổng lược tuyên thuyết có hơn 250 học xứ, đều tự mình phát thệ nguyện sẽ thọ học tất cả. Lại ở các nơi còn lại, đó là nơi những người luận nói, nơi những người cùng luận bàn, nơi những người thường gặp gỡ lui tới, nơi những bạn bè thân thích tụ hội, mà được nghe các học xứ. Lại mỗi nửa tháng thường đến nơi tuyên nói kinh Biệt giải thoát để nghe lại các học

xứ. Tất cả tự phát thệ nguyện đều sẽ tu học.

Vì ở nơi tất cả học xứ cần phải học đều thọ học, nên gọi là thành tựu luật nghi Biệt giải thoát. Từ đây về sau, ở nơi các học xứ nếu đã được khéo léo, quyết không trái phạm. Giả sử có trái phạm, liền như pháp hối trừ. Vì trước đã tự phát thệ nguyện thọ trì, nên đối với các học xứ chưa được khéo léo, chưa thể thông tỏ hiểu sâu, thì cầu học để được khéo léo, để được thông hiểu. Đối với các học xứ thỉnh hỏi từ Thân giáo sư hay Quý phạm sư, đã được khéo léo và thông tỏ hiểu sâu, thì theo sự giáo huấn đã lãnh thọ mà không thêm không bớt, xuyên suốt thọ học. Lại đối với hoặc văn hoặc nghĩa của các học xứ, do bậc đáng tôn trọng và ngang với bậc đáng tôn trọng khác tuyên thuyết, thì thọ học không điên đảo. Như vậy gọi là thọ học các học xứ.

Như vậy đã biện rộng luật nghi giới. Nên biết trong đây lược nghĩa thế nào? Trong đây Đức Thế Tôn hiển thị lược nghĩa giới uẩn có 3 chủng tướng: 1. Tướng không hoại mất; 2. Tướng tự tánh; 3. Tướng tự tánh công đức.

Đây lại có nghĩa gì? Nếu nói rằng: an trụ đây

đủ giới, do đây hiển thị tướng không hoại mất của luật nghi giới. Nếu nói rằng: khéo hay thủ hộ Biệt giải thoát luật nghi, do đây hiển thị tướng tự tánh của luật nghi giới.

Nếu lại nói rằng: sở hành quỹ tắc thấy đều viên mãn, do đây hiển thị Biệt giải thoát luật nghi. Tức là như điều đã thọ, quán sát tăng thượng tướng tự tánh công đức của người. Vì sao phải quán như thế? Vì quán thấy người có sở hành quỹ tắc viên mãn như vậy, khiến người chưa tín được tín, người tín thì được tăng trưởng. Do đây phát sanh tín thanh tịnh, tâm không chán ghét, lời không chê trách hủy báng. Nếu ở nơi giới Cụ túc đã thọ đây mà sở hành quỹ tắc không đúng, không viên mãn, thì không nên quán sát tăng thượng người kia có công đức thắng lợi. Cho nên trái với tướng sở hành quỹ tắc thấy đều viên mãn đây thì ắt có lỗi lầm.

Nếu lại nói rằng: ở trong học xứ đã thọ, đối với tội nhỏ thấy sợ hãi lớn, do đây hiển thị luật nghi Biệt giải thoát. Tức là như điều đã thọ, quán sát tăng thượng tướng tự tánh công đức của chính bản thân. Vì sao phải quán như thế? Tuy thu được

quán sát tăng thượng công đức thắng lợi mà người đã thành tựu do sở hành quỹ tắc thấy đều viên mãn như vậy, nhưng nếu hủy phạm tịnh giới, vì nhân duyên đây sẽ sanh vào đường ác, hoặc không có khả năng kham nhiệm đắc chỗ chưa đắc, nói rộng như trước. Nếu ở trong tội nhỏ vi tế kia mà thấy sợ hãi lớn và đối với học xứ phẩm thượng đã thọ học trước năng chân chánh tu hành, thì thân hoại mạng chung về sau sẽ sanh đường thiện, cũng có khả năng kham nhiệm đắc điều chưa đắc, nói rộng như trước. Do nhân duyên đây gọi là luật nghi Biệt giải thoát, như điều đã thọ ấy mà quán sát tăng thượng để thành tựu công đức thắng lợi cho chính bản thân.

Lại có môn khác, đó là Phật Thế Tôn trong đây lược hiển thị 3 chủng tánh giới: 1. Tánh giới thọ trì; 2. Tánh giới xuất ly; 3. Tánh giới tu tập.

Nếu nói rằng: an trụ đầy đủ giới, tức đây hiển thị tánh giới thọ trì. Nếu lại nói rằng: hay khéo thủ hộ luật nghi Biệt giải thoát, tức đây hiển thị tánh giới xuất ly. Vì sao như thế? Bởi vì tịnh giới nhiếp vào Biệt giải thoát luật nghi nên biết gọi là tăng thượng giới học. Tức nương tăng thượng giới

học như vậy, tu tăng thượng tâm học và tăng thượng tuệ học. Do vậy năng đắc tất cả khổ tận diệt, rốt ráo xuất ly. Xuất ly như vậy lấy tăng thượng giới làm tiền dẫn, làm chỗ y chỉ. Cho nên thuyết luật nghi Biệt giải thoát đây, gọi là tánh giới xuất ly. Nếu lại nói rằng: sở hành quĩ tắc thấy đều viên mãn, ở trong thọ học học xứ, đối với tội nhỏ vi tế thấy sợ hãi lớn, tức đây hiển thị tánh giới tu tập. Vì sao như thế? Nếu nương các tướng luật nghi Biệt giải thoát đã thuyết như vậy mà tu tập tịnh giới, gọi là khéo tu tập, cực khéo tu tập.

Như vậy hiện tiền tuyên thuyết 1 chủng luật nghi giới, nên biết 6 chủng giới còn lại cũng vậy.

Lại luật nghi giới đây do 10 nhân duyên nên bị khuyết tổn. Ngược lại với đây thì có 10 nhân duyên khiến viên mãn.

Sao gọi là 10 chủng nhân duyên khiến khuyết tổn? 1. Ban đầu ý ác thọ luật nghi giới; 2. Trì trệ quá mức; 3. Nổi trôi tán loạn quá mức; 4. Nhiếp thuộc phóng dật giải đãi; 5. Phát khởi tà nguyện; 6. Nhiếp thuộc quĩ tắc khuyết tổn; 7. Nhiếp thuộc tịnh mạng khuyết tổn; 8. Rơi vào hai biên; 9. Không thể xuất ly; 10. Hoại mất học xứ được thọ.

1. Sao gọi là ban đầu ý ác thọ luật nghi giới? Như có người ban đầu hoặc bị vua bức bách, hoặc bị giặc cướp bức bách, hoặc bị chủ nợ bức bách, hoặc do sợ hãi bức bách, hoặc lo âu việc mưu sinh mà cầu xuất gia. Chẳng phải vì tánh Sa-môn, tánh Bà-la-môn, chẳng vì tự điều phục mình, chẳng vì tự tịch tĩnh mình, chẳng vì tự mình Niết-bàn mà cầu xuất gia. Như vậy gọi là ban đầu ý ác thọ luật nghi giới.

2. Sao gọi là trì trệ quá mức? Như có người tánh không biết hổ thẹn, gây tạo điều ác thấp hèn. Kế đây có tánh chậm chạp, thực hành một cách chậm chạp đối với các học xứ. Như vậy gọi là trì trệ quá mức.

3. Sao gọi là nổi trôi tán loạn quá mức? Như có người chấp thủ điều ác kiên cố, làm các việc ác phi xứ. Đối với các việc ác không được làm, lại buông thả làm theo. Đối với người, phát khởi tâm khinh miệt phi xứ hoặc tâm não hại. Đối với những điều phi xứ, lại sanh khởi tâm hiểu biết mãnh lợi. Đây gọi là nổi trôi tán loạn quá mức.

4. Sao gọi là nhiếp thuộc phóng dật giải đãi? Như có người do đời quá khứ đã hủy phạm điều

cấm phạm. Có việc hủy phạm như vậy là do thất niệm. Đây thuộc loại chẳng thể như pháp trở lại thanh tịnh. Như do đời quá khứ, thì do đời vị lai, do đời hiện tại nên biết cũng vậy, người kia hủy phạm điều cấm phạm, có việc hủy phạm như vậy là do thất niệm. Đây thuộc loại chẳng thể như pháp được trở lại thanh tịnh. Lại trước kia ở nơi việc hủy phạm, người kia không mãnh liệt phát khởi vui muốn không phạm, tức là tự răn mình: “Ta quyết định phải như như sở hành, như như sở trụ; như vậy như vậy hành nơi sở hành, như vậy như vậy trụ nơi sở trụ. Đối với việc hủy phạm, trọn không được hủy phạm”. Người kia do nhân duyên tùy theo chỗ việc hành, trụ như vậy như vậy mà hủy phạm điều cấm phạm. Việc đây xảy ra là do việc làm trước kia cùng đồng hành với chỗ có phóng dật, đồng hành với tiền tế, đồng hành với hậu tế, đồng hành với trung tế.

Lại tự chấp thủ lấy việc ngủ nghỉ làm vui, lấy việc nằm ngửa làm vui, lấy việc nằm nghiêng làm vui. Tánh chẳng tinh cần lại thêm biếng nhác, không đủ sức tinh tấn vượt ra. Đối với các bậc đồng phạm hạnh có trí, chẳng thể thời thời tỉnh

hỏi, gằn gỏi, hầu hạ, phụng sự. Đây gọi là nhiếp thuộc phóng dật giải đãi.

5. Sao gọi là phát khởi tà nguyện? Như có người chỉ nương tà nguyện mà tu hành phạm hạnh, tự nói rằng: “Ta thực hành hoặc giới hoặc cấm, hoặc thường tinh tấn, hoặc tu phạm hạnh như vậy, sẽ được sanh cõi trời hay một cõi trời nào khác”. Hoặc lại vui thích lợi dưỡng cung kính mà tu hành phạm hạnh, tức nhân việc đây đòi hỏi người khác cung kính lợi dưỡng, lại ở nơi lợi dưỡng cung kính đây sanh sâu nhiễm trước. Như vậy gọi là phát khởi tà nguyện.

6. Sao gọi là nhiếp thuộc quĩ tắc khuyết tổn? Như có người hoặc ở nơi đường oai nghi, hoặc ở nơi công việc được làm, hoặc ở nơi gia hạnh các phẩm thiện, sở hữu quĩ tắc không thuận theo thế gian, trái vượt thế gian, không thuận Tỳ-nại-da, trái vượt Tỳ-nại-da, như trước đã nói rộng. Đây gọi là nhiếp thuộc quĩ tắc khuyết tổn.

7. Sao gọi là nhiếp thuộc tịnh mạng khuyết tổn? Như có người là tánh nhiều ham muốn, không biết tri túc, khó cấp dưỡng cho được đầy đủ. Không dùng chánh pháp, thường dùng phương tiện phi

pháp để truy cầu y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc trị bệnh cùng các vật dụng tiền của khác.

Lại vì nhân duyên tham cầu chủng chủng y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc trị bệnh cùng các vật dụng tiền của khác, phương tiện khoe khoang hiển bày bản thân mình có công đức thù thắng, đối trá tạo lập tích tập oai nghi khác thường. Vì đối gạt người nên thường dối hiện các căn không trao cử, các căn không lay động, các căn tịch tĩnh. Do đây khiến người thấy đức kỳ đặc nên cấp thí, ủng hộ nhiều việc khác, như cung cấp phụng sự các vật y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc trị bệnh cùng các vật dụng tiền của khác.

Lại kẻ kia nhiều hung bạo, mạnh miệng đối trá kiêu căng, tô điểm tiếng thơm, ý cậy vào dòng họ. Vì lợi dưỡng mà cầu đa văn hay nhậm trì pháp. Lại cũng vì người tuyên thuyết chánh pháp hoặc do Phật thuyết, hoặc do đệ tử Phật thuyết. Hoặc tự tuyên nói mình có thật đức, hoặc ít phần thêm lên, hoặc dối trước người phương tiện hiện tướng.. Tất cả chỉ vì cầu y phục, hoặc vì cầu một trong số vật dụng của Sa-môn, hoặc vì cầu nhiều vật dụng của Sa-môn, hoặc vì cầu vật tốt đẹp tinh xảo. Tuy

không thiếu thốn mà hiện mặc áo quần rách xấu, vì muốn khiến trưởng giả, cư sĩ... tịnh tín biết được sự thiếu thốn của mình mà ân cần phụng sự cấp thí nhiều thứ y phục tốt đẹp. Như cầu y phục, thì cầu một trong số vật dụng khác của Sa-môn cũng vậy.

Lại đến nhà trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn tịnh tín, đối với những vật bản thân thích muốn mà cầu chẳng được đúng ý, hoặc gặp lúc thí chủ bị túng thiếu tài vật nên cầu không được, bèn cưỡng ép, nghiền ngẫm lời thô xấu để yêu cầu đòi hỏi. Hoặc thí chủ kia không thiếu thốn tài vật, nên kẻ kia tuy có được nhưng xấu kém, liền hiện tiền đối trước thí chủ hủy chê, quăng bỏ tài vật đã được, nói lời như sau: “Chao ôi! Thiện nam tử này, thiện nữ nhân kia, dòng họ của các ông bà ấy rất hạ liệt, tài sản rất nghèo thiếu, mà lại hay huệ thí nhiều vật dụng tốt đẹp vui lòng thích ý như vậy như vậy. Nay các ông bà mong muốn có được tài sản, dòng tộc sung túc đầy đủ, cố sao lại thí các thứ tiền của, vật dụng xấu kém, không đẹp ý như kia”.

Kẻ kia biểu hiện chủng chủng tương trạng hoặc nương dối trá, hoặc tà vọng ngữ, hoặc giả

hiện tướng, hoặc khổ bức để cầu, hoặc lấy lợi cầu lợi, phi pháp mong cầu từ người các thứ y phục, thức ăn uống, ngọc cụ, thuốc trị bệnh cùng các vật dụng, tiền của khác; không dụng như chánh pháp mà cầu. Do phi pháp như thế nên gọi là tà mạng. Như vậy gọi là nhiếp thuộc tịnh mạng khuyết tổn.

8. Sao gọi là rơi vào hai biên? Như có người mê đắm biên hành thọ dụng dục lạc, hoặc như pháp hoặc phi pháp để được từ người các thứ y phục, thức ăn uống, ngọc cụ, thuốc trị bệnh cùng các vật dụng tiền của khác, yêu thích ngấm nghĩa thọ dụng, chẳng thấy lỗi lầm họa hoạn, không biết lia bỏ. Đây gọi là biên thứ nhất.

Lại có một loại thích cầu biên hành thọ dụng tự hành khổ mình, dùng vô lượng môn tự thúc ép cơ thể thọ cực khổ sở, hoặc nằm trên gai dâm, hoặc lăn trong tro bụi, hoặc nằm trên chày gỗ, hoặc nằm trên tấm ván, hoặc đứng như chồn cáo, hoặc ngồi như chồn cáo mà tu đoạn Du-già; hoặc lại thờ lửa, đó là ba cách thức thờ lửa; hoặc lại ở trên nước, đó là ba cách thức ở trên nước; hoặc đứng một chân xoay chuyển theo hướng mặt trời, hoặc có các cách thức tự hành khổ khác. Hết thấy

kiểu tu tự hành khổ như thế là biên thứ hai.

Như vậy gọi là rơi vào hai biên.

9. Sao gọi là không thể xuất ly? Như có người hoặc giới hoặc cấm, do giữ lấy kiến chấp tự nghĩ: “Ta nhân hoặc giới hoặc cấm đây sẽ đắc thanh tịnh giải thoát xuất ly. Tất cả ngoại đạo sở hữu cấm giới tuy khéo phòng hộ, tuy khéo thanh tịnh, nhưng thanh tịnh đây chẳng gọi là xuất ly”. Như vậy gọi là không thể xuất ly.

10. Sao gọi là hoại mất học xứ được thọ? Như có người không biết hổ thẹn, chẳng quan tâm đến việc của Sa-môn, hủy phạm tịnh giới, tập theo pháp ác. Trong lòng hư hoại mục nát, ngoài hiện tướng chân thật, như nước sạch mà sanh ra ốc sên, tiếng như ốc, hạnh như chó. Thật chẳng phải Sa-môn mà tự xưng Sa-môn, chẳng phải phạm hạnh mà tự xưng phạm hạnh. Như vậy gọi là hoại mất học xứ được thọ.

Lược do 10 chủng nhân duyên như vậy gọi là giới khuyết tổn.

Thế Tôn hoặc có lúc thuyết giới khuyết tổn, hoặc có lúc thuyết giới khó khăn, phải biết đều ở trong các nhân duyên trên. Nói lược do hai nhân

duyên, đó là không thể ra khỏi xa lìa và hoại mất học xứ được thọ. Nếu do nhân duyên khác phải biết chỉ gọi là giới khuyết tổn. Như những gì đã an lập đây là nhân duyên phẩm hắc, trái lại là nhân duyên phẩm bạch, được gọi là giới viên mãn, giới thanh tịnh.

Lại có chỗ Thế Tôn tuyên thuyết giới gọi là căn bản, như trong Già-tha thuyết:

*Nếu khéo trụ căn bản
Nơi tâm liền tịch tĩnh
Nhân thánh kiến, ác kiến
Tương ưng, không tương ưng.*

Có chỗ Thế Tôn tuyên thuyết giới gọi là vật trang nghiêm, như trong Già-tha thuyết:

*Bí-sô, Bí-sô-ni
Giới trang nghiêm viên mãn
Nơi bất thiện năng xả
Nơi thiện năng tu tập.*

Có chỗ Thế Tôn tuyên thuyết giới gọi là hương xoa, như trong Già-tha thuyết:

Bí-sô, Bí-sô-ni

*Giới hương xoa viên mãn
Nơi bất thiện năng xả
Nơi thiện năng tu tập.*

Có chỗ Thế Tôn tuyên thuyết giới gọi là hương huân, như trong Già-tha thuyết:

*A-nan, có loại hương
Khéo năng thuận gió huân
Cũng năng nghịch gió huân
Thuận nghịch cũng vậy huân.*

Có chỗ Thế Tôn tuyên thuyết giới gọi là diệu hành, như trong Già-tha thuyết:

*Thân diệu hành năng cảm
Các dị thực khả ái
Ở hiện pháp đương lai
Ngữ diệu hành cũng vậy.*

Có chỗ Thế Tôn tuyên thuyết giới gọi là luật nghi, như trong Già-tha thuyết:

*Có các huệ thí chủ
Trụ đủ luật nghi giới
Có A-cấp-ma kiến
Và có quả chánh kiến.*

Lại thuyết an trụ đầy đủ giới, khéo năng thủ hộ luật nghi Biệt giải thoát như trước nói rộng.

Hỏi: Duyên gì Thế Tôn nói giới gọi là căn bản?

Đáp: Vì nghĩa năng kiến lập, vì nghĩa năng giữ gìn, đây là nghĩa căn bản. Do giới đây kiến lập giữ gìn tất cả thế gian và xuất thế gian, năng dẫn không tội, khiến sanh khởi, khiến chúng được công đức an lạc tối thắng bậc nhất. Thí như đại địa là nơi kiến lập giữ gìn tất cả cỏ cây, thảo dược, rừng rậm, khiến chúng sống còn, khiến chúng sinh trưởng vậy. Như vậy giới nói rộng như trước.

Hỏi: Duyên gì Thế Tôn nói giới gọi là vật trang nghiêm?

Đáp: Các vật trang sức thù diệu ở thế gian như bông tai, nhẫn, vòng đeo tay, vòng xuyên, cho đến bảo ấn, vàng bạc trang sức trên đầu. Nếu có người đang độ tuổi ấu niên tóc đen, tuổi thiếu niên cường tráng sung mãn, có hình sắc mỹ diệu, mà lại được trang điểm bằng các thứ trang sức thế gian, thì càng tăng thêm phần kiêu diễm cho thân. Nếu dùng để trang sức cho người già suy yếu, răng rụng, tóc bạc, tuổi quá tám mươi chín mươi, thì không

thể thêm phần diệu hảo cho thân, chỉ trừ những kẻ đóng tuồng khiến người vui. Cũng chẳng thể dùng để trang sức cho người mắc phải bệnh khổ, thiếu thốn tiền của, mất người thân, để làm cho tướng diệu hảo hơn. Nhưng lấy giới làm vật trang nghiêm, thì ở tất cả loài, tất cả thời, nếu có người dùng đây làm đồ trang sức đều khiến tướng trở nên diệu hảo. Cho nên nói giới gọi là vật trang nghiêm.

Hỏi: Duyên gì Thế Tôn nói giới gọi là hương xoa?

Đáp: Do lãnh thọ sự thanh tịnh, vô tội, diệu thiện của giới đây, năng chánh khiến trừ tất cả giới ác đã thọ. Giới ác đây là nhân sanh nhiệt não thân tâm. Thí như lúc nóng nực cực độ, dùng hương chiên-đàn, hoặc long não... xoa thân, thì tất cả nóng bức được tiêu trừ. Cho nên giới gọi là hương xoa.

Hỏi: Duyên gì Thế Tôn nói giới gọi là hương huân?

Đáp: Có bổ-đặc-già-la sĩ phu thọ giới cụ túc, tiếng khen diệu thiện trải khắp muôn phương, tiếng ca tụng được nghe khắp nơi. Thí như chủng chủng

hương thơm của gốc, thân, cây... theo gió lan tỏa khắp nơi, hương thơm ngào ngạt thích ý tỏa khắp gần xa. Cho nên nói giới gọi là hương huân.

Hỏi: Duyên gì Thế Tôn nói giới gọi là diệu hành?

Đáp: Do thiện hạnh thanh tịnh của giới đây nâng hương đến an lạc vi diệu, hương đến cõi trời vi diệu, hương đến an ổn vi diệu. Cho nên nói giới gọi là diệu hành.

Hỏi: Duyên gì Thế Tôn nói giới gọi là luật nghi?

Đáp: Do thiện pháp thanh tịnh của giới đây là tánh phòng hộ, là tướng tận trừ, là thể xa lìa. Cho nên nói giới gọi là luật nghi.

Lại giới luật nghi có 3 tướng nhân quán thanh tịnh. Những gì là ba? 1. Quán thân nghiệp; 2. Quán ngữ nghiệp; 3. Quán ý nghiệp.

Sao phải quán sát các nghiệp như vậy thì luật nghi giới đều được thanh tịnh? Đó là khi hành chuyển thân nghiệp, mong muốn sẽ tạo, mong muốn đang tạo, quán sát như vậy: “Thân nghiệp của ta đây là hay tổn mình cũng lại tổn người, là tánh bất thiện, năng sanh các khổ, chiêu cảm quả dị

thực khổ”, hoặc “Thân nghiệp của ta đây là không tổn mình cũng không tổn người, là tánh thiện, năng sanh các niềm vui, chiêu cảm quả dị thực vui”. Quán như vậy rồi, hoặc tự rõ biết: “Thân nghiệp của ta đây là hay tổn mình cũng lại tổn người, là tánh bất thiện, năng sanh các khổ, chiêu cảm quả dị thực khổ”, bèn ở nơi nghiệp đây thu nhiếp thúc liễm, cũng không tạo tác, cũng không trợ giúp cho nó được thuận tiện. Hoặc tự rõ biết: “Thân nghiệp của ta đây không tổn mình không tổn người, là tánh thiện...”, còn lại như trước đã nói, bèn ở nơi nghiệp đây không cần thu nhiếp thúc liễm, lại năng khiến tạo tác, hỗ trợ cho nó được thuận tiện.

Lại đối với thân nghiệp đã tạo tác ở quá khứ cũng luôn quán sát: “Thân nghiệp của ta đây là năng tổn mình...”, còn lại như trước đã nói. Quán sát như vậy rồi, hoặc tự rõ biết: “Thân nghiệp của ta đây tổn mình tổn người...”, còn lại như trước đã nói, bèn ở chỗ bậc đồng phạm hạnh có trí như thật phát lồ, như pháp hối trừ. Hoặc tự rõ biết: “Thân nghiệp của ta đây chẳng tổn mình người...”, còn lại như trước đã nói, liền sanh hoan hỷ, đêm ngày an

trụ, nhiều triển chuyển tu học.

Như vậy người kia đối với sự tạo tác của thân nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại, năng khéo quán sát, năng khéo thanh tịnh. Như đối với thân nghiệp, thì đối với ngữ nghiệp nên biết cũng vậy.

Do hành quá khứ làm duyên sanh ý, do hành vị lai làm duyên sanh ý, do hành hiện tại làm duyên sanh ý, tức ở nơi ý đây luôn luôn quán sát: “Ý nghiệp của ta đây là năng tổn mình..”, còn lại như trước đã nói. Quán như vậy rồi hoặc tự rõ biết: “Ý nghiệp của ta đây là phẩm hắc”, bèn ở nơi nghiệp đây thu nhiếp thúc liễm, cũng không cho sanh khởi, cũng không giúp đỡ cho nó được thuận tiện. Hoặc tự rõ biết: “Ý nghiệp của ta đây thuộc phẩm bạch”, bèn ở nơi nghiệp đây chẳng thu nhiếp thúc liễm, trái lại phát khởi, cũng giúp đỡ cho nó được thuận tiện.

Như vậy người kia đối với chỗ phát khởi ý nghiệp ở quá khứ, vị lai, hiện tại, năng khéo quán sát, năng khéo thanh tịnh. Vì sao như thế? Bởi Sa-môn, Bà-la-môn sở hữu ba chủng nghiệp thân, ngữ, ý ở đời quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc đã quán sát, hoặc sẽ quán sát, hoặc đang quán sát; hoặc đã

thanh tịnh, hoặc sẽ thanh tịnh, hoặc đang thanh tịnh; hoặc đã trụ nhiều, hoặc sẽ trụ nhiều, hoặc đang trụ nhiều, tất cả đều do quán sát như thế, thanh tịnh như thế. Như Phật Thế Tôn từng vì trưởng lão La-Hổ-La mà dạy:

*Nay ông La-Hổ-La,
Nơi thân ngữ ý nghiệp
Phải luôn chánh quán sát
Nhớ chú Phật thánh dạy.
La-Hổ-La, ông nên
Học nghiệp Sa-môn này
Nếu năng như đây học
Chỉ thắng thiện không ác.*

Hoặc ở nơi thân, ngữ, ý nghiệp, chánh tư duy quán xét sâu xa như vậy: “Các nghiệp của ta đây là năng tổn mình”, nói rộng như trên. Quán sát như thế, hoặc ở một phần, thu nhiếp thúc liễm, cũng không tạo tác, cũng không giúp đỡ cho nó được thuận tiện, nói rộng cho đến phát lồ hối trừ; hoặc ở một phần, không thu nhiếp thúc liễm, ngược lại tạo tác, cùng với giúp đỡ cho nó được thuận tiện, nói rộng cho đến liên sanh hoan hỷ, đêm ngày an

trụ, nhiều triển chuyển tu học, gọi là thanh tịnh.

Luật nghi giới thanh tịnh như vậy, nên biết có 10 công đức thắng lợi. Những gì là mười?

1. Có bổ-đặc-già-la sĩ phu thọ giới Cụ túc, quán sát tự thấy mình giới được thanh tịnh nên được không hối hận, vì không hối hận nên phát sanh vui, vì phát sanh vui nên phát sanh hỷ, vì tâm hỷ nên thân được khinh an, vì thân khinh an nên lãnh thọ lạc thù thắng, vì lạc nên tâm định, vì tâm định nên năng như thật biết, năng như thật thấy, vì như thật thấy biết nên năng sanh khởi nhàm chán, vì năng sanh khởi nhàm chán nên được lìa nhiễm, vì lìa nhiễm nên chứng đắc giải thoát, vì được giải thoát nên tự thấy biết “ta đã giải thoát”, cho đến “ta năng đối với Vô dư y Niết-bàn sẽ Bát-niết-bàn”. Như vậy là bổ-đặc-già-la sĩ phu thọ giới cụ túc, vì lực thanh tịnh của giới tăng thượng, nên thành tựu không hối hận, dần dần thứ lớp cho đến năng đến Niết-bàn. Đây gọi là công đức thắng lợi thứ nhất của luật nghi giới.

2. Có bổ-đặc-già-la sĩ phu thọ giới Cụ túc khác, vào lúc lâm chung khởi niệm như vậy: “Thân, ngữ, ý của ta đã hành thiện. Thân, ngữ, ý của ta chẳng

phải hành ác, cho đến nói rộng. Nếu có chỗ nên đến, thì những chỗ ấy là nơi của người tạo phước nghiệp, của người tạo thiện nghiệp, của người năng cứu giúp khỏi các việc sợ hãi. Đối với những chốn ấy ta nhất định sanh về”. Do bổ-đặc-già-la sĩ phu tâm không hối hận, gọi là chết một cách tốt lành, chết yếu một cách tốt lành, qua đời một cách tốt lành. Đây gọi là công đức thắng lợi thứ hai của luật nghi giới.

3. Có bổ-đặc-già-la sĩ phu thọ giới Cụ túc khác, tiếng khen ngợi hiền thiện tốt đẹp trải khắp muôn phương, tiếng ca tụng được nghe khắp. Đây gọi công đức thắng lợi thứ ba của luật nghi giới.

4. Có bổ-đặc-già-la sĩ phu thọ giới Cụ túc khác, khi ngủ an ổn, khi thức an ổn, thân tâm xa lìa tất cả nhiệt não. Đây gọi là công đức thắng lợi thứ tư của luật nghi giới.

5. Có bổ-đặc-già-la sĩ phu thọ giới Cụ túc khác, hoặc thức, hoặc ngủ đều được chư thiên bảo hộ. Đây gọi là công đức thắng lợi thứ năm của luật nghi giới.

6. Có bổ-đặc-già-la sĩ phu thọ giới Cụ túc khác, đối trước các việc hung bạo của người khác, tâm

không lo lắng, cũng không có các điều sợ hãi, xa lìa tâm kinh hãi lo sợ. Đây gọi là công đức thắng lợi thứ sáu của luật nghi giới.

7. Có bồ-đặc-già-la sĩ phu thọ giới Cụ túc khác, đối với người ham ưa sát giết, những người oán thù, bạn ác, tuy có sự oán giận cũng thường bảo hộ, hoặc làm bạn lành, hoặc có tâm đối xử bình thường, vì biết đây là bồ-đặc-già-la thọ đầy đủ giới. Đây gọi là công đức thắng lợi thứ bảy của luật nghi giới.

8. Có bồ-đặc-già-la sĩ phu thọ giới Cụ túc khác, đối với tất cả các loại phi nhân như vọng lượng, được-xoa, thần giữ nhà... tuy được dịp thuận tiện, tuy có sự oán giận, cũng thường thủ hộ. Đây do lực tăng thượng của đầy đủ giới. Đây gọi là công đức thắng lợi thứ tám của luật nghi giới.

9. Có bồ-đặc-già-la sĩ phu thọ giới Cụ túc khác, nhân nương giới lực tăng thượng nên từ người thu được các thứ lợi dưỡng như y phục, thức ăn uống, ngọc cụ, thuốc trị bệnh cùng các vật dụng khác không khó khăn; cũng được quốc vương, đại thần, thứ dân, các trưởng giả nhiều tài bảo, các thương chủ... cung kính tôn trọng. Đây gọi là công đức

thắng lợi thứ chín của luật nghi giới.

10. Có bổ-đặc-già-la sĩ phu thọ giới Cụ túc khác, tất cả sở nguyện đều được toại ý. Nếu vui muốn nguyện sanh cõi Dục, sẽ sanh hoặc vào gia tộc lớn nhà Sát-đế-lợi, hoặc vào gia tộc lớn nhà Bà-la-môn, hoặc vào gia tộc lớn nhà Cư sĩ, hoặc vào gia tộc lớn nhà Trưởng giả; hoặc sanh trong chúng đồng phạm của cõi trời Tứ đại thiên vương, hoặc cõi trời Tam thập tam, hoặc cõi trời Dạ-ma, hoặc cõi trời Đố-sử-đa, hoặc cõi trời Hóa lạc, hoặc cõi trời Tha hóa tự tại. Do tịnh giới nên được tùy theo sở nguyện như ý vãng sanh.

Hoặc vui nguyện nhập các tịnh lự, hiện pháp lạc trú. Hoặc trụ hoặc sanh đồng phạm trong chúng của cõi trời Hữu sắc. Do tịnh giới nên được ly dục, sở nguyện đều được toại ý.

Hoặc vui nguyện thắng giải tịch tịnh, vượt qua Sắc định, nhập Vô sắc định, đầy đủ an trụ. Hoặc sẽ được vãng sanh đồng phạm với chúng chư thiên của cõi trời Vô sắc, còn lại như trước đã nói.

Hoặc lại vui nguyện sẽ chứng Niết-bàn tối cực cứu cánh. Do tịnh giới nên chứng tất cả ly dục rốt ráo.

Đây gọi là công đức thắng lợi thứ mười của luật nghi giới.

Như vậy đã biện biệt rộng về giới uẩn, đó là giới uẩn khuyết tổn, giới uẩn viên mãn, giới uẩn môn khác, giới uẩn quán sát và thanh tịnh, sở hữu công đức thắng lợi của giới uẩn. Trong đây tuyên thuyết khai thị rõ ràng tất cả chủng tướng luật nghi giới, nhiếp thuộc tư lương tối cực viên mãn. Nếu có các thiện nam tử tự mình vui thích tánh Sa-môn, tánh Bà-la-môn nên siêng năng tu học.



Quyển 23

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA

Phần đầu DU GIÀ XỬ - XUẤT LY ĐỊA thứ 3-2

e. Sao gọi là luật nghi căn? Như có người năng khéo an trụ mật hộ căn môn, phòng thủ chánh niệm, thường thuận theo chánh niệm... cho đến nói rộng.

Sao gọi là mật hộ căn môn? Đó là phòng thủ chánh niệm, thường thuận theo chánh niệm, nói rộng cho đến phòng hộ ý căn và chánh tu hành luật nghi ý căn. Như vậy gọi là mật hộ căn môn.

Sao gọi là phòng thủ chánh niệm? Như có người vì lực mật hộ căn môn tăng thượng, thâm nhiếp lãnh thọ nhiều sự lắng nghe, tư duy, tu tập. Do lực văn, tư, tu tăng thượng nên đạt được chánh niệm. Vì muốn chánh niệm đã được đây không bị mất đi, vì hướng đến sự chứng đắc, vì khiến không hoại mất, nên trong mọi lúc, ở nơi hoặc văn, hoặc tư, hoặc tu đã đắc, chân chánh thực hành Du-già,

chân chánh tinh cần tu tập, không lìa bỏ gia hạnh, không ngừng nghỉ gia hạnh. Như vậy thành tựu niệm do tích tập nhiều lắng nghe, tư duy, tu tập. Do đây mọi lúc đều khéo năng phòng hộ giữ gìn, chánh thực hành ứng dụng văn, tư, tu Du-già. Như vậy gọi là phòng thủ chánh niệm.

Sao gọi là thường thuận theo chánh niệm? Tức là ở nơi niệm đây, hằng thường thực hành, tỉ mỉ thuận theo thực hành. Nên biết trong đây hằng thường thực hành gọi là thực hành không gián đoạn. Tỉ mỉ thuận theo thực hành gọi là thực hành cẩn trọng. Như thế tức ở nơi thực hành không gián đoạn và thực hành cẩn trọng đây, lược chung gọi là thường thuận theo chánh niệm.

Như chỗ có thực hành “phòng thủ chánh niệm”, như vậy ở nơi niệm được không quên mất. Như chỗ có thực hành “thường thuận theo chánh niệm”, như vậy ở nơi không quên mất niệm, được sức nhậm vận giữ gìn. Do công năng thế lực của sức đây, nên năng chế phục được sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Sao gọi là niệm phòng hộ ý? Đó là sắc của mắt làm duyên sanh khởi nhãn thức. Nhãn thức không gián đoạn, sanh khởi ý thức phân biệt. Do ý thức

phân biệt đây, nên ở nơi sắc tướng của sắc khả ái phát sanh nhiễm trước, ở nơi sắc tướng của sắc không khả ái phát sanh ghét giận. Lúc bấy giờ nương sức tăng thượng của niệm như vậy, nên năng phòng hộ được sự phát khởi phiền não của ý cùng phân biệt không như lý, khiến không thể sanh khởi sở hữu phiền não. Như vậy nói rộng tai, mũi, lưỡi, thân nên biết cũng vậy.

Pháp của ý làm duyên sanh ý thức. Do ý thức đây, ở nơi pháp tướng của sắc khả ái phát sanh nhiễm trước, ở nơi pháp tướng của sắc không khả ái phát sanh ghét giận, cho nên ý thức đây câu hành với phân biệt không như lý năng phát khởi phiền não. Lúc bấy giờ, nương sức tăng thượng của niệm phòng hộ như trên, nên năng phòng hộ sự phát khởi phiền não của ý cùng phân biệt không như lý, khiến không sanh khởi sở hữu phiền não. Như vậy gọi là niệm phòng hộ ý.

Sao gọi là hành vị bình đẳng? Khi nói vị bình đẳng, đó là hoặc khéo xả, hoặc vô ký xả. Ở nơi sự phát khởi phiền não của ý cùng phân biệt không như lý, vì trước đã khéo phòng hộ, nay chánh hành ở trong sự khéo xả, vô ký xả. Cho nên nói là hành

vị bình đẳng. Như vậy gọi là hành vị bình đẳng.

Sao gọi là ở nơi sự phát khởi phiền não của ý cùng phân biệt không như lý, năng khéo phòng hộ? Tức là đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, không nắm giữ tướng, không nắm giữ tùy hảo, trọn không nương kia phát sanh các tầm tư ác bất thiện khiến tâm rỉ chảy. Người kia có lúc vì lạc mất niệm, hoặc vì phiền não thiêu đốt quá mạnh mẽ, tuy lià nắm giữ tướng và nắm giữ tùy hảo, nhưng lại phát sanh pháp ác bất thiện khiến tâm rỉ chảy. Nếu rơi trong hoàn cảnh như vậy, tức liền tu hành luật nghi. Do hai tướng đây, nên ở nơi sự phát khởi phiền não của ý cùng phân biệt không như lý, năng khéo phòng hộ.

Sao gọi là ý đây do hai tướng nên được khéo phòng hộ, chánh hành khéo xả hoặc vô ký xả? Tức là do 2 chủng tướng. Sao gọi là 2 tướng? Như đã nói, tức là phòng hộ căn mắt và chân chánh tu hành luật nghi căn mắt. Như nói phòng hộ luật nghi căn mắt, thì phòng hộ căn tai, mũi, lưỡi, thân, ý và chân chánh tu hành luật nghi căn tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng vậy. Do hai tướng đây, nên ở trong sự khéo xả và vô ký xả khiến ý chánh hành.

Sao gọi là ở nơi sắc được mắt nhận biết, không nắm giữ tướng ấy? Nói nắm giữ tướng, tức là ở nơi sắc sở hành của nhãn thức, do vì nhãn thức nắm giữ tướng sở hành, như vậy gọi là ở nơi sắc được mắt nhận biết, chấp giữ tướng ấy. Nếu năng xa lìa cảnh tướng sở hành của nhãn thức như vậy, gọi là ở nơi sắc được mắt nhận biết không nắm giữ tướng ấy. Như ở nơi sắc được mắt nhận biết, thì ở nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp, được tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhận biết nên biết cũng vậy.

Sao gọi là ở nơi sắc được mắt nhận biết, không nắm giữ tùy hảo? Nói nắm giữ tùy hảo, tức là ở nơi sắc được mắt nhận biết, nhãn thức không gián đoạn đồng sanh với ý thức phân biệt, chấp giữ cảnh tướng sở hành, hoặc năng sanh khởi tham, hoặc năng sanh khởi sân, hoặc năng sanh khởi si. Đây gọi là ở nơi sắc được mắt nhận biết, chấp giữ tùy hảo. Nếu năng xa lìa tướng sở hành đây, ở nơi sở duyên không sanh khởi ý thức, gọi là ở nơi sắc được mắt nhận biết, không nắm giữ tùy hảo.

Như ở nơi sắc được mắt nhận biết, thì ở nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp được tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhận biết nên biết cũng vậy.

Lại có loại nắm giữ tướng, nắm giữ tùy hảo khác.

Nói nắm giữ tướng, đó là cảnh giới của sắc ở chỗ có thể thấy, năng sanh khởi tác ý đúng lúc, thì mắt thấy các thứ sắc. Như vậy gọi là nắm giữ tướng.

Nói nắm giữ tùy hảo, đó là cảnh giới sắc ở chỗ có thể thấy, năng sanh khởi tác ý đúng lúc, mắt thấy các thứ sắc rồi, do thời trước đã từ người được nghe ở nơi sắc được mắt nhận biết như vậy như vậy, liền tùy theo danh, cú, văn thân đã được nghe, lấy đây làm chỗ nương, làm chỗ trụ, làm chỗ tăng thượng. Bồ-đặc-già-la sĩ phu như vậy tùy theo điều đã được nghe, phân biệt chủng chủng sắc được mắt nhận biết. Như vậy gọi là nắm giữ tùy hảo.

Như ở nơi sắc được mắt nhận biết, thì ở nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp được tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhận biết nên biết cũng vậy.

Lại nắm giữ tướng và nắm giữ tùy hảo đây, hoặc có người do nhân duyên đây, do chỗ nương đây, do tăng thượng đây, phát sanh chủng chủng pháp ác bất thiện khiến tâm rỉ chảy. Hoặc có người do nhân duyên đây, do chỗ nương đây, do tăng thượng đây, không phát sanh chủng chủng pháp ác

bất thiện khiến tâm rỉ chảy. Nếu ở trong đây, nắm giữ tướng, nắm giữ tùy hảo không như chánh lý, do nhân duyên đây, do chỗ nương đây, do tăng thượng đây, sẽ phát sanh chủng chủng pháp ác bất thiện khiến tâm rỉ chảy. Như vậy, người kia ở nơi cảnh giới loại sắc, nên xa lìa nắm giữ tướng cho đến nắm giữ tùy hảo.

Sao gọi là pháp ác bất thiện? Là các thân hành ác, các ngữ hành ác, các ý hành ác, do các tham dục và tham khiến sanh khởi. Là các thân hành ác, các ngữ hành ác, các ý hành ác, do hai chủng hoặc các sân khuể, hoặc các ngu si khiến sanh khởi. Như vậy gọi là chủng chủng pháp ác bất thiện.

Sao gọi là do kia khiến tâm rỉ chảy? Nếu ở nơi cảnh giới sở duyên kia kia, tâm, ý, thức phát sanh rong ruổi, trôi chảy tán loạn. Tức là ở nơi cảnh giới sở duyên kia kia cùng tương ứng với chủng chủng tâm, ý, thức phát sanh rong ruổi, trôi chảy tán loạn, năng khiến sanh khởi thân, ngữ hành ác, tham, sân, si. Đây gọi là do kia khiến tâm rỉ chảy.

Như vậy, ở nơi sắc được mắt nhận biết, cho

đến ở nơi pháp được ý nhận biết mà nắm giữ tướng và nắm giữ tùy hảo, sẽ khiến phát sanh chủng chủng tạp nhiễm. Người kia năng xa lìa nắm giữ tướng và nắm giữ tùy hảo, nên không sanh khởi chủng chủng tạp nhiễm. Nếu bị lạc niệm, hoặc bị phiền não thiêu đốt mạnh mẽ, tuy sống một mình ở chốn không nhà, nhưng do lực của sắc được mắt nhận biết tăng thượng mà trước kia đã thấy, hoặc do lực thanh, hương, vị, xúc, pháp được tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhận biết tăng thượng mà trước kia đã từng lãnh thọ, nên phát sanh chủng chủng pháp ác bất thiện. Tùy theo sự việc đã phát sanh mà không chấp trước, tâm liền đoạn diệt, trừ bỏ, biến đổi, nhổ bỏ. Đây gọi là ở nơi kia, tu hành luật nghi.

Hoặc ở nơi sắc được mắt nhận biết phải sách phát căn mắt; hoặc ở nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp được tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhận biết phải sách phát căn tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Tức liền trải khắp tất cả chủng mà phát khởi sách tấn, sách tấn như thế khiến không tạp nhiễm. Do nhân duyên đây, ở nơi tạp nhiễm phòng hộ căn mắt, nói rộng cho đến phòng hộ căn ý. Như vậy gọi là phòng hộ căn mắt, nói rộng cho đến phòng hộ căn ý.

Hoặc ở nơi sắc được mắt nhận biết không còn phải sách phát căn mắt; hoặc ở nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp được tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhận biết không còn phải sách phát căn tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Tức liền trải khắp tất cả chủng mà không còn phát khởi sách tấn. Vì không còn phải phát khởi sách tấn, tức không tạp nhiễm. Như vậy gọi là năng chánh tu hành luật nghi của căn mắt, nói rộng cho đến năng chánh tu hành luật nghi của căn ý.

Như vậy nên biết đã phân biệt rộng tướng luật nghi căn.

Phải biết nghĩa tóm lược của phần này thế nào? Tức là hoặc năng phòng hộ, hoặc sở phòng hộ, hoặc từ đó phòng hộ, hoặc như đó phòng hộ, hoặc chánh phòng hộ. Tất cả như vậy lược chung làm một, gọi là luật nghi căn.

Nay ở trong đây cái gì là năng phòng hộ? Là phòng thủ chánh niệm và tu tập thường thuận theo chánh niệm, gọi là năng phòng hộ.

Cái gì là sở phòng hộ? Là phòng hộ căn mắt, phòng hộ căn tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đây gọi là sở phòng hộ.

Từ cái gì phòng hộ? Từ sắc khả ái, sắc không khả ái, nói rộng cho đến từ pháp khả ái, pháp không khả ái của căn mà chánh phòng hộ.

Phòng hộ như thế nào? Là không nắm giữ tướng, không nắm giữ tùy hảo. Nếu nương nơi đó phát sanh chủng chủng pháp ác bất thiện khiến tâm rỉ chảy, tức ở nơi đó tu hành luật nghi. Vì phòng hộ gìn giữ căn gọi là tu luật nghi.

Phòng hộ như vậy, cái gì là chánh phòng hộ? Là do chánh niệm, phòng hộ ở nơi ý, hành vị bình đẳng. Như vậy gọi là chánh phòng hộ.

Lại nghĩa tóm lược theo cách khác, đó là hoặc phương tiện phòng hộ, hoặc sự việc được phòng hộ, hoặc chánh phòng hộ, tất cả như vậy lược chung làm một, gọi là luật nghi căn.

Phương tiện phòng hộ thế nào? Là phòng thủ chánh niệm, thường thuận theo chánh niệm. Mắt thấy sắc rồi, không nắm giữ tướng, không nắm giữ tùy hảo, nói rộng cho đến ý biết pháp rồi, không nắm giữ tướng, không nắm giữ tùy hảo. Nếu nương chỗ đây, phát sanh chủng chủng pháp ác bất thiện khiến tâm rỉ chảy, tức ở chỗ đây tu hành luật nghi. Vì phòng thủ căn nên gọi là tu hành luật nghi.

Như vậy gọi là phương tiện phòng hộ.

Sự việc được phòng hộ là gì? Là sắc của mắt, cho đến pháp của ý. Như vậy gọi là sự việc được phòng hộ.

Chánh phòng hộ thế nào? Như sự việc đã nói, tức do chánh niệm phòng hộ ở nơi ý, hành vị bình đẳng, gọi là chánh phòng hộ.

Lại luật nghi căn tóm lược có 2 chủng: 1. Nhiếp thuộc lực tư trạch; 2. Nhiếp thuộc lực tu tập.

Luật nghi căn nhiếp thuộc lực tư trạch: ở nơi cảnh giới thấy sâu quá hoạn, mà đối với sở hữu quá hoạn đây không thể khiến trừ đoạn diệt.

Luật nghi căn nhiếp thuộc lực tu tập: ở nơi cảnh giới thấy sâu quá hoạn, cũng năng đối với sở hữu quá hoạn đây khiến trừ đoạn diệt.

Lại do luật nghi của căn nhiếp thuộc lực tư trạch, nên ở nơi cảnh sở duyên, khiến phiền não triền không sanh khởi trở lại, không hiện tiền trở lại. Nhưng ở nơi nương tựa sở y, tùy miên không thể đoạn trừ, không thể nhổ bật vĩnh viễn.

Do luật nghi căn nhiếp thuộc lực tu tập, nên ở nơi cảnh sở duyên, phiền não tùy miên không sanh khởi trở lại, không hiện tiền trở lại. Tất cả

thời khắc, ở nơi nương tựa sở y, sở hữu tùy miên cũng năng đoạn trừ, cũng năng nhổ bật vĩnh viễn.

Như vậy, luật nghi căn nhiếp thuộc lực tư trạch và luật nghi căn nhiếp thuộc lực tu tập có sự sai biệt đây, có ý thú đây, có sự riêng khác đây. Phải biết trong đây luật nghi căn nhiếp thuộc lực tư trạch là nhiếp thuộc đạo tư lương. Còn luật nghi căn nhiếp thuộc lực tu tập, nên biết đọa nhiếp Ly dục địa.

f. Sao gọi là đối với việc ăn uống biết lượng?
Như có người do chân chánh suy xét trong việc ăn uống thức ăn, không vì ca hát phóng túng, không vì kiêu mạn phóng dật, không vì tướng đẹp, không vì đoan nghiêm cho đến nói rộng.

Sao gọi là do chân chánh suy xét trong việc ăn uống thức ăn? Chân chánh suy xét đây tức như thật dùng diệu tuệ... theo đó quán sát quá hoạn của đoan thực. Đã thấy lỗi lầm tai họa, sanh sâu chán ghét, sau đó mới nuốt xuống cổ họng.

Sao gọi là quán thấy lỗi lầm tai họa? Ở nơi đoan thực được ăn đây, hoặc quán lỗi lầm tai họa của chủng loại thức ăn được thọ dụng, hoặc quán lỗi lầm tai họa của chủng loại thức ăn chuyển biến,

hoặc quán lỗi lầm tai họa của chủng loại thức ăn được truy cầu.

- Sao gọi là chỗ có lỗi lầm tai họa của chủng loại thức ăn được thọ dụng? Như có người sắp muốn ăn, thức ăn cắt nhỏ dùng cho việc thọ dụng có sắc, hương, vị, xúc, thủy đều tuyệt hảo thật tinh diệu. Từ đây không gián đoạn đưa vào trong miệng, được răng nhai nhuyễn, trộn lẫn với dịch của nước miếng tiết ra. Được nhai nát rồi, sau nuốt xuống cổ họng mới gọi là ăn. Tất cả tướng ngon ngọt vốn có của thức ăn ban đầu làm tăng thêm phần thích ý, lúc này đều biến đổi, chuyển thành tướng dơ uế. Khi qua khỏi yết hầu, lúc chuyển đổi có tướng trạng như đồ ói ra. Bồ-đặc-già-la khéo biết ăn, chân chánh nhớ nghĩ tướng trạng, mùi vị dơ uế đây. Đối với tất cả tinh diệu của thức ăn khác chưa biến đổi, ngay lúc đầu còn chẳng thể sanh vui thích mà ăn, huống là vui thích ở giai đoạn này. Do quán hết thấy tướng như thế chẳng phải một tướng mạo, khi thọ dụng, tướng tinh diệu của thức ăn uống dần dần mất đi, tướng xấu phát sanh nhiếp thuộc bất tịnh. Như vậy gọi là chỗ có lỗi lầm tai họa của chủng loại thức ăn được thọ dụng.

- Sao gọi là lỗi lầm tai họa của chủng loại thức ăn chuyển biến? Thức ăn uống đây khi đã ăn rồi, được biến đổi tiêu hóa. Thức ăn kia lúc đã biến đổi, chẳng phải một chủng mà nhiều chủng chủng phẩm loại các vật bất tịnh. Đến giữa đêm hoặc gần sáng, ở trong thân một phần của sự chuyển hóa năng nuôi dưỡng máu, thịt, gân, mật, xương, tủy, da... khiến được tăng trưởng. Kế đến một phần biến thành phân tiểu dơ uế. Đã biến thành rồi, sau đó hướng xuống đường dưới được đẩy ra ngoài. Do đây hằng ngày luôn phải tẩy rửa hoặc tay, hoặc chân, hoặc các chi tiết khác. Nếu lúc lỡ chạm phải đồ dơ, hoặc mình, hoặc người đều sanh nhờm gớm.

Lại do duyên ăn uống đây, trong thân phát sanh nhiều thứ bệnh tật, đó là ung nhọt, lác khô, lác ướt, ghẻ lở, cùi hủi, mụn nhọt, trái rạ, nấc cụt, điên, động kinh, bệnh lạnh nóng, máu nóng, phù thũng... Vô lượng các loại bệnh như thế, hoặc do việc ăn uống gây ra khiến trong thân phát khởi, hoặc do ăn uống không quân bình điều hòa, nên không tiêu hóa được mà tồn lại trong thân. Đây gọi là chỗ có lỗi lầm tai họa của chủng loại thức ăn chuyển biến.

- Sao gọi là lỗi lầm tai họa của chủng loại thức ăn do truy cầu? Đó là trong quá trình truy cầu chủng loại thức uống ăn có nhiều tai họa: hoặc có tai họa trong việc chứa nhóm gây ra, hoặc có tai họa trong việc bảo quản giữ gìn gây ra, hoặc có tai họa do hủy hoại tình thân thuộc gây ra, hoặc có tai họa do không biết chán đủ gây ra, hoặc có tai họa do chẳng được tự tại gây ra, hoặc có tai họa do làm ác gây ra.

Sao gọi là tai họa trong việc chứa nhóm gây ra? Như có người vì nhân duyên thức uống ăn, khi thời tiết lạnh phải chịu sự bức bách của lạnh, khi thời tiết nóng phải chịu sự bức bách của nóng. Vô số sự vất vả lao nhọc để có được thức ăn chưa có được, hoặc để tích trữ mà phải gắng sức gây tạo các sự nghiệp, như làm nông, chăn nuôi, giữ trâu, cày cấy, trồng trọt, kế toán, sách vở, in ấn, chạm khắc... cùng với vô số nghề nghiệp công xảo khác. Như vì thức uống ăn, thì vì duyên uống ăn nên biết cũng vậy. Lúc lao nhọc cần cù vất vả gắng sức tìm cầu như thế, sự nghiệp gây tạo nếu không được toại lòng, do nhân duyên đây buồn khổ ưu não, đăm ngực ưu bi, khóc lóc mê ngất, tự than thở: “Công

sức của ta bỏ ra thật uổng phí, sao lại không có kết quả thế này?”. Như vậy gọi là tai họa do chứa nhóm thức ăn gây ra.

Sao gọi là tai họa do bảo quản giữ gìn thức ăn gây ra? Như có người gây dựng tạo làm sự nghiệp được vừa ý. Vì nhân duyên giữ gìn, nên sanh khởi trầm ngâm buồn rầu: “Chớ để tài bảo của ta sẽ bị xâm đoạt hoặc do vua, giặc cướp, hoặc bị lửa thiêu, hoặc bị nước cuốn trôi...”. Hoặc tài bảo kia bị hao tổn vì quả của việc làm ngày trước, hoặc do phương tiện gây dựng sự nghiệp không chân chánh, hoặc do người khác đố kỵ, hoặc do trước kia chung vốn sanh lời bị người có sức mạnh hơn đoạt mất, hoặc do trong nhà tự phát lửa. Như vậy gọi là tai họa do bảo quản, giữ gìn thức ăn gây ra.

Sao gọi là tai họa do hủy hoại tình thân thuộc gây ra? Những người thế gian vì nhân duyên thức ăn uống mà khởi nhiều sự đấu tranh. Cha con, mẹ con, anh em, bạn bè, vì việc ăn uống mà còn tàn hại chống đối lẫn nhau. Huống chi với người chẳng phải thân thích, vì nhân duyên thức uống ăn, làm sao tránh khỏi không đấu tranh kiện tụng lẫn nhau? Như các đại tộc Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Trưởng

giả, Cư sĩ vì nhân duyên ăn uống, nhanh chóng dấy khởi đấu tranh làm hại lẫn nhau, dùng tay, chân, dao, gậy, ngói, đá gia hại lẫn nhau. Như vậy gọi là tai họa do hủy hoại tình thân gây ra.

Sao gọi là tai họa do không biết chán đủ gây ra? Các quốc vương dòng Sát-đế-lợi khi lên ngôi làm lễ quán đảnh, ở trong bờ cõi của mỗi vị vua đều có vương đô, thành ấp, làng mạc... mà chẳng biết bằng lòng vui đủ, dấy khởi quân binh vũ khí chinh phạt lẫn nhau: thối tù và, đánh trống khoa chiêng, phóng lao, bắn tên, cầm mâu, cầm gươm, chỉ huy trận mạc, dùng thiết binh, kỵ binh, tượng binh, bộ binh dàn trận đánh nhau... Hoặc cầm gươm đao giết hại lẫn nhau khiến thân bị tổn hại, hoặc đi đến chết, hoặc đau đớn gần chết... hoặc có các loại khác như thế. Như vậy gọi là tai họa do không biết chán đủ gây ra.

Sao gọi là tai họa do không được tự tại gây ra? Lại có người bị vua ra lệnh phải trấn giữ thành. Nhân việc làm đây nên buộc phải tiếp xúc với vô số dầu nóng, phẩn nóng, đồng sắt nóng đỏ, tạt lẫn nhau. Hoặc phải cầm gươm đao giết hại lẫn nhau khiến thân bị tổn hại, hoặc đi đến chết, hoặc đau

đơn gần chết... hoặc có các loại khác như thế. Như vậy gọi là tai họa do không được tự tại gây ra.

Sao gọi là tai họa do phát khởi các việc làm ác gây ra? Như có người vì nhân duyên uống ăn mà thân tạo tác chứa nhóm các ác hành. Như thân ác hành, thì ngữ ác hành, ý ác hành cũng vậy. Đến lúc sắp lâm chung, bị các bệnh nặng khổ sở bức bách. Do thân, ngữ, ý trước kia gây tạo chủng chủng ác hành lực tăng thượng, nên khi lâm chung thấy có các núi hoặc các ngọn núi chập chùng treo lơ lửng, bóng núi phủ trùm, hoặc sắp phủ trùm, hoặc đã phủ trùm, liền suy nghĩ này: “Ta xưa nương thân, ngữ, ý gây tạo các nghiệp ác, chỉ có tội không có phước. Nếu chỗ đi đến ắt hẳn là chỗ của những kẻ tạo ác kia. Nay ta chắc chắn sẽ đến nơi ấy”. Hối hận như vậy rồi liền xả mạng, đã xả mạng rồi theo nghiệp sai biệt mà sanh đến các đường ác, đó là địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ. Như vậy gọi là tai họa do tạo các hành ác gây ra.

Như vậy đoạn thực vào lúc truy cầu có các quá hoạn, vào lúc thọ dụng có các quá hoạn, vào lúc chuyển biến có các quá hoạn.

Lại đoạn thực đây có ít lợi ích thù thắng. Đây

lại có nghĩa gì? Tức thân đây nhờ thức uống ăn mà được tồn tại, nương thức uống ăn mà được đứng vững, chẳng phải không cần uống ăn.

Sao gọi là có ít lợi ích thù thắng? Tức nương thức uống ăn mà tồn tại thân như vậy, hoặc sống lâu nhất thì trải qua một trăm năm, hoặc được nuôi dưỡng thích hợp có khi tuổi thọ kéo dài hơn một chút. Nếu đang lúc nuôi dưỡng, hoặc ăn quá ít, hoặc ăn thiếu sẽ dẫn đến chết yểu.

Nếu chỉ giữ gìn thân đây tạm thời an trú để hoạt động, thì chẳng phải là diệu hành; nếu tạm thời an trú ở nơi thân đây mà sanh vui đủ, thì chẳng phải diệu vui đủ; cũng chẳng phải lãnh thọ công đức lợi ích thù thắng viên mãn vô tội của sự ăn uống tạo ra. Nếu không chỉ giữ gìn thân đây tạm thời an trú để hoạt động, cũng không chỉ tạm thời an trú ở nơi thân đây mà sanh vui đủ, nhưng tức nương trụ nơi thân tạm thời này để tu tập phạm hạnh khiến được viên mãn, đây mới là diệu hành, diệu vui đủ; lại năng lãnh thọ công đức thù thắng lợi ích viên mãn vô tội của việc ăn uống tạo ra. Nên tự suy nghĩ: “Ta nếu cùng ngu phu đồng phạm kia, tập theo những hạnh đồng phạm ngu phu

này, thì chẳng phải là điều ta cần làm. Ta nếu đối với đoạn thực thấp kém đây mà vui trụ với ít phần thắng lợi, thì cũng không phải điều ta cần làm”.

Nếu ở nơi lỗi lầm tai họa của tất cả chủng loại đoạn thực như thế đã biết đầy đủ rồi, dùng chân chánh suy xét thấy sâu các quá hoạn mà cầu ra khỏi. Đó là vì cầu ra khỏi việc ăn, nên đối với việc ăn đoạn thực tưởng như ăn thịt con. Phải nên khởi nghĩ này: “Những người thí chủ kia chịu nhiều gian khổ, vất vả, khó khăn để tích góp tiền của, lãnh thọ vô số lỗi lầm tai họa do mong muốn tìm cầu rộng lớn gây ra. Nay vì lòng bi mẫn, vì cầu quả thù thắng tốt đẹp mà như cắt da thịt chích máu để huệ thí. Ta được thức ăn uống đây phải phương tiện thọ dùng thích đáng, tức là tự mình phải an trú như pháp nơi sự thọ dụng không điên đảo, dằn ơn thí chủ khiến họ đạt được những quả báo thù thắng, lợi ích lớn, vinh hoa lớn, hưng thịnh viên mãn”. Phải theo như *Kinh Nguyệt Dụ* đã dạy mà đi đến nhà thí chủ, tẩy rửa thức liễm thân tâm, an trú tầm quý, xa lìa kiêu ngạo, không đề cao mình, cũng không khinh miệt người khác. Như các thứ lợi dưỡng mình thu được, tâm sanh vui lòng đẹp ý,

thì đối với chỗ được lợi dưỡng của người khác, cũng vui lòng đẹp ý như vậy.

Lại phải giữ gìn tâm mình như thế khi đến nhà thí chủ. Há lại có người xuất gia đến nhà người khác mà chủ yếu chỉ mong cầu họ cấp thí, chẳng phải không huệ thí; chủ yếu mong cầu người khác cung kính, chẳng phải không cung kính; phải nhiều, chẳng phải là ít; phải được tốt đẹp, chẳng phải được thô xấu; phải cúng nhanh chóng, chẳng được chậm chạp ư? Nên khởi nghĩ như vậy khi đến nhà thí chủ: “Giả như không được cấp thí, ta trọn không ở nơi người kia mà khởi tâm oán hại và tâm sân hận, hiềm khích oán giận nhau, để rồi thân hoại về sau sanh vào các đường ác chịu nhiều sự nguy hại, khốn khổ. Giả sử thí chủ không cung kính, chẳng phải cung kính; giả sử cúng ít, chẳng phải nhiều; giả sử thô xấu, chẳng phải tốt đẹp; giả sử chậm chạp, chẳng phải nhanh chóng, cũng không do đây đối với thí chủ khởi tâm oán hại cùng tâm sân khuể mà hiềm hận lẫn nhau..” nói rộng như vậy.

Lại: “Ta nên nương thức ăn uống của đoạn thực đây, phát khởi chánh hành như vậy như vậy...”. Ở nơi hạn lượng đây, như thật hiểu rõ thấu đạt, đó

là “mạng căn của ta do thức ăn này mà không bị hoại diệt”.

Lại: “Đối với thức ăn uống đây, không vì khó nhọc, ham thích, chỉ vừa đủ để có thể tùy thuận nhiếp thọ phạm hạnh. Như vậy ta nay trụ tánh Samôn, trụ tánh xuất gia mà thọ dụng thức ăn uống thanh tịnh như pháp, xa lìa các tội”.

Các tướng như trên tức là dùng chân chánh suy xét ý nghĩa “ăn uống vật thực”.

Sao gọi là thức ăn? Đó là 4 loại thức ăn: 1. Đoạn thực; 2. Xúc thực; 3. Ý... tư thực; 4. Thức thực. Nay nghĩa đây ý muốn nói về đoạn thực. Sự việc đây lại như thế nào? Đó là nhiều thứ phẩm loại như bánh, lương khô, cơm, canh, cá, thịt, tô, dầu, mỡ, đường, mật, nộm, cháo, cháo nhuyễn... được trộn lẫn với nhau, vo tròn từng phần từng phần nhỏ để ăn, nên gọi là đoạn thực. Chỗ nói ăn đây, đó là ăn nhai nhuyễn, nuốt xuống yết hầu, nếm, mút, uống... Đây là tên gọi khác nhau.

Sao gọi là chẳng vì ca hát phóng túng? Như có kẻ vui thọ dục, vì thọ các dục mà ăn uống thức ăn. Kẻ kia suy nghĩ rằng: “Ta ăn uống thức ăn đây để làm cho thân được no đủ, khiến cho thân được đầy

đủ thỏa mãn. Ngày qua đi, đến xế chiều, rồi lại đến đêm, ta sẽ cùng thiếu nữ trang sức lộng lẫy vui đùa, cùng thọ hưởng hoan lạc, ca hát phóng túng”. Nói ca hát phóng túng, tức là như trong thánh pháp Tỳ-nại-da nói đến sở hữu các tầm tư ác bất thiện của kẻ thọ dục, bị tham dục dẫn dắt, bị dâm dật dẫn dắt. Do đây khi ăn các thức ăn khiến các căn thấy đều trạo cử, khiến cho ý bị nhiễu động, khiến cho ý bất an, khiến cho ý không tịch tịnh. Nếu kẻ thọ dụng thức uống ăn vì việc đây, gọi là ca hát phóng túng mà thọ dụng thức uống ăn. Các bậc Thánh chúng đệ tử đa văn, dùng lực tư trạch thấy sâu các quá hoạn, khéo biết xa lìa mà thọ dụng thức uống ăn, chẳng phải như việc ăn uống thức ăn của những kẻ thọ dục kia. Cho nên gọi là thọ dụng thức uống ăn chẳng phải vì ca hát phóng túng.

Sao gọi là chẳng vì kiêu ngạo phóng dật, chẳng vì trang sức tướng đẹp, chẳng vì đoan nghiêm? Như có kẻ vui thọ dụng các dục, vì thọ các dục mà ăn thức uống ăn. Kẻ kia khởi nghĩ rằng: “Ta nay cần phải ăn nhiều thức ăn, ăn thật no. Tùy theo năng lực mà ăn những thức ăn đầy đủ sắc hương vị tinh ngon, khiến tăng thêm sự bổ dưỡng, béo mập.

Qua đêm nay cho đến sáng mai, ta có đủ sức lực để ganh đua độ sức trong việc luyện võ như võ, xoa, đập, đá, nâng, nhảy, bước xéo, vung tay, khoa đao, múa kiếm, đấu nỏ, giương cung, ném vòng, quăng dây... Nương vào các việc đấu võ độ sức như vậy, sẽ được dững mãnh tráng kiện, sức lực sung mãn, sống lâu không bệnh, trẻ khỏe lâu bền, không chóng già suy, thọ mạng kéo dài. Ta lại có thể ăn nhiều thức ăn, ăn rồi ăn nữa, tiêu hóa mau lẹ, tật bệnh tiêu trừ”. Như vậy tức là kiêu mạn phóng dật vì không tật bệnh, kiêu mạn phóng dật vì sức trẻ, kiêu mạn phóng dật vì sống lâu, mà ăn uống thức ăn. Sau khi đã thi võ độ sức với nhau rồi, lại suy nghĩ rằng: “Ta cần phải tắm gội”, bèn dùng các thứ nước thơm tắm gội nơi thân. Sau khi tắm gội xong, dùng lược chải tóc, rồi dùng các thứ diệp hương xoa lên thân, xoa rồi lại mặc các y phục tốt đẹp bậc nhất, những vật trang sức để trang nghiêm cho thân. Trong đây, tắm gội, chải tóc, xoa hương gọi là trang sức tướng đẹp. Đã trang sức tướng đẹp rồi, lại dùng các thứ y phục mỹ diệp, hoa cài đầu, đồ trang sức để trang nghiêm cho thân. Như vậy gọi là vì trang sức tướng đẹp, vì đoan nghiêm mà ăn

uống thức ăn.

Kẻ kia đã kiêu ngạo phóng dật trong việc trang sức tướng đẹp, đoan nghiêm thân rồi, vào ban ngày hoặc xế chiều, đói khát lại kéo đến là lúc sắp muốn ăn. Đối với thức uống ăn, sanh tâm rất mong muốn, rất vui rất thích, chẳng thấy tai họa, chẳng biết xa lìa. Từ thức ăn uống có được, ăn rồi lại tiếp tục ca hát phóng dật, trang sức tướng đẹp, đoan nghiêm cho thân, ăn uống cho nhiều, no đủ thỏa thích. Các Thánh chúng đệ tử đa văn dùng lực tư trạch thấy sâu quá hoạn, khéo biết ra khỏi xa lìa mà thọ dụng các thức uống ăn, không phải như kẻ thọ dụng mà ăn uống thức ăn. Các vị ấy chỉ khởi niệm: “Ta nay không nên tập quen gần gũi với việc ăn uống, cần phải đoạn trừ. Ta muốn vĩnh viễn đoạn trừ việc ăn uống như vậy”.

Sao gọi là vì thân an trụ mà ăn uống thức ăn? Tức là đã ăn uống rồi thọ mạng được tồn tại, chẳng phải không ăn uống mà thọ mạng được tồn tại, gọi là thân an trụ. Ta nay thọ lãnh thức ăn uống đây mà thọ mạng được tồn tại, sẽ không bị chết yếu. Do nhân duyên đây thân được an trụ, năng tu tập chánh hạnh, vĩnh viễn đoạn trừ các việc ăn uống.

Sao gọi là vì tạm giữ gìn các chi phần cơ thể mà ăn uống thức ăn? Đây lược nói có 2 cách nuôi dưỡng sống còn: 1. Nuôi dưỡng sống còn có khó khăn; 2. Nuôi dưỡng sống còn không khó khăn.

- Sao gọi là việc nuôi dưỡng sống còn có khó khăn? Tức là lãnh thọ thức uống ăn như vậy, luôn tăng thêm sự đói khát, gầy yếu, khốn khổ, trọng bệnh. Hoặc dùng phi pháp mà truy cầu thức uống ăn, không dùng chánh pháp. Lúc có được rồi, sanh tâm nhiễm ái, ham thích tham lam, mê muội chấp đắm kiên cố, say sưa thọ dụng. Hoặc có kẻ ăn rồi, thân thể nặng nề không thể chịu đựng, không nhậm vận tu đoạn. Hoặc có kẻ ăn rồi, tâm bị trì độn, không thể nhanh chóng đắc định. Hoặc có kẻ ăn rồi, khiến hơi thở ra vào qua lại rất khó khăn. Hoặc có kẻ ăn rồi, khiến tâm luôn bị trôi buộc nhiễu loạn của hôn trầm thù miên. Như vậy gọi là việc nuôi dưỡng sống còn có khó khăn.

- Sao gọi là việc nuôi dưỡng sống còn không khó khăn? Tức là lãnh thọ thức uống ăn như vậy, khiến không đói khát gầy yếu, không có khốn khổ cùng với trọng bệnh. Hoặc dùng chánh pháp truy cầu việc uống ăn, chẳng phải dùng phi pháp. Lúc

có được rồi, không nhiễm không ái, cũng không ham thích, tham ăn, mê muội, chấp trước kiên cố, say sưa thọ dụng. Thọ dụng như vậy khiến thân không trì nặng, có khả năng chịu đựng, kham nhiệm việc tu đoạn, khiến tâm nhanh chóng đắc Tam-ma-địa. Lại khiến hơi thở vào ra không bị khó khăn, khiến tâm không bị sự quấy nhiễu của hôn trầm thụy miên. Như vậy gọi là việc nuôi dưỡng sống còn không khó khăn.

Nếu việc nuôi dưỡng sống còn có khó khăn để thọ mạng được tồn tại, thân được an trụ, đây gọi là có tội, cũng có nhiễm ô. Nếu việc nuôi dưỡng sống còn không khó khăn, thọ mạng được tồn tại, thân được an trụ, đây gọi là không tội, cũng không nhiễm ô. Các Thánh chúng đệ tử đa văn xa lìa việc nuôi dưỡng sống còn có tội, có nhiễm ô; tu tập thân cận với việc nuôi dưỡng sống còn không có tội, không nhiễm ô. Như vậy nên nói vì tạm giữ gìn chi phần thân thể.

Hỏi: Như thế nào để tu tập thân cận việc nuôi dưỡng sống còn không có tội, không nhiễm ô, như trước đã nói?

Đáp: Nếu lãnh thọ thức ăn uống vì trừ đói

khát, vì nhiếp phạm hạnh, vì đoạn thọ cũ, vì khiến thọ mới chẳng sanh trở lại, vì nuôi dưỡng sức vui không tội, an trụ yên ổn, thì gọi là tu tập thân cận việc nuôi dưỡng sống còn không có tội, không nhiễm ô cho sự sống của chính mình.

Sao gọi là vì trừ đói khát mà thọ lãnh các thức ăn uống? Đến gần lúc ăn, sanh nhiều cảm giác đói khát, khí lực suy yếu, mong muốn được ăn uống. Vì muốn dùng sự ràng buộc bức bách của cảm giác đói khát, cảm giác khí lực suy yếu, thì phải *biết lượng* mà ăn. Ăn như vậy rồi, khiến lúc phi thời không bị sự bức bách ràng buộc của đói khát, gây yếu. Phi thời tức là vào xế chiều, hoặc ở đêm khuya, cho đến sáng hôm sau, chưa đến lúc ăn. Như vậy gọi là vì trừ đói khát mà thọ lãnh các thức ăn uống.

Sao gọi là vì nhiếp phạm hạnh mà thọ lãnh các thức ăn uống? Tức là như lượng mà thọ lãnh các thức uống ăn. Do nhân duyên đây, người tu phẩm thiện hoặc ở hiện pháp, hoặc ở trong ngày, sau khi ăn uống thân không trì nặng, có khả năng kham chịu, kham nhiệm việc tu đoạn, khiến tâm nhanh chóng đắc Tam-ma-địa, khiến hơi thở ra

vào không bị khó khăn, khiến tâm không bị ràng buộc nhiều loạn bởi hôn trầm thù miên. Do đây nhanh chóng có sức khỏe, có khả năng đắc điều chưa đắc, xúc điều chưa xúc, chứng điều chưa chứng. Như vậy gọi là vì nhiếp phạm hạnh mà thọ lãnh các thức ăn uống.

Sao gọi là vì đoạn thọ cũ mà thọ lãnh các thức ăn uống? Như có người do trong quá khứ ăn không biết lượng, ăn thức ăn không nên ăn, ăn không tiêu mà tiếp tục ăn. Do nhân duyên đây, trong thân sanh khởi chủng chủng tật bệnh, như ghẻ lở, phong hủi, trái rạ... nói rộng như trước. Do nhân duyên chủng chủng tật bệnh đây, trong thân lãnh thọ phát sanh khổ não thiêu đốt mạnh mẽ, mãnh liệt, không dễ chịu vừa ý. Vì muốn đoạn trừ tật bệnh như vậy và vì đoạn trừ những thọ khổ phát sanh từ nhân duyên đây, nên tập quen thân cận các loại thuốc phù hợp mà lương y nói, nên thuận theo thầy thuốc và thọ lãnh các thức uống ăn thích hợp. Do đây năng đoạn trừ tật bệnh đã sanh và nhân duyên phát sanh thọ khổ kia. Như vậy gọi là vì đoạn thọ cũ mà thọ lãnh các thức ăn uống.

Sao gọi là vì khiến thọ mới chẳng sanh trở lại

mà thọ lãnh các thức ăn uống? Như có người do ở hiện tại không bệnh, an vui, khí lực đầy đủ, ăn uống biết lượng, không ăn thức ăn không nên, cũng chẳng phải chưa tiêu hóa mà lại ăn thêm khiến ở vị lai thức ăn tồn đọng trong thân thành bệnh, hoặc khiến ở trong thân phát sanh một trong số các bệnh, đó là ghẻ lở, phong hủi, trái rạ, mụn nhọt... như trước đã nói rộng. Do nhân duyên đây, trong thân sẽ sanh chủng chủng thọ khổ như trước nói rộng, còn lại như trước đã nói. Như vậy gọi là vì khiến thọ mới chẳng sanh trở lại mà thọ lãnh các thức ăn uống.

Sao gọi là vì phải nuôi dưỡng, sức khỏe, niềm vui, không tội, an trụ yên ổn mà thọ lãnh các thức uống ăn? Sau khi đã ăn uống rồi, thọ mạng được tồn tại, gọi là nuôi dưỡng. Hoặc trừ đói khát gây yếu, gọi là sức khỏe. Hoặc vì đoạn trừ thọ cũ khiến thọ mới chẳng sanh trở lại, gọi là niềm vui. Hoặc dùng chánh pháp truy cầu thức ăn uống mà không nhiễm ô, không ái trước cho đến nói rộng, nên thọ dụng thức uống ăn; đây gọi là không tội. Hoặc thọ dụng ăn uống rồi thân không nặng nề, có khả năng kham chịu, kham nhiệm việc tu đoạn như

trước nói rộng... đây gọi là an trụ yên ổn.

Cho nên nói rằng: Do chân chánh suy xét mà ăn uống thức ăn, không vì ca hát phóng túng, không vì kiêu căng phóng dật, không vì trang sức tương đẹp, không vì đoan nghiêm... cho đến nói rộng. Như vậy gọi là đã biện biệt rộng đối với việc ăn biết lượng.

Nên biết nghĩa tóm lược của phần này thế nào? Đó là hoặc thức uống ăn được thọ dụng, hoặc ăn uống như vậy, nên biết gọi chung là nghĩa tóm lược.

Sao gọi là thức uống ăn được thọ dụng? Là các loại đoạn thực, gồm bánh, bột, cơm, canh, thịt, cháo... như trước đã nói rộng.

Sao gọi là ăn uống? Tức là chân chánh suy xét mà ăn uống thức ăn, không vì ca hát phóng túng, không vì kiêu ngạo phóng dật, không vì trang sức tương đẹp, không vì đoan nghiêm... cho đến nói rộng.

Lại nữa, nên biết nghĩa tóm lược của phần này, đó là vì nhiếp thọ đối trị, vì xa lìa biên hành dục lạc, vì xa lìa biên tự khổ hạnh, vì nhiếp thọ phạm hạnh mà thọ lãnh các thức uống ăn.

Sao gọi là vì nhiếp thọ đối trị mà thọ lãnh các thức uống ăn? Như đã nói rằng: “Do chân chánh suy xét ăn uống thức ăn”.

Sao gọi là vì xa lìa biên hành dục lạc mà thọ lãnh các thức uống ăn? Như đã nói rằng: “Không vì ca hát phóng túng, không vì kiêu ngạo phóng dật, không vì trang sức tướng đẹp, không vì đoan nghiêm mà ăn uống thức ăn”.

Sao gọi là vì xa lìa biên tự khổ hạnh mà thọ lãnh các thức uống ăn? Như đã nói rằng: “Vì trừ đói khát, vì đoạn trừ thọ cũ, vì khiến thọ mới chẳng sanh trở lại, vì nuôi dưỡng, sức khỏe, niềm vui mà ăn uống thức ăn”.

Sao gọi là vì nhiếp phạm hạnh mà thọ lãnh các thức uống ăn? Như đã nói rằng: “Vì nhiếp thọ phạm hạnh, vì được không tội, an trụ yên ổn mà ăn uống thức ăn”.

Lại nữa, nên biết nghĩa tóm lược của phần này. Đó là có 2 chủng: 1. Không có thức uống ăn; 2. Có thức uống ăn.

Không có thức uống ăn: là tất cả loại hoàn toàn không có thứ gì để ăn. Vì không có thức uống ăn nên bị chết yểu.

Có thức uống ăn lại có 2 chủng: 1. Ăn uống quân bình; 2. Ăn uống không quân bình.

- Ăn uống quân bình: hoặc chẳng phải ăn quá ít, hoặc chẳng phải ăn quá nhiều, hoặc chẳng phải ăn thức ăn không nên, hoặc chẳng phải ăn không tiêu, hoặc chẳng phải ăn nhiễm ô.

- Ăn uống không quân bình: hoặc ăn quá ít, hoặc ăn quá nhiều, hoặc ăn thức ăn không nên, hoặc ăn không tiêu, hoặc ăn nhiễm ô.

Nên biết trong đây, do ăn quân bình, chẳng phải ăn quá ít, khiến sự đói khát gây yếu của thân chưa sanh thì không sanh, đã sanh thì đoạn diệt. Do ăn quân bình, chẳng phải ăn quá nhiều, nên thân không nặng nề, có khả năng kham chịu, kham nhiệm việc tu đoạn như trước đã nói rộng. Do ăn quân bình, chẳng phải ăn thức ăn không nên, chẳng phải ăn không tiêu, năng đoạn trừ thọ cũ khiến thọ mới chẳng sanh trở lại. Do nhân duyên đây, nên được nuôi dưỡng, hoặc sức khỏe, hoặc niềm vui. Do ăn quân bình, chẳng phải ăn nhiễm ô, sẽ được không tội, an trụ yên ổn. Do ăn quá ít, tuy nuôi dưỡng tồn tại mạng sống, mà bị đói khát gây suy, cũng có ít sự sống còn. Do ăn quá nhiều, như

gánh vác nặng nề, thức ăn không thể dễ dàng tiêu hóa. Do thức ăn chẳng tiêu hóa, hoặc tồn đọng trong thân thành bệnh, hoặc sanh một trong số các bệnh khổ cho thân. Như do ăn thức ăn không tiêu, thì do ăn thức ăn không nên cũng vậy, nhưng có phần sai biệt ở chỗ là trong thân chứa nhóm các quá hoạn, do đây lại mắc phải bệnh khổ rất nặng. Do ăn nhiễm ô, truy cầu một cách phi pháp các thức uống ăn rồi, có nhiễm có ái, ham thích tham lam mà thọ dụng, cho đến nói rộng như trước. Do thọ dụng thức uống ăn quân bình và xa lìa việc uống ăn không quân bình, nên nói ở nơi việc ăn uống có những việc làm quân bình.

Tức việc làm quân bình ở nơi việc ăn uống này, rộng dùng các câu sau để tuyên dạy, mở bày, hiển rõ. Đó là những câu nói: “Do chân chánh suy xét ăn uống thức ăn, không vì ca hát phóng túng, không vì kiêu ngạo phóng dật, không vì trang sức tướng đẹp, không vì đoan nghiêm” như trước đã nói rộng.

Trong đây nói lời: “Do chân chánh suy xét ăn uống thức ăn, không vì ca hát phóng túng, không vì kiêu ngạo phóng dật, không vì trang sức tướng

đẹp, không vì đoan nghiêm. Chỉ vì thân được an trụ, vì tạm giữ gìn chi phần”. Do đây ngăn chặn việc đều không dùng thức uống ăn.

Hoặc lại nói lời: “Vì trừ đói khát, gây suy, vì nhiếp phạm hạnh, nói rộng cho đến an trụ yên ổn”. Do đây ngăn chặn việc ăn uống không quân bình.

Sao gọi là ngăn chặn việc ăn uống không quân bình? Hoặc lại nói lời: “Vì trừ đói khát, gây suy”, do đây ngăn chặn việc ăn quá ít. Hoặc lại nói lời: “Vì nhiếp phạm hạnh”, do đây ngăn chặn việc ăn quá nhiều. Hoặc lại nói lời: “Vì đoan thọ cũ, vì khiến thọ mới chẳng sanh trở lại”, do đây ngăn chặn việc ăn không tiêu, ăn thức ăn không nên. Hoặc lại nói lời: “Vì sẽ nuôi dưỡng, vì sẽ được sức khỏe”, do đây hiển bày việc ăn không quá ít, không quá nhiều. Hoặc lại nói lời: “Vì sẽ được niềm vui”, do đây hiển bày việc tiêu hóa rồi mới ăn và ăn thức ăn nên ăn. Hoặc lại nói lời: “Vì được không tội, an trụ yên ổn”, do đây hiển bày việc ăn không nhiễm ô. Vì cố sao? Nếu dùng phi pháp truy cầu thức uống ăn, sau khi được rồi nhiễm ái mà thọ dụng, như trước đã nói rộng, gọi là ăn nhiễm ô,

cũng gọi là có tội.

Nếu có người đối với phẩm thiện siêng tu tập, an trú chốn a-lan-nhã, tác ý theo Du-già, thọ trì đọc tụng, tư duy nghĩa lý. Do người kia tâm tư các ác bất thiện khiến tâm rỉ chảy, khiến tâm tương tục, tùy thuận thú hưởng nhập vào việc ăn uống, do nhân duyên đây trụ không an ổn.

An trú yên ổn đây lại có 2 chủng: 1. Xa lìa thức uống ăn quá nhiều, do nhân duyên đây, thân không nặng nề, có khả năng kham chịu, kham nhiệm việc tu đoạn, như trước đã nói rộng; 2. Đối với thức ăn, không sanh khởi đắm trước mùi vị của nó. Do nhân duyên đây, xa lìa sự nhiễu động của các tâm tư ác mà an trú yên ổn. Cho nên tất cả câu như vậy, đều vì tuyên nói, chỉ dạy, mở bày, hiển rõ: “Việc làm quân bình nơi việc ăn uống”.

Như vậy gọi là đã tuyên nói tóm lược rộng ý nghĩa đối với việc ăn uống biết lượng.



Quyển 24

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA

Phần đầu DU GIÀ XỨ - XUẤT LY ĐỊA thứ 3-3

g. Đầu đêm, cuối đêm thường siêng tu tập tỉnh thức Du-già:

Sao gọi là đầu đêm? Sao gọi là cuối đêm? Sao gọi là tỉnh thức Du-già? Sao gọi là thường siêng tu tập tỉnh thức Du-già?

Nói đầu đêm: trong một đêm chia ra làm bốn phần, quá phần đầu và một phần kế tiếp, gọi là đầu đêm.

Nói cuối đêm: trong bốn phần của đêm, hơn một phần sau gọi là cuối đêm.

Tỉnh thức Du-già: như đã nói, vào ban ngày kinh hành tĩnh tọa, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng, đến đầu đêm kinh hành tĩnh tọa, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng cũng vậy. Sau đó, ra ngoài trú xứ rửa chân sạch sẽ, trở vào trú xứ nằm nghiêng hông bên phải, chân chồng lên nhau, trụ tưởng quang minh, chánh niệm, chánh

biết, tư duy khởi tưởng khéo léo mà nằm. Đến cuối đêm, nhanh chóng thức dậy, kinh hành tĩnh tọa, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng.

Siêng năng tu tập tĩnh thức Du-già: như có đệ tử Phật đã được nghe pháp “tĩnh thức Du-già” nên vui muốn tu học. Vị kia nương theo “tĩnh thức Du-già” tác niệm như vậy: “Ta ở nơi đó đã được trọn nghe Đức Phật dạy về tĩnh thức Du-già, ta phải phát tâm vui muốn tinh tấn cần mẫn, phát khởi sức dũng mãnh vượt qua. Sách tấn trong lòng, gắng sức liên tục không gián đoạn, quyết chắc vượt qua những ngăn che không thể chế phục”.

Trong đây, sao gọi là vào ban ngày kinh hành tĩnh tọa, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng?

Nói lúc ban ngày: là từ khi mặt trời mọc cho đến mặt trời lặn.

Nói kinh hành: là trong chu vi chiều dài, chiều rộng vừa phải, nghiệp thân tương ưng hoặc đi qua, hoặc đi lại.

Nói tĩnh tọa: như có người hoặc trên giường lớn, hoặc trên giường dây nhỏ, hoặc trên tòa bằng cỏ lá, ngồi kiết già, thân đoan nghiêm, chánh nguyện, an trụ niệm trái lìa (bối niệm).

Nói chướng: là 5 chủng cái. Những gì là năm? Đó là tham dục cái, sân khuể cái, hôn trầm thùy miên cái, trạo cử ác tác cái và nghi cái.

Nói pháp thuận chướng: là pháp năng dẫn dắt cái, thuận theo cái. Gì là pháp thuận cái? Là tướng tịnh diệu, tướng sân khuể, tướng tối tăm, tướng tầm tư về thân thuộc, đất nước, bất tử, hoặc truy đuổi nhớ nghĩ những việc cười đùa vui vẻ đã qua ở ba thời, hoặc suy nghĩ pháp phi lý ở ba thời.

Hỏi: Khi kinh hành, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng. Sao nói là từ pháp chướng kia tịnh tu trong lòng?

Đáp: Tức là từ hôn trầm thùy miên cái, cùng với pháp chướng năng dẫn hôn trầm thùy miên, tịnh tu nơi lòng. Vì trừ bệnh kia, ở nơi tướng quang minh, khéo léo tinh cần, gấp rút khẩn thiết, khéo chọn lọc, khéo tư duy, khéo hiểu rõ, khéo thông đạt, lấy tâm câu hữu với tướng quang và tâm câu hữu với tướng minh đến lui kinh hành, hoặc ở chỗ ẩn khuất, hoặc ở chỗ trống trải. Khi đi kinh hành, tùy duyên vào một cảnh giới tịnh diệu, cực thiện hiển hiện, khiến khích lệ sách tấn nơi lòng. Đó là hoặc niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm

giới, niệm xả, hoặc trở lại niệm thiên. Hoặc ở nơi các pháp tương ưng với quá hoạn của tướng hôn trầm thụy miên, vì đoạn trừ kia, dùng vô lượng môn hủy chê quở trách lỗi lầm của hôn trầm thụy miên, hoặc dùng vô lượng môn xưng khen tán thán công đức của việc vĩnh viễn đoạn tận hôn trầm thụy miên, như Khế kinh, Ứng tụng, Kỳ biệt, Phúng tụng, Tự thuyết, Nhân duyên, Thí dụ, Bốn sự, Bốn sanh, Phương quảng, Hy pháp, Luận nghị. Lại vì đoạn trừ kia, ở nơi chánh pháp đã được nghe phải thọ trì, dùng âm thanh lớn hoặc đọc hoặc tụng, vì người khai mở chỉ dạy, cùng với tư duy các nghĩa, xứng lượng quán sát. Hoặc quán góc vuông, hoặc xem sao trăng, đường đi của chúng. Hoặc lấy nước lạnh rửa chân, rửa mặt, rửa mắt. Do đây hôn trầm thụy miên triền cái chưa sanh chẳng thể sanh, đã sanh được khiể trừ. Dùng những phương tiện như vậy từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng.

Hỏi: Khi tĩnh tọa, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng. Sao nói là từ pháp chướng kia tịnh tu trong lòng?

Đáp: Từ bốn pháp chướng tịnh tu trong lòng, đó là tham dục, sân khuể, trạo cử ác tác, nghi cái,

cùng với pháp năng dẫn phát chương kia, tịnh tu trong lòng. Vì khiến tham dục triền cái đã sanh nhanh chóng trừ sạch, vì muốn xa lìa thật xa tham dục triền cái chưa sanh, nên ngồi kiết già, thân đoan nghiêm, chánh nguyện, an trụ niệm trái lìa. Lúc ấy hoặc quán xanh bầm máu ứ, hoặc quán máu mủ thối rửa, hoặc quán biến hoại, hoặc quán tương sinh, hoặc quán bị cầm thú cắn xé ăn nuốt, hoặc quán trơ xương, hoặc quán xương cốt, hoặc quán móc nối liền, hoặc quán xương móc nối liền nhau; hoặc khởi ý tư duy tùy theo một tướng hiền thiện định; hoặc nương theo chánh pháp tương ứng với sự tuyên thuyết các quá hoạn của tham dục, như Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt... cho đến nói rộng. Ở trong pháp đây, vì đoạn trừ tham dục, dùng vô lượng môn quả trách hủy chê các lỗi lầm của tham dục, ái dục, chất chứa dục, giữ gìn dục, chấp đắm dục. Lại dùng vô lượng môn khen ngợi tán thán công đức của việc vĩnh viễn đoạn dứt tất cả tham dục. Vì đoạn trừ tham dục, nên nơi chánh pháp đây lắng nghe thọ trì, lời khéo thông lợi, ý khéo tầm tư, cái nhìn khéo thông đạt, cũng tức là như pháp đây tinh tọa, như lý tư duy. Do nhân duyên

đây, tham dục triền cái chưa sanh chẳng thể sanh, đã sanh liền khiến trừ. Dùng những phương tiện như thế gọi là từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng.

Đối với sân khuể cái có sự sai khác. Đó là khi tĩnh tọa như vậy, dùng tâm câu hữu với từ, không oán không thù, không tổn không nã, tâm rộng lớn vô lượng, cực khéo tu tập; phát khởi thắng giải đầy đủ an trụ trải khắp một phương, rồi phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư cũng vậy; phát khởi thắng giải đầy đủ an trụ trải khắp trên, dưới các bên, phổ biến tất cả vô biên thế giới... còn lại như trước đã thuyết.

Đối với trạo cử ác tác cái có sự sai khác. Đó là khi tĩnh tọa như vậy, khiến tâm an trụ bên trong, thành tựu trọn vẹn nhất hướng, chứng đắc tam-ma-địa, còn lại như trước đã thuyết.

Đối với nghi cái đây có sự sai khác. Đó là khi tĩnh tọa như vậy, ở đời quá khứ, ở đời vị lai, ở đời hiện tại, không được tác ý tư duy không như lý: “Ta ở quá khứ là từng có chăng? Là từng không chăng? Ta ở quá khứ là từng có gì? Từng có như thế nào? Ta ở vị lai là sẽ có chăng? Sẽ có thế nào? Ta ở hiện

tại, cái gì đang có? Có như thế nào? Nay hữu tình đây từ đâu mà đến? Ở đây chết rồi sẽ đi về đâu?”. Ở nơi hết thảy tác ý tư duy không như chánh lý như vậy, phải chân chánh xa lìa.

Phải như lý tư duy đời quá khứ, vị lai, hiện tại, tức là chỉ thấy có pháp, chỉ thấy có sự, biết có là có, biết không là không; chỉ quán có nhân, chỉ quán có quả. Đối với việc thật không, không tăng không giảm; đối với việc thật có, không hủy không báng; đối với việc thật có, phải biết thật có. Ở trong tất cả pháp vô thường, khổ, không, vô ngã rõ biết vô thường, khổ, không, vô ngã. Thường dùng tư duy như lý như vậy, bèn ở chỗ Phật không nghi không hoặc, còn lại như trước đã thuyết. Đối với Pháp, đối với Tăng, đối với khổ tập diệt đạo, đối với nhân và các pháp do nhân sanh, cũng không nghi không hoặc, còn lại như trước đã thuyết.

Lại đối với sân khuể cái nên khởi nghĩ như vậy: “Vì đoạn trừ sân khuể và tướng sân khuể, ở nơi chánh pháp đây, nên lắng nghe, thọ trì...” cho đến nói rộng.

Đối với trạo cử ác tác cái nên khởi nghĩ như vậy: “Vì đoạn trừ trạo cử ác tác và pháp thuận

triền cái kia, ở nơi chánh pháp đây, nên lắng nghe, thọ trì...” cho đến nói rộng.

Đối với nghi cái nên khởi nghi như vậy: “Vì đoạn trừ nghi cái và pháp thuận triền cái kia, ở trong chánh pháp đây, nên lắng nghe, thọ trì...” cho đến nói rộng.

Dùng phương tiện như vậy, từ tham dục, sân khuể, hôn trầm thụy miên, trạo cử ác tác, nghi cái và pháp thuận triền cái kia, tịnh tu trong lòng. Cho nên nói rằng: “Kinh hành, tĩnh tọa, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng”. Như vậy đã nói do sự tăng thượng của pháp, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng.

Lại có do sự tăng thượng của chính mình và sự tăng thượng của thế gian, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng.

- Sao gọi là do sự tăng thượng của chính mình? Như có người, trong các cái có một chủng cái tùy khởi, liền tự rõ biết đây không phải thiện pháp. Ở nơi cái sanh khởi, không chấp chặt, mau chóng xả bỏ, xua đuổi loại ra. Lại năng tự mình quán sát cảm thấy chỗ đã sanh khởi cái đây thật đáng xấu hổ, khiến tâm bị nhiễu não, khiến tuệ trở nên yếu

kém, đây là phẩm tổn hại. Như vậy gọi là do sự tăng thượng của chính mình, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng.

- Sao gọi là do sự tăng thượng của thế gian, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng? Như có người, ở trong các cái có một chủng cái tùy khởi. Nếu khi sắp sanh khởi, liền tác niệm đây: “Nếu cái chưa sanh mà lại sanh khởi ở nơi ta, sẽ bị Đại sư quả trách, cũng bị chư thiên và các đồng phạm hạnh có trí dùng pháp chê trách”. Do người kia khéo nghĩ về thế gian như vậy, nên các cái chưa sanh khiến không thể sanh, các cái đã sanh liền nhanh chóng xả bỏ. Như vậy gọi là do sự tăng thượng của thế gian, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng.

Lại vì giữ gìn các ngoại cụ, thuận oai nghi của thế gian, vào đầu đêm kinh hành tĩnh tọa, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng. Đã từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng rồi, ra ngoài trú xứ rửa chân sạch sẽ, rửa sạch chân xong trở vào trú xứ, như pháp nằm ngủ để trưởng dưỡng đại chủng của thân. Đại chủng đã được tăng trưởng rồi, thân được tăng thêm lợi ích, chuyển vận thành sức khỏe,

có đủ khả năng thường thuận theo gia hạnh thiện pháp không gián đoạn.

Hỏi: Vì nhân duyên gì nằm nghiêng hông bên phải?

Đáp: Tướng pháp như vậy giống như sư tử chúa.

Hỏi: Tướng pháp đây sao gọi là giống như sư tử chúa?

Đáp: Sư tử là chúa tể trong muông thú, dũng mãnh bậc nhất. Bạc Bí-sô cũng vậy, phát siêng tinh tấn dũng mãnh ở nơi việc thường tu tập tỉnh thức Du-già, thật là bậc nhất. Do nhân duyên đây nên cùng với sư tử chúa có tướng pháp nằm giống nhau, chẳng phải như cách nằm của quý, của trời, của người thọ hưởng dục. Do tất cả loài kia lười biếng giải đãi, lực tinh tấn hạ liệt, bạc nhược. Lại tướng pháp nằm nghiêng hông bên phải giống sư tử chúa là lẽ tự nhiên. Khi nằm tư thế như vậy, thân không trạo loạn, niệm không bị quên mất, ngủ không quá say, không thấy ác mộng. Cách nằm khác với tướng đây, phải biết có đủ tất cả lỗi lầm trái với tướng trên, cho nên nói: “Nằm nghiêng hông bên phải, hai chân chồng lên nhau”.

Sao gọi là trụ tướng quang minh khéo léo mà nằm? Ở nơi tướng quang minh, khéo léo tinh cần khẩn thiết, khéo nắm giữ, khéo tư duy, khéo hiểu rõ, khéo thông đạt. Khéo léo mà nằm, tức là tư duy các quang minh của chư thiên câu hữu nơi tâm. Do nhân duyên đây tuy có nằm ngủ mà tâm không bị hôn ám. Như vậy gọi là trụ tướng quang minh khéo léo mà nằm.

Sao gọi là chánh niệm khéo léo mà nằm? Nếu ở nơi các pháp đã được nghe, đã tư duy, đã tu tập trở nên thuần thực, thể tánh thuần thiện, thì năng dẫn phát nghĩa lợi. Do vì chánh niệm, cho đến nằm mộng cũng thường theo đó chuyển. Do vì chánh niệm, nên trong lúc ngủ mộng cũng thường không quên mất, khiến cho tướng pháp của kia phân minh hiện tiền, tức ở nơi pháp kia tâm thuận theo đó quán sát nhiều hơn. Do vì chánh niệm, thuận theo điều đang niệm, nên ngủ trong trạng thái tâm thiện, hoặc trạng thái tâm vô ký. Đây gọi là chánh niệm khéo léo mà nằm.

Sao gọi là chánh biết khéo léo mà nằm? Đang ngủ ở trong chánh niệm, nếu lúc đó có một phiền não hiện tiền phát khởi khiến tâm bị nhiễm ô

nhiều nã. Ở nơi phiền nã đang lúc hiện tiền sanh khởi đây, năng chân chánh nhận thức rõ ràng khiến nhanh chóng xả bỏ, không bị chìm sâu. Đã thông đạt rồi khiến tâm trở lại vắng lặng. Đây gọi là chánh biết khéo léo mà nằm.

Sao gọi là tư duy khởi tưởng khéo léo mà nằm? Trước phải sách tấn khích lệ tâm, sau mới nằm ngủ. Lúc nằm ngủ mỗi mỗi phải tỉnh thức: “Tâm chẳng nên phóng túng như con hươu chạy trong rừng hoang”, thuận theo nhập vào ngủ nghỉ. Lại khởi nghĩ này: “Ta nay ở chỗ chư Phật đã khai mở về pháp tỉnh thức Du-già, tất cả đều phải thành tựu trọn vẹn. Vì khiến thành tựu trọn vẹn, phải an trụ vui thích gia hạnh tinh cần mạnh mẽ nhiệt huyết”. Lại tác nghĩ này: “Ta nay vì tu tập tỉnh thức Du-già, cần phải chân chánh phát khởi siêng năng an trụ tinh tấn. Vì muốn tu tập các pháp thiện, cần phải chân chánh siêng năng mạnh mẽ vượt qua các lười biếng, khởi phát đầy đủ siêng năng tinh tấn tăng gấp bội từ đầu đêm nay cho đến sáng sớm mai”.

Nên biết trong đây do tư duy khởi tưởng thứ nhất nên không ngủ say, lúc thức giấc nhanh chóng

bật dậy, vì thế trọn không quá giờ mới thức dậy.

Do tư duy khởi tưởng thứ hai, năng ở nơi tư thế nằm như sư tử chúa đã được nghe mà chư Phật đã khai mở, như pháp mà nằm không tăng không giảm.

Do tư duy khởi tưởng thứ ba khiến vui muốn thiện pháp thường không quên mất. Tuy có lạc niệm, nhưng về sau năng triển chuyển thọ học khiến không đoạn dứt.

Như vậy gọi là tư duy khởi tưởng khéo léo mà nằm.

Lại trong đây, sao gọi là vào cuối đêm nhanh chóng tỉnh thức, kinh hành, tĩnh tọa, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng?

Nói cuối đêm: tức là một đêm có bốn phần, quá một phần sau, gọi là phần cuối đêm. Do người kia trụ tưởng quang minh như vậy, chánh niệm, chánh biết, tư duy khởi tưởng khéo léo mà nằm.

Trong phần giữa đêm: tức là trong bốn phần của đêm, quá phần thứ nhất, mới chính thức nằm ngủ, khiến lúc thức dậy, thân có khả năng kham chịu. Thức dậy đúng giờ, không bị triền cái của hôn trầm thù miên phẩm thượng quấy nhiễu làm

cho lúc sắp dậy ám độn, uể oải, giải đãi, lười biếng. Do không bị ám độn, uể oải, giải đãi, lười biếng như vậy, lúc vừa tác ý, nhanh chóng bật dậy không mấy khó khăn, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng như trước đã nói.

Như vậy đã biện rộng đầu đêm, cuối đêm thường siêng tu tập tỉnh thức Du-già.

Lại nghĩa tóm lược của phần này như thế nào? Đó là lược có 4 chủng việc làm chân chánh của bổ-đặc-già-la sĩ phu thường siêng tu tập tỉnh thức Du-già. Những gì là bốn? 1. Cho đến lúc thức dậy, thường không xả lìa việc tu tập phẩm thiện, dũng mãnh tinh tấn không gián đoạn, thường thuận theo tu tập thiện pháp; 2. Nằm ngủ đúng thời, không nằm ngủ phi thời; 3. Không có tâm nhiễm ô mà tập quen ngủ nghỉ, hà hướng tâm nhiễm ô; 4. Thức dậy đúng giờ, không dậy quá giờ.

Vì nương 4 việc làm chân chánh của bổ-đặc-già-la đây mà chư Phật Thế Tôn vì chúng Thanh Văn tuyên dạy tu tập tỉnh thức Du-già. Sao gọi là tuyên dạy? Hoặc đã nói: “Vào ban ngày, kinh hành tỉnh tọa, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng. Vào đầu đêm, kinh hành tỉnh tọa, từ pháp thuận

chương tịnh tu trong lòng”. Do lời đây, tức tuyên dạy chủng việc làm thứ nhất như vậy: “Cho đến lúc thức dậy, không xa lìa tu tập phẩm thiện, đồng mãnh tinh tấn không gián đoạn thường thuận theo tu tập phẩm thiện”. Hoặc lại nói: “Ra ngoài trú xứ rửa chân sạch sẽ, trở vào trú xứ nằm nghiêng hông bên phải, chân chồng lên nhau”. Do lời đây, tức tuyên dạy chủng việc làm thứ hai như vậy: “Nằm ngủ đúng thời, không nằm phi thời”. Hoặc lại nói lời: “Trụ tướng quang minh, chánh niệm, chánh biết, khởi tướng tư duy khéo léo mà nằm”. Do lời đây, tuyên dạy chủng việc làm thứ ba như vậy: “Không có tâm nhiễm ô mà tập quen ngủ nghỉ, hà hướng tâm nhiễm ô”. Hoặc lại nói lời: “Ở phần cuối đêm, nhanh chóng thức dậy, kinh hành tinh tọa, từ pháp thuận chương tịnh tu trong lòng”. Do lời đây, tuyên dạy chủng việc làm thứ tư như vậy: “Dậy đúng giờ, không dậy quá giờ”.

Trong đó có nói: “Trụ tướng quang minh, chánh niệm, chánh biết, khởi tướng tư duy khéo léo mà nằm”. Đây hiển rõ bởi 2 duyên, đó là: do chánh niệm và do chánh biết khiến tâm không nhiễm ô mà tập quen ngủ nghỉ, hà hướng tâm nhiễm ô.

Việc đây lại thế nào? Do chánh niệm, nên đối với sở duyên thiện, nhiếp tâm thức liễm mà nằm ngủ. Do chánh biết, nên đối với sở duyên thiện, tâm thối thất sanh khởi phiền não, liền nhanh chóng năng chánh rõ biết. Như vậy nói do hai duyên đây, cần thiết đối với tâm không nhiễm ô mà có thói quen ngủ nghỉ, hà huống tâm nhiễm ô.

Lại có 2 duyên, đó là: do trụ tướng quang minh và do tư duy khởi tướng, nên thức dậy đúng giờ, dậy không quá giờ. Việc đây thế nào? Do trụ tướng quang minh và do tư duy khởi tướng nên không ngủ mê mệt, không bị ngủ nghỉ trối buộc, năng theo đuổi hạnh viễn ly. Như vậy nói do hai duyên đây mà thức dậy đúng giờ, dậy không quá giờ.

Như vậy tuyên nói nghĩa tóm lược của “thường siêng tu tập tỉnh thức Du-già”. Trước cũng đã tuyên nói, giải thích, biện biệt rộng nghĩa, tất cả gọi chung là “đầu đêm, cuối đêm, thường siêng tu tập tỉnh thức Du-già”.

h. Sao gọi là an trụ chánh biết? Như có người hoặc đi hoặc về, an trụ chánh biết; hoặc thấy hoặc nhìn, an trụ chánh biết; hoặc co hoặc duỗi, an trụ chánh biết; mặc y Tăng-già-lê và giữ y bát, an trụ

chánh biết; hoặc ăn, hoặc uống, hoặc nếm, hoặc nhai an trụ chánh biết; hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm an trụ chánh biết; hoặc nói hoặc im, an trụ chánh biết; khi tỉnh thức an trụ chánh biết, lúc ngủ giải lao an trụ chánh biết.

Trong phần hoặc đi, hoặc về, an trụ chánh biết. Sao gọi là đi? Sao gọi là về? Sao gọi là đi về, an trụ chánh biết?

Nói đi, đó là như có người đi đến xóm làng, đi vào xóm làng; đi đến nhà quyền thuộc, đi vào nhà quyền thuộc; đi đến đạo tràng, đi vào đạo tràng.

Nói về, đó là như có người trở về từ xóm làng, trở về từ trong xóm làng; trở về từ nhà quyền thuộc, trở về từ trong nhà quyền thuộc; trở về từ đạo tràng, trở về từ trong đạo tràng.

Nói đi về an trụ chánh biết, đó là đối với việc đi đến của mình, chánh biết “ta đi” và đối với việc đi về của mình, chánh biết “ta về”. Đối với chỗ nên đi và chỗ chẳng nên đi phải chánh rõ biết. Đối với chỗ nên về và chỗ chẳng nên về phải chánh rõ biết. Đối với lúc nên đi và lúc chẳng nên đi phải chánh rõ biết. Đối với lúc nên về và lúc chẳng nên về phải chánh rõ biết. Đối với việc nên đi và việc

chẳng nên đi như vậy như vậy phải chánh rõ biết. Đối với việc nên về và chẳng nên về phải chánh rõ biết. Đây gọi là chánh biết. Người kia do thành tựu chánh biết đây, nên tự biết mà đi, tự biết mà về; đi đến chỗ nên đi đến, không đến chỗ không nên đến; trở về chỗ nên trở về, không về chỗ không nên về; đúng thời mà đi về, chẳng phải phi thời. Quán sát sắc hình, chủng loại, hoạt động, ngừng nghỉ, phép tắc, lễ tiết, oai nghi của xứ đó, mà nên đi, nên về, như vậy mà đi, như vậy mà về. Như vậy gọi là hoặc đi, hoặc về an trụ chánh biết.

Trong phân hoặc thấy, hoặc nhìn, an trụ chánh biết. Sao gọi là thấy? Sao gọi là nhìn? Sao gọi là thấy nhìn, an trụ chánh biết?

Nói thấy, như trước các việc được liệt kê, hoặc đi đến, hoặc trở về, trước chưa có tuệ làm tiền dẫn, trước không dụng công, trước không có vui muốn, ở trong khoảng thời gian đó, mắt thấy các sắc. Đây gọi là thấy.

Nói nhìn, như trước các việc được liệt kê, hoặc đi đến, hoặc trở về, trí tuệ hiểu biết làm dẫn đầu, dụng công làm dẫn đầu, vui muốn làm dẫn đầu, mắt thấy các sắc, như là: hoặc vua, hoặc đồng bực

vua, hoặc quan lại, hoặc thứ dân, hoặc Bà-la-môn, hoặc cư sĩ, hoặc trưởng giả, hoặc thương chủ nhiều tài bảo; hoặc các vật khác bên ngoài như nhà cửa, đèn đài, lẵng miếu; hoặc những việc tạp ngoài thế gian... Nhìn thấy hết thấy việc đây gọi là nhìn. Lại ở tướng đó, nhìn thấy tự tướng, năng chánh rõ biết. Đối với việc nên thấy, đối với việc nên nhìn, nên chánh rõ biết. Lúc nên thấy, lúc nên nhìn, cũng phải rõ biết. Như việc nên thấy, như việc nên nhìn năng chánh rõ biết. Đây gọi là chánh biết. Do người kia thành tựu chánh biết đây, tự biết mà thấy, tự biết mà nhìn. Thấy việc nên thấy, nhìn việc nên nhìn. Lúc nên thấy, lúc nên nhìn mà thấy nhìn đúng đắn. Như điều nên thấy, như điều nên nhìn, như vậy mà thấy, như vậy mà nhìn... Như vậy gọi là hoặc thấy, hoặc nhìn an trụ chánh biết.

Trong phần hoặc co, hoặc duỗi, an trụ chánh biết. Sao gọi là co? Sao gọi là duỗi? Sao gọi là hoặc co, hoặc duỗi, an trụ chánh biết?

Người kia lúc thấy, lúc nhìn như vậy, hoặc đi đến làm dẫn đầu, hoặc trở về làm dẫn đầu, hoặc co duỗi cánh tay, hoặc co duỗi bàn tay, hoặc co duỗi chân, hoặc tùy co duỗi một chi phần nào đó. Đây

gọi là co duỗi. Hoặc ở mỗi tướng co duỗi năng chánh rõ biết. Hoặc sự việc co duỗi năng chánh rõ biết. Hoặc lúc co duỗi năng chánh rõ biết. Hoặc co như vậy và duỗi như vậy năng chánh rõ biết. Đây gọi là chánh biết. Do người kia thành tựu chánh biết đây, đối với co duỗi, tự biết mà co, tự biết mà duỗi. Đối với việc nên co mà co, đối với việc nên duỗi mà duỗi. Lúc nên co mà co, lúc nên duỗi mà duỗi. Như việc nên co, như vậy mà co; như việc nên duỗi, như vậy mà duỗi.. Như vậy gọi là hoặc co, hoặc duỗi an trụ chánh biết.

Trong phần giữ Tăng-già-lê và giữ y bát, an trụ chánh biết. Sao gọi là giữ Tăng-già-lê? Sao gọi là giữ y? Sao gọi là giữ bát? Sao gọi là giữ Tăng-già-lê và giữ y bát, an trụ chánh biết?

Đại y hoặc 60 điều, hoặc 9 điều, hoặc có hai lớp, gọi là y Tăng-già-lê. Chăn mền quần áo thọ dùng có thể bảo vệ giữ gìn cho thân thể, gọi là giữ. Hoặc có y trung, hoặc có y hạ được giữ làm y; hoặc có y dài, hoặc phải làm sạch, hoặc đã làm sạch.. tất cả như thế gọi là y. Chăn mền quần áo thọ dùng có thể bảo vệ giữ gìn cho cơ thể, gọi là giữ.

Hoặc đồ dùng có chức năng chứa đựng giữ gìn,

được sử dụng để khát thực, hoặc bằng sắt, hoặc bằng sành, gọi là bát. Hiện tại thọ dụng có thể bảo vệ gọi là giữ. Như vậy hoặc Tăng-già-lê, hoặc y, hoặc bát, hoặc sạch, hoặc không sạch năng chánh rõ biết. Tùy theo lúc, đã giữ nên giữ hoặc Tăng-già-lê, hoặc y hoặc bát năng chánh rõ biết. Nếu hoặc Tăng-già-lê, hoặc y hoặc bát như vậy nên giữ như vậy năng chánh rõ biết. Đây gọi là chánh biết. Do người kia thành tựu chánh biết đây, nên đối với vật nên giữ hoặc Tăng-già-lê, hoặc y hoặc bát, tự biết mà giữ. Lúc nên giữ, năng chân chánh giữ. Như vật nên giữ, như vậy mà giữ... Như vậy gọi là giữ y Tăng-già-lê và giữ y bát an trụ chánh biết.

Trong phần hoặc ăn, hoặc uống, hoặc nhai, hoặc nếm, an trụ chánh biết. Sao gọi là ăn? Sao gọi là uống? Sao gọi là nhai? Sao gọi là nếm? Sao gọi hoặc ăn, hoặc uống, hoặc nhai, hoặc nếm, an trụ chánh biết?

Các sở hữu dùng để thọ dụng ăn uống, gọi chung là ăn. Đây lại có hai loại: một là ăn; hai là nếm.

Ăn: như ăn bánh, lương khô, cháo, cơm, canh... các loại thức ăn chế biến khác có thể ăn, năng

nuôi dưỡng mạng sống. Hết thấy loại như vậy đều gọi là nếm, cũng gọi là ăn.

Nếm: nếm sữa, lạc, sanh tô, thực tô, dầu, mật, đường, cá, thịt, chả, quả mới hái... hoặc chủng chủng thực phẩm ăn được. Tất cả như vậy gọi chung là nếm, cũng gọi là ăn.

Uống: đó là hoặc nước mía, hoặc nước đường phèn, hoặc nước cơm... cho đến nước trong, gọi chung là uống.

Nếu ở nơi sở hữu tự tướng như vậy, hoặc ăn, hoặc uống, hoặc nếm, hoặc nhai năng chánh rõ biết. Hoặc đối với tất cả vật ăn, uống, nếm, nhai năng chánh rõ biết. Hoặc lúc ăn, lúc uống, lúc nếm, lúc nhai năng chánh rõ biết. Hoặc đối với việc nên ăn, nên uống, nên nếm, nên nhai năng chánh rõ biết. Đây gọi là chánh biết. Do người kia thành tựu chánh biết đây, nên đối với sở hữu hoặc ăn, hoặc uống, hoặc nhai, hoặc nếm của bản thân, tự biết mà ăn, tự biết mà uống, tự biết mà nhai, tự biết mà nếm. Đối với vật nên ăn, đối với vật nên uống, đối với vật nên nhai, đối với vật nên nếm, thì chánh ăn, chánh uống, chánh nhai, chánh nếm. Đúng lúc nên ăn, đúng lúc nên uống, đúng lúc nên

nhai, đúng lúc nên nếm. Như vật nên ăn, cho đến như vật nên nếm, như vậy mà ăn, cho đến như vậy mà nếm. Như vậy gọi là hoặc ăn, hoặc uống, hoặc nhai, hoặc nếm an trụ chánh biết.

Trong phần hoặc đi, hoặc đứng, nói rộng cho đến hoặc ngủ nghỉ giải lao an trụ chánh biết. Sao gọi là đi? Sao gọi là đứng? Sao gọi là ngồi? Sao gọi là nằm? Sao gọi là tỉnh thức? Sao gọi là nói? Sao gọi là im? Sao gọi là ngủ nghỉ giải lao? Sao gọi là ở nơi việc đi, nói rộng cho đến việc ngủ nghỉ giải lao an trụ chánh biết?

Như có người đi qua lại tới lui kinh hành ở nhiều chỗ, hoặc đến trú xứ thăm bạn đồng pháp, hoặc đi bộ trên đường. Hết thấy việc như vậy gọi là đi.

Lại như có người đứng ở chỗ kinh hành, đứng trước các bạn đồng pháp, A-xà-lê, Hòa thượng, các bậc tôn trưởng, các vị đồng bậc với tôn trưởng. Hết thấy việc như vậy gọi là đứng.

Lại có người ngồi kiết già hoặc trên giường lớn, hoặc trên giường dây nhỏ, hoặc trên tòa bằng cỏ lá, hoặc trên bồ đoàn, hoặc trên ni-sư-dàn, thân đoan nghiêm, chánh nguyện, an trụ niệm trái lia.

Hết thấy việc như vậy gọi là ngồi.

Lại như có người ra ngoài trú xứ, rửa chân sạch sẽ, trở vào trú xứ, hoặc trên giường lớn, hoặc trên giường dây nhỏ, hoặc trên tòa bằng cỏ lá, hoặc ở nơi a-lan-nhã, hoặc dưới gốc cây, hoặc ở tịnh thất không nhà, nằm nghiêng hông bên phải, chân chồng lên nhau. Hết thấy việc như vậy gọi là nằm.

Lại như có người ban ngày tĩnh tọa, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng, đầu đêm, cuối đêm kinh hành tĩnh tọa, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng. Đây gọi là tĩnh thức.

Lại như có người thường xuyên tu tập tĩnh thức như vậy, đối với pháp chưa thọ, chân chánh thọ, chân chánh tu tập khiến được rốt ráo, như là Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt... nói rộng như trước. Đối với pháp đã lãnh thọ như vậy, lời nói khéo thông lợi, đó là dùng âm thanh lớn hoặc đọc, hoặc tụng, lại vì người khác rộng thuyết khai thị. Tùy thời gian, cùng các bậc đồng phạm hạnh có trí, hoặc các bậc hiền thiện tại gia năng đàm luận hòa vui, vì muốn khích lệ nhau hay cầu vật dụng. Hết thấy việc như vậy gọi là nói.

Lại như có người tùy theo điều trước đã được nghe, trước đã tu tập, dụng lời nói khéo thông lợi rất ráo ở nơi các pháp. Một mình nơi chốn không nhàn, tư duy các nghĩa, cân nhắc quán sát. Hoặc ở tịnh thất khiến tâm nội trụ, đẳng trụ, an trụ, cùng với cận trụ, tối cực tịch tĩnh, chuyên chú một hướng, đẳng trì. Hoặc ở nơi pháp Tỳ-bát-xá-na mà tu tập Du-già. Hết thấy việc như vậy gọi là im lặng.

Lại như có người vào lúc trời nắng nóng, hoặc vì cái nóng bức bách, hoặc vì công việc vất vả nên sanh mệt mỏi, nên phi thời mà ngủ mê, say sưa ngủ nghỉ. Đây gọi là do quá mệt nhọc mà ngủ.

Nếu lại ở nơi sở hữu tự tướng của việc đi... cho đến việc ngủ giải lao năng chánh rõ biết. Lúc nên đi cho đến lúc nên ngủ giải lao năng chánh rõ biết. Như việc nên đi cho đến việc nên ngủ giải lao năng chánh rõ biết. Đây gọi là chánh biết. Do người kia thành tựu chánh biết đây, nên đối với việc đi của mình cho đến đối với việc ngủ giải lao của mình, chánh biết mà đi cho đến chánh biết mà ngủ giải lao. Hoặc chỗ nên đi cho đến chỗ nên ngủ giải lao, tức ở nơi kia đi cho đến ở nơi kia ngủ giải lao. Hoặc lúc nên đi cho đến lúc nên ngủ giải lao,

tức ở lúc đó mà đi cho đến ở lúc đó mà ngủ giải lao. Như chỗ nên đi, như vậy mà đi; như chỗ nên ngủ giải lao, như vậy mà ngủ giải lao. Tất cả như vậy gọi là đối với đi, đối với đứng, đối với ngồi, đối với nằm, đối với tỉnh thức, đối với nói, đối với im lặng, đối với ngủ giải lao an trụ chánh biết.

Lại nữa, an trụ chánh biết như thế, sao gọi là theo thứ lớp? Vì hiển việc gì?

Như có người nương nơi thôn xóm, tụ lạc, đình làng mà ở, khởi suy nghĩ này: “Ta nay nên đến thôn xóm, tụ lạc, đình làng kia mà du hành khát thực”. Sau khi khát thực, về lại trú xứ cũ. Ở trong tất cả thôn xóm như vậy, có những cư gia không nên đến. Những cư gia ấy là gì? Đó là nhà truyền lệnh, nhà bán rượu, nhà dâm nữ, nhà của vua, nhà đồ tể, hoặc nhà thuộc chiêm-trà-la, yết-sĩ-na, hoặc lại có nhà một hướng phỉ báng không thể xoay chuyển. Cũng có chỗ cư gia nên đi đến, đó là nhà của những dòng họ lớn Sát-đế-lợi, nhà dòng họ lớn Bà-la-môn, nhà các dòng họ lớn của những người cư sĩ, hoặc nhà của quan chức, hoặc nhà giàu có, hoặc nhà trưởng giả, hoặc nhà thương chủ... Lại có cư gia tùy lúc mà đến, không đến quá sớm hay

đến quá muộn. Hoặc nhà thí chủ gặp lúc bận nhiều việc gấp, cũng không nên đến. Hoặc lúc yến tiệc vui chơi, hoặc lúc trang sức, hoặc lúc có nhiều tệ nạn thế gian, hoặc lúc cạnh tranh cãi vã... những lúc như vậy đều chẳng nên đến.

Lại như chỗ đến nên như vậy đến, tức không cùng đi với bầy voi ác hung dữ quấy phá, không cùng đi với xe ngựa ác, trâu ác, chó ác, không vào chốn ồn náo, không giẫm đạp lên gai, không nhảy qua tường, không nhảy qua hầm hố, không nhảy xuống vách núi, không ngâm mình ở nước sâu, không đạp lên phần uest. Nên như trong *Kinh Nguyệt Dụ* mà đi đến nhà thí chủ, tức là phải đầy đủ tầm quý, xa lìa kiêu ngạo, thúc liễm thân tâm, không cầu lợi dưỡng và cung kính. Nếu ở nơi lợi dưỡng mình thu được mà tâm sanh hoan hỷ, thì đối với lợi dưỡng của người khác, tâm cũng phải hoan hỷ như vậy. Không tự cao cử, không khinh miệt người, phải sanh lòng thương xót.

Lại nên tự giữ tâm này khi đến nhà thí chủ: “Há có người xuất gia đi đến nhà người khác mà chỉ mong cầu người thí, không phải không huệ thí... nói rộng cho đến muốn nhanh chóng, chứ không

phải chậm chạp”.

Lại khởi nghĩ này: “Ta nay đến nhà thí chủ, đối với các vật thí được lãnh thọ cần phải biết lượng. Ta cũng không nên vì nhân duyên lợi dưỡng mà hiện tướng mê hoặc, lừa dối, kiêu trá, dùng lợi để cầu lợi. Khi được lợi dưỡng rồi, không nhiễm ô, không yêu thích, cũng không ham thích mê muội, chấp đắm mà thọ dụng”.

Lại khi đã đi đến, hoặc đang lúc đi đến mà trông thấy các sắc, trong các sắc đây có sắc nên nhìn, có sắc không nên nhìn. Đối với các sắc không nên nhìn, phải thu nhiếp căn mắt, khéo nắm giữ, hộ trì các căn. Đối với các sắc nên nhìn, phải khéo an trụ niệm mà chân chánh quán sát.

Sắc của loại nào không nên nhìn? Là sắc của các kỹ nữ ca hát cười giỡn, hoặc sắc của các hoạt động nhảy múa ca hát. Lại có sắc của các thôn nữ tươi đẹp, trẻ trung, nhan sắc mỹ miều. Lại có các sắc khác mà khi trông thấy năng hủy hoại phạm hạnh, năng ngăn ngại phạm hạnh, năng khiến các tâm tư ác bất thiện hiện hành. Sở hữu các sắc của loại sắc như vậy thì không nên nhìn.

Sắc của loại sắc nào nên nhìn? Là sắc của

thân thể già suy yếu, sức lực mòn mỏi, lưng còng, chống gậy mà đi. Hoặc sắc của những người thân mắc phải trọng bệnh đau đớn, thân hình hôi như thối rữa, các căn ám độn, chân tay mặt bụng sưng phù, sắc da vàng vọt mụn nhọt, da khô có nám, ghẻ lở, cùi hủi... chịu các thứ khổ bức bách. Hoặc sắc của người yếu mạng, chết đã trải qua một ngày, hoặc hai ngày, hoặc bảy ngày, bị các loài chim khách, chó đói, điều hâu, chó sói, dã can, các thứ bàng sanh, cầm thú hung bạo đến xé xác ăn nuốt. Hoặc sắc của người chết rồi để trên giường, trên có màn che, trước sau có nhiều người thương khóc, đem thân lăn lóc trên đất, sanh sầu khổ, ưu bi, oán hờn, thương nhớ, áo não. Hết thấy các loại sắc như thế, ta nên quán sát. Quán các sắc đây năng khiến thuận theo phạm hạnh, năng nhiếp phạm hạnh, năng khiến các tâm tư thiện hiện hành.

Vào nhà thí chủ, không nên lắc lư thân, khoa tay, lắc đầu, vung tay nhẩy nhót, ôm hông, bá vai. Không nên ngồi liền, không ngồi chỗ chưa mời, nên quan sát kỹ chỗ chuẩn bị ngồi, không nên phóng túng tất cả thân phần mà ngồi. Không nên nhón chân, hoặc ngồi tréo ngoã. Mở chân không

quá rộng, không quá hẹp. Tư thế ngồi phải đoan nghiêm. Chẳng nên mở khuy áo, để lộ ngực. Cũng không cởi áo mà mặc pháp phục. Pháp y phải tề chỉnh, không cao không thấp, không như vòi voi, không như hoa đa-la bị héo úa, chẳng phải như đầu rồng. Không nên ôm bát chờ sẵn ở chỗ ăn. Không nên ôm bát ở trên chỗ ăn uống. Không nên để bát ở chỗ dơ uest, hầm hốt, khe suối, hoặc bên sườn dốc, bờ mé. Lại nên thứ tự thọ dùng thức uống ăn. Không nên lấy cơm phủ lên canh thịt, không lấy canh thịt phủ lấp cơm. Không nên tham lam thọ dụng các món ăn uống. Không có tâm giận hờn khi thọ dụng thức ăn uống. Chẳng ăn quá nhanh, chẳng ăn quá chậm, nên vo tròn rồi ăn. Khi ăn chẳng nên gõ bát, không liếm tay, liếm bát. Không nên hươ tay rung chân mà ăn, hoặc xới mốt thức ăn mà ăn.

Từ nhà thí chủ trở về trú xứ, ban ngày ban đêm kinh hành qua lại ở chỗ kinh hành riêng của mình, đừng đến chỗ kinh hành của người khác. Chẳng được kinh hành những chỗ khó đi, chỗ không thoả mái, chỗ không an toàn, không được đi kinh hành ở những nơi phi xứ này. Chẳng phải vì chế phục thân vất vả, mệt mỏi, chẳng phải vì chế phục

tâm trạo cử mà tu tập kinh hành. Chỉ vì tư duy thiện, tu phẩm thiện, vì thu nhiếp các căn bên trong, khiến tâm chẳng hướng theo bên ngoài loạn động mà tu tập kinh hành. Khi đi kinh hành không được ruổi nhanh, chẳng được hấp tấp, chẳng phải một bề chuyên chú việc qua lại mà tu tập kinh hành. Thông thả thông thả bước đến, thông thả thông thả dừng lại mà tu tập kinh hành.

Như vậy kinh hành ở trú xứ của mình, tự viện, phòng riêng, chỗ riêng mà Tăng phân cho, không kinh hành ở các chỗ không được phép.

Sau khi đã tu tập kinh hành, lại thực hành việc tu tập tĩnh tọa, hoặc trên giường lớn, hoặc trên giường dây nhỏ, hoặc trên tòa ngồi bằng cỏ lá, hoặc trên ni-sư-đàn, hoặc ở chốn a-lan-nhã, hoặc ở dưới gốc cây, hoặc ở gò mả, hoặc tịnh thất không nhàn, ngồi kiết già, thân đoan nghiêm, chánh nguyện, an trụ niệm trái lìa. Vào giữa đêm, như pháp ngủ nghỉ. Vào ban ngày và đầu đêm, tu tập các phẩm thiện không nên quá vội gáp. Như vậy đến lúc ngủ phải như trước đã nói, trụ tướng quang minh, chánh niệm, chánh biết, tư duy khởi tướng. Vào cuối đêm nhanh chóng tỉnh thức.

Lại ở nơi nghĩa luận bàn, hoặc ở nơi đọc tụng, siêng tu tập gia hạnh. Hoặc vì tu đoạn, ở chốn thanh nhàn, tĩnh lặng. Lúc tư duy pháp, phải nên xa lìa điển tịch sách vở thế gian, chữ, câu, văn, từ hoa mỹ trau chuốt bóng bẩy hay dẫn đến sự vô nghĩa, chẳng thể khiến chúng được thần thông, đẳng giác, cứu cánh Niết-bàn.

Lại ở nơi chánh pháp mà Như Lai đã thuyết, tối cực thẳm sâu, tương tự thẳm sâu, tương ứng tánh không, các duyên khởi của tánh duyên, phải luôn luôn ân trọng không gián đoạn, khéo nhiếp giữ, khéo lãnh thọ, khiến trụ vững chắc không hoại mất. Tất cả như vậy chỉ vì trọn nên chánh hạnh, chẳng vì lợi dưỡng, cung kính, xưng khen.

Lại ở nơi chánh pháp đây, tuệ khéo quán sát, lời nói khéo thông lợi. Ở chỗ chúng hay nói chuyện ồn tạp, không ham vui thân cận tập quen, không vui tạo nhiều nghiệp, không vui nhiều lời. Thời thời an trụ chánh niệm, cùng các đồng phạm hạnh có trí luận bàn, an ủi khích lệ, hòa vui thưa hỏi, vui cầu các thiện pháp, không lòng tranh cãi kiện tụng. Nếu vì người khác tuyên thuyết chánh pháp, phải dùng lời lẽ cẩn trọng, hợp lý, chánh trực, lời

nói phải tịch tĩnh, vui vẻ ôn hòa. Lại nên im lặng, không vui tìm cầu suy nghĩ ở nơi các tâm tư ác bất thiện. Lại chẳng vui tư duy các pháp phi lý. Ở nơi sở chứng của mình, xa lìa tăng thượng mạn. Ở nơi những điều chứng đắc hạ liệt sai khác, không vì vậy mà sanh vui đủ. Ở nơi những điều chứng đắc sâu xa hơn, không sanh thói chuyển co rút. Thường khéo xa lìa những sự việc không nên tâm tư. Thời thời tu tập chỉ quán Du-già, vui đoạn trừ, vui tu tập, tu tập ân trọng, tu tập không gián đoạn.

Lại khi thời tiết nóng bức, gắng sức dũng mãnh phát siêng tinh tấn theo việc cần làm, nên phát khởi vô số mệt mỏi, tâm trở nên hôn muội, ngủ gập phi thời, do đây tạm thời cần phải ngủ nghỉ, để khiến hôn muội nhanh chóng dừng dứt. Chớ trải qua thời gian ngủ nghỉ lâu, sẽ làm tổn giảm phẩm thiện, chướng ngại phẩm thiện. Vào lúc ngủ nghỉ, hoặc đóng cửa, hoặc nhờ Bí-sô ở bên cạnh trông hộ, hoặc dùng phép ẩn mật trong quỹ tắc Tỳ-nại-da, lấy y che thân, ở trong chỗ sâu kín đáo, ngủ trong giây lát, khiến hết thấy mệt mỏi buồn ngủ đều được trừ sạch.

Như thế gọi là thứ lớp trước sau an trụ chánh

biết, đó là nương lúc hành và nương lúc trụ. Lại đối với phẩm thiện trước chưa thú nhập, tâm khởi gia hạnh tác ý như lý đồng hành diệu tuệ. Đây gọi là chánh biết. Tức chánh biết đây, lúc hành, lúc trụ, tất cả đều thành tựu trọn vẹn, không chỗ nào thiếu sót.

Như vậy gọi là an trụ chánh biết.

Phải biết trong đây, hoặc đi, hoặc về; hoặc thấy, hoặc nhìn; hoặc co, hoặc duỗi; giữ Tăng-già-lê và giữ y bát; hoặc ăn, hoặc uống, hoặc ném, hoặc nhai, an trụ chánh biết. Đây gọi là ở thôn xóm... lúc hành như pháp an trụ chánh biết. Hoặc đi, hoặc đứng, hoặc nằm, hoặc ngồi; hoặc tập tỉnh thức; hoặc nói, hoặc im, hoặc ngủ nghỉ giải lao đều an trụ chánh biết. Đây gọi là ở nơi trú xứ, lúc trụ như pháp an trụ chánh biết.

Như vậy đã phân biệt rộng ý nghĩa của an trụ chánh biết.

Nghĩa tóm lược của phần này thế nào? Đó là lúc hành có 5 loại nghiệp. Lúc trụ có 5 loại nghiệp. Lúc hành, lúc trụ an trụ chánh biết có 4 loại nghiệp. Như vậy gọi là lược nghĩa của an trụ chánh biết.

Sao gọi là lúc hành có 5 loại nghiệp? 1. Nghiệp

thân; 2. Nghiệp mắt; 3. Nghiệp tất cả chi tiết; 4. Nghiệp y bát; 5. Nghiệp ăn uống. Như vậy gọi là lúc hành có 5 nghiệp.

Khi nói “hoặc đến, hoặc về”, lời đây hiển thị nghiệp thân lúc đi. Hoặc khi nói “hoặc thấy, hoặc nhìn”, lời đây hiển thị nghiệp mắt lúc đi. Hoặc khi nói “hoặc co, hoặc duỗi”, lời đây hiển thị nghiệp tất cả chi phần lúc đi. Hoặc khi nói “hoặc giữ Tăng-già-lê và giữ y bát”, lời đây hiển thị nghiệp y bát lúc đi. Hoặc khi nói “hoặc ăn, hoặc uống, hoặc nếm, hoặc nhai”, lời đây hiển thị nghiệp ăn uống lúc đi.

Sao gọi là lúc trụ có 5 loại nghiệp? 1. Nghiệp thân; 2. Nghiệp ngữ; 3. Nghiệp ý; 4. Nghiệp ban ngày; 5. Nghiệp ban đêm.

Khi nói “hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi”, lời đây hiển thị nghiệp thân lúc trụ. Hoặc khi nói “hoặc nói”, lời đây hiển thị nghiệp ngữ lúc trụ. Hoặc khi nói “hoặc nằm, hoặc im, hoặc ngủ nghỉ giải lao”, lời đây hiển thị nghiệp ý lúc trụ. Hoặc khi nói “hoặc tập tỉnh thức”, lời đây hiển thị lúc trụ nghiệp ban ngày, nghiệp ban đêm, nghiệp thân, nghiệp ngữ. Hoặc nói “hoặc nằm”, lời đây hiển thị

lúc trụ nghiệp ban đêm. Nên biết đây gọi là 5 nghiệp lúc trụ.

Sao gọi là lúc hành, lúc trụ an trụ chánh biết có 4 nghiệp? Lúc ban đầu nương nơi nghiệp hành, nghiệp trụ kia mà phát khởi nghiệp như vậy, tức ở nơi nghiệp kia, an trụ giữ gìn chánh niệm, an trụ không phóng dật. Nên biết nghiệp đây nhiếp thuộc chánh niệm, nhiếp thuộc không phóng dật. Hoặc ở nơi việc đây, chỗ này, lúc ấy, tùy việc nên làm, như lượng, như lý, như hết thảy phẩm loại của nó, tức ở nơi việc đây, chỗ này, lúc ấy, như lượng, như lý, như phẩm loại của nó, chánh biết mà làm.

Do người kia chánh biết mà làm như vậy, nên ở trong hiện pháp không có tội, không trái phạm, không có việc làm ác, không thay đổi, không hối hận. Ở đời vị lai cũng không có tội, sau khi mạng chung không đọa ác thú, không sanh trong tất cả địa ngục. Vì đặc điều chưa đặc mà tích tập tư lương. Như vậy gọi là sở hữu nghĩa tóm lược của an trụ chánh biết. Trước đã rộng phân biệt, nay đây lược nghĩa, tất cả đều gọi chung là an trụ chánh biết.

Quyển 25

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA

Phân đầu DU GIÀ XỨ - XUẤT LY ĐỊA thứ 3-4

i. Sao gọi là tánh bạn lành? Có 8 nhân duyên nên biết viên mãn tất cả tánh bạn lành. Những gì là tám? Đó là có người an trụ giới cấm, đầy đủ đa văn, năng có sở chứng, tánh nhiều ai mãn, tâm không nhàm chán mỗi một, thường khéo kham nhẫn, không có khiếp sợ, lời nói đầy đủ viên mãn.

Sao gọi là an trụ giới cấm? Là an trụ giới cụ túc, thường khéo giữ gìn luật nghi Biệt giải thoát, đã nói rộng như ở phần trước. Vui trụ trong tánh Sa-môn, vui trụ trong tánh Bà-la-môn. Vì tự điều phục mình, vì tự tịch tĩnh mình, vì tự mình Niết-bàn mà tu hành chánh hạnh. Như vậy gọi là an trụ giới cấm.

Sao gọi là đầy đủ đa văn? Ở nơi nhiều loại diệu pháp sai khác, có pháp tuyên nói khai thị, văn nghĩa diệu khéo; có pháp phần đầu, phần giữa, phần sau đều thiện; có pháp khiến viên mãn phạm

hạnh trong sạch thì năng khéo thọ trì, lời nói khéo thông lợi, ý khéo nghiên cứu tư duy, nhận thức khéo thông suốt thấu đạt. Như vậy gọi là đầy đủ đa văn.

Sao gọi là năng có sở chứng? Vì năng chứng được tướng vô thường thù thắng vi diệu, tướng vô thường là khổ, tướng vô ngã là khổ, tướng nhàm chán uống ăn, tướng tất cả thế gian chẳng thể vui, tướng có quá hoạn, tướng đoạn, tướng lìa, tướng diệt, tướng chết, tướng bất tịnh, tướng xanh bầm ứ máu, tướng máu mủ thối rữa, tướng biến hoại, tướng trương sinh, tướng cắn xé ăn nuốt, tướng trơ xương, tướng phân rã, tướng xương cốt rệu rã, tướng quán sát không.

Lại năng chứng đắc Sơ tĩnh lự, Đệ nhị tĩnh lự, Đệ tam tĩnh lự, Đệ tứ tĩnh lự, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, cuối cùng chứng Phi tướng phi phi tướng xứ.

Lại năng chứng được từ, bi, hỷ, xả, cũng năng chứng quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc thần cảnh thông, hoặc túc trụ thông, hoặc thiên nhĩ thông, hoặc sanh tử thông, hoặc tâm sai biệt thông, hoặc A-la-hán, hoặc đầy đủ

tám định tĩnh lực, như giải thoát... Người kia đủ khả năng kham chịu, có đầy đủ năng lực rộng lớn, năng vì người thị hiện ba thần biến dạy răn dạy trao. Ba loại thần biến: 1. Thần lực thần biến; 2. Kỳ thuyết thần biến; 3. Giáo đạo thần biến. Như vậy gọi là năng có sở chứng.

Sao gọi là tánh nhiều ai mãn? Đối với người khác thường khởi lòng bi lân mẫn thương xót, vui với việc làm có nghĩa của họ, vui với điều lợi ích của họ, vui với niềm vui của họ, vui với cảm xúc tốt đẹp của họ, vui với việc an ổn của họ. Như vậy gọi là tánh nhiều ai mãn.

Sao gọi là tâm không nhàm chán mỗi mệ? Là hay khéo chỉ dạy rõ ràng, hay khéo dạy bảo, hay khéo khích lệ, hay khéo an ủi. Ở giữa bốn chúng, tuyên thuyết chánh pháp không hề mỗi nhọc, chuyên cần vượt bậc không lười biếng, khởi phát viên mãn. Tánh vui thích siêng năng tinh tấn. Như vậy gọi là tâm không nhàm chán mỗi mệ.

Sao gọi là khéo năng kham nhẫn? Đó là bị mắng chửi, không mắng chửi lại; bị giận, không giận lại; bị đánh, không đánh lại; bị khinh thường, không khinh thường lại; nhẫn chịu đối với các roi

gậy vây đánh bức ngặt. Trong các việc khổ như trói buộc, giam cầm, đánh đập, hủy nhục, đâm chém... tự mình vượt qua. Lấy nghiệp dị thực làm chỗ nương hướng đến, nên quyết không đối với người khác phát sanh sân hận, cũng không ôm hận để lòng chẳng xả. Như vậy tuy gặp phải sự xâm phạm lấn hiếp hủy nhục, mà bản tánh đều không thay đổi, chỉ thường nghĩ làm điều lợi ích cho kẻ hại kia.

Lại năng kham nhẫn lạnh nóng, nắng gió, đói khát; gặp phải các độc trùng như muỗi, ruồi, rắn, bọ cạp... hay gặp phải lời nói xúc phạm độc ác của người khiến thân đau đớn bứt rứt, tâm bị khổ đau bức thiết, khổ sở như bị mất mạng, nhưng vì tánh kham nhẫn nên năng chịu đựng dung thứ. Như vậy gọi là khéo năng kham nhẫn.

Sao gọi là không khiếp sợ? Ở giữa đại chúng tuyên thuyết chánh pháp tâm không khiếp nhược, tiếng không run rẩy, biện biệt rõ ràng không lầm lạc, nách không chảy mồ hôi, lông trên thân không dựng đứng. Trọn không do nhân duyên kia mà khiếp sợ hay bị các sự đáng sợ khác bức bách. Như vậy gọi là không có khiếp sợ.

Sao gọi là lời nói đầy đủ viên mãn? Vì người kia thành tựu ngôn ngữ tối thượng: lời nói rất mỹ diệu, hiểu biết thâm sâu, hiển nghĩa sâu xa, dễ thọ dễ hiểu; lời nói khiến vui muốn nghe, lời nói không xúc não, lời nói không cùng tận, không biên bờ, lời nói không có chỗ nương. Như vậy gọi là lời nói đầy đủ viên mãn, ngôn từ khéo léo vi diệu.

Thành tựu 8 chủng nhân duyên như thế, khéo hay ngăn chặn, cử tội, khéo hay khiến nhớ nghĩ, khéo hay dạy trao, khéo hay dạy răn, khéo hay thuyết chánh pháp.

Sao gọi là khéo hay ngăn chặn, cử tội? Vì nếu có người ở nơi tăng thượng giới có chỗ hủy phạm, ở nơi tăng thượng quý tặc có chỗ hủy phạm, do thấy, nghe, nghi người kia, nên dùng pháp can gián, cử tội chân chánh. Tức là vì lòng muốn khiến người kia được nhiều ích, không phải suy tổn, nên dùng pháp chân thật khuyên can, không phải hư dối; đúng thời, không phải phi thời; vì tâm bạn lành, không phải vì lòng ghen ghét, tạt đổ đối với người hủy phạm kia, nên dùng lời nhu nhuyễn, không phải thô ác. Như vậy gọi là khéo hay ngăn, cử.

Sao gọi là khéo hay khiến nhớ nghĩ? Là khiến

nhớ nghĩ đến tội lỗi đã phạm trước, hoặc khiến nhớ nghĩ pháp, hoặc khiến nhớ nghĩ nghĩa.

- Sao gọi là khiến nhớ nghĩ tội lỗi đã phạm trước? Nếu có người trước đã từng phát khởi việc hủy phạm mà không thể tự nhớ, phải khéo dùng phương tiện khiến kia nhớ nghĩ, bảo rằng: “Ông từng ở chỗ đó, vào lúc đó, ở sự việc đó, hủy phạm tướng loại như thế như thế...”. Như vậy gọi là khiến kia nhớ nghĩ tội lỗi đã phạm trước.

- Sao gọi là khiến nhớ nghĩ pháp? Nếu có người ở một mình suy nghĩ nhớ về pháp đã được nghe, đã được thọ, như là Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt... như trước nói rộng. Nếu người kia không nhớ, phải dùng phương tiện khiến kia nhớ nghĩ: hoặc thuật lại, truyền dạy, gọi lại khiến cho nhớ nghĩ; hoặc phát khởi cật vấn, nạn hỏi khiến cho nhớ nghĩ. Như vậy gọi là khiến nhớ nghĩ pháp.

- Sao gọi là khiến nhớ nghĩ nghĩa? Nếu có người đối với nghĩa lý chân chánh đã được nghe, đã được thọ mà bị quên mất, vì muốn khiến kia nhớ nghĩ lại nên vì kia tuyên thuyết, khai thị khiến cho sáng tỏ, khiến cho rõ ràng. Lại nếu có điều thiện năng dẫn đến nghĩa lợi, năng dẫn phát phạm

hạnh, hoặc có những việc làm đã lâu, những lời dạy đã lâu, kia nếu quên mất điều đã làm, cũng khiến cho nhớ nghĩ. Do đây nên gọi là khiến nhớ nghĩ nghĩ.

Sao gọi là khéo hay dạy trao? Ở nơi hạnh viễn ly tịch tịnh, tác ý chỉ quán Du-già, thường thuận theo đó mà triển chuyển dạy trao, thường tuyên thuyết cùng luận nói tương ưng với kia không điên đảo, đó là các ngôn luận khiến tâm hướng đến xa lìa các chướng cái ngăn che. Vui thích sâu hết thảy ngôn luận giới, ngôn luận đẳng trì, ngôn luận thánh tuệ, ngôn luận giải thoát, ngôn luận giải thoát tri kiến, ngôn luận thiếu dục, ngôn luận vui đủ, ngôn luận vĩnh viễn đoạn dứt, ngôn luận ly dục, ngôn luận tịch diệt, ngôn luận tổn giảm, ngôn luận không tạp, ngôn luận tùy thuận duyên khởi của tánh duyên. Như vậy gọi là khéo hay dạy trao.

Sao gọi là khéo hay dạy răn? Đó là năng dùng chánh pháp và Tỳ-nại-da thánh giáo mà bậc Đại sư thuyết, bình đẳng dạy bảo răn nhắc. Hoặc Quý phạm sư, hoặc Thân giáo sư, hoặc bạn đồng pháp, hoặc những bậc đáng tôn trọng khác, như thật biết kia có lỗi hủy phạm trái vượt, liền đúng thời như pháp

quở trách, trị phạt, đui bỏ khiến kia được điều phục. Lúc kia đã điều phục rồi, như pháp bình đẳng thọ các lợi dưỡng, cùng hòa đồng, nhiếp thọ, thúc liễm, hiểu biết. Đối với việc nên làm thì khiến làm, đối với việc không nên làm thì khiến không làm, đối với việc tích tập và không tích tập đều dạy dẫn chỉ bảo. Như vậy gọi là khéo hay dạy răn.

Sao gọi là khéo thuyết chánh pháp? Vì muốn các hữu tình được thành thực, vì khiến chánh pháp được cứu trụ, nên thường khéo tuyên thuyết ngôn luận không điên đảo làm trước tiên, đó là: ngôn luận thí, ngôn luận giới, ngôn luận sanh thiên. Ở nơi các dục, khéo rộng khai thị khiến lìa khỏi các quá hoạn và khéo rộng khai thị phẩm pháp xuất ly thanh tịnh. Lại thường tuyên thuyết ngôn luận thù thắng siêu vượt tương ưng bốn chủng thánh đế, đó là: ngôn luận khổ, ngôn luận tập, ngôn luận diệt, ngôn luận đạo. Lại tuyên thuyết ngôn luận tương ưng trợ bạn, thuận theo sự trong sáng, có dụng tương xứng, đó là: ngôn luận tương ưng danh, cú, văn thân. Lại phát khởi ngôn luận đúng thời, cần trọng, thứ lớp, có sự móc xích tiếp nối, khiến kia vui mừng, khiến kia vui thích, khiến kia hoan

hỷ, khiến kia dũng mãnh, không bị chê trách đuoải bỏ, tương ứng những điều trợ bạn. Như pháp không lằm loạn, xứng thuận chúng hội. Có tâm từ lân mẫn, có tâm làm lợi ích, có tâm ai mẫn, không vì cung kính lợi dưỡng khen tặng, không tự đề cao, không xem thường khinh miệt người. Như vậy gọi là khéo thuyết chánh pháp.

Do người kia thành tựu 8 chi như vậy, tùy theo thời điểm mà khéo hay ngăn cử, khéo hay khiến nhớ nghĩ, khéo hay dạy trao, khéo hay dạy răn, khéo hay thuyết chánh pháp. Cho nên gọi người kia là bạn lành.

Như vậy đã biện biệt rộng về tánh bạn lành.

Nghĩa tóm lược của phần này như thế nào? Nếu làm bạn lành thì tâm khéo léo điều nhu gần gũi, tức là tánh ai mẫn. Lúc đầu đối với người kia vui làm lợi ích, vui làm an lạc. Lại đối với việc làm lợi ích an lạc đây, như thật rõ biết không có điên đảo, xa lìa nhận thức điên đảo. Lại do việc làm lợi ích an lạc đây mà có năng lực lớn, có phương tiện khéo léo, hay khiến tích tập, hay khiến dẫn phát. Lại đối với việc làm lợi ích an lạc đây, khiến gắng sức vượt qua, không rơi vào lười biếng, khởi phát

viên mãn, vì tánh vui thích phát sanh tinh tấn. Nên biết do bốn nhân duyên thâm nhiếp hết thảy chúng, gọi chung là viên mãn tánh thiện tri thức.

Như vậy gọi là nghĩa tóm lược của tánh bạn lành.

Hoặc nghĩa phân biệt rộng như trước đã nói, hoặc nghĩa tóm lược như đã nói ở đây, tất cả đều gọi là tánh bạn lành.

j. Sao gọi là nghe chánh pháp? Là nghe chánh pháp do Đức Thế Tôn, hoặc do đệ tử của Phật, hoặc bậc chánh học chánh chí, hoặc bậc chánh hiền thiện tuyên thuyết khai dạy, phân biệt soi sáng rõ ràng. Việc đây lại như thế nào? Đó là Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt... nói rộng như trước, mười hai phần giáo gọi là chánh pháp.

Sao gọi là Khế kinh? Đó là Đức Bạc-Già-Phạm ở phương đó giáo hóa các hữu tình, vì nơi đó có các hành động việc làm sai biệt, nên có các sự giáo hóa sai biệt. Ngài dùng vô lượng lời nói tương ưng ẩn, lời nói tương ưng xứ, lời nói tương ưng duyên khởi, lời nói tương ưng thực, lời nói tương ưng đế, lời nói tương ưng giới, lời nói tương ưng Thanh văn thừa, lời nói tương ưng Độc giác thừa, lời nói tương

ưng Như Lai thừa; lời nói tương ưng với niệm trụ, chánh đoạn, thân túc, căn lực, giác chi, đạo chi...; lời nói tương ưng với khiến dừng dứt bất tịnh, lời nói tương ưng với các học chứng tịnh... gọi là Thánh ngữ. Thâu nhiếp tích tập chủng chủng Thánh ngữ như vậy, kết tập thành tạng chánh pháp của Như Lai. Vì muốn Thánh giáo cử trụ nơi đời, nên dùng các danh, văn, cú thân vi diệu, tùy theo thứ tự mà lưu bố, an trí, kết tập, tức là xâu kết xuyên suốt chủng chủng các nghĩa chân thiện diệu năng dẫn nghĩa lợi, năng dẫn phạm hạnh. Đây gọi là Khế kinh.

Sao gọi là Ứng tụng? Ở trong đây, hoặc khoảng giữa, hoặc lúc sau cùng, tuyên thuyết Già-đà, hoặc lại tuyên thuyết kinh bất liễu nghĩa. Đây gọi là Ứng tụng.

Sao gọi là Ký biệt? Ở trong đây, Phật thọ ký riêng các sự sanh ở đời đương lai... của các đệ tử sau khi mạng chung, hoặc lại tuyên thuyết kinh liễu nghĩa. Đây gọi là Ký biệt.

Sao gọi là Phúng tụng? Ở trong đây không phải thuyết trực tiếp, mà thuyết bằng các cú kết hợp lại, hoặc là hai cú, hoặc là ba cú, hoặc là bốn

cú, hoặc là năm cú, hoặc là sáu cú... Đây gọi là Phúng tụng.

Sao gọi là Tự thuyết? Ở trong đây không hiển bày tên tuổi, dòng tộc của bồ-đặc-già-la năng tỉnh, chỉ vì khiến đương lai chánh pháp được cứu trụ, thánh giáo cứu trụ, nên không ai thưa hỏi mà Phật tự thuyết. Đây gọi là Tự thuyết.

Sao gọi là Nhân duyên? Ở trong đây hiển bày tên tuổi, dòng tộc của bồ-đặc-già-la năng tỉnh, nhân được thỉnh hỏi mà thuyết và các sở hữu Tỳ-nại-da tương ưng kinh Biệt giải thoát có nhân có duyên. Đây gọi là Nhân duyên.

Sao gọi là Thí dụ? Ở trong đây có nói thí dụ, do thí dụ nên nghĩa gốc được rõ ràng minh bạch. Đây gọi là Thí dụ.

Sao gọi là Bốn sự? Là những lời dạy về các việc làm có nghĩa tương ưng với đời trước. Đây gọi là Bốn sự.

Sao gọi là Bốn sanh? Ở trong đây tuyên nói về đức Thế Tôn ở đời quá khứ hành Bồ-tát hạnh, làm những hạnh khó làm, hoặc ở đời này, hoặc đời khác, hoặc chết, hoặc sanh. Đây gọi là Bốn sanh.

Sao gọi là Phương quảng? Ở trong đây tuyên

nói tất cả các đạo Bồ-tát trong mười phương tu chứng tất cả công đức Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, mười lực, vô úy, vô chướng trí... Đây gọi là Phương quảng.

Sao gọi là Hy pháp? Ở trong đây tuyên thuyết công đức thù thắng cộng hoặc bất cộng của chư Phật, đệ tử Phật, Bí-sô, Bí-sô-ni, Thúc-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Cận sự nam, Cận sự nữ... Công đức đây thù thắng rất lạ kỳ hy hữu, thắng vượt hơn các công đức khác mà thế gian đồng ý công nhận. Đây gọi là Hy pháp.

Sao gọi là Luận nghị? Đó là tất cả Ma-đát-lý-ca (tạng Luận), luận A-tỳ-đạt-ma, nghiên cứu sâu xa nghĩa lý của Tố-đát-lãm (tạng Kinh) tuyên thuyết, thông tỏ tông yếu của tất cả Khế kinh. Đây gọi là Luận nghị.

Như vậy đã thuyết mười hai phần giáo nhiếp thuộc ba tạng: hoặc nhiếp tạng Tố-đát-lãm, hoặc nhiếp tạng Tỳ-nại-da, hoặc nhiếp tạng A-tỳ-đạt-ma.

Trong đây, nếu thuyết Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Phúng tụng, Tự thuyết, Thí dụ, Bốn sự, Bốn sanh, Phương quảng, Hy pháp, gọi là tạng Tố-

đát-lãm. Nếu thuyết Nhân duyên, gọi là tạng Tỳ-nại-da. Nếu thuyết Luận nghị, gọi là tạng A-tỳ-đạt-ma. Cho nên mười hai phần giáo như vậy nhiếp thuộc ba tạng. Vì đây là pháp mà tất cả bậc chánh sĩ chánh chí, bậc chánh hiền thiện đều tuyên thuyết, cho nên gọi là chánh pháp. Vì lắng nghe pháp đây, gọi là nghe chánh pháp.

Việc đây lại như thế nào? Như có người hoặc theo đó mà thọ trì Tố-đát-lãm, hoặc thọ trì Tỳ-nại-da, hoặc thọ trì A-tỳ-đạt-ma, hoặc thọ trì Tố-đát-lãm và Tỳ-nại-da, hoặc thọ trì Tố-đát-lãm và A-tỳ-đạt-ma, hoặc thọ trì Tỳ-nại-da và A-tỳ-đạt-ma, hoặc thọ trì đủ Tố-đát-lãm, Tỳ-nại-da, A-tỳ-đạt-ma. Hết thấy như vậy gọi là nghe chánh pháp. Nghe chánh pháp đây lại có 2 loại: một là nghe văn; hai là nghe nghĩa.

k. *Sao gọi là nghĩ chánh pháp?* Có người như chánh pháp đã được nghe, được tín thọ, một mình ở chốn không nhàn, xa lìa 6 chủng xứ không nên tư duy, đó là: nghĩ bàn về ngã, nghĩ bàn về hữu tình, nghĩ bàn về thế gian, nghĩ bàn về nghiệp hữu tình cùng quả dị thực, nghĩ bàn về các hành giả tĩnh lự cùng cảnh giới tĩnh lự, nghĩ bàn về chư

Phật cùng cảnh giới chư Phật. Chỉ nên chân chánh tư duy tự tướng, cộng tướng của các pháp. Tư duy như thế có 2 loại: 1. Dùng hành tướng toán số, phương tiện khéo léo tính toán các pháp; 2. Dùng hành tướng xứng lượng, nương chánh đạo lý, quán sát lỗi lầm, công đức của các pháp. Ở đây, hoặc tư duy lời dạy tương ứng với các uẩn, hoặc lại tư duy tùy theo một lời dạy khác, như trước đã thuyết. Tất cả đều dùng hai chủng hành tướng như vậy mà phương tiện tư duy.

Sao gọi là dùng hành tướng toán số, phương tiện khéo léo tính toán các pháp? Nói sắc, tức 10 sắc xứ và các sắc nhiếp thuộc pháp xứ, gọi là sắc uẩn. Nói thọ, tức 3 loại cảm thọ gọi là thọ uẩn. Nói tưởng, tức 6 tướng thân gọi là tướng uẩn. Nói hành, tức 6 tư thân... gọi là hành uẩn. Nói thức, tức 6 thức thân... gọi là thức uẩn. Như vậy gọi là dùng hành tướng toán số tư duy lời dạy tương ứng các uẩn. Hoặc lại do hành tướng toán số đây, tư duy phân biệt triển chuyển sai biệt, nên biết tức có vô lượng sai biệt.

Sao gọi là dùng hành tướng xứng lượng, nương chánh đạo lý, tư duy lời dạy tương ứng với các uẩn?

Là nương 4 đạo lý quán sát không điên đảo. Những gì là bốn? 1. Quán đãi đạo lý; 2. Tác dụng đạo lý; 3. Chứng thành đạo lý; 4. Pháp nhĩ đạo lý.

- Sao gọi là quán đãi đạo lý? Nói tóm lược có 2 loại quán đãi: 1. Quán đãi sanh khởi; 2. Quán đãi thi thiết.

Quán đãi sanh khởi: tức là do thế lực của các nhân, các duyên khiến sanh khởi các uẩn. Cho nên các uẩn được sanh khởi, cần yếu phải trông chờ các nhân, các duyên.

Quán đãi thi thiết: tức là do danh thân, cú thân, văn thân thi thiết các uẩn. Cho nên các uẩn được thi thiết, cần yếu phải trông chờ danh, cú, văn thân.

Đây gọi là quán đãi sanh khởi, quán đãi thi thiết đối với uẩn. Tức quán đãi sanh khởi, quán đãi thi thiết, các uẩn được sanh khởi, các uẩn được thi thiết đây gọi là đạo lý phương tiện Du-già.

- Sao gọi là tác dụng đạo lý? Các uẩn đã sanh do duyên của chính mình, mỗi mỗi tự có tác dụng sai biệt, tức là mắt năng thấy sắc, tai năng nghe âm thanh, mũi năng ngửi hương, lưỡi năng nếm vị, thân năng cảm xúc, ý năng hiểu pháp. Sắc là cảnh

của mắt, là sở hành của mắt, cho đến pháp là cảnh của ý, là sở hành của ý. Hoặc có các loại khác, mỗi mỗi tự có tác dụng sai biệt nên biết cũng vậy, tức là các pháp đây mỗi mỗi tự có tác dụng sai biệt là sở hữu đạo lý phương tiện Du-già. Đây gọi là tác dụng đạo lý.

- Sao gọi là chứng thành đạo lý? Tất cả uẩn đều là vô thường, khổ, không, vô ngã, do nhiều duyên sanh khởi. Do ba lượng nên như thật quán sát, đó là do chí giáo lượng, do hiện lượng và do tỷ lượng. Do ba lượng đây mà chứng nghiệm đạo lý. Các bậc trí giả tâm chân chánh giữ gìn lãnh thọ, an trí thành lập. Đó là như thật biết tất cả uẩn tánh đều vô thường, tánh khổ, tánh không, tánh vô ngã, cùng tánh nhiều duyên sanh. Hết thấy như thế gọi là chứng thành đạo lý.

- Sao gọi là pháp nhĩ đạo lý? Đó là vì nhân duyên gì, tức các uẩn kia, chủng loại như vậy, các khí thể gian an bày như vậy? Vì nhân duyên gì, địa lấy rắn chắc làm tướng, nước lấy ẩm ướt làm tướng, lửa lấy ấm áp làm tướng, gió lấy chuyển động làm tướng? Vì nhân duyên gì, các uẩn vô thường, các pháp vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh? Vì nhân duyên

gì, tướng sắc thì biến hoại, tướng thọ thì lãnh nạp, tướng tưởng thì biết rõ hết thảy, tướng hành thì tạo tác, tướng thức thì phân biệt rõ? Do các pháp kia bản tánh lẽ như vậy, tự tánh lẽ như vậy, pháp tánh lẽ như vậy. Tức pháp nhĩ đây gọi là đạo lý phương tiện Du-già.

Hoặc tức như vậy, hoặc khác như vậy, hoặc không phải như vậy, tất cả đều lấy pháp nhĩ làm chỗ nương, tất cả đều quy về pháp nhĩ, khiến tâm an trụ, khiến tâm thông tỏ. Như vậy gọi là đạo lý pháp nhĩ.

Như thế gọi là nương bốn đạo lý quán sát lời dạy tương ứng với các uẩn.

Như vậy, tức do hai chủng hành tướng là hành tướng toán số và hành tướng xứng lượng mà quán sát lời dạy tương ứng với các uẩn. Nương hai chủng hành tướng đây quán sát sở hữu những lời dạy còn lại. Như vậy gọi là chân chánh quán sát và tư duy tất cả chánh pháp đã được nói.

Như vậy gọi là nghe, nghĩ chánh pháp.

1. Sao gọi là không có chướng ngại: Không có chướng ngại đây nói lược có hai chủng: 1. Nương bên trong; 2. Nương bên ngoài. Nay Ta trước sẽ nói

về nường chướng ngại bên trong, nường chướng ngại bên ngoài. Còn trái lại, nên biết tức là hai chủng không có chướng ngại.

Sao gọi là nường chướng ngại bên trong? Như có người ở đời trước chưa từng tu phước. Vì không tu phước, nên thường không thuận lợi trong việc kiếm sống, không có được nhiều của cải, vật dụng nuôi thân như áo quần, thức ăn uống, các thứ tọa ngọa cụ, thuốc trị bệnh và những đồ dùng khác. Kẻ kia có tham mãnh lợi và tham lâu dài, có sân mãnh lợi và sân lâu dài, có si mãnh lợi và si lâu dài. Kẻ kia hoặc ở đời trước tích tập tạo tác nghiệp nhiều bệnh tật, do nhân duyên đây bị mắc phải nhiều tật bệnh; hoặc do hiện tại việc sinh hoạt không quân bình điều hòa, do nhân duyên đây cảm lạnh, nóng sốt ho đàm... mỗi mỗi phát sanh; hoặc do ăn thức ăn hư cũ, nặng nề khó tiêu, khiến thức ăn tồn đọng trong thân gây bệnh; hoặc ham thích ngủ nghỉ. Kẻ kia nhiều sự nghiệp, nhiều việc làm, nhiều sự bôn ba, vui đắm sự nghiệp; say mê luận bàn nói năng, ưa thích chúng tụ hội huyên náo, nhiều vui thích cùng các chúng kia hội họp, vui thích cuộc sống chung hỗn tạp, vui đắm hý luận, ưa tự đề cao,

ỷ lại, trạo loạn phóng dật, lưu trú không đúng nơi đúng chỗ. Hết thấy loại như vậy gọi là nương chướng ngại bên trong.

Sao gọi là nương chướng ngại bên ngoài? Như có người nương học theo thầy không phải thiện sĩ, do nhân duyên đây, thời thời không thể được dạy răn dạy trao thuận theo chánh pháp. Lại ở trú xứ có nhiều việc hung ác, hoặc có rất nhiều sự khủng bố của người hay phi nhân gây ra. Vào ban ngày có nhiều chúng tập hợp ồn náo, có vô số việc thay đổi lộn xộn. Vào ban đêm cũng có nhiều tiếng cãi vã, nói lớn tiếng của những chúng hội nhóm họp huyền náo. Lại có chủng chủng khổ sở khó chịu, bởi tiếp xúc nắng, gió... Hết thấy loại như vậy gọi là nương chướng ngại bên ngoài.

Như vậy đã biện rộng chướng ngại bên trong và bên ngoài.

Lại nghĩa tóm lược của phần này như thế nào? Trong đây lược có 3 chướng: 1. Chướng ngại gia hạnh; 2. Chướng ngại viễn ly; 3. Chướng ngại tịch tĩnh.

Sao gọi là chướng ngại gia hạnh? Nếu gặp chướng đây hiện tiền, thì đối với gia hạnh phẩm

thiện, không có khả năng, cũng không có đủ sức kham nhiệm. Việc đây như thế nào? Đó là mắc phải các thứ bệnh nặng khôn khổ thường sanh khởi như cảm gió, nóng sốt, ho đàm... Hoặc ăn phải thức ăn xấu tồn đọng lại trong thân thành bệnh. Hoặc bị rắn rết, bò cạp, côn trùng chích đốt. Hoặc bị người và loài phi nhân quấy phá, bức não. Hoặc không có được y thực, ngọa cụ, thuốc trị bệnh cùng các vật dụng nuôi thân khác. Hết thấy loại như vậy gọi là chướng ngại gia hạnh.

Sao gọi là chướng ngại viễn ly? Hoặc ăn thức ăn nặng nề, nhiều sự nghiệp, nhiều việc làm, nhiều sự bôn ba, hoặc vui đắm sự nghiệp, do nhân duyên đây yêu quý chùng chùng các sự nghiệp đã tạo tác, tâm bị lưu tán ở trong các việc kia. Hoặc say mê bàn luận nói năng, do nhân duyên đây tuy sống hạnh viễn ly, tu tập đoạn, tịch tĩnh có chỗ kham năng, có thể lực lớn, nhưng chỉ đọc tụng mà cho là vui đủ. Hoặc ham thích ngủ nghỉ, vì tánh giải đãi, lấy việc ngủ làm vui, lấy việc nằm là vui, do nhân duyên đây thường hay bị hôn trầm thụy miên trôi buộc, nhiễu loạn. Hoặc ưa thích chùng hội huyên náo, do nhân duyên đây vui cùng với chúng tại gia

và chúng xuất gia đàm luận những chuyện như chuyện vua, chuyện nước, chuyện giặc, chuyện dân nữ, chuyện bậc đại nhân giúp người, chuyện ăn uống, chuyện y phục... đủ thứ chuyện thế gian. Hết thấy loại vui nói đàm luận như thế chỉ dẫn đến luận bàn vô nghĩa, sáo rỗng, uống phí qua ngày.

Lại nhiều vui thích cùng các chúng kia hội họp, khiến tâm bị tán động, khiến tâm bị nhiễu loạn. Hoặc vui thích cuộc sống chung hỗn tạp, do nhân duyên đây các chúng tại gia và chúng xuất gia, nếu chưa gặp gỡ thì nghĩ nhớ mến mộ muốn gặp, nếu đã từng gặp thì không muốn xa lìa. Hoặc vui đắm hý luận, do nhân duyên đây vui đắm các thứ hý luận thế gian, đối với những việc làm tốt đẹp lợi bản thân, vui hưởng đến trước hết, đối với hạnh viễn ly, vui xả bỏ ách thiện. Có nhiều loại pháp chướng ngại như vậy, nên biết tất cả đều là chướng ngại viễn ly. Nếu hiện tiền gặp phải chướng ngại đây, tuy ở xứ a-lan-nhã, núi rừng, đồng trống, mà khó thể xả bỏ xa lìa sở hữu tham trước vật dụng; cũng không thể sống ở chốn a-lan-nhã, tịnh thất không nhà, dưới gốc cây, mộ hoang.

Sao gọi là chướng ngại tịch tĩnh? Nói tịch

tĩnh, tức là Xa-ma-tha (chỉ) và Tỳ-bát-xá-na (quán). Có chướng ngại Xa-ma-tha. Có chướng ngại Tỳ-bát-xá-na.

- Sao gọi là chướng ngại Xa-ma-tha? Tức là do phóng dật và do trú ở nơi phi xứ. Do phóng dật, tức là bị hôn trầm thụy miên trôi buộc quá nhiều nơi tâm, hoặc mới đắc định Xa-ma-tha liền sanh ái vị, hoặc ở nơi tánh thấp kém tâm vui thích nhập vào, hoặc ở nơi tánh ám muội tâm sanh vui thích say đắm. Do trú ở nơi phi xứ, nên người và loài phi nhân quá rối nhiễu loạn, các việc tạp khác bức nã, khiến tâm hướng ra bên ngoài mà bị tán loạn. Như vậy gọi là chướng ngại Xa-ma-tha. Nên biết chướng ngại đây năng chướng ngại sự tịch tĩnh.

- Sao gọi là chướng ngại Tỳ-bát-xá-na? Như có người lấy tự thị cao cử làm vui và lấy trạo loạn làm vui.

Nói lấy tự thị cao cử làm vui, đó là như có người khởi suy nghĩ: “Ta sanh trong dòng tộc cao quý, tịnh tín xuất gia, chẳng phải chủng loại hạ liệt, các Bí-sô khác thì chẳng được như vậy”, do nhân duyên đây tự cao tự đại khinh miệt người khác. Hoặc lại suy nghĩ: “Ta sanh trong dòng tộc

giàu sang như vậy, tịnh tín xuất gia, chẳng phải hạ tầng nghèo hèn. Ta có sắc thân đầy đủ đẹp đẽ, đoan nghiêm khiến người đều vui thích muốn thấy. Lại nghe nhiều, học rộng, nắm giữ tích tập nhiều điều đã nghe, lời nói ra khéo léo, lời nói đầy đủ viên mãn. Các Bí-sô khác thì chẳng được như thế”, do nhân duyên đây tự cao tự đại khinh miệt người khác. Do kẻ kia tự cao cử, nên đối với các Bí-sô trưởng lão nhiều trí, rộng tu tập phạm hạnh, chẳng thể thường cung kính thưa hỏi. Các bậc Bí-sô trưởng lão cũng không thường vì người ấy khai phát điều chưa khai phát, hiển rõ điều chưa hiển rõ, cũng chẳng vì kẻ kia mà hết lòng chân thành nhắc nhở, cũng không đem trí tuệ thông đạt, cú nghĩa sâu xa, phương tiện khéo léo để khai thị, cho đến khiến kẻ kia được trí kiến thanh tịnh. Như vậy gọi là chướng ngại Tỳ-bát-xá-na do lấy tự thị cao cử làm vui.

Lại như có người chỉ được chút ít trí kiến hạ liệt mà bằng lòng an ổn trụ nơi đó, do đây nên phát sanh tự cao tự đại. Vì tự cao tự đại đây, nên sanh tâm vui đủ không cầu thắng tiến. Đây cũng gọi là chướng ngại Tỳ-bát-xá-na do lấy tự thị cao

cử làm vui.

Nói trạo loạn, đó là như có người các căn lúc nào cũng không thanh tịnh, luôn trạo cử, loạn động; điều suy nghĩ là điều ác, lời nói là lời ác, việc làm là việc ác; không thể an trú tư duy các pháp, không thể bền vững tư duy các pháp. Do nhân duyên đây, Tỳ-bát-xá-na không thể viên mãn, không được thanh tịnh. Đây gọi là chướng ngại Tỳ-bát-xá-na do trạo loạn.

Tóm lại, có hai pháp năng làm chướng ngại Xa-ma-tha, đó là: nhiều phóng dật và trụ ở nơi phi xứ. Cũng có 2 pháp năng làm chướng ngại Tỳ-bát-xá-na, đó là: lấy cao cử làm vui và trạo loạn.

Như vậy, hoặc chướng ngại Xa-ma-tha, hoặc chướng ngại Tỳ-bát-xá-na đều gọi là chướng ngại tịch tĩnh.

Đây là nghĩa tóm lược của sự chướng ngại và ở trước cũng đã nói rộng, tất cả đều lược chung làm một, gọi là chướng ngại. Trái với chướng ngại kia, phải biết là không chướng ngại. Tức là không tánh chướng ngại này, xa lìa, không hội không hợp với sự chướng ngại trên, nên gọi là không chướng ngại.

m. Sao gọi là tu huệ xả? Nếu bố thí mà tánh

không tội, chỉ vì tâm trang nghiêm, vì tâm trợ bạn, vì tư trợ Du-già, vì thành tựu nghĩa tối thượng mà tu tập bố thí, đây gọi là huệ xả.

Hỏi: Ai năng thí? Ai được thí? Dùng gì để thí? Tướng thí thế nào? Vì sao thí? Nên thí gì? Do nhân duyên gì mà tánh thí không tội?

Đáp: Ai năng thí? Người thí, thí chủ gọi là năng thí.

Nói người thí: là tự tay thí gọi là người thí.

Nói thí chủ: hoặc thí vật của mình, hoặc vui muốn thí, chẳng phải không vui thí, gọi là thí chủ.

Ai được thí? Có 4 loại được thí: 1. Do người nghèo khổ mà thí; 2. Do người có ân mà thí; 3. Do người thân yêu mà thí; 4. Do bậc tôn quý mà thí.

Sao gọi là do người nghèo khổ? Là người bần cùng khốn khó, hoặc người hành khất, hoặc người cầu xin, hoặc người mù lòa, hoặc người ngu đốc, hoặc người không có áo quần, hoặc người không chỗ nương thân, hoặc người thiếu thốn các vật dụng nuôi thân. Ngoài ra, còn có hết thảy loại khác như thế gọi là người nghèo khổ.

Sao gọi là do người có ân? Đó là hoặc cha mẹ, hoặc người cho bú mớm (vú nuôi), hoặc người chăm

sóc nuôi dưỡng, hoặc người giúp đỡ trưởng thành. Hoặc người dẫn đường trong đồng trống, trong hoang mạc. Hoặc người cứu giúp lúc nghèo túng cơ bản, hoặc người ra tay cứu viện khi gặp kẻ thù oán địch, hoặc người giải mở lúc bị giam cầm, hoặc người cho thuốc khi tật bệnh, hoặc người dạy dỗ những điều lợi ích, hoặc người dẫn đến lợi ích an vui, hoặc người làm bạn trợ giúp tùy theo công việc phát sanh, hoặc người chia sẻ vui buồn, hoặc người lúc gặp gian nguy không bỏ rời nhau... Lại có hết thấy loại người khác như thế gọi là người có ân.

Sao gọi là người thân yêu? Là các bạn thân hay những người có yêu quý, có kính trọng, hoặc lời nói tín thuận, hoặc đàm luận qua lại, hoặc có sự thân thiết gần gũi... Lại có hết thấy loại người khác như thế gọi là người thân yêu.

Sao gọi là người tôn quý? Hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, thế gian cùng công nhận đó là bậc hiền thiện, là bậc xa lìa sự tổn hại, là bậc xa lìa rớt ráo sự tổn hại, là bậc lìa tham dục, là bậc điều phục tham mà tu hành, là bậc lìa sân khuể, là bậc điều phục sân mà tu hành, là bậc lìa ngu si, là bậc điều phục si mà tu hành. Lại có hết thấy loại người

khác như thế gọi là người tôn quý.

Dùng gì để thí? Nếu nói tóm lược, hoặc dùng các vật hữu tình mà hành huệ thí, hoặc dùng các vật vô tình mà hành huệ thí.

Sao gọi là dùng vật hữu tình mà hành huệ thí? Hoặc thí vợ con, nô tỳ, tôi tớ. Hoặc thí các loài vật như voi, ngựa, heo, trâu, dê, gà, vịt, lạc đà, lừa... Hoặc thí thanh niên, thiếu niên, bé trai, bé gái. Lại có các hữu tình khác như thế dùng để thí. Hoặc thí thân thể của mình như đầu, mắt, tay, chân, máu, thịt, xương, tủy... tùy chỗ mong cầu mà thí cho. Đây cũng gọi là dùng vật hữu tình để bố thí. Sự bố thí đây là chỗ hiện hạnh của chư Bồ tát, không phải sự thí mà trong nghĩa đây ý muốn hứa thuận. Ở nơi các loại hữu tình kia hoặc được tự do, hoặc có sức khỏe, hoặc đã được điều phục, nếu phải lấy để huệ thí cho người, thì lúc huệ thí nên quán sát tự mình không có tội, hoặc biết nếu không thí những hữu tình kia sẽ là nhân duyên khiến tâm người khác hiềm hận, hoặc thí cho người mà biết tâm hữu tình kia không bị tổn não. Đây gọi là dùng vật hữu tình mà huệ thí không có tội.

Sao gọi là dùng vật vô tình mà hành huệ thí?

Nếu lược thuyết có 3 loại vật: 1. Tài vật; 2. Vật thuộc ngũ cốc; 3. Vật thuộc chỗ ở.

Tài vật: là ma-ni, trân châu, lưu ly, loa-bồi, ngọc bích, mã não, xích châu, đá quý. Lại có các loại khác như thế, hoặc trân bảo, hoặc vàng, hoặc bạc, hoặc các loại y phục, hoặc các loại tạp vật, hoặc các hương xoa, hoặc tóc. Đây gọi là tài vật.

Vật thuộc ngũ cốc: là hết thảy các loại có thể dùng để ăn, dùng để uống như lúa mạch, lúa mì, lúa gạo, lúa nếp, mè, mía, sữa, phó-mát, các loại quả như cam, bồ đào, các loại nước dùng để uống... Lại có hết thảy loại khác như thế gọi là vật thuộc ngũ cốc.

Vật thuộc chỗ ở: là ruộng vườn, nhà cửa, dinh phủ, cửa hiệu, hàng quán, chợ búa, viện cô nhi, viện dưỡng lão, chùa chiền, nơi làm việc... Lại có hết thảy loại khác như thế gọi là vật thuộc chỗ ở.

Đây gọi là dùng vật vô tình mà hành huệ thí không có tội.

Phải biết trong đây tất cả vật thuộc trong số hữu tình, tất cả vật thuộc trong số vô tình đều gọi chung là vật dùng để thí.

Tương thí thế nào? Đó là ý nghiệp, tâm suy

ngĩ tạo tác đồng hành cùng không tham. Và do đây, thân nghiệp, ngũ nghiệp phát khởi.

Xả vật đã thí, hoặc tự mình tương tục, hoặc người tương tục, đây gọi là tướng thí.

Thí thế nào? Do tín tâm thanh tịnh mà hành huệ thí. Do rõ biết chánh giáo mà hành huệ thí. Do nhận biết có quả báo mà hành huệ thí. Do rất ân trọng mà hành huệ thí. Do lòng cung kính không khinh mạn, tự tay mình hành thí. Cấp thí đúng thời, vì cứu giúp người, không gây tổn não người khác mà hành huệ thí. Bình đẳng như pháp, chẳng dùng bạo lực tích chứa tài vật để dùng cho việc cấp thí mà hành huệ thí. Dùng vật tinh khiết mà hành huệ thí. Dùng vật ngon ngọt tươi tốt mà hành huệ thí. Dùng vật thanh tịnh mà hành huệ thí. Do mỗi việc dùng huệ thí, nên mình người đều không tội. Luôn luôn huệ thí, vì điều phục sức mạnh của lòng keo lẩn, xén tiếc. Tích tập thế lực mà hành huệ thí. Lúc bố thí, trước phải khởi lòng hoan hỷ, đang lúc thí lòng thanh tịnh, thí rồi không hối hận. Phải như thế mà bố thí.

Vì sao thí? Hoặc vì từ bi mà hành huệ thí, như đối với những người nghèo khổ. Hoặc vì tri ân mà

hành huệ thí, như đối với người có ân. Hoặc vì sự thương yêu, hoặc vì cung kính, hoặc vì tín thuận mà hành huệ thí, như đối với người thân yêu. Hoặc vì mong cầu công đức thế gian và xuất thế gian thù thắng mà hành huệ thí, như đối với những người tôn quý. Do nhân duyên đây nên tu huệ thí.

Do hành tướng đây, hoặc người tại gia, hoặc người xuất gia tu hành huệ thí vì tâm trang nghiêm, vì tâm trợ bạn, vì tư trợ Du-già, vì chứng được nghĩa tối thượng mà hành bố thí. Do nhân duyên đây tánh thí không tội. Đây gọi là huệ xả.

n. Sao gọi là vật trang nghiêm của Sa-môn?
 Ôt-Đà-Nam nói:

*Chánh tín mà không siểm
 Ít bệnh, tinh tấn, tuệ
 Đủ thiếu dục, vui đủ
 Dễ nuôi và dễ đủ*

*Đức Dầu-dà đoan nghiêm
 Biết lượng, pháp thiện sĩ
 Tướng người đủ thông tuệ
 Nhẫn, nhu hòa, hiền thiện.*

Đó là đầy đủ chánh tín, không siểm khúc, ít

các bệnh tật, tánh siêng năng tinh tấn, thành tựu diệu tuệ, ít muốn, vui đủ, dễ nuôi dưỡng, dễ thỏa mãn, đều thành tựu đầy đủ công đức Đâu-đà, đoan nghiêm, biết lượng, thành tựu đầy đủ pháp của bậc hiền thiện, thành tựu đầy đủ tướng của bậc thông tuệ, kham nhẫn nhu hòa, vì tánh hiền thiện.

Sao gọi là đầy đủ chánh tín? Như có người nhiều lòng tịnh tín, nhiều sự kính thuận chân chánh, phát khởi nhiều thắng giải, vui muốn nhiều sự an vui tốt lành. Đối với bậc Đại sư và các thiện pháp, sanh tịnh tín thắm sâu, không nghi không hoặc. Đối với bậc Đại sư, cung kính tôn trọng, phụng sự cúng dường. Đã tu tập cung kính tôn trọng, phụng sự cúng dường như vậy, lại thêm chuyên lòng thân cận, y chỉ, nương tựa mà cùng chung an trú. Như đối với Đại sư như vậy, thì đối với bậc đồng phạm hạnh như pháp, đối với những điều dạy răn dạy trao được học, đối với việc tu cúng dường, đối với việc không phóng dật, đối với Tam-ma-địa cũng hành như vậy. Đây gọi là đầy đủ chánh tín.

Sao gọi là không siểm khúc? Như có người tánh thuần chất chánh trực, đối với Đại sư cùng các đồng phạm hạnh có trí, như thật tự hiển bày

chính mình. Như vậy gọi là không có siểm khúc.

Sao gọi là ít các bệnh tật? Như có người thân không bệnh, đúng thời tiêu hóa điều hòa, quân bình thọ dùng, giữ gìn, không quá nóng, không quá lạnh, không bị tổn hại, tùy thời an vui. Do nhân duyên đây, ở nơi việc ăn, việc uống, việc nếm, việc nhai dễ dàng tiêu hóa, biến đổi nhanh chóng. Đây gọi là ít các tật bệnh.

Sao gọi là tánh siêng năng tinh tấn? Người kia thường an trụ bền bỉ, cần mẫn, dũng mãnh, bền chắc. Ở trong thiện pháp thường không xả bỏ ách, mạnh mẽ siêng năng không lười biếng. Khởi phát viên mãn, năng làm việc có nghĩa lợi. Tự sanh lòng cung kính, phụng sự các đồng phạm hạnh có trí. Như vậy gọi là tánh siêng năng tinh tấn.

Sao gọi là thành tựu diệu tuệ? Người kia nhớ nghĩ, hiểu biết thông suốt đều viên mãn tất cả. Các căn không ám độn, căn không ngu ngốc, cũng không câng ngọng, chẳng phải dùng tay ra dấu thay lời. Có khả năng thông đạt, hiểu rõ nghĩa pháp là lời thiện, lời ác. Thành tựu đầy đủ tuệ hiểu biết câu sanh, thành tựu đầy đủ tuệ hiểu biết gia hạnh. Như vậy gọi là thành tựu diệu tuệ.

Sao gọi là ít muốn? Tuy người kia thành tựu hết thấy sở hữu công đức của hạnh ít muốn... nhưng không muốn để người khác biết đến rằng ta thành tựu đầy đủ công đức ít muốn. Đây gọi là ít muốn.

Sao gọi là vui đủ? Đối với hết thấy việc y phục, ăn uống, ngọa cụ... đều sanh tâm hoan hỷ, sanh tâm chân chánh biết đủ. Đối với những y phục chưa có được, hoặc thô xấu, hoặc tốt đẹp đều không nghĩ nhớ, đều không mong cầu. Đối với y phục đã có được, không nhiễm đắm, không yêu quý, thọ dụng như phần trước đã rộng nói. Như đối với y phục, thì đối với hết thấy việc ăn uống, ngọa cụ... phải biết cũng vậy. Đây gọi là vui đủ.

Sao gọi là dễ nuôi dưỡng? Như có người tự mình đủ khả năng nuôi dưỡng mình, không chờ đợi sự nuôi dưỡng chăm sóc của người khác như tôi tớ, hoặc những người khác. Cũng không mong đợi tiền của nuôi dưỡng từ người khác, khiến cho người thí, chủ thí... phải nói là “khó nuôi dưỡng”. Đây gọi là dễ nuôi dưỡng.

Sao gọi là dễ thỏa mãn? Như có người nếu được chút lợi dầu ít ỏi nhỏ nhoi, cũng tự mình ân trọng giữ gìn, nếu được thô xấu cũng tự mình ân

trọng giữ gìn. Đây gọi là dễ thỏa mãn.

Sao gọi là thành tựu công đức Đâu-đà? Đó là thường khát thực, thứ lớp khát thực, chỉ ngồi ăn một lần, trước dùng sau ăn. Chỉ giữ ba y, chỉ giữ y bằng lông, giữ y phẩn tảo. Sống ở chốn a-lan-nhã, thường ở dưới gốc cây, thường ở đồng vắng, thường ở gò mả. Thường ngồi ngay thẳng, chỗ ngồi bình thường. Hoặc việc ăn uống, hoặc việc áo quần, hoặc việc sắp xếp các vật dụng nằm ngồi đều y như vậy. Công đức Đâu-đà, hoặc 12 thứ, hoặc 13 thứ.

- Khát thực có 2 loại: 1. Tùy chỗ khát thực có được; 2. Thứ lớp khát thực.

Tùy chỗ khát thực có được: tức là chỉ từ một nhà đi đến rồi trở về, tùy những gì có được, tùy chỗ được nhiều ít mà thọ thực.

Thứ lớp khát thực: tức là vào thôn xóm, tuần tự từng nhà mà khát, tùy những gì có được, tùy vật hiện có ấy mà thọ thực. Không giơ tay cao với đến nhà người khác, không mong muốn được thí những thức ăn uống thơm ngon, cho đến mong muốn được nhiều thức ăn, vật uống.

Phải biết trong đây, nếu nương sự khát thực không có tánh khác, thì chỉ có 12 chủng. Nếu nương

khất thực có tướng sai khác, thì có 13 chủng.

- Ngồi ăn một lần: chỉ ngồi một lần cho đến lúc nên ăn, đều thọ thực tất cả, từ chỗ ngồi đứng dậy, quyết định không ngồi ăn trở lại. Như vậy gọi là chỉ ngồi ăn một lần.

- Trước dừng sau ăn: vì việc ăn nên tìm chỗ nên ngồi, cho đến lúc chưa ăn trước tiên phải thọ đầy đủ các việc khi ăn, nên chánh rõ biết: “Ta nay chỉ thọ thức ăn uống đang hiện có như vậy vì để giữ gìn sức khỏe của mình”. Lại chánh rõ biết: “Quá thời gian này, quyết định không ăn thêm”. Đã thọ nhận như thế rồi, sau mới ăn. Như vậy gọi là trước dừng sau ăn.

- Chỉ giữ ba y: được sử dụng ba y để tự bảo vệ mình. Những gì là ba y? 1. Tăng-già-lê; 2. Ôt-đát-la-tăng-già; 3. An-đát-bà-tham. Ngoài ba y đây, trọn không cất giữ trường y vượt quá số này. Đây gọi là chỉ giữ ba y.

- Chỉ giữ y bằng lông: đây là việc giữ y, hoặc giữ trong số ba y, hoặc là y dư thừa, tất cả đều dùng lông của chim, thú kết thành, quyết không tích trữ loại y làm bằng vật dụng khác. Như vậy gọi là chỉ giữ y bằng lông.

- Giữ y phẩn tảo: là sở hữu y mà người khác vất bỏ ở những nơi hoặc chợ, hoặc ngõ hẻm, hoặc đường phố, hoặc hàng quán, hoặc đường cái, hoặc chẳng phải đường cái, hoặc chỗ tạp nhạp ô uest, hoặc đã bị phẩn tiểu, máu mủ, nước dịch, nước bọt vấy nhiễm. Lượm lấy tất cả y phục bất tịnh như thế, tẩy giặt sạch sẽ dơ uest, sau đó khô nhuộm lại để mặc. Như vậy gọi là giữ y phẩn tảo.

- Ở chốn a-lan-nhã: là cư trú ở chốn không nhân, núi rừng, đồng hoang, chỗ nằm ngòi bên bờ vắng vẻ, xa lìa tất cả thôn ấp, xóm làng. Như vậy gọi là trú ở a-lan-nhã.

- Thường ở dưới gốc cây: thường nguyện ở dưới gốc cây, nương ở dưới gốc cây. Như vậy gọi là thường ở dưới gốc cây.

- Thường ở đồng hoang hẻo lánh: thường nguyện ở nơi đồng hoang hẻo lánh, nơi không có mái ngăn che. Như vậy gọi là thường ở nơi đồng hoang hẻo lánh, xa xôi.

- Thường ở nơi gò má: thường nguyện ở nghĩa địa, chỗ tống táng các thi hài sau khi chết. Như vậy gọi là thường ở nơi gò má.

- Thường ngồi ngay thẳng: thường ngồi ngay

thẳng trên giường lớn, hoặc giường dây nhỏ, hoặc ngồi trên tòa bằng cỏ lá. Trái qua ngày giờ, trọn không đặt lưng, hoặc không đặt hông tựa vào giường lớn, hoặc giường dây nhỏ, hoặc tường vách, hoặc thân cây, hoặc trên tòa bằng cỏ lá. Như vậy gọi là thường ngồi ngay thẳng.

- Chỗ ngồi bình thường: là chỗ nằm ngồi hoặc có lúc trên cỏ, hoặc có lúc trên lá. Thường nằm ngồi ở trên cỏ lá, chỉ một lần trái, sau khi đã trái trọn không lật lên sửa chữa lại. Như vậy gọi là chỗ ngồi bình thường.

Hỏi: Vì sao gọi là công đức Đầu-đà?

Đáp: Ví như ở thế gian hoặc lông thú, hoặc bông vải, nếu chưa dùng roi quất, chưa đánh toi, chưa tách ra, nên sợi của nó lúc ấy không mịn nhuyễn, không nhẹ nhàng, chưa thể kết thành sợi tơ nhỏ để làm chiếu đệm được. Nhưng nếu được đập, được đánh toi, được tách ra, bấy giờ tự phân tán ra trở nên nhẹ nhàng mềm mại, có thể kết thành các sợi tơ nhỏ làm thành chiếu đệm. Hành giả thực hành cũng vậy, do tham ăn uống nên tâm nhiễm đắm đối với các thức ăn uống, do tham y phục nên tâm nhiễm đắm đối với y phục, do tham

các vật dụng nằm ngồi nên tâm nhiễm đắm đối với các vật dụng ấy. Do công đức Đâu-đà như thế, kia năng tu đối trị khiến tâm thuần trực, khiến thanh tịnh, nhu nhuyễn, diệu khéo, có khả năng kham nhiệm, thuận theo điều được dạy bảo năng tu phạm hạnh. Cho nên gọi là công đức Đâu-đà.

Trong việc ăn uống có tham ăn mỹ vị và tham ăn nhiều năng chướng ngại việc tu thiện pháp. Vì muốn đoạn trừ tham ăn mỹ vị, nên tùy chỗ khát thực có được, thứ lớp khát thực. Vì muốn đoạn trừ tham ăn nhiều, nên chỉ ngồi ăn một lần, trước dùng sau ăn.

Trong việc y phục có 3 chủng tham năng chướng trong việc tu thiện: 1. Tham nhiều y; 2. Tham xúc chạm mềm mại; 3. Tham tốt đẹp thượng diệu. Vì muốn đoạn trừ tham nhiều y, nên chỉ giữ ba y. Vì muốn đoạn trừ tham xúc các y phục mềm mại, nên chỉ giữ y bằng lông. Vì muốn đoạn trừ tham y phục tốt đẹp thượng diệu, nên giữ y phẩn tảo.

Trong việc vật dụng nằm ngồi có 4 chủng tham năng chướng trong việc tu thiện: 1. Tham ôn tạp; 2. Tham nhà cửa; 3. Tham ưa nương tựa, ưa nằm; 4. Tham các vật dụng nằm ngồi. Vì muốn đoạn trừ

tham ôn náo hỗn tạp, nên ở chốn a-lan-nhã. Vì muốn đoạn trừ tham nhà cửa, nên thường ở dưới gốc cây, đồng hoang, gò mả. Vì muốn đoạn trừ tham âm dật, nên thường ở nghĩa địa. Vì muốn đoạn trừ tham ưa dựa nằm, nên thường ngồi ngay thẳng. Vì muốn đoạn trừ tham các vật dụng nằm ngồi, nên thiết lập chỗ ngồi bình thường. Đây gọi là thành tựu công đức Đâu-đà.

Sao gọi là đoạn nghiêm? Hoặc đến hoặc về, hoặc thấy hoặc nhìn, hoặc co hoặc duỗi, giữ Tăng-già-lê, giữ y cầm bát... năng thành tựu thân tướng đoạn nghiêm. Đây gọi là đoạn nghiêm.

Sao gọi là biết lượng? Đối với y phục, uống ăn, vật nằm ngồi, thuốc trị bệnh, cùng các vật dụng nuôi thân khác mà các Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ tịnh tín rộng rãi cấp thí, phải biết lượng mà thọ nhận. Đây gọi là biết lượng.

Sao gọi là thành tựu đầy đủ pháp của bậc hiền thiện? Như có người sanh dòng tộc cao quý mà tịnh tín xuất gia, hoặc sanh dòng họ giàu có mà tịnh tín xuất gia. Có dung nhan đoạn nghiêm mỹ diệu, mọi người nhìn thấy khiến hoan hỷ, đầy đủ đa văn, lời nói đầy đủ viên mãn. Người kia thành

tự chút ít trí tuệ, an trú chút ít nơi sự an lạc. Tuy nhân duyên như vậy mà không tự đề cao, không khinh miệt người khác, năng rõ biết tùy pháp hành pháp là đạo lý chân thật, cho nên quán sát kỹ lưỡng sâu xa. Đã hiểu biết rồi, tinh tấn tu hành tùy pháp hành pháp. Đây gọi là thành tựu đầy đủ pháp của bậc hiền thiện.

Sao gọi là thành tựu đầy đủ tướng của bậc thông tuệ? Do tướng tạo tác nghiệp nên biết người ngu, do tướng tạo tác nghiệp nên biết người thông tuệ.

Việc ấy như thế nào? Đối với những người ngu thì điều suy nghĩ là nghĩ ác, việc làm là làm ác, lời nói ra là lời nói ác. Những bậc thông tuệ thì điều suy nghĩ là nghĩ thiện, việc làm là làm thiện, lời nói ra là lời nói thiện. Đây gọi là người thành tựu tướng thông tuệ.

Sao gọi là kham nhẫn? Như có người bị mắng, không mắng trả; bị sân, không sân trả; bị đánh, không đánh trả; bị khinh thường, không khinh thường lại. Lại người kia có khả năng kham nhẫn, chịu xúc chạm của lạnh, nóng, đói, khát, ruồi, muỗi, rắn, bò cạp... Lại có khả năng nhẫn thọ các lời thô

ác xúc phạm của người. Lại kham năng nhẫn thọ khi thân chịu đựng sự đau đớn bứt rứt. Mạnh mẽ cứng rắn nhẫn chịu khổ khi tâm bị bức bách, kể cả bị đoạt mạng. Vì tánh kham nhẫn nên có sự bao dung thọ nhận. Đây gọi là kham nhẫn.

Sao gọi là nhu hòa? Như có người đối với bậc Đại sư thành tựu đầy đủ thân nghiệp từ mãn, ngữ nghiệp từ mãn, ý nghiệp từ mãn. Đối với các đồng phạm hạnh có trí, hòa hợp cùng chung thọ dụng các vật được phép thọ dụng. Nếu có đồ ăn thức uống, không cất giấu riêng. Vật có được, thu được như pháp, rơi vào trong bát thì thuộc sở hữu của bát, tùy theo đó mà thọ dụng. Đồng giới, đồng kiến, thành tựu sáu chủng pháp không tranh cãi. Đáng vui, đáng thích, đáng trân trọng, dễ cùng chung sống với nhau, tánh không xúc não người khác. Đối với các đồng phạm hạnh có trí cùng chung ở một chỗ, khi gặp nhau thường vui mừng hoan hỷ. Đây gọi là nhu hòa.

Sao gọi là tánh hiền thiện? Như có người xa lìa nhãn nhó buồn bã, dung nhan tươi tắn. Lời nói uyển chuyển, nói cười nhỏ nhẹ, thường hay ái ngữ. Tánh nhiếp thọ nhiều pháp lành làm bạn. Thân

tâm vắng lặng. Đây gọi là hiền thiện.

Thành tựu các pháp như đây: không ham thích lợi dưỡng, cung kính, xưng khen, vui thích chánh pháp, vui thích tạo làm các công đức. Cũng không có hai chủng tà kiến là tổn giảm và tăng ích, đối với pháp không thật có, chưa từng khiến tăng thêm; đối với pháp thật có, chưa từng làm tổn giảm. Đối với những việc tạo tác tương ưng văn hoa đẹp đẽ, văn câu từ ngữ trang sức xảo diệu, thuận theo vô số văn cú thơ luận của thế gian, phải năng chánh hiểu biết không có nghĩa lý, không có lợi ích, nên tránh xa vứt bỏ, không tập học theo, không quý thích, cũng không lưu truyền. Chẳng vui tích trữ y, bát dư thừa khác. Xa lìa chúng tại gia, cùng những chỗ huyền thuyên ồn tạp, chỉ làm tăng phiền não. Cùng Thánh chúng vui hòa hợp chung ở, vì tịnh tu trí tuệ. Không vui thích nhiếp thọ bà con, làng xóm, bè bạn, tự nghĩ: “Ta chớ do nhân duyên bạn thân đây, sẽ chiêu lấy vô lượng sự việc quấy nhiễu. Nếu kia biến hoại, sẽ sanh chủng chủng sâu thán, ưu não, khốn khổ”. Nếu lúc sanh khởi hai hoặc như vậy, không kiên cố chấp trước, lúc xuất hiện liền vứt bỏ trừ sạch, tự nghĩ: “Ta chớ do nhân duyên

hai hoặc đây, hiện tại khiến sanh các thứ khổ, về sau khiến sanh các thứ khổ”. Trọn không làm hư tổn của tín thí. Trọn chẳng hủy phạm giới cấm thanh tịnh mà thọ dụng của tín thí. Trọn chẳng hủy hoại lòng tín thí. Trọn không xả bỏ học xứ đã thọ. Thường vui quán sát các lỗi lầm đã gây tạo. Không truy tìm lỗi lầm, sai phạm của người khác. Tự ẩn che điều thiện của mình, phát lồ việc ác. Vì nhân duyên khó tồn tại mạng sống, cũng không cố ý suy nghĩ hủy phạm các tội. Nếu do quên mất chánh niệm, hủy phạm lỗi dẫu nhỏ, liền nhanh chóng như pháp hối trừ. Đối với việc cần làm, siêng năng không lười biếng. Phạm dù cả trăm việc, đều tự mình có thể thành tựu đầy đủ, trọn không cầu người khác vì mình cung cấp. Đối với uy đức, thần lực, giáo pháp thâm sâu không thể nghĩ bàn của Phật Thế Tôn cùng đệ tử Phật, năng phát khởi tin hiểu sâu, trọn không chê bai hủy báng, năng chánh biết rõ chỉ là sở tri, sở kiến của Như Lai, chẳng phải cảnh giới của mình. Trọn chẳng vui thích an trụ nơi kiến thủ hư vọng phi lý, chấp điều hiếm lạ, chấp ngôn luận chú thuật do ác kiến sanh khởi.

Nếu cùng tương ứng công đức như vậy, an trụ như vậy, tu học như vậy, dùng các vật trang nghiêm của chánh hạnh Sa-môn mà tự trang nghiêm cho mình, thì thật sâu xa vi diệu. Ví như có người còn trẻ tuổi, xinh đẹp đoan chánh, vì muốn trang nghiêm cho thân thể, nên vui thích thọ dụng các dục, tắm gội thân thể, xoa ướp các diệu hương, mặc áo quần trắng sạch, lại trang điểm bằng các thứ báu vật tuyệt đẹp, như chuỗi anh lạc, bông tai, nhẫn đeo tay, xuyên đeo tay, các diệu bảo ấn, các thứ hoa cài tóc bằng vàng bạc... thì càng thêm kỳ diệu. Cũng vậy, hành giả dùng các vật dụng vi diệu trang nghiêm, đó là chủng chủng công đức của chánh hạnh Sa-môn để tự trang nghiêm cho mình, khiến cho uy đức oai quang chiếu khắp, gọi là trang nghiêm Sa-môn.

Đây gọi là nghĩa vật dụng trang nghiêm của Sa-môn.



Quyển 26

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA Phần 2 của DU GIÀ XỨ - Thứ 1

Hỏi: Trong phần Xuất ly địa ở trước đã nêu ra, đã khai thị: **1.** Có bao nhiêu phẩm loại bổ-đặc-già-la năng chứng xuất ly? **2.** Sao gọi là kiến lập bổ-đặc-già-la? **3.** Sao gọi là sở duyên? **4.** Sao gọi là dạy trao? **5.** Sao gọi là học? **6.** Sao gọi là tùy thuận pháp học? **7.** Sao gọi là hoại Du-già? **8.** Sao gọi là Du-già? **9.** Sao gọi là tác ý? **10.** Sao gọi là việc làm của thầy Du-già? **11.** Bao nhiêu loại thầy Du-già? **12.** Sao gọi là tu Du-già? **13.** Sao gọi là quả tu? **14.** Có bao nhiêu loại môn khác của bổ-đặc-già-la? **15.** Có bao nhiêu loại bổ-đặc-già-la? **16.** Có bao nhiêu loại nhân duyên kiến lập bổ-đặc-già-la? **17.** Có bao nhiêu loại ma? **18.** Có bao nhiêu loại việc làm của ma? **19.** Sao gọi là phát khởi hương đến không có kết quả?

Ốt-Đà-Nam nói:

Các bổ-đặc-già-la

Kiến lập, sở duyên, dạy

*Học, tùy thuận học pháp
 Hoại, Du-già, tác ý
 Thầy Du-già, làm tu
 Quả, môn, số thủ thú
 Nhân, ma, sự, không quả
 Đây đều sẽ rộng nói.*

1. Phẩm loại bổ-đặc-già-la năng chứng xuất ly: Bổ-đặc-già-la có 28 phẩm loại sai khác năng chứng xuất ly. Sao gọi là 28 loại? Là bổ-đặc-già-la độn căn, lợi căn, tham tăng thượng, sân tăng thượng, si tăng thượng, mạn tăng thượng, tầm tư tăng thượng, được bình đẳng, có tánh trần mỏng, hành hương, trụ quả, tùy tín hành, tùy pháp hành, tín thắng giải, kiến chí, thân chứng, nhiều nhất bảy lần trở lại hữu, gia-gia, nhất gian, trung Bát-niết-bàn, sanh Bát-niết-bàn, không hành Bát-niết-bàn, có hành Bát-niết-bàn, thượng lưu, thời giải thoát, pháp bất động, tuệ giải thoát, đủ phần giải thoát.

1. Sao gọi là bổ-đặc-già-la độn căn? Như có bổ-đặc-già-la bị căn ám độn, đối với các việc sở tri, chuyển vận trì độn, chuyển vận yếu kém, như trước

đã nói. Nên biết loại bổ-đặc-già-la đây lại có 2 chủng tướng: 1. Từ xưa đến nay chủng tánh vốn sẵn độn căn; 2. Vì chưa khéo tu tập các căn.

2. Sao gọi là bổ-đặc-già-la lợi căn? Như có bổ-đặc-già-la thành tựu căn tánh thông lợi, đối với các việc sở tri, chuyển vận không trì độn, chuyển vận không yếu kém, như trước đã nói. Nên biết loại bổ-đặc-già-la đây cũng có 2 chủng tướng: 1. Từ xưa đến nay chủng tánh vốn sẵn lợi căn; 2. Đã khéo tu tập các căn.

3. Sao gọi là bổ-đặc-già-la tham tăng thượng? Như có bổ-đặc-già-la ở trong các kiếp sống trước, ở nơi phiền não tham đã tích, đã tập, đã nhiều tích tập. Do nhân duyên đây trong đời hiện tại, ở nơi những việc yêu thích liền phát khởi lòng tham mãnh lợi, phát khởi lòng tham lâu dài. Đây gọi là bổ-đặc-già-la tham tăng thượng.

4. Sao gọi là bổ-đặc-già-la sân tăng thượng? Như có bổ-đặc-già-la ở trong các kiếp sống trước, ở nơi phiền não sân đã tích, đã tập, đã nhiều tích tập. Do nhân duyên đây trong đời hiện tại, ở nơi việc oán ghét liền nhanh chóng phát khởi tâm sân mãnh lợi, phát khởi tâm sân lâu dài. Đây gọi là

bổ-đặc-già-la sân tăng thượng.

5. Sao gọi là bổ-đặc-già-la si tăng thượng? Như có bổ-đặc-già-la ở trong kiếp sống trước, ở nơi phiền não si đã tích, đã tập, đã nhiều tích tập. Do nhân duyên đây trong đời hiện tại, ở nơi việc ngu si liền phát khởi lòng si mãnh lợi, phát khởi lòng si lâu dài. Đây gọi là bổ-đặc-già-la si tăng thượng.

6. Sao gọi là bổ-đặc-già-la mạn tăng thượng? Như có bổ-đặc-già-la ở trong kiếp sống trước, ở nơi phiền não mạn đã tích, đã tập, đã nhiều tích tập. Do nhân duyên đây trong đời hiện tại, ở nơi việc kiêu mạn liền phát khởi mạn mãnh lợi, phát khởi mạn lâu dài. Đây gọi là bổ-đặc-già-la mạn tăng thượng.

7. Sao gọi là bổ-đặc-già-la tâm tư tăng thượng? Như có bổ-đặc-già-la ở trong kiếp sống trước, ở nơi phiền não tâm tư đã tích, đã tập, đã nhiều tích tập. Do nhân duyên đây trong đời hiện tại, ở nơi việc tâm tư liền phát khởi tâm tư mãnh lợi, phát khởi tâm tư lâu dài. Đây gọi là bổ-đặc-già-la tâm tư tăng thượng.

8. Sao gọi là bổ-đặc-già-la được bình đẳng? Như có bổ-đặc-già-la ở trong kiếp sống trước, tuy ở

nơi tham, sân, si, mạn, tầm tư không tích, không tập, không nhiều tích tập, nhưng ở nơi các pháp kia chưa thấy quá hoạn, chưa sanh nhàm chán hủy hoại, chưa khéo nghiệm xét tìm tòi. Do nhân duyên đây, ở nơi việc yêu thương, oán ghét, ngu muội, kiêu mạn, tầm tư, không phát khởi tham mãnh lợi, không phát khởi tham lâu dài. Nhưng ở nơi các việc kia, tham vẫn còn lưu chuyển hiện hành. Tham đã như vậy, thì sân, si, mạn, tầm tư cũng lại như thế. Đây gọi là bổ-đặc-già-la được bình đẳng.

9. Sao gọi là bổ-đặc-già-la có tánh trần mỏng? Như có bổ-đặc-già-la ở trong kiếp sống trước, ở nơi phiền não tham không tích, không tập, không nhiều tích tập. Đối với phiền não tham kia, kham năng biết chúng có nhiều quá hoạn, thường phát khởi nhàm chán hủy hoại, khéo nghiệm xét tìm tòi. Do nhân duyên đây trong đời hiện tại, ở nơi các việc yêu thích gặp duyên hiện tiền hay các cảnh mỹ diệu tốt bậc, tâm khởi tham vi tế. Còn ở trong cảnh bình thường hoặc cảnh xấu kém, tâm tham hoàn toàn không khởi. Tham đã như vậy, thì sân, si, mạn, tầm tư cũng lại như thế. Đây gọi là bổ-đặc-già-la có tánh trần mỏng.

10. Sao gọi là bổ-đặc-già-la hành hướng? Là bổ-đặc-già-la hành theo 4 hướng. Những gì là bốn? 1. Hướng đến quả Dự lưu; 2. Hướng đến quả Nhất lai; 3. Hướng đến quả Bất hoàn; 4. Hướng đến quả A-la-hán. Đây gọi là bổ-đặc-già-la hành hướng.

11. Sao gọi là bổ-đặc-già-la trụ quả? Là bổ-đặc-già-la trụ 4 quả. Những gì là bốn? 1. Trụ quả Dự lưu; 2. Trụ quả Nhất lai; 3. Trụ quả Bất hoàn; 4. Trụ quả A-la-hán. Đây gọi là bổ-đặc-già-la trụ quả.

12. Sao gọi là bổ-đặc-già-la tùy tín hành? Như có bổ-đặc-già-la tin theo người khác, cầu thỉnh dạy trao dạy răn. Do lực đây nên tu hành chứng quả hành. Bổ-đặc-già-la đây chẳng phải do như pháp đã được lắng nghe, đã được lãnh thọ, đã được rớt ráo, đã được tư duy, đã được suy lường, đã được quán sát để tự có công năng, tự có thể lực, mà chỉ do tin theo người mà tu hành. Nên được gọi là bổ-đặc-già-la tùy tín hành.

13. Sao gọi là bổ-đặc-già-la tùy pháp hành? Như có bổ-đặc-già-la như pháp được lắng nghe, được lãnh thọ, được rớt ráo, được tư duy, được suy lường, được quán sát nên tự có công năng, tự có

thế lực như pháp tu hành. Không theo người khác cầu thỉnh dạy trao dạy răn mà năng tu hành chứng quả. Đây gọi là bổ-đặc-già-la tùy pháp hành.

14. Sao gọi là bổ-đặc-già-la tín thắng giải? Đây tức là bổ-đặc-già-la tùy tín hành, nhân được người khác dạy trao dạy răn, nên ở nơi quả Sa-môn tự mình được tiếp xúc chứng đắc, gọi là bổ-đặc-già-la tín thắng giải.

15. Sao gọi là bổ-đặc-già-la kiến chí? Đây tức là bổ-đặc-già-la tùy pháp hành, ở nơi quả Sa-môn tự mình được tiếp xúc chứng đắc, gọi là bổ-đặc-già-la kiến chí.

16. Sao gọi là bổ-đặc-già-la thân chứng? Như có bổ-đặc-già-la ở nơi tám giải thoát được thuận, nghịch, xuất, nhập, tự thân tác chứng, nhiều an trụ, nhưng chưa thể chứng đắc các lậu vĩnh viễn tận. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thân chứng.

17. Sao gọi là bổ-đặc-già-la nhiều nhất bảy lần trở lại hữu? Như có bổ-đặc-già-la đã có thể vĩnh viễn đoạn dứt 3 chủng kiết sử là thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên đắc quả Dự lưu, thành tựu pháp không còn bị đọa lạc, nhất định hướng đến quả Bồ-đề, trải qua sanh tử ở cõi trời, cõi

người nhiều nhất bảy lần, sẽ chứng biên tế khổ. Đây gọi là bổ-đặc-già-la nhiều nhất bảy lần trở lại hữu.

18. Sao gọi là bổ-đặc-già-la gia-gia? Có 2 loại gia-gia: 1. Trời gia-gia; 2. Người gia-gia.

Sao gọi là trời gia-gia? Là bổ-đặc-già-la từ cõi trời này chết sanh đến một cõi trời khác. Hoặc qua hoặc lại như vậy, chứng biên tế khổ.

Sao gọi là người gia-gia? Là bổ-đặc-già-la ở chốn nhân gian, chết ở nhà này đến đầu thai nhà khác. Hoặc qua hoặc lại như vậy, chứng biên tế khổ.

Phải biết hai loại gia-gia này đều là bổ-đặc-già-la chứng quả Dự lưu.

19. Sao gọi là bổ-đặc-già-la nhất gian? Đây tức là bổ-đặc-già-la chứng quả Nhất lai, tu hành hưởng đến quả Bất hoàn. Đã đoạn tận phiền não phẩm trung, phẩm thượng của Dục giới, chỉ còn phẩm hạ chưa đoạn. Thọ sanh lại một lần hữu ở cõi trời Dục giới, ở nơi cõi trời đó đắc Bất-niết-bàn, không còn sanh trở lại thế gian này. Đây gọi là bổ-đặc-già-la nhất gian.

20. Sao gọi là bổ-đặc-già-la trung Bất-niết-

bàn? Bồ-đặc-già-la trung Bát-niết-bàn có 3 loại. Một loại bồ-đặc-già-la trung Bát-niết-bàn hữu thứ nhất, từ đây chết rồi, trung hữu nối tiếp sanh. Trung hữu sanh rồi liền Bát-niết-bàn, giống như lửa cháy nhỏ lác đác, những tia lửa vừa bắn tóe ra liền tắt. Một loại bồ-đặc-già-la trung Bát-niết-bàn hữu thứ hai, từ đây chết rồi, trung hữu nối tiếp sanh. Trung hữu sanh rồi, trải qua thời gian ngắn, chưa hưởng đến sanh hữu mà Bát-niết-bàn. Ví như hòn sắt chưa đập đem bỏ vào lửa cháy đỏ rực rồi rền đập, những tia lửa bắn tóe ra chưa rớt xuống đất liền tắt. Một loại bồ-đặc-già-la trung Bát-niết-bàn hữu thứ ba, từ đây chết rồi, trung hữu nối tiếp sanh. Trung hữu sanh rồi, hưởng đến sanh hữu, chưa đắc sanh hữu bèn Bát-niết-bàn. Ví như hòn sắt kia đưa vào lò nung đỏ xong rồi rền đập, những tia lửa bắn tóe ra, rơi xuống chưa chạm đất liền tắt.

Như vậy ba loại bồ-đặc-già-la trung Bát-niết-bàn gộp chung làm một, gọi là bồ-đặc-già-la nhất trung Bát-niết-bàn.

21. Sao gọi là bồ-đặc-già-la sanh Bát-niết-bàn? Như có bồ-đặc-già-la vừa mới sanh liền Bát-niết-bàn, nên gọi là bồ-đặc-già-la sanh Bát-niết-bàn.

22. Sao gọi là bổ-đặc-già-la không hành Bát-niết-bàn? Như có bổ-đặc-già-la sanh kia rồi, không khởi gia hạnh, không tác ý dụng công, không cần ra sức mà đạo đã hiện tại tiền, liền Bát-niết-bàn. Đây gọi là bổ-đặc-già-la không hành Bát-niết-bàn.

23. Sao gọi là bổ-đặc-già-la có hành Bát-niết-bàn? Như có bổ-đặc-già-la sanh kia rồi, phát khởi gia hạnh, tác ý dụng công nhiều, phải ra sức rất nhiều đạo mới hiện tại tiền, liền Bát-niết-bàn. Đây gọi là bổ-đặc-già-la có hành Bát-niết-bàn.

24. Sao gọi là bổ-đặc-già-la thượng lưu? Như có bổ-đặc-già-la Bát hoàn, từ đây tiếp tục sanh lên cõi Sơ tinh lục, trụ ở đó mà không Bát-niết-bàn. Từ cõi kia chết đi, liền sanh lên các cõi trời cao hơn, hoặc cho đến sanh vào cõi trời Sắc cứu cánh, hoặc đến trời Phi tướng phi phi tướng xứ. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thượng lưu.

25. Sao gọi là bổ-đặc-già-la thời giải thoát? Như có bổ-đặc-già-la chủng tánh độn căn, đối với hiện pháp lạc trú thế gian dễ sanh thối thất. Vị kia hoặc suy nghĩ tự tổn hại mình, hoặc nắm lấy sự giải thoát trong tâm, nên gắng sức sách tấn khích lệ siêng năng tu hành không phóng dật. Vì phòng

thối thất lực tăng thượng, nên vị kia hoặc chỉ tự mình an trụ trong phần phẩm thiện, hoặc trải qua ngày đêm, sát-na, nháy mắt... nỗ lực thắng tiến cho đến chưa chứng, nhưng năng lực rất mạnh mẽ. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thời giải thoát.

26. Sao gọi là bổ-đặc-già-la pháp bất động? Bổ-đặc-già-la đây trái với bổ-đặc-già-la thời giải thoát, nên biết gọi là bổ-đặc-già-la pháp bất động.

27. Sao gọi là bổ-đặc-già-la tuệ giải thoát? Như có bổ-đặc-già-la đã năng chứng đắc các lậu vĩnh viễn đoạn tận. Đối với tám giải thoát tự thân chưa thể tác chứng, an trụ trọn vẹn. Đây gọi là bổ-đặc-già-la tuệ giải thoát.

28. Sao gọi là bổ-đặc-già-la đủ phần giải thoát? Như có bổ-đặc-già-la đã năng chứng đắc các lậu vĩnh viễn tận. Đối với tám giải thoát, thân đã tác chứng, an trụ trọn vẹn. Đối với phần chướng phiền não và phần chướng ngại giải thoát, tâm đều giải thoát. Như vậy gọi là bổ-đặc-già-la đủ phần giải thoát.

2. Kiến lập Bổ-đặc-già-la: Do 11 đạo lý sai biệt, theo đó mà kiến lập bổ-đặc-già-la. Sao nói do

11 đạo lý sai biệt? **a.** Vì căn sai biệt; **b.** Vì chúng sai biệt; **c.** Vì hành sai biệt; **d.** Vì nguyện sai biệt; **e.** Vì đường đi sai biệt; **f.** Vì đạo quả sai biệt; **g.** Vì gia hạnh sai biệt; **h.** Vì định sai biệt; **i.** Vì sanh sai biệt; **j.** Vì thói thất, không thói thất sai biệt; **k.** Vì chướng sai biệt.

a. Sao gọi là vì căn sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la? Vì căn sai biệt nên kiến lập 2 chủng bổ-đặc-già-la: 1. Độn căn; 2. Lợi căn.

b. Sao gọi là vì chúng sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la? Vì chúng sai biệt nên kiến lập 7 chủng bổ-đặc-già-la: Bí-sô, Bí-sô-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Cận sự nam, Cận sự nữ.

c. Sao gọi là vì hành sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la? Vì hành sai biệt nên kiến lập 7 chủng bổ-đặc-già-la: nếu bổ-đặc-già-la tham tăng thượng, còn gọi là người hành tham. Nếu bổ-đặc-già-la sân tăng thượng, còn gọi là người hành sân. Nếu bổ-đặc-già-la si tăng thượng, còn gọi là người hành si. Nếu bổ-đặc-già-la mạn tăng thượng, còn gọi là người hành mạn. Nếu bổ-đặc-già-la tầm tư tăng thượng, còn gọi là người hành tầm tư. Nếu bổ-đặc-già-la được bình đẳng, còn gọi là người hành

đẳng phần. Nếu bổ-đặc-già-la có tánh trần mỏng, còn gọi là người hành mỏng trần.

Hỏi: Hành tướng của bổ-đặc-già-la hành tham như thế nào?

Đáp: Bổ-đặc-già-la hành tham đây, đối với các cảnh giới thấp kém còn năng sanh khởi tham triền phẩm thượng sâu nặng tội bậc, hướng chi đối với các cảnh giới bậc trung, bậc thượng. Lại tham triền đây trụ trong thân, trải qua thời gian tương tục tiếp nối trôi buộc trường thời. Do vì tham triền, nên bị các pháp khả ái chế ngự, không thể điều phục được các pháp khả ái kia. Các căn vui vẻ thích thú, thắm nhuần trong ấy. Các căn không còn ngượng mà vui vẻ phục tùng theo tham không chút thô rít. Vì tánh không tốt nên dùng thân ác, ngữ ác xúc não người. Khó khiến xa lìa, khó làm cho thấy được hiểm họa của tham kia mà chán bỏ. Thắng giải hạ liệt, sự nghiệp trôi cột bền chặt, sự nghiệp lâu dài. Cắm giới bền chặt, cắm giới lâu dài. Năng nhẫn, năng thọ. Đối với các vật dụng nuôi thân, vì tánh đam mê nhiễm trước, nên sanh yêu thích quý trọng sâu. Nhiều vui vẻ, nhiều thích thú, không biểu lộ cau mày nhíu mặt, dung sắc vui tươi, mỉm cười trước khi

nói. Hết thấy biểu hiện như thế, phải biết là hành tướng của người hành tham.

Hỏi: Hành tướng của bồ-đặc-già-la hành sân như thế nào?

Đáp: Bồ-đặc-già-la hành sân đây, đối với các cảnh giới oán ghét nhỏ kém còn năng sanh khởi sân triền phẩm thượng sâu nặng tội bậc, huống chi đối với các cảnh giới oán ghét bậc trung, bậc thượng. Lại sân triền đây trụ trong thân, trải qua thời gian tương tục tiếp nối trôi buộc trường thời. Do vì sân triền đây, nên bị các pháp oán ghét chế phục, không thể điều phục được các pháp oán ghét kia. Các căn khô héo, lạnh lùng. Các căn xơ cứng, các căn rít rắm, các căn thô thiển. Vì tánh nhiều vui thích dùng thân ác, ngữ ác tổn não người. Dễ khiến xa lìa, dễ khiến chán ghét họa hoạn. Miệng nói lời hung bạo, hình tướng cứng rắn thô thiển. Thắng giải không nhiều, sự nghiệp không chắc chắn, sự nghiệp không kiên cố. Cấm giới không bền chắc, cấm giới không kiên cố. Không nhẫn, không thọ, nhiều lo buồn, nhiều khổ não. Tánh thích ngang ngược, ôm lòng không thuận. Tánh nhiều sầu buồn, tánh thích dùng lời thô tháo. Lòng

nhiều nghi ngờ hiềm hận. Ý thích độc ác tai họa, nhưng khi bị điều ác trở lại thì quay quắt như dò rỉ. Ưa thích chống đối lẫn nhau, ít nói năng. Nhiều sân, nhiều hận. Hay sanh oán hận, thân hình tiêu tụy, mặt mày nhăn nhó chẳng thư thái. Cặp mắt thường gian trá nhìn xuống. Đối với lợi dưỡng vinh hoa của người khác thường oán ghét, ganh tỵ. Hết thấy biểu hiện như thế phải biết là hành tướng của người hành sân.

Hỏi: Hành tướng của bồ-đặc-già-la hành si như thế nào?

Đáp: Bồ-đặc-già-la hành si đây, đối với các cảnh giới ngu muội nhỏ bé còn năng sanh khởi si triền phẩm thượng sâu nặng tội bậc, hướng chi đối với các cảnh giới ngu si bậc trung, bậc thượng. Lại si triền đây trụ trong thân, trải qua thời gian tương tục tiếp nối trôi buộc trường thời. Do vì si triền đây, nên bị các pháp ngu muội chế phục, không thể điều phục được các pháp ngu muội kia. Các căn trở nên ám độn, các căn ngu muội, các căn suy yếu. Thân nghiệp chậm chạp, ngữ nghiệp chậm chạp. Điều suy nghĩ là điều ác, lời lẽ nói năng là lời ác, tạo tác việc làm là tạo tác ác. Lười biếng giải đãi,

nói năng biện bạch ngôn từ vụng về, tranh luận yếu kém. Tánh không nhạy bén, phần nhiều quên mất nhớ nghĩ. Không trụ trong chánh biết, thường chấp thủ hẹp hòi, không chánh đáng. Khó khiến xa lìa, khó khiến nhàm chán. Thắng giải hạ liệt. Ngu muội, lẫn thẩn, ngọng nghịu, dùng tay làm dấu thay lời. Không có sức thấu hiểu nghĩa thiện hay nghĩa ác. Bị các duyên ràng buộc, bị người khác dẫn đoạt, bị người khác sai khiến. Hết thấy biểu hiện như vậy phải biết là hành tướng của người hành si.

Hỏi: Hành tướng của bồ-đặc-già-la hành mạn như thế nào?

Đáp: Bồ-đặc-già-la hành mạn đây, đối với các cảnh giới khinh mạn nhỏ bé còn năng sanh khởi mạn triền phẩm thượng sâu nặng tội bậc, hướng chi đối với các cảnh giới khinh mạn bậc trung, bậc thượng. Lại mạn triền đây trụ trong thân, trải qua thời gian tương tục tiếp nối trôi buộc trường thời. Do vì mạn triền đây, nên bị các pháp khinh mạn chế phục, không thể điều phục được các pháp khinh mạn kia. Các căn trạo động, các căn cao cử, các căn tán loạn. Siêng năng trau chuốt thân thể, lời nói

cao ngạo lớn tiếng, chẳng thích khiêm hạ. Đối với cha mẹ, thân thuộc, sư trưởng, chẳng thể thời thời như pháp hầu hạ phụng sự. Do lòng ôm nhiều cao ngạo, nên không thể đem thân hạ mình lễ kính, thưa hỏi, chấp tay thăm hỏi, tu nghiệp hòa kính. Tự cao tự đại, lăng mạ khinh miệt người khác. Vui say lợi dưỡng, mê đắm khi được cung kính, say đắm những lời xưng khen ca tụng của thế gian. Hành động khinh xuất, vui làm trò bốn cột. Khó khiến xa lìa, khó khiến nhàm chán. Thắng giải rộng lớn. Từ bi yếu kém. Kiến chấp ngã, hữu tình, mạng giả, dưỡng giả, sanh giả, bổ-đặc-già-la... phần nhiều phẩm thượng, sanh nhiều oán nhiều hận. Hết thấy biểu hiện như vậy, phải biết là hành tướng của người hành mạn.

Hỏi: Hành tướng của bổ-đặc-già-la hành tâm tư như thế nào?

Đáp: Bổ-đặc-già-la hành tâm tư đây, đối với các sự việc tâm tư nhỏ bé còn năng sanh khởi tâm tư triền phẩm thượng sâu nặng tội bậc. Hướng chi đối với các sự việc tâm tư bậc trung, bậc thượng. Lại tâm tư triền đây trụ trong thân, trải qua thời gian tương tục tiếp nối trôi buộc trường thời. Do vì

tâm tư triển đây nên bị các pháp tâm tư chế phục, không thể điều phục được các pháp tâm tư kia. Các căn không trụ yên, các căn trạo động, các căn tán loạn. Thân nghiệp bị lôi kéo, ngữ nghiệp bị lôi kéo. Khó khiến xa lìa, khó khiến nhàm chán. Vui thích hý luận. Lòng nhiều nghi nhiều hoặc, lòng ôm nhiều ham muốn. Cấm giới không kiên cố, cấm giới không chắc chắn. Sự nghiệp không bền chắc, sự nghiệp không ổn định. Thường ôm lòng lo sợ, tư lự. Thường quên mất nhớ nghĩ, nhiều vui thích tan rã, không thích hạnh xa lìa. Đối với chủng chủng việc của thế gian, ham muốn cuộn theo, siêng năng không biếng nhác, khởi phát viên mãn. Hết thấy biểu hiện như thế phải biết là hành tướng của người hành tâm tư.

Như vậy do hành sai biệt nên theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la.

d. Sao gọi là do nguyên sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la? Hoặc có bổ-đặc-già-la ở nơi Thanh văn thừa đã phát chánh nguyện. Hoặc có bổ-đặc-già-la ở nơi Độc giác thừa đã phát chánh nguyện. Hoặc có bổ-đặc-già-la ở nơi Đại thừa đã phát chánh nguyện. Nên biết trong đây nếu bổ-đặc-già-la ở

nơi Thanh văn thừa đã phát chánh nguyện, vị kia hoặc thuộc chủng tánh Thanh văn, hoặc thuộc chủng tánh Độc giác, hoặc thuộc chủng tánh Đại thừa. Nếu bổ-đặc-già-la ở nơi Độc giác Bồ-đề đã phát chánh nguyện, thì vị kia hoặc thuộc chủng tánh Độc giác, hoặc thuộc chủng tánh Thanh văn, hoặc thuộc chủng tánh Đại thừa. Nếu bổ-đặc-già-la ở nơi Đại thừa đã phát chánh nguyện, thì vị kia hoặc thuộc chủng tánh Đại thừa, hoặc thuộc chủng tánh Độc giác, hoặc thuộc chủng tánh Thanh văn. Nếu bổ-đặc-già-la là chủng tánh Thanh văn, ở nơi Độc giác Bồ-đề, hoặc ở nơi Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề đã phát chánh nguyện. Nhưng vị kia, vì lẽ thuộc chủng tánh Thanh văn, nên về sau quyết định hoàn xả bỏ nguyện kia, nhất định trở lại an trụ nguyện Thanh văn thừa. Bổ-đặc-già-la chủng tánh Độc giác thừa, hoặc bổ-đặc-già-la chủng tánh Đại thừa phải biết cũng vậy. Trong sở hữu bổ-đặc-già-la đây có thể thay đổi nguyện, cũng có thể xả ly nguyện. Nhưng quyết định không thể dời chuyển chủng tánh, cũng không thể xả ly chủng tánh. Nay trong nghĩa đây, chỉ nói đến bổ-đặc-già-la chủng tánh Thanh văn, nguyện Thanh văn thừa.

Như vậy gọi là do nguyên sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la.

e. *Sao gọi là do đường đi sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la?* Như điều đã nêu ra, đã khai thị, thì bổ-đặc-già-la nương bốn con đường đi mà được xuất ly. Những gì là bốn? Hoặc có bổ-đặc-già-la có con đường đi là con đường khổ chậm chạp. Hoặc bổ-đặc-già-la có con đường đi là con đường khổ nhanh chóng. Hoặc bổ-đặc-già-la có con đường đi là con đường an lạc chậm chạp. Hoặc bổ-đặc-già-la có con đường đi là con đường an lạc nhanh chóng. Phải biết trong đây nếu bổ-đặc-già-la căn tánh ám độn, chưa chứng đắc tinh lự căn bản, thì sở hữu con đường đi gọi là con đường khổ chậm chạp. Nếu bổ-đặc-già-la căn tánh thông lợi, chưa chứng đắc tinh lự căn bản, thì sở hữu con đường đi gọi là con đường khổ nhanh chóng. Nếu bổ-đặc-già-la căn tánh ám độn, đã chứng đắc tinh lự căn bản, thì sở hữu con đường đi gọi là con đường an lạc chậm chạp. Nếu bổ-đặc-già-la căn tánh thông lợi, đã chứng đắc tinh lự căn bản, thì sở hữu con đường đi gọi là con đường an lạc nhanh chóng.

Như vậy gọi là do con đường đi sai biệt theo

đó kiến lập bổ-đặc-già-la.

f. Sao gọi là do đạo quả sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la? Là bổ-đặc-già-la hành bốn hướng và trụ bốn quả.

Hành bốn hướng: 1. Bổ-đặc-già-la hướng quả Dự lưu; 2. Bổ-đặc-già-la hướng quả Nhất lai; 3. Bổ-đặc-già-la hướng quả Bất hoàn; 4. Bổ-đặc-già-la hướng quả A-la-hán.

Trụ bốn quả: 1. Bổ-đặc-già-la trụ quả Dự lưu; 2. Trụ quả Nhất lai; 3. Trụ quả Bất hoàn; 4. Trụ quả A-la-hán.

Nếu kia hành chuyển theo các hướng đến đạo nói trên, gọi là người hành hướng. Do hướng đến đạo nên bốn chủng bổ-đặc-già-la được kiến lập. Nếu đắc quả Sa-môn, vị kia được gọi là người trụ quả. Do đạo quả sai biệt nên bốn chủng bổ-đặc-già-la được kiến lập.

Như vậy gọi là do đạo quả sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la.

g. Sao gọi là do gia hạnh sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la? Đây tức là bổ-đặc-già-la tùy tín hành và bổ-đặc-già-la tùy pháp hành. Nếu bổ-đặc-già-la theo lòng tin mà siêng tu chánh hạnh là bổ-

đặc-già-la tùy tín hành. Nếu bổ-đặc-già-la đối với các pháp không đợi duyên người khác, tự mình thuận theo Tỳ-nại-da mà siêng tu chánh hạnh, đó là bổ-đặc-già-la tùy pháp hành.

Như vậy gọi là do gia hạnh sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la.

h. Sao gọi là do định sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la? Đây tức là bổ-đặc-già-la thân chứng. Ở nơi tám giải thoát, vị kia tự thân đã tác chứng, đầy đủ an trụ, nhưng chưa đạt được các lậu vĩnh viễn đoạn tận. Phải biết bổ-đặc-già-la như vậy, ở nơi hữu sắc, quán các sắc giải thoát; ở nơi nội vô sắc tưởng, quán ngoại các sắc giải thoát; ở nơi tịnh giải thoát, thân tác chứng trụ đầy đủ giải thoát, tất cả đều đầy đủ an trụ. Ở nơi Không vô biên xứ giải thoát, ở nơi Thức vô biên xứ giải thoát, ở nơi Vô sở hữu xứ giải thoát, ở nơi Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát, ở nơi Diệt thọ tưởng giải thoát, đối với các cảnh giới trên đã có thể thuận, nghịch, xuất, nhập tự tại.

Như vậy gọi là do định sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la.

i. Sao gọi do sanh sai biệt theo đó kiến lập bổ-

đặc-già-la? Là bổ-đặc-già-la nhiều nhất bảy lần trở lại hữu, bổ-đặc-già-la gia-gia, bổ-đặc-già-la nhất gian, bổ-đặc-già-la trung Bát-niết-bàn, bổ-đặc-già-la sanh Bát-niết-bàn, bổ-đặc-già-la không hành Bát-niết-bàn, bổ-đặc-già-la có hành Bát-niết-bàn, cùng với bổ-đặc-già-la thượng lưu. Như vậy gọi là do sanh sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la.

j. *Sao gọi là do thối thất, không thối thất sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la?* Do thối thất nên kiến lập A-la-hán thời giải thoát, người kia tuy ở trong hiện pháp lạc trú, nhưng có tiềm ẩn sự thối thất. Do không thối thất nên kiến lập A-la-hán pháp bất động, vị kia ở trong hiện pháp lạc trú quyết định không còn thối thất. Như vậy do thối thất, không thối thất sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la.

k. *Sao gọi là do chướng sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la?* Là A-la-hán tuệ giải thoát và đủ phần giải thoát. A-la-hán tuệ giải thoát là đã giải thoát khỏi phiền não chướng, nhưng chưa giải thoát khỏi định chướng. A-la-hán đủ phần giải thoát là đã giải thoát khỏi phiền não chướng, cũng đã giải thoát khỏi định chướng, cho nên nói là đủ phần

giải thoát. Như vậy gọi là do chướng sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la.

Do các đạo lý sai biệt đã được nêu ra, đã được khai thị này, thứ lớp như thế nên rõ biết sự kiến lập của bổ-đặc-già-la.

3. Sở duyên: Có 4 loại sự cảnh sở duyên. Những gì là bốn? **a.** Sự cảnh sở duyên biến mãn; **b.** Sự cảnh sở duyên tịnh hạnh; **c.** Sự cảnh sở duyên thộn xảo; **d.** Sự cảnh sở duyên tịnh hoặc.

a. Sao gọi là sự cảnh sở duyên biến mãn? Lại có 4 loại: 1. Ảnh tượng có phân biệt; 2. Ảnh tượng không phân biệt; 3. Tánh biên tế của sự; 4. Việc làm thành xong.

Sao gọi là ảnh tượng có phân biệt? Như có người hoặc vì lắng nghe chánh pháp, hoặc vì lấy dạy trao dạy răn làm y chỉ, hoặc thấy hoặc nghe hoặc phân biệt. Đối với ảnh tượng đồng phạm sự việc sở tri, do hành Tỳ-bát-xá-na Tam-ma-hí-đa địa, quán sát chọn lựa, khéo chọn lựa, tầm tư khắp cả, quán sát xem xét khắp cả. Nói sự việc sở tri, tức là hoặc bất tịnh, hoặc từ mãn, hoặc duyên khởi của tánh duyên, hoặc giới sai biệt, hoặc A-na-ba-

na niệm, hoặc uẩn thiện xảo, hoặc giới thiện xảo, hoặc xứ thiện xảo, hoặc duyên khởi thiện xảo, hoặc xứ, phi xứ thiện xảo, hoặc tánh thô của địa dưới, hoặc tánh tinh của địa trên, hoặc khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế. Đây gọi là sự việc sở tri.

Sự việc sở tri đây, hoặc do nương những lời dạy trao dạy răn, hoặc do lắng nghe chánh pháp làm y chỉ, khiến tác ý Tam-ma-hí-đa địa hiện tiền. Tức là ở nơi pháp kia sanh khởi thắng giải, cũng tức là ở nơi sự việc sở tri kia mà khởi thắng giải. Người kia lúc bấy giờ ở nơi sự việc sở tri, như điều lãnh thọ hiện tiền mà triển chuyển thắng giải. Tuy sự việc sở tri kia không phải là cái hiện lãnh thọ hòa hợp hiện tiền, cũng không phải là cái ngoài chủng loại vật kia, nhưng do thắng giải lãnh thọ Tam-ma-hí-đa địa, tương tợ tác ý lãnh thọ, sự việc sở tri kia tương tợ hiển hiện. Do vì đạo lý đây, nên gọi là ảnh tượng đồng phận sự việc sở tri. Người tu quán hành, tìm cầu nghiên cứu ảnh tượng ở trong bản tánh sự việc sở tri đây, quán xét sâu xa công đức và quá thất. Đây gọi là ảnh tượng có phân biệt.

Sao gọi là ảnh tượng không phân biệt? Người kia tu quán hành, sau khi đã lãnh thọ tương ảnh

tượng như vậy, không trở lại quán sát chọn lựa, khéo chọn lựa, khéo tầm tư khắp cả, quán sát xem xét khắp cả. Nhưng tức ở nơi ảnh tượng sở duyên đây, dụng hành Xa-ma-tha khiến trong lòng tịch tĩnh, tức là dùng chín chủng hành tướng khiến tâm an trụ, đó là khiến tâm nội trụ, đẳng trụ, an trụ, cận trụ, điều phục, tịch tĩnh, tối cực tịch tĩnh, chuyên nhất thú hướng đẳng trì. Vị kia lúc bấy giờ kết thành sở duyên ảnh tượng không phân biệt, tức là ở nơi sở duyên ảnh tượng như vậy nhất hướng, nhất thú, an trụ nơi niệm; không lại phải quán sát chọn lựa, khéo chọn lựa, tầm tư khắp cả, quán sát xem xét khắp cả. Đây gọi là ảnh tượng không phân biệt. Tức ảnh tượng đây cũng gọi là ảnh tượng, cũng gọi là tướng Tam-ma-địa, cũng gọi là cảnh giới sở hành của Tam-ma-địa, cũng gọi là miệng Tam-ma-địa, cũng gọi là cửa Tam-ma-địa, cũng gọi là xứ sở tác ý, cũng gọi là thể phân biệt bên trong, cũng gọi là quang ảnh. Hết thấy loại như vậy nên biết là tên gọi sai khác của ảnh tượng đồng phạm với sự việc sở tri.

Sao gọi là tánh biên tế của sự? Hoặc sở duyên tận tánh sở hữu, hoặc sở duyên như tánh sở hữu.

- Sao gọi là tận tánh sở hữu? Đó là tất cả sự hữu vi đều nhiếp thuộc năm pháp, ngoài sắc uẩn trọn không còn sắc khác; ngoài thọ, tưởng, hành, thức uẩn, trọn không còn thọ, tưởng, hành, thức khác. Tất cả các pháp nhiếp thuộc giới xứ. Tất cả sự việc sở tri nhiếp thuộc bốn thánh đế. Như vậy gọi là tận tánh sở hữu.

- Sao gọi là như tánh sở hữu? Nếu sở duyên đó là tánh chân thật, là tánh chân như. Do bốn đạo lý bao gồm đầy đủ các đạo lý, đó là quán đãi đạo lý, tác dụng đạo lý, chứng thành đạo lý, pháp nhĩ đạo lý. Như vậy nếu tận tánh sở hữu, như tánh sở hữu của cảnh sở duyên đều gộp chung làm một, gọi là tánh biên tế của sự.

Sao gọi là việc làm thành xong? Người tu quán hành dụng pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na làm nhân duyên, hoặc tu, hoặc tập, hoặc nhiều tu tập, cho nên sở hữu tác ý đối với các duyên ảnh tượng đều được viên mãn. Vì viên mãn đây nên chúng được chuyển y, tất cả thô trọng thảy đều dứt diệt. Do chúng được chuyển y nên siêu vượt ảnh tượng, tức là ở nơi sự việc sở tri đây được vô phân biệt, trí kiến hiện lượng phát sanh, vị kia nhập sơ tĩnh lực.

Khi đã chứng đắc sơ tĩnh lự rồi, ở trong cảnh giới sở hành của sơ tĩnh lự, vị kia nhập đệ nhị, đệ tam, đệ tứ tĩnh lự. Khi đã chứng đắc đệ nhị, đệ tam, đệ tứ tĩnh lự rồi, ở trong cảnh giới sở hành của đệ nhị, đệ tam, đệ tứ tĩnh lự, vị kia nhập Không vô biên xứ, nhập Thức vô biên xứ, nhập Vô sở hữu xứ, nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Khi chứng đắc định kia, tức là ở nơi cảnh giới sở hành của định kia. Như vậy gọi là việc làm thành xong.

Bốn loại sự cảnh sở duyên như vậy, biến hành tất cả, tùy nhập vào trong tất cả cảnh sở duyên. Đây là điều mà chư Phật Chánh Đẳng Giác đời quá khứ, vị lai, hiện tại cùng tuyên thuyết. Cho nên gọi là sở duyên biến mãn.

Lại sở duyên đây biến khắp phẩm Tỳ-bát-xá-na, biến khắp phẩm Xa-ma-tha, biến khắp tất cả sự việc, biến khắp sự việc chân thật, biến khắp sự việc nhân quả nối nhau, cho nên gọi là biến mãn. Hoặc nói: “Ảnh tượng có phân biệt”, tức trong đây là phẩm Tỳ-bát-xá-na. Hoặc nói: “Ảnh tượng không phân biệt”, tức trong đây là phẩm Xa-ma-tha. Hoặc nói: “Tánh biên tế của sự”, tức trong đây là “tất cả các sự việc chân thật”. Hoặc nói: “Việc làm thành

xong”, tức trong đây là “sự việc nhân quả nối nhau”.

Như chư Phật Thế Tôn từng vì trưởng lão Hiệt-Lệ-Phạt-Đa nói nghĩa như thế. Từng nghe trưởng lão Hiệt-Lệ-Phạt-Đa hỏi Thế Tôn rằng: Bạch Đại Đức! Có các Bí-sô siêng tu quán hành là thầy Du-già tâm năng an trụ ở nơi sở duyên. Làm sao tâm an trụ ở nơi sở duyên? Sao gọi là tâm an trụ ở nơi duyên? Ngang đâu gọi là tâm khéo an trụ?

Phật bảo trưởng lão Hiệt-Lệ-Phạt-Đa: Lành thay! Lành thay! Ông nay khéo hay thưa hỏi nghĩa như vậy. Ông nay lắng nghe cho kỹ, cực khéo suy nghĩ. Ta sẽ vì ông tuyên thuyết khai thị.

Này Hiệt-Lệ-Phạt-Đa! Có các Bí-sô siêng tu quán hành là thầy Du-già tâm năng an trụ ở nơi sở duyên. Hoặc vui tịnh hạnh, hoặc vui thiện xảo, hoặc vui khiến tâm giải thoát các lậu, tâm an trụ ở nơi duyên tương xứng. Hoặc tâm an trụ ở nơi duyên tương tự. Hoặc tâm an trụ ở nơi duyên không diên đảo. Năng ở nơi các duyên như thế mà không xả tinh lự.

Như thế nào được gọi là Bí-sô siêng tu quán hành là thầy Du-già tâm an trụ ở nơi duyên tương xứng? Thầy Bí-sô kia nếu chỉ có hành tham, thì

tâm phải an trụ ở nơi duyên bất tịnh. Như vậy gọi là tâm an trụ ở nơi duyên tương xứng.

Nếu chỉ có hành sân, thì tâm phải an trụ ở nơi duyên từ mẫn. Nếu chỉ có hành si, thì tâm phải an trụ ở nơi duyên khởi của tánh duyên. Nếu chỉ có hành mạn, thì tâm phải an trụ ở nơi giới sai biệt. Nếu chỉ có hành tầm tư, thì tâm phải an trụ ở nơi A-na-ba-na niệm. Như vậy gọi là tâm an trụ ở nơi duyên tương xứng.

Hiệt-Lệ-Phật-Đa! Lại Bí-sô kia, nếu ngu mê đối với tự tướng các hành, ngu mê tự tướng ngã, hữu tình, mạng giả, sanh giả, thì tâm nên an trụ ở nơi uẩn thiện xảo. Nếu ngu mê ở nơi nhân, thì tâm nên an trụ ở nơi giới thiện xảo. Nếu ngu mê ở nơi duyên, thì tâm nên an trụ ở nơi xứ thiện xảo. Nếu ngu mê ở nơi vô thường, khổ, không, vô ngã, thì tâm nên an trụ ở nơi duyên khởi xứ, phi xứ thiện xảo. Nếu vui muốn lìa dục của Dục giới, thì tâm nên an trụ ở nơi tánh thô của các dục, tánh tịnh của các sắc. Nếu vui muốn lìa dục của Sắc giới, thì tâm nên an trụ ở nơi tánh thô của các sắc, tánh tịnh của vô sắc. Nếu vui muốn thông đạt và vui thích giải thoát ở khắp tất cả xứ, ở nơi sự tự thân,

thì tâm nên an trụ ở nơi Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế. Đây gọi là Bí-sô siêng tu quán hành là thầy Du-già nơi tâm an trụ chỗ duyên tương xứng.

Hiệt-Lệ-Phạt-Đa! Như thế nào được gọi là Bí-sô siêng tu quán hành là thầy Du-già tâm an trụ ở nơi duyên tương tự? Bí-sô ở nơi sự việc sở tri kia, ở nơi sự việc đã nghe, đã thấy, đã hiểu, đã biết, vì muốn chọn lựa, khéo chọn lựa, tầm tư khắp cả, quán sát xem xét khắp cả. Do sức tăng thượng của thấy, nghe, hiểu, biết, dùng Tam-ma-hí-đa địa sanh khởi thắng giải tác ý tư duy phân biệt. Vị kia tuy ở nơi căn bản của sự việc sở tri chẳng thể hòa hợp hiện tiền mà quán sát, nhưng cùng với sự việc tương tự căn bản mà phát khởi quán sát. Ở nơi sở duyên kia, tương tự với kia, chỉ có là trí, chỉ có là kiến, chỉ có là chánh nhớ nghĩ.

Lại có Bí-sô ở thời gian này khiến tâm tịch tĩnh, ở thời gian kia nương tăng thượng tuệ pháp Tỳ-bát-xá-na mà siêng tu quán hành. Đây gọi là Bí-sô siêng tu quán hành là thầy Du-già tâm an trụ ở nơi duyên tương tự.

Hiệt-Lệ-Phạt-Đa! Sao được gọi là Bí-sô siêng tu quán hành là thầy Du-già tâm an trụ nơi duyên

không điên đảo? Nếu Bí-sô siêng tu quán hành là thầy Du-già tâm an trụ nơi cảnh sở duyên, tức là tùy nơi cảnh sở tri, theo đó mà hiểu rõ như thật không điên đảo, năng rõ biết khắp cả. Đây là Bí-sô siêng tu quán hành là thầy Du-già tâm an trụ nơi duyên không điên đảo.

Hiệt-Lệ-Phật-Đa! Sao được gọi là Bí-sô siêng tu quán hành là thầy Du-già năng ở trong đây không xả bỏ tĩnh lự? Nếu Bí-sô siêng tu quán hành là thầy Du-già khi chánh tu hành ở nơi duyên như vậy, gia hạnh không gián đoạn, gia hạnh ân trọng. Tùy từng giai đoạn mà tu tập tướng chỉ, tướng cử, tướng xả. Do tu, do tập, do nhiều tu tập làm nhân duyên, nên tất cả thô trọng thấy đều diệt mất, theo đó đắc, xúc, chứng sở y thanh tịnh. Ở nơi sự sở tri, do vì hiện kiến nên theo đó đắc, xúc, chứng sở duyên thanh tịnh. Do vì lìa tham nên theo đó đắc, xúc, chứng tâm thanh tịnh khắp cả. Do vì lìa vô minh nên theo đó đắc, xúc, chứng trí biến tri thanh tịnh. Đây gọi là Bí-sô siêng tu quán hành là thầy Du-già năng ở trong ấy không xả bỏ tĩnh lự.

Hiệt-Lệ-Phật-Đa! Vì Bí-sô đây tâm an trụ ở nơi cảnh sở duyên, như vậy tâm cũng an trụ ở

nơi duyên.

Như vậy ở nơi duyên an trụ tâm rồi, gọi là “khéo an trụ”. Trong đây Thế Tôn lại nói kệ rằng:

*Hành giả hành các tướng
Biết hết thấy thật nghĩa
Thường ở ảnh tĩnh lự
Chúng đắc thanh tịnh khắp.*

Trong đây nói rằng “Hành giả hành các tướng”, tức đây tuyên nói “người tu quán hành, tu hành không gián đoạn, tu hành ân trọng ở nơi tướng chỉ, tướng cử, tướng xả”. Hoặc lại nói rằng “Biết hết thấy thật nghĩa”, tức đây tuyên nói “tánh biên tế của sự”. Hoặc lại nói rằng “Thường ở ảnh tĩnh lự”, tức đây tuyên nói “ảnh tượng có phân biệt, ảnh tượng không phân biệt”. Hoặc lại nói rằng “Chúng đắc thanh tịnh khắp”, tức đây tuyên nói “việc làm thành xong”.

Trong đây, Thế Tôn lại nói kệ rằng:

*Nơi tướng tâm biết khắp
Năng thọ vị xa lìa
Tĩnh lự, thường thuận niệm.
Thọ hỷ lạc, lìa nhiễm.*

Trong đây nói “Nơi tướng tâm biết khắp”, nếu lấy tên tướng tâm, tức đây tuyên nói “ảnh tượng có phân biệt, ảnh tượng không phân biệt”; nếu lấy tên biết khắp, tức đây tuyên nói “tánh biên tế của sự”. Hoặc lại nói “Năng thọ vị xa lia”, tức đây tuyên nói “ở nơi cảnh sở duyên, người chánh tu hành vui đoạn vui tu”. Hoặc lại nói “Tĩnh lự thường thuận niệm”, tức đây tuyên nói “ở nơi Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na thường xuyên siêng năng tu tập, tinh cần điều luyện tu tập”. Hoặc lại nói “Thọ hỷ lạc, lia nhiễm”, tức đây tuyên nói “việc làm thành xong”. Phải biết sở duyên biến mãn như vậy, thuận theo ngôn giáo thanh tịnh, khế hợp chánh lý.

Như vậy gọi là sở duyên biến mãn.

b. Sao gọi là sự cảnh sở duyên tịnh hành? Là những sở duyên sai biệt như: bất tịnh, từ mãn, duyên khởi của tánh duyên, giới sai biệt, A-na-ba-na niệm...

Sao gọi là sở duyên bất tịnh? Nói tóm lược thì có 6 chủng bất tịnh: 1. Bất tịnh thói rửa dơ ướ; 2. Bất tịnh khổ não; 3. Bất tịnh hạ liệt; 4. Bất tịnh quán đợi chờ; 5. Bất tịnh phiền não; 6. Bất tịnh hư hoại nhanh chóng.

Sao gọi là bất tịnh thối rửa dơ uest? Bất tịnh đây nương 2 thứ: 1. Nương bên trong; 2. Nương bên ngoài.

- Bất tịnh thối rửa dơ uest nương bên trong: là những gì thuộc bên trong thân thể như tóc, lông, móng, răng, thịt, da, bụi bẩn, xương, cốt, gân, mạch, tim, mật, gan, phổi, ruột già, ruột non, sanh tạng, thực tạng, bọng, bao tử, lá lách, thận, mủ, máu, đàm, dãi, mồ, bắp thịt, tủy, não, mô mạch, nước mũi, nước mắt, nước miếng, mồ hôi, phân, nước tiểu... Hết thấy loại ô uest như vậy, gọi là bất tịnh thối rửa dơ uest nương bên trong.

- Bất tịnh thối rửa dơ uest nương bên ngoài: hoặc xanh bầm, hoặc máu mủ thối rửa, hoặc bị biến hoại, hoặc bị trương sinh, hoặc bị cầm thú cắn xé rúc rĩa, hoặc lại biến hoại trơ xương, hoặc lại tán hoại, hoặc xương cốt, hoặc xương quai móc với nhau, hoặc xương khớp nối liền nhau, hoặc do phân làm ra, hoặc do nước tiểu làm ra, hoặc do nước miếng làm ra, hoặc do nước mũi làm ra, hoặc do máu làm ra, hoặc do mủ làm ra, hoặc chỗ tiểu tiện. Hết thấy loại như vậy gọi là bất tịnh thối rửa dơ uest nương bên ngoài.

Như vậy, bất tịnh thối rửa dơ uest nưong bên trong và bất tịnh thối rửa dơ uest nưong bên ngoài đều gọi chung là bất tịnh thối rửa dơ uest.

Sao gọi là bất tịnh khổ não? Đây thuận theo vị tiếp xúc thọ khổ làm duyên sanh khởi, nhiếp thuộc sự cảm thọ hoặc thân, hoặc tâm, lãnh cái thọ không bình đẳng. Như vậy gọi là bất tịnh khổ não.

Sao gọi là bất tịnh hạ liệt? Đó là các sự việc rất thấp kém, cảnh giới rất thấp kém, đó là dục giới. Ngoài đây ra không có cảnh giới khác thấp hơn, kém hơn, thô bỉ dơ uest hơn. Như vậy gọi là bất tịnh hạ liệt.

Sao gọi là bất tịnh quán đọi chờ? Như có việc thanh tịnh yếu kém, sau đó quán đọi chờ sự việc khác thanh tịnh hơn, thì sự việc yếu kém đó trở thành bất tịnh. Như quán đọi chờ sự thanh tịnh thù thắng hơn của Vô sắc, thì các pháp của Sắc giới liền trở thành bất tịnh. Như quán đọi chờ tát-ca-da tịch tịnh Niết-bàn, thì cho đến Hữu đảnh đều trở thành bất tịnh. Hết thấy loại như vậy gọi là bất tịnh quán đọi chờ.

Sao gọi là bất tịnh phiền não? Là hết thấy sở hữu kiết phục, tùy miên, tùy phiền não triền trong

ba cõi. Hết thấy như vậy gọi là bất tịnh phiền não.

Sao gọi là bất tịnh hư hoại nhanh chóng? Là năm thủ uẩn, không thường, không hằng, không thể tin tưởng giữ gìn, tánh pháp biến hoại. Như vậy gọi là bất tịnh hư hoại nhanh chóng.

Các chủng bất tịnh như vậy năng thanh tịnh sở duyên hành tham. Tham có 5 loại: 1. Tham dục, muốn dục ở trong thân; 2. Tham dâm, muốn dâm ở ngoài thân; 3. Tham cảnh, muốn cảnh; 4. Tham sắc, muốn sắc; 5. Tham tát-ca-da, muốn tát-ca-da. Đây là 5 loại tham.

Vì muốn khiến sự sanh khởi của 5 chủng tham kể trên được trừ diệt, không thể hiện hành, nên kiến lập 6 chủng sở duyên bất tịnh. Đó là vì sở duyên bất tịnh thối rữa dơ ố nương bên trong, nên khiến sự phát khởi của tâm muốn dục, tham dục ở trong thân được thanh tịnh. Do sở duyên bất tịnh thối rữa dơ ố nương bên ngoài, nên khiến sự phát khởi của tâm tham dâm, muốn dâm ở ngoài thân được thanh tịnh.

Tham tương ưng với dâm lại có 4 loại: 1. Tham hiển sắc; 2. Tham hình sắc; 3. Tham diệu xúc; 4. Tham hầu hạ phụng sự.

Do nương 4 sở duyên bất tịnh bên ngoài đối trị với 4 chủng tham tương ưng tâm đây, khiến tâm tham tâm được thanh tịnh. Đó là nếu tác ý tư duy tướng thân xanh bầm, máu đọng, hoặc tướng máu mủ thối rữa, hoặc tướng biến hoại, hoặc tướng trương sinh, hoặc tướng bị cầm thú cắn xé róc rĩa, thì ở nơi tham hiển sắc, tâm được thanh tịnh. Nếu tác ý tư duy tướng biến hoại, tro xương, thì ở nơi tham hình sắc, tâm được thanh tịnh. Nếu tư duy tướng xương cốt, hoặc tướng xương quai móc với nhau, hoặc tướng xương khớp nối liền nhau, thì ở nơi tham diệu xúc, tâm được thanh tịnh. Nếu tác ý tư duy tướng tan hoại, thì ở nơi tham hầu hạ phụng sự, tâm được thanh tịnh.

Bốn chủng như vậy gọi là ở nơi sự tham tâm khiến tâm được thanh tịnh.

Cho nên Đức Thế Tôn... cho đến sở hữu bất tịnh thối rữa dơ uế nương bên ngoài sai biệt, đều nương bốn quá trình đáng ghê sợ mà chân chánh kiến lập.

Hoặc nói: “Do thấy quá trình tan rã của thân chết kia thật đáng sợ, hoặc trải qua một ngày, hoặc trải qua hai ngày, cho đến trải qua bảy ngày,

bị chim quạ, chim ưng, chó đói, chó sói, dã can, điều hâu, kên kên, cầm thú xé ăn. Bèn lấy tướng đó ví cho thân kia, tánh cũng như vậy, loại cũng như vậy, chẳng thể vượt qua tánh pháp như vậy”. Đây tức hiển thị “từ tướng xanh bầm, ứ máu ban đầu, cho đến tướng thân bị xé ăn, rúc rĩa”.

Hoặc lại nói: “Do thấy quá trình của xương kia, khi tách lìa da, thịt, máu, gân mạch quấn quanh bên trong thật đáng ghê sợ”, đây tức hiển thị “sự biến hoại trơ xương”.

Hoặc lại nói: “Do thấy quá trình của xương cốt kia, hoặc xương, hoặc xương quai móc với nhau thật đáng ghê sợ”, đây tức hiển thị “hoặc xương cốt, hoặc xương quai móc với nhau, hoặc xương khớp nối liền nhau”.

Hoặc lại nói: “Do thấy quá trình của xương cốt kia, xương tay chỗ khác, xương chân chỗ khác, xương chậu chỗ khác, xương đầu gối chỗ khác, xương cánh tay chỗ khác, xương khuỷu tay chỗ khác, xương sống chỗ khác, xương vai chỗ khác, xương sườn chỗ khác, hàm, răng, tóc, đỉnh đầu, đầu lâu... mỗi mỗi đều chia lìa, phân tán, tan rã. Hoặc trải qua một năm, hoặc hai năm, hoặc ba năm, cho đến bảy

năm, các màu sắc chuyển qua trắng bạch như màu vỏ ốc, hoặc như màu lông chim chìa vôi, hoặc thấy xương kia hòa lẫn với đất bụi”. Đây tức hiển thị “sở hữu tan hoại”.

Như vậy, nương sở duyên bất tịnh thối rửa dơ uế ở bên ngoài, khiến ở nơi bốn chủng tham tương ưng dâm, tâm được thanh tịnh. Do nương sở duyên bất tịnh khổ não và nương sở duyên bất tịnh hạ liệt, nên ở nơi hoặc dục, hoặc tham tương ưng cảnh, tâm được thanh tịnh. Do nương sở duyên bất tịnh quán đợi chờ, nên ở nơi hoặc dục, hoặc tham tương ưng với sắc, tâm được thanh tịnh. Do nương sở duyên bất tịnh phiền não và sở duyên bất tịnh hư hoại nhanh chóng, khiến ở nơi hoặc dục, hoặc tham các tát-ca-da từ Dục giới cho đến Hữu đảnh, tâm được thanh tịnh. Đây gọi là sở duyên tịnh hành của hành tham.

Như vậy tạm tóm lược “năng thanh tịnh hành tham”.

Nói tổng quát, tất cả sở duyên bất tịnh nhiếp thuộc thân thông đối trị. Nay trong nghĩa đây ý chỉ giữ lấy bất tịnh thối rửa dơ uế. Các bất tịnh khác cũng gọi là sở duyên tịnh hành.

Sao gọi là sở duyên từ mãn? Hoặc đối với phẩm thân, hoặc đối với phẩm oán, hoặc đối với phẩm không thân oán, ý vui bình đẳng đưa đến lợi ích cho họ, cũng năng dẫn dắt phát khởi khoái lạc của thắng giải định địa. Phải biết ba phẩm trên là sở duyên. Ý vui đem đến lợi ích và năng dẫn dắt phát khởi khoái lạc của thắng giải định địa, gọi là năng duyên. Sở duyên, năng duyên hợp chung làm một, gọi là sở duyên từ mãn.

Hoặc trong kinh có nói rằng “Tâm câu hữu với từ”, đây tức hiển thị “đối với sở duyên ba phẩm thân, oán, không thân oán, ý vui muốn đem đến lợi ích”.

Hoặc lại nói rằng “Không thù oán, không đối địch, không tổn não”, đây tức hiển thị ý vui làm lợi ích có 3 chủng tướng. Vì không thù oán, nên gọi là ý vui lợi ích tăng thượng. Tánh không thù oán đây lại được hiển rõ bởi hai câu “không đối địch, không tổn não”. Nghĩa không muốn chống trái tranh cãi nhau là không đối địch. Nghĩa không muốn không làm lợi ích là không tổn não.

Hoặc lại nói rằng “Rộng lớn vô lượng”, đây tức hiển thị năng dẫn dắt phát sự khoái lạc bậc thượng,

trung, hạ của Dục giới, gọi là rộng. Năng dẫn phát sự khoái lạc của sơ tinh lự và đệ nhị tinh lự địa, gọi là lớn. Năng dẫn phát sự khoái lạc của đệ tam tinh lự, gọi là vô lượng.

Hoặc lại nói rằng “An trụ trọn vẹn thắng giải biển mãn”, đây tức hiển thị năng dẫn phát khoái lạc của thắng giải định địa.

Lại thắng giải đây, tức là năng dẫn tác ý đồng hành thắng giải nhiếp thuộc khoái lạc của ý vui tăng thượng làm lợi ích. Nếu đối với ba phẩm hữu tình thân, oán, không thân oán, trong hoàn cảnh không khổ không vui, đều bình đẳng muốn đem lại cho họ sự an vui, nên biết đây là Từ. Nếu đối với ba phẩm hữu tình thân, oán, không thân oán, trong hoàn cảnh có khổ có vui, đều bình đẳng muốn nhổ trừ khổ đau của họ, muốn vui theo niềm vui của họ, nên biết đây là Bi và Hỷ. Hữu tình có khổ là sở duyên của lòng bi. Hữu tình có vui là sở duyên của lòng hỷ. Đây gọi là sở duyên của từ mãn. Nếu bố-đặc-già-la hành sân, đối với các hữu tình tu tập từ mãn, sẽ khiến tâm sân mỏng dần. Đây gọi là ở nơi sân khuể tâm được thanh tịnh.

Quyển 27

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA Phần 2 của DU GIÀ XỨ - Thứ 2

Sao gọi là sở duyên duyên khởi của tánh duyên? Ở trong ba đời, chỉ có hành, chỉ có pháp, chỉ có sự, chỉ có nhân, chỉ có quả. Nhiếp vào đạo lý chân chánh, đó là quán đãi đạo lý, tác dụng đạo lý, chứng thành đạo lý, pháp nhĩ đạo lý. Chỉ có các pháp năng dẫn các pháp, không có người làm và người thọ. Đây gọi là sở duyên duyên khởi của tánh duyên.

Nếu bổ-đặc-già-la hành si tăng thượng mà tác ý tư duy ở nơi sở duyên đây, sẽ khiến sở hữu hành si kia được mỏng dần cho đến nhỏ sạch. Ở nơi hành si, tâm được thanh tịnh. Đây gọi là sở duyên duyên khởi của tánh duyên.

Sao gọi là sở duyên giới sai biệt? Có 6 giới sai biệt: 1. Địa giới; 2. Thủy giới; 3. Hỏa giới; 4. Phong giới; 5. Không giới; 6. Thức giới.

- Sao gọi là địa giới? Địa giới có hai: 1. Nội địa

giới; 2. Ngoại địa giới.

Nội địa giới: bên trong thân đây, tánh bền chắc riêng biệt ở bên trong, những thứ nhiếp thuộc bền chắc, loại đất nhiếp thuộc địa giới, loại đất gùn gũ, nương tựa, giữ gìn, chấp thọ, gọi là địa.

Sự của nội địa giới: là tóc, lông, móng, răng, bụi bần, da, thịt, xương, gân, mạch, gan, mật, tim, phổi, lá lách, thận, dạ dày, ruột già, ruột non, sanh tạng, thực tạng, cùng với phần uế... Đây gọi là nội địa giới.

Ngoại địa giới: tánh bền chắc ở bên ngoài, những thứ nhiếp thuộc bền chắc, loại đất nhiếp thuộc địa giới, loại đất chẳng phải gùn gũ, nương tựa, giữ gìn, chấp thọ.

Sự của ngoại địa giới: là cây, ngói, đá, sỏi, cây đá, núi non... Đây gọi là ngoại địa giới.

– Sao gọi là thủy giới? Thủy giới có hai: 1. Nội thủy giới; 2. Ngoại thủy giới.

Nội thủy giới: bên trong thân đây, tánh ẩm ướt riêng biệt ở bên trong, những thứ nhiếp thuộc ẩm nhuận, loại nước nhiếp thuộc thủy giới, loại nước gùn gũ, nương tựa, giữ gìn, chấp thọ.

Sự của nội thủy giới: ở trong thân là nước

mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mỡ, tủy, đàm, máu, mủ, não, màng não, nước tiểu... Đây gọi là nội thủy giới.

Ngoại thủy giới: tánh ẩm ướt ở bên ngoài, những thứ nhiếp thuộc ẩm ướt, loại nước nhiếp thuộc thủy giới, loại nước chẳng phải gân gũ, nương tựa, giữ gìn, chấp thọ.

Sự của ngoại thủy giới: là giếng, suối, ao, đầm, vũng, hồ, sông, biển... Đây gọi là ngoại thủy giới.

– Sao gọi là hỏa giới? Hỏa giới có hai: 1. Nội hỏa giới; 2. Ngoại hỏa giới.

Nội hỏa giới: bên trong thân đây, tánh ấm áp riêng biệt ở bên trong, những thứ nhiếp thuộc ấm áp, loại ấm áp nhiếp thuộc hỏa giới, loại ấm áp gân gũ, nương tựa, giữ gìn, chấp thọ.

Sự của nội hỏa giới: trong thân chỗ có ấm áp khiến cho thân hết thấy được ấm nóng, nóng đều, nóng khắp cả. Do nhân duyên đây các thức ăn, thức uống, thức nhai, thức nếm dễ dàng tiêu hóa. Nếu lửa kia tăng trưởng mạnh thì thân nhiệt sẽ cao. Hết thấy loại như vậy gọi là nội hỏa giới.

Ngoại hỏa giới: tánh nhiếp thuộc ấm nóng, những thứ nhiếp thuộc ấm nóng, loại ấm nóng

nhiếp thuộc hỏa giới, loại ấm nóng chẳng phải gần gũi, nương tựa, giữ gìn, chấp thọ.

Sự của ngoại hỏa giới: xưa ở nhân gian dùng nhiều cách để lấy lửa. Cây dùi được dùng làm đồ phát sanh lửa, mảnh vụn của phần trấu khô làm đồ môi lửa. Lửa từ cây dùi phát sanh có thể đốt phần trấu, hoặc cỏ, hoặc củi, hoặc bụi cây, hoặc đồng hoang, hoặc núi rừng, hoặc cồn đất, hoặc thôn, một phần thôn, hoặc thành, một phần thành, hoặc nước, một phần nước, hoặc là những vật khác. Đây gọi là ngoại hỏa giới.

– Sao gọi là phong giới? Phong giới có hai: 1. Nội phong giới; 2. Ngoại phong giới.

Nội phong giới: bên trong thân, tánh gió riêng biệt ở bên trong, nhiếp thuộc gió thổi, tánh nhẹ nhàng, tánh chuyển động. Loại gió chẳng phải gần gũi, nương tựa, giữ gìn, chấp thọ.

Sự của nội phong giới: bên trong thân có gió đi xuống, có gió đi lên, có gió nằm nghiêng bên hông, có gió nằm giữa, có gió trong khoảng thắt lưng, có gió trong khoảng xương bánh chè, có gió sắc như dao nhỏ, có gió sắc như dao lớn, có gió buốt như kim châm, có gió tất-bát-la, có gió ở hơi

thở ra vào, có gió theo từng chi phần cơ thể. Đây gọi là nội phong giới.

Ngoại phong giới: tánh gió thổi bên ngoài, tánh nhẹ nhàng, tánh chuyển động, loại gió chẳng phải gần gũi, nương tựa, giữ gìn, chấp thọ.

Sự của ngoại phong giới: ở ngoài thân có gió hướng Đông thổi đến, có gió hướng Tây thổi lại, có gió hướng Nam thổi đến, có gió hướng Bắc thổi lại, có gió mang bụi, có gió không mang bụi, có gió hẹp yếu, có gió rộng lớn, có gió Tỳ-thấp-bà, có gió Phệ-lam-bà, có gió phong luân. Có lúc các loại gió bỗng nhiên thổi lên dữ dội làm gãy cây, làm sập tường, làm sóng biển dâng, làm sập núi. Sau khi đã thổi lên không có chỗ nương tựa, tự nhiên ngừng lặng. Các hữu tình lay động tà áo, phẩy quạt và lá đa-la. Hết thấy loại như vậy gọi là ngoại phong giới.

– Sao gọi là không giới? Chỗ có các lỗ hổng của mắt, tai, mũi, miệng, yết hầu.. Nhờ các lỗ trống đây làm chỗ nuốt xuống, đã nuốt xuống rồi, nhờ các lỗ trống này đại tiểu tiện ra ngoài. Hết thấy loại như vậy gọi là không giới.

– Sao gọi là thức giới? Là các thức của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Lại có ba loại khác là tâm,

ý, thức. Đây gọi là thức giới.

Nếu các bổ-đặc-già-la hành mạn, ở nơi giới sai biệt tác ý tư duy, liền đó bên trong thân xa lìa tướng hợp nhất, nên chứng được tướng bất tịnh, không trở lại cao cử, tâm kiêu mạn tiêu trừ dần, ở nơi các hành mạn tâm được thanh tịnh. Đây gọi là sở duyên tịnh hành do giới sai biệt của bổ-đặc-già-la hành mạn.

Sao gọi là sở duyên A-na-ba-na niệm? Là niệm duyên hơi thở vào, hơi thở ra, gọi là A-na-ba-na niệm. Hơi thở vào ra... mà niệm này duyên, gọi là sở duyên của A-na-ba-na niệm. Trong đây phải biết hơi thở vào có hai. Những gì là hai? 1. Hơi thở vào; 2. Khoảng giữa hơi thở vào. Hơi thở ra cũng có hai. Những gì là hai? 1. Hơi thở ra; 2. Khoảng giữa hơi thở ra.

Hơi thở vào: là hơi thở ra không gián đoạn, từ cửa bên trong gió chuyển động cho đến rốn.

Khoảng giữa hơi thở vào: là hơi thở vào vừa dứt, cho đến hơi thở ra chưa sanh. Ở trong khoảng trung gian này, ở chỗ ngừng thở, khi đó tạm thời có gió vi tế chuyển động nhẹ nhẹ. Đây gọi là khoảng giữa hơi thở vào. Như hơi thở vào và khoảng giữa

hơi thở vào như thế, thì hơi thở ra và khoảng giữa hơi thở ra phải biết cũng vậy. Nhưng trong đây cũng có sự sai khác ở chỗ hơi thở vào không gián đoạn, từ cửa bên ngoài gió chuyển động bắt đầu từ nơi rốn cho đến cửa mặt, hoặc đến đầu mũi, hoặc lại đi ra ngoài.

Hơi thở vào, hơi thở ra có 2 nhân duyên. Những gì là hai? 1. Nghiệp dẫn dắt; 2. Từ lỗ huyết nơi rốn, hoặc chỗ có các lỗ trên thân.

Hơi thở vào, hơi thở ra có 2 chỗ nương. Những gì là hai? 1. Thân; 2. Tâm. Vì cơ sao? Cần yếu phải nương thân tâm thì hơi thở ra vào chuyển động như chỗ thích ứng của nó. Nếu chỉ nương thân mà hơi thở chuyển động, thì hữu tình nhập Vô tướng định, nhập Diệt tận định hay sanh vào cõi trời Vô tướng, hơi thở của các hữu tình kia lẽ ra phải chuyển động. Nếu chỉ nương tâm mà hơi thở chuyển động, thì hữu tình kia nhập Vô sắc định, sanh vào cõi Vô sắc, hơi thở của hữu tình kia, lẽ ra phải được chuyển động. Nếu chỉ nương thân tâm chuyển động mà chẳng phải như chỗ thích ứng, thì các hữu tình nhập đệ tứ tinh lự và các hữu tình ở giai đoạn yết-la-lam, át-bồ-đàm, bệ-thi... hơi thở của các hữu tình

ấy lẽ ra phải chuyển động, nhưng hơi thở của kia chẳng chuyển động. Cho nên phải biết chủ yếu nương vào thân tâm, hơi thở vào ra chuyển động như chỗ thích ứng của nó.

Hơi thở vào, hơi thở ra có hai loại hành. Những gì là hai? 1. Hơi thở vào hành hương xuống dưới; 2. Hơi thở ra hành hương lên trên.

Hơi thở vào, hơi thở ra có hai loại địa. Những gì là hai? 1. Lỗ huyết thô; 2. Lỗ huyết tế. Lỗ huyết thô: là từ lỗ huyết nơi rốn cho đến cửa mắt, mũi, lại từ cửa mắt, mũi cho đến lỗ huyết rốn. Lỗ huyết tế: là tất cả lỗ chân lông ở trên thân.

Hơi thở vào, hơi thở ra có bốn tên gọi khác nhau. Những gì là bốn? 1. Gió; 2. A-na-ba-na; 3. Hơi thở ra, hơi thở vào; 4. Thân hành. Một loại gọi là gió, đó là tên gọi chung của gió. Ba loại còn lại là không cùng chung tên gọi.

Hành giả tu tập theo hơi thở ra, hơi thở vào có hai quá hoạn. Những gì là hai? 1. Phương tiện quá chậm; 2. Phương tiện quá gấp gáp. Do phương tiện quá chậm nên sanh khởi giải đãi, hoặc bị hôn trầm thùy miên triển nhiều loạn nơi tâm, hoặc khiến tâm bị tán loạn ở nơi các duyên bên ngoài. Do phương

tiện quá gấp, hoặc khiến nơi thân sanh mất quân bình, hoặc khiến nơi tâm sanh mất quân bình.

- Sao gọi là khiến nơi thân sanh mất quân bình? Người kia dụng sức mạnh mẽ nắm giữ hơi thở ra, hơi thở vào. Do hơi thở ra vào bị nắm giữ, nên khiến trong thân gió chuyển động không quân bình. Do đây ban đầu các chi phần đều sanh run rẩy, tán loạn, gọi là bị run rẩy, tán loạn. Nếu gia tăng gió run rẩy tán loạn này sẽ khiến phát sanh các tật bệnh. Do nhân duyên đây nên ở nơi các chi phần sẽ sanh khởi bệnh tật. Đây gọi là khiến nơi thân sanh mất quân bình.

- Sao gọi là khiến nơi tâm sanh mất quân bình? Hoặc khiến tâm sanh tán loạn, hoặc bị các sự ưu não rất nặng nề bức bách. Đây gọi là khiến tâm sanh mất quân bình.

Lại nữa, A-na-ba-na niệm đây lược có 5 phương pháp tu tập. Những gì là năm? 1. Tu tập tính đếm; 2. Tu tập ngộ nhập các uẩn; 3. Tu tập ngộ nhập duyên khởi; 4. Tu tập ngộ nhập thánh đế; 5. Tu tập mười sáu thắng hạnh.

- Sao gọi là tu tập tính đếm? Nếu nói lược thì có 4 loại tu tập tính đếm. Những gì là bốn? 1.

Dùng tính đếm một làm một; 2. Dùng tính đếm hai làm một; 3. Tính đếm thuận; 4. Tính đếm nghịch.

Sao gọi là dùng tính đếm một làm một? Nếu hơi thở vào, khi vào rồi, do duyên hơi thở vào, hơi thở ra dứt, thì đếm là số 1. Nếu hơi thở vào dứt, hơi thở ra sanh, đến khi hơi thở ra hướng ra ngoài, thì đếm là số 2. Tuần tự đếm như vậy cho đến số 10. Do cách tính đếm đây, chẳng tóm lược quá, chẳng rộng quá, nên chỉ đếm đến 10. Đây gọi là dùng tính đếm một làm một.

Sao gọi là dùng tính đếm hai làm một? Nếu hơi thở vào, đến lúc hơi thở vào dứt, hơi thở ra sanh, cho đến lúc ra ngoài. Bây giờ mới hợp chung lại đếm là 1. Dựa vào nguyên lý tính đếm như vậy mà đếm cho đến số 10. Một hơi thở vào, một hơi thở ra gọi là 2, tổng hợp hai số lại làm một, nên gọi lấy tính đếm 2 làm 1. Đây gọi là dùng tính đếm 2 làm 1.

Sao gọi là tính đếm thuận? Hoặc do dùng tính đếm 1 làm 1, hoặc do dùng tính đếm 2 làm 1, thuận theo thứ tự đó mà đếm đến số 10. Đây gọi là tính đếm thuận.

Sao gọi là tính đếm nghịch? Tức là do dùng

hai tính đếm trước, nhưng đếm ngược thứ tự. Tức là đếm từ số 10, đến 9, đến 8, đến 7, đến 6, đến 5, đến 4, đến 3, đến 2, đến 1. Đây gọi là tính đếm nghịch.

Nếu hành giả tu tập, lúc hành lấy tính đếm 1 làm 1 làm chỗ nương, hoặc lấy tính đếm 2 làm 1 làm chỗ nương. Đối với tính đếm thuận và tính đếm nghịch cũng tu tập xuyên suốt, khiến tâm ở khoảng trung gian không bị tán loạn. Tâm đã không tán loạn, khéo tính đếm rồi, lại phải nên vì nói tính đếm tăng dần lên.

Sao gọi là tính đếm tăng dần lên? Hoặc nương tính đếm 1 làm 1, hoặc nương tính đếm 2 làm 1, hợp hai làm một mà đếm. Hoặc nương tính đếm 1 làm 1, tức hơi thở vào, hơi thở ra, hai hơi hợp làm một; hoặc nương tính đếm 2 làm 1, tức hơi thở vào, hơi thở ra, bốn hơi hợp làm một. Như vậy triển chuyển cho đến 10, về sau dần dần tăng lên, cho đến lấy 100 làm 1. Lại đếm như vậy, lần lượt đếm cho đến số 10. Như thế hành giả siêng tu tập niệm đếm hơi thở, cho đến 10 lần của số 10 lấy làm 1. Lần lượt đếm cho đến hết 10. Do lấy cách đếm 10 làm 1 đây, ở trong khoảng trung gian tâm không

tán loạn. Ngang đây gọi là đã tu tập thông suốt. Lại hành giả siêng tu tập tính đếm hơi thở đây, nếu ở trong khoảng trung gian, tâm bị tán loạn, thì nên bắt đầu đếm trở lại từ cách đếm đầu tiên, hoặc thuận, hoặc nghịch.

Nếu lúc tu tập tính đếm rất xuyên suốt, nơi tâm tự nhiên nhậm nhẹ lưu chuyển, an trụ nơi sở duyên hơi thở vào, hơi thở ra, tương tục chuyển vận không gián không đoạn. Trước tiên, đối với hơi thở vào, có khả năng nắm giữ sự chuyển vận. Hơi thở vào diệt rồi, ở giai đoạn hơi thở trống không, có khả năng nắm giữ sự chuyển vận. Kế đến ở nơi hơi thở ra, có khả năng nắm giữ sự chuyển vận. Hơi thở ra diệt rồi, ở giai đoạn hơi thở trống không, có khả năng nắm giữ sự chuyển vận. Như vậy triển chuyển chăm chú tương tục, không động, không lay, không hành tán loạn, có vui thích triển chuyển. Ngang đây gọi là vượt qua giai đoạn tính đếm, không cản trở lại cách đếm ban đầu, chỉ ở nơi sở duyên hơi thở ra, hơi thở vào, khiến tâm an trụ. Ở nơi hơi thở ra, hơi thở vào, nên tùy chánh hành, nên hiểu rõ, thông đạt sâu xa. Ở nơi hơi thở vào, hơi thở ra và hai khoảng giữa, hoặc

triển chuyển, hoặc trở lại, phần vị sai khác, đều khéo hiểu rõ.

Như vậy gọi là tu tập tính đếm.

Lại người căn tánh ám độn nên vì họ tuyên nói phương tiện “tu tập tính đếm hơi thở” như vậy. Do người kia tu tập theo đây, nên ở chỗ tán loạn khiến tâm an trụ, khiến tâm vui thích. Nếu chỉ bày phương pháp tính đếm khác với hơi thở vào, hơi thở ra, sẽ khiến tâm người kia bị hôn trầm thùy miên triền quấy nhiều, hoặc tâm của người kia sẽ bị rong ruổi tán loạn theo cảnh bên ngoài. Do chánh siêng tu tập pháp niệm hơi thở như vậy, nên các chướng ngại trên đều không thể sanh khởi.

Nếu người căn tánh thông lợi, giác tuệ thông sáng, không thích dùng phương tiện gia hạnh tính đếm này. Nếu vì kia tuyên nói gia hạnh tính đếm, thì kia cũng năng nhanh chóng hiểu rõ thông đạt không lầm lạc, nhưng không ưa thích. Kia ở nơi duyên hơi thở ra, hơi thở vào đây an trụ niệm rồi, hoặc đứng xứ chuyển vận, hoặc cho đến chuyển vận, hoặc như sở chuyển vận, hoặc đứng thời chuyển vận. Ở nơi tất cả điều trên, do an trụ niệm, nên năng theo đó chánh hành, nên năng hiểu rõ thông

đạt “gia hạnh như vậy, có tướng như vậy”. Ở gia hạnh đây hoặc tu, hoặc tập, hoặc nhiều tu tập. Do nhân duyên đây nên thân phát khởi khinh an và tâm khinh an, chứng đắc tâm tánh nhất cảnh. Ở nơi sở duyên đây vui thích thú nhập. Như vậy hành giả kia đã khéo tu tập niệm đếm hơi thở rồi, lại ở nơi sở thủ, năng nắm lấy hai việc: tác ý tư duy và ngộ nhập các uẩn.

– Sao gọi là ngộ nhập các uẩn? Người kia ở nơi hơi thở vào, hơi thở ra và thân nương tựa của hơi thở, tác ý tư duy, ngộ nhập sắc uẩn. Ở nơi hơi thở ra, hơi thở vào, năng nắm giữ niệm tương ưng lãnh nạp, tác ý tư duy, ngộ nhập thọ uẩn. Tức ở nơi niệm kia rõ biết hết thấy “tương ưng”, tác ý tư duy, ngộ nhập tưởng uẩn, tức ở nơi niệm kia, hoặc niệm tương ưng tư và tuệ... tác ý tư duy, ngộ nhập hành uẩn; hoặc ở nơi niệm kia, tương ưng các tâm, ý, thức, tác ý tư duy, ngộ nhập thức uẩn. Hành giả như vậy ở trong các uẩn cho đến nhiều an trụ, nên gọi là đã ngộ nhập. Đây gọi là tu tập ngộ nhập các uẩn.

Nếu lúc không diên đảo, năng thấy, năng biết chỉ có các uẩn, chỉ có các hành, chỉ có các sự, chỉ có các pháp. Vị kia lúc bấy giờ năng ở nơi các hành

ngộ nhập duyên khởi.

– Sao gọi là ngộ nhập duyên khởi? Hành giả tu tập quán hành như vậy, tìm hiểu hơi thở ra, hơi thở vào này nương đâu, duyên đâu? Sau khi đã tìm hiểu rồi, như thật ngộ nhập hơi thở ra vào đây nương thân, duyên thân; nương tâm, duyên tâm. Lại tìm hiểu thân đây, tâm đây nương đâu, duyên đâu? Sau khi đã tìm hiểu rồi, như thật ngộ nhập thân này, tâm này, nương duyên mạng căn. Lại tiếp tục tìm hiểu mạng căn như vậy nương đâu, duyên đâu? Sau khi đã tìm hiểu rồi, như thật ngộ nhập mạng căn như vậy nương duyên hành trước. Lại tiếp tục tìm hiểu hành trước như vậy nương đâu, duyên đâu? Sau khi đã tìm hiểu rồi, như thật ngộ nhập các hành trước như vậy nương duyên vô minh. Như vậy rõ biết vô minh nương duyên hành trước, hành trước nương duyên mạng căn, mạng căn nương duyên thân tâm, thân tâm nương duyên hơi thở vào, hơi thở ra. Lại năng rõ biết vô minh diệt nên hành diệt, hành diệt nên mạng căn diệt, mạng căn diệt nên thân tâm diệt, thân tâm diệt nên hơi thở ra, hơi thở vào diệt. Như vậy gọi là ngộ nhập duyên khởi.

Hành giả kia ở nơi ngộ nhập duyên khởi đây nhiều an trụ tiếp nối, nên gọi là khéo tu tập. Đây gọi là tu tập ngộ nhập duyên khởi.

– Sao gọi là ngộ nhập thánh đế? Như vậy ở nơi duyên khởi, vị kia đã khéo tu tập ngộ nhập rồi, lại ở nơi các hành như thật rõ biết “từ các duyên sanh khởi”, nên ngộ nhập vô thường. Đó là ngộ nhập các hành là vô thường, vốn không mà có, có rồi tan rã hoại diệt. Nếu vốn không mà có, có rồi tan rã hoại diệt, tức là pháp sanh, pháp lão, pháp bệnh, pháp tử. Nếu là pháp sanh lão bệnh tử, tức là nơi đó khổ. Nếu là khổ, tức là vô ngã, không có được sự tự tại, xa lìa chủ tể. Như vậy gọi là do hành vô thường, khổ, không, vô ngã, ngộ nhập Khổ đế. Lại vị kia như thật năng chánh ngộ nhập các sở hữu hành do các duyên sanh khởi như vậy, tánh nó là khổ, như bệnh, như ung, tất cả đều lấy tham ái làm duyên. Lại chánh ngộ nhập “tức đây năng sanh khởi các khổ tham ái, nếu đoạn trừ không sót tức là rốt ráo tịch tĩnh vi diệu”. Nếu ở nơi đây rõ biết như vậy, quán sát nhận thức như vậy, an trụ nhiều như vậy, sẽ ở nơi tham ái mà năng đoạn chúng không sót thừa. Như vậy gọi là năng ngộ

nhập Tập đế, Diệt đế, Đạo đế.

Vị kia đã ngộ nhập và an trụ nhiều rồi, ở trong các đế chứng đắc hiện quán. Đây gọi là tu tập ngộ nhập các đế. Như vậy ở trong thánh đế đã khéo tu tập rồi, đối với tất cả phiền não sở đoạn của vị kiến đạo thấy đều vĩnh viễn dứt sạch, chỉ còn lại phiền não sở đoạn của vị tu đạo. Vì muốn đoạn trừ phiền não kia nên lại hướng đến tu tập mười sáu thắng hạnh.

– Sao gọi là 16 thắng hạnh? Đối với niệm hơi thở vào, ta nay năng học niệm ở nơi hơi thở vào. Đối với niệm hơi thở ra, ta nay năng học niệm ở nơi hơi thở ra. Đối với niệm hơi thở vào ngấn, ta nay năng học niệm ở nơi hơi thở vào ngấn. Đối với niệm hơi thở ra ngấn, ta nay năng học niệm ở nơi hơi thở ra ngấn. Đối với niệm hơi thở vào dài, ta nay năng học niệm ở nơi hơi thở vào dài. Đối với niệm hơi thở ra dài, ta nay năng học niệm ở nơi hơi thở ra dài. Đối với hơi thở vào hiểu rõ khắp thân, ta nay năng học hơi thở vào hiểu rõ khắp thân. Đối với hơi thở ra hiểu rõ khắp thân, ta nay năng học hơi thở ra hiểu rõ khắp thân. Đối với hơi thở vào đoạn trừ thân hành, ta nay năng học hơi

thở vào đoạn trừ thân hành. Đối với hơi thở ra đoạn trừ thân hành, ta nay năng học hơi thở ra đoạn trừ thân hành. Đối với hơi thở vào biết rõ hỷ, ta nay năng học hơi thở vào biết rõ hỷ. Đối với hơi thở ra biết rõ hỷ, ta nay năng học hơi thở ra biết rõ hỷ. Đối với hơi thở vào biết rõ lạc, ta nay năng học hơi thở vào biết rõ lạc. Đối với hơi thở ra biết rõ lạc, ta nay năng học hơi thở ra biết rõ lạc. Đối với hơi thở vào biết rõ tâm hành, ta nay năng học hơi thở vào biết rõ tâm hành. Đối với hơi thở ra biết rõ tâm hành, ta nay năng học hơi thở ra biết rõ tâm hành. Đối với hơi thở vào đoạn trừ tâm hành, ta nay năng học hơi thở vào đoạn trừ tâm hành. Đối với hơi thở ra đoạn trừ tâm hành, ta nay năng học hơi thở ra đoạn trừ tâm hành. Đối với hơi thở vào nhận biết rõ tâm, ta nay năng học hơi thở vào nhận biết rõ tâm. Đối với hơi thở ra nhận biết rõ tâm, ta nay năng học hơi thở ra nhận biết rõ tâm. Đối với hơi thở vào hỷ duyệt tâm, ta nay năng học hơi thở vào hỷ duyệt tâm. Đối với hơi thở ra hỷ duyệt tâm, ta nay năng học hơi thở ra hỷ duyệt tâm. Đối với hơi thở vào giữ gìn tâm, ta nay năng học hơi thở vào giữ gìn tâm. Đối với hơi thở

ra giữ gìn tâm, ta nay năng học hơi thở ra giữ gìn tâm. Đối với hơi thở vào giải thoát tâm, ta nay năng học hơi thở vào giải thoát tâm. Đối với hơi thở ra giải thoát tâm, ta nay năng học hơi thở ra giải thoát tâm. Đối với hơi thở vào tùy quán vô thường, ta nay năng học hơi thở vào tùy quán vô thường. Đối với hơi thở ra tùy quán vô thường, ta nay năng học hơi thở ra tùy quán vô thường. Đối với hơi thở vào tùy quán đoạn, ta nay năng học hơi thở vào tùy quán đoạn. Đối với hơi thở ra tùy quán đoạn, ta nay năng học hơi thở ra tùy quán đoạn. Đối với hơi thở vào tùy quán ly dục, ta nay năng học hơi thở vào tùy quán ly dục. Đối với hơi thở ra tùy quán ly dục, ta nay năng học hơi thở ra tùy quán ly dục. Đối với hơi thở vào tùy quán diệt, ta nay năng học hơi thở vào tùy quán diệt. Đối với hơi thở ra tùy quán diệt, ta nay năng học hơi thở ra tùy quán diệt.

Hỏi: Vì sao có 16 thắng hạnh sai biệt như vậy?

Đáp: Bạc hữu học thấy dấu tích đã chứng đắc bốn niệm trụ... đối với tác ý sở duyên hơi thở vào, hơi thở ra lại tiến tu hơn nữa, vì đoạn trừ kiết sử sót

thừa cho nên nghĩ tưởng: “Đối với niệm hơi thở vào, ta nay năng học niệm nơi hơi thở vào. Đối với niệm hơi thở ra, ta nay năng học niệm ở nơi hơi thở ra”.

Vị kia nếu lúc duyên cảnh của hơi thở vào, hơi thở ra, liền tác nghĩ này: “Ta nay năng học niệm hơi thở vào ngắn, niệm hơi thở ra ngắn”. Như sự chuyển vận của hơi thở vào dài, hơi thở ra dài và sự chuyển vận khoảng giữa hơi thở vào ngắn, khoảng giữa hơi thở ra ngắn, tức như vậy rõ biết. Như vậy gọi là hoặc dài, hoặc ngắn.

Vị kia nếu duyên lỗ trống nhỏ nhiệm trong thân, nhập vào trong các lỗ chân lông, hơi thở vào hơi thở ra trải khắp. Lúc ấy duyên đây làm cảnh sanh khởi thắng giải, liền tác nghĩ này: “Ta nay đối với hơi thở vào, hơi thở ra biết rõ châu biến khắp thân, ta nay năng học hơi thở vào, hơi thở ra biết rõ châu biến khắp thân”.

Vị kia nếu ở lúc hơi thở vào, khoảng giữa hơi thở vào đã diệt, hơi thở ra, khoảng giữa hơi thở ra chưa sanh, duyên nơi giai đoạn trống không giữa hơi thở vào và hơi thở ra, nơi giai đoạn hơi thở vào xa lìa, hơi thở ra làm cảnh. Hoặc hơi thở ra, khoảng giữa hơi thở ra đã diệt, hơi thở vào, khoảng giữa

hơi thở vào chưa sanh, duyên nơi giai đoạn trống không giữa hơi thở ra và hơi thở vào, nơi giai đoạn hơi thở ra xa lìa, hơi thở vào làm cảnh. Tức ở lúc bấy giờ liền tác nghĩ rằng: “Đối với hơi thở vào đoạn trừ thân hành, ta nay năng học hơi thở vào đoạn trừ thân hành. Đối với hơi thở ra đoạn trừ thân hành, ta nay năng học hơi thở ra đoạn trừ thân hành”.

Lại ở đây, vị kia hoặc tu, hoặc tập, hoặc nhiều tu tập. Do nhân duyên đây, chỗ có những cảm xúc khổ mạnh mẽ, nếu lúc trước chưa tu tập xuyên suốt hơi thở ra, hơi thở vào, thì liền thuận theo đó chuyển. Nếu hiện tại đã tu tập xuyên suốt hơi thở vào, hơi thở ra bền chắc, nên chúng đều được dứt trừ, thay vào đó là cảm giác lạc nhu nhuyễn khác, liền tác nghĩ rằng: “Đối với hơi thở vào đoạn trừ thân hành, ta nay năng học hơi thở vào đoạn trừ thân hành. Đối với hơi thở ra đoạn trừ thân hành, ta nay năng học hơi thở ra đoạn trừ thân hành”.

Lại hành giả đối với A-na-ba-na niệm như thế siêng tu hành, hoặc lúc đắc sơ tĩnh lự, hoặc lúc đắc đệ nhị tĩnh lự, liền tác nghĩ này: “Đối với hơi thở vào, hơi thở ra nhận biết rõ hỷ, ta nay năng

học hơi thở vào, hơi thở ra nhận biết rõ hỷ”.

Hoặc khi đắc đệ tam tinh lự ly hỷ, liền tác nghi này: “Đối với hơi thở vào, hơi thở ra nhận biết rõ lạc, ta nay năng học hơi thở vào, hơi thở ra nhận biết rõ lạc”. Từ đệ tam tinh lự trở lên, không tu tập thêm đạo lý gia hạnh A-na-ba-na niệm. Cho nên đến đệ tam tinh lự, thì tuyên nói là cảnh giới nhiếp thuộc gia hạnh niệm hơi thở.

Lại hành giả nhận biết rõ hỷ, nhận biết rõ lạc như vậy, có lúc sanh khởi vọng niệm, đó là hoặc cho là có ngã, ngã sở, hoặc phát khởi ngã mạn, hoặc cho rằng ngã đang có, hoặc cho rằng ngã đang không, hoặc cho rằng ngã đang có sắc, hoặc cho rằng ngã đang vô sắc, hoặc cho rằng ngã đang có tướng, hoặc cho rằng ngã đang vô tướng, hoặc cho rằng ngã sẽ phi hữu tướng, phi vô tướng... Những nghi tướng ngu si sanh khởi như vậy đồng hành với chủng chủng mạn chuyển biến hý luận tạo tác tham ái vừa mới sanh khởi, liền phải nhanh chóng dùng tuệ thông đạt, không để nhiễm đắm sâu, phương tiện đoạn diệt, trừ khiển, biến đổi, nhổ bỏ. Do gia hạnh đây liền tác nghi này: “Đối với hơi thở vào, hơi thở ra nhận biết rõ tâm hành,

ta nay năng học hơi thở vào, hơi thở ra nhận biết rõ tâm hành. Đối với hơi thở vào, hơi thở ra, đoạn trừ tâm hành, ta nay năng học hơi thở vào, hơi thở ra đoạn trừ tâm hành”.

Lại nếu chúng đắc căn bản đệ nhất, đệ nhị, đệ tam tĩnh lự, vị kia quyết định đã chứng đắc phần cận sơ tĩnh lự, nương vị chí định, tâm quán sát đây sanh khởi, đó là như thật nhận biết, như thật hiểu rõ hoặc có tâm tham, hoặc lìa tâm tham, hoặc có tâm sân, hoặc lìa tâm sân, hoặc có tâm si, hoặc lìa tâm si, tâm giản lược, tâm tán loạn, tâm khiêm hạ, tâm cao cử, tâm có trạo động, tâm không trạo động, tâm có vắng lặng, tâm không vắng lặng, tâm có dẫn dắt... tâm không dẫn dắt... tâm khéo tu tập, tâm không khéo tu tập, tâm khéo giải thoát, tâm không khéo giải thoát. Đối với các loại tâm như thế đều như thật nhận biết, như thật hiểu rõ, cho nên nghĩ rằng: “Đối với hơi thở vào, hơi thở ra nhận biết rõ tâm, ta nay năng học hơi thở vào, hơi thở ra nhận biết rõ tâm”.

Vị kia hoặc có lúc cảm thấy bị hôn trầm thù miên cái ngăn che nơi tâm, do ở bên trong an trụ lặng dứt quá tịch tĩnh. Lúc bấy giờ ở bên ngoài tùy

duyên theo một cảnh giới tịnh diệu, hiển việc dạy dẫn khen ngợi, khích lệ, xưng khen, vui mừng sách tấn nơi lòng, cho nên nghĩ rằng: “Đối với hơi thở vào, hơi thở ra tâm hỷ duyệt, ta nay năng học hơi thở vào, hơi thở ra tâm hỷ duyệt”.

Vị kia hoặc có lúc cảm thấy bị các trạo cử ác tác cái chướng ngăn tâm, do ở bên ngoài trụ nơi quá náo loạn. Lúc bấy giờ ở bên trong gìn giữ an trụ tâm trong sự tịch tĩnh, cho nên nghĩ rằng: “Đối với hơi thở vào, hơi thở ra gìn giữ tâm, ta nay năng học hơi thở vào, hơi thở ra gìn giữ tâm”.

Vị kia nơi tâm khéo tu, khéo tập, khéo nhiều tu tập, do nhân duyên đây nên khiến xa lìa các triền cái hiện hành. Ở trong các cái tâm được thanh tịnh, cho nên nghĩ rằng: “Đối với hơi thở vào, hơi thở ra giải thoát tâm, ta nay năng học hơi thở vào, hơi thở ra giải thoát tâm”.

Vị kia tâm đã giải thoát khỏi các cái chướng ngại cho việc tu đạo, nhưng vẫn còn tùy miên sót lại cần phải đoạn trừ. Vì đoạn trừ tùy miên kia nên phát khởi đạo hiện tiền, đó là “ở nơi các hành, tánh pháp vô thường”. Vị kia ân cần tha thiết như lý quán sát, cho nên nghĩ rằng: “Đối với hơi thở

vào, hơi thở ra tùy quán vô thường, ta nay năng học hơi thở vào, hơi thở ra tùy quán vô thường”.

Vị kia khi trước hoặc nương ba tĩnh lự dưới, hoặc nương vị chí định, đã tu hành Du-già Xa-ma-tha, khiến nương theo đó tùy quán vô thường. Lại tu hành Du-già Tỳ-bát-xá-na. Như vậy đã ở nơi Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na huân tu tâm rồi, ở trong các giới muốn cầu giải thoát khỏi các tùy miên của kia. Sao gọi là các giới? Có ba giới: 1. Đoạn giới; 2. Ly dục giới; 3. Diệt giới.

Tất cả hành kiến đạo sở đoạn đoạn trừ gọi là Đoạn giới. Tất cả hành tu đạo sở đoạn đoạn trừ gọi là Ly dục giới. Tất cả nương đoạn trừ gọi là Diệt giới. Tư duy ba giới như vậy tịch tĩnh an ẩn, không tai họa, tu Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Do vị kia tu tập, nhiều tu tập, nên từ chỗ phiền não tu đạo sở đoạn sót thừa, tâm được giải thoát, cho nên nghĩ rằng: “Đối với hơi thở vào, hơi thở ra tùy quán đoạn, tùy quán ly dục, tùy quán diệt, ta nay năng học hơi thở vào, hơi thở ra tùy quán đoạn, tùy quán ly dục, tùy quán diệt”. Như vậy vì vị kia ở nơi tất cả phiền não kiến, tu sở đoạn đều đã đoạn trừ vĩnh viễn, thành A-la-hán, các lậu vĩnh viễn đoạn tận,

với sự quyết trạch đã được rớt ráo, từ đó về sau lại không có việc cần phải làm nào khác.

Đây gọi là 16 thắng hạnh.

Tu tập như vậy gọi là 5 chủng tu tập A-na-ba-na niệm. Bồ-đặc-già-la nhiều hành tâm tư phải ở nơi pháp đây chánh siêng tu học, vui thích phụng hành. Nếu ở nơi sở duyên bị vội gấp, bị tán loạn, cần phải thân cận quán hành như vậy. Nếu ở trong pháp đây siêng tu tập, thì tâm tư tán động kia đều không thể tồn tại, tâm ở nơi sở duyên nhanh chóng an trụ, sanh vui thích sâu. Đây gọi là sở duyên tịnh hành của bồ-đặc-già-la hành nhiều tâm tư thứ năm.

Như vậy gọi chung là sở duyên tịnh hành.

c. Sao gọi là sự cảnh sở duyên thiện xảo? Sở duyên đây lược có 5 loại: 1. Uẩn thiện xảo; 2. Giới thiện xảo; 3. Xứ thiện xảo; 4. Duyên khởi thiện xảo; 5. Xứ, phi xứ thiện xảo.

Trong uẩn thiện xảo, sao gọi là uẩn? Sao gọi là uẩn thiện xảo? Uẩn có năm loại: sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn.

Sao gọi là sắc uẩn? Là các sở hữu sắc. Tất cả đều là bốn đại chủng và sở tạo của bốn đại chủng hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc nội,

hoặc ngoại, hoặc thô, hoặc tế, hoặc liệt, hoặc thắng, hoặc xa, hoặc gần đều gọi chung là sắc uẩn.

Sao gọi là thọ uẩn? Hoặc các cảm thọ do xúc thuận theo lạc làm duyên sanh khởi, hoặc các cảm thọ do xúc thuận theo thọ khổ làm duyên sanh khởi, hoặc các cảm thọ do xúc thuận theo không khổ không lạc làm duyên sanh khởi. Lại có 6 thọ thân: là cảm thọ do xúc của mắt sanh khởi, cảm thọ do xúc của tai, mũi, lưỡi, thân, ý sanh khởi. Đây gọi chung là thọ uẩn.

Sao gọi là tướng uẩn? Là tướng có tướng, tướng không tướng, tướng hẹp nhỏ, tướng rộng lớn, tướng vô lượng, tướng không có các sở hữu, không có xứ sở hữu. Lại có 6 tướng thân: là tướng do xúc của mắt sanh khởi, tướng do xúc của tai, mũi, lưỡi, thân, ý sanh khởi. Đây gọi chung là tướng uẩn.

Sao gọi là hành uẩn? Có 6 tư thân: là tư do xúc của mắt sanh khởi, tư do xúc của tai, mũi, lưỡi, thân, ý sanh khởi. Lại có hết thấy những loại khác, trừ thọ và tướng, đó là các tâm tâm pháp.. Đây gọi chung là hành uẩn.

Sao gọi là thức uẩn? Là tâm, ý, thức. Lại có 6 thức thân là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt

thức, thân thức, ý thức. Đây gọi chung là thức uẩn.

Thọ, tưởng, hành uẩn trước và thức uẩn đây đều có quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ngoài hết thấy sai khác như trước đã nói rộng. Đây gọi là uẩn.

Sao gọi là uẩn thiện xảo? Là khéo rõ biết chủng chủng tánh sai khác của các uẩn đã nói ở trên. Tánh chúng nhiều, chẳng phải một. Trừ pháp đây, lại không có chỗ được, không chỗ phân biệt nào khác. Đây gọi là nói tóm lược nghĩa uẩn thiện xảo.

Sao gọi là chủng chủng tánh sai khác của các uẩn? Là sắc uẩn khác, thọ uẩn khác... cho đến thức uẩn khác. Đây gọi là chủng chủng tánh sai khác.

Sao gọi là uẩn đây chẳng phải một, chúng có nhiều tánh? Là sắc uẩn chẳng phải một, chúng có nhiều phẩm loại vì sở tạo của đại chủng sai khác, vì quá khứ, vị lai, hiện tại, các loại sai khác... Đây gọi là sắc uẩn chẳng phải một, chúng có nhiều tánh. Như vậy các uẩn còn lại tùy chỗ thích hợp đều phải nên rõ biết.

Sao gọi là ngoại trừ pháp đây, lại không có chỗ được, không chỗ phân biệt nào khác? Đó là chỉ có uẩn khá được, chỉ có sự khá được, chẳng phải là uẩn mà có ngã khá được; chẳng phải pháp không

biến đổi, trụ thường hằng là khá được; cũng không chút pháp là sở hữu ngã, nên trừ đây ra trọn không có chỗ được, không có chỗ phân biệt nào khác.

Trong giới thiện xảo, sao gọi là giới? Sao gọi là giới thiện xảo? Có 18 giới: nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới. Đây gọi là giới. Nếu đối với 18 chủng pháp kia, từ mỗi mỗi giới riêng khác, từ mỗi mỗi chủng tử riêng khác, từ mỗi mỗi chủng tánh riêng khác, như thật rõ biết sự sanh khởi, xuất hiện của chúng, khá xem xét kỹ lưỡng. Đây gọi là giới thiện xảo. Như thật rõ biết 18 chủng pháp đây, từ giới riêng biệt, mỗi mỗi vận chuyển riêng biệt, tức ở nơi nhân duyên mà được thiện xảo. Cho nên đây gọi là giới thiện xảo.

Trong xứ thiện xảo, sao gọi là xứ? Sao gọi là xứ thiện xảo? Có 12 xứ: là nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thanh xứ, tỷ xứ, hương xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ, pháp xứ. Đây gọi là xứ.

Xứ thiện xảo: mắt làm tăng thượng duyên, sắc làm sở duyên duyên, ý đẳng vô gián diệt làm đẳng

vô gián duyên sanh khởi nhãn thức và pháp tương ứng. Nhĩ làm tăng thượng duyên, thanh làm sở duyên duyên, ý đẳng vô gián diệt làm đẳng vô gián duyên sanh khởi nhĩ thức và pháp tương ứng. Như vậy cho đến sanh tác ý đây làm tăng thượng duyên, pháp làm sở duyên duyên, ý làm đẳng vô gián duyên sanh khởi ý thức và pháp tương ứng. Như vậy sáu thức thân và pháp tương ứng đều do ba duyên mà được lưu chuyển, đó là tăng thượng duyên, sở duyên duyên và đẳng vô gián duyên. Nếu ở nơi các duyên xứ trong ngoài như vậy mà được thiện xảo, gọi là xứ thiện xảo.

Trong duyên khởi thiện xảo, sao gọi là duyên khởi? Sao gọi là duyên khởi thiện xảo? Là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục xứ, lục xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử, cho đến chiêu tập thuần đại khổ uẩn như vậy. Đây gọi là duyên khởi.

Nếu lại rõ biết chỉ có các pháp tự thãm nhuần các pháp, chỉ có các pháp đượm nhuần các pháp, chỉ có các hành dẫn phát các hành. Nhưng các hành kia

vì do nhân sanh, vì do duyên sanh, vốn không mà có, có rồi tan rã hoại diệt, thể là vô thường. Vì là vô thường, tức là pháp sanh, pháp lão, pháp bệnh, pháp tử, pháp sâu, lo, bi, thán, ưu, khổ não. Vì là pháp sanh cho đến vì là pháp não, nên gọi là khổ. Vì khổ đây, nên không được tự tại, nên lực suy kém. Do nhân duyên đây quyết chắc không có ngã. Nếu ở trong các pháp duyên sanh như vậy, hiểu rõ thông đạt hết thấy chủng chủng hành tướng như vậy, hoặc trí vô thường, hoặc trí khổ, hoặc trí vô ngã. Đây gọi là duyên khởi thiện xảo.

Trong xứ, phi xứ thiện xảo, nên biết tức là sự sai khác của duyên khởi thiện xảo. Nhưng đây sai biệt ở chỗ là: do xứ, phi xứ thiện xảo nên năng chánh rõ biết “đạo lý nhân quả không phải không bình đẳng”, tức là pháp thiện, bất thiện có quả dị thực. Nếu là các pháp thiện, thì năng chiêu cảm quả dị thực là pháp khả ái. Nếu là các pháp bất thiện, thì năng chiêu cảm quả dị thực là pháp phi ái. Nếu năng như thật biết rõ như vậy gọi là xứ, phi xứ thiện xảo.

Năm thiện xảo đây tóm lược lại chỉ có hai: 1. Tự tướng thiện xảo; 2. Cộng tướng thiện xảo. Do

uẩn thiện xảo hiển thị tự tướng thiện xảo. Do các thiện xảo còn lại hiển thị cộng tướng thiện xảo.

Như vậy gọi chung là sở duyên thiện xảo.

d. Sao gọi là sự cảnh sở duyên tịnh hoặc? Sở duyên tịnh hoặc của thế gian là quán tánh thô của địa dưới, tánh tịnh của địa trên, như Dục giới so với Sơ tinh lự, cho đến Vô sở hữu xứ so với Phi tướng phi phi tướng xứ.

Sao gọi là tánh thô? Tánh thô có hai: 1. Tánh thể thô; 2. Tánh số thô.

Tánh thể thô: Dục giới so với Sơ tinh lự, cả hai giới tuy đều có đủ năm uẩn, mà trong Dục giới quá hoạn sâu nặng hoặc có khổ tăng thượng, rất là xấu xa dơ uest, thật đáng chán ghét, cho nên nói cõi Dục kia là tánh thể thô. Trong cõi Sơ tinh lự thì không phải như vậy, cực tinh cực diệu, cho nên nói cõi kia là tánh thể tinh.

Tánh số thô: sắc uẩn ở Dục giới có nhiều phẩm loại nên biết nên đoạn, cho đến thức uẩn cũng thế, cho nên nói cõi kia là tánh số thô. Như vậy các địa trên thứ tự triển chuyển so sánh với nhau, hoặc tánh thể thô, hoặc tánh số thô tùy chỗ thích hợp phải biết cũng vậy. Tánh thô như vậy, ở các

địa trên thứ tự triển chuyển so sánh với nhau, cho đến cao nhất ở Vô sở hữu xứ. Tất cả địa dưới khổ não tăng nhiều, thọ mạng giảm bớt. Tất cả địa trên khổ não giảm bớt, thọ mạng tăng nhiều. Ở cõi Phi tướng phi phi tướng xứ chỉ có tịnh, chỉ có diệu, không có địa nào thắng vượt hơn địa này. Tóm lại mà nói, nghĩa có quá hoạn tức là nghĩa tánh thô.

Nếu ở trong địa kia có quá hoạn tăng nhiều, tức do tánh quá hoạn tăng nhiều như vậy gọi là tánh thô. Nếu ở trong địa kia có quá hoạn giảm bớt, tức là tánh quá hoạn giảm bớt như vậy gọi là tánh tinh. Thế gian đây thuộc sở duyên tịnh hoặc của đạo thế tục. Tại sao vậy? Vị kia quán địa dưới nhiều các quá hoạn như bệnh, như ung, như tên độc, tánh không an ổn lấy làm tánh thô; quán địa trên trái với tướng của địa kia lấy làm tánh tinh; đoạn trừ tướng phiền não của địa dưới, bắt đầu từ Dục giới cho đến cõi trên hết là Vô sở hữu xứ. Đây là đoạn trừ tạm thời, chẳng phải đoạn trừ rốt ráo, vì về sau vẫn còn tương tục trở lại.

Sở duyên tịnh hoặc của đạo xuất thế gian lại có 4 loại: 1. Khổ thánh đế; 2. Tập thánh đế; 3.

Diệt thánh đế; 4. Đạo thánh đế.

Sao gọi là Khổ thánh đế? Là sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, oán ghét gặp nhau khổ, yêu thương chia lìa khổ, mong cầu không được khổ. Nói tóm lược là tất cả năm thủ uẩn khổ. Đây gọi là Khổ thánh đế.

Sao gọi là Tập thánh đế? Hoặc ái, hoặc ái hậu hữu, hoặc ái đồng hành với hỷ tham, hoặc ái hỷ lạc kia kia... Đây gọi là Tập thánh đế.

Sao gọi là Diệt thánh đế? Hết thấy các ái đây được đoạn trừ không sót thừa. Đây gọi là Diệt thánh đế.

Sao gọi là Đạo thánh đế? Là tám thánh đạo chi... Đây là Đạo thánh đế.

Phải biết trong đây nương sự kiến lập nhân quả của phẩm hắc, phẩm bạch mà kiến lập bốn thánh đế. Đó là Khổ đế là quả của phẩm hắc, Tập đế là nhân của phẩm hắc, Diệt đế là quả của phẩm bạch, Đạo đế nhân của phẩm bạch, vì năng đắc năng chứng.

Lại Khổ đế như bệnh, trước tiên phải nên rõ biết. Tập thánh đế như nhân duyên của bệnh, kế đến phải nên xa lìa. Diệt đế như tình trạng không

bệnh, kế phải nên tác chứng. Đạo đế như thuốc hay, lại phải nên tu tập và nhiều tu tập.

Lại nghĩa khổ của Khổ đế cho đến nghĩa đạo của Đạo đế là như, là thật, chẳng phải không như thật; là không điên đảo, chẳng phải là điên đảo. Cho nên gọi là đế.

Lại tự tướng của kia không có hư dối và vì lẽ kia nhận biết không điên đảo triển chuyển, cho nên gọi là đế.

Hỏi: Cớ sao các đế chỉ gọi là thánh đế?

Đáp: Bởi lẽ chỉ có các bậc Thánh ở nơi các đế cùng gọi là đế, rõ biết như thật, quán thấy như thật. Tất cả các ngu phu không như thật rõ biết, không như thật quán thấy. Cho nên các đế chỉ gọi là thánh đế.

Lại, các ngu phu chỉ do nghe pháp nhĩ như vậy mà biết tên là Đế, chẳng phải do giác ngộ. Còn đối với các bậc Thánh thì do cả hai điều nói trên.

Lại, sanh khổ tức là vô số khổ phát sanh trong quá trình sống mà thân tâm lãnh thọ. Không phải bản chất của sanh là khổ, mà chỉ là nhân duyên của khổ, nên gọi là khổ. Nói rộng cho đến mong cầu không được khổ, tức là vô số khổ phát sanh do

những việc mong cầu mà không đạt được. Không phải bản chất của việc cầu không được tức là khổ, mà chỉ là nhân duyên của khổ, nên gọi là khổ.

Như vậy đã nói tóm lược hết thấy năm thủ uẩn khổ, đó là do các môn khác nhau như sanh... duy chỉ hiển rõ khổ khổ. Từ năm thủ uẩn khổ đây cũng hiển rõ các khổ còn lại là hoại khổ, hành khổ. Vì có sao? Bởi lẽ năm thủ uẩn thu nhiếp đủ cả ba thọ. Như vậy năng cùng khổ khổ đã nói ở trước làm khí cụ, nên biết trong đây tức cũng có đầy đủ hoại khổ, hành khổ chưa được nói đến ở trước.

Hỏi: Có sao Đức Thế Tôn trực tiếp dùng tiếng nói của mình để thuyết một chủng khổ khổ, còn hoại khổ và hành khổ phải thuyết gián tiếp qua một môn khác?

Đáp: Bởi lẽ ở trong khổ khổ, hoặc phàm, hoặc Thánh, hết thấy đều có tuệ nhận biết về khổ chuyển. Lại tánh khổ khổ rất đáng chán ghét. Lại vì người từ trước đến nay chưa tu tập tuệ, nên khi vừa được nghe thuyết, có khả năng dễ thâm nhập. Lại ở trong các đế, vì khiến cho hữu tình dễ dàng được hóa độ, được điều phục, được thâm nhập.

Sao gọi là kiến lập ba chủng tánh khổ? Như

trước đã thuyết sanh khổ cho đến mong cầu không được khổ, tức hiển thị: “Thọ khổ và xứ sở y là tánh khổ khổ”. Như vậy kiến lập tánh khổ khổ.

Các hữu sau đây là pháp sở đối trị của kia. Đó là: trẻ là sở trị của già, không bệnh là sở trị của bệnh, sống là sở trị của chết, yêu thương, hội hợp là sở trị của oán ghét, chia lìa, không yêu thương chia lìa là sở trị của thương yêu chia lìa, mong cầu mà được là sở trị của mong cầu mà không được. Lại có thọ khổ và xứ sở y sanh khởi phiền não. Lại có không bệnh... xứ thuận thọ lạc... và phiền não sanh khởi do thọ của kia sanh ra. Như vậy gọi chung là tánh hoại khổ.

Trong đây lạc thọ và xứ sở y hoặc thay đổi, hoặc khác đi là do vô thường, khiến thọ lãnh các khổ sanh khởi do sự việc của kia tăng lên. Hoặc các phiền não ở tất cả xứ khi đang sanh khởi, khiến trói buộc quấy nhiễu tâm, khiến tâm biến hoại, liền phát sanh các khổ. Vì thế nên gọi là hoại khổ. Như Đức Thế Tôn dạy: “Tâm nhập vào biến hoại, cầm tay người nữ... cho đến nói rộng”. Lại như nói rằng: “Trụ nơi tham dục triền, lãnh thọ sự ưu khổ của thân tâm do tham dục triền làm

duyên sanh khởi. Như vậy do trụ nơi sân khuể, hôn trầm thụy miên, trạo cử ác tác, nghi triền, lãnh thọ sự ưu khổ của thân tâm do triền cái kia làm duyên sanh khởi”. Vì chí giáo đây là chí giáo bậc nhất, ở trong các phiền não, nghĩa khổ khổ đắc, nghĩa hoại khổ đắc, nên nói phiền não là tánh hoại khổ. Như vậy gọi là kiến lập tánh hoại khổ.

Nếu tánh hành khổ thì biến hành trong tất cả năm thủ uẩn. Đây tóm yếu mà nói: trừ tánh khổ khổ, trừ tánh biến hoại khổ do phiền não nhiếp, trừ tánh biến hoại khổ do thọ lạc nhiếp và xứ sở y, còn lại những cảm thọ đồng hành không khổ không lạc, hoặc sở sanh của kia, hoặc duyên sanh kia, hoặc sở hữu các uẩn của sanh tồn tại như khí cụ, gọi là tánh hành khổ, do các uẩn kia tánh vô thường, sanh diệt tiếp nối. Hết thấy thủ là chỗ tùy triền chuyển đuổi theo của ba thọ thô trọng, nhiếp thuộc không an ổn, không thoát khỏi khổ khổ và hoại khổ, không được tự tại chuyển. Do hành khổ đây nên gọi là khổ. Như vậy gọi là kiến lập tánh hành khổ.

Lại tức ái kia, cũng gọi là mong cầu, cũng gọi là vui muốn, cũng gọi là hỷ lạc. Tức sự mong cầu

đây do ba cửa mà được triển chuyển, bao gồm mong cầu hậu hữu và mong cầu cảnh giới. Nếu mong cầu hậu hữu gọi là ái hậu hữu. Nếu mong cầu cảnh giới lại có hai loại, đó là: nơi cảnh giới đã được có ái đồng hành hỷ trước, nơi cảnh giới chưa được có ái đồng hành hòa hợp mong cầu. Phải biết trong đây ở nơi cảnh giới đã được, ái đồng hành với hỷ trước, gọi là ái đồng hành hỷ tham; ở nơi cảnh giới chưa được, ái đồng hành hòa hợp mong cầu, gọi là ái hỷ lạc kia kia.

Diệt có hai chủng: 1. Phiền não diệt; 2. Sở y diệt.

Đạo có hai chủng: 1. Đạo hữu học; 2. Đạo vô học.

Như vậy phải biết, đây gọi là sở duyên tịnh hoặc của đạo xuất thế.

Như vậy đã thuyết 4 chủng sở duyên: 1. Sở duyên biến mãn; 2. Sở duyên tịnh hành; 4. Sở duyên thiện xảo; 3. Sở duyên tịnh hoặc.

4. Dạy trao: Có 4 loại dạy trao: 1. Dạy trao không diên đảo; 2. Dạy trao thứ lớp; 3. Dạy trao giáo pháp; 4. Dạy trao sự chứng đắc.

Sao gọi là dạy trao không diên đảo? Tức là tuyên thuyết pháp nghĩa không diên đảo, khiến cho người nghe thọ trì, đọc tụng, tu học, như thật xuất ly, chánh biết đoạn tận các khổ, ngăn mé các khổ. Như vậy gọi là dạy trao không diên đảo.

Sao gọi là dạy trao thứ lớp? Tức là khéo léo tuyên thuyết pháp nghĩa đúng thời cơ, trước tiên khiến kia thọ trì đọc tụng điều cạn gần, sau mới khiến kia tu học những điều sâu xa.

Lại ban đầu vì muốn khiến kia nhập đế hiện quán, nên trước dạy Khổ đế, sau mới dạy Tập đế, Diệt đế, Đạo đế. Lại vì khiến kia chứng đắc đẳng chí tinh lự, nên trước dạy đẳng chí tinh lự đầu tiên, sau dạy đẳng chí tinh lự còn lại. Hết thấy loại như thế nên biết là dạy trao thứ lớp.

Sao gọi là dạy trao giáo pháp? Từ những chỗ được nghe chánh giáo, đó là các bậc đáng tôn trọng như chư Như lai, hoặc đệ tử Phật, hoặc Quý phạm sư, hoặc Thân giáo sư, mà người kia được hiểu biết, thông đạt tôn trọng Du-già. Tức như điều đã nghe không thêm không bớt dạy trao cho người. Đây gọi là dạy trao giáo.

Sao gọi là dạy trao sự chứng đắc? Người kia

một mình ở chốn không nhà, ở nơi các pháp đã có chỗ đắc, đã có chỗ xúc, đã có chỗ chứng. Vì muốn khiến người khác cũng đắc, xúc, chứng các pháp như vậy, nên phương tiện dạy bảo. Đây gọi là dạy trao sự chứng đắc.

Lại có các tướng dạy trao viên mãn. Việc ấy thế nào? Do 3 loại dạy trao thần biến: 1. Thần cảnh thông thần biến; 2. Ký thuyết thần biến; 3. Giáo giới thần biến.

Do thần cảnh thần biến năng hiện chủng chủng cảnh giới thần biến, khiến người đối với cảnh đã hiện rất sanh tôn trọng. Do đối với cảnh đã hiện rất tôn trọng, nên đối với Du-già tác ý tập trung lắng nghe rất sanh cung kính.

Do ký thuyết thần biến, có khả năng tìm hiểu tâm hành sai khác của người.

Do giáo giới thần biến, như căn, như hành, như chỗ ngộ nhập của người mà vì họ tuyên thuyết chánh pháp, năng chánh dạy răn những pháp đã tu hành. Cho nên ba loại thần biến đây năng nhiếp lấy các tướng dạy trao viên mãn.

Quyển 28

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA

Phần 2 của DU GIÀ XỨ - Thứ 3

5. Học: Là ba loại học thù thắng: 1. Tăng thượng giới học; 2. Tăng thượng tâm học; 3. Tăng thượng tuệ học.

– Sao gọi là tăng thượng giới học? Là an trụ đầy đủ giới... như trước đã nói rộng. Đây gọi là tăng thượng giới học.

– Sao gọi là tăng thượng tâm học? Là lìa ham muốn pháp ác bất thiện, có tâm có tứ, ly sanh hỷ lạc, nhập sơ tĩnh lự, đầy đủ an trụ... cho đến năng nhập đệ tứ tĩnh lự, đầy đủ an trụ. Đây gọi là tăng thượng tâm học.

Lại có các Vô sắc và các sở hữu đẳng trì, đẳng chí khác cũng đều gọi là tăng thượng tâm học. Ban đầu nương tĩnh lự năng nhập thánh đế hiện quán, thấu đạt chánh tánh ly sanh. Nếu hoàn toàn xa lìa hết thấy tĩnh lự thì chẳng năng thành tựu việc đây, cho nên tĩnh lự rất thù thắng. Do đó chỉ thuyết riêng tĩnh lự là tăng thượng tâm học.

– Sao gọi là tăng thượng tuệ học? Là trí kiến như thật, như bốn Thánh đế. Đây gọi là tăng thượng tuệ học.

Hỏi: Vì sao chỉ có ba loại học, không nhiều hơn, không ít hơn?

Đáp: Vì nghĩa kiến lập định, vì nghĩa sở y của trí, vì nghĩa việc làm thành xong. Nghĩa kiến lập định, đó là tăng thượng giới học. Vì có sao? Vì giới được kiến lập thực hành, tâm tánh nhất cảnh, năng khiến tâm xúc Tam-ma-địa. Nghĩa sở y của trí, đó là tăng thượng tâm học. Vì có sao? Do tâm chánh định, niệm tánh nhất cảnh, ở nơi sự sở tri có trí như thật, có kiến như thật triển chuyển. Nghĩa việc làm trọn xong, đó là tăng thượng tuệ học. Vì có sao? Vì khéo thanh tịnh hoặc trí hoặc kiến, nên năng chứng đắc đoạn trừ các phiền não rốt ráo. Vì đoạn trừ phiền não đây là nghĩa tự lợi, là việc làm thù thắng. Vì vượt qua điều trên đây sẽ không có việc làm thù thắng nào nữa. Do nhân duyên đây nên chỉ có ba loại học.

Hỏi: Nhân duyên nào có ba loại học thứ tự như vậy?

Đáp: Trước tiên ở nơi giới khéo thanh tịnh,

nên không có lo buồn hối hận. Vì không lo buồn hối hận, nên hoan hỷ an lạc. Vì an lạc, nên tâm được chánh định. Vì tâm được định, nên năng biết như thật, năng thấy như thật. Vì thấy biết như thật, nên năng sanh khởi nhàm chán. Vì nhàm chán, nên lìa nhiễm. Vì lìa nhiễm, nên được giải thoát. Vì được giải thoát, nên chứng cứu cánh Niết-bàn, không còn có việc cần phải làm nào khác.

Như vậy, trước tiên tu tập tịnh giới, dần dần tiến lên chứng cứu cánh Niết-bàn không tạo tác. Cho nên có ba loại học thứ tự như vậy.

Hỏi: Vì sao ba loại học đây gọi là tăng thượng giới, tâm, tuệ?

Đáp: Vì nghĩa đi đến, vì nghĩa tối thắng, nên gọi là tăng thượng.

Sao gọi là nghĩa đi đến? Vì đi đến tăng thượng tâm mà tu tịnh giới, nên gọi là tăng thượng giới học. Vì đi đến tăng thượng tuệ mà tu tâm định, nên gọi là tăng thượng tâm học. Vì đi đến đoạn phiền não mà tu trí kiến, nên gọi là tăng thượng tuệ học. Như vậy gọi là nghĩa đi đến, nên gọi là tăng thượng.

Sao gọi là nghĩa tối thắng? Hoặc tăng thượng

giới học, hoặc tăng thượng tâm học, hoặc tăng thượng tuệ học, ba học đây chỉ có trong Thánh giáo, không cùng chung với ngoại đạo. Như vậy gọi là nghĩa tối thắng, nên gọi là tăng thượng.

Lại có tăng thượng tâm học năng dẫn phát tăng thượng tuệ học. Hoặc có tăng thượng tuệ học năng dẫn phát tăng thượng tâm học. Đó là vị thánh đệ tử chưa đạt được tĩnh lự căn bản, trước học thấy dấu tích, sau vì tiến lên đoạn trừ tất cả phiền não sở đoạn của bậc tu đạo mà chánh siêng năng gia hạnh tu niệm giác chi cho đến tu xả giác chi. Đây gọi là tăng thượng tuệ học dẫn phát tăng thượng tâm học. Tăng thượng tâm học dẫn phát tăng thượng tuệ học như trước đã thuyết.

Lại hoặc có tăng thượng giới học mà không có tăng thượng tâm, không có tăng thượng tuệ. Hoặc có tăng thượng giới học cũng có tăng thượng tâm, chỉ không có tăng thượng tuệ. Chẳng phải có tăng thượng tuệ học mà không có tăng thượng giới và không có tăng thượng tâm. Cho nên nếu có tăng thượng tuệ học, nên biết quyết chắc có đầy đủ ba học. Ở nơi sự kiến lập ba loại học đây, các thầy Du-già cần phải siêng năng tu học.

Lại có ba loại bổ-đặc-già-la nương ba học đây nhập vào đế hiện quán. Những gì là ba? 1. Loại chưa ly dục; 2. Loại trái lìa dục; 3. Loại đã ly dục. Nên biết trong đây người hoàn toàn chưa lìa tất cả dục, siêng năng tu gia hạnh, nhập đế hiện quán, đã ở nơi các đế được hiện quán rồi chứng quả Dự lưu. Người trái lìa dục đương lúc bấy giờ chứng quả Nhất lai. Người đã ly dục đương lúc bấy giờ chứng quả Bất hoàn.

Lại có ba căn: 1. Căn chưa biết muốn biết; 2. Căn đã biết; 3. Căn biết đầy đủ. Sao kiến lập ba căn như thế? Nếu hành giả ở nơi các đế chưa được hiện quán, nên siêng năng tu gia hạnh các đế hiện quán, nương đây kiến lập căn chưa biết muốn biết. Nếu hành giả ở vị hữu học mà đã được hiện quán ở nơi các đế, nương đây kiến lập căn đã biết. Nếu bậc A-la-hán việc cần làm đã làm xong, trụ vị vô học, nương đây kiến lập căn biết đầy đủ.

Lại có ba giải thoát môn: 1. Không giải thoát môn; 2. Vô nguyện giải thoát môn; 3. Vô tướng giải thoát môn.

Sao kiến lập ba giải thoát môn? Vì cảnh sở tri lược có hai loại: có và chẳng phải có. Có gồm hai

loại: 1. Hữu vi, 2. Vô vi. Ở trong hữu vi, còn nói là “ba cõi trời buộc năm uẩn”. Ở trong vô vi, còn nói là “Niết-bàn”. Hai chủng hữu vi, vô vi như vậy gọi chung là Có. Hoặc nói ở nơi ngã, hoặc nói hữu tình, mạng giả, sanh giả... đây gọi là chẳng phải có.

Ở trong hữu vi, vì thấy quá thất, vì thấy quá hoạn, nên không có điều mong cầu. Vì không mong cầu, nên nương theo đó kiến lập Vô nguyện giải thoát môn.

Ở trong hữu vi không có sự mong cầu, mà đối với Niết-bàn sanh khởi mong cầu sâu, vì thấy được sự tịnh tĩnh vô cùng, thấy được sự vi diệu sâu xa, thấy được sự xuất ly vĩnh viễn. Vì trong đây thấy được sự xuất ly vĩnh viễn, nên nương theo đó kiến lập Vô tướng giải thoát môn.

Ở trong chẳng phải có, không có sở hữu này, chẳng phải có mong cầu, chẳng phải không mong cầu. Như lẽ chẳng phải có đây là như vậy, nên biết là chẳng phải có, thấy là chẳng phải có, nương đây kiến lập Không giải thoát môn.

Đây gọi là kiến lập ba giải thoát môn.

6. Pháp học tùy thuận: Có 10 loại pháp học

trái ngược, vì đối trị với pháp học này, nên biết có 10 loại pháp học tùy thuận.

Sao gọi là mười loại pháp học trái ngược?

1. Như có thiếu nữ tuổi xuân sung mãn, hình thể dung sắc khả ái, chính là chướng ngại bậc thượng cho những thiện nam tử đang tu học.

2. Ở nơi các hành nghiệp thuộc tát-ca-da, sanh khởi yêu thích đắm trước.

3. Lười biếng giải đãi.

4. Tát-ca-da kiến.

5. Nương ở nơi đoạn thực, tham trước mỹ vị.

6. Ở nơi chủng chủng hý luận thế gian, chẳng phải một mà nhiều phẩm loại khác biệt, ở trong sự nhớ nghĩ tư duy, phát khởi dục tham yêu thích.

7. Tư duy các pháp thuộc sở hữu quá hoạn của tác ý Du-già. Loại pháp học trái ngược thứ bảy này lại được nói như thế nào? Ở đây có 11 loại: 1. Ở trong các đế, thực, uẩn, nghiệp, quả, sanh do dự nghi hoặc; 2. Các thô trọng thuộc thân của người vui tu đoạn; 3. Người chậm chạp ở nơi sự tu Chỉ Quán, tác ý quá hoạn, bị hôn trầm thụy miên che đậy tâm, khiến tâm ám muội mờ tối; 4. Người tinh tấn thái quá, khiến thân mệt mỏi, khiến tâm ưu

não; 5. Người tinh cần yếu ớt nên không thể thắng tiến, đối với các phẩm thiện bị suy tổn; 6. Ở nơi chút ít lợi dưỡng, danh dự, tiếng khen, tùy theo một việc vui thích, phát sanh vui vẻ sâu; 7. Nhảy nhót quấy nhiễu, trạo cử không yên; 8. Đối với Niết-bàn, tát-ca-da vĩnh viễn diệt, mà sanh hãi sợ; 9. Đối với các lời nói ra phi lượng gia hạnh, nói năng luận bàn thái quá, tùy tiện nói pháp luận thích chiết phục, phương tiện sanh khởi tranh cãi; 10. Đối với những điều đã thấy, đã nghe, đã thọ, không phải một chủng mà nhiều phẩm loại khác biệt trong các cảnh giới, tâm rong ruổi, tâm tán loạn; 11. Đối với những chỗ không nên suy nghĩ mà lại tư duy mạnh mẽ, phải biết đây gọi là tư duy các pháp thuộc sở hữu quá hoạn của tác ý Du-già.

8. Ở trong lạc của các đẳng chí tinh lự, sanh sâu vị ái.

9. Vui muốn chứng nhập vô tướng định, mà ở trong các hành thuận theo đó lưu tán.

10. Lúc thọ khổ xúc chạm thân, cho đến lúc thọ khổ do mạng sống mất đi, tham ái thọ mạng, mong cầu sống lâu. Theo mong cầu đây, nên sầu đau than vãn mê muội.

Đây gọi là mười chủng pháp học trái ngược.

Sao gọi là có 10 loại pháp học tùy thuận đối trị mười loại pháp học trái ngược như vậy? Có mười loại: 1. Tưởng bất tịnh; 2. Tưởng vô thường; 3. Tưởng vô thường khổ; 4. Tưởng khổ vô ngã; 5. Tưởng nhàm chán trái ngược việc ăn; 6. Tưởng hết thấy thế gian không thể vui; 7. Tưởng quang minh; 8. Tưởng ly dục; 9. Tưởng diệt; 10. Tưởng chết.

Mười tưởng như vậy phải khéo tu, khéo tập, khéo tu tập nhiều mới năng đoạn được mười loại pháp học chướng ngại, pháp học trái ngược trên.

Trong đây phải biết có 4 loại quang minh: 1. Quang minh pháp; 2. Quang minh nghĩa; 3. Quang minh Xa-ma-tha; 4. Quang minh Tỳ-bát-xá-na. Nương bốn loại quang minh tăng thượng đây kiến lập quang minh tưởng. Nay trong nghĩa đây ý hướng đến tư duy các pháp năng đoạn pháp học chướng ngại của tác ý Du-già.

Trong đây lại có 10 loại pháp học tùy thuận. Những gì là mười? 1. Túc nhân; 2. Tùy thuận giáo; 3. Gia hạnh như lý; 4. Thực hành sâu dày không gián đoạn; 5. Vui muốn mãnh lợi; 6. Lực hộ trì Du-già; 7. Dừng dứt thô trọng của thân tâm; 8. Luôn

luôn quán sát; 9. Không có khiếm nhược; 10. Là tăng thượng mạn.

Sao gọi là túc nhân? Là các căn từ trước đã huân tập thành thực, các căn từ trước đã được huân tập chứa nhóm.

Sao gọi là tùy thuận giáo? Là không điên đảo với những điều giảng dạy tuân tợ theo thứ lớp.

Sao gọi là gia hạnh như lý? Như điều được dạy mà tu hành không điên đảo, tu hành như vậy năng sanh chánh kiến.

Sao gọi là thực hành sâu dày không gián đoạn? Là do chánh gia hạnh như vậy, nên không vì nuôi mạng sống mà xả bỏ chỗ sở hữu các phẩm thiện, mà lại nhanh chóng tu tập chứa nhóm.

Sao gọi là vui muốn mãnh lợi? Như có người đối với một trong số giải thoát của các vị trên, phát sanh lòng ngưỡng mộ vui muốn, khởi nghĩ: “Lúc nào ta có thể ở chốn này, đầy đủ an trụ ở xứ này, như chỗ các bậc Thánh đầy đủ an trụ?”

Sao gọi là lực hộ trì Du-già? Có hai nhân duyên năng khiến thành tựu lực hộ trì Du-già: 1. Người bản tánh lợi căn; 2. Người tu tập xuyên suốt trường thời.

Sao gọi là dùng dứt thô trọng của thân tâm? Như có người do quá mệt mỏi nên thân phát sanh thô trọng, tâm phát sanh thô trọng; bấy giờ nhanh chóng chỉnh đốn thoát khỏi oai nghi ấy, khiến dùng dứt thô trọng. Hoặc do quá tầm, quá tứ mà thân phát sanh thô trọng, tâm phát sanh thô trọng; bấy giờ bên trong tâm dùng phương tiện ngừng nghỉ khiến dứt thô trọng. Hoặc do hôn ám, tâm hạ liệt, bị sự trói buộc quá nhiều của hôn trầm thụy miên, nên thân phát sanh thô trọng, tâm phát sanh thô trọng; bấy giờ tác ý thiện thanh tịnh, tăng thượng tuệ pháp Tỳ-bát-xá-na khiến dứt thô trọng. Hoặc do bản tánh phiền não chưa đoạn, có phẩm phiền não, nên chưa thể xả ly thân tâm thô trọng; bấy giờ phải tương tục tinh cần tu chánh đạo khiến dứt thô trọng.

Sao gọi là luôn luôn quán sát? Nương nơi giới, luôn luôn quán sát việc ác không làm, luôn luôn quán sát việc thiện nên làm. Đối với các việc ác, không làm, không chuyển theo. Đối với việc thiện chưa làm, không thối chuyển. Đối với việc ác đã làm, xả bỏ. Đối với việc thiện đã làm, không xả bỏ. Lại đối với các phiền não đã đoạn và chưa đoạn,

nên tác ý quán sát lực tăng thượng. Luôn luôn quán sát, nếu biết đã đoạn liền sanh hoan hỷ, nếu biết chưa đoạn thì luôn luôn chuyên cần siêng tu chánh đạo.

Sao gọi là không có khiếp nhược? Vào thời gian sau, vì chưa biết, chưa thấy, chưa chứng đắc đối với những điều nên biết, nên thấy, nên chứng đắc, nên tâm phát sanh khiếp nhược, tâm phát sanh mỗi một, tâm bị hao tổn. Lúc tâm đã sanh khởi như thế, không chấp giữ kiên cố năng nhanh chóng đoạn diệt.

Sao gọi là lìa tăng thượng mạn? Ở nơi điều đã đắc, điều đã xúc, điều đã chứng, không tăng thượng mạn, lìa chấp diên đảo. Đối với điều đã chân thật đắc, phát khởi tưởng đắc; đối với điều đã chân thật xúc, phát khởi tưởng xúc; đối với điều đã chân thật chứng, phát khởi tưởng chứng.

Mười loại pháp như vậy, các thầy Du-già cần phải tu học trong sự vui tu học. Lúc đầu, lúc giữa, lúc sau hằng thường thuận theo, không sanh trái nghịch. Cho nên gọi là pháp học tùy thuận.

7. Hoại Du-già: Hoại Du-già lược có 4 loại.

Những gì là bốn? 1. Rốt ráo hoại Du-già; 2. Tạm thời hoại Du-già; 3. Hoại Du-già do thối thất điều đã đắc; 4. Hoại Du-già do gây tạo tà hạnh.

Sao gọi là rốt ráo hoại Du-già? Như bồ-đặc-già-la không có chủng tánh. Vì sao như vậy? Bởi lẽ nơi thân này bồ-đặc-già-la không thể hưởng đến pháp Niết-bàn, nên cuối cùng hoại mất pháp xuất thế Du-già.

Sao gọi là tạm thời hoại Du-già? Như bồ-đặc-già-la có chủng tánh. Vì sao như vậy? Bởi lẽ trong thân đây bồ-đặc-già-la thường năng hưởng đến pháp Niết-bàn. Tuy thiếu ngoại duyên, nhưng trải qua thời gian lâu quyết định sẽ gặp duyên, tu tập Du-già khiến chủng tánh pháp Niết-bàn kia hiện khởi, vị kia khéo tu tập rồi sẽ Bát-niết-bàn. Cho nên nói rằng: “Sở hữu Du-già của vị kia tạm thời hoại mất”.

Sao gọi là hoại Du-già do thối thất điều đã đắc? Như có người phát sanh thối thất điều đã đắc, đã xúc, đã chứng, hoặc trí, hoặc kiến, hoặc trụ an lạc.

Sao gọi là hoại Du-già do gây tạo tà hạnh? Như có người tinh cần tu hành không như chánh lý, tuy nhiều dụng công mà không đạt được sự

thành tựu, không thể thành tựu tất cả Du-già, cũng không thành tựu thiện pháp.

Lại như có người tánh nhiều phiền não, nhiều cấu uế mà hiểu biết thông sáng, giác tuệ mãnh lợi, thành tựu sự hiểu biết câu sanh, khéo thu nhiếp điều đã được nghe, ở nơi nghe hoặc ít hoặc nhiều được rất ráo. Nếu người kia trú ở chốn không nhà, có kẻ tại gia và xuất gia vì tánh chất trực đi đến chỗ của kia. Kẻ kia nhân đó vì họ thuyết pháp, khiến họ sanh tâm hoan hỷ. Kẻ kia lại hành động kiêu trá, thân hiện các thứ oai nghi hư vọng, các thứ lời nói tương ưng việc làm điều thiện, hiện tướng như người có phước đức lớn. Do nhân duyên đây nên chiêu tập được lợi dưỡng, xưng tụng, cung kính, cũng thu được vô số y phục, ngọa cụ, thuốc trị bệnh cùng các tạp vật nuôi thân. Các quốc vương, đại thần, cư sĩ cho đến thương chủ đều cung kính, tôn trọng, cùng bảo kia là A-la-hán, hoặc quay đầu hồi chuyển trở thành đệ tử của kia. Kẻ kia được các chúng xuất gia và các chúng tại gia mến mộ thương yêu, bèn tùy theo đó mà chuyển, làm nhiều việc chiêu tập dụ dẫn. Lại sanh khởi nghĩ này: “Các đệ tử xuất gia, tại gia đây tin thuận nơi ta,

đều cùng gọi ta là A-la-hán. Nếu họ nương theo tác ý Du-già đây, các xứ như Chỉ Quán... để đến thưa hỏi ta. Nếu ta được kia hỏi mà không thể trả lời, thì nhân việc này họ sẽ xả lòng tin đối với ta, chẳng còn bảo rằng ta là A-la-hán, do vậy ta sẽ mất đi lợi dưỡng, cung kính nơi họ. Ta vào lúc này nên phải tự suy nghĩ quán sát, trừ tính kỹ lưỡng, an lập Du-già”. Kia do lực tăng thượng của việc này, đả trước lợi dưỡng, cung kính, danh xưng, nên một mình ở chốn không nhân, tự suy nghĩ quán sát, trừ tính kỹ lưỡng, an lập Du-già. Nhưng Du-già đây không thuận theo kế kinh, không hiện rõ giới luật, trái ngược tánh pháp. Nếu ở chỗ các vị Bí-sô khéo trì Tam Tạng, kẻ kia ẩn giấu Du-già của mình chẳng muốn hiển bày. Nếu có các đệ tử tại gia, xuất gia, kẻ kia kín đáo dạy bảo riêng tư pháp Du-già đây, không để lộ ra bên ngoài. Vì sao như vậy? Vì sợ rằng các Bí-sô khéo trì tam tạng giáo điển, sau khi nghe xứ Du-già của mình như vậy rồi, nếu lấy kinh kiểm nghiệm thì không thuận với kế kinh; nếu lấy luật chiếu soi, thì không hiển bày giới luật; nếu lấy pháp quán sát, thì trái nghịch với tánh pháp. “Do nhân duyên đây họ không còn

tín thọ, dùng lời không tin tưởng nạn vẫn nơi ta, sẽ phát khởi việc tranh luận. Do đây quốc vương, đại thần, cư sĩ cho đến trưởng giả, thương chủ nhiều tài bảo... chẳng lại cung kính tôn trọng ta, nên ta sẽ không thu được quần áo, thức ăn uống, ngọc cụ, các thuốc trị bệnh và vật dụng nuôi thân khác”. Kia do sức tham trước lợi dưỡng, cung kính tăng thượng, nên ở trong phi pháp mà khởi tưởng pháp, khởi tưởng che giấu, khởi ham muốn xấu ác, hiển phát khai thị phi pháp là pháp. Những người tin theo sở kiến của kẻ kia cũng ở nơi phi pháp mà khởi tưởng là pháp, ngu muội, ngoan độn. Vì ở trong phi pháp khởi tưởng là pháp, nên tuy tinh tấn tu hành theo lời dạy của kia, nhưng phải biết rằng tất cả đều là tà hạnh.

Như vậy gọi là hoại Du-già do gây tạo tà hạnh. Đây tương tự như chánh pháp mà chẳng phải chân thật chánh pháp, năng chướng ngại chánh pháp.

Các Bí-sô là thầy Du-già siêng tu tĩnh lự, đối với bốn loại pháp hoại Du-già đây, phải chánh biết tường tận, phải xả bỏ xa lìa.

8. Du-già: Có bốn loại Du-già. Những gì là

bốn? 1. Tín; 2. Dục; 3. Tinh tấn; 4. Phương tiện.

Tín có 2 hành tướng và 2 chỗ nương. Hai hành tướng: 1. Hành tướng tín thuận; 2. Hành tướng thanh tịnh. Hai chỗ nương: 1. Chỗ nương quán sát đạo lý các pháp; 2. Chỗ nương tin hiểu thần lực của bồ-đặc-già-la.

Dục có 4 loại. Những gì là bốn? 1. Dục vì chứng đắc; 2. Dục vì thưa hỏi; 3. Dục vì tu tập tư lương; 4. Dục vì thuận theo Du-già.

Dục vì chứng đắc: như có người đối với sự giải thoát của vị thượng, phát sanh lòng vui muốn mến mộ, như trước đã nói rộng.

Dục vì thưa hỏi: như có người đã sanh lòng mong muốn mến mộ rồi, đi đến Tăng-già-lam, đến chỗ các bậc đồng tu phạm hạnh, đến chỗ của những bậc thành tựu diệu trí Du-già để được lắng nghe những điều chưa nghe, để sự tu tập vẫn được rốt ráo.

Dục vì tu tập tư lương: như có người vì luật nghi giới thanh tịnh, vì luật nghi căn thanh tịnh, biết lượng đối với việc ăn uống, tiết giảm đối với việc ngủ nghỉ. Trong việc an trụ chánh biết, phát sanh lòng mong muốn mến mộ, triển chuyển càng

thêm thắng tiến.

Dục vì thuận theo Du-già: như có người ở trong tu tập đạo, gia hạnh không gián đoạn, gia hạnh ân trọng, phát sanh lòng mong muốn mền mện, mong muốn thực hành.

Tinh tấn có bốn. Những gì là bốn? 1. Tinh tấn vì nghe; 2. Tinh tấn vì suy nghĩ; 3. Tinh tấn vì tu tập; 4. Tinh tấn vì thanh tịnh các chướng.

Tinh tấn vì nghe: vì lắng nghe những điều chưa nghe, vì nghe được rõ ráo, nên tâm chuyên cần dũng mãnh, quyết định gia hạnh sâu xa.

Tinh tấn vì suy nghĩ: như pháp đã nghe, một mình ở chốn không nhân, tư duy các nghĩa, so lường quán sát.

Tinh tấn vì tu tập: nhập vào sự tịch tĩnh, luôn luôn siêng tu chỉ quán.

Tinh tấn vì thanh tịnh các chướng: đêm ngày tinh siêng sách tấn, kinh hành, ngồi yên, từ pháp thuận chướng trong lòng tịnh tu. Tâm tinh cần dũng mãnh, quyết định tinh tấn sâu.

Phương tiện có bốn: vì luật nghi giới lực tăng thượng, nên khéo phòng thủ niệm. Vì khéo phòng thủ niệm, nên không phóng dật, tâm được phòng

hộ, tu tập các thiện pháp. Vì không phóng dật, tâm ở bên trong chánh tu Xa-ma-tha, tăng thượng tuệ pháp Tỳ-bát-xá-na.

Bốn loại Du-già đây lại có 16 chủng, phải biết trong đây chủng đầu do tín nên đối với nghĩa nên đắc sanh sâu tín hiểu. Đã được tín rồi, đối với các thiện pháp sanh khởi vui muốn. Do vì vui muốn, nên đêm ngày cảnh sách khích lệ, an trụ tinh cần, kiên cố dũng mãnh. Đã phát khởi tinh tấn rồi, nhiếp thọ phương tiện, năng đắc điều chưa đắc, năng xúc điều chưa xúc, năng chứng điều chưa chứng. Cho nên bốn pháp đây gọi là Du-già.

9. Tác ý: Có bốn tác ý. Những gì là bốn? 1. Tác ý vận chuyển có lực khích lệ; 2. Tác ý vận chuyển có gián đoạn; 3. Tác ý vận chuyển không gián đoạn; 4. Tác ý vận chuyển không dụng công.

– Sao gọi là tác ý vận chuyển có lực khích lệ? Người mới bắt đầu sự nghiệp tu tập, khiến tâm bên trong an trụ cho đến đẳng trụ. Nếu đối với các pháp, điều luyện chọn lựa không diên đảo, cho đến chưa được tác ý tu tập; bấy giờ phát khởi tác ý chuyển vận có lực khích lệ, do lực khích lệ gia tăng

gấp bội nên hàng phục tâm khiến trụ một cảnh. Đây gọi là tác ý vận chuyển có lực khích lệ.

– Sao gọi là tác ý vận chuyển có gián đoạn? Sau khi đã đạt được tác ý tu tập đạo thể, xuất thế dần dần thẳng tiến, tác ý liễu tướng. Do tư duy Tam-ma-địa có khoảng hở xen tạp, chưa thể thuần triển chuyển một hướng tu hành, cho nên gọi là tác ý vận chuyển có gián đoạn.

– Sao gọi là tác ý vận chuyển không gián đoạn? Từ lúc tác ý liễu tướng về sau, cho đến tác ý gia hạnh cứu cánh, gọi là tác ý vận chuyển không gián đoạn.

– Sao gọi là tác ý vận chuyển không dụng công? Là tác ý quả gia hạnh cứu cánh. Đây gọi là tác ý vận chuyển không dụng công.

Ngoài ra lại có 4 loại tác ý: 1. Tác ý tùy thuận; 2. Tác ý đối trị; 3. Tác ý thuận thanh tịnh; 4. Tác ý thuận quán sát.

– Sao gọi là tác ý tùy thuận? Tức là đối với sở duyên, sanh sâu nhằm chán, hủy hoại, phát khởi chánh gia hạnh nhưng chưa đoạn được hoặc.

– Sao gọi là tác ý đối trị? Tức là năng đoạn trừ các hoặc.

– Sao gọi là tác ý thuận thanh tịnh? Khi tâm nhàm mỗi buông xuôi, liền nắm giữ tướng tịnh diệu khiến tâm hoan duyệt.

– Sao gọi là tác ý thuận quán sát? Là tác ý quán sát, do lực tăng thượng của tác ý đây nên thuận theo đó quán sát các phiền não đã đoạn và chưa đoạn.

Hỏi: Đối với cảnh sở duyên, lúc đang tác ý, tư duy bao nhiêu tướng?

Đáp: Có 4 tướng. Những gì là bốn? 1. Tướng sở duyên; 2. Tướng nhân duyên; 3. Tướng nên xa lìa; 4. Tướng nên tu tập.

Tướng sở duyên: là ảnh tượng đồng phạm với sự sở tri hiển hiện rõ ràng.

Tướng nhân duyên: là tích tập tư lương Tam-ma-địa, thuận theo sự dạy dẫn và vui muốn mãnh lợi đồng hành với tu tập. Đối với pháp đáng chán ghét, sanh sâu yếm hoạn, năng suy xét biến khắp loạn và không loạn. Do đó người kia không bị xúc não, hoặc do người gây ra, hoặc chẳng phải người gây ra, hoặc do âm thanh gây ra, hoặc do dụng công gây ra. Nếu dùng Tỳ-bát-xá-na làm dẫn đầu, do tướng nhân duyên khiến thâm nhiếp tâm ở bên

trong, khiến về sau Quán cực sâu xa sung mãn. Nếu lấy Xa-ma-tha làm dẫn đầu, do tướng nhân duyên nên phát khởi quán thù thắng, khiến về sau Chỉ cực sâu xa sung mãn.

Tướng nên xa lìa lại có 4 loại: 1. Tướng trầm: do tướng sở duyên, tướng nhân duyên khiến tâm thấp hèn, yếu kém; 2. Tướng trạo: do tướng sở duyên, tướng nhân duyên khiến tâm cao cử; 3. Tướng trước: do tướng sở duyên, tướng nhân duyên khiến ở nơi cảnh, tâm phát khởi nhiễm ô, phát khởi đắm trước, gây nên các sự nhiễu loạn; 4. Tướng loạn: do tướng sở duyên, tướng nhân duyên khiến đối với cảnh bên ngoài, tâm rong ruổi, tán loạn, nhiều động.

Hết thấy các tướng như vậy đã thuyết ở trước trong phần Đăng dẫn địa.

Hỏi: Đối với cảnh sở duyên lúc đang tác ý như vậy có bao nhiêu loại thắng giải phát khởi?

Đáp: Có 9 thắng giải. Những gì là chín? 1. Thắng giải sáng sạch; 2. Thắng giải không sáng sạch; 3. Thắng giải chậm lụt; 4. Thắng giải nhạy bén; 5. Thắng giải hẹp nhỏ; 6. Thắng giải rộng lớn; 7. Thắng giải vô lượng; 8. Thắng giải thanh

tịnh; 9. Thắng giải không thanh tịnh.

Thắng giải sáng sạch: sở hữu thắng giải cùng câu với tướng quang minh, ở nơi tướng quang minh, tâm lặng trong khéo nắm giữ.

Thắng giải không sáng sạch: sở hữu thắng giải cùng câu với ám muội, đối với tướng quang minh không thể khéo nắm giữ.

Thắng giải chậm lụt: sở hữu thắng giải ở trong thân căn chậm lụt.

Thắng giải nhạy bén: sở hữu thắng giải ở trong thân căn thông lợi.

Thắng giải hẹp nhỏ: sở hữu thắng giải đồng hành với tin muốn nhỏ bé và thắng giải sở duyên ý hiểu nhỏ bé. Như vậy vì tác ý hẹp nhỏ và vì sở duyên hẹp nhỏ nên gọi là thắng giải hẹp nhỏ.

Thắng giải rộng lớn: sở hữu thắng giải đồng hành với tin muốn rộng lớn và thắng giải sở duyên ý hiểu rộng lớn. Như vậy vì tác ý rộng lớn và vì sở duyên rộng lớn gọi là thắng giải rộng lớn.

Thắng giải vô lượng: sở hữu thắng giải đồng hành với tin muốn không ngần không mé và thắng giải sở duyên ý hiểu không ngần không mé. Như vậy vì tác ý vô lượng và vì sở duyên vô lượng, nên

gọi là thắng giải vô lượng.

Thắng giải thanh tịnh: sở hữu thắng giải đồng hành với việc đã khéo tu, đã thành tựu viên mãn, đã đến rốt ráo.

Thắng giải không thanh tịnh: sở hữu thắng giải đồng hành với việc chưa khéo tu, chưa thành tựu viên mãn, chưa đến rốt ráo.

10. Hỏi: Vị thầy tu Du-già có bao nhiêu loại việc làm Du-già?

Đáp: Có 4 loại. Những gì là bốn? 1. Sở y diệt; 2. Sở y chuyển; 3. Sở duyên biến tri; 4. Sở duyên yêu thích.

Sở y diệt và sở y chuyển: vì siêng tu tập tác ý Du-già, nên sở y đồng hành với sở hữu thô trọng thứ lớp được diệt trừ, sở y đồng hành với sở hữu khinh an thứ lớp sanh khởi triển chuyển. Đây gọi là việc làm Du-già của sở y diệt và sở y chuyển.

Sở duyên biến tri và sở duyên yêu thích: hoặc có sở duyên biến tri, sở duyên yêu thích và sở y diệt, sở y chuyển mà lấy làm dẫn đầu. Do vì lực tăng thượng của sở duyên biến tri và sở duyên yêu thích đây khiến sở y diệt và sở y chuyển. Hoặc có

sở duyên biến tri, sở duyên yêu thích dùng sở y thanh tịnh làm dẫn đầu. Do vì lực tăng thượng của sở y thanh tịnh đây, khiến cho sở duyên biến tri được khéo thanh tịnh và sở duyên yêu thích được khéo thanh tịnh. Ở nơi việc làm như vậy mà triển chuyển thành tựu trọn vẹn, gọi là bốn loại việc làm Du-già của người tu Du-già.

11. Hỏi: Vị thầy tu Du-già có tất cả bao nhiêu loại?

Đáp: Có ba loại. Những gì là ba? 1. Vị thầy mới bắt đầu sự nghiệp tu tập; 2. Vị thầy đã tu tập hành trì Du-già; 3. Vị thầy Du-già vượt qua tác ý.

Sao gọi là vị thầy mới bắt đầu sự nghiệp tu tập? Có hai loại người mới tu nghiệp: 1. Người mới tu nghiệp ở nơi tác ý; 2. Người mới tu nghiệp ở nơi sự thanh tịnh phiền não.

Người mới tu nghiệp ở nơi tác ý: như có bổ-đặc-già-la mới tu nghiệp, an trú nơi một duyên, siêng tu tác ý, cho đến chưa đạt được tác ý tu tập, chưa thể xúc chứng tâm tánh nhất cảnh.

Người mới tu nghiệp ở nơi sự thanh tịnh phiền não: như có bổ-đặc-già-la đã chứng đắc tác ý tu

tập. Ở nơi các phiền não, vì muốn tâm được thanh tịnh nên phát khởi nhiếp thọ, chánh siêng tu học tác ý liễu tướng. Đây gọi là người mới tu nghiệp ở nơi việc thanh tịnh phiền não.

Sao gọi là vị thầy đã tu tập hành trì Du-già? Như có bồ-đặc-già-la, trừ tác ý liễu tướng, còn lại các tác ý khác... cho đến tác ý gia hạnh cứu cánh đã khéo tu tập.

Sao gọi là vị thầy Du-già vượt qua tác ý? Như có bồ-đặc-già-la đã an trụ trong vị tác ý quả gia hạnh cứu cánh. Do đây vượt quá việc tu tập tác ý của vị gia hạnh phương tiện, an trụ trong quả tu. Cho nên gọi là đã vượt qua tác ý.

Lại nữa, qua giai đoạn ban đầu tu tập dục thiện pháp cho đến chưa sanh khởi thiện căn thuận phần quyết trạch, tức lúc bấy giờ gọi là mới tu nghiệp. Nếu đã sanh khởi thiện căn thuận phần quyết trạch, đó là các vị Noãn, Đảnh, Nhẫn tùy thuận đế, Pháp thế đệ nhất, gọi là đã tu tập hạnh. Nếu đã chứng nhập chánh tánh ly sanh, đặc đế hiện quán, không phụ thuộc duyên khác; đối với điều Phật Thánh dạy, không bị duyên khác dẫn dụ đoạt mất, đương lúc bấy giờ gọi là vượt qua tác ý.

Do người kia vượt qua tác ý của tha duyên, chẳng phải an trụ nơi sở hữu tác ý của tha duyên, cho nên gọi là đã vượt qua tác ý.

12. Sự tu Du-già: Có hai loại: **a.** Tu tướng; **b.** Tu Bồ-đề phần.

a. *Sao gọi là tu tướng?* Hoặc lúc tu đạo thế gian, đối với các địa dưới, tu tướng quá hoạn. Hoặc lúc tu đạo Niết-bàn, đối với Đoạn giới, Ly dục giới, Diệt giới, quán thấy công đức tịch tĩnh tối thắng, tu tập tướng đoạn, tướng ly dục, tướng diệt. Hoặc lúc tu Xa-ma-tha, tu tập phẩm Chỉ, tướng trên dưới. Hoặc lúc tu Tỳ-bát-xá-na, tu tập phẩm Quán, tướng trước sau.

Tướng trên dưới: quán sát thân này như chỗ nó an trụ, như điều nó mong cầu, trên từ đỉnh đầu, dưới cho đến lòng bàn chân, chủng chủng tạp loại bất tịnh đầy đầy tồn tại nơi thân đây là sở hữu các thứ tóc, lông, móng, răng... như trước đã nói rộng.

Tướng trước sau: như có người ở nơi tướng đã quán, ân cần chân thành khéo nắm lấy, khéo tư duy, khéo hiểu rõ, khéo thông đạt. Đó là đứng quán nơi ngồi, ngồi quán nơi nằm, hoặc ở nơi hành

sau quán sát hành trước. Đây tức hiển thị dùng hành Tỳ-bát-xá-na, quán sát duyên sanh các hành trong ba đời.

Hoặc nói: “Đứng quán nơi ngồi”, đây tức hiển thị dùng tác ý hiện tại quán sát các hành được nhận biết ở vị lai. Vì sao như vậy? Vì vị tác ý hiện tại đã hiện tiền sanh khởi, đây gọi là đứng. Vì vị được nhận biết ở vị lai chưa hiện tiền sanh khởi, vì sắp muốn sanh khởi, nên gọi là ngồi.

Hoặc lại nói: “Ngồi quán nơi nằm”, đây tức hiển thị dùng tác ý hiện tại quán sát các hành được nhận biết ở quá khứ. Vì sao như vậy? Vì vị tác ý hiện tại gần sắp muốn diệt, nên gọi là ngồi. Vì vị được nhận biết ở quá khứ đã tàn diệt, nên gọi là nằm.

Hoặc lại nói: “Hoặc ở nơi hành sau quán sát hành trước”, đây tức hiển thị dùng tác ý hiện tại quán sát tác ý hiện tại hành diệt không gián đoạn. Vì sao như vậy? Nếu tác ý sở thủ tàn diệt không gián đoạn đã sanh khởi, gọi là hành trước. Nếu tác ý năng thủ sanh khởi mới mới không gián đoạn đây, giữ lấy tác ý đã tàn diệt không gián đoạn trước, gọi là hành sau.

Nên biết trong đây vì tu Chỉ Quán, tu hai phẩm tướng quang minh thù thắng kia gọi là tu tướng.

b. *Sao gọi là tu Bồ đề phần?* Đối với 37 pháp Bồ-đề phần, thân cận, tích tập, hoặc tu, hoặc tập, hoặc tu tập nhiều. Đây gọi là tu Bồ-đề phần.

Những gì gọi là 37 pháp Bồ-đề phần? Đó là bốn niệm trụ, bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám thánh đạo chi.

Bốn niệm trụ: 1. Thân niệm trụ; 2. Thọ niệm trụ; 3. Tâm niệm trụ; 4. Pháp niệm trụ.

Bốn chánh đoạn: 1. Đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì khiến đoạn trừ nên sanh khởi mong muốn sách tấn nỗ lực, phát khởi siêng năng tinh tấn, sách tấn tâm, giữ gìn tâm, chánh đoạn; 2. Đối với pháp ác bất thiện chưa sanh, vì khiến không sanh nên sanh khởi mong muốn sách tấn nỗ lực, phát khởi siêng năng tinh tấn, sách tấn tâm, giữ gìn tâm, chánh đoạn; 3. Đối với thiện pháp chưa sanh, vì khiến sanh khởi nên sanh khởi mong muốn sách tấn nỗ lực, phát khởi siêng năng tinh tấn, sách tấn tâm, giữ gìn tâm, chánh đoạn; 4. Đối với thiện pháp đã sanh, vì khiến an trụ khiến không

hoại mất, khiến tu viên mãn, khiến tu tập tăng gấp bội, khiến tăng trưởng, khiến rộng lớn, nên sanh khởi mong muốn sách tấn nỗ lực, phát khởi siêng năng tinh tấn, sách tấn tâm, giữ gìn tâm, chánh đoạn.

Bốn thần túc: 1. Dục tam-ma-địa đoạn hành, thành tựu thần túc; 2. Cần tam-ma-địa đoạn hành, thành tựu thần túc; 3. Tâm tam-ma-địa đoạn hành, thành tựu thần túc; 4. Quán tam-ma-địa đoạn hành, thành tựu thần túc.

Năm căn: 1. Tín căn; 2. Tinh tấn căn; 3. Niệm căn; 4. Định căn; 5. Tuệ căn.

Năm lực: 1. Tín lực; 2. Tinh tấn lực; 3. Niệm lực; 4. Định lực; 5. Tuệ lực.

Bảy giác chi: 1. Niệm đẳng giác chi; 2. Trạch pháp đẳng giác chi; 3. Tinh tấn đẳng giác chi; 4. Hỷ đẳng giác chi; 5. An đẳng giác chi; 6. Định đẳng giác chi; 7. Xả đẳng giác chi.

Tám thánh đạo chi: 1. Chánh kiến; 2. Chánh tư duy; 3. Chánh ngữ; 4. Chánh nghiệp; 5. Chánh mạng; 6. Chánh tinh tấn; 7. Chánh niệm; 8. Chánh định.

Trong đây, sao gọi là thân...? Sao gọi là nơi

thân... trụ quán tuần thân...? Sao gọi là niệm? Sao gọi là niệm trụ?

Nói tóm lược thân có 35 tướng: thân trong, thân ngoài, thân nhiếp thuộc căn, thân nhiếp thuộc phi căn, thân thuộc số hữu tình, thân thuộc số phi hữu tình, thân đồng hành thô trọng, thân đồng hành khinh an, thân năng tạo, thân sở tạo, thân danh, thân sắc, thân địa ngục, thân bàng sanh, thân tổ phụ đất nước, thân người, thân trời, thân hữu thức, thân vô thức, thân nằm giữa hữu thức và vô thức, thân biểu hiện, thân biến đổi, thân không biến đổi, thân nữ, thân nam, thân bán-trạch-ca, thân của bạn bè thân thích, thân không phải của bạn thân, thân không thân không oán, thân yếu kém, thân trung bình, thân tốt đẹp, thân trẻ con, thân thiếu niên, thân già. Như vậy gọi là tướng thân sai biệt.

Nói tóm lược trụ quán tuần thân có 3 chủng, đó là tuệ của văn, tư, tu nương thân tăng thượng. Do tuệ đây, nên đối với tất cả thân, tất cả tướng, chánh quán sát, chánh suy xét tìm cầu, theo đó mà quán sát, theo đó mà hiểu biết.

Niệm: nương thân tăng thượng, thọ trì chánh

pháp, tư duy pháp nghĩa, tu tập tác chứng. Trong việc tu tác chứng, ở nơi văn, ở nơi nghĩa, tâm không bị quên mất. Hoặc tư duy sâu xa: “Ta đối với chánh pháp là chân chánh thọ trì, hay không như thế? Ta đối với nghĩa kia, tuệ khéo liễu đạt hay không như thế? Ta khéo xúc, chứng, đắc giải thoát kia, hay không như thế?”. Quán xét kỹ như vậy, an trụ nơi niệm, gọi là niệm trụ.

Lại vì thủ hộ niệm, vì đối với cảnh không nhiễm, vì an trụ sở duyên, nên gọi là niệm trụ. Vì thủ hộ niệm, tức như trên nói “trước thủ hộ niệm”, hoặc “thường thuận niệm”. Vì đối với cảnh giới không nhiễm, tức như trước nói “tâm thủ hộ niệm, hành vị bình đẳng, không nắm giữ tướng kia, không nắm giữ tướng tùy hảo, nói rộng cho đến thủ hộ ý căn, tu luật nghi ý căn”. Vì an trụ sở duyên, tức như trước nói “nơi bốn sở duyên an trụ niệm, đó là sở duyên biến mãn, sở duyên tịnh hành, sở duyên thiện xảo, sở duyên tịnh hoặc”. Do ba tướng đây khéo an trụ niệm, nên gọi là niệm trụ.

Sao gọi là thọ? Thọ vui, thọ khổ, thọ không khổ không vui, thọ vui của thân, thọ khổ của thân, thọ không khổ không vui của thân. Như nói về thọ

của thân, thì thọ của tâm cũng vậy. Thọ vui có vị ái, thọ khổ có vị ái, thọ không khổ không vui có vị ái. Thọ không vị ái, thọ nương nơi đam mê vui thích phải biết cũng vậy. Thọ vui nương nơi xuất ly, thọ khổ nương nơi xuất ly, thọ không khổ không vui nương nơi xuất ly. Như vậy hết thảy có 21 thọ hoặc 9 loại thọ.

Sao gọi là tâm? Tâm có tham, tâm lìa tham, tâm có sân, tâm lìa sân, tâm có si, tâm lìa si, tâm thô tóm, tâm tán loạn, tâm hạ liệt, tâm cao cử, tâm trạo động, tâm không trạo động, tâm tịch tĩnh, tâm không tịch tĩnh, tâm định, tâm không định, tâm khéo tu, tâm không khéo tu, tâm khéo giải thoát, tâm không khéo giải thoát. Như vậy hết thảy có 20 loại tâm.

Sao gọi là pháp? Hoặc tham, pháp Tỳ-nại-da của tham. Hoặc sân, pháp Tỳ-nại-da của sân. Hoặc si, pháp Tỳ-nại-da của si. Hoặc pháp thô tóm, pháp tán loạn. Hoặc pháp hạ liệt, pháp cao cử. Hoặc pháp trạo động, pháp không trạo động. Hoặc pháp tịch tĩnh, pháp không tịch tĩnh. Hoặc pháp định, pháp không định. Hoặc pháp khéo tu, pháp không khéo tu. Hoặc pháp khéo giải thoát, pháp

không khéo giải thoát. Như vậy phải biết kiến lập 20 chủng pháp phẩm hắc, phẩm bạch, phẩm nhiễm, phẩm tịnh.

Lại thọ vui, đó là cảm thọ bình đẳng nhiếp thuộc thọ, do xúc thuận theo vui làm duyên sanh khởi, đây gọi là thọ vui. Nếu năm thức tương ưng đây gọi là thọ của thân, nếu ý thức tương ưng gọi là thọ của tâm. Như xúc thuận theo thọ vui, thì cảm thọ không bình đẳng nhiếp thuộc thọ, do xúc thuận theo thọ khổ làm duyên sanh khởi và cảm thọ chẳng phải bình đẳng chẳng phải không bình đẳng nhiếp thuộc thọ, do xúc thuận theo thọ không khổ không vui làm duyên sanh khởi. Đây gọi là thọ khổ và thọ không khổ không vui. Nếu năm thức tương ưng đây gọi là thọ của thân, nếu ý thức tương ưng đây gọi là thọ của tâm.

Các thọ như vậy, nếu thuận theo Niết-bàn, thuận theo quyết trạch, rốt ráo xuất ly, rốt ráo lìa cấu, rốt ráo năng khiến phạm hạnh viên mãn. Đây gọi là thọ không vị ái. Nếu rơi vào các cõi giới gọi là thọ có vị ái. Nếu hệ thuộc Sắc và Vô sắc giới, nếu thuận theo ly dục, gọi là thọ nương nơi xuất ly. Nếu hệ thuộc Dục giới, nếu không thuận theo ly

dục, gọi là thọ nương nơi đam mê vui thích.

Tâm có tham: đối với cảnh sự sở duyên đáng yêu thích, bị trói buộc bởi tham triền. Tâm lìa tham: xa lìa tham triền như vậy.

Tâm có sân: đối với cảnh sự sở duyên đáng oán ghét, bị trói buộc của sân triền. Tâm lìa sân: xa lìa sân triền như vậy.

Tâm có si: đối với cảnh sự sở duyên đáng ngu mê, bị sự trói buộc của si triền. Tâm lìa si: xa lìa sự trói buộc của si triền như vậy.

Sáu tâm như vậy nên biết đều được phát khởi vào lúc hành, là sự sai biệt của ba phẩm phiền não và ba phẩm đối trị phiền não.

Tâm thâu tóm: do dừng nghỉ hành động đối với sở duyên bên trong, tâm bị buộc trói nơi đó.

Tâm tán loạn: đối với năm diệu dục bên ngoài, tâm thuận theo trôi chảy lưu tán.

Tâm hạ liệt: tâm đồng hành với hôn trầm thụy miên.

Tâm cao cử: ở nơi sở duyên tịnh diệu, hiển hiện rõ ràng.

Tâm trạo động: vì cao cử thái quá, bị trạo triền làm dao động.

Tâm không trạo động: lúc cao cử và lúc thâu tóm, được bình đẳng xả.

Tâm tịch tĩnh: đã được giải thoát khỏi các cái.

Tâm không tịch tĩnh: chưa được giải thoát khỏi các cái.

Tâm định: đã được giải thoát khỏi các cái rồi, lại khéo chứng nhập tĩnh lự căn bản.

Tâm không định: chưa thể nhập tĩnh lự căn bản.

Tâm khéo tu: ở nơi định đây, trường thời xuyên suốt tu tập, được tùy theo ý muốn, được không khó khăn, được không rắc rối, lại năng nhanh chóng chứng nhập.

Tâm không khéo tu: nên biết tướng của tâm đây trái với tướng tâm khéo tu.

Tâm khéo giải thoát: rất ráo giải thoát khỏi tất cả.

Tâm không khéo giải thoát: không rất ráo giải thoát tất cả.

Mười bốn loại tâm như vậy phải biết phát khởi vào lúc trụ. Nương “các cái thanh tịnh địa” có 8 chủng tâm phát khởi vào lúc trụ, đó là: tâm thâu tóm, tâm tán loạn cho đến tâm tịch tĩnh, tâm

không tịch tĩnh. Nương “phiền não thanh tịnh địa” có 6 chủng tâm phát khởi vào lúc trụ, đó là: tâm định, tâm bất định, cho đến tâm khéo giải thoát, tâm không khéo giải thoát.

Lại ở bên trong có cái, năng tự biết rõ “ta có các cái”. Ở bên trong không có cái, năng tự biết rõ “ta không có cái”. Như các cái kia chưa sanh mà lại sanh, cũng năng biết rõ. Các cái kia sanh rồi đã tan hoại diệt mất, cũng năng biết rõ.

Nơi mắt có kiết cho đến nơi ý có kiết, năng tự biết rõ “mắt ta có kiết” cho đến “ý ta có kiết”. Nơi mắt không có kiết cho đến nơi ý không có kiết, năng tự biết rõ “mắt ta không có kiết” cho đến “ý ta không có kiết”. Như mắt kiết cho đến ý kiết chưa sanh mà lại sanh, cũng năng biết rõ. Như các kiết kia sanh rồi tan hoại diệt mất, cũng năng biết rõ.

Ở bên trong có niệm đẳng giác chi, năng tự biết rõ “ta có niệm đẳng giác chi”. Ở bên trong không có niệm đẳng giác chi, năng tự biết rõ “ta không có niệm đẳng giác chi”. Như niệm đẳng giác chi chưa sanh mà lại sanh, cũng năng biết rõ. Như sanh rồi an trụ, tu viên mãn không hoại mất, lại tu

tập gấp bội khiến tăng trưởng rộng lớn, cũng năng biết rõ.

Như niệm đẳng giác chi như vậy, thì trạch pháp, tinh tấn, hỷ, an, định, xả đẳng giác chi phải biết cũng vậy. Nếu năng như thật biết khắp tự tánh, nhân duyên, quá hoạn, đối trị của các pháp tạp nhiễm như vậy, đây là thể pháp niệm trụ.

Như đã nói “ở nơi thân, trụ quán tuần thân, niệm và niệm trụ” như vậy, thì nơi thọ, nơi tâm, nơi pháp tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Sao gọi là ở nội thân... trụ quán tuần thân...? Sao gọi là ở ngoại thân... trụ quán tuần thân...? Sao gọi là ở nội ngoại thân... trụ quán tuần thân...?

Nếu duyên nội sắc thân của mình thuộc số hữu tình làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở nội thân trụ quán tuần thân. Nếu duyên ngoại sắc thuộc số phi hữu tình làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở ngoại thân trụ quán tuần thân. Nếu duyên ngoại sắc của người khác thuộc số hữu tình làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở nội ngoại thân trụ quán tuần thân.

Nếu nương thọ, tâm, pháp sanh khởi, do duyên nội sắc thân của mình thuộc số hữu tình làm cảnh,

trụ ba quán tuần; đây gọi là ở nội thọ, tâm, pháp, trụ quán tuần thọ, tâm, pháp. Nếu nương thọ, tâm, pháp sanh khởi, do duyên ngoại sắc thuộc số phi hữu tình làm cảnh, trụ ba quán tuần; đây gọi là ở ngoại thọ, tâm, pháp, trụ quán tuần thọ, tâm, pháp. Nếu nương thọ, tâm, pháp sanh khởi, do duyên ngoại sắc thân của người khác thuộc số hữu tình làm cảnh, trụ ba quán tuần; đây gọi là ở nội ngoại thọ, tâm, pháp, trụ quán tuần thọ, tâm, pháp.

Lại có cách quán khác. Đó là nếu duyên sắc có chấp có thọ nhiếp thuộc căn làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở nội thân trụ quán tuần thân. Nếu duyên sắc không chấp không thọ nhiếp thuộc phi căn làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở ngoại thân trụ quán tuần thân. Nếu duyên sắc có chấp có thọ nhiếp thuộc phi căn làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở nội ngoại thân trụ quán tuần thân. Nếu nương thọ, tâm, pháp sanh khởi, duyên ba sắc trước làm cảnh, tùy chỗ thích hợp nên biết tức là trụ ba quán tuần.

Lại có cách quán khác. Đó là nếu duyên nội sắc của mình đồng hành khinh an thuộc định địa làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở nội

thân trụ quán tuần thân. Nếu duyên nội sắc của mình đồng hành thô trọng thuộc bất định địa làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở ngoại thân trụ quán tuần thân. Nếu duyên sắc của người khác đồng hành khinh an, đồng hành thô trọng làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở nội ngoại thân trụ quán tuần thân. Như vậy nếu nương thọ, tâm, pháp sanh khởi, do duyên ba sắc trước làm cảnh, tùy theo chỗ thích hợp phải biết tức là trụ ba quán tuần.

Lại có cách quán khác. Đó là nếu duyên nội sắc năng tạo đại chủng làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở nội thân trụ quán tuần thân. Nếu duyên ngoại sắc năng tạo đại chủng làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở ngoại thân trụ quán tuần thân. Nếu nương duyên căn cảnh phát sanh, do sắc năng tạo đại chủng nhiếp lấy tạo sắc làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở nội ngoại thân trụ quán tuần thân. Như vậy nếu nương thọ, tâm, pháp phát sanh, do duyên ba sắc trước làm cảnh, tùy chỗ thích hợp phải biết tức là trụ ba quán tuần.

Lại có cách quán khác. Đó là nếu duyên nội

sắc thân hữu thức làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở nội thân trụ quán tuần thân. Nếu duyên sắc của vị xanh bầm, ứ đọng... thân vô thức thuộc số hữu tình làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở ngoại thân trụ quán tuần thân. Nếu duyên sắc thân vô thức ở thời quá khứ tánh hữu thức, sắc thân hữu thức ở thời vị lai tánh vô thức, tương tợ pháp tánh, bình đẳng pháp tánh làm cảnh; đây gọi là ở nội ngoại thân trụ quán tuần thân. Như vậy nếu nương thọ, tâm, pháp sanh khởi, do duyên ba sắc trước làm cảnh, tùy chỗ thích hợp phải biết tức là trụ ba quán tuần.

Lại có cách quán khác. Đó là nếu duyên nội thân của mình, tướng tóc, lông, móng, răng... làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở nội thân trụ quán tuần thân. Nếu duyên nội thân của người khác, tướng tóc, lông, móng, răng... làm cảnh; đây gọi là ở ngoại thân trụ quán tuần thân. Nếu duyên tướng xanh bầm, ứ đọng... của nội thân biểu hiện, biến đổi, không biến đổi, và duyên tướng xanh bầm, ứ đọng... của ngoại thân biểu hiện, biến đổi, không biến đổi, tương tợ pháp tánh, bình đẳng pháp tánh làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi

là ở nội ngoại thân trụ quán tuần thân. Như vậy nếu nương thọ, tâm, pháp sanh khởi, do duyên ba sắc trước làm cảnh, tùy theo chỗ thích hợp phải biết tức là trụ ba quán tuần.

Như vậy, các môn sai biệt của hết thấy loại thân, thọ, tâm, pháp phải biết có nhiều chủng, nay ở trong đây chỉ nêu ít phần các môn sai biệt.

Lại vì đối trị bốn điên đảo mà Đức Thế Tôn kiến lập bốn loại niệm trụ. Đó là vì muốn đối trị điên đảo “ở trong bất tịnh mà kế chấp cho là tịnh”, nên Đức Thế Tôn lập Thân niệm trụ. Chư Phật Thế Tôn ở trong tuần thân niệm trụ, tuyên thuyết bốn bất tịnh tương ưng quá trình đáng ghê sợ. Nếu năng ở đây tư duy nhiều, thì ở nơi bất tịnh năng đoạn trừ tướng điên đảo cho là tịnh.

Vì muốn đối trị điên đảo “ở trong các khổ mà kế chấp cho là vui”, nên Đức Thế Tôn lập Thọ niệm trụ. Ở nơi các thọ trụ quán tuần thọ, như thật rõ biết các sở hữu thọ đều là khổ, thì ở nơi các khổ năng đoạn trừ tướng điên đảo cho là vui.

Vì muốn đối trị điên đảo “ở trong vô thường mà kế chấp cho là thường”, nên Đức Thế Tôn lập Tâm niệm trụ. Dụng đây năng biết rõ chủng chủng

tâm sai biệt, như tâm có tham... Kia kia trải qua ngày, đêm, sát-na, phút chốc, hơi thở, tánh chẳng phải một mà có nhiều chủng chủng phẩm loại tâm sanh diệt, ở nơi vô thường đoạn trừ tướng diên đảo cho là thường.

Vì muốn đối trị diên đảo “ở trong vô ngã kế chấp cho là ngã”, nên Đức Thế Tôn lập Pháp niệm trụ. Do vì kia từ trước đến nay nơi các phiền não thấy có ngã, vì nơi không các thiện pháp thấy vô ngã, nên ở trong các uẩn sanh khởi cái thấy có ngã. Dụng ở nơi các pháp trụ quán tuần pháp, như thật biết rõ chỗ kế chấp tự tướng, cộng tướng của các uẩn, bèn ở nơi vô ngã đoạn trừ tướng diên đảo cho là ngã.

Lại có cách đối trị khác. Đó là những người thế gian phần nhiều ở nơi các uẩn chỉ có tánh uẩn, chỉ có tánh pháp mà không hiểu biết như thật, ngang ngược kế chấp cho là có ngã, bám chấp nơi thân. Do nương thân, nên thọ dụng khổ vui. Thọ khổ vui đây là do pháp, phi pháp, có nhiễm, có tịnh. Vì muốn trừ khiến sự ngu mê về chỗ nương tựa của ngã, nên lập Thân niệm trụ. Vì muốn trừ khiến sự ngu mê về chỗ lãnh thọ của ngã, nên lập

Thọ niệm trụ. Vì muốn trừ khiến sự ngu mê chấp ngã ở nơi tâm, ý, thức, sự ngu mê về ngã, nên lập Tâm niệm trụ. Vì muốn trừ khiến sự ngu mê tâm năng nhiễm tịnh của ngã chấp, nên lập Pháp niệm trụ.

Lại có cách đối trị khác. Đó là hoặc nương nơi đây tạo tác các nghiệp, hoặc vì đây nên tạo tác các nghiệp, hoặc người tạo nghiệp, hoặc do đây tạo tác các nghiệp. Để hiển thị tất cả như vậy nên lập bốn niệm trụ. Phải biết trong đây, nương nơi thân tạo tác các nghiệp, vì mong cầu cảm thọ nên tạo tác các nghiệp, tâm tạo nghiệp, do pháp thiện, bất thiện năng tạo các nghiệp.

Lại có cách đối trị khác. Đó là hoặc nương nơi đây có nhiễm, có tịnh; hoặc vì đây khởi nhiễm, khởi tịnh; hoặc người nhiễm tịnh; hoặc vì do đây thành nhiễm, thành tịnh. Để hiển thị tất cả như thế nên lập bốn niệm trụ. Phải biết trong đây, nương nơi thân có nhiễm có tịnh, vì mong cầu cảm thọ khởi nhiễm khởi tịnh, tâm đây nhiễm tịnh, do vì các pháp thành nhiễm thành tịnh.

Hỏi: Nghĩa niệm trụ là gì?

Đáp: Hoặc ở nơi đây trụ niệm, hoặc do đây trụ

niệm đều gọi là niệm trụ.

Ở nơi đây trụ niệm: đó là niệm trụ sở duyên.

Do đây trụ niệm: đó là hoặc tuệ, hoặc niệm nhiếp trì nơi định, đây là tự tánh của niệm trụ. Còn lại là các tâm, tâm pháp tương ưng, đây là tướng tạp của niệm trụ. Lại đạo thiện hữu lậu, vô lậu, do thân, thọ, tâm, pháp tăng thượng sanh khởi đều gọi là niệm trụ.

Đây lại có ba loại: 1. Do văn thành tựu; 2. Do tư thành tựu; 3. Do tu thành tựu. Niệm trụ do văn, tư thành tựu chỉ là hữu lậu. Niệm trụ do tu thành tựu thông cả hữu lậu và vô lậu.



Quyển 29

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA **Phần 2 của DU GIÀ XỨ - Thứ 4**

Như vậy, do thường xuyên tu tập hành trì bốn niệm trụ nên đã năng trừ khiến các điên đảo thô trọng, đã năng hiểu rõ thông đạt pháp thiện, pháp bất thiện. Từ đây thực hành không gián đoạn, đối với pháp ác bất thiện chưa sanh vì khiến không sanh, đối với pháp ác bất thiện đã sanh vì khiến được đoạn trừ, đối với tất cả pháp thiện chưa sanh vì muốn khiến được sanh, đối với tất cả pháp thiện đã sanh vì muốn khiến được trụ, được không quên mất, như trước nói rộng, cho đến thu nhiếp tâm, giữ gìn tâm.

Sao gọi là pháp ác bất thiện? Là thân, ngữ, ý nghiệp bị trói buộc trong việc ham muốn nhiễm ô. Tức là thân, ngữ, ý nhiếp vào ác hạnh và năng phát khởi sở hữu phiền não của việc hành ác kia. Pháp ác bất thiện nếu chưa hòa hợp, chưa hiện tại tiền, gọi là chưa sanh; nếu đã hòa hợp, đã hiện tại

tiên, gọi là đã sanh.

Sao gọi là tất cả pháp thiện? Là tất cả pháp hoặc đối trị ác bất thiện, hoặc đối trị cái, hoặc đối trị kiết. Pháp thiện nếu chưa hòa hợp, chưa hiện tại tiên, gọi là chưa sanh; nếu đã hòa hợp, đã hiện tại tiên, gọi là đã sanh.

Nếu khi pháp ác bất thiện chưa sanh, trước chưa hòa hợp, vì khiến không sanh nên phát khởi mong muốn: “Ta nay muốn khiến tất cả tất cả pháp ác bất thiện đều không sanh”. Đây gọi là đối với pháp ác bất thiện chưa sanh, vì khiến không sanh, nên phát sanh mong muốn.

Nếu khi pháp ác bất thiện đã sanh, trước đã hòa hợp, vì khiến đoạn trừ nên phát khởi mong muốn: “Ta nay đối với tất cả tất cả pháp ác bất thiện kia, tất cả đều không nhẫn thọ, tất cả đều đoạn diệt khiến trừ”. Đây gọi là đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì khiến được đoạn trừ, nên phát sanh mong muốn.

Lại hết thấy pháp ác bất thiện kia hoặc duyên việc quá khứ mà sanh, hoặc duyên việc vị lai mà sanh, hoặc duyên việc hiện tại mà sanh, như vậy pháp kia hoặc duyên cảnh không hiện thấy, hoặc

duyên cảnh hiện thấy. Nếu duyên cảnh của việc quá khứ, vị lai, thì gọi là duyên cảnh không hiện thấy. Nếu duyên cảnh hiện tại, thì gọi là duyên cảnh hiện thấy. Phải biết trong đây, đối với pháp ác bất thiện duyên cảnh không hiện thấy, chúng chưa sanh, muốn khiến không sanh; chúng đã sanh, muốn khiến đoạn trừ vĩnh viễn, nên tự mình sách tấn, tự mình nỗ lực. Đây gọi là sách tấn nỗ lực. Đối với pháp ác bất thiện duyên cảnh hiện thấy, chúng chưa sanh, muốn khiến không sanh; chúng đã sanh, muốn khiến đoạn trừ vĩnh viễn, nên chánh siêng năng dũng mãnh. Đây gọi là phát khởi siêng năng tinh tấn. Vì sao như vậy? Vì phải bền vững tự mình sách tấn, tự mình nỗ lực chân chánh siêng năng dũng mãnh, mới khiến các pháp ác bất thiện kia hoặc không sanh trở lại, hoặc đoạn diệt vĩnh viễn.

Lại đối với các triền phẩm hạ, phẩm trung, nếu chúng chưa sanh, muốn khiến không sanh; nếu chúng đã sanh, muốn khiến đoạn trừ vĩnh viễn, nên tự mình sách tấn nỗ lực. Đối với triền phẩm thượng, nếu chúng chưa sanh, muốn khiến không sanh; nếu chúng đã sanh, muốn khiến đoạn diệt vĩnh viễn, nên phát khởi siêng năng tinh tấn.

Lại nếu hành ở cảnh giới quá khứ, lúc hành như vậy không khiến phiền não duyên cảnh kia mà sanh khởi. Giả sử vì quên mất niệm, tạm thời sanh khởi, thì không nhẫn thọ, nhanh chóng đoạn diệt, khiến trừ, loại bỏ. Như duyên quá khứ, thì hành ở cảnh giới vị lai phải biết cũng vậy. Như vậy pháp ác bất thiện chưa sanh, năng khiến không sanh; đã sanh, năng đoạn trừ, đây gọi là sách tấn nỗ lực.

Nếu hành ở cảnh giới sở duyên hiện tại, lúc hành như vậy không khiến phiền não duyên cảnh giới hiện tại mà sanh khởi. Giả sử vì quên mất niệm, tạm thời sanh khởi, thì không nhẫn thọ, nhanh chóng đoạn diệt, trừ khiến, loại bỏ. Như vậy pháp ác bất thiện chưa sanh, năng khiến chẳng sanh; đã sanh, năng đoạn trừ, đây gọi là phát khởi siêng năng tinh tấn.

Lại hoặc có pháp ác bất thiện chỉ do sức phân biệt sanh khởi, chẳng phải do sức cảnh giới; hoặc có pháp ác bất thiện do sức phân biệt sanh khởi, cũng do sức cảnh giới. Nếu chỉ do sức phân biệt sanh khởi, chẳng phải do sức cảnh giới, đó là vào lúc trụ, tư duy cảnh giới quá khứ, vị lai nên sanh khởi. Nếu do sức tư duy sanh khởi, cũng là sức

cảnh giới, đó là vào lúc hành, duyên cảnh giới hiện tại mà sanh khởi kia, đương lúc bấy giờ quyết định cũng có phân biệt phi lý.

Nên biết trong đây, nếu pháp ác bất thiện chỉ do sức phân biệt sanh khởi, chẳng phải sức cảnh giới, thì chúng chưa sanh, năng khiến không sanh; chúng đã sanh, năng khiến đoạn trừ. Đây gọi là sách tấn nỗ lực. Nếu do sức phân biệt sanh khởi, cũng do sức cảnh giới, thì chúng chưa sanh, năng khiến không sanh; chúng đã sanh, năng khiến đoạn trừ. Đây gọi là phát khởi siêng năng tinh tấn.

Lại nữa, đối với tất cả pháp thiện chưa sanh, vì khiến sanh nên sanh mong muốn. Đó là sở hữu pháp thiện chưa được, chưa hiện tại tiền, vì muốn khiến được, khiến hiện tại tiền, nên phát tâm mong muốn, phát khởi mãnh liệt mong cầu đạt được, mong cầu hiện tiền để điều kia thành hiện thực. Đây gọi là đối với tất cả pháp thiện chưa sanh, vì khiến sanh khởi nên sanh mong muốn.

Đối với tất cả pháp thiện đã sanh, vì muốn khiến trụ, khiến không quên mất, khiến tu viên mãn, nên sanh mong muốn. Đó là sở hữu thiện pháp đã đạt được, đã hiện tại tiền, gọi là thiện

pháp đã sanh. Đối với thiện pháp đây đã được không quên mất, đã được không thoái chuyển, nương đây nói rằng: “Vì muốn khiến trụ”. Đối với thiện pháp đây hiện tiền biết rõ ràng, tánh không ám độn, nương đây nói rằng: “Khiến không quên mất”. Đối với thiện pháp đây đã được hiện tiền, luôn luôn tu tập, thành tựu rốt ráo, nương đây nói rằng: “Khiến tu viên mãn”. Đối với thiện pháp đây, phát tâm mong muốn, phát khởi mãnh liệt mong cầu an trụ bền vững, mong cầu không quên, mong cầu tu viên mãn khiến hiện tại tiền; đây gọi là đối với tất cả thiện pháp đã sanh, vì muốn khiến trụ, khiến không quên mất, khiến tu viên mãn, nên sanh mong muốn.

Lại sách tấn nỗ lực tức là đối với pháp thiện đã được, vì khiến hiện tiền. Phát khởi siêng năng tinh tấn tức là đối với pháp thiện chưa được, vì khiến được.

Lại sách tấn nỗ lực tức là đối với pháp thiện đã sanh, vì mong muốn khiến trụ, khiến không quên mất. Phát khởi siêng năng tinh tấn tức là đối với pháp thiện đã sanh, vì khiến tu viên mãn.

Lại đối với pháp thiện phẩm trung, phẩm hạ

chưa sanh khiến sanh, đã sanh khiến trụ, khiến không quên mất; đây gọi là sách tấn nỗ lực. Đối với pháp thiện phẩm thượng chưa sanh khiến sanh, đã sanh cho đến khiến tu viên mãn; đây gọi là phát khởi siêng năng tinh tấn.

Nói “sách tấn tâm” là phương tiện tinh cần đặt tâm trong sự tu tánh nhất cảnh của Xa-ma-tha, vì khiến các pháp ác bất thiện chưa sanh không sanh, nói rộng cho đến vì muốn khiến tất cả pháp thiện đã sanh được trụ, được không quên mất, khiến tu viên mãn. Do nhân duyên đây, nếu tâm ở bên trong rất hôn muội yếu hèn, hoặc sợ hãi hạ liệt, quán thấy tâm đây rồi, lúc ấy tùy nắm giữ một chủng tướng cử tịnh diệu, ân cần sách tấn nỗ lực khiến tâm hoan hỷ. Đây gọi là sách tấn tâm.

Nói “giữ gìn tâm” là lúc tu tướng cử, nơi tâm trạo động, hoặc sợ hãi trạo động, quán thấy tâm đây rồi, bấy giờ trở lại thu nhiếp tâm ở bên trong, tu Xa-ma-tha. Đây gọi là giữ gìn tâm.

Bốn loại như vậy cũng gọi là *chánh thắng*, tức là đối với các pháp thuộc phẩm hắc, chúng chưa sanh, vì khiến không sanh; chúng đã sanh, vì khiến đoạn diệt, nên sanh khởi mong muốn sách tấn nỗ

lực, phát khởi siêng năng tinh tấn sách tấn tâm, giữ gìn tâm. Đây là hai chánh thắng. Đối với các pháp phẩm bạch, chúng chưa sanh, vì muốn khiến sanh, phải biết như trong phẩm bạch đã rộng nói. Đây là hai chánh thắng.

Bốn chủng như sau cũng gọi là *chánh đoạn*:

1. Luật nghi đoạn: đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì khiến đoạn diệt, nên sanh tâm mong muốn sách tấn nỗ lực... cho đến nói rộng.

2. Đoạn đoạn: đối với pháp ác bất thiện chưa sanh, vì khiến không sanh, nên sanh tâm mong muốn sách tấn nỗ lực... cho đến nói rộng. Đối với sự việc ác bất thiện đã sanh, phải tu luật nghi khiến kia đoạn diệt, chẳng nên lãnh thọ. Do nhân duyên đây gọi là luật nghi đoạn. Đối với sự việc ác bất thiện chưa sanh, vì muốn khiến kia đoạn diệt chẳng hiện hành, vì muốn khiến kia đoạn diệt chẳng hiện tiền, vì đoạn điều nên đoạn, nên gọi là đoạn đoạn.

3. Tu đoạn: đối với tất cả pháp thiện chưa sanh, vì khiến sanh, nói rộng cho đến sách tấn tâm, giữ gìn tâm. Do đối với pháp thiện luôn tu luôn tập, chỗ trước kia chưa được năng khiến hiện

tiền, năng có sự đoạn trừ, cho nên gọi là tu đoạn.

4. Phòng hộ đoạn: đối với tất cả pháp thiện đã sanh, vì muốn khiến an trụ, nói rộng cho đến sách tấn tâm, giữ gìn tâm. Đối với pháp thiện đã được, đã hiện tại tiền, thì xa lìa phóng dật, tu không phóng dật, năng khiến trụ ở pháp thiện không quên mất, tu tập viên mãn. Phòng hộ sở hữu thiện pháp đã sanh, năng có sự đoạn trừ, cho nên gọi là phòng hộ đoạn.

Như vậy đã biện biệt rộng *bốn chánh đoạn*.

Lại nghĩa tóm lược của phần này như thế nào? Đó là vì hiển thị trong việc nắm giữ phẩm bạch, xả bỏ phẩm hắc, ý vui tăng thượng viên mãn và gia hạnh viên mãn, cho nên tuyên nói bốn loại chánh đoạn.

Nên biết trong đây, do sanh tâm mong muốn, nên ý vui tăng thượng viên mãn. Do tự sách tấn nỗ lực, nên phát khởi siêng năng tinh tấn, do sách tấn tâm, giữ gìn tâm, nên gia hạnh viên mãn. Vị thầy tu Du-già chỉ có việc đây là chánh đáng nên làm. Đó là vì đoạn diệt pháp nên đoạn diệt và vì đạt được pháp nên đạt được, trước nên sanh khởi mong cầu vui muốn. Vì đoạn các triền, lại nên thời

thời chánh siêng tu tập tướng chỉ, cử, xả. Vì đoạn các triền và tùy miên, lại nên tu tập thêm thiện pháp đối trị. Vì hiển tất cả việc làm như vậy, tuyên nói bốn chánh thắng và bốn chánh đoạn. Đây là nghĩa tóm lược.

Từ đây lại tiếp tục tu bốn tam-ma-địa, đó là Dục tam-ma-địa, Cần tam-ma-địa, Tâm tam-ma-địa, Quán tam-ma-địa. Phải biết do lực tăng thượng của dục nên đắc tam-ma-địa, gọi là Dục tam-ma-địa. Do lực tăng thượng của cần nên đắc tam-ma-địa, gọi là Cần tam-ma-địa. Do lực tăng thượng của tâm nên đắc tam-ma-địa, gọi là Tâm tam-ma-địa. Do lực tăng thượng của quán nên đắc tam-ma-địa, gọi là Quán tam-ma-địa.

Nếu lúc ấy chỉ thuần sanh vui mong muốn, đã sanh vui mong muốn, nên đối với tự tánh, nhân duyên, quá hoạn, đối trị của sở hữu các pháp ác bất thiện, chánh tư duy quán xét thắm sâu, phát khởi niệm nhất cảnh. Đối với tự tánh, nhân duyên, công đức, xuất ly của các pháp thiện, chánh tư duy quán xét thắm sâu, trụ niệm nhất cảnh. Tức vì tu tập nhiều như thế mà được xúc tánh nhất cảnh, đối với các triền hiện hành của các sở hữu pháp ác

bất thiện năng khiến xa lìa, nhưng chưa vĩnh viễn hại được tùy miên của phiền não. Đây gọi là lực tăng thượng của dục khiến đắc tam-ma-địa.

Nếu đối với cảnh giới sở duyên quá khứ, vị lai, hiện tại năng thuận theo sở hữu các pháp ác bất thiện, năng thuận theo triền của phiền não phẩm thượng, trung, hạ, tất cả chúng chưa sanh, vì khiến không sanh; chúng đã sanh, vì khiến đoạn diệt, nên tự mình sách tấn, tự mình nỗ lực, phát khởi siêng năng tinh tấn. Ở nơi tự tánh, nhân duyên, đối trị, quá hoạn của sở duyên kia, của cảnh giới kia, chánh quán sát tư duy thẳm sâu, an trụ niệm nhất cảnh. Do nhiều an trụ như thế nên năng chánh sanh khởi tâm nhất cảnh tánh, năng khiến xa lìa đối với sở hữu các triền hiện hành của pháp ác bất thiện, nhưng chưa vĩnh viễn hại được tùy miên của phiền não. Đây gọi là lực tăng thượng của cần khiến đắc tam-ma-địa.

Nếu lại sách tấn các tâm hạ liệt, hoặc lại chế ngự gìn giữ các tâm trạo cử, lại thời thời tu tập tăng thượng xả, do nhân duyên đây, đối với sở hữu các pháp ác bất thiện hoặc năng thuận theo các pháp ác bất thiện và đối với các pháp thiện hoặc

năng thuận theo tự tánh, nhân duyên, quá hoạn, công đức, đối trị, xuất ly của sở hữu pháp thiện, chánh tư duy quán sát thắm sâu, an trụ niệm nhất cảnh. Do nhiều an trụ như thế năng chánh sanh khởi tâm tánh nhất cảnh, cho đến nói rộng. Đây gọi là lực tăng thượng của tâm khiến đắc tam-ma-địa.

Nếu đối với pháp ác bất thiện mà năng thuận theo đó tác ý tư duy cho là không như lý. Lại đối với pháp thiện năng thuận theo đó tác ý tư duy cho là như lý. Như vậy vì xa lìa các triền và năng sanh khởi đối trị các triền, quyết định lấy pháp thiện làm thượng thủ, nên năng khiến sở hữu các pháp ác bất thiện đều chẳng hiện hành. Bèn tự tư duy: “Ta nay là có hiện hữu pháp ác bất thiện mà không nhận biết chẳng? Hay là không hiện hữu pháp ác bất thiện mà không nhận biết chẳng? Ta nay cần phải quán xét tỉ mỉ khắp cả”. Vị kia do lực tăng thượng của tác ý quán sát, tự mình chân chánh quán sát đoạn và chưa đoạn, chánh tư duy quán xét thắm sâu, an trụ niệm nhất cảnh. Do nhiều an trụ như thế nên năng chứng tâm tánh nhất cảnh. Do nhân duyên đây lìa tăng thượng mạn, tự mình biết như thật: “Ta chỉ ở nơi triền tâm được giải thoát,

nhưng ở nơi tất cả góc ngách tùy miên, tâm chưa được giải thoát. Ta chỉ mới đạt được và tu tập đối trị các triền, quyết định lấy sở hữu pháp thiện làm thượng thủ, mà chưa đạt được và chưa tu tập đối trị tùy miên”. Đây gọi là lực tăng thượng của quán nên đắc tam-ma-địa.

Người kia do lực tăng thượng của bốn tam-ma-địa, được xa lìa các triền. Lại vì vĩnh viễn hại diệt các tùy miên của tất cả pháp ác bất thiện, cũng vì tu tập các pháp thiện năng đối trị kia, bèn sanh khởi hơn nữa vui mong muốn sách tấn nỗ lực, nói rộng như đạo lý gia hạnh tu tập bốn chánh đoạn ở trước.

Khi người kia chánh tu tập như vậy có tám đoạn hành, vì muốn vĩnh viễn hại diệt các tùy miên, vì khiến tam-ma-địa được viên mãn, nên triển chuyển sai biệt. Những gì gọi là 8 chủng đoạn hành?

1. Dục: tức phát khởi mong cầu vui muốn: “Ta tu Tam-ma-địa vào lúc nào sẽ được viên mãn? Ta vào lúc nào sẽ năng đoạn diệt sở hữu tùy miên của pháp ác bất thiện?”.

2. Sách tấn nỗ lực: đó là không xả bỏ gia hạnh, cho đến sở hữu tu tập các đối trị.

3. Tín: vì không xả bỏ mà chánh an trụ gia hạnh, nên đối với sở chứng ở trên sanh tín hiểu sâu.

4. An: vì tín thanh tịnh làm dẫn đầu, khiến tâm sanh hoan hỷ. Vì tâm hoan hỷ, dần dần thứ lớp dứt trừ pháp ác bất thiện thô trọng.

5. Niệm: vì năng nhiếp trì phẩm Xa-ma-tha, an trụ tâm ở nơi 9 chủng tướng.

6. Chánh biết: là tuệ của phẩm Tỳ-bát-xá-na.

7. Tư: là tạo tác của tâm. Lúc chánh quán sát đoạn, chưa đoạn, nơi tâm tạo tác này dẫn phát hai loại thân nghiệp và ngữ nghiệp năng thuận theo Chỉ Quán.

8. Xả: là ở trong hành quá khứ, vị lai, hiện tại thuận theo các pháp ác bất thiện mà tâm không nhiễm ô, tánh tâm bình đẳng. Do hai nhân duyên, ở nơi việc đoạn trừ tùy miên, phân biệt biết rõ, đó là: do cảnh giới không hiện thấy tư và do cảnh giới hiện thấy xả.

Như vậy gọi là tám chủng đoạn hành, cũng gọi là thắng hành. Tám chủng đoạn hành, thắng hành như vậy tức là Du-già hại diệt tùy miên. Trong đây dục tức là dục của Du-già. Sách tấn nỗ

lực tức là tinh tấn của Du-già. Tín tức là tín của Du-già. An, niệm, chánh biết, tư, xả tức là phương tiện của Du-già.

Như vậy, trong đây hoặc trước nói bốn tam-ma-địa là Dục, Cần, Tâm, Quán, hoặc nay nói tám chủng đoạn hành, tức lúc đoạn trừ vĩnh viễn sở hữu tùy miên, thì tam-ma-địa thành tựu trọn vẹn viên mãn. Tất cả gọi chung là thần túc do Dục tam-ma-địa đoạn hành thành tựu, thần túc do Cần tam-ma-địa đoạn hành thành tựu, thần túc do Tâm tam-ma-địa đoạn hành thành tựu, thần túc do Quán tam-ma-địa đoạn hành thành tựu.

Hỏi: Vì nhân duyên nào gọi là *thần túc*?

Đáp: Như người có chân năng tới, năng lui, chạy nhảy mạnh mẽ, kia năng đắc, năng chứng sở hữu các pháp thù thắng của thế gian. Pháp thù thắng của thế gian gọi là thần, người kia có khả năng đạt đến đó nên gọi là thần túc. Nếu có các pháp như vậy, tức có tam-ma-địa thành tựu trọn vẹn viên mãn. Tâm của người kia sáng sạch thanh tịnh, không các tỳ vết ô uế, lìa tùy phiền não, an trụ chân chánh, có khả năng kham chịu, đạt được sự bất động.

Như người năng tới, năng lui, chạy nhảy mạnh mẽ, kia năng đắc, năng chứng pháp xuất thế gian. Pháp xuất thế gian tối thắng tự tại là thần tối thắng, người kia năng chứng được pháp đây nên gọi là thần túc. Người kia lấy Tam-ma-địa thù thắng như vậy làm chỗ nương tựa giữ gìn. Vì lấy Tam-ma-địa thù thắng làm chỗ nương, năng tinh tấn tu tập sở hữu Du-già của tầng thượng tâm học, tầng thượng tuệ học. Vì tinh tấn tu tập Du-già đây, nên đối với những điều chứng đắc của Đại sư và đệ tử khác, sanh sâu thắng giải, sanh sâu tịnh tín. Vì nghĩa tầng thượng của tín thanh tịnh đây nên gọi là tín căn.

Hỏi: Tín, tấn, niệm, định, tuệ lấy việc gì làm tầng thượng?

Đáp: Tín đây lấy việc năng sanh khởi các pháp xuất thế gian làm thượng thủ, lấy việc năng phát khởi tinh tấn, niệm, định, tuệ làm tầng thượng. Hết thấy pháp còn lại như tinh tấn lấy việc năng sanh khởi pháp xuất thế gian làm thượng thủ, lấy việc phát khởi triển chuyển niệm, định, tuệ làm tầng thượng... cho đến tuệ chỉ lấy việc năng sanh khởi pháp xuất thế gian làm tầng thượng. Cho nên tín, tấn, niệm, định, tuệ gọi là *năm căn*.

Nếu lại rõ biết sở chứng trước sau có sự sai khác, tùy đây năng đối với sở chứng pháp xuất thế gian về sau mà sanh sâu thắng giải, sanh sâu tịnh tín. Vì nghĩa khó khuất phục của tín thanh tịnh đây nên được gọi là tín lực.

Hỏi: Ai không thể khuất phục?

Đáp: Tín thanh tịnh đây, hoặc Thiên, hoặc Ma, hoặc các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc các thế gian khác không như pháp chẳng thể dẫn dụ đoạt mất. Các phiền não triền cũng không thể làm khuất phục. Cho nên gọi là khó khuất phục. Tín đây làm thượng thủ, tín đây làm tiền hành của các pháp khác. Những pháp còn lại như tinh tấn... cũng được gọi là lực, vì các lực đây có đầy đủ oai thế lớn năng bẻ gãy hàng phục tất cả thế lực ma quân, năng chứng đắc tất cả các lậu tận trừ vĩnh viễn, nên gọi là *lực*.

Phải quán trong đây, tín căn, tín lực tức là sở hữu tín thanh tịnh trong bốn chứng tịnh. Vì cơ sao? Vì sự chứng nhập chánh tánh ly sanh và sở hữu chứng tịnh đều do nhân đây, duyên đây, thứ tự đây. Bởi tín căn, tín lực tức là quả tăng thượng của sự kia, nên Đức Thế Tôn theo sự tương thuộc nhau

của đạo lý nhân quả mà dạy rằng: “Phải quán tức chứng tịnh của kia chẳng phải là thể của kia, chẳng phải là tướng của kia”.

Phải quán trong đây, tinh tấn căn, tinh tấn lực tức là sở hữu tinh tấn ở trong bốn chánh đoạn. Đây là chánh đoạn nào? Đó là phương tiện chánh đoạn, năng vĩnh viễn đoạn trừ tất cả phiền não kiến đạo sở đoạn. Ở trong đây ý nói chánh đoạn là như thế. Do chánh đoạn đây sẽ rốt ráo năng đoạn sở hữu các pháp ác bất thiện.

Phải quán trong đây, niệm căn, niệm lực tức là sở hữu chánh niệm trong bốn niệm trụ. Bốn niệm trụ đây năng đoạn dứt các điên đảo không sót thừa.

Phải quán trong đây, định căn, định lực tức là sở hữu chánh định trong bốn tĩnh lực. Các tĩnh lực đây năng là phương tiện chứng đắc quả Bất hoàn.

Phải quán trong đây, tuệ căn, tuệ lực tức là sở hữu chánh trí trong bốn thánh đế. Trí thánh đế ở nơi bốn thánh đế đây khiến chứng hiện quán, đắc quả Sa-môn.

Tức do dần tu, dần tập, dần tu tập nhiều các căn, các lực như vậy làm nhân duyên, nên năng phát khởi bốn chủng thiện căn thuận phần quyết trạch

phẩm hạ, trung, thượng. Những gì là bốn? 1. Noãn; 2. Đảnh; 3. Nhẫn thuận đế; 4. Pháp thế đệ nhất.

Thí như có người muốn có lửa để làm những việc cần thiết. Vì tìm lửa, người này dùng gỗ mục để ở dưới, lấy dùi lửa đặt ở trên, siêng năng sách tấn nỗ lực mạnh mẽ để dùi. Do người kia lúc ấy siêng năng sách tấn nỗ lực mạnh mẽ dùi mài như vậy, nên củi ở dưới bắt đầu sanh hơi ấm. Kế đến hơi ấm tăng lên dần, khí nóng tăng dần gấp bội liền phát khói, rồi lửa không có ngọn bỗng nhiên phát sanh. Kế đến ngọn lửa bùng lên mạnh mẽ không tắt. Lúc đó mới dùng lửa làm những việc cần thiết. Như người dùi lửa siêng năng sách tấn nỗ lực dũng mãnh dùi tìm lửa, thì dần tu, dần tập, dần tu tập nhiều năm căn, năm lực phải biết cũng vậy. Như gỗ mục ở dưới bắt đầu sanh hơi ấm, thì thiện căn Noãn cũng như vậy. Vì lửa pháp vô lậu sanh khởi trước tiên thiêu đốt các phiền não. Như hơi ấm tăng lên, khí nóng bốc ra, thì thiện căn Đảnh cũng như vậy. Như tiếp theo khói bỗng nhiên xuất hiện, thì thiện căn Nhẫn thuận đế cũng như vậy. Như lửa không ngừng bốc cháy mạnh mẽ, thì thiện căn Pháp thế đệ nhất nhiếp lấy Thánh pháp

vô lậu xuất thế do năm căn, năm lực không gián đoạn phát sanh, nên biết cũng vậy.

Việc đây lại như thế nào? Đó là bảy giác chi. Các bồ-đặc-già la đã chứng nhập chánh tánh ly sanh, giác tuệ như thật, dụng đây làm chi, nên gọi là *giác chi*. Tức bảy chủng giác chi như thật đây nhiếp thuộc ba phẩm: đó là ba giác chi nhiếp vào phẩm Xa-ma-tha, ba giác chi nhiếp vào phẩm Tỳ-bát-xá-na, một giác chi còn lại thông nhiếp vào cả hai phẩm kia. Cho nên gọi là bảy chủng giác chi. Phẩm Quán nhiếp lấy ba giác chi là: trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi. Phẩm Chỉ nhiếp lấy ba giác chi là: an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Chủng niệm giác chi còn lại nhiếp vào cả hai phẩm, gọi là vào khắp hành.

Lúc bấy giờ vị kia, trước tiên đạt được bảy giác chi như vậy, gọi là bậc sơ hữu học đã thấy dấu vết thánh đế. Kia đã vĩnh viễn đoạn diệt tất cả phiền não kiến đạo sở đoạn, duy chỉ còn lại tất cả phiền não tu đạo sở đoạn. Vì đoạn kia nên tu tập ba uẩn nhiếp lấy *tám thánh đạo chi*. Trong đây chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn nhiếp thuộc tuệ uẩn. Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh

mạng nhiếp thuộc giới uẩn. Chánh niệm, chánh định nhiếp thuộc định uẩn.

Hỏi: Vì nhân duyên gì gọi là tám thánh đạo chi?

Đáp: Các bậc thánh hữu học đã thấy dấu tích, do tám chi thâm nhiếp dấu tích hành chánh đạo, năng đoạn dứt tất cả phiền não không sót thừa, năng ở nơi giải thoát tác chứng rốt ráo, cho nên gọi là tám thánh đạo chi. Phải biết trong đây, hoặc lúc hành giác chi có được hiểu biết chân thật, hoặc đã đắc kia, dùng tuệ an lập, như điều chứng đắc mà hiểu biết. Tóm lược hai điều trên, hợp chung lại gọi là chánh kiến.

Do lực tăng thượng của chánh kiến đây, phát khởi ra khỏi xa lìa, tư duy phân biệt không khuể không hại. Đây gọi là chánh tư duy.

Nếu tâm thú nhập vào tầm tư, thì vị kia chỉ tìm cầu suy nghĩ tương trạng như vậy. Nếu tâm thú nhập vào những ngôn luận, tức do lực tăng thượng của chánh kiến, nên chỉ phát khởi tư duy thiện, chỉ phát khởi chủng chủng ngôn luận như pháp. Đây gọi là chánh ngữ.

Nếu như pháp cầu y phục, thức uống ăn, các

tọa ngoại cụ, thuốc trị bệnh cùng các vật dụng nuôi thân khác, vào lúc truy cầu hoặc đi hoặc về an trụ chánh biết, hoặc thấy hoặc nhìn, hoặc co hoặc duỗi, hoặc giữ y bát và Tăng-già-lê, hoặc ăn hoặc uống, hoặc nhai hoặc nếm an trụ chánh biết; hoặc vào lúc trụ, đối với hết thấy vật như y phục... đã cầu được, hoặc đi hoặc đứng hoặc ngồi hoặc nằm, nói rộng cho đến ngủ giải lao an trụ chánh biết. Đây gọi là chánh nghiệp.

Như pháp truy cầu y phục, thức uống ăn, cho đến các vật dụng nuôi thân khác, xa lìa tất cả pháp sanh khởi tà mạng. Đây gọi là chánh mạng.

Nếu hành viễn ly nhiếp chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, vị kia trong lúc chúng đắc các giác chi trước đã đạt được, tác ý vô lậu.

Hỏi: Cớ sao đây gọi là Giới mà bậc thánh yêu thích?

Đáp: Bởi lẽ các bậc Thánh hiền thiện chánh chí trường thời yêu thích, mền mộ duyệt ý: “Ta không khi nào thuận theo các ngữ ác hạnh, các thân ác hạnh, các việc tà mạng, không thực hành thuận theo luật nghi”. Do vị kia dèm dài đối với giới đây phát sanh yêu thích, mền mộ, duyệt ý,

nên khi đạt được gọi là điều yêu thích của bậc Thánh. Đã đạt được Giới mà bậc thánh yêu thích, trọn không chánh biết mà nói vọng ngữ, trọn không cố ý suy nghĩ hại mạng chúng sanh, trọn không cố ý suy nghĩ lấy của không cho, trọn không cố ý suy nghĩ hành dục tà hạnh, trọn không tìm cầu y phục phi pháp... Tức là do lực tăng thượng của Giới mà bậc thánh yêu thích như thế, nên trong lúc tu đạo, cho đến chỗ có sanh khởi của ngũ nghiệp, thân nghiệp của việc nuôi dưỡng thân mạng cũng được gọi là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Vị kia nương theo chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng đây siêng năng tu hành, nắm giữ tất cả dục, cần, tinh tấn, dũng mãnh xuất ly, phát khởi năng lực sách tấn nỗ lực tương tục không gián đoạn, gọi là chánh tinh tấn. Người thành tựu chánh tinh tấn như vậy, do lực tăng thượng của bốn niệm trụ, nên đắc chánh niệm nhiếp thuộc chín chủng hành tướng không điên đảo, năng nhiếp lấy chín chủng hành tướng tâm trụ. Đây gọi là chánh niệm và chánh định.

Hết thấy tám thánh đạo chi như thế lập chung làm 2 chủng, đó là: không có sở tác và trụ sở tác.

Không có sở tác: là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.

Trụ sở tác: lại có 2 loại, đó là: Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na. Chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn là Tỳ-bát-xá-na. Chánh niệm, chánh định là Xa-ma-tha.

Như vậy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng thanh tịnh làm chỗ nương tựa, ở trong mọi thời tu tập Chỉ Quán, sẽ năng chứng đắc các kiết vĩnh viễn đoạn trừ không sót thừa, sẽ năng đắc quả tối thượng A-la-hán. Vì trường thời tương tục gọi là tu đạo. Vì luôn luôn tu tập đoạn phiền não, nên hoát nhiên trí sanh, gọi là kiến đạo. Vì lúc trí đây tạm khởi tức năng vĩnh viễn đoạn dứt các phiền não. Do nhân duyên đây, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng ở trong sự tu đạo mới bắt đầu kiến lập.

Do hết thấy việc như vậy lần hồi thứ lớp phương tiện gia hạnh, tu tập hết thấy ba mươi bảy chủng pháp Bồ-đề phần. Đây gọi là tu Bồ-đề phần.

13. Quả tu: Đó là bốn quả Sa-môn: 1. Quả Dự lưu; 2. Quả Nhất lai; 3. Quả Bất hoàn; 4. Quả tối thượng A-la-hán.

Trong đây, sao gọi là Sa-môn? Sao gọi là Quả? Thánh đạo gọi là Sa-môn. Phiền não được đoạn trừ gọi là Quả. Lại đạo sanh sau, hoặc phẩm trung, hoặc phẩm thượng, là quả của đạo sanh đã sanh khởi trước.

Hỏi: Vì sao kiến lập bốn quả như vậy?

Đáp: Vì đối trị bốn chủng các phiền não. Đó là các *vô sự* năng chiêu cảm hưởng đến ác, vì đoạn nhân phiền não dẫn đến ác và vì năng đoạn kia, đối trị sanh nên lập quả Dự lưu, mà Đức Bạc-Già-Phạm thuyết: “Vĩnh viễn đoạn trừ ba kiết sử nên lập quả đây”. Đó là vì nương ba phẩm có ba chủng kiết chướng ngại Thánh đạo khiến không thể sanh khởi: 1. Phẩm tại gia; 2. Phẩm pháp ác thuyết Tỳ-nại-da; 3. Phẩm pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da.

Nương phẩm tại gia có thân kiến. Do kiến đây nên sanh sợ hãi, ngay lúc đầu không muốn phát khởi hưởng đến Thánh đạo.

Nương phẩm pháp ác thuyết Tỳ-nại-da có giới cấm thủ. Do giới cấm thủ đây nên tuy đã phát khởi hưởng đến mà hành tà vạy, do đây chẳng thể sanh khởi Thánh đạo.

Nương phẩm pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da có

nghi hoặc. Do nghi hoặc đây, tuy đã phát khởi hướng đến, không hành tà vạy, nhưng đối với chánh đạo chưa thể tu tập xuyên suốt, nên ở trong việc nhận thức như thật sự sở tri sanh do dự nghi hoặc làm chướng ngại khiến không sanh khởi Thánh đạo. Do nhân duyên này chỉ nói đoạn kiết đây lập quả Dự lưu. Quả Dự lưu còn nhiều nhất bảy lần trở lại hữu, cho nên vẫn còn tương tục tái sanh nhiều lần.

Nếu đoạn trừ phiền não tái sanh tương tục, không còn tiếp nối sanh, lập quả Nhất lai. Tức là đã vĩnh viễn đoạn trừ phiền não của việc tái sanh tương tục nhiếp thuộc hữu cõi trời, nhiếp thuộc hữu cõi người, chỉ thọ sanh một lần ở cõi trời, thọ sanh một lần ở cõi người, thì lúc bấy giờ lập quả Nhất lai.

Nếu đã vĩnh viễn đoạn trừ sở hữu phiền não năng cảm sanh trở lại, chỉ thọ sanh một lần hữu cõi trời, lúc bấy giờ lập quả Bất hoàn. Nếu đã vĩnh viễn đoạn trừ tất cả phiền não năng cảm sanh hữu, kiến lập quả tối thượng A-la-hán. Đức Bạc-Già-Phạm nói: “Đoạn trừ vĩnh viễn ba kiết, tham sân si mỏng, lập quả Nhất lai. Đoạn trừ vĩnh viễn năng thuận theo năm hạ phần kiết, lập quả Bất

hoàn. Đoạn trừ vĩnh viễn rốt ráo tất cả phiền não, kiến lập quả tối thượng A-la-hán”. Đây gọi quả tu.

Lại nếu bổ-đặc-già-la hành tham, sân, si, mạn, tâm tư, thì trước phải tu hành thanh tịnh ở nơi sở duyên tịnh hành, sau mới chứng tâm chánh an trụ. Ở nơi các cảnh giới sở duyên riêng khác của mỗi hành, nhất định nương thế lực của sự cảnh sở duyên sai biệt để siêng tu gia hạnh.

Nếu bổ-đặc-già-la hành đẳng phần, tùy theo chỗ vui thích phan duyên cảnh kia mà siêng tu gia hạnh. Siêng tu như vậy chỉ khiến tâm an trụ, chẳng phải thanh tịnh hành kia.

Như bổ-đặc-già-la hành đẳng phần, thì bổ-đặc-già-la hành mỏng trần phải biết cũng vậy. Nhưng các hành kia cũng có sự sai khác, đó là bổ-đặc-già-la hành tham... lúc siêng tu hành, cần yếu phải trải qua lâu xa mới chứng tâm trụ. Bổ-đặc-già-la hành đẳng phần lúc siêng tu hành, không cần vượt qua lâu xa, năng chứng tâm trụ. Bổ-đặc-già-la hành mỏng trần lúc siêng tu hành, tối cực nhanh chóng năng chứng tâm trụ.

Hỏi: Trước đã nói rộng hành tướng sai khác của bổ-đặc-già-la hành tham... Còn bổ-đặc-già-la

hành đẳng phân và bổ-đặc-già-la hành mông trần có hành tướng thế nào?

Đáp: Bổ-đặc-già-la hành đẳng phân cũng có tất cả sở hữu hành tướng như bổ-đặc-già-la hành tham... kia. Nhưng hành tướng của bổ-đặc-già-la hành đẳng phân chẳng phải vượt trên, chẳng phải cao hơn, tùy theo sự gặp duyên mà có sai khác. Chỗ thi thiết hành của bổ-đặc-già-la hành tham... và bổ-đặc-già-la hành đẳng phân tương tự nhau.

Hành tướng của bổ-đặc-già-la hành mông trần có sự khác biệt, đó là: 1. Không nhiều trọng chướng; 2. Ban đầu thanh tịnh; 3. Tư lương đã đủ; 4. Có nhiều tịnh tín; 5. Thành tựu thông tuệ; 6. Đủ các phước đức; 7. Đủ các công đức.

1. Không nhiều trọng chướng: không có ba chướng. Những gì là ba? a. Nghiệp chướng; b. Phiền não chướng; c. Dị thực chướng.

Nghiệp chướng: là năm nghiệp vô gián và các suy nghĩ cố tạo tác các nghiệp khác, ác nghiệp nặng chồng chất. Nếu quả dị thực của nghiệp kia lúc chín muồi năng chướng ngại khiến không sanh khởi thánh đạo. Đây gọi là nghiệp chướng.

Phiền não chướng: là phiền não mãnh lợi,

phiền não trường thời. Do phiền não đây, ở trong hiện pháp dù có chủng chủng sở duyên tịnh hành cũng chẳng thể khiến thanh tịnh. Đây gọi là phiền não chướng.

Dị thực chướng: hoặc có nơi sanh đến, nương ở nơi đó thánh đạo không phát sanh, không tăng trưởng và ở nơi sanh đến kia quả dị thực như thế sanh. Hoặc có nơi sanh đến, nương ở nơi đó thánh đạo tuy được sanh trưởng, mà ở nơi đó quả dị thực sanh là điếc, ngu độn, ngốc nghếch, mù lòa, câm ngọng, dùng tay thay lời, không có sức, không có khả năng để hiểu rõ pháp nghĩa là ác thuyết hay thiện thuyết. Đây là dị thực chướng.

2. Ban đầu thanh tịnh: là giới thiện thanh tịnh và kiến chánh trực.

Giới thiện thanh tịnh: do mười duyên nên biết như trước.

Kiến chánh trực: hoặc có cái thấy vì tương ưng tịnh tín, vì tương ưng thắng giải, vì xa lìa đối trá dua nịnh, vì khéo tư duy pháp nghĩa, không nghi, không hoặc, gia hạnh xuất ly, cho nên gọi là chánh trực.

Như vậy, có cái thấy chánh trực vì tương ưng

tịnh tín, nên đối với chánh pháp và Tỳ-nại-da của Phật không thể bị dẫn đoạt; vì tương ưng thắng giải nên đối với thần lực uy đức của chư Như Lai và Thánh đệ tử không thể nghĩ bàn, đối với sanh xứ sai biệt không thể nghĩ bàn, đối với giáo pháp thâm sâu không thể lấy gì để ghi chép, sanh sâu thắng giải, không kinh hãi, không hoảng sợ; vì xa lìa đối trá dua nịnh nên có cái nhìn chân chánh trung thực, tức là như Thánh giáo chánh tu hành, như điều chân thật mà tự hiển phát; vì khéo tư duy pháp nghĩa, không nghi không hoặc, gia hạnh xuất ly, nên ở nơi hết thấy pháp nghĩa vô thường, khổ, không, vô ngã... khéo tư duy chân chánh, khéo so lường chân chánh, khéo quán sát chân chánh. Do đây làm nhân nên xa lìa hai đường là không hoặc, không nghi, nhanh chóng được thăng tiến. Do bốn tướng đây, cái thấy như trên gọi là kiến chánh trực.

3. Tư lương đã đủ: tư lương nên biết như đã nói rộng ở trước, tóm lược có bốn loại: a. Tư lương phước đức; b. Tư lương trí tuệ; c. Tư lương đời trước; d. Tư lương hiện pháp.

Tư lương phước đức: vì tư lương đây hiện tại có được tiền của sung túc, tài sản giàu có, được gặp

phước điền chân thật là bậc Thiện tri thức, xa lìa các chướng ngại, năng tinh cần tu hành.

Tư lương trí tuệ: vì tư lương đây nên thành tựu thông tuệ, có lực có khả năng hiểu rõ pháp nghĩa là thiện thuyết hay ác thuyết, đạt được sự thuận theo giáo thọ, giáo giới, giáo pháp, giáo nghĩa.

Tư lương đời trước: do đời trước chứa nhóm căn lành nên đời hiện tại thu được các căn thành thực.

Tư lương hiện pháp: đời hiện tại ham muốn thiện pháp, các căn thành thực, đầy đủ luật nghi giới và luật nghi căn, nói rộng như trước.

4. Có nhiều tịnh tín: đối với Đại sư không hoặc không nghi, sanh sâu lòng tịnh tín và thực hành thắng giải. Như đối với Đại sư, thì đối với pháp, đối với học cũng vậy, còn lại nên biết như trước đã rộng thuyết.

5. Thành tựu thông tuệ: do đây nên đối với pháp, đối với nghĩa, nhanh chóng có khả năng lãnh thọ, trải qua thời gian lâu không bị quên mất.

6. Đầy đủ các phước đức: do đây nên hình sắc đoan nghiêm, được mọi người vui muốn ngắm nhìn sanh tín tâm thanh tịnh; không bệnh tật, trường

thọ; lời nói chân thật ôn hòa trang nghiêm. Dòng tộc đầy đủ tôn quý, được mọi người biết đến. Thành tựu phước lớn, thu được nhiều y phục, các vật dụng nuôi thân... Được sự cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen của các quốc vương và đại thần...

7. Đầy đủ công đức: bản tánh thành tựu chủng chủng công đức như thiếu dục... nên biết các tướng đây đã nói đến trong phần “Vật trang nghiêm của Sa-môn”.

Nên biết hết thấy loại tướng như thế là hành tướng sai biệt của bổ-đặc-già-la hành mỏng trần.

14. Các môn khác của bổ-đặc-già-la: Có sáu loại. Những gì là sáu? **a.** Sa-môn; **b.** Bà-la-môn; **c.** Phạm hạnh; **d.** Bí-sô; **e.** Tinh cần; **f.** Xuất gia.

a. Sa-môn lại có 4 loại. Những gì là bốn loại?

1. Sa-môn thắng đạo; 2. Sa-môn thuyết đạo; 3. Sa-môn hoạt đạo; 4. Sa-môn hoại đạo.

Nên biết chư Thiện Thệ gọi là Sa-môn thắng đạo, là những bậc đã chứng đắc vĩnh viễn tận dứt tham, sân, si không sót thừa. Các bậc thuyết chánh pháp gọi là Sa-môn thuyết đạo, vì khiến điều phục

tham, sân, si... mà tuyên thuyết chánh pháp. Các hành giả tu tập thiện hạnh gọi là Sa-môn hoạt đạo, vì điều phục hết thấy tham, sân, si... mà siêng tu chánh hạnh. Các kẻ hành tà hạnh gọi là Sa-môn hoại đạo, vì hủy phạm Thi-la, hành các pháp ác.

Lại bậc học và vô học gọi là Sa-môn thắng đạo, vì dùng đạo vô lậu hàng phục, diệt trừ tất cả các phiền não kiến, tu sở đoạn. Nếu không được gặp chư Như Lai và các Bồ-tát, vị kia vẫn vì Bồ-đề mà siêng năng tu tập chánh hạnh.

Các chúng Thanh văn trì tam tạng gọi là Sa-môn thuyết đạo, vì nhậm vận giữ gìn pháp Tỳ-nại-da nơi đời, nên chuyển chánh pháp nhân khiến chẳng hoại diệt.

Nếu các bồ-đặc-già-la dị sanh tánh điều thiện, vì lợi ích bản thân mà siêng tu chánh hạnh, biết ăn năn, biết hổ thẹn, vui thích việc học chân chánh. Vì đặc điều chưa đặc, vì xúc những điều chưa xúc, vì chứng những điều chưa chứng mà siêng tu gia hạnh. Có lực, có khả năng kham đặc điều chưa đặc, kham xúc điều chưa xúc, kham chứng điều chưa chứng. Đây gọi là Sa-môn hoạt đạo. Bởi lẽ vị kia hiện có các thiện pháp Noãn, có khả năng kham

nhiệm sanh trưởng mạng căn thánh tuệ, được gọi là sống, chẳng phải chết. Cho nên gọi đây là Sa-môn hoạt đạo.

Nếu các bồ-đặc-già-la phạm giới, hành nhiều ác pháp, nói rộng cho đến thật chẳng phải phạm hạnh tự xưng phạm hạnh, đây gọi là Sa-môn hoại đạo. Do kia ban đầu phá hoại sở hữu chánh đạo căn bản, nên không có lực, không có khả năng, không phải khí cụ sanh khởi đạo. Tuy hiện tiền có người thuyết dạy chánh đạo, cùng hiện tiền có người chứng đắc chánh đạo, nhưng kẻ kia không chứng đắc. Cho nên gọi là Sa-môn hoại đạo.

Thế Tôn nương kia nói lời như vậy: “Trong các giáo pháp Sa-môn, Bà-la-môn khác trọn không có sở hữu Sa-môn thứ nhất, nói rộng cho đến Sa-môn thứ tư. Nếu ở xứ đây có tám thánh đạo chi an lập khả đắc, tức là ở nơi pháp ấy có Sa-môn đầu tiên, nói rộng cho đến có Sa-môn thứ tư.

b. Bà-la-môn có 3 chủng: 1. Bà-la-môn chủng tánh; 2. Bà-la-môn danh tướng; 3. Bà-la-môn chánh hạnh.

Bà-la-môn chủng tánh: sanh ra trong gia đình của Bà-la-môn, được sanh ra từ sản môn của mẹ,

cha mẹ đều đầy đủ. Đây gọi là Bà-la-môn.

Bà-la-môn danh tướng: đó là các thế gian do tướng, hết thấy tướng mà giả lập ngôn thuyết đây gọi là Bà-la-môn.

Bà-la-môn chánh hạnh: đó là quyết định đi đến rốt ráo việc cần làm, đã có thể rời xa vất bỏ pháp ác bất thiện. Như có điều nói: “Nên biết Bà-la-môn đây không còn có việc cần làm thêm, việc cần làm đã làm xong”. Đây gọi là Bà-la-môn.

c. Phạm hạnh có 3 chủng: 1. Phạm hạnh thọ xa lìa; 2. Phạm hạnh tạm thời đoạn trừ; 3. Phạm hạnh rốt ráo đoạn trừ.

Phạm hạnh thọ xa lìa: tức là năng thọ học xa lìa tất cả hành phi phạm hạnh, pháp tập quen với dâm dục.

Phạm hạnh tạm thời đoạn trừ: là các dị sanh nương đạo thế gian mà ly dục Dục giới.

Phạm hạnh rốt ráo đoạn trừ: là các bậc Thánh giả chứng đắc quả Bất hoàn, lại đắc quả tối thượng A-la-hán.

d. Bí-sô có 5 loại: 1. Bí-sô khát cái; 2. Bí-sô tự xưng; 3. Bí-sô danh tướng; 4. Bí-sô phá hoại phiền não; 5. Bí-sô bạch tứ Yết-ma thọ Cụ túc giới.

e. *Tinh cần* có 3 loại: 1. *Tinh cần* dừng dứt phạm giới, đó là năng xa lìa các thân nghiệp, ngũ nghiệp bất thiện; 2. *Tinh cần* dừng dứt cảnh giới, đó là mật hộ căn môn, tu phòng thủ niệm và thường thuận theo niệm, như trước đã nói rộng; 3. *Tinh cần* dừng dứt phiền não, đó là năng vĩnh viễn đoạn trừ tất cả phiền não kiến, tu sở đoạn. Đối với tất cả điều đã sanh khởi trước kia, hoặc tầm tư dục, hoặc tầm tư khuể, hoặc tầm tư hại, hoặc tham, hoặc sân, hoặc các tà kiến, hoặc phần hận phú não cuống siểm... có thể dẫn đến các đường ác thú hiểm nguy như các xứ địa ngục... chẳng phải là pháp Sa-môn, thì tùy theo sự sanh khởi của chúng mà không nhẫn thọ, nếu chúng xuất hiện tức liền đoạn diệt, trừ khiển, biến đổi, nhờ bỏ. Phải biết trong đây lược có hai chủng dừng dứt phiền não: một là dừng dứt tùy miên; hai là dừng dứt các triền.

f. *Xuất gia* có 2 chủng: 1. Ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da mà xuất gia; 2. Ở trong pháp ác thuyết Tỳ-nại-da mà xuất gia.

Ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da mà xuất gia: đó là Bí-sô, Bí-sô-ni, Thúc-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni. Lại nếu tự thân có thể xa lìa tất cả sở hữu

pháp ác bất thiện, nên biết đây gọi là chân thật xuất gia.

Ở trong pháp ác thuyết Tỳ-nại-da mà xuất gia: đó là ngoại đạo hoặc hoàn toàn không mặc y, hoặc mặc y hoại sắc, hoặc ngoại đạo tăng thượng trét tro bụi lên thân. Ngoài ra lại có hết thấy các loại ngoại đạo tương tự như vậy.

Cho nên nói rằng: Hoặc các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc người tu phạm hạnh, hoặc các Bí-sô, hoặc người tinh cần, hoặc người xuất gia... hết thấy như thế là sở hữu môn khác nhau của số thủ thú.

15 và 16. Tám chủng bồ-đặc-già-la và nhân duyên kiến lập tóm lược có bốn loại.

Sao gọi là 8 loại bồ-đặc-già-la? 1. Người có khả năng kham nhiệm; 2. Người không có khả năng kham nhiệm; 3. Người khéo biết phương tiện; 4. Người không khéo biết phương tiện; 5. Người tu tập không gián đoạn; 6. Người tu tập có gián đoạn; 7. Người đã thường xuyên tu tập; 8. Người chưa thường xuyên tu tập.

Sao gọi là nhân duyên của bốn loại mà kiến lập bồ-đặc-già-la? Tám loại bồ-đặc-già-la trên được

kiến lập do nhân duyên của 4 loại sai khác: 1. Do căn sai biệt nên có căn đã thành thực và căn chưa thành thực; 2. Do Du-già sai biệt nên có khéo hiểu biết Du-già và không khéo hiểu biết Du-già; 3. Do gia hạnh sai biệt nên có tu tập ân trọng không gián đoạn và tu tập không ân trọng có gián đoạn; 4. Do thời sai khác nên có đã trường thời tu đạo và chưa trường thời tu đạo.

Vì sao bốn chủng sai khác như vậy năng làm nhân duyên kiến lập tám loại bổ-đặc-già-la trước? Đó là căn đã thành thực tức bổ-đặc-già-la có khả năng kham nhiệm. Căn chưa thành thực tức bổ-đặc-già-la không có khả năng kham nhiệm. Khéo hiểu biết Du-già tức bổ-đặc-già-la khéo biết phương tiện. Không khéo hiểu biết Du-già tức bổ-đặc-già-la không khéo biết phương tiện. Tu tập ân trọng không gián đoạn tức bổ-đặc-già-la tu tập không gián đoạn, đây cũng gọi là có tu tập thường thuận theo. Tu tập không ân trọng có gián đoạn tức bổ-đặc-già-la tu tập có sự gián đoạn, đây cũng gọi là không tu tập thường thuận theo. Đã trường thời tu đạo tức bổ-đặc-già-la đã thường xuyên tu tập. Chưa trường thời tu đạo tức bổ-đặc-già-la chưa thường

xuyên tu tập. Đây gọi là do căn sai biệt, do Du-già sai biệt, do gia hạnh sai biệt, do thời sai biệt nên kiến lập tám loại bổ-đặc-già-la.

Hoặc các sở hữu bổ-đặc-già-la căn chưa thành thực, kẻ kia đều chẳng thể biện biệt được các việc sở hữu, đó là khéo biết phương tiện, tu tập ân trọng không gián đoạn, đã thường xuyên tu tập, như lý như pháp, như sự thiện xảo.

Hoặc các sở hữu bổ-đặc-già-la căn tuy thành thực mà chưa khéo biết rõ phương tiện thiện xảo, thì ở nơi các việc sở hữu cũng chẳng thể biện biệt được.

Hoặc các sở hữu bổ-đặc-già-la căn đã thành thực, khéo biết rõ phương tiện, tu tập có gián đoạn, thì chẳng thể nhanh chóng được thông tuệ.

Hoặc các sở hữu bổ-đặc-già-la căn đã thành thực, khéo biết rõ phương tiện, tu tập không gián đoạn, nhưng tu tập chưa xuyên suốt, thì ở nơi sở hữu sự nghiệp của chính mình chưa thành tựu trọn vẹn.

Hoặc các sở hữu bổ-đặc-già-la căn đã thành thực, khéo biết phương tiện, đã tu tập không gián đoạn, tu tập xuyên suốt. Vị kia ở nơi việc sở hữu đều năng thành tựu trọn vẹn, cũng năng nhanh

chóng thành tựu thông tuệ, ở nơi sở hữu sự nghiệp cần làm của chính mình đã thành tựu trọn vẹn.

17. Các ma: Tóm lược có bốn chủng. Các việc làm của ma có vô lượng loại. Các thầy Du-già siêng tu quán hành phải khéo rõ biết khắp, cần chân chánh xa lìa.

Sao gọi là 4 ma? 1. Uẩn ma; 2. Phiền não ma; 3. Tử ma; 4. Thiên ma.

Uẩn ma: là năm thủ uẩn.

Phiền não ma: là hết thảy phiền não trong ba cõi.

Tử ma: là những hữu tình kia, từ chủng chủng chúng hữu tình kia chết đi.

Thiên ma: Khi hành giả tinh cần tu tập phẩm thiện thù thắng, muốn cầu vượt qua ba loại ma là uẩn ma, phiền não ma, tử ma, có vị trời sanh tối thượng ở Dục giới, được đại tự tại, muốn gây tạo chướng ngại, phát khởi vô số sự việc nhiễu loạn. Đây gọi là thiên ma. Phải biết trong đây, nương bốn loại sau mà kiến lập bốn loại ma: hoặc chỗ nương của sự chết, hoặc năng khiến chết, hoặc chính là sự chết, hoặc ở nơi sự chết mà gây tạo việc chướng ngại

không thể vượt qua. Vì nương nơi việc đã sanh, đã nhập năm thủ uẩn hiện tại mới có sự chết; do phiền não nên chiêu cảm sự sanh về sau; đã sanh rồi liền có sự chết đi...; các loại hữu tình mạng căn đã đứt nên chết đi. Đây là tự tánh của chết. Người tinh cần tu thiện vì muốn siêu vượt sự chết, lúc đang gia hạnh, thiên ma đại tự tại kia bèn gây chướng ngại. Do bị chướng ngại, hoặc ở nơi pháp tử chẳng thể thoát ra, hoặc trải qua nhiều thời gian dài, rất khó khăn mới có thể vượt thoát.

Lại, ma đối với những người kia cũng có lúc tạm thời không được tự tại, đó là hàng đệ sanh ly dục đạo thế gian hoặc ở khoảng này, hoặc sanh ở nơi kia. Hoặc ma đối với kia được đại tự tại, đó là đối với người chưa ly dục, ở trong tay ma, ma tùy muốn mà sai khiến. Hoặc người ly dục đạo thế gian bị sự trói buộc của ma, chưa thoát khỏi lưới ma, do đây ắt sanh trở lại cõi này.

18. Việc làm của ma: Đó là lúc muốn sanh khởi các sở hữu thiện pháp năng dẫn xuất ly, mà bị sức đấm trước các dục tăng thượng, liền trở lại thối xả. Phải biết đây tức là việc làm của ma.

Hoặc đang lúc an trụ gia hạnh mật hộ căn môn, mà đối với các sở hữu sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp khả ái, do chấp giữ tướng, chấp giữ tướng hảo, tâm vui thích thú nhập. Phải biết đây tức là việc làm của ma.

Hoặc đang lúc an trụ gia hạnh ăn uống biết lượng, mà đối với các thức uống ăn mỹ vị không quân bình... do dục tham ái, tâm vui thú nhập. Phải biết đây tức là việc làm của ma.

Hoặc đang lúc an trụ gia hạnh đầu đêm, cuối đêm siêng năng tu tập tỉnh thức Du-già, đối với ngủ nghỉ do lực của giải đãi lười biếng, tâm vui thú nhập. Phải biết đây tức là việc làm của ma.

Hoặc đang lúc an trụ gia hạnh an trụ chánh biết, mà ở nơi sự nghiệp đến đi hoặc thấy trẻ nhỏ, thiếu nữ sắc đẹp mạnh khỏe... do chấp giữ tướng đẹp không như lý, tâm vui thú nhập; hoặc thấy các sự việc tốt đẹp của thế gian, tâm vui thú nhập; hoặc ở trong nhiều nghiệp, nhiều sự tạo tác, tâm vui thú nhập; hoặc thấy chúng tại gia và xuất gia vui chơi ồn tạp, hoặc thấy bạn ác cùng chung sống hỗn tạp, liên sanh tùy hỷ theo, tâm vui thú nhập. Phải biết đây tức là việc làm của ma.

Đối với Phật, Pháp, Tăng, đối với Khổ, Tập, Diệt, Đạo, đối với đời này, đời khác, nếu sanh nghi hoặc, phải biết đây tức là việc làm của ma. Khi sống nơi a-lan-nhã, chốn không nhà, dưới gốc cây, gò mả, tịnh thất không nhà, nếu thấy sự việc đáng kinh đáng sợ, lông dựng đứng; hoặc thấy hình tượng Sa-môn, Bà-la-môn; hoặc thấy hình tượng của người hoặc phi nhân bỗng nhiên xuất hiện, khuyên bảo xả phẩm bạch, khuyên gìn giữ phẩm hắc không như chánh lý. Phải biết đây tức là việc làm của ma.

Hoặc đối với lợi dưỡng, cung kính, xưng khen, tâm vui thú nhập; hoặc ở nơi sự tần tiện, mong cầu nhiều thứ, chẳng biết vui đủ, phần, hận, phú, nã, kiêu căng đối trá... là chỗ đối trị với pháp trang nghiêm của Sa-môn, tâm vui thú nhập. Phải biết đây tức là việc làm của ma. Hết thấy các loại sự việc của ma như vậy có vô lượng vô biên. Tất cả đều là việc làm của bốn loại ma, tùy theo chỗ hiện hành phải rõ biết chân chánh.

19. Ba nhân duyên: Do ba nhân duyên bậc chánh tu hành tinh cần phát khởi hướng đến đều

không có kết quả. Những gì là ba? 1. Do các căn chưa được huân tập chứa nhóm; 2. Do không thuận theo sự dạy trao; 3. Do lực đẳng trì yếu kém.

Hoặc có các căn vẫn còn chưa huân tập chứa nhóm, tuy có sự thuận theo dạy trao, được lực đẳng trì mạnh mẽ hưng thịnh, nhưng sự tinh cần phát khởi hướng đến đều không có kết quả.

Hoặc có các căn tuy đã huân tập chứa nhóm, lực đẳng trì cũng lại mạnh mẽ hưng thịnh, nhưng không đạt được sự thuận theo dạy trao, thì sự tinh cần phát khởi hướng đến đều không có kết quả.

Hoặc có các căn tuy đã được huân tập chứa nhóm, cũng lại thành tựu sự thuận theo dạy trao, mà lực đẳng trì không mạnh mẽ hưng thịnh, sự tinh cần phát khởi hướng đến vẫn không có kết quả.

Hoặc có các căn đã được huân tập chứa nhóm, đã thành tựu sự thuận theo dạy trao, có lực đẳng trì mạnh mẽ hưng thịnh, thì sự tinh cần phát khởi hướng đến quyết định có kết quả.

Như vậy gọi là do ba nhân duyên khiến không có kết quả; do ba nhân duyên quyết định có kết quả.



Quyển 30

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA **Phần 3 của DU GIÀ XỨ - Thứ 1**

Như vậy đã thuyết kiến lập và sở duyên... cho đến hướng đến tu tập có kết quả, không có kết quả của phẩm loại bổ-đặc-già-la. Như điều cần thiết mà an lập, nay Ta sẽ thuyết. Ốt-Đà-Nam nói chung:

Đi đến vui hỏi, tìm hiểu

Mới an lập, hộ dưỡng

Xuất ly, tánh nhất cảnh

Chướng tịnh, tu tác ý.

Nếu có bổ-đặc-già-la tự mình yêu thích mới bắt đầu tu tập. Lúc ban đầu tu tập, vì muốn chứng đắc nghĩa tự lợi, trước phải an trụ chánh niệm ở bốn việc, về sau đi đến bậc khéo thành tựu thông đạt Du-già, tự biết quý trọng hoặc Quý phạm sư, hoặc Thân giáo sư, hoặc đồng hàng với các bậc đáng tôn trọng khác... hoặc bậc tôn kính khác giống như chỗ tôn kính.

Sao gọi là bốn việc? 1. Tâm chuyên cầu lãnh ngộ, không tâm nạn vấn; 2. Tâm sanh sâu cung kính, không kiêu mạn; 3. Chỉ cầu thắng thiện, không phải vì hiển bày khả năng của mình; 4. Thuần vì an lập thiện căn của mình và người, chẳng vì cầu lợi dưỡng, cung kính, tiếng tăm.

Đã chánh niệm như vậy, đến chỗ của bậc Đạo sư trước tiên xin thời gian cho phép thỉnh cầu thưa hỏi, sau mới lẳng lòng cúi mình thưa hỏi. Khi sắp thưa hỏi, trích vai áo bên phải, gối phải quỳ sát đất. Hoặc ở dưới tòa, khom người ngồi xuống, chấp tay cung kính, ý sanh sâu quý trọng, cúi đầu, lời nói nhỏ vừa, thưa hỏi Du-già: “Con mong cầu thọ học, duy nguyện thầy từ bi vì con khai mở”. Đã thưa thỉnh như vậy, các vị thầy Du-già, những người đã khéo thành tựu thông đạt Du-già, vì muốn an lập tác ý tu tập thuận Du-già cho người mới bắt đầu tu nghiệp, nên dùng lời từ mẫn, nhu nhuyễn mà ngợi khen, khích lệ, vỗ về.

Lại phải dùng lời tán thán công đức của việc tu tập đoạn, khen rằng: “Lành thay! Lành thay! Hiền thủ, ông nay ở trong loài chúng sanh đang đọa trong sự phóng dật, vui đắm phóng dật, chìm

đắm trong các cảnh giới, mà có thể riêng mình không phóng dật, vui tu hạnh xuất ly. Ông nay ở trong loài chúng sanh đã từ lâu sa đọa trong chủng chúng ưu khổ của lao ngục hiểm ác, mà có thể riêng mình cầu giải thoát khỏi lao ngục như vậy. Ông nay ở trong loài chúng sanh bị xiềng xích gông cùm của các thứ tham sân si nhất chặt kiên cố, mà có thể riêng mình cầu đoạn dứt hoại diệt sự trói buộc kiên cố như vậy. Ông nay ở trong loài chúng sanh bị cuốn hút trong đồng rộng sanh tử nguy hiểm, mà có thể riêng mình cầu vượt thoát đồng rộng nguy hiểm này. Ông nay ở trong loài chúng sanh bị sự nghèo thiếu các căn lành, mà có thể tự mình cầu đạt được căn lành sung mãn. Ông nay ở trong loài chúng sanh bị đọa trong vô số phiền não oán tặc, khiếp sợ vô bờ, mà có thể riêng mình cầu chúng đắc cứu cánh an ổn Niết-bàn thường lạc. Ông nay ở trong loài chúng sanh bị bệnh phiền não trầm trọng ăn nuốt, mà có thể riêng mình cầu chúng được bậc nhất không bệnh Niết-bàn thường lạc. Ông nay ở trong loài chúng sanh bị trôi nổi chìm đắm ở bốn chủng bạo lưu, mà có thể riêng mình cầu vượt qua dòng chảy như vậy. Ông nay ở

trong loài chúng sanh đọa trong vô minh hắc ám rộng sâu, mà có thể riêng mình cầu thành tựu đại trí quang minh! Ông phải biết rằng nếu ông năng quyết định tinh cần tu hành Du-già như vậy, cho đến gọi là không uổng phí khi thọ dụng tín thí của đất nước con người, thật lòng phụng hành Thánh giáo của Như Lai, không xả tĩnh lự, thành tựu quán thù thắng, tăng trưởng an vui sống ở chốn không nhân làm bạn pháp, tự mình tinh siêng tu học nghĩa Du-già, không thẹn hổ đối với các bậc đồng phạm hạnh có trí. Nay ông đến đây vì muốn tinh cần tu chánh hạnh lợi mình lợi người, vì muốn làm lợi ích an lạc vô lượng chúng sanh, vì ai mẫn thế gian và hết thấy trời, người, a-tố-lạc... vì khiến đạt được nghĩa lợi ích an vui, cho nên thưa hỏi như vậy”.

Vị thầy đã dùng các lời lẽ nhu nhuyễn khích lệ, an ủi, vỗ về và xưng khen các công đức của việc tu đoạn như vậy rồi, lại ở nơi bốn loại pháp xứ thâm sâu mà xét hỏi người kia. Hỏi rằng: “Thiện nam tử! Ông đã nhất tâm quy hướng Phật, Pháp, Tăng, chẳng phải quy y thầy ngoại đạo và chúng đệ tử tà pháp của kia phải không? Ông ban đầu đã tịnh tu phạm hạnh, giới thiện thanh tịnh và cái

thấy chánh trực phải không? Ông đã ở nơi ấy biện biệt rõ các pháp Thánh đế, hoặc ít, hoặc nhiều lắng nghe, thọ trì phải không? Ông nơi thâm tâm tin hiểu sâu đối với Niết-bàn, vì muốn chứng tịch diệt mà cầu xuất gia phải không?”. Hỏi như vậy rồi, nếu người kia đáp: “Vâng! Đúng như thế”, tiếp theo lại dùng bốn nhân duyên để chân chánh tìm hiểu bốn việc.

Những gì là bốn việc? 1. Nên tìm hiểu sở nguyện của người kia; 2. Nên tìm hiểu chủng tánh của người kia; 3. Nên tìm hiểu căn của người kia; 4. Nên tìm hiểu hành của người kia.

Sao gọi là bốn loại nhân duyên? 1. Nên dùng xét hỏi cặn kẽ để chân chánh tìm hiểu; 2. Nên dùng lời lẽ để chân chánh tìm hiểu; 3. Nên dùng việc làm để chân chánh tìm hiểu; 4. Nên dùng trí biết tâm sai biệt để chân chánh tìm hiểu.

1. Dùng cách hỏi cặn kẽ để chân chánh tìm hiểu sở nguyện: Tức hỏi thế này: “Hiện thủ! Ông hướng đến đâu để phát chánh nguyện, Thanh văn thừa ư? Độc giác thừa ư? Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề thừa ư?”. Người kia được hỏi, liền tùy theo

nguyện của mình sẽ như vậy mà đáp. Như vậy gọi là dùng cách hỏi cặn kẽ để tìm hiểu sở nguyện của kia.

2. Dùng cách hỏi cặn kẽ để tìm hiểu chủng tánh và các căn, hành: Tức hỏi thế này: “Ông có thể tự quan sát thăm sâu chủng tánh, căn, hành của mình không? Nghĩa là nguồn gốc chủng tánh của ông là gì, Thanh văn thừa ư, Độc giác thừa ư, Đại thừa ư? Thuộc loại căn gì, là độn căn, là trung căn, hay là lợi căn? Có hành gì, là hành tham, là hành sân, nói rộng cho đến hành tâm tư ư?”. Nếu kia có chút ít tuệ, có thể tự biết rõ chủng tánh, căn, hành sai biệt trước sau, khéo nắm lấy tướng ấy, tùy theo điều được hỏi mà trả lời.

Nếu kia tánh ngu độn, chẳng thể tự biết sai biệt trước sau, cho đến chẳng thể khéo nắm lấy tướng ấy, nên chẳng thể tùy theo điều được hỏi mà trả lời. Từ đây về sau nên dùng lời lẽ để tìm hiểu ba điều kia. Đó là đối diện trước người kia, nên dùng tất cả những điều tương ưng với giản dị tốt đẹp, dễ hiểu, hiển rõ chánh lý, kể lại vì kia mà thuyết ngôn luận tương ưng với Thanh văn thừa. Khi kia nghe tuyên thuyết về ngôn luận đây, nếu

trong thân đã có chủng tánh Thanh văn, liền đối với ngôn luận đây phát sanh vui mừng hân hoan tốt bậc, sanh tâm tin hiểu sâu; nếu trong thân đã có chủng tánh Độc giác, chủng tánh Đại thừa, thì đối với ngôn luận đây không phát sanh vui mừng hân hoan tốt bậc, chẳng sanh khởi tin hiểu. Kế lại vì kia thuyết ngôn luận tương ưng với Độc giác thừa. Khi kia nghe tuyên thuyết ngôn luận đây, nếu trong thân đã có chủng tánh Độc giác, đối với ngôn luận đây liền phát sanh vui mừng hân hoan tốt bậc, sanh tin hiểu sâu; nếu trong thân có chủng tánh Thanh văn, chủng tánh Đại thừa thì chẳng như vậy. Sau lại vì kia tuyên thuyết ngôn luận tương ưng Đại thừa. Khi kia nghe tuyên thuyết ngôn luận đây, nếu trong thân đã có chủng tánh Đại thừa, đối với ngôn luận đây liền phát sanh vui mừng hân hoan tốt bậc, sanh tin hiểu sâu; nếu trong thân có chủng tánh Thanh văn, chủng tánh Độc giác thừa thì chẳng như vậy.

Nếu hạng độn căn, tuy nghe tuyên thuyết ngôn luận giản dị, mà đối với pháp nghĩa phải có sự nỗ lực tư duy xét kỹ mới có thể lãnh thọ, hiểu rõ thông đạt. Nếu hạng lợi căn, tuy nghe tuyên

thuyết ngôn luận vi tế thâm sâu, mà đối với pháp nghĩa có thể nhanh chóng lãnh thọ, hiểu rõ, thông đạt. Nếu hạng trung căn thì chẳng như vậy.

Nếu hạng hành tham, khi kia nghe thuyết ngôn luận vi diệu thanh tịnh, liền phát khởi tịnh tín vui thích tột bậc, ngộ nhập hương đến, toàn lông trên thân dựng đứng, cảm thương rơi lệ. Ngoài thân hiện tướng thấm nhuần, sáng sạch, trong lòng nhẹ nhàng vui thích.

Nếu hạng hành sân, nên biết hoàn toàn trái với tất cả tướng trên.

Nếu hạng hành si, khi kia nghe thuyết ngôn luận tương ưng lia nhiễm cùng sự quyết định thông đạt Niết-bàn, liền sanh lo sợ kinh hoàng tột bậc. Như hạng độn căn đã nói ở trên, thì hạng hành si phải biết cũng vậy.

Nếu hạng hành mạn, khi kia nghe thuyết ngôn luận chánh pháp, tuy vui nghe, nhưng tâm tán loạn, không hết lòng cung kính, không muốn an trụ, không cầu muốn nhận hiểu lời dạy để thực hành. Tuy kia có dụng phương tiện dẫn phát nơi tâm, khiến tâm kia lãnh thọ sự giáo hóa chân chánh, nhưng không phân biệt rõ ràng, không phát

lời lành tán thán.

Nếu hạng hành tâm tư, khi kia nghe thuyết ngôn luận chánh pháp, tuy lắng tai nghe mà tâm tán loạn, thọ nhận điều ác. Phạm có cảm thọ được cũng chẳng trụ lâu, chẳng kiên định. Vừa nghe thọ rồi liền quên mất, nhiều lần thưa hỏi trở lại.

Như vậy gọi là dùng ngôn luận để tìm hiểu chủng tánh, căn, hành.

3. Sao gọi là dùng việc làm để tìm hiểu ba điều kia? Như trước đã nói về sở hữu tướng trạng của bổ-đặc-già-la chủng tánh Thanh văn và bổ-đặc-già-la hành tham... đây gọi là việc làm. Do việc làm đây, như chỗ thích hợp nên chân chánh tìm hiểu chủng tánh, căn, hành.

4. Dùng trí biết tâm sai biệt của người để chân chánh tìm hiểu ba điều kia: Như có vị thầy tu Du-già đã khéo thông đạt, dùng trí biết được tâm sai khác của người. Vị kia do trí biết tâm sai biệt như vậy, nên biết rõ như thật chủng tánh, căn, hành.

Như vậy đã dùng bốn nhân duyên để chân

chánh tìm hiểu bốn việc rồi, lại như chỗ thích hợp mà an lập nơi năm xứ.

Sao gọi là năm xứ? 1. Xứ phòng hộ nuôi dưỡng tư lương định; 2. Xứ viên ly; 3. Xứ tâm tánh nhất cảnh; 4. Xứ chướng ngại thanh tịnh; 5. Xứ tu tác ý.

1. Phòng hộ nuôi dưỡng tư lương định:

Nếu người thành tựu luật nghi giới, ở nơi xứ đây vì khiến không thối thất, nên an trụ không phóng dật; như điều Phật dạy răn, như điều Phật cho phép mà viên mãn các học xứ, giới, uẩn sai khác, tinh tấn tu hành thường không giải đãi phế bỏ. Như vậy, năng ở nơi đạo học tương ưng giới đã chứng đắc khiến không thối thất, cũng hay chứng đắc những đạo học thù thắng tương ưng với giới trước chưa chứng đắc. Như thành tựu luật nghi giới đã nói, thì thành tựu luật nghi căn, đối với việc ăn uống biết lượng, đầu đêm cuối đêm tu tập tỉnh thức Du-già, an trụ chánh biết, cho đến thành tựu vật trang nghiêm của Sa-môn, phải biết cũng vậy. Tùy tư lương nhiếp lấy thiện pháp sai biệt đã đạt được, đều năng phòng hộ khiến không thối thất. Đối với việc tăng trưởng các thiện pháp thù thắng về sau,

vì khiến viên mãn nhanh chóng, vì như điều đã thuyết, không tăng không giảm, hiện hành bình đẳng, nên phát sanh hân hoan, vui muốn, mến mộ tăng thượng, thường hằng an trụ tinh tấn dững mãi. Đây gọi là phòng hộ nuôi dưỡng tư lương định.

Như vậy, khi xa lìa pháp thuận phần thối, tu tập pháp năng thuận phần thắng, phải vui an trụ hạnh viễn ly.

2. Viễn ly: a. Xứ sở viên mãn; b. Oai nghi viên mãn; c. Xa lìa viên mãn. Đây gọi là viễn ly.

a. *Sao gọi là xứ sở viên mãn?* Đó là hoặc ở chốn a-lan-nhã, hoặc dưới gốc cây trong rừng, hoặc trong nhà không nhân, nơi gò mả hoang vắng, chỗ ngồi nằm bên bờ vắng, gọi là a-lan-nhã. Cây đại thọ trong rừng gọi là dưới gốc cây. Trong hang động, hoặc hang trống, đồng rơm... đều gọi là nhà không nhân. Như vậy nên biết hoặc gò mả hoang vắng, chỗ ngồi nằm nơi bờ vắng, cây đại thọ trong rừng, hang động, hang trống, đồng rơm... hoặc a-lan-nhã, dưới gốc cây, nhà không nhân, tất cả đều gọi chung là xứ sở viên mãn.

Xứ sở viên mãn lại có 5 loại:

Hoặc có xứ sở từ xưa đến nay hình tướng trang nghiêm, mọi người vui thích ngắm nhìn, vườn rừng, ao suối thấy đều đầy đủ. Đất không cao thấp, thanh tịnh không dơ uest. Không có các thứ độc, cũng không có các thứ gai độc châm chích, cũng không có nhiều gạch ngói, đá sỏi. Đất đây khiến người thấy sanh tâm thanh tịnh, vui thích cư trú để tu gia hạnh đoạn, tâm vui thích, tâm hoan hỷ hộ trì việc tu đoạn. Đây gọi là xứ sở viên mãn thứ nhất.

Hoặc có xứ sở vào ban ngày không ồn náo, vào ban đêm ít tiếng ồn. Cũng ít có sự xúc chạm với các độc trùng như muỗi, ruồi, rắn, bò cạp, nắg, gió. Đây gọi là xứ sở viên mãn thứ hai.

Hoặc có xứ sở không có những sự lo sợ ác thú sư tử, hổ, báo, chó sói... không có trộm cướp, oán địch, người và phi nhân... Ở xứ sở như vậy, thân ý thư nhàn, không nghi ngờ lo sợ, an vui mà cư trú. Đây gọi là xứ sở viên mãn thứ ba.

Hoặc có xứ sở, vật dụng nuôi thân dễ được đầy đủ, việc tìm cầu y phục cùng các thứ khác chẳng mấy khó khăn, thức ăn uống giữ gìn mạng sống cũng không bị thiếu thốn. Đây gọi là xứ sở viên mãn thứ tư.

Hoặc có xứ sở có được sự cư trú, hộ dẫn của Thiện tri thức và các đồng phạm hạnh có trí: đối với điều chưa hiểu rõ thì năng khai mở khiến hiểu biết; đối với điều đã hiểu rõ, khiến càng thêm sáng tỏ; đối với nghĩa cú sâu xa, dùng phương tiện thiện xảo, dùng tuệ thông đạt ân cần khai thị, năng khiến tri kiến nhanh chóng được thanh tịnh. Đây gọi xứ sở viên mãn thứ năm.

b. Sao gọi là oai nghi viên mãn? Vào ban ngày, kinh hành, tĩnh tọa. Vào đầu đêm cũng lại như vậy. Vào giữa đêm, nằm ngủ nghiêng hông bên phải. Vào cuối đêm, nhanh chóng thức dậy, kinh hành, tĩnh tọa, ngồi kiết già trên những vật dụng nằm ngồi đầy đủ mà chư Phật cho phép, đó là giường dây lớn nhỏ, tòa ngồi bằng cỏ lá... cho đến nói rộng.

Vì nhân duyên gì ngồi kiết già? Vì chánh quán sát có 5 nhân duyên: 1. Do thân được thu nhiếp thúc liễm nhanh chóng phát khởi khinh an, vì oai nghi như vậy thuận lợi cho việc sanh trưởng khinh an rất là thù thắng; 2. Do tĩnh tọa đây có thể trải qua thời gian dài, vì oai nghi như vậy khiến thân không chóng bị mệt mỏi; 3. Do tĩnh tọa đây là pháp không cùng chung, vì oai nghi như vậy ngoại

đạo luận khác đều không có; 4. Do tinh tọa đây hình tướng đoan nghiêm, vì oai nghi như vậy khiến người thấy sanh rất tín kính; 5. Do tinh tọa đây, Phật và đệ tử Phật cùng chấp nhận, vì oai nghi như vậy tất cả Hiền Thánh đồng khen ngợi. Chánh quán sát năm nhân duyên như vậy nên cần phải ngồi kiết già.

Thân đoan nghiêm chánh nguyện. Sao gọi là thân đoan nghiêm? Tức là cố gắng dựng thân lên khiến ngay thẳng. Sao gọi là chánh nguyện? Tức là khiến nơi tâm xa lìa siểm khúc, dối trá, điều hòa, uyển chuyển, chánh trực. Vì cố gắng dựng thân ngay thẳng, nên tâm không bị hôn trầm thụy miên ràng buộc quá nhiều. Vì lìa siểm khúc, dối trá, nên tâm chẳng bị cảnh bên ngoài ràng buộc quá nhiều.

An trụ niệm trái lìa. Sao gọi là an trụ niệm trái lìa? Tức là niệm tương ưng tác ý như lý gọi là niệm trái lìa, vì xả bỏ, trái ngược, xa lìa tất cả phẩm hắc. Lại niệm duyên tướng định làm cảnh gọi là niệm trái lìa, vì loại bỏ đoạn trừ tất cả cảnh sở duyên của bất định địa.

Như vậy gọi là oai nghi viên mãn.

c. *Sao gọi là viễn ly viên mãn?* Có hai dạng: 1.

Thân viễn ly; 2. Tâm viễn ly.

Thân viễn ly: không cùng người tại gia và chúng xuất gia chung sống hỗn tạp, chỉ một mình không bạn lữ. Đây gọi là thân viễn ly.

Tâm viễn ly: xa lìa tất cả sở hữu tác ý nhiễm ô, vô ký, tu tập tất cả tác ý thuộc định địa, tánh thiện năng dẫn phát nghĩa lợi và tác ý gia hạnh tư lương định. Đây gọi là tâm viễn ly.

Như vậy trong đây, hoặc xứ sở viên mãn, hoặc oai nghi viên mãn, hoặc thân viễn ly, hoặc tâm viễn ly được nhiếp chung làm một gọi là viễn ly.

3. Tâm tánh nhất cảnh: Tức là luôn luôn tùy niệm, sở duyên đồng phận, vui thích tương ưng trôi chảy đi đến, vui thích tương ưng không tội, khiến tâm tương tục, gọi là Tam-ma-địa, cũng gọi là tâm thiện tánh nhất cảnh.

Sao gọi là luôn luôn tùy niệm? Do lực tăng thượng của lắng nghe, thọ trì chánh pháp, từ thầy tiếp thu được dạy răn dạy trao khiến các tướng thuộc định địa hiện tiền. Duyên đây làm cảnh, vui thích tương ưng trôi chảy đi đến, vui thích tương ưng không tội, sở hữu chánh niệm thuận theo đó

an trụ triển chuyển.

Sao gọi là sở duyên đồng phận? Là các cảnh giới sở duyên của định địa, chẳng phải một mà rất nhiều chủng chủng phẩm loại. Duyên đây làm cảnh khiến tâm chánh hành, gọi là định. Đây tức gọi là sở duyên đồng phận.

Hỏi: Cảnh sở duyên đây là đồng phận cái gì mà nói là đồng phận?

Đáp: Là phẩm loại tương tự sự sở tri nên gọi là đồng phận. Lại do niệm kia ở nơi cảnh sở duyên, hành không tán loạn không khuyết giảm không gián đoạn, gia hạnh ân trọng không gián đoạn tương ưng vui thích triển chuyển, cho nên gọi là vui thích tương ưng trôi chảy đi đến. Lại do niệm kia ở nơi cảnh sở duyên không bị nhiễm ô, trụ rất an ổn, đạo thuần thực tương ưng vui thích triển chuyển, cho nên gọi là vui thích tương ưng không tội.

Cho nên nói rằng: “Luôn luôn tùy niệm, sở duyên đồng phận, vui thích tương ưng trôi chảy đi đến, vui thích tương ưng không tội, khiến tâm tương tục, gọi là Tam-ma-địa, cũng gọi là tâm thiện tánh nhất cảnh”.

Lại tâm tánh nhất cảnh như vậy hoặc là phẩm

Xa-ma-tha, hoặc là phẩm Tỳ-bát-xá-na. Nếu tâm tánh nhất cảnh ở trong chín chủng tâm trụ, gọi là phẩm Xa-ma-tha. Nếu tâm tánh nhất cảnh ở trong bốn chủng tuệ hành, gọi là phẩm Tỳ-bát-xá-na.

Chín chủng tâm trụ:

Như có Bí-sô khiến tâm nội trụ, đẳng trụ, an trụ, cận trụ, điều thuận, tịch tĩnh, tối cực tịch tĩnh, chuyên chú nhất hướng, đẳng trì. Như vậy gọi là chín chủng tâm trụ.

Sao gọi là nội trụ? Đó là từ tất cả sở duyên cảnh giới bên ngoài, nhiếp lấy tâm, buộc vào bên trong khiến không tán loạn. Đây là sự buộc tâm trước nhất, khiến an trụ từ bên trong, không hướng ra ngoài mà tán loạn, cho nên gọi là nội trụ.

Sao gọi là đẳng trụ? Đó là trước nhất tâm bị trói buộc đây, vì tánh còn thô trọng, chưa thể khiến an trụ hoàn toàn, an trụ khắp cả. Kế đến, đối với sở duyên cảnh giới đây, nên dùng phương tiện tương tục, phương tiện lắng trong để đoạn trừ, hàng phục nhiều động vi tế, thâm nhiếp khắp cả khiến tâm an trụ. Cho nên gọi là đẳng trụ.

Sao gọi là an trụ? Tuy tâm đây được nội trụ,

đăng trụ như thế, nhưng do lạc mất niệm nên hướng ra ngoài sanh tán loạn, phải xoay lại thu nhiếp, an buộc vào cảnh bên trong, cho nên gọi là an trụ.

Sao gọi là cận trụ? Trước tiên kia phải thân cận an trụ niệm như vậy như vậy... Do niệm đây nên luôn luôn tác ý trụ tâm bên trong, không khiến tâm đây xa lìa mà trụ cảnh bên ngoài. Cho nên gọi là cận trụ.

Sao gọi là điều thuận? Như có chủng chủng tướng khiến tâm tán loạn, đó là các tướng sắc, thanh, hương, vị, xúc, tướng tham, sân, si và các tướng nam, nữ... nên trước tiên phải nắm giữ các tướng kia, tức là tướng quá hoạn. Do sức tăng thượng của tướng như vậy, nên ở nơi các tướng kia, chiết phục tâm khiến không lưu chuyển tản mạn. Cho nên gọi là điều thuận.

Sao gọi là tịch tĩnh? Đó là có chủng chủng các tầm tư ác như dục, khuể, hại, các tùy phiền não như tham dục cái... khiến tâm bị nhiễu động, nên trước tiên phải nắm giữ các pháp kia, tức là tướng quá hoạn. Do sức tăng thượng của tướng như vậy, ở nơi các tầm tư và các tùy phiền não dừng dứt tâm khiến không lưu chuyển tản mạn.

Cho nên gọi là tịch tĩnh.

Sao gọi là tối cực tịch tĩnh? Do lạc mất chánh niệm nên hai tướng tâm tư ác và tùy phiền não tạm thời hiện khởi. Tùy theo sự sanh khởi của chúng nhưng không nhẫn thọ, nếu tâm liền đoạn diệt, trừ khiển, đuổi bỏ. Cho nên gọi là tối cực tịch tĩnh.

Sao gọi là chuyên chú nhất hướng? Đó là Tam-ma-địa có gia hạnh, có dụng công, không khuyết giảm, không gián đoạn, an trụ tương tục, cho nên gọi là chuyên chú theo một hướng.

Sao gọi là đẳng trì? Vì luôn tu, luôn tập, luôn tu tập nhiều làm nhân duyên, nên được không gia hạnh, không dụng công mà đạo vẫn nhậm vận chuyển. Do nhân duyên đây, tâm Tam-ma-địa không do gia hạnh, không do dụng công mà nhậm vận tương tục, không lưu chuyển tán mạn. Cho nên gọi là đẳng trì.

Nên biết trong đây do 6 chủng lực mới năng thành tựu trọn vẹn chín chủng tâm trụ: 1. Lực lắng nghe; 2. Lực tư duy; 3. Lực nhớ nghĩ; 4. Lực chánh biết; 5. Lực tinh tấn; 6. Lực tu tập xuyên suốt.

Trước tiên do hai lực là lắng nghe và tư duy. Vì lực tăng thượng của luôn lắng nghe, luôn tư duy,

trước tiên khiến tâm an trụ cảnh bên trong và tức ở nơi phương tiện tương tục, phương tiện lắng trong đây an trụ bình đẳng, biến khắp. Trói buộc tâm ở bên trong rồi, do lực nhớ nghĩ luôn luôn tác ý nhiếp buộc tâm khiến không tán loạn, an trụ, cận trụ. Từ đây về sau, do lực chánh biết điều phục, dùng dứt tâm, ở nơi các tướng của các tâm tư ác, các tùy phiền não, không khiến lưu chuyển tán loạn, mà khiến điều thuận tịch tĩnh. Do lực tinh tấn, giả sử hai chủng kia tạm thời hiện hành, thì năng không nhân thọ, tâm liền đoạn diệt, trừ khiến, đuổi bỏ, tối cực tịch tĩnh, chuyên chú nhất hướng. Do lực tu tập xuyên suốt, nên đẳng trì thành tự viên mãn.

Nên biết ở nơi chín chủng tâm trụ như vậy, lại có 4 chủng tác ý: 1. Tác ý vận chuyển có lực khích lệ; 2. Tác ý vận chuyển bị gián đoạn; 3. Tác ý vận chuyển không gián đoạn; 4. Tác ý vận chuyển không dụng công.

Ở trong nội trụ và đẳng trụ có tác ý chuyển vận có lực khích lệ. Ở trong an trụ, cận trụ, điều thuận, tịch tĩnh, tối cực tịch tĩnh có tác ý chuyển vận có gián đoạn. Ở trong chuyên chú nhất hướng

có tác ý chuyển vận không gián đoạn. Ở trong đẳng trì có tác ý chuyển vận không dụng công. Phải biết bốn chủng tác ý như vậy ở trong chín chủng tâm trụ là phẩm Xa-ma-tha.

Lại, người nhờ vào 4 chủng tác ý như vậy đạt được nội tâm Xa-ma-tha đây. Lúc siêng tu tập Tỳ-bát-xá-na, lại tức do bốn chủng tác ý đây mới năng tu tập Tỳ-bát-xá-na, cho nên đây cũng là phẩm Tỳ-bát-xá-na.

Bốn chủng tuệ hành Tỳ-bát-xá-na:

Như có Bí-sô vì nương nội tâm Xa-ma-tha, nên ở trong các pháp năng chánh tư trạch, tư trạch thắm sâu, tầm tư toàn khắp, quán xét toàn khắp. Đây gọi là bốn chủng Tỳ-bát-xá-na.

Sao gọi là năng chánh tư trạch? Hoặc ở nơi cảnh giới sở duyên tịnh hành, hoặc ở nơi cảnh giới sở duyên thiện xảo, hoặc ở nơi cảnh giới sở duyên tịnh hoặc, năng chánh tư duy chọn lựa tận tánh sở hữu.

Sao gọi là tư trạch thắm sâu? Đó là ở nơi các cảnh giới sở duyên kia, tư duy chọn lựa thắm sâu như tánh sở hữu.

Sao gọi là tầm tư toàn khắp? Đó là ở nơi cảnh giới sở duyên kia, do tác ý có phân biệt câu hành với tuệ, nắm giữ tướng trạng của kia, tìm tòi suy xét toàn khắp.

Sao gọi là quán xét toàn khắp? Đó là ở nơi cảnh giới sở duyên kia, tìm tòi suy xét, quán sát tỉ mỉ, quán xét toàn khắp.

Lại, Tỳ-bát-xá-na như vậy có 3 môn, sở duyên 6 sự sai biệt, nên biết đây lại có nhiều loại sai biệt.

Sao gọi là ba môn Tỳ-bát-xá-na? 1. Tỳ-bát-xá-na chỉ hành theo tướng; 2. Tỳ-bát-xá-na hành theo tâm tư; 3. Tỳ-bát-xá-na hành theo quán xét.

Tỳ-bát-xá-na chỉ hành theo tướng tức là ở nơi các pháp được lắng nghe, được thọ trì, hoặc ở nơi các pháp dạy trao dạy răn, do Đẳng dẫn địa tác ý như lý tạm suy nghĩ như thế, nhưng chưa tư duy, chưa suy lường, chưa tìm tòi, chưa quán xét, như vậy gọi là Tỳ-bát-xá-na chỉ hành theo tướng. Lại ở nơi các pháp kia, nếu tư duy, suy lường, tìm tòi, quán xét, bấy giờ gọi là Tỳ-bát-xá-na hành theo tâm tư. Lại ở nơi pháp kia, nếu đã tìm tòi, đã suy xét rồi, như điều đã an lập mà quán xét thẩm định,

như vậy gọi là Tỳ-bát-xá-na hành theo quán xét. Như vậy gọi là ba môn Tỳ-bát-xá-na.

Sao gọi là Tỳ-bát-xá-na sở duyên sáu sự sai biệt? Lúc tầm tư, tầm tư sáu việc: 1. Nghĩa; 2. Sự; 3. Tướng; 4. Phẩm; 5. Thời; 6. Lý. Nếu đã tầm tư rồi, lại phải quán xét sâu hơn.

Tầm tư nơi nghĩa: là chân chánh tìm tòi tư duy ngôn thuyết như vậy như vậy... tương ứng với nghĩa như vậy như vậy... gọi là tầm tư nơi nghĩa.

Tầm tư nơi sự: là chân chánh tìm tòi tư duy hai sự: việc trong và việc ngoài, gọi là tầm tư nơi sự.

Tầm tư nơi tướng: là chân chánh tìm tòi tư duy hai tướng của các pháp: 1. Tự tướng; 2. Cộng tướng. Đây gọi là tầm tư nơi tướng.

Tầm tư nơi phẩm: là chân chánh tìm tòi tư duy hai phẩm của các pháp: 1. Phẩm hắc; 2. Phẩm bạch. Tìm tòi tư duy quá thất, quá hoạn của phẩm hắc. Tìm tòi tư duy công đức, lợi ích thù thắng của phẩm bạch. Đây gọi là tầm tư nơi phẩm.

Tầm tư nơi thời: là chân chánh tìm tòi tư duy ba thời: quá khứ, vị lai, hiện tại. Tìm tòi tư duy việc từng ở đời quá khứ như thế, tìm tòi tư duy việc sẽ ở

đời vị lai như thế, tìm tòi tư duy việc đang ở đời hiện tại như thế. Đây gọi là tâm tư nơi thời.

Tâm tư nơi lý: là chân chánh tìm tòi tư duy bốn loại đạo lý: 1. Quán đăi đạo lý; 2. Tác dụng đạo lý; 3. Chứng thành đạo lý; 4. Pháp nhĩ đạo lý.

Phải biết trong đây do quán đăi đạo lý, tìm tòi tư duy thế tục cho là thế tục, tìm tòi tư duy thắng nghĩa cho là thắng nghĩa, tìm tòi tư duy nhân duyên cho là nhân duyên.

Do tác dụng đạo lý, tìm tòi tư duy sở hữu tác dụng của các pháp, đó là pháp như vậy như vậy có tác dụng như vậy như vậy.

Do chứng thành đạo lý, tìm tòi tư duy ba lượng: 1. Chí giáo lượng; 2. Tỷ độ lượng; 3. Hiện chứng lượng. Tức là chân chánh tìm tòi tư duy nghĩa như vậy như vậy là có chí giáo chẳng, là so sánh đo lường chẳng, là hiện chứng có thể được chẳng?

Do pháp nhĩ đạo lý, ở nơi các pháp như thật, pháp tánh thành lập, pháp tánh khó nghĩ bàn, pháp tánh an trụ, nên sanh tin hiểu, không nên nghĩ bàn, không nên phân biệt. Như vậy gọi là tâm tư nơi lý.

Như vậy, Tỳ-bát-xá-na sở duyên sáu sự sai

biệt đây và ba môn Tỳ-bát-xá-na ở trước tóm lược
thâu nhiếp hết thảy Tỳ-bát-xá-na.

Hỏi: Vì nhân duyên gì kiến lập sáu sự sai biệt
Tỳ-bát-xá-na như thế?

Đáp: Vì nương ba loại hiểu biết nên kiến lập
như vậy. Những gì là ba loại hiểu biết? 1. Hiểu biết
ngữ nghĩa; 2. Hiểu biết biên tế của sự; 3. Hiểu biết
như thật. Vì tâm tư nghĩa, nên sanh khởi hiểu biết
ngữ nghĩa. Vì tâm tư sự và vì tâm tư tự tướng, nên
sanh khởi hiểu biết biên tế của sự. Vì tâm tư lý,
tâm tư phẩm, tâm tư thời, tâm tư cộng tướng, nên
sanh khởi hiểu biết như thật.

Vị thầy tu Du-già chỉ có cảnh giới sở tri của
chỗ như thế, đó là: ngữ nghĩa, sự việc sở tri, tận
tánh sở hữu, như tánh sở hữu.

Quán bất tịnh:

Sao gọi là người siêng tu quán bất tịnh, tâm tư
Tỳ-bát-xá-na sở duyên sáu sự sai biệt? Đó là nương
chánh pháp về sự bất tịnh tăng thượng, lực lắng
nghe thọ trì tăng thượng, do Đẳng dẫn địa tác ý
như lý, hiểu rõ nghĩa lý, biết bất tịnh đây thật là
bất tịnh nên sanh nhàm chán, trái nghịch. Tánh

của kia mục nát, dơ uest, xấu ác, sanh mùi tanh hôi. Chúng chủng hành tướng như thế do trước kia đã từng nghe thuyết chánh pháp về các sự bất tịnh, nên hiểu rõ nghĩa kia. Như vậy gọi là tầm tư nghĩa bất tịnh.

Sao gọi là tầm tư sự bất tịnh? Vị kia đã hiểu rõ nghĩa như vậy, kể đến quán vật bất tịnh, kiến lập hai phần: bên trong và bên ngoài. Như vậy gọi là tầm tư sự bất tịnh.

Sao gọi là tầm tư tự tướng bất tịnh? Ở nơi các thứ mục nát dơ uest bất tịnh trong thân mà phát khởi thắng giải, biết rõ trong thân có tóc, lông... nói rộng cho đến não, tủy, tiểu tiện... Lại ở trong thân có nhiều thứ bất tịnh như vậy, tóm nhiếp làm hai giới: địa giới và thủy giới, mà phát khởi thắng giải. Bắt đầu từ tóc, lông... cho đến đại tiện, phát khởi thắng giải địa giới. Bắt đầu từ giọt mồ hôi, nước mắt... cho đến tiểu tiện, phát khởi thắng giải thủy giới. Như vậy gọi là nương bất tịnh bên trong để tầm tư tự tướng.

Lại đối với các vật bất tịnh bên ngoài, phát khởi thắng giải về chủng chủng hành tướng như xanh bầm, máu ứ... Đó là trước tiên phát khởi thắng

giải về tướng xanh bầm, hoặc tự mình thấy, hoặc nghe từ người khác, hoặc do phân biệt các dạng tử thi khác nhau. Các dạng tử thi như vậy, hoặc nam, hoặc nữ, hoặc chẳng phải nam nữ, hoặc thân, hoặc oán, hoặc không thân oán, hoặc yếu kém, hoặc trung bình, hoặc tốt đẹp, hoặc thiếu niên, hoặc trung niên, hoặc lão niên... Năm giữ tướng kia rồi, nếu thấy tử thi dây chết trải qua một ngày, máu huyết ngừng chạy nhưng chưa thối rửa, thì liền phát khởi thắng giải xanh bầm, máu ú. Nếu thấy tử thi dây chết đã trải qua hai ngày, đã bị ứ mũ mềm thối nhưng chưa sanh trùng giòi, liền phát khởi thắng giải thối rửa. Nếu tử thi dây chết đã trải qua bảy ngày, đã sanh trùng giòi, thân thể bị hủy hoại, liền phát khởi thắng giải thối rửa phân rã, thắng giải trương sinh. Nếu tử thi dây bị chồn, sói, chó đói, các loài chim dữ ăn thịt, liền phát khởi thắng giải cắn xé ăn nuốt. Tử thi dây đã bị ăn thịt, da thịt máu huyết khô sạch, chỉ còn gân bọc lấy xương, liền phát khởi thắng giải biến hoại tro xương. Nếu tử thi dây bị xé xác ăn thịt, các chi phần lìa nhau, phân tán khắp nơi, hoặc nơi có thịt, hoặc nơi không còn thịt, hoặc nơi còn sót ít thịt,

liền phát khởi thắng giải bị phân tán. Nếu tử thi đây các đốt xương phân tán khắp nơi, xương tay ở chỗ khác, xương chân ở chỗ khác, xương đầu gối chỗ khác, xương đùi chỗ khác, xương ống quyển chỗ khác, xương vai chỗ khác, xương cánh tay chỗ khác, xương khủy tay chỗ khác, xương sống chỗ khác, xương sườn chỗ khác, cằm, răng, tóc, đầu lâu ở chỗ khác... thấy việc đây rồi, phát khởi thắng giải về sự phân tán của xương. Nếu tiếp tục tư duy xương cốt như thế, chỉ nắm lấy tướng thô, không thuận theo tướng tế, nắm giữ chi tiết từng phần. Như vậy bấy giờ phát khởi thắng giải móc nối liền nhau. Nếu tư duy tướng tế, nắm giữ chi tiết từng phần. Bấy giờ phát khởi thắng giải xương móc nối liền nhau.

Có hai loại móc nối: 1. Móc nối hình thể; 2. Móc nối chi tiết. Móc nối hình thể: tức là từ máu huyết móc nối với xương sống, cho đến nối tiếp với chỗ trụ của đầu lâu. Móc nối chi tiết: tức là từ xương cánh tay nối liền với xương tay... Nếu móc nối hình thể gọi là móc nối. Nếu móc nối chi tiết gọi là móc nối xương.

Lại có hai cách nắm lấy tướng móc nối xương:

1. Nắm lấy tướng móc nối xương giả danh do tranh vẽ, cây, đá, bùn tạo ra; 2. Nắm lấy tướng móc nối xương liền nhau thật sự. Nếu lúc tư duy tướng móc nối xương giả danh, bấy giờ chỉ gọi là thắng giải móc nối, không gọi là móc nối xương. Nếu lúc tư duy tướng móc nối xương liền nhau thật sự, bấy giờ mới được gọi là móc nối xương.

Lại tức sắc tướng của sắc bên ngoài tạo đây có 3 chủng biến hoại. 1. Tự nhiên biến hoại; 2. Bị kẻ khác làm biến hoại; 3. Gồm cả hai loại biến hoại. Bắt đầu từ xanh bầm, máu ứ cho đến trương sinh lên, đây là tự nhiên biến hoại. Bắt đầu từ lúc cắn xé ăn nuốt cho đến bị phân tán, đây là biến hoại do kẻ khác gây ra. Từ xương, hoặc móc nối và móc nối xương, đây gồm cả hai loại biến hoại. Nếu có thể như thật biết rõ tướng bất tịnh bên ngoài như vậy, gọi là tầm tư các sở hữu tự tướng bất tịnh bên ngoài.

Sao gọi là tầm tư cộng tướng bất tịnh? Hoặc ở nội thân, sắc tướng tịnh bên ngoài chưa bị biến hoại. Hoặc ở ngoại thân, sắc tướng bất tịnh đã bị biến hoại. Do sắc tướng bất tịnh trong thân, pháp tánh bình đẳng, pháp tánh tương tự, nên năng tự rõ biết sắc tướng tịnh của mình cũng có pháp tánh

đồng với kia như vậy mà phát khởi thắng giải. Nếu các hữu tình thành tựu sắc tướng tịnh như vậy, thì sắc tướng tịnh kia cũng có pháp tánh đồng với kia như vậy, thí như sắc tướng bất tịnh bên ngoài. Đây gọi là tâm tư cộng tướng bất tịnh.

Sao gọi là tâm tư phẩm của bất tịnh? Khởi suy nghĩ như vậy: “Nếu ta ở nơi pháp tánh bất tịnh của các sắc tướng tịnh mà không như thật biết, thì đối với các sắc tướng tịnh bên trong bên ngoài bèn phát khởi tâm tham dục, liền là điên đảo, liền nhiếp thuộc phẩm hắc là pháp có tranh cãi, có khổ, có hại, có các tai họa, có thiếu não khắp. Do nhân duyên đây, phát khởi sanh, già, bệnh, chết, sầu, thán, khổ, ưu, não... chủng chủng phiền não quá nhiều đương lai. Nếu ta ở nơi pháp tánh bất tịnh của các sắc tướng tịnh kia, như thật tùy quán, bèn không điên đảo, liền nhiếp thuộc phẩm bạch là pháp không tranh cãi, không khổ, không hại, nói rộng cho đến do nhân duyên đây năng đoạn diệt sanh, lão, bệnh, tử... cho đến phiền não quá nhiều đương lai. Ta nay đối với các phẩm hắc kia chẳng nên nhẫn thọ mà nên trừ diệt. Ta nay đối với các phẩm bạch kia, chưa sanh khiến sanh, đã

sanh khiến trụ, khiến tăng trưởng rộng lớn”. Như vậy gọi là tâm tư phẩm bất tịnh.

Sao gọi là tâm tư thời của bất tịnh? Khởi suy nghĩ như vậy: “Hoặc sở hữu các sắc tướng tịnh bên trong, ở đời hiện tại; hoặc sở hữu các sắc tướng bất tịnh bên ngoài, cũng ở đời hiện tại. Nơi đời quá khứ, kia từng có sắc tướng tịnh. Sắc kia ở đời quá khứ tuy có tướng tịnh, nhưng hiện đời lại có thứ lớp chủng chủng bất tịnh. Nơi đời hiện tại, ta có sắc tướng tự như tịnh. Sắc tướng tịnh đây, ở đời hiện tại tuy có sắc tướng tịnh, mà ở đời vị lai không phải bất tịnh như sắc tướng bất tịnh bên ngoài ở đời hiện tại, thì thật không có điều ấy. Sắc thân của ta đây, ở đời quá khứ, vị lai, hiện tại từng có tướng như vậy, sẽ có tướng như vậy, hiện có tướng như vậy, không vượt quá pháp tánh bất tịnh như vậy”. Như vậy gọi là tâm tư thời của bất tịnh.

Sao gọi là tâm tư lý của bất tịnh? Khởi nghĩ như vậy: “Hoặc trong, hoặc ngoài, đều không có ngã, hữu tình khá được. Hoặc nói là tịnh, hoặc nói là bất tịnh, chỉ có sắc tướng, chỉ có thân hình, ở trong giả tướng thì thiết lập ra ngôn luận gọi đó là tịnh, là bất tịnh”. Lại như nói rằng: “Hơi ấm, thọ

mạng và thức. Nếu khi xả bỏ thân này, lìa khỏi sự giữ gìn của hơi ấm và thức, nằm trơ ra như khúc cây. Sau khi chết, dần dần biến hoại, phân chia rã rời, có thể biết đó là từ xanh bầm, máu ứ, cho đến móc nối xương, thì sẽ không còn chỗ dựa để suy nghĩ nương ở. Nay thân của ta đây, trước là do nghiệp phiền não dẫn dắt, do sự bất tịnh của cha mẹ hòa hợp mà sanh ra, lại nhờ thức ăn cháo cơm nuôi lớn. Vì nhân đây, duyên đây, có thể biết tạm thời có các sắc tướng tợ như tịnh, mà ở nơi thân hoặc trong hoặc ngoài, ở mọi lúc, chủng chủng bất tịnh thấy đều đầy đủ”. Như vậy gọi là nương thảng nghĩa thế tục và dùng nhân duyên quán đảnh đạo lý để tầm tư lý của bất tịnh.

Lại khởi nghĩ như vậy: “Đối với bất tịnh đây nếu năng khéo tu, khéo tập, khéo tu tập nhiều thì có thể đoạn trừ tâm tham dục. Tham dục như vậy nhất định phải đoạn”. Như vậy gọi là nương tác dụng đạo lý để tầm tư lý của bất tịnh.

Lại khởi nghĩ như vậy: “Như Đức Thế Tôn đã thuyết, nếu đối với bất tịnh khéo tu, khéo tập, khéo tu tập nhiều, thì năng đoạn trừ tham dục”. Đây là chí giáo lượng. “Chính ta ở hiện tại cũng tự

có thể thấy các bất tịnh ở bên trong, như như tác ý tư duy tu tập, như vậy như vậy khiến tham dục triền chưa sanh chẳng thể sanh, đã sanh liền được dứt trừ”. Đây là hiện chứng lượng. Pháp tử độ lượng cũng có thể hiển được, đó là khởi nghĩ này: “Nay ta phải tác ý tư duy pháp nào năng đối trị sở duyên cảnh giới phiền não đang sanh?”. Như vậy gọi là nương chứng thành đạo lý để tầm tư lý bất tịnh.

Lại khởi nghĩ như vậy: “Các pháp như vậy, pháp tánh thành lập, pháp tánh khó nghĩ bàn, pháp tánh an trụ. Đó là tu bất tịnh năng đối trị đoạn dứt tham dục như vậy, không nên nghĩ bàn, không nên phân biệt, chỉ nên tin hiểu”. Như vậy gọi là nương pháp nhĩ đạo lý để tầm tư lý bất tịnh.

Như vậy gọi là người siêng tu quán bất tịnh, tầm tư Tỳ-bát-xá-na sở duyên sáu sự sai biệt.

Quán từ mãn:

Sao gọi là hành giả siêng tu quán từ mãn, tầm tư Tỳ-bát-xá-na sở duyên sáu sự sai biệt? Đó là vì nương chánh pháp về sự từ mãn tăng thượng, vì lực lắng nghe thọ trì tăng thượng, ý vui muốn đem

lại lợi ích an lạc, tác ý cho vui đối với tất cả hữu tình mà phát khởi thắng giải. Đây là tướng từ mãn. Nếu năng hiểu rõ nghĩa như vậy, gọi là tâm tư nghĩa từ mãn... do vì muốn cho lợi ích an lạc vui lòng đối với các hữu tình, tác ý cho vui phát khởi thắng giải.

Vị kia đã hiểu rõ nghĩa như vậy, lại có thể tư trạch đây là phẩm thân, đây là phẩm oán, đây là phẩm không oán không thân. Tất cả phẩm như vậy đều là đối tượng để tâm từ mãn tương tục nhiếp lấy, nên đối với bên trong, phát khởi thắng giải đối với sự việc bên ngoài. Lại đối với phẩm thân gọi là sự việc bên trong, phẩm oán và không oán thân gọi là sự việc bên ngoài. Như vậy gọi là tâm tư sự của từ mãn.

Lại năng tư trạch: “Ba phẩm như thế, nếu người không khổ vui muốn cầu an vui, nguyện cho kẻ kia được vui. Nay ở trong đây, tướng có nhiều ích gọi là phẩm thân, tướng không nhiều ích gọi là phẩm oán, tướng trái với cả hai gọi là phẩm không oán thân. Ba phẩm như vậy, nếu người không khổ vui muốn cầu an vui, lược có ba chủng tâm muốn cầu an vui sai khác khả đắc: 1. Muốn cầu các sự vui

Dục giới; 2. Muốn cầu các lạc có hỷ mạnh mẽ của Sắc giới; 3. Muốn cầu các lạc ly hỷ. Như vậy nếu người ở nơi chủng thứ nhất mà bị thiếu thốn, nguyện người kia đều được sự vui muốn không tội. Nếu người ở nơi chủng thứ hai và thứ ba mà bị thiếu thốn, nên biết cũng vậy”. Đây gọi là tầm tư tự tướng của từ mẫn.

Lại tư trạch sâu: “Hoặc đối với phẩm thân, hoặc đối với phẩm oán, hoặc đối với phẩm không oán thân, ta đối với các phẩm đây đều phát khởi tâm tánh bình đẳng, tâm tánh giống nhau. Vì có sao? Nếu ta tác ý cho phẩm thân sự vui thì chưa phải là khó. Nếu ta tác ý cho vui đối với phẩm không oán thân thì cũng chưa khó lắm. Nếu ta tác ý cho vui đối với phẩm oán, đây mới thật là khó. Ta nay còn phải tác ý nguyện cho vui đối với phẩm oán, hướng chi phẩm thân và phẩm không oán thân mà không cho vui sao! Vì có sao? Vì trong đây đều không có người mắng cùng người bị mắng, không có người sân cùng người bị sân, không có người khinh thường cùng người bị khinh thường, không có người đánh cùng người bị đánh, mà chỉ có âm thanh, chỉ có danh tự.

Lại thân ta đây do các sắc thô trọng từ bốn đại tạo thành, từ đó mà sanh khởi. Tùy theo nơi sinh sống, bèn bị các xúc bức não. Lược có hai loại xúc: một là xúc của âm thanh; hai là xúc của hết thấy các thứ như tay chân, dao gậy, gạch đá... Thân và xúc đều vô thường, người gây tạo việc không nhiều ích như vậy cũng là vô thường.

Lại, tất cả loài hữu tình đều có các pháp sanh, lão, bệnh, tử. Bản tánh pháp đây vốn là khổ, ta chẳng nên ở nơi các loại hữu tình có khổ trên lại tăng thêm khổ mà không cho vui. Lại cũng chẳng nên không xem người oán là Thiệt tri thức, chẳng nên không thâm nhiếp tất cả loài hữu tình lấy làm thân thể của mình...

Lại, Thế Tôn nói rằng: “Ta không xem thấy chủng loại hữu tình như vậy khả đắc. Đó là từ vô thủy đến nay, trải qua sanh tử trường thời lưu chuyển mà không xoay vần qua lại làm cha mẹ, hoặc làm anh em, hoặc làm chị em, hoặc làm Quý phạm sư, hoặc làm Thân giáo sư, hoặc làm các bậc tôn quý, hoặc làm các bậc đồng đẳng tôn quý khác ư?”. Do nhân duyên đây, tất cả phẩm oán đều chẳng phải là phẩm thân của ta sao? Lại phẩm oán, phẩm

thân đều không nhất định chân thật. Vì có sao? Vì phẩm thân có lúc chuyển thành phẩm oán, phẩm oán có lúc chuyển thành phẩm thân, cho nên tất cả đều không nhất định. Vì thế nay ta nên đối với tất cả loại hữu tình đều phải phát khởi tâm tánh bình đẳng, phát khởi thấy tánh bình đẳng và phát khởi vui muốn đem lại ý vui lợi ích, ý vui an lạc và thắng giải cho vui giống nhau”. Đây gọi là tâm tư cộng tướng từ mẫn...

Lại tư trạch sâu: “Nếu ta đối với hữu tình kia không làm nhiều ích mà lại phát sanh sân khuể, thì liền là điên đảo, liền nhiếp thuộc phẩm hắc, là pháp có tranh cãi... như trước nói rộng. Nếu ta đối với kia chẳng khởi sân khuể, liền không điên đảo, liền nhiếp thuộc phẩm bạch, là pháp không tranh cãi... như trước nói rộng”. Như vậy gọi là tâm tư phẩm hắc, phẩm bạch của từ mẫn.

Lại tư trạch sâu: “Các loài hữu tình ở đời quá khứ cầu muốn được an vui, điều đó đã trở thành quá khứ, ta làm sao năng cho họ sự vui được? Nay các loài hữu tình ở đời hiện tại, nguyện cầu cho họ tận đời vị lại ở tất cả thời thường thọ khoái lạc”. Đây gọi là tâm tư các thời của từ mẫn.

Lại tư trạch sâu: “Trong đây đều không có ngã và hữu tình, hoặc người cầu vui, hoặc người cho vui. Chỉ có các uẩn, chỉ có các hành, ở trong giả tưởng thiết lập ngôn luận đây là người cầu vui, đây là người cho vui. Lại các hành kia lấy nghiệp phiền não... làm nhân duyên”. Như vậy gọi là nương quán đái đạo lý để tầm tư từ mẫn. Nếu khéo tu, khéo tập, khéo tu tập nhiều về từ mẫn, năng đoạn trừ sân khuể. Như vậy gọi là nương tác dụng đạo lý tầm tư từ mẫn. Nghĩa như vậy có chí giáo lượng, tri kiến bên trong của ta hiện tại triển chuyển có được. Pháp tỷ độ lượng cũng có được. Như vậy gọi là nương chứng thành đạo lý để tầm tư từ mẫn.

Lại tức pháp đây, pháp tánh thành lập, pháp tánh khó nghĩ bàn, pháp tánh an trụ, đó là tu từ mẫn năng đoạn sân khuể. Không nên nghĩ bàn, không nên phân biệt, chỉ nên tin hiểu, nên sanh thẳng giải. Như thế gọi là nương pháp nhĩ đạo lý tầm tư từ mẫn.

Đây gọi là người siêng tu quán từ mẫn, tầm tư Tỳ-bát-xá-na sở duyên sáu sự sai biệt.



Quyển 31

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA

Phần 3 của DU GIÀ XỨ - Thứ 2

Quán duyên khởi:

Sao gọi là hành giả siêng tu quán duyên khởi, tâm tư Tỳ-bát-xá-na sở duyên sáu sự sai biệt? Đó là nương chánh pháp về duyên khởi của tánh duyên tăng thượng, vì lực lắng nghe thọ trì tăng thượng, chân chánh rõ biết các pháp như vậy như vậy sanh nên mỗi mỗi các pháp kia sanh, các pháp như vậy như vậy diệt nên mỗi mỗi các pháp kia diệt. Trong đây, tất cả đều không có người làm, người sanh, người hóa và năng tự do tự tại tạo các pháp, cũng không tự tánh sĩ phu, người trung gian năng chuyển biến, chuyển biến các pháp. Nếu năng rõ biết tất cả nghĩa như vậy, gọi là tâm tư nghĩa của các duyên khởi.

Lại tư trạch sâu mười hai chi hữu hoặc trong, hoặc ngoài mà phát khởi thắng giải. Đây gọi là tâm tư các sự của duyên khởi.

Lại tư trạch sâu: “Hết thủy chi vô minh, tiền tế không biết, hậu tế không biết”. Như vậy nếu nói rộng nên biết đã phân biệt ở trước trong chi duyên khởi. Đây gọi là tầm tư tự tướng của duyên khởi.

Lại tư trạch sâu: “Tất cả các hành duyên sanh như vậy đều không gì chẳng là xưa không nay có, có rồi tan diệt, cho nên trước sau đều là vô thường. Lại tánh nó vô thường, vì đều có pháp sanh, lão, bệnh, tử. Tánh nó là khổ, vì chẳng được tự tại. Tánh không, vô ngã, vì người trung gian, sĩ phu không thể có được”. Đây gọi là tầm tư cộng tướng của duyên khởi.

Lại tư trạch sâu: “Nếu ta ở nơi đạo lý như thật các hành vô thường, khổ, không, vô ngã kia mà phát sanh ngu mê nghi hoặc, liền là điên đảo, nhiếp thuộc phẩm hắc, nói rộng như trước. Nếu chẳng ngu mê nghi hoặc, liền không điên đảo, nhiếp thuộc phẩm bạch, nói rộng như trước”. Đây gọi là tầm tư các phẩm của duyên khởi.

Lại tư trạch sâu: “Ở đời quá khứ, tự thể có được, tánh không thật thường, đã tồn tại như vậy. Ở đời hiện tại, tự thể có được, tánh không thật thường, đang tồn tại như vậy. Ở đời vị lai, tự thể có

được, tánh không thật thường, sẽ tồn tại như vậy”. Đây gọi là tâm tư các thời của duyên khởi.

Lại tư trạch sâu: “Chỉ có các nghiệp và quả dị thực, trong đó *chủ thể* đều không thể có được. Chỗ gọi là người làm và người thọ chỉ có ở nơi pháp do giả tưởng kiến lập mà phát khởi. Đó là ở trong vô minh duyên hành, cho đến sanh duyên lão tử, phát khởi giả tưởng thiết lập nên ngôn luận, gọi là người làm cùng với người thọ, có tên như thế, có chủng như thế, có tánh như thế, ăn uống như thế, lãnh thọ hoặc khổ hoặc vui như thế, trường thọ như thế, sống lâu như thế, ngần mé thọ lượng tận cùng như thế. Lại ở trong đây có hai chủng quả và hai chủng nhân. Hai chủng quả: 1. Quả tự thể; 2. Quả thọ dụng cảnh giới. Hai chủng nhân: 1. Nhân dẫn dắt; 2. Nhân sanh khởi.

Quả tự thể: đó là ở đời hiện tại, các pháp sáu xứ... các dị thực sanh.

Quả thọ dụng cảnh giới: đó là các thọ từ sáu xúc sanh ra do nghiệp ái, phi ái tăng thượng phát khởi.

Nhân dẫn dắt: đối với hai quả trên phát khởi ngu si. Bởi ngu si làm tiền dẫn nên phát khởi

hành phước, phi phước và bất động. Hành năng nhiếp thọ các thức của hậu hữu, khiến sanh hữu nấy mầm. Đó là vì năng nhiếp thọ chủng tử thức, khiến kia triển chuyển nhiếp thọ chủng tử danh sắc, chủng tử sáu xứ, chủng tử xúc, thọ của hậu hữu. Vì khiến chi *sanh* ở đương lai, thức, danh sắc, lục xứ, xúc thọ thứ lớp sanh nhiếp thuộc tướng, nay trước nhiếp thọ chủng tử của pháp kia. Hết thấy như thế gọi là nhân dẫn dắt.

Nhân sanh khởi: nếu lúc lãnh thọ những cảm thọ do các vô minh xúc sanh khởi, do ái cảnh giới, ái sanh hậu hữu và sở hữu các thủ năng nhiếp thọ phẩm ái, phẩm si; tức do thế lực đây, do công năng đây, nên chủng tử nghiệp được thấm nhuần, khiến kia năng cho các quả dị thực. Hết thấy như thế gọi là nhân sanh khởi.

Do lực tăng thượng của hai nhân đây, liền bị sự đuổi theo của ba khổ, chiêu tập tất cả uẩn khổ thuần là khổ lớn”.

Như vậy gọi là nương quán đãi đạo lý, tầm tư sở hữu đạo lý của duyên khởi.

Lại tư trạch sâu: “Ở trong quán duyên khởi của tánh duyên, nếu khéo tu, khéo tập, khéo tu tập

nhiều, năng đoạn trừ được ngu si”.

Lại tư trạch sâu: “Đạo lý như vậy, có chí giáo lượng, có hiện chứng bên trong, có pháp tỷ độ, cũng có nghĩa pháp tánh thành lập”. Như vậy gọi là nương tác dụng đạo lý, chứng thành đạo lý, pháp nhĩ đạo lý để tâm tư sở hữu đạo lý của duyên khởi.

Đây gọi là hành giả siêng tu quán duyên khởi, tâm tư Tỳ-bát-xá-na sở duyên sáu sự sai biệt.

Quán giới:

Sao gọi là hành giả siêng tu quán giới sai biệt, tâm tư Tỳ-bát-xá-na sở duyên sáu sự sai biệt? Đó là nương chánh pháp về giới sai biệt tăng thượng, vì lực lắng nghe thọ trì tăng thượng, năng chánh hiểu rõ tất cả nghĩa giới: nghĩa chủng tánh, nghĩa chủng tử, nghĩa nhân và nghĩa tánh. Như vậy gọi là tâm tư nghĩa của giới.

Lại chánh tâm tư nội, ngoại của sáu giới sai khác như địa... mà phát khởi thắng giải. Như vậy gọi là tâm tư sự của giới.

Lại chánh tâm tư tướng của đất cứng chắc, cho đến tướng của gió dao động nhẹ nhàng, tướng của thức phân biệt rõ ràng, tướng của không giới

là rỗng không, tướng sắc biến khắp, tướng không chướng ngại nhau. Đây gọi là tâm tư tự tướng của các giới.

Lại chánh tâm tư tất cả giới đây nói tóm lại đều là vô thường cho đến vô ngã. Đây gọi là tâm tư cộng tướng của các giới.

Lại chánh tâm tư: “Người ở nơi một tướng hòa hợp của nhiều tánh giới sai khác như vậy, mà không rõ biết là chỉ do giới sai biệt hòa hợp thành thân này, lại phát khởi cao mạn, liền là điên đảo, nhiếp thuộc phẩm hắc, nói rộng như trước. Trái với tướng trên, liền không điên đảo, nhiếp thuộc phẩm bạch, nói rộng như trước”. Đây gọi là tâm tư phẩm của giới..

Lại chánh tâm tư: “Ở đời quá khứ, vị lai, hiện tại, do sáu giới làm duyên được nhập vào thai mẹ”. Như vậy gọi là tâm tư thời của giới.

Lại chánh tâm tư: “Do nhiều duyên hòa hợp, như cỏ cây kết lại, bên trong có khoảng trống, được gọi là nhà. Như vậy, sáu giới vì là chỗ nương của gân, xương, máu, thịt, các duyên hòa hợp, bao bọc hư không, do các giả tướng, hết thấy tướng thiết lập nên ngôn luận, được gọi là thân. Lại do

nghiệp phiền não đời trước và tự chúng tử lấy làm nhân duyên”. Như vậy gọi là nương quán đãi đạo lý, tầm tư đạo lý của các giới sai biệt.

Lại chánh tầm tư: “Nếu ở nơi quán giới sai khác như thế, khéo tu, khéo tập, khéo tu tập nhiều, năng đoạn trừ được kiêu mạn”.

Lại chánh tầm tư: “Đạo lý như thế có chí giáo lượng, có trí hiện chứng đắc bên trong, có pháp tử độ, có pháp tánh thành lập, có pháp tánh khó nghĩ bàn, có pháp tánh an trụ”. Như vậy gọi là nương tác dụng đạo lý, chứng thành đạo lý, pháp nhĩ đạo lý để tầm tư đạo lý của các giới sai khác.

Đây gọi là hành giả siêng tu quán giới sai khác, tầm tư Tỳ-bát-xá-na sở duyên sáu sự sai biệt.

Quán A-na-ba-na niệm:

Sao gọi là hành giả siêng tu A-na-ba-na niệm, tầm tư Tỳ-bát-xá-na sở duyên sáu sự sai biệt? Đó là nương chánh pháp về niệm hơi thở vào ra tăng thượng, vì lực tăng thượng của lắng nghe thọ trì, năng chánh biết rõ ở nơi cảnh giới hơi thở vào ra, buộc tâm thông đạt rõ ràng, ghi nhớ rõ ràng, không lạc mất. Đây là nghĩa của A-na-ba-na niệm. Như

vậy gọi là tâm tư nghĩa của A-na-ba-na niệm.

Lại chánh tâm tư: “Hơi thở vào, hơi thở ra bên trong khả đắc vì hệ thuộc thân, nhiếp thuộc bên ngoài vì hệ thuộc nơi chốn, do vậy trong ngoài sai biệt”. Như vậy gọi là tâm tư sự của A-na-ba-na niệm.

Lại chánh tâm tư: “Hơi thở vào có hai, hơi thở ra có hai. Nếu gió đi vào bên trong gọi là hơi thở vào. Nếu gió đi ra ngoài gọi là hơi thở ra”. Lại chánh biết rõ: “Như vậy là hơi thở vào, hơi thở ra dài. Như vậy là hơi thở vào, hơi thở ra ngắn. Như vậy là hơi thở trái khắp phần thân”. Đây gọi là tâm tư tự tướng của các hơi thở.

Lại chánh tâm tư: “Hơi thở vào đã diệt, có hơi thở ra sanh. Hơi thở ra đã diệt, có hơi thở vào sanh. Hơi thở vào ra chuyển vận hệ thuộc mạng căn và thân hữu thức. Hơi thở vào ra đây và chỗ nó nung đều là vô thường”. Đây gọi là tâm tư cộng tướng của các hơi thở.

Lại chánh tâm tư: “Nếu nơi hơi thở vào, hơi thở ra như thế mà không an trụ chánh niệm, bị tâm tư ác nhiều loạn tâm, liền là điên đảo, nhiếp thuộc phẩm hắc, là pháp tranh cãi, nói rộng như trước. Trái với tướng trên, liền không điên đảo,

niếp thuộc phẩm bạch, là pháp không tranh cãi, nói rộng như trước”. Như vậy gọi là tầm tư phẩm của niệm hơi thở.

Lại chánh tầm tư: “Ở đời quá khứ, vị lai, hiện tại, hơi thở vào, hơi thở ra chuyển, hệ thuộc thân tâm. Ngược lại, thân tâm hệ thuộc hơi thở vào, hơi thở ra”. Như vậy gọi là tầm tư thời của niệm hơi thở.

Lại chánh tầm tư: “Trong đây không có người nắm giữ hơi thở vào, người nắm giữ hơi thở ra. Hơi thở vào, hơi thở ra hệ thuộc nơi người kia. Chỉ là các hành từ nhân, từ duyên sanh khởi, phát khởi giả tưởng thi thiết kiến lập ngôn luận cho là có người nắm giữ hơi thở vào, hơi thở ra”. Như vậy gọi là nương quán đãi đạo lý, tầm tư lý của hơi thở.

Lại chánh tầm tư: “Nếu ở nơi niệm hơi thở vào, hơi thở ra như vậy, khéo tu, khéo tập, khéo tu tập nhiều, năng đoạn trừ tầm tư”. Lại chánh tầm tư: “Đạo lý như thế, có chí giáo lượng, có trí hiện chứng bên trong, có pháp tỷ độ, có pháp tánh thành lập, có pháp tánh khó nghĩ bàn, có pháp tánh an trụ. Không nên nghĩ bàn, không nên phân biệt, chỉ nên tin hiểu”. Như vậy gọi là nương tác dụng đạo lý, chứng thành đạo lý, pháp nhĩ đạo lý,

tâm tư lý của niệm hơi thở.

Đây gọi là hành giả siêng tu A-na-ba-na niệm, tâm tư Tỳ-bát-xá-na sáu sự sở duyên sai biệt.

Như vậy, nương theo *sở duyên tịnh hành* để tâm tư quán sáu sự sai biệt, luôn luôn ở bên trong khiến tâm tịch tĩnh, luôn luôn ở nơi điều đã tâm tư dùng quán hành thù thắng quán xét thắm sâu tỉ mỉ. Vị kia do lấy Xa-ma-tha làm chỗ nương, nên khiến Tỳ-bát-xá-na nhanh chóng được thanh tịnh. Ngược lại, do lấy Tỳ-bát-xá-na làm chỗ nương, khiến Xa-ma-tha tăng trưởng rộng lớn. Về phần nương *sở duyên thiện xảo* và *sở duyên tịnh hoặc* để tâm tư Tỳ-bát-xá-na sáu sự sở duyên sai biệt, đối với từng sự thực hành này, Ta sẽ nói sau.

Lại nữa, trong đây có chín loại gia hạnh thuộc phẩm bạch, trái với tướng trên phải biết có chín loại gia hạnh thuộc phẩm hắc.

Sao gọi là chín loại gia hạnh nhiếp thuộc phẩm bạch? 1. Gia hạnh tương ưng; 2. Gia hạnh tu tập xuyên suốt; 3. Gia hạnh không trì hoãn; 4. Gia hạnh không điên đảo; 5. Gia hạnh đúng thời; 6. Gia hạnh hiểu rõ; 7. Gia hạnh không chán đủ; 8. Gia hạnh không xả ách; 9. Gia hạnh chân chánh.

Do chín loại gia hạnh nhiếp thuộc phẩm bạch đây, năng khiến nơi tâm nhanh chóng được định, khiến Tam-ma-địa triển chuyển càng thêm thăng tiến. Lại do đây, đối với địa cần đi đến và điều cần chứng đắc, nhanh chóng năng đi đến, năng chứng đắc, không trì hoãn chậm chạp.

Do chín loại gia hạnh nhiếp thuộc phẩm hắc, năng khiến tâm không nhanh chóng được định, không khiến Tam-ma-địa triển chuyển thăng tiến. Lại do đây, đối với địa cần đi đến và điều cần chứng đắc, bị trì hoãn chậm chạp, không thể nhanh chóng đi đến, thành tựu.

1. *Sao gọi là gia hạnh tương ưng?* Nếu người hành tham, nên dùng quán bất tịnh an trụ nơi tâm. Nếu người hành sân, nên dùng từ mẫn an trụ nơi tâm. Nếu người hành si, nên dùng duyên khởi an trụ nơi tâm. Nếu người hành kiêu mạn, nên dùng giới sai biệt an trụ nơi tâm. Nếu người hành tầm tư, nên dùng A-na-ba-na niệm an trụ nơi tâm. Nếu người hành đảng phần, hoặc người hành mông trần, nên tùy theo ý thích phan duyên nơi một cảnh an trụ nơi tâm, siêng tu gia hạnh. Như vậy gọi là gia hạnh tương ưng.

2. *Sao gọi là gia hạnh tu tập xuyên suốt?* Ở nơi Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na đã từng tu tập nhiều, nhấn đến tu tập ít phần. Ở nơi tất cả kia, không phải mới bắt đầu sự nghiệp tu tập. Vì có sao? Người mới tu nghiệp, tuy ở nơi cảnh giới sở duyên tương ưng siêng tu gia hạnh, nhưng các cái lớp lớp hiện hành, thân tâm thô trọng. Do nhân duyên đây không thể khiến tâm nhanh chóng được định. Như vậy gọi là gia hạnh tu tập xuyên suốt.

3. *Sao gọi là gia hạnh không trì hoãn?* Là phương tiện không gián đoạn, phương tiện ân trọng, siêng tu quán hành. Nếu lúc xuất định, hoặc vì khát thực, hoặc vì cung kính phụng sự sư trưởng, hoặc vì khán bệnh, hoặc vì thuận theo tu nghiệp hòa kính, hoặc vì làm các việc khác... hết thấy các loại việc làm như thế, nhưng tâm đối với công việc kia không tùy thuận hoàn toàn, không thú hưởng hoàn toàn, không nhập vào trọn vẹn. Duy chỉ nhanh chóng hoàn thành công việc, trở về siêng năng ngồi yên tịch tĩnh, tu các quán hành. Nếu phải cùng gặp gỡ rất nhiều chúng khác nhau như Bí-sô, Bí-sô-ni, Cậi sự nam, Sát-đế-lợi, Bà-la-môn... tuy sống lâu hỗn tạp, luận bàn trao đổi, nhưng không

bị cuốn hút khiến tương tục, mà chỉ vui thích hạnh viễn ly, siêng tu quán hành.

Lại năng dũng mãnh tinh tấn như vậy: “Nay ta nhất định đi đến chứng đắc điều chưa chứng đắc, không nên chậm chạp trì hoãn. Vì cơ sao? Ta có nhiều nhân duyên khiến bị hoạnh tử, đó là ở trong thân hoặc bị gió, hoặc bị nóng, hoặc bị đàm phát động, hoặc thức ăn uống không tiêu hóa, tồn đọng trong thân thành bệnh. Ở ngoài thân, hoặc bị các loài trùng độc như rắn, rết, bò cạp... cắn chích, hoặc bị người và phi nhân khủng bố khiến kinh hãi. Do nhân duyên đây mà bị chết yếu. Vì thế phải hằng thường tư duy đối với các nguyên nhân gây nên hoạnh tử, tu tưởng vô thường, trụ không phóng dật”. Do trụ không phóng dật như vậy, hằng thường tự tư duy: “Thọ mạng của ta hoặc hơn bảy ngày, lùi dần sáu ngày, năm ngày, bốn ngày, ba ngày, hai ngày, một ngày, một giờ, nửa giờ, một khắc, nửa khắc, trải qua khoảng một bữa ăn; hoặc từ lúc hơi thở vào cho đến hơi thở ra, từ lúc hơi thở ra cho đến hơi thở vào, cho đến sự sống chỉ còn trải qua từng thời khắc như vậy, đối với thánh giáo Phật, tác ý siêng năng tu tập Du-già.

Toàn bộ thời gian, đối với Thánh giáo Phật, ta nhất định có nhiều sự thực hành”. Như vậy gọi là gia hạnh không trì hoãn.

4. *Sao gọi là gia hạnh không điên đảo?* Như được sự dạy dẫn chỉ bảo của các vị thầy Du-già đã khéo thông đạt hạnh tu Du-già, tức ở nơi pháp ấy, ở nơi nghĩa ấy mà thuận theo tập học như vậy, không chấp thủ điên đảo, không tâm ngã mạn, cũng không trụ kiến thủ của mình, không tà chấp hẹp hòi. Đối với những lời giáo huấn tôn quý, trọn không khinh suất hủy hoại. Như vậy gọi là gia hạnh không điên đảo.

5. *Sao gọi là gia hạnh đúng thời?* Là năng rõ biết vào thời gian này nên tu tập tướng Chỉ, thời gian kia nên tu tập tướng Quán, thời gian khác nên tu tập tướng Cử, thời gian khác nữa nên tu tập tướng Xả. Lại năng biết rõ như thật về Chỉ, có tướng Chỉ, có thời Chỉ; biết rõ về Quán, có tướng Quán, có thời Quán; biết rõ về Cử, có tướng Cử, có thời Cử; biết rõ về Xả, có tướng Xả, có thời Xả.

Sao gọi là Chỉ? Là chín tướng tâm trụ, năng khiến tâm vô tướng, vô phân biệt, tịch tĩnh, cực tịch tĩnh, đẳng trụ, vắng lặng, thuần nhất không

tạp, cho nên gọi là Chỉ.

Sao gọi là tướng Chỉ? Có hai loại: 1. Tướng sở duyên; 2. Tướng nhân duyên. Tướng sở duyên: là ảnh tượng đồng phận với sự sở tri của phẩm Xa-ma-tha. Đây gọi là tướng sở duyên, do sở duyên đây khiến tâm tịch tĩnh. Tướng nhân duyên: là nương Xa-ma-tha mà huân tập nơi tâm, vì khiến lúc sau Xa-ma-tha định được thanh tịnh, nên tu tập Du-già, sở hữu gia hạnh Tỳ-bát-xá-na. Đây gọi là tướng nhân duyên.

Sao gọi là thời Chỉ? Lúc tâm trạo cử, hoặc lúc đề phòng trạo cử, lúc này nên tu Chỉ. Lại nương Tỳ-bát-xá-na mà huân tập nơi tâm. Nếu lúc bị các tầm tư nhiễu loạn và bị các sự nghiệp khác nhiễu loạn, lúc này nên tu tập Chỉ.

Sao gọi là Quán? Là quán hành bốn hành, ba môn, sáu sự sở duyên sai biệt.

Sao gọi là tướng Quán? Có hai loại: 1. Tướng sở duyên; 2. Tướng nhân duyên. Tướng sở duyên: là ảnh tượng đồng phận với sự sở tri của phẩm Tỳ-bát-xá-na, do sở duyên đây khiến tuệ quán sát. Tướng nhân duyên: là nương Tỳ-bát-xá-na mà huân tập nơi tâm, vì khiến về sau Tỳ-bát-xá-na đều thanh

tịnh, nên tu tập sở hữu gia hạnh nội tâm Xa-ma-tha định.

Sao gọi là thời Quán? Lúc tâm trì trệ, hoặc lúc đề phòng trì trệ, lúc này nên tu tập Quán. Lại nương Xa-ma-tha mà huân tập nơi tâm, trước nên ở nơi cảnh sự sở tri của kia như thật hiểu rõ. Cho nên bấy giờ là lúc tu Quán.

Sao gọi là Cử? Tức là tùy nắm giữ một chủng cảnh giới sở duyên tịnh diệu, hiển rõ, khuyến khích, dẫn phát tâm khiến vui mừng hưng phấn.

Sao gọi là tướng Cử? Tức là do cảnh giới sở duyên tịnh diệu, nên sách tấn khích lệ tâm và thuận theo kia phát siêng tinh tấn.

Sao gọi là thời Cử? Lúc tâm trì trệ chìm đắm, hoặc lúc đề phòng trì trệ chìm đắm, lúc này nên tu tập tướng Cử.

Sao gọi là Xả? Là đối với sở duyên, tâm không nhiễm ô, tánh tâm bình đẳng. Ở nơi phẩm Chỉ, Quán, tâm điều nhu chánh trực, tánh nhậm vận chuyển. Vì tâm điều nhu, tánh có khả năng kham nhiệm, khiến tâm tùy theo đó nhậm vận tác dụng.

Sao gọi là tướng Xả? Do sở duyên khiến tâm Xả điều trên và ở nơi sở duyên không phát khởi sở

hữu tinh tấn thái quá.

Sao gọi là thời Xả? Tức là đã buộc tâm nơi phẩm Xa-ma-tha, phẩm Tỳ-bát-xá-na, thoát khỏi sở hữu trạo cử, đây là lúc tu Xả.

Như vậy gọi là gia hạnh đúng thời.

6. *Sao gọi là gia hạnh hiểu rõ?* Ở nơi các tướng đã nói như vậy, khéo nắm giữ, khéo liễu đạt. Sau khi đã khéo nắm giữ, khéo liễu đạt rồi, lúc muốn nhập định tức liền năng nhập, lúc muốn trụ định tức liền năng trụ, lúc muốn xuất định tức liền năng xuất. Hoặc lúc muốn xả bỏ ảnh tượng sở hành của các Tam-ma-địa, liền tác ý tư duy cảnh giới sở duyên, sở hữu bản tánh của các bất định địa. Như vậy gọi là gia hạnh hiểu rõ.

7. *Sao gọi là gia hạnh không chán đủ?* Đối với thiện pháp, không biết chán đủ. Đối với việc tu đoạn, không từng phế bỏ. Đối với việc triển chuyển cao hơn, triển chuyển thù thắng hơn, nhiều an trụ, cầu tiến, không chỉ đạt được chút ít tinh định nhỏ bèn ở giữa đường mà sanh thối lui, khuất phục. Đối với các sự thực hành khác, thường cầu thắng tiến. Đây gọi là gia hạnh không chán đủ.

8. *Sao gọi là gia hạnh không xả ách?* Đối với

tất cả học xứ đã thọ, không trái vượt không khuyết phạm. Tuy thấy thiếu nữ khả ái, dung nhan đoan chánh mà không nhớ giữ tướng, không nhớ giữ tùy hảo. Đối với việc ăn uống, biết cách quân bình. Siêng tu tỉnh thức, ít sự, ít nghiệp, ít bị tán loạn. Đối với các việc làm đã lâu, các lời dạy đã lâu, có thể tự mình nhớ nghĩ, lại khiến người nhớ nghĩ. Hết thấy pháp như thế gọi là gia hạnh không xả ách, do các pháp đây năng chân chánh thuận theo tâm tánh nhất cảnh. Gia hạnh không xả ách đây khiến tâm không tán loạn, khiến tâm không rong ruổi theo ngoại cảnh, khiến tâm bên trong điều nhu, hòa thuận. Như vậy gọi là gia hạnh không xả ách.

9. *Sao gọi là gia hạnh chân chánh?* Nơi các sở duyên luôn phát khởi thắng giải, thì luôn chân chánh trừ khiển. Đây gọi là gia hạnh chân chánh. Việc đây thế nào? Như có người siêng tu quán bất tịnh, luôn chân chánh trừ khiển các bất tịnh, tác ý tư duy các tướng bất tịnh. Do Tỳ-bát-xá-na hành theo tướng mà phát khởi tác ý, ở nơi cảnh sở duyên, luôn luôn trừ khiển, luôn luôn hiện tiền. Chân chánh trừ khiển lại có năm loại: 1. Vì bên trong thu nhiếp tâm; 2. Vì không niệm tác ý; 3. Vì tác ý

khác; 4. Vì tác ý đối trị; 5. Vì tác ý vô tướng giới.

Nên biết trong đây do chín tướng tâm trụ Xa-ma-tha làm tiền dẫn, nên gọi là bên trong thu nhiếp tâm. Do lúc ban đầu trái với tất cả tướng, an trụ không động loạn, nên gọi là không niệm tác ý. Do duyên theo cảnh định địa khác, tư duy cảnh định địa khác, nên gọi là trụ tác ý khác. Do tư duy bất tịnh đối trị với tịnh, cho đến tư duy A-na-ba-na niệm đối trị tầm tư, tư duy hư không giới đối trị các sắc, nên gọi là tác ý đối trị. Do ở nơi tất cả tướng không tác ý tư duy, ở nơi vô tướng giới tác ý tư duy, nên gọi là tác ý vô tướng giới.

Tuy an lập khắp tất cả sở duyên, chân chánh trừ khiến tướng lược chung có năm loại, nhưng ý chính trong đây chỉ giữ lấy *thu nhiếp tâm bên trong* và *không niệm tác ý*.

Người mới tu nghiệp, lúc ban đầu tu tập hoàn toàn không dùng cảnh sở duyên hoặc bất tịnh, hoặc các xứ khác để trói buộc tâm, chỉ khởi nghĩ đây: “Tâm của ta làm sao được không tán loạn, vô tướng, vô phân biệt, tịch tĩnh, cực tịch tĩnh, không chuyển, không động, không điều mong cầu, lìa mọi sự tác dụng, bên trong điều hòa vui thích”. Tĩnh

cần như vậy rồi, không tư duy suy nghĩ, không niệm tác ý đối với tất cả tướng sanh khởi bên ngoài. Tức do không niệm tác ý như vậy, nên trừ khiến được sở duyên. Người kia ở trong đây tu tập Du-già như thế, nhiếp thọ điều hòa vui thích, lại tiếp tục hành cảnh có tướng, có phân biệt như bất tịnh..

Sao gọi là hành? Do tu tập ở nơi cảnh giới Tỳ-bát-xá-na hành theo tướng, hành theo tầm tư, hành theo quán xét, nhưng chẳng phải chỉ một hướng tinh cần tu tập Tỳ-bát-xá-na. Sau lại hoàn xả tướng Quán, lại ở nơi sở duyên, tư duy hành Chỉ. Do nhân duyên đây, người kia lúc bấy giờ ở nơi cảnh sở duyên không xả, cũng không thủ. Vì ở nơi sở duyên hành Chỉ chuyển khởi, nên không gọi là xả. Vì ở nơi sở duyên không tạo tác tướng, vì không phân biệt, nên gọi là không thủ. Tức do bên trong thu nhiếp tâm như vậy, khiến trừ khiến sở duyên.

Lại ở trong đây, vì không thủ tướng Quán nên không bị nhiễu loạn bởi duyên, tuy nắm giữ hành Chỉ mà lại duyên nơi tướng của sự sở tri. Nếu ở nơi sở duyên chỉ luôn sanh khởi thắng giải mà không luôn trừ khiến, tức không khiến sở hữu thắng giải kia càng về sau càng đi đến sáng sạch và triển

chuyển cho đến rốt ráo, thì không thể đi đến cho đến hiện quán cảnh sự sở tri. Vì luôn phát sanh thắng giải, luôn trừ khiển, nên càng về sau thắng giải triển chuyển càng thêm sáng sạch, triển chuyển cho đến rốt ráo, cũng năng đi đến cho đến hiện quán cảnh sự sở tri.

Thí như ở thế gian có học trò của họa sư mới bắt đầu tập vẽ. Trước lãnh thọ học theo những kiểu dáng như lời dạy của thầy. Quán sát tỉ mỉ, tỉ mỉ rồi họa thành hình tướng kia. Sau khi đã làm xong, đã làm xong lại nghiên cứu rồi hủy bỏ. Sau khi hủy bỏ, lại nghiên cứu tiếp tục làm lại. Như như hủy bỏ luôn luôn làm lại, như vậy như vậy hình tướng càng về sau, càng triển chuyển trở nên sáng, trở nên sạch, trở nên tinh xảo hơn. Như vậy, trải qua thời gian dài học tập nghiêm túc, được mọi người ở thế gian đều công nhận là vị đại họa sư, hoặc ở trong số các họa sư. Nếu không luôn hủy bỏ các hình tướng đã vẽ, tức là không luôn vẽ đi vẽ lại nhiều lần, thì hình tướng kia vĩnh viễn không bao giờ trở nên sáng sạch, tinh xảo, cho đến cuối cùng hiển hiện hoàn hảo.

Như thí dụ trên, phải biết đạo lý đây cũng

vậy. Nếu ở nơi cảnh đây đã khởi thắng giải, thì quyết định ở nơi cảnh đây chân chánh trừ bỏ, cho đến không chỉ ở nơi cảnh đây đã chân chánh trừ bỏ rồi, mà phải quyết định ở nơi cảnh đây lại tiếp tục phát khởi thắng giải. Nếu ở nơi cảnh nhỏ hẹp đã phát khởi thắng giải rồi, tức ngay chỗ nhỏ hẹp ấy mà chân chánh trừ bỏ. Như cảnh nhỏ hẹp, thì cảnh rộng lớn, cảnh vô lượng phải biết cũng vậy. Sau khi ở nơi cảnh nhỏ hẹp đã chân chánh trừ bỏ, trở lại phát khởi thắng giải ở nơi cảnh nhỏ hẹp, hoặc ở nơi cảnh rộng lớn, hoặc ở nơi cảnh vô lượng. Như cảnh nhỏ hẹp, thì cảnh rộng lớn và cảnh vô lượng phải biết cũng vậy. Nếu sở hữu của các pháp sắc, ảnh tượng tướng mạo hiển hiện, nên biết tương tự biến hóa thô. Các pháp không sắc thì giả danh làm tiền dẫn, do lực tăng thượng của sự lãnh thọ, ảnh tượng hiển hiện.

Hết thấy như vậy gọi là gia hạnh chân chánh.

Như vậy chín loại gia hạnh nhiếp thuộc phẩm bạch, đối với Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xa-na là pháp tùy thuận. Trái với chín loại gia hạnh đây, đối với Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xa-na là pháp trái nghịch. Như vậy do phẩm hắc, phẩm bạch sai biệt, nên

kiến lập 18 loại gia hạnh.

Như vậy gọi là tâm tánh nhất cảnh.

4. Chướng ngại được thanh tịnh: Các thầy Du-già chánh tu hành như vậy, do bốn nhân duyên năng khiến tâm đoạn trừ các chướng ngại. Những gì là bốn? **a.** Vì biết khắp tự tánh; **b.** Vì biết khắp nhân duyên; **c.** Vì biết khắp quá hoạn; **d.** Vì tu tập đối trị.

a. Sao gọi là biết khắp tự tánh chướng ngại?

Biết khắp chướng ngại có bốn loại: 1. Chướng ngại của khiếp nhược; 2. Chướng ngại của cái che phủ; 3. Chướng ngại của tâm tư; 4. Chướng ngại của tự kiêu ngạo.

Chướng ngại của khiếp nhược: là các nhớ tưởng nhiễm ô, trông mong, không vui, hy vọng, ưu não phát khởi trong lúc siêng năng tu hành hạnh xuất ly và hạnh viễn ly.

Chướng ngại của cái che phủ: là tất cả năm cái như tham dục...

Chướng ngại của tâm tư: là các tâm tư nhiễm ô như tâm tư dục...

Chướng ngại của tự kiêu mạn: ở nơi chút phần

trí kiến thấp kém, nhưng yên ổn an trụ trong đó, rồi tự sanh kiêu ngạo cho là ta năng đắc, người khác chẳng được như thế, cho đến nói rộng nên biết như trước.

Đây gọi là biết khắp tự tánh chướng ngại.

b. Sao gọi là biết khắp nhân duyên chướng ngại? Là năng biết khắp chướng ngại khiếm nhược ban đầu có sáu nhân duyên: 1. Do sức nghiệp đời trước tăng thượng, hoặc do bệnh tật nhiều loạn não hại, nên thân gây yếu bạc nhược; 2. Do gia hạnh thái quá; 3. Do không tu tập gia hạnh; 4. Do mới tu tập gia hạnh; 5. Do phiền não mạnh mẽ; 6. Do chưa tu tập xuyên suốt nơi hạnh viễn ly.

Lại thêm biết khắp nhân duyên chướng ngại của cái che phủ, của tâm tư, của tự kiêu ngạo, tức là ở trong các pháp xứ thuận theo chướng ngại của kia, tác ý phi lý, thường xuyên tu tập nhiều. Đây gọi là nhân duyên chướng ngại của cái che phủ, của tâm tư, của tự kiêu ngạo.

Nếu không tác ý tư duy bất tịnh mà tác ý tư duy tướng tịnh diệu, đây gọi là tác ý phi lý. Nếu không tác ý tư duy từ mẫn mà lại tác ý tư duy tướng sân, đây gọi là tác ý phi lý. Nếu không tác ý tư duy

tướng sáng mà lại tác ý tư duy tướng tối, đây gọi là tác ý phi lý. Nếu không tác ý tư duy tướng Xa-ma-tha, mà lại tác ý tư duy các tâm tư ác về thân thuộc, đất nước, bất tử, những việc xưa đã từng đùa chơi, vui vẻ, hành động, phụng sự... đây gọi là tác ý phi lý. Nếu không tác ý tư duy duyên khởi của tánh duyên, mà lại tác ý tư duy tướng không như lý, ở trong các hành ba đời kế chấp là ngã, ngã sở, đây gọi là tác ý phi lý.

c. Sao gọi là biết khắp quá hoạn chướng ngại? Vì biết rõ khắp có các chướng ngại như thế, nếu ở nơi bốn chướng ngại này thì những điều chưa chứng đắc chẳng chứng đắc, đã chứng đắc thì hoàn thối; khiến bại hoại sở hữu gia hạnh Du-già, trụ nhiệm ô, trụ khổ não; khiến tự hủy mình, hủy người, đến khi thân hoại mạng chung sanh vào các đường ác. Đây gọi là biết khắp quá hoạn chướng ngại.

d. Sao gọi là tu tập đối trị? Đối với các sự khiếm nhược, chung dùng tùy niệm để đối trị. Do tác ý tùy niệm, nơi tâm reo vui, khiến các khiếm nhược chưa sanh thì không sanh, đã sanh được diệt trừ. Do gia hạnh thái quá khiến thân gây yếu bạc nhược, do đó ngay lúc đầu tu tập gia hạnh lấy

việc tinh tấn điều độ, thông đạt làm đối trị. Nếu không tu tập gia hạnh, thì dùng cung kính, lắng nghe, siêng năng thưa hỏi làm đối trị. Nếu phiền não thiêu đốt mạnh mẽ, dùng gia hạnh sở duyên bất tịnh... để đối trị. Nếu chưa tu tập xuyên suốt, dùng phương tiện tư trạch như lý làm đối trị, khởi nghĩ: “Lúc xưa ta không thường xuyên tu tập hạnh viễn ly, nên ngày nay sanh khởi khiếp sợ đối với việc đây. Nếu ta nay không tu tập hạnh viễn ly, thì ở đời vị lai quyết chắc trở lại khiếp sợ như vậy. Cho nên ta nay phải chánh tư trạch, ở nơi hạnh kia phải xả bỏ sự không vui thích, mà tu tập vui thích”. Lại ở nơi tác ý phi lý khác như cái che phủ... dùng tác ý như lý trái lại với kia để làm đối trị. Nên biết đây gọi là tu tập đối trị.

Lại biết khắp tự tánh chướng ngại đây là năng chướng ngại, là năng nhiễm ô, nhiếp thuộc phẩm hắc, phải nên xa lìa. Lại năng biết rõ khắp nhân duyên xa lìa chướng ngại như thế mới có thể xa lìa, cho nên phải chánh tầm tư nhân duyên chướng ngại. Lại năng biết rõ khắp rằng ở nơi nên xa lìa mà không xa lìa sẽ có quá hoạn, cho nên phải tầm tư quá hoạn chướng ngại. Sau khi đã xa lìa, lại tầm

tư hơn nữa: “Làm sao khiến các chương ngại không sanh khởi ở đời sau”, cho nên tìm hiểu mong cầu việc tu tập đối trị. Do nhân duyên đây năng khiến tâm thanh tịnh đoạn trừ các chương ngại.

Phải biết trong đây, do những lời dạy về pháp tùy thuận có rất nhiều loại, nên Tỳ-bát-xá-na cũng có nhiều loại. Vì Tỳ-bát-xá-na có nhiều loại, khiến Xa-ma-tha cũng có nhiều loại.

Trở lại Tỳ-bát-xá-na, vì cảnh sở tri không có hạn lượng, nên biết lượng kia cũng không giới hạn, đó là do ba môn và sáu sự sai biệt. Riêng mỗi loại lại có vô biên phẩm loại sai biệt ngộ nhập đạo lý.

Hành giả chân chánh tu hành, như như thường xuyên tu tập Tỳ-bát-xá-na lực thanh tịnh tăng thượng cho đến tăng trưởng rộng lớn, như vậy như vậy năng khiến thân tâm sanh khởi khinh an. Nên biết phẩm Xa-ma-tha cũng được tăng trưởng rộng lớn. Như như thân tâm đạt được khinh an, như vậy như vậy ở nơi sở duyên, tâm tánh nhất cảnh triển chuyển càng thêm tăng trưởng. Như như ở nơi sở duyên tâm tánh nhất cảnh triển chuyển càng thêm tăng trưởng, như vậy như vậy lại khiến thân đạt được khinh an. Tâm tánh nhất

cảnh và thân tâm khinh an, hai pháp như thế triển chuyển nương nhau, triển chuyển phụ thuộc lẫn nhau. Thân tâm khinh an và tâm tánh nhất cảnh, hai pháp như thế nếu đắc *chuyển y* mới là rốt ráo. Vì đắc chuyển y, nên ở nơi sự sở tri, trí hiện lượng phát sanh.

Hỏi: Ngang đâu mới nói là quán bất tịnh đạt đến rốt ráo? Cho đến ngang đâu mới nói là A-na-ba-na niệm đạt đến rốt ráo?

Đáp: Nói chung người tu quán hành, chân chánh gia hạnh tu tập quán bất tịnh cho đến tu tập thân cận. Vì tu tập nhiều, lúc này hoặc đi hoặc đứng, tuy có vô số cảnh giới hiện tiền, tuy lại quan sát sở hữu nhiều tướng, mà an trụ tự tánh, không do gia hạnh. Phần nhiều hành tướng bất tịnh hiển hiện, không phải các tướng tịnh. Do khéo tu tập các tướng bất tịnh, nên ở nơi các pháp xứ năng thuận theo tham dục triền, tâm không thú nhập, tâm không vui thích, tâm không tín giải, an trú nơi xả, sanh sâu nhàm chán trái lìa. Nên lúc bấy giờ người tu quán hành phải tự biết rõ: “Ta nay đã thành tựu quán bất tịnh, ta nay đã thu được quả của sự tu tập”. Ngang đây gọi là tu quán bất tịnh đã được rốt

ráo. Trái với tướng trên nên biết gọi là chưa được tốt ráo.

Như quán bất tịnh, thì quán từ mẫn, duyên khởi của tánh duyên, giới sai biệt, A-na-ba-na niệm phải biết cũng vậy. Chỗ sai khác trong đây, đó là phần nhiều hành tướng từ tâm hiển hiện, chẳng phải tướng sân khuể; ở nơi pháp xứ năng thuận theo sân triền, tâm không thú nhập cho đến nói rộng. Phần nhiều hành tướng vô thường, khổ, không, vô ngã hiển hiện, không phải hành tướng ngu si đồng hành với thường, lạc, thân kiến; ở nơi pháp xứ năng thuận theo si triền, tâm không thú nhập cho đến nói rộng. Phần nhiều có chủng chủng tánh giới, chẳng phải một tánh giới, nhiều tướng tướng sai biệt của thân chứa nhóm hiển hiện, không phải một tướng của thân chứa nhóm; ở nơi pháp xứ năng thuận theo kiêu mạn triền, tâm không thú nhập cho đến nói rộng. Phần nhiều tướng tịch tĩnh bên trong, tướng Xa-ma-tha hiển hiện, chẳng phải tướng hý luận; ở nơi pháp xứ năng thuận theo tầm tư triền, tâm không thú nhập cho đến nói rộng.

Hỏi: Ngang đâu nói là hai pháp Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na hòa hợp, bình đẳng cùng chuyển, do

đây nên gọi là đạo song vận chuyển?

Đáp: Nếu đã đạt được tướng tâm trụ thứ chín trong chín tướng tâm trụ, đó là Tam-ma-hí-đa. Vị kia dụng Tam-ma-địa viên mãn như vậy làm chỗ nương, ở trong pháp Quán, tu tập tăng thượng tuệ. Vị kia bấy giờ vì do pháp quán mà đạo nhậm vận chuyển, nên không cần dụng công, không nhờ vào gia hạnh Tỳ-bát-xá-na mà được thanh tịnh trắng sạch, theo Xa-ma-tha nhiếp thọ điều nhu, như đạo Xa-ma-tha nhiếp thọ mà chuyển. Ngang đây gọi là hai pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na hòa hợp, bình đẳng cùng chuyển. Do đây cũng gọi là đạo Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na song vận chuyển. Trong Ốt-Đà-Nam nói:

Tướng, tâm tư, quán xét

Theo hành có ba môn

Nghĩa, sự, tướng, phẩm, thời

Lý, sáu sự sai biệt

Đâu gia hạnh tương ưng.

Thường tập, không hoãn đãi

Không điên đảo, đúng thời

Hiểu rõ, không chán đủ

*Không xả bỏ thiện ác
Sau cùng chánh gia hạnh
Chín loại phải nên biết
Có hai phẩm sai biệt
Biết tự tánh, nhân duyên
Thấy các quá hoạn kia
Chánh tu tập đối trị
Khiến chướng được thanh tịnh.*

5. Tu tác ý: Người bắt đầu tu nghiệp, lúc mới tu tập ở trong tướng đã được an lập phổ biến, vì khiến đạt được tánh nhất cảnh và các chướng ngại được thanh tịnh, nên xa lìa gia hạnh tà, học gia hạnh chân chánh. Người kia tác niệm như vậy: “Ta nay vì chứng tâm tánh nhất cảnh và vui thích trong việc tu đoạn, nên phải siêng tu tập bốn loại tác ý”. Những gì là bốn? 1. Tác ý điều luyện tâm; 2. Tác ý tươi nhuận tâm; 3. Tác ý sanh khởi khinh an; 4. Tác ý thanh tịnh trí kiến.

Sao gọi là tác ý điều luyện tâm? Do tác ý đây, nên khiến tâm nhằm chán xa lìa đối với pháp đáng nhằm chán họa hoạn. Đây gọi là tác ý điều luyện tâm.

Sao gọi là tác ý tươi nhuận tâm? Do tác ý đây, nên khiến tâm vui thích đối với pháp đáng hân lạc bậc thượng. Đây gọi là tác ý tươi nhuận tâm.

Sao gọi là tác ý sanh khởi khinh an? Do tác ý đây, vào thời gian này, đối với pháp đáng nhàm chán khiến tâm nhàm chán xa lìa; vào thời gian khác, đối với pháp đáng hân lạc khiến tâm vui mừng hơn hở. Sau khi đã an trú trong nội tịnh, vô tướng, vô phân biệt, thì niệm nhất cảnh chuyển. Do nhân duyên đây đối trị tất cả thô trọng của thân tâm, năng khiến tất cả thân tâm điều thích vui vẻ, sanh khởi tất cả thân tâm khinh an. Đây gọi là tác ý sanh khởi khinh an.

Sao gọi là tác ý thanh tịnh trí kiến? Do tác ý đây, nên vào thời gian khác dụng nội tâm tịch tĩnh như vậy làm chỗ nương. Do luôn luôn gia hạnh nội tịch tĩnh tâm, ở trong pháp Quán tu tăng thượng tuệ. Đây gọi là tác ý thanh tịnh trí kiến.

Vị kia tu hành theo từng thời gian như vậy, đối với các pháp đáng nhàm chán khiến tâm nhàm chán xa lìa, cũng vậy đối với các lậu và pháp xứ lậu, năng khiến tâm phát sanh thiêu đốt, thiêu đốt hết thấy, sanh nhàm chán, nhàm chán hết thấy.

Những gì gọi là pháp đáng nhàm chán hoại hoại? Lược có 4 loại pháp đáng nhàm chán hoại hoại. Đó là: hoặc đối với việc hiện đang mắc phải suy tổn của mình và suy tổn của người, lúc đang hiện tại tiền, vì luôn tư duy, tác ý như lý, nên thấy việc đây thật đáng nhàm chán. Hoặc đối với việc trước kia hưng thịnh của mình và người đã tan hoại diệt mất, lúc tan rã biến hoại, vì luôn tư duy, tác ý như lý, nên thấy việc kia thật đáng nhàm chán. Lại vị kia cũng hành như sau, vào thời gian này, đối với pháp đáng hân lạc khiến tâm vui mừng hơn hở. Vì sanh khởi vui mừng hơn hở, năng khiến trong tâm trở nên tươi mới thấm nhuần, ẩn chứa sự vui thích trong sạch.

Những gì gọi là pháp đáng hân lạc bậc thượng? Tóm lược có 3 pháp đáng hân lạc bậc thượng: 1. Tam Bảo; 2. Học xứ thanh tịnh, giới thanh tịnh; 3. Ở nơi những điều chứng đắc sai biệt của bản thân, tâm không khiếm nhược, sanh tin hiểu sâu.

– Sao gọi là tùy niệm Tam Bảo khiến tâm vui mừng hơn hở? Như khởi niệm như vậy: “Ta nay khéo được lợi lớn, đó là chư Như Lai Chánh Đẳng Giác làm bậc Đại sư của ta. Ta nay khéo được lợi

lớn, đó là được xuất gia trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da. Ta nay khéo được lợi lớn, đó là được cùng các hành giả đầy đủ giới, đầy đủ đức, nhẫn nhục, nhu hòa, đồng phạm hạnh làm pháp lữ thành tựu pháp hiền thiện. Ta nay sẽ hiền thiện mà mạng chung, hiền thiện mà chết đi, đời sau sẽ đi đến cõi hiền thiện”. Như vậy gọi là tùy niệm Tam Bảo khiến tâm vui mừng hơn hở.

– Sao gọi là tùy niệm học xứ thanh tịnh, giới thanh tịnh khiến tâm vui mừng hơn hở? Như khởi niệm như vậy: “Ta nay khéo được lợi lớn, đó là ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, khéo tu chánh hạnh trong chúng Thanh văn. Ta được cùng với các bậc đồng phạm hạnh, đồng giới, đồng học, đồng tu thân ngữ ý nghiệp nhân từ, đồng chung sở kiến, đồng chung vật thọ dụng”. Như vậy gọi là tùy niệm học xứ thanh tịnh, giới thanh tịnh khiến tâm vui mừng hơn hở. Vì không hối hận làm tiền dẫn khiến phát sanh hoan hỷ.

– Sao gọi là ở nơi điều chứng đắc sai biệt của bản thân, tâm không khiếp nhược, sanh tin hiểu sâu, khiến tâm vui mừng hơn hở? Như khởi niệm

như vậy: “Ta nay có sức, có khả năng kham nhiệm, vì giới thanh tịnh nên kham làm bậc pháp khí. Lại được cùng các bậc đồng phạm hạnh đồng giới thanh tịnh, được cùng các bậc thiện sĩ chân chánh có trí đồng chung sở kiến. Ta có khả năng kham nhiệm tinh cần tu tập chánh hạnh như vậy, ngay trong hiện pháp năng đắc điều chưa đắc, năng xúc điều chưa xúc, năng chứng điều chưa chứng”. Do niệm đây khiến tâm sanh cực hoan hỷ. Như vậy gọi là ở nơi điều chứng đắc sai biệt của bản thân, tâm không khiếm nhược, sanh tin hiểu sâu, khiến tâm vui mừng hơn hở.

Lại do vị kia trước sau đều đồng mãnh tinh tấn như vậy, nên được an trụ nơi sự chứng đắc khác nhau. Lại vào thời sau, do tùy niệm đây, nếu có những sự chứng đắc sai biệt khác, cũng phát sanh tin hiểu sâu, khiến tâm vui mừng hơn hở. Đây gọi là môn khác.

Tóm lại, hành giả tu hành như vậy, đối với các pháp đáng nhàm chán, điều phục rèn luyện tâm; đối với pháp xứ năng thuận theo các lậu, khiến tâm xa lìa, buông bỏ, không nhập vào; đối với các pháp đáng hân lạc, khiến tâm hơn hở reo

vui; đối với pháp do ra khỏi và do xa lìa sanh khởi, vì có sự gần gũi yêu thích, thì khiến tâm hướng đến, nương tựa, vui thích, an trú trong sự hòa hợp...

Như vậy tâm kia do hai hành tướng là nhàm chán và reo vui, nên đi ngược với phẩm hắc, hướng đến các phẩm bạch, dễ dàng đạt đến sự giải thoát.

Như vậy tâm kia do tác ý điều luyện tâm, nên trái lìa các phẩm hắc. Do tác ý tươi nhuận tâm, nên hướng đến các phẩm bạch. Do tác ý sanh khởi khinh an, nên theo từng thời gian, nương Xa-ma-tha, thâm nhiếp giữ gìn tâm vào bên trong. Do tác ý thanh tịnh trí kiến, nên tùy theo từng thời gian, đối với pháp cần tư trạch, thì tư trạch tận cùng, tầm tư khắp cả, quán xét khắp cả.

Như vậy tâm kia tùy theo từng thời gian, nương theo sự nhiếp thọ của Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, kham nhiệm cùng với tất cả hành tướng, tất cả công đức kia làm nhân nhiếp thọ. Trải qua ngày đêm, sát-na, lạc-phược, tu-du, đợi đến lúc được thăng tiến. Ví như thầy kim hoàn giỏi, hoặc học trò của ông, vào thời gian này dùng lửa luyện vàng loại bỏ tất cả cấu uế của vàng kia. Vào thời gian khác, lại bỏ vào nước trong sạch, rồi dùng những vật dụng

trong nghề để giữa gọt, tô điểm. Do vàng đã được tinh luyện nên có đủ sức kham nhiệm, mềm dẻo, dễ uốn nắn. Trong đây, người thầy kim hoàn giỏi và học trò của ông dùng trí nghề nghiệp tinh xảo khéo diệu, đã khéo rõ biết việc như thế, nên sử dụng các dụng cụ trong nghề, tùy theo sở thích mà giữa gọt, tô điểm với vô số kiểu dáng sai khác.

Như vậy, hành giả siêng tu Du-già khiến tâm xả bỏ, trái lìa tất cả cấu uế như tham... cũng khiến tâm xả bỏ, xa lìa các nhiễm ô, ưu não, đối với các pháp đáng nhàm chán sanh sâu chán lìa. Vì khiến hướng đến các phẩm hỷ lạc thiện thanh tịnh, nên đối với các pháp đáng hân lạc phát sanh vui thích khiến hân hoan sanh khởi. Hành giả như vậy tùy theo ý thích mà tự an lập cho mình, hoặc phẩm Xa-ma-tha, hoặc phẩm Tỳ-bát-xá-na, tức ở nơi các pháp kia năng khéo thân cận, năng khéo hòa hợp, không bị động chuyển, vui thích thuận theo chủng chủng nghĩa, như điều đã tín hiểu đây mà năng thành tựu trọn vẹn.



Quyển 32

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA

Phần 3 của DU GIÀ XỬ - Thứ 3

Sao gọi là hành giả mới tu nghiệp, lúc ban đầu tu tập như chỗ thích hợp mà an lập ở nơi việc tu tác ý, theo điều đã an lập mà chân chánh tu hành, trước tiên sẽ xúc chứng vui thích trong việc tu đoạn và tâm tánh nhất cảnh?

Vị thầy tu Du-già đã khéo thông đạt, lúc đầu đối với người mới tu nghiệp nương theo hạnh Du-già tu hành, dạy bảo như vậy: “Lành thay, hiện tử! Ông nay phải nương ba loại nhân duyên nắm giữ tướng, hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc tâm so sánh phân biệt tăng thượng để nắm giữ năm loại tướng: 1. Tướng chán lìa; 2. Tướng hân lạc; 3. Tướng quá hoạn; 4. Tướng quang minh; 5. Tướng phân biệt rõ ràng sự việc”.

Hỏi: Nếu người mới tu nghiệp nương theo hạnh Du-già là người hành tham, chỉ dụng quán bất tịnh mới có thể điều phục. Làm thế nào để chỉ dạy

người kia nắm giữ năm loại tướng?

Đáp: Nên dạy bảo như vậy: “Lành thay, hiền thủ! Ở trong tụ lạc thôn xóm nào mà ông đã cư trú, hoặc được nghe ở một thôn xóm tụ lạc khác có nam nữ trước lãnh thọ an vui, nhưng về sau không may gặp khổ. Hoặc nam nữ kia bị lâm trọng bệnh dẫn đến mất mạng. Hoặc nam nữ kia có quyến thuộc thân thích phải chịu các nạn khổ, do tụ lạc thôn xóm mà họ ở là vùng biên địa hay do hao tổn mất mát tài sản. Hao tổn mất mát tài sản đây, hoặc bị kẻ cướp dùng sức mạnh đoạt lấy, hoặc bị lửa cháy, hoặc bị nước cuốn trôi, hoặc do làm việc ác, hoặc do không khéo gây tạo sự nghiệp, hoặc do không khéo phân chia công việc, hoặc vì chung vốn với người xấu để kiếm lời, hoặc do cháy nhà...

Hoặc ông tự mình chứng kiến, chẳng phải do nghe lại. Hoặc xảy ra ngay thôn xóm tụ lạc nơi ông cư trú, chẳng phải thôn xóm tụ lạc khác. Hoặc chẳng phải người ở thôn xóm tụ lạc đây, cũng chẳng phải người ở thôn xóm tụ lạc khác, mà chính tự thân ông trước đã tiếp xúc chứng kiến rõ ràng cảm thọ vui, nhưng về sau lại mất đi, nói rộng như trước. Ông đã nghe, đã thấy như vậy, phải nên

sanh tâm sâu nhàm chán tai hoạn: Sanh tử như thế là khổ cùng cực, thân thể có được đây cũng khó khăn vô cùng. Vậy mà trong đó dung chứa hết thủy sự suy tổn mình, người sai khác, đó là suy tổn của bệnh tật, suy tổn của thọ mạng, suy tổn của quyền thuộc, suy tổn của tài bảo. Tánh pháp bệnh tật, tánh pháp hoại tử. Lại có một loại suy tổn tịnh giới, suy tổn chánh kiến. Do nhân duyên đây, các chúng sanh kia ở đời hiện tại lâm vào khổ não, ở đời vị lai đi vào các cõi ác. Những người hưng thịnh, tuy đời hiện tại hưởng sự an vui, ở đời vị lai sanh đến các cõi thiện, mà vẫn là vô thường. Ở nơi vô thường kia hiện tiền có thể chứng kiến.

Như ông được thấy, nếu có người lãnh thọ sự hưng thịnh, vào thời gian sau bị suy tổn thì dễ dàng xảy ra. Còn nếu có người lãnh thọ sự suy tổn, vào thời gian sau được hưng thịnh thì khó thể xảy ra. Cho nên các sự hưng thịnh đều là pháp khó được mà dễ tan hoại. Như vậy ông nên sanh tâm sâu nhàm chán họa hoạn, tác ý cực khéo, thọ trì như lý: “Xứ sở như thế sao có thể tin là sẽ được bảo toàn? Ta vẫn còn lưu chuyển trong sanh tử, tâm chưa giải thoát, chưa đắc Bát-niết-bàn. Hai pháp

suy tổn, hưng thịnh như vậy chớ để nó hiện diện trong ta, chớ để nhân duyên kia lôi kéo khiến ta đọa vào những chốn như vậy. Do đây mà sanh khởi sự đau khổ mãnh lợi mạnh mẽ không thích ý. Do lực tăng thượng của sự việc đây, ta sẽ chân thành đi đến vui thích trong việc tu đoạn, ta sẽ tu hành không phóng dật, ta an trụ nhiều như vậy sẽ năng giới hạn được các việc làm vô nghĩa”.

Ông nên tác ý cực khéo, thọ trì như lý như vậy. Sau khi đã nắm giữ tướng chán lìa, ông lại nên tinh cần tu tập tướng hân lạc, nên tự quán sát các giới đã thọ học, giới nào đã khéo thanh tịnh, giới nào chưa thanh tịnh, tự nghĩ: “Ta hoặc quên mất niệm, hoặc không cung kính, hoặc nhiều phiền não, hoặc thiếu hiểu biết, nên đối với các học xứ có sự trái phạm. Ta phải ở nơi bản tánh như pháp tăng thượng ý vui, ở nơi các học xứ phát khởi tâm sâu xa không hủy phạm. Ta đối với việc nên làm phải làm, đối với việc không đúng không làm”. Tóm lại, ở nơi các học xứ phải khiến tăng thượng ý vui cho đến viên mãn, cũng khiến sở hữu gia hạnh tròn đủ. Lúc ông chân chánh quán sát như vậy, nếu biết rõ giới uẩn của mình thanh tịnh, tuy

không khởi nghĩ rằng mình đang phát khởi vô hối thanh tịnh, nhưng nơi pháp nhĩ giới thanh tịnh quyết định sanh khởi vô hối thanh tịnh. Lúc phát khởi vô hối thanh tịnh như thế, tuy không khởi nghĩ mình đang hoan duyệt, nhưng nơi pháp nhĩ vô hối đó quyết định sanh khởi hoan duyệt. Như vậy, ở chỗ hoan duyệt nương tựa, ông nên sanh khởi vô hối thanh tịnh làm tiền dẫn cho nó. Tiếp theo, ông nên đoạn trừ chướng ngại hỷ duyệt bằng cách phải sanh khởi vui thích, tự nghĩ: “Ta nay giới thanh tịnh nên có lực, có khả năng an trụ học xứ mà Đức Thế Tôn chế lập. Ở trong hiện pháp năng đắc điều chưa đắc, năng xúc điều chưa xúc, năng chứng điều chưa chứng”, do đây phát sanh ý hỷ duyệt. Nếu ông đạt được ít phần chứng đắc trước sau sai khác, do sự việc đây lực tăng thượng, lại phải sanh tin hiểu, phát khởi ý hỷ duyệt đối với các điều chứng đắc viên mãn sai khác của người khác, đó là chư Như Lai và các Thánh đệ tử, cũng như sở chứng sai khác của bản thân về sau. Hành tướng của các ý vui thích như vậy, trước gọi là hoan duyệt, nay gọi là hỷ duyệt, gọi chung là ý duyệt. Như vậy gọi là nắm giữ tướng hân lạc.

Sau khi đã nắm giữ tướng đây rồi, lại nên dạy bảo rằng: “Hiền thủ! Do ông nắm giữ tướng chán lìa như thế nên điều luyện tâm, lại do tướng hân lạc như thế nên tươi nhuần tâm. Ông lại nên an trụ nhiều trong việc đoạn diệt tham ưu thế gian. Tùy ở nơi cảnh giới sở duyên kia mà siêng tu gia hạnh, hoặc phẩm Xa-ma-tha, hoặc phẩm Tỳ-bát-xá-na, tức là khiến tâm an trụ, nội trụ, đẳng trụ... đối với kia vậy. Như thế ông sẽ đạt được thân tâm khinh an và tánh nhất cảnh.

Nếu ông đi ngược với các phẩm hắc, hướng đến các phẩm bạch, tức là điều luyện tâm, tức là tươi nhuần tâm. Lại phải luôn luôn nắm giữ tướng, tức là nắm giữ tướng quá hoạn của các tướng, tầm tư và tùy phiền não. Nói các tướng, tức là mười tướng như sắc..., tầm tư tức là tám tướng như dục..., tùy phiền não tức là năm tướng như tham dục...

Ông phải nắm giữ tướng quá hoạn của kia như sau: các tướng năng khiến tâm tác dụng vội gấp, tầm tư năng khiến tâm nghĩ nhớ xáo động quấy nhiễu, tùy phiền não năng khiến tâm thường không tịch tĩnh. Ngược lại, nếu tâm tác dụng vội gấp là do các tướng gây ra, nếu tâm nghĩ nhớ xáo động

quấy nhiễu là do tâm tư gây ra, nếu tâm thường không tịch tĩnh là do tùy phiền não gây ra. Do tất cả đây khiến tâm rơi trong khổ não. Cho nên các tướng, tâm tư, tùy phiền não là khổ, chẳng phải đạo của bậc Thánh, năng dẫn phát những điều vô nghĩa khiến tâm tán động, khiến tâm nghĩ nhớ xao động quấy nhiễu, khiến tâm nhiễm ô. Ông cần nắm giữ tướng quá hoạn như thế.

Lại ông nên nương tâm tánh nhất cảnh, tâm tánh an trụ, tâm tánh không loạn. Để nắm giữ chân chánh, ông phải dụng 6 chủng hành. Những gì là sáu? 1. Tưởng vô tướng; 2. Ở trong vô tướng, tưởng không tác động; 3. Tưởng không phân biệt; 4. Ở trong không phân biệt, tưởng không nghĩ nhớ, không tháo động quấy nhiễu; 5. Tưởng tịch tĩnh; 6. Ở trong tịch tĩnh, tưởng lìa các phiền não, an vui tịch diệt.

Ông đã nắm giữ tướng quá hoạn như thế, lại phải luôn luôn nắm giữ tướng quang minh, hoặc ánh sáng của đèn, hoặc ánh sáng của đám lửa lớn, hoặc ánh sáng của mặt trời, hoặc ánh sáng của mặt trăng. Sau khi nắm giữ tướng quang minh, đến nơi gò mả đồng hoang, nắm giữ tướng xanh bầm

máu ứ, nói rộng cho đến tướng xương khớp. Nếu không đến đó được, thì nắm lấy tướng được tạo thành trên tranh vẽ, thân cây, đá. Sau đó trở về trú xứ, hoặc a-lan-nhã, hoặc dưới gốc cây trong rừng, hoặc nhà không nhân, trước rửa chân sạch sẽ, ngồi kiết già trên giường lớn, hoặc giường dây nhỏ, hoặc tòa ngồi bằng cỏ lá, thân ngay thẳng chánh nguyện, an trụ niệm trái lìa. Trước tiên cột tâm vào một cảnh khiến không tán loạn, hiện tiền buộc niệm.

Lại ở trong ấy, tác ý tư duy nương theo sáu chủng tướng: 1. Tướng vô tướng; 2. Tướng không phân biệt; 3. Tướng tịch tĩnh; 4. Tướng không tác động; 5. Tướng không nghĩ nhớ, không xao động quấy nhiễu; 6. Tướng lìa các phiền não, an vui tịch diệt.

Lại ở trong ấy, ông phải nhận biết sâu rõ khắp cả tướng loạn, không loạn, hiện tiền phân minh. Như như nhận biết sâu rõ khắp cả tướng loạn, không loạn, như vậy như vậy năng nhận biết sâu rõ các tướng, tâm tư, tùy phiền não thuộc sở hữu tướng loạn và năng biết rõ tâm tánh nhất cảnh, tu tập theo sáu tướng thuộc sở hữu tướng không loạn.

Lại ông quán xét sâu kỹ, nhận biết rõ khắp các tướng loạn, không loạn đây, bèn năng an trụ một cảnh sở duyên, cũng năng an trụ nội tâm dừng lặng. Các tâm tương tục, các tâm trôi chảy trước sau một vị vô tướng, vô phân biệt, triển chuyển trong sự tịch tĩnh.

Lại nếu tâm ông tuy được dừng lặng, nhưng do lạc mất niệm và do chứa nhóm quá hoạn của các tướng, tâm tư, các tùy phiền não, nên chúng phát khởi, như ảnh tượng sở duyên của mặt gương luôn hiện ở trước. Tùy theo chỗ sanh khởi, tức ở trong ấy ông phải liên tu tập tác ý không niệm theo. Đó là trước do lực tăng thượng nhận biết các tướng quá hoạn, tức ở nơi tướng cảnh sở duyên như thế tu tập tác ý không niệm theo để trừ bỏ tán loạn, cho đến khiến chúng rốt ráo không hiện hành.

Hiền thủ phải biết, sở duyên như vậy rất là thẳm sâu vi tế, khó thể thông đạt. Vì câu thông đạt, ông phải phát khởi vui muốn mạnh mẽ, siêng năng tinh tấn. Đức Thế Tôn nương cảnh tướng sở duyên đây mật ý thuyết rằng: “Bí-sô các ông nên biết chúng thiện, nói chúng thiện tức là ở trong hội chúng đây có những người dung sắc trẻ đẹp

khỏe mạnh. Chúng thiện đây rất thù thắng, tức là ở trong hội chúng đây có những diễn viên ca múa tuyệt diệu. Giả sử một người trượng phu trí huệ từ ngoài đi vào, bảo với một người: Này ông! Ông nay phải bung bát đầy dầu đây đi qua chúng hội mà chẳng được để dầu tràn ra ngoài. Nhớ phải tránh chỗ có người trẻ đẹp và diễn viên ca múa, vì có một người hung dữ cầm gươm bén luôn theo dõi ông, nếu thấy một giọt dầu rơi xuống đất sẽ dùng gươm bén lấy dầu, kết thúc mạng căn của ông. Bí-sô, nơi ý các ông hiểu sao? Người bung bát dầu đây sẽ không tác ý chú tâm vào bát dầu, vào người hung dữ và mặt đất không bằng phẳng, mà lại tác ý ngấm nhìn xung quanh chẳng?”

– Thưa không, Thế Tôn! Vì cố sao? Người bung bát dầu đây thấy người hung dữ cầm gươm bén theo sau, trong lòng khiếp sợ, chỉ chuyên tâm nghĩ: “Bát dầu quá đầy thật khó giữ để đi qua hội chúng đây! Chỉ cần một giọt rơi xuống đất, chắc chắn kẻ kia sẽ chém đầu ta, sẽ kết thúc mạng căn của ta”. Người kia bấy giờ đều không tác ý nghĩ tưởng ngấm nhìn xung quanh, chỉ chuyên tâm tác ý giữ gìn bát dầu.

– Như vậy, Bí-sô! Các đệ tử của ta chuyên tâm

nhớ nghĩ, cung kính, cẩn trọng vui thích tu bốn niệm trụ, phải biết cũng vậy.

Trong đây, *chúng thiện* dụ cho năng thuận theo pháp tham dục triền... và tùy phiền não. *Ở nơi ca hát nhẩy múa tuyệt diệu* dụ cho năng thuận các pháp tâm tư, hý luận, xao động. *Trẻ đẹp, khỏe mạnh* dụ cho mười loại tướng như sắc... *Bậc trượng phu trí huệ* dụ cho vị thầy Du-già. *Bát dầu đầy* dụ cho tâm an trụ Xa-ma-tha. Năng khiến thân tâm khinh an, thấm nhuần, tươi mới là nghĩa Xa-ma-tha. *Người hung dữ cầm gươm bén theo dõi* dụ cho việc nhận biết quá hoạn của các tướng, tâm tư, tùy phiền não và nắm giữ các tướng trước. *Chú tâm gìn giữ, không để một giọt dầu rơi xuống đất* dụ cho năng quán xét sâu kỹ, nhận biết rõ khắp tướng loạn, không loạn, do chỗ nhiếp thọ đạo Xa-ma-tha, năng khiến các tâm tương tục, các tâm trôi chảy. Do lực tinh tấn thúc đẩy không gián đoạn, nên triển chuyển trước sau một vị vô tướng, không phân biệt, tịch tĩnh; không khởi một tâm duyên vào các tướng, hoặc duyên vào tâm tư, hoặc duyên vào tùy phiền não.

Vị thầy Du-già lại khéo ân cần dạy bảo đạo

Xa-ma-tha cho người mới tu nghiệp, bảo rằng: Hiền thủ! Nếu ông tinh cần tu tập đạo Xa-ma-tha, phải phương tiện tu như sau. Đó là nhiếp thọ chánh niệm chánh biết đồng hành với tâm có hỷ lạc, gọi là khéo tu đạo Xa-ma-tha. Nếu trở lại chứa nhóm các lỗi lầm, thì trong tâm không thể hỷ lạc sâu, phải rất khó khăn nỗ lực sách tấn, hỷ lạc kia mới lại hiện tiền. Lúc ấy cần nhanh chóng ra khỏi cảnh tướng sở duyên không phân biệt, buộc niệm tại cảnh tướng sở duyên có phân biệt. Thực hành như trong phần nắm giữ các tướng bất tịnh ở trước.

Ông nay lại phải tác ý tư duy: Trước chỉ nên thực hành Tỳ-bát-xá-na hành theo tướng, hoặc quán tướng xanh ú, hoặc quán tướng máu mủ thối rữa, nói rộng cho đến hoặc quán tướng xương tướng khớp, hoặc quán tướng xương khớp. Lúc bắt đầu tu quán, phải phát khởi thắng giải ở nơi một tướng xanh ú, nói rộng cho đến một tướng xương khớp. Nếu ở trong ấy đã tu tập quen, thì đạo Quán càng rõ ràng sáng sủa. Khi tướng sở duyên rõ ràng, thắng giải chuyển vận tương tục, lại phải thắng giải ở nơi hai, ba, bốn, năm, mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, hoặc một trăm tướng

xanh ứ, một ngàn tướng xanh ứ... cho đến hết thấy các phương chỉ toàn xanh ứ, phát khởi vô lượng hành biến khắp tất cả mọi nơi, thắng giải không gián đoạn cho đến trong ấy không còn chỗ dung chứa mảy trần. Như quán tướng xanh ứ, thì cho đến tướng xương khớp cũng vậy. Ông nương tác ý thắng giải như vậy, cần phải thú nhập tác ý chân thật. Lúc thú nhập nên khởi nghĩ đây: “Như ta hiện nay đang thực hành thắng giải vô lượng xanh ứ, nói rộng cho đến vô lượng xương khớp. Lượng chân thật của xanh ứ, nói rộng cho đến xương khớp thì vượt quá không thể tính biết. Vì cơ sao? Từ tiền tế đến nay luân hồi sanh tử trong các cõi, các thú kia kia, ta đã bao lần chết đi, bao lần vất bỏ thi hài, nên có vô lượng vô biên tướng xanh ứ cho đến xương khớp. Tính từ ngần mé tiền tế, số lượng ấy không thể biết được. Giả sử có thể thu gom hết thi hài đã xả bỏ như vậy không cho hoại nát, thì tất cả đại địa cũng không thể dung chứa. Ở trong một kiếp, sự vất bỏ thi hài cho đến xương khớp đây, giả sử có thể thu gom lại một chỗ, thì lượng ấy sẽ chất thành núi xương cao lớn. Như từ tiền tế thì hậu tế cũng vậy, cho đến chưa thể tạo

thành biên tế khổ”. Như vậy ông nương tác ý thắng giải, cần phải thú nhập tác ý chân thật.

Lại lúc tu tập quán tướng xanh ú.. cho đến tướng xương khớp như vậy, chẳng nên quán sát nhanh. Tạm thời phải ở nơi một tướng thi hài xanh ú khởi thắng giải rồi, tầm lại khiến tâm tịch tĩnh bên trong. Cho đến ở nơi cảnh tướng sở duyên này, hỷ lạc sáng sạch, không bị nhiễu não, không nỗ lực gắng sức mạnh mẽ, thì lúc ấy nên lại phát khởi thắng giải tướng thi hài xanh ú. Nếu ở nơi cảnh tướng sở duyên này cần phải có lực khích lệ mới hiện tiền, thì lúc ấy nên tu tịch tĩnh bên trong. Như quán tướng xanh ú, thì quán cho đến tướng xương khớp phải biết cũng vậy. Do đạo lý đây cho đến quán vô lượng phải biết cũng vậy.

Như vậy đã khiến tâm bên trong tịch tĩnh rồi, lại phải phát khởi thắng giải tịch tĩnh. Đó là từ vô lượng máu ú cho đến vô lượng xương khớp cuối cùng, bên trong thấu tóm tâm, phương tiện trừ khiển, an đặt trong các tướng không hiển hiện. Không hoàn toàn xả bỏ tướng có phân biệt, cũng không phân biệt, chỉ ở nơi cảnh giới sở duyên đó, an trụ tâm, vận chuyển vô tướng, không phân biệt, tịch tĩnh.

Vị thầy Du-già lại nên dạy bảo rằng: “Hiền thủ! Các tướng quang minh mà ông nắm lấy trước, ở trong gia hạnh phẩm loại Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na đều nên tác ý tư duy như lý. Năng dùng tâm câu với sáng suốt, tâm câu với chiếu soi, tâm câu với sáng sạch, tâm câu với không ám muội mà tu Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na. Như vậy là ở nơi đạo Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na tu tướng quang minh.

Nếu ban đầu ở nơi cảnh sở duyên, không nhiều phân biệt rõ ràng, luôn tu tập thắng giải trong tướng ám muội, do nhân duyên đây về sau sở hữu thắng giải đã tu tập cũng không phân minh rõ ràng, vì tuy thường xuyên tu tập nhiều mà tướng ám muội. Nếu ban đầu ở nơi cảnh sở duyên, phân nhiều phân biệt rõ ràng, luôn tu tập thắng giải trong tướng sáng rõ, do nhân duyên đây về sau sự tu tập triển chuyển càng phân minh rõ ràng, tuy ít thực hành mà tướng sáng rõ.

Như vậy, do ông khéo nắm giữ tướng chán lìa, tướng hân lạc, tướng Xa-ma-tha, tướng Tỳ-bát-xá-na, tướng quang minh, nên trường thời tâm được tịch tĩnh. Ở mọi thời, do Tỳ-bát-xá-na hành theo tướng, tư trạch các pháp, tức là lực chánh tu gia

hạnh quán bất tịnh tăng thượng, thứ lớp thú nhập các niệm trụ. Lúc sắp thú nhập, ông trước nên quan sát 36 thứ trong thân, từ tóc lông cho đến tiểu tiện, khéo nắm giữ tướng đó. Ông nên phát khởi thắng giải bất tịnh ở nơi các thứ bất tịnh của bản thân như thế. Luôn luôn phát khởi rồi, lại khiến trong tâm tịch tĩnh. Như vậy gọi là đối với nội thân, tu quán tuần thân, vì nương nội thân mình mà phát khởi. Kế đến, ông nên ở nơi các vật bất tịnh bên ngoài, khéo nắm giữ tướng ấy. Phát khởi thắng giải xanh ứ... cho đến thắng giải xương khớp, hoặc thắng giải nhỏ hẹp, hoặc thắng giải rộng lớn, hoặc thắng giải vô lượng. Luôn luôn phát khởi rồi, lại khiến trong tâm tịch tĩnh. Như vậy gọi là đối với ngoại thân, tu quán tuần thân, vì nương thân người khác mà phát khởi. Về sau, ông nên ở nơi các vật bất tịnh trong ngoài của bản thân, khéo nắm giữ tướng đó, khiến tâm sáng rõ. Lại ở nơi các vật bất tịnh trong ngoài của thân người khác, khéo nắm giữ tướng đó, khiến tâm sáng rõ. Ông nên phát khởi thắng giải như vậy đối với tướng mà mình đã lãnh thọ.

Lại đối với thân người đã chết đem bỏ ngoài

gò má, đặt nằm dưới đất, cho đến lúc tử thi kia bị xanh bầm, ứ máu... rồi giai đoạn mủ thối rữa, nói rộng cho đến giai đoạn xương khớp, theo đó phát khởi thắng giải. Luôn luôn phát khởi rồi, lại khiến trong tâm tịch tĩnh. Như vậy gọi là ở trong ngoài thân, tu quán tuần thân, vì nương hoặc trong hoặc ngoài của thân mình, thân người mà phát khởi.

Lại ông nên ở nơi bốn uẩn vô sắc, do lực văn, tư tăng thượng mà phân biệt nắm giữ tướng ấy. Phát khởi thắng giải ở ba phần: 1. Nơi phẩm Xa-ma-tha; 2. Nơi phẩm không tán loạn; 3. Nơi phẩm Tỳ-bát-xá-na.

Nơi phẩm Xa-ma-tha thế nào? Nếu ở trong tâm bị hôn muội, phát khởi tướng hành vô tướng, không phân biệt và tướng hành không tác dụng, không nghĩ mến, không xao động, lìa các phiền não, an vui tịch diệt. Ở nơi cảnh sở duyên, tâm không loạn, ông phải tư duy như lý, phát khởi thắng giải: “Bốn uẩn vô sắc như thọ... từng sát-na sát-na triển chuyển riêng khác, chỉ toàn mới mới, không phải là cũ”. Như vậy gọi là ở trong thọ, tâm, pháp, tu quán tuần thọ, tâm, pháp.

Nơi phẩm không tán loạn thế nào? Ông trước

vì nắm giữ các cảnh giới, duyên theo các cảnh giới, nên rơi vào bất định địa. Quá khứ đã diệt, và hiện tại đây do ông lạc niệm, nên tâm tán loạn phát sanh cảnh của các tướng, tầm tư, tùy phiền não khiến tăng thượng lãnh thọ hết thấy bốn uẩn vô sắc. Ông nên ở nơi đây tác ý như lý: “Các pháp như vậy tánh nó đều hư huyền, đối gạt, hiện hữu tạm thời, bỗng chốc hiện tiền. Tánh nó vô thường, nhiều các quá hoạn, không thể tin chắc”. Ông nên phát khởi thắng giải như thế. Như vậy gọi là ở ngoài thọ, tâm, pháp, tu quán tuần thọ, tâm, pháp.

Nơi phẩm Tỳ-bát-xá-na thế nào? Ông đã khéo nắm giữ tướng Tỳ-bát-xá-na, an trụ tác ý có tướng, có phân biệt. Ở nơi sở duyên có tướng, có phân biệt tăng thượng bên trong, chỗ sanh khởi lãnh thọ bốn uẩn vô sắc, ông nên tác ý như lý tư duy pháp đây, phát khởi: “Bốn uẩn vô sắc như thọ... từng sát-na sát-na triển chuyển riêng khác, chỉ toàn mới mới, không phải là cũ, tương tục lưu chuyển”. Như vậy gọi là ở trong ngoài thọ, tâm, pháp, tu quán tuần thọ, tâm, pháp.

Như vậy, do ông nương quán bất tịnh lực tăng thượng mà chân chánh tu tập gia hạnh, ở nơi bốn

niệm trụ sẽ được thú nhập.

Lại ông nên ở nơi gia hạnh niệm trụ đây luôn tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na hơn nữa. Ông ở nơi bốn niệm trụ an trụ chánh niệm như vậy, nên tùy đó mà cư trú nơi ven các thôn xóm tụ lạc. Nếu nơi tâm vẫn thuận theo nhập vào cảnh giới sở duyên, ông nên xả tướng của cảnh sở duyên đây, vào thôn xóm tụ lạc kia khát thực. Ông phải biết khéo tránh các thú dữ, những nơi nguy hiểm dơ bẩn, nên xa lìa các oai nghi xấu, nằm ngồi những chỗ dơ bẩn.

Ông phải khéo phòng hộ giữ gìn thân mình như vậy: “Đối với các tướng cảnh giới không nên sách tấn các căn, không nên dụng công, phải khéo giữ gìn các căn. Đối với các tướng cảnh giới nên sách tấn các căn, phải chân thật dụng công, khéo an trụ chánh niệm, khiến các phiền não không thể phát khởi hiện hành”.

Ông phải khéo phòng hộ thân mình như thế, tức là khéo giữ gìn các căn, khéo an trụ chánh niệm. Ở nơi tác ý kia, khéo biết lượng trong việc thọ dụng ăn uống.

Lại khi thuyết pháp cho người tại gia, xuất gia, ông phải nói lời đúng lượng, nói lời đúng lý,

nói lời đúng thời, nói lời chánh trực, nói lời tịch tịnh, thấy đều phải xa lìa tất cả ngôn luận phi pháp của thế gian. Tuy tuyên nói ngôn luận như pháp, cũng chẳng nên tranh cãi hơn thua. Vì có sao? Nếu những người thích tranh luận hơn thua, xoay vần nạn hỏi, tâm ông sẽ bị lôi cuốn trong các hý luận. Vì nhiều hý luận khiến tâm trạo cử, vì trạo cử khiến tâm không tịch tĩnh, vì không tịch tĩnh khiến tâm xa lìa Tam-ma-địa. Lâm vào tình trạng như vậy, ông phải gấp rút không xả bỏ sở duyên, ngồi kiết già, tu tập hạnh Du-già như phương tiện dùi lửa của thế gian, nương nơi Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na như tướng mà ông đã từng nắm giữ, thường xuyên thực hành, rốt ráo thực hành, phát khởi gia hạnh ân trọng và gia hạnh không gián đoạn. Ông phải xuyên suốt tu tập như vậy, rốt ráo tu tập như vậy.

Lại ông nên khởi tâm nguyện thế này: “Giả sử gom tất cả tuổi thọ của người ở Thiệm-bộ châu đều dành cả cho một thân tôi, tôi nhất định sử dụng tận hết thọ mạng vô lượng này cho sự tu tập tác ý Du-già, tu tập nơi Đoạn, tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na thù thắng, tu tập tinh tấn không bao giờ tạm xả. Bởi tôi nhận thức rõ việc tu tập Du-già

đây sẽ thu hoạch quả to lớn, lợi ích thù thắng to lớn. Huống chi tôi chỉ có tuổi thọ ngắn ngủi, có chút ít thời gian sống sót, nhiều nhất chẳng quá một trăm năm, suy cho cùng chỉ trong khoảnh khắc”. Như vậy ông nên theo điều được dạy bảo mà xuyên suốt tu hành, rốt ráo tu hành.

Nếu vì nghĩa đây mà lãnh thọ tu tập đoạn trừ, ông tất đạt được đúng nghĩa như vậy. Trước hết, ông sẽ chứng được chút phần thân tâm khinh an, tâm tánh nhất cảnh; về sau sẽ chứng được thế gian, xuất thế gian rộng lớn viên mãn.

Người mới tu nghiệp lúc ban đầu tu tập được sự chỉ dạy của các thầy Du-già khéo thông đạt Du-già, nương quán bất tịnh như vậy, gọi là dạy bảo chân chánh. Nương theo đó tu hành gọi là tu hành chân chánh. Như người hành tham, thì quán bất tịnh là phương tiện để điều phục. Như vậy người hành sân, quán từ mẫn là phương tiện để điều phục, cho đến cuối cùng là người hành tầm tư, thì quán A-na-ba-na niệm là phương tiện để điều phục, tùy chỗ thích hợp đều phải nên rõ biết. Trong đây có điểm sai khác, đó là môn thú nhập khác nhau, nay Ta sẽ hiển bày.

Người mới tu nghiệp nương *quán từ mẫn*, đối với hạng người thân, hoặc hạng người oán, hoặc hạng người không oán thân, nắm giữ tướng bên ngoài rồi, như pháp tinh tọa. Do tác ý định địa đồng hành với tăng thượng ý vui đem lại lợi ích an vui, trước tiên phát khởi thắng giải đối với một người thân, một người oán, một người không oán thân. Đối với ba hạng người đây, do tăng thượng ý muốn đem lại lợi ích an vui một cách bình đẳng, đồng hành với tác ý muốn cho vui, khởi nghĩ rằng: “Nguyện các loại hữu tình cầu vui kia đều sẽ được an vui, đó là hoặc vui muốn không tội, hoặc có hỷ lạc không tội, hoặc không hỷ lạc không tội”. Tiếp theo quán tăng dần lên hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, hoặc năm, hoặc mười, hoặc hai mươi, hoặc ba mươi người thân, cho đến trải khắp tất cả các phương. Người kia đối với hạng người thân, phát khởi tư duy mạnh mẽ không gián đoạn, cho đến trong đó không còn chỗ dung chứa một máy trần. Như quán đối với hạng người thân, thì quán đối với hạng người oán và hạng người không oán thân cũng vậy.

Lại người kia không xả gia hạnh từ mẫn, tiếp tục năng chánh thú nhập các niệm trụ về từ mẫn.

Thú nhập thế nào? Lúc thú nhập phải nên phát khởi thắng giải như vậy: “Như hữu tình kia đối với ta, hoặc là thân, hoặc là oán, hoặc là không oán thân, ta đã vui muốn bỏ lìa khổ”. Như vậy gọi là ở nội thân tu quán tuần thân. “Kia cũng đối với người khác, hoặc là thân, hoặc là oán, hoặc là không oán thân, họ cũng vui muốn bỏ lìa khổ như ta”. Như vậy gọi là ở ngoại thân tu quán tuần thân. “Như ta đã vậy, các hữu tình kia cũng lại như vậy. Như ta muốn cầu được an vui tốt đẹp, các hữu tình kia cũng như vậy. Các hữu tình kia bình đẳng như ta, giống như ta, ta phải cho kia lợi ích an vui”. Như vậy gọi là ở nội ngoại thân tu quán tuần thân.

Bốn niệm trụ đây, vì duyên chung các uẩn làm cảnh giới, nên biết gọi là hoại duyên niệm trụ. Nếu người tu hành chỉ nắm giữ tướng sắc, đó là nắm giữ hiển tướng, hình tướng, biểu tướng, mà khởi thắng giải đối với hạng người thân, hạng người oán, hạng người không oán thân, do đây kiến lập chỉ thân niệm trụ.

Người kia lại nương tác ý thắng giải, năng chánh thú nhập tác ý chân thật. Lúc thú nhập khởi thắng giải: “Ta đối với kia cho đến vô lượng

hữu tình, phát khởi thắng giải tăng thượng ý vui làm lợi ích an vui. Như vậy ta từ tiền tế cho đến nay, đối với hoặc thân, hoặc oán, hoặc không oán thân, thuộc trong số các loại hữu tình nhiều vô lượng đã lùì vào quá khứ. Các loại hữu tình ở quá khứ như vậy đã là người thân, trở lại làm người oán; đã là người oán, trở lại làm người thân; đã là người oán thân, trở lại làm không oán không thân; đã là người không oán không thân, trở lại làm người oán thân. Do nghĩa đây nên tất cả hữu tình đều bình đẳng bình đẳng, không có chút phần tánh thân, tánh oán, tánh không oán thân mà chẳng phải chân thật. Do nhân duyên đây, khởi tâm bình đẳng trái khớp đối với ba hạng người trên, đem lại lợi ích an vui một cách bình đẳng. Như từ tiền tế, thì hậu tế trong sanh tử sẽ lại lưu chuyển cũng vậy.

Lại ta đối với các loài hữu tình từ tiền tế đến nay, chưa từng phát khởi tâm từ mẫn. Kia đều đã quá khứ, nay khởi từ mẫn lại có ích gì? Chỉ vì trừ khiến cấu uế của tự tâm, khiến được thanh tịnh, nên khởi nghĩ này: “Khiến cho các loại hữu tình ở quá khứ đều được an vui. Các loại hữu tình ở vị lai

chưa từng có, cũng được lợi ích an vui”. Như vậy thú nhập tác ý chân thật trong tụ từ mãn, nên các phước sung mãn, các thiện sung mãn. Tụ phước thu hoạch được của việc tu tập tác ý thắng giải trước, so với tác ý tư duy từ mãn đây, trăm phần chẳng bằng một, ngàn phần chẳng kịp một, số phần, toán phần, kế phần, ô-ba-ni-sát-đàm phần chẳng bằng một, còn lại như trước đã nói.

Lại nữa, người mới tu nghiệp nương *quán duyên khởi của tánh duyên*, do lực tăng thượng của lắng nghe, tư duy, tu tập, nên phân biệt nắm giữ các tướng. Đó là các hữu tình bị chủng chủng ngu si vô trí, hiện thấy vô thường, vọng chấp cho là thường; hiện thấy bất tịnh, vọng chấp cho là tịnh; hiện thấy khổ, vọng chấp cho là vui; hiện thấy vô ngã, vọng chấp cho là ngã. Các hữu tình kia có chủng chủng điên đảo như vậy. Các điên đảo làm nhân, ở hiện tại lãnh thọ và về sau sanh trong các tự thể, phát khởi tham ái. Do tham ái, nên gây tạo chủng chủng nghiệp sanh căn bản. Vì nghiệp phiền não đây làm nhân duyên, nên đương lai chiêu cảm uẩn chỉ thuần khổ lớn.

Người kia đã khéo nắm giữ các tướng rồi, lại

bên trong phát khởi thắng giải: “Ta nay uẩn chỉ thuần khổ lớn, cũng như vậy sanh. Lại tự thể của ta không ngăn không mé, từ tiền tế đến nay khởi điểm không thể biết, cũng như vậy sanh. Các loài hữu tình quá khứ, vị lai, hiện tại, tất cả tự thể nhiếp thuộc uẩn khổ, cũng đều đã sanh, sẽ sanh”. Chánh quán duyên khởi của tánh duyên như vậy, tất cả đều là tác ý chân thật, lại không có thêm tác ý thắng giải khác. Nếu ở nơi các uẩn hiện tại của thân mình, tác ý tư duy duyên sanh của tánh duyên, gọi là ở nội thân, thọ, tâm, pháp, an trụ quán tuần theo kia. Nếu ở nơi uẩn hiện tại của thân người khác, tác ý tư duy duyên sanh của tánh duyên, đây gọi là ở ngoại thân, thọ, tâm, pháp, trụ quán tuần theo kia. Nếu ở nơi sở hữu các uẩn quá khứ, vị lai của mình, người, tác ý tư duy duyên sanh của tánh duyên, đây gọi là ở nội ngoại thân, thọ, tâm, pháp, quán tuần theo kia. Còn lại như trước đã nói.

Lại nữa, người mới tu nghiệp nương *quán các giới sai biệt*, trước tiên cần nắm giữ các tướng bền chắc bên ngoài như đại địa, núi rừng, cỏ cây, gạch đá, ngói sỏi, ma-ni, trân châu, lưu ly, hổ phách,

ngọc trai... Đã nắm giữ tướng ấy rồi, khởi thắng giải các tướng bên chắc bên trong.

Kế đến nắm giữ các tướng thủy đại bên ngoài, đó là sông lớn, các dòng chảy, suối, ao, hồ, đầm, giếng... Nắm giữ tướng kia rồi, lại khởi thắng giải tướng ẩm ướt bên trong.

Kế đến nắm giữ các tướng hỏa đại bên ngoài, đó là lúc nóng nực, mặt trời gay gắt, lửa cháy hùng hực đốt cháy núi non, ao đầm, cỏ cây... Nắm giữ tướng đó rồi, lại khởi thắng giải tướng nóng ẩm bên trong.

Kế đến nắm giữ các tướng phong đại bên ngoài, đó là gió ở các phương đông, tây, nam, bắc, cho đến phong luân... Nắm giữ tướng ấy rồi, lại khởi thắng giải tướng gió bên trong.

Kế đến nắm giữ tướng không đại bên ngoài, đó là các phương không che chướng, không ngăn ngại, các lỗ hổng, khe hở, hang có khoảng trống chứa các sắc... Khéo nắm giữ tướng ấy rồi, lại phát khởi thắng giải tướng không giới bên trong.

Về sau do lực tăng thượng của nghe, nghĩ, nên sanh khởi phân biệt vi tế, nắm giữ tướng thức giới. Đó là nhãn xứ bên trong chẳng hoại, sắc xứ bên

ngoài hiện tiền, nếu không sanh khởi tác ý đúng lúc, thì chỗ phát sanh nhân thức cũng chẳng được sanh. Trái với tướng trên thì nhân thức được sanh. Như vậy cho đến ý, pháp, ý thức phải biết cũng vậy. Nắm giữ tướng đây rồi, lại khởi thắng giải biết rõ bốn đại trong thân có các chủng tử, giới, chủng tánh, tự tánh của tất cả thức.

Lại ở trong bốn đại chủng như vậy, trước khởi thắng giải các chi tiết lớn thô, sau phát khởi thắng giải vi tế, phân tách thành chủng chủng nhỏ nhiệm. Như vậy thứ lớp phân tách cho đến lượng nhỏ như bụi nhỏ, dần dần cho đến cực vi, mà khởi thắng giải. Lại khởi thắng giải mỗi một chi phần có vô lượng vi trần nhóm họp, hướng là tất cả chi phần trong thân. Như vậy gọi là trong quán giới sai biệt, thắng giải phân tách các sắc giới sai biệt, giới hạn nhỏ nhiệm vi tế.

Kế đến ở nơi không giới, trước nên phát khởi thắng giải các tướng lớn thô như chủng chủng lỗ huyết, hốc mắt, lỗ tai, lỗ mũi, cổ họng. Thức ăn nuốt xuống được là nhờ yết hầu. Sau khi đã ăn nuốt, nhờ vào phần dưới, đẩy bất tịnh ra ngoài. Về sau, lại thứ lớp phát khởi chủng chủng thắng giải

vi tế, cho đến tất cả các lỗ chân lông nhỏ trên thân, phải rõ biết hết thấy.

Kế đến ở nơi thức giới, thứ lớp phát khởi thắng giải sở y, sở duyên, cùng với tác ý ba đời, thời khắc, vô lượng phẩm loại sai khác. Tức là lúc phát khởi thắng giải ở nơi thức giới, do thắng giải các sở y, sở duyên mà phân tách thức giới. Cũng phát khởi thắng giải ở nơi mười loại sắc sở tạo, như các đại chủng được phân tách nhỏ nhiệm, đây cũng như vậy.

Nếu khởi thắng giải ở nơi các giới sai biệt của thân mình, đây gọi là ở nơi các niệm trụ bên trong, trụ quán tuần theo kia. Nếu khởi thắng giải ở nơi sở hữu các giới còn lại, không thuộc sở hữu tình, đây gọi là ở trong các niệm trụ bên ngoài, trụ quán tuần theo kia. Nếu khởi thắng giải ở nơi sở hữu các giới còn lại, thuộc trong số các hữu tình, đây gọi là ở trong các niệm trụ trong ngoài, trụ quán tuần theo kia.

Lại có phương tiện khác. Đó là ở nơi thân mình khởi thắng giải như vậy: Khi xả thân này, cho đến lúc thân biến thành xanh bầm, máu ứ, rồi mủ thối rữa, tức phát khởi chủng chủng thắng giải

mủ thối chảy dây lan rộng thêm, cho đến mũ ngập tràn biên tế của đại hải, đại địa. Đã phát khởi thặng giải mũ thối rửa ngập tràn như vậy, kế lại phát khởi thặng giải tướng lửa thiêu đốt. Đó là vô lượng vô biên phẩm loại sai biệt của thân phần dây bị lửa lớn hội tụ đốt cháy thành vô lượng vô biên phẩm loại tro tàn. Lửa đã tắt, lại phát khởi thặng giải xương tro còn sót lại. Lại khởi thặng giải vô lượng vô biên tro nát vụn dây thành mặt vụn. Lại khởi thặng giải vô lượng gió lớn thổi mặt bay tứ tán khắp muôn phương. Đã rải khắp nơi rồi, lại không quán thấy xương tro bị thổi bay và gió thổi, chỉ thấy còn lại không giới mịt mù.

Như vậy do tác ý thặng giải dây, nương gia hạnh bất tịnh bên trong, bên ngoài, nhập vào các giới sai biệt, ở nơi tướng thân đó, trụ quán tuần thân. Từ đây thú nhập tác ý chân thật. Đó là do tác ý thặng giải như vậy, ở nơi nội ngoại thân, trụ quán tuần thân.

Do lực thặng giải, nên thực hành vô lượng vô biên tướng thủy giới, hỏa giới, địa giới, phong giới, hư không giới như sau: “Ta từ vô thủy lưu chuyển trong sanh tử, trải qua vô lượng vô biên các giới

khác nhau. Còn hơn đây, nước mắt mà ta đã khóc do cha mẹ, anh em, chị em, bạn thân, quyến thuộc ly tán chết đi, cũng do tài bảo, thân hữu, địa vị, danh tước ly tán hoại mất; lại sữa mẹ mà ta đã uống, lại máu chảy đầm đìa do giặc cướp, đào tường, khoét vách, phải chịu vô lượng hình phạt gia hại đến thân. Như vậy chỗ có nước mắt, sữa, máu, thuộc về thủy giới. Nước trong bốn biển lớn tràn đầy, so với đây trăm phần chẳng kịp một, nói rộng như trước.

Lại đối với các hữu, các cõi trong sanh tử, phải trải qua vô lượng lửa dùng thiêu đốt thi hài, như vậy gom nhóm hỏa lại cũng không thể lấy gì so sánh. Lại trải qua vô lượng thi hài vất bỏ nơi đất, cũng không thể lấy gì so sánh. Lại trải qua vô lượng phong giới sanh khởi rồi tan diệt, phân tán thi hài khắp nơi, cũng không thể lấy gì so sánh. Lại trải qua vô lượng các lỗ huyết của thi hài, cũng không thể lấy gì so sánh. Lại trải qua vô lượng các thức lưu chuyển, thi hài sau sau mới mới phát khởi, cho đến ta nay là thi hài sau cùng, các thức lưu chuyển”. Như vậy an lập các cõi trước sau kỳ hạn không nhất định, cho đến vô lượng thức giới.

Lại nữa, người mới tu nghiệp chánh gia hạnh ở nơi *A-na-ba-na niệm*, trước nên thắng giải ở nơi tướng gió vào ra qua lại của nhà có cửa sổ, cửa trước, cửa sau, hoặc thợ rèn sắt, hoặc thợ luyện vàng bạc, hoặc ống tre, cổ họng, hoặc tụ gió bên ngoài ra vào đến đi. Khéo nắm giữ tướng đây rồi, do duyên theo hơi thở vào ra bên trong, ở nơi hơi thở vào ra mà phát khởi thắng giải. Trước phát khởi thắng giải gió nơi hơi thở vi tế của thân mình, đi qua tim, ngực, chỗ thô, huyết thô. Về sau thứ lớp phát khởi thắng giải ở nơi nhiều loại gió, như phát khởi thắng giải tất cả lỗ chân lông đều có gió theo đó đi vào. Như vậy tất cả sở hữu thân phần bị gió gom tụ đi theo, bị gió gom tụ nhiếp lấy, bị gió gom tụ ẩn tàng, vô lượng gió gom tụ bên trong như hoa đầu-la-miên (bông gòn). Ở nơi các tướng như vậy mà phát khởi thắng giải.

Người kia tác ý tư duy bên trong hơi thở ra, hơi thở vào lưu chuyển không ngừng, bấy giờ gọi là ở nội thân trụ quán tuần thân. Nếu lại tác ý tư duy thi hài của người khác đã bị biến hoại thành xanh bầm, máu ứ.. lúc ấy hơi thở vào, hơi thở ra bị đoạn dứt, bấy giờ gọi là ở ngoại thân trụ quán tuần

thân. Nếu lại khởi thắng giải ở nơi thân mình lúc sắp chết, hoặc lúc đã chết, lúc ấy hơi thở ra, hơi thở vào không có lưu chuyển. Lại phát khởi thắng giải nếu lúc chưa chết, hơi thở ra hơi thở vào không còn lưu chuyển. Do pháp nhĩ này, nên bấy giờ gọi là ở nội ngoại thân trụ quán tuần thân. Khắp trong tất cả gia hạnh, phải tu gia hạnh trợ bạn phẩm thượng, gia hạnh nhiếp thuộc phẩm thượng, gia hạnh không điên đảo như thế. Tất cả còn lại nên biết như trước.

Như vậy, người mới tu nghiệp được sự dạy bảo chân chánh, lúc tu chánh hạnh cần phải an trụ mãnh liệt, đầy đủ niệm chánh biết, điều phục tất cả tham ưu thế gian. Nếu ở trong chánh gia hạnh như vậy thường xuyên tu hành, rốt ráo tu hành, tác ý không điên đảo, không bị sự huyền não làm nhiều loạn, gọi là mãnh liệt. Nếu ở trong chánh gia hạnh như vậy tu tập Tỳ-bát-xá-na, Xa-ma-tha, quán xét sâu kỹ, nhận biết rõ khắp tướng loạn, không loạn, gọi là đầy đủ niệm chánh biết. Nếu năng nắm giữ tướng chán lìa, tướng hân lạc, gọi là điều phục tất cả tham ưu thế gian. Do nhân duyên đây, nên nói: “Vị kia năng an trụ mãnh liệt, cho

đến điều phục tham ưu thế gian”.

Lúc ban đầu phát khởi gia hạnh chân chánh, tâm tánh nhất cảnh, thân tâm khinh an vận chuyển yếu kém, khó thể nhận biết. Lại do tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na thù thắng hơn nữa, nên thân tâm lắng trong, thân tâm điều nhu, thân tâm khinh an. Tâm tánh nhất cảnh, thân tâm khinh an yếu kém trước kia, nay dần thêm tăng trưởng, kham năng dần phát mạnh mẽ, dễ nhận biết rõ ràng hơn. Đây do lực của nhân triển chuyển dẫn phát đạo lý phương tiện. Không bao lâu, người kia bấy giờ phát khởi càng mạnh mẽ, đạt được sự nhận biết dễ dàng thân tâm khinh an, tâm tánh nhất cảnh. Như vậy cho đến có được tướng đầu tiên ở nơi thượng đẳng phát khởi dường như trì nặng, nhưng không phải tướng tổn não. Tức do tướng đây phát khởi bên trong, nên tánh tâm thô trọng làm chướng ngại việc vui tu đoạn trừ các phẩm phiền não, đều được trừ diệt. Năng đối trị kia, tánh tâm điều nhu, tánh tâm khinh an đều được sanh khởi. Do sự sanh khởi này, năng thuận theo đó sanh khởi thân khinh an. Phong đại tăng thêm, nhiều đại chủng đến nhập vào trong thân. Do đại chủng

nhập vào thân đây, nên tánh thân thô trọng làm chướng ngại việc tu đoạn trừ phẩm phiền não, đều được trừ diệt. Năng đối trị kia, tánh thân điều nhu, tánh thân khinh an trải khắp trong thân, hình trạng như tràn đầy. Lúc tánh kia mới bắt đầu phát khởi khiến tâm hưng phấn, khiến tâm vui vẻ đồng hành hoan hỷ, khiến tâm hỷ lạc, tánh cảnh sở duyên hiện diện trong tâm. Từ đây về sau, vị kia bắt đầu phát khởi sức mạnh của sự khinh an dần dần nổi lỏng chậm đi, đạt đến khinh an vi diệu hành chuyển theo thân, hành chuyển trong thân. Do nhân duyên đây, tâm tánh phấn khởi dần dần lắng xuống, do Xa-ma-tha nhiếp trì nên tâm hành chuyển theo sở duyên tịch tĩnh. Từ đây về sau, người mới tu nghiệp hạnh Du-già được gọi là có tác ý, bắt đầu nhiếp vào trong số có tác ý. Vì cố sao? Do vị đây ban đầu đạt được ít phần chánh tác ý định địa vi diệu nhiếp thuộc Sắc giới, do nguyên nhân đây nên được gọi là có tác ý.

Người mới tu nghiệp được chánh tác ý đây, có tướng trạng như sau: Đó là đã đạt được ít phần tâm định nhiếp thuộc Sắc giới. Đạt được chút phần thân tâm khinh an, tâm tánh nhất cảnh. Có lực,

có khả năng khéo tu tập gia hạnh sở duyên tịnh hoặc, khiến tâm tương tục tươi mới thấm nhuần mà chuyển. Nhờ vào sự nhiếp trì của Xa-ma-tha năng thanh tịnh các hành, tuy hành trong vô số cảnh đáng thích, mà tham triền mãnh lợi cũng không sanh khởi. Tuy sanh khởi chút ít, mà chỉ cần đối trị chút ít bằng cách tạm thời tác ý, liền năng trừ khiến. Như cảnh đáng thích, thì cảnh đáng ghét, đáng mê muội, đáng sanh kiêu mạn, đáng tầm tư nên biết cũng vậy.

Tĩnh tọa trong thất, tạm giữ gìn tâm, thân tâm khinh an lớp lớp sanh khởi. Không bị sự bức não cùng cực của các tánh thân thô trọng. Không bị các cái hiện hành quá mức. Không bị sự quyến luyến hiện hành quá mức. Không vui ưu tư đồng hành với các tác ý của tướng. Tuy từ định khởi, ra ngoài kinh hành, mà có ít phần thế lực của sự khinh an còn sót lại chuyển theo thân tâm. Hết thấy loại như vậy, nên biết gọi là tướng trạng thanh tịnh của người có tác ý.



Quyển 33

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA Phần 4 của DU GIÀ XỨ - Thứ 1

Lại Ốt-Đà-Nam nói:

*Bảy tác ý ly dục
Và biện rộng các định
Hai định, năm thân thông
Các tướng sanh sai biệt
Quán sát nơi các đế
Như thật mà thông đạt
Rộng phân biệt nơi tu
Cứu cánh là rốt sau.*

Các thầy Du-già đã đắc tác ý, đã nhập ít phần an vui trong việc tu đoạn, từ đây về sau chỉ có hai hướng, trọn không có đường nào khác. Những gì là hai? 1. Thế gian; 2. Xuất thế gian.

Các thầy Du-già mới tu nghiệp kia, do tác ý đây, hoặc suy nghĩ: “Ta sẽ hướng đến con đường thế gian”, hoặc suy nghĩ: “Ta sẽ hướng đến con

đường xuất thế gian”.

Lại nhiều tu tập tác ý trên. Như như tu tập rất nhiều đối với việc trên, như vậy như vậy đạt được thân khinh an, tâm tánh nhất cảnh. Trải qua tất cả thời gian, ngày đêm... triển chuyển tăng trưởng càng thêm rộng lớn. Nếu tác ý đây triển chuyển tương tục, bền vững, mạnh mẽ, khiến phát khởi thắng giải sở duyên thanh tịnh. Ở nơi phẩm Xa-ma-tha và phẩm Tỳ-bát-xa-na, khéo nắm giữ tướng kia. Vị kia lúc bấy giờ, hoặc vui hưởng đến đạo thế gian mà phát khởi gia hạnh, hoặc vui hưởng đến đạo xuất thế gian mà phát khởi gia hạnh.

Hỏi: Có bao nhiêu loại bổ-đặc-già-la ở trong hiện pháp phát khởi gia hạnh vui hưởng đến đạo thế gian, chẳng phải đạo xuất thế gian?

Đáp: Lược có 4 loại. Những gì là bốn? 1. Tất cả ngoại đạo; 2. Người ở trong chánh pháp mà căn tánh yếu kém, mới tu chánh hạnh; 3. Căn tánh tuy thông lợi, nhưng thiện căn chưa chín muồi; 4. Tất cả Bồ-tát vui chứng Đại Bồ-đề ở đời vị lai, chẳng phải ở hiện pháp. Bốn loại bổ-đặc-già-la như vậy, ở trong hiện pháp phát khởi gia hạnh vui hưởng đến đạo thế gian.

Người phát khởi gia hạnh vui hưởng đến đạo thế gian lại có hai loại: 1. Người đầy đủ trói buộc, đó là các dị sanh; 2. Người không đầy đủ trói buộc, đó là các bậc hữu học.

Việc đây lại thế nào? Trước quán Dục giới là tánh thô. Quán Sơ tinh lự, hoặc định, hoặc sanh là tánh tinh. Phát khởi gia hạnh ly dục Dục giới, như vậy cho đến phát khởi gia hạnh ly dục Vô sở hữu xứ.

Lại nương tinh lự... năng dẫn phát vô tướng định... và hiển phát năm thần thông... Lại tức nương ở đây, hoặc sanh, hoặc tướng, đều sẽ nói rộng. Để ly dục Dục giới, phải siêng tu quán hành. Các thầy Du-già do 7 tác ý mới năng đạt được ly dục Dục giới. Bảy chủng tác ý là gì? 1. Tác ý liễu tướng; 2. Tác ý thắng giải; 3. Tác ý xa lìa; 4. Tác ý nhiếp lạc; 5. Tác ý quán sát; 6. Tác ý gia hạnh rốt ráo; 7. Tác ý quả gia hạnh rốt ráo.

Sao gọi là *tác ý liễu tướng*? Là tác ý năng nhận biết rõ một cách chân chánh tướng thô của Dục giới, tướng tinh của Sơ tinh lự.

Sao gọi là nhận biết rõ tướng thô của Dục giới? Tức là chân chánh tâm tư 6 việc của Dục giới.

Những gì là sáu? **a.** Nghĩa; **b.** Sự; **c.** Tướng; **d.** Phẩm; **e.** Thời; **f.** Lý.

a. *Sao gọi là tâm tư nghĩa thô của các dục?*
 Chân chánh tìm tòi tư duy: “Các dục như vậy có nhiều quá hoạn, có nhiều tổn não, có nhiều bệnh tật, có nhiều tai hại”. Ở trong các dục có nhiều nghĩa quá hoạn, nói rộng cho đến có nhiều nghĩa tai hại, nên gọi là nghĩa thô.

b. *Sao gọi là tâm tư sự thô của các dục?* Chân chánh tìm tòi tư duy: “Các dục có tham dục bên trong, có tham dục bên ngoài”.

c. *Sao gọi là tâm tư tự tướng thô của các dục?*
 Chân chánh tìm tòi tư duy: “Đây là phiền não dục, đây là sự dục”. Đây lại có ba dạng: 1. Nơi thuận thọ vui; 2. Nơi thuận thọ khổ; 3. Nơi thuận thọ không khổ không vui.

Nơi thuận thọ vui: là chỗ nương của tham dục, là chỗ nương của tâm tướng điên đảo.

Nơi thuận thọ khổ: là chỗ nương của sân khuê, là chỗ nương của phần hận.

Nơi thuận thọ không khổ không vui: là chỗ nương của ngu si, là chỗ nương của che đậy, ưu não, đối nịnh, không tầm, không quý, là chỗ nương của

nhận thức điên đảo.

Như vậy, nên chánh tâm tư “các dục là sự theo đuổi của các cảm thọ cực ác, là sự theo đuổi của các phiền não cực ác”. Đây là tâm tư tự tướng thô của các dục.

Sao gọi là tâm tư cộng tướng của các dục?
Chân chánh tâm tòi tư duy: “Tất cả các dục đây chịu sự theo đuổi, chịu sự trói buộc của sanh khổ, lão khổ, cho đến cầu không được khổ... Những kẻ thọ dục chuyển theo sự trói buộc truy đuổi của đầy đủ các dục, cũng vì chưa thoát khỏi pháp sanh... Dù các dục kia khả ái thù thắng đến đâu, cũng chỉ là tạm thời có”. Đây gọi là tâm tư cộng tướng của các dục.

d. *Sao gọi là tâm tư phẩm thô của các dục?*
Chân chánh tâm tòi tư duy: “Các dục như vậy đều rơi trong phẩm hắc, giống như xương khớp, như máu thịt đông máu, như bó thuốc cỏ, như than lửa, như rắn độc lớn, như chiêm bao, như mượn vật trang sức, như quả chín đầu cành. Những kẻ truy cầu các dục, ở trong các dục lãnh thọ các khổ do truy cầu gây nên, lãnh thọ các khổ do bảo quản giữ gìn gây nên, lãnh thọ các khổ do hoại mất tình

thân thuộc gây nên, lãnh thọ các khổ do không biết chán đủ gây nên, lãnh thọ các khổ do không tự tại gây nên, lãnh thọ các khổ do ác hạnh gây nên, tất cả như vậy nên biết như trước đã nói. Như Đức Thế Tôn dạy rằng tập quen gần gũi các dục sẽ có năm quá hoạn: 1. Các dục kia rất ít vị ngon ngọt, nhiều các khổ não, nhiều các quá hoạn; 2. Các dục kia khi đã tập quen gần gũi, khiến không nhàm chán, khiến không thỏa mãn, khiến không no đủ; 3. Các dục kia thường bị chư Phật và đệ tử Phật, các bậc hiền thiện chánh hạnh chánh chí, dùng nhiều phương tiện quả mắng chê trách; 4. Các dục kia lúc đã tập quen gần gũi, năng khiến các kiết sử tích tụ tăng trưởng; 5. Các dục kia lúc đã tập quen gần gũi, thì không có nghiệp ác bất thiện nào mà không làm.

Các dục như vậy khiến không biết nhàm đủ, nhiều sự hợp lại mà có, là nhân của hành phi pháp, hành ác, khiến tăng trưởng ái dục. Là điều mà bậc trí phải xa lìa, nhanh chóng hướng đến tiêu diệt. Nương gởi các duyên, là lãnh địa chứa chấp sự phóng dật nguy hại. Là pháp của hư nguy, vô thường, hoại mất, giống như trò huyền hóa, lừa

dối mê hoặc kẻ ngu. Hoặc dục ở hiện pháp, hoặc dục ở hậu pháp, hoặc dục của cõi trời, hoặc dục của cõi người... tất cả đều là chỗ hành của ma, chỗ trú của ma. Nơi đây, nương ý năng sanh vô lượng pháp ác bất thiện như tham, sân, giận, cãi... Dục đây năng làm chướng ngại các Thánh đệ tử đang tu học chân chánh. Do hết thấy nhân duyên sai khác như vậy, nên phần nhiều các dục rơi vào phẩm hắc”. Đây gọi là tầm tư phẩm thô của các dục.

e. *Sao gọi là tầm tư thời thô của các dục?* Chân chánh tìm tòi tư duy: “Các dục như vậy, ở đời quá khứ vị lai hiện tại, ở mọi thời, ở mọi lúc, nhiều các quá hoạn, nhiều các tổn não, nhiều các tai họa, nhiều các bệnh tật”. Đây gọi là tầm tư thời thô của các dục.

f. *Sao gọi là tầm tư lý thô của các dục?* Chân chánh tìm tòi tư duy: “Các dục như vậy cần tư lương lớn, cần truy cầu lớn, ra nhiều công sức và vô lượng vô số sự nghiệp công xảo khác mới có thể nhóm họp, sanh khởi, tăng trưởng”.

Lại các dục kia tuy tốn nhiều công sức mới được sanh khởi, tăng trưởng, nhưng tất cả phần nhiều nhiếp thọ các việc bên ngoài, đó là cha mẹ,

vợ con, tôi tớ, bạn bè, quyến thuộc. Hoặc để đối trị sắc thân tứ đại thô trọng bên trong của bản thân, đó là cơm cháo nuôi dưỡng, thường phải che đậy, xoa bóp tắm rửa. Nhưng khi thân này hủy hoại, ly tán, tiêu diệt, theo đó vô số khổ não sanh khởi. Thức ăn năng đối trị các khổ đói khát. Y phục năng đối trị các khổ lạnh nóng và năng che đậy những chỗ đáng xấu hổ. Giường nằm năng đối trị các khổ do mệt nhọc ngủ nghỉ và năng đối trị các khổ do an trú, kinh hành. Thuốc năng đối trị các khổ bệnh tật. Cho nên các dục chỉ năng đối trị thuận theo chỗ sanh khởi chủng chủng khổ não. Lúc thọ dụng không nên nhiễm đắm, chỉ nên chánh niệm, ví như người bị bệnh nặng bức bách, chỉ vì trừ bệnh mà phải uống thuốc.

Lại các dục kia có chí giáo lượng, chúng biết là có tướng thô. Lại các dục kia có sở hữu tướng thô như vậy, trí kiến bên trong của ta hiện chuyển. Lại các dục kia có tỷ độ lượng, biết là có tướng thô. Lại các dục kia từ vô thủy đến nay, bản tánh thô uế, pháp tánh thành tựu, pháp tánh khó nghĩ bàn, không nên nghĩ bàn, không nên phân biệt.

Đây gọi là tầm tư lý thô của các dục.

Như vậy gọi là do sáu sự nên nhận biết rõ tướng thô của các dục Dục giới.

Lại năng nhận biết rõ sở hữu tướng tinh của Sơ tinh lự, đó là tất cả tánh thô của Dục giới, ở Sơ tinh lự đều không chỗ có. Do lia các tánh thô của Dục giới, ở trong Sơ tinh lự nói là có tánh tinh. Đây gọi là nhận biết rõ tướng tinh của Sơ tinh lự. Tức do tác ý định địa như vậy, ở Dục giới biết rõ là tướng thô, ở Sơ tinh lự biết rõ là tướng tinh. Đây gọi là *tác ý liễu tướng*. Ở tác ý đây, sự văn-tư vẫn còn gián đoạn xen tạp.

Vị kia đã tầm tư như lý như vậy, từ đây về sau vượt qua văn-tư, chỉ ứng dụng tu hành, phát khởi thắng giải ở nơi tướng sở duyên, tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Đã tu tập rồi, luôn phát khởi thắng giải ở nơi tướng thô, tướng tinh đã tìm tòi tư duy. Như vậy gọi là *tác ý thắng giải*.

Vị kia ở nơi thắng giải đây khéo tu khéo tập, khéo tu tập nhiều làm nhân duyên, ban đầu sanh khởi đạo đoạn trừ các phiền não. Tức là tác ý đồng hành đạo đoạn trừ phiền não sanh khởi. Đây gọi là *tác ý xa lia*.

Do ban đầu năng đoạn trừ các phiền não cần

phải đoạn trừ trước tiên của Dục giới và năng trừ khiến tánh thô trọng của phẩm phiền não kia, từ đây về sau, vui thích trong việc đoạn trừ, vui thích trong việc xa lìa. Trong sự tu đoạn, biết được công đức thù thắng, nên riêng chứng chút phần hỷ lạc của sự xa lìa. Vì muốn đoạn trừ hôn trầm, thù miên, trạo cử... vào thời gian này, tác ý hân lạc, sanh sâu vui mừng hơn hở; vào thời gian kia, tác ý chán lìa, sanh sâu nhằm chán họa hoạn. Như vậy gọi là *tác ý nhiếp lạc*.

Vị kia do vui đoạn, vui tu như vậy, chánh tu gia hạnh, giữ gìn phẩm thiện pháp. Hoặc đi, hoặc đứng, các phiền não triền hệ buộc Dục giới không hiện hành trở lại. Bèn khởi nghĩ này: “Ta nay ở trong các dục, có phiền não tham dục mà không nhận biết, hay là không có chăng?”. Để quán sát sâu kỹ sự việc như vậy, cần dùng tác ý tư duy theo một chủng tướng tịnh diệu khả ái. Do vẫn còn chưa vĩnh viễn đoạn tận các tùy miên, cho nên lúc tư duy tướng tịnh diệu ấy, vị kia, lại phát khởi tâm tập quen gần gũi, tâm đi đến tập quen gần gũi, tâm nhập vào tập quen gần gũi; không thể an trụ nơi xả, không thể nhằm chán hủy hoại, không thể chế

phục trái lìa. Lúc bấy giờ, vị kia khởi nghĩ: “Ta chưa giải thoát khỏi các dục. Tâm ta vẫn chưa chứng đắc giải thoát thật sự. Tâm ta vẫn bị chế phục bởi các hành, như nước bị ngăn lại, chưa chế phục được tánh pháp. Ta nay vì muốn vĩnh viễn đoạn trừ các tùy miên, nên phải nỗ lực siêng năng an trụ vui đoạn, vui tu”. Như vậy gọi là *tác ý quán sát*.

Từ đây càng thêm vui đoạn, vui tu, tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, cẩn trọng quán sát, tu tập đối trị, thời thời quán sát chỗ đã đoạn trước. Do nhân duyên đây, từ tất cả phiền não trói buộc thuộc Dục giới, tâm thoát khỏi sự trói buộc của nó. Đây chỉ do phương tiện điều phục tạm thời, chẳng phải vĩnh viễn đoạn hại rốt ráo chủng tử. Đương lúc bấy giờ, đối với Sơ tinh lự, đạo gia hạnh tu tập trước kia đã được rốt ráo, nên năng sanh khởi tất cả tác ý để đối trị phiền não. Đây gọi là *tác ý gia hạnh* rốt ráo.

Từ đây tu tập không gián đoạn. Do nhân duyên đây, chứng nhập căn bản Sơ tinh lự định. Tức là tác ý đồng hành với căn bản Sơ tinh lự định đây gọi là *tác ý quả gia hạnh* rốt ráo.

Lại trong giai đoạn tác ý xa lìa, tác ý nhiếp lạc hiện tại triển chuyển, khiến thân vui thích, ly sanh hỷ lạc; vào thời gian sau, hiện tiền mỏng dần. Lúc tác ý gia hạnh rốt ráo triển chuyển, hỷ lạc kia triển chuyển tăng trưởng rộng lớn, vào thời gian sau, hiện tiền càng thêm sâu thẳm. Lúc tác ý quả gia hạnh rốt ráo chuyển, ly sanh hỷ lạc trải khắp thân phần, không đâu không sung mãn, không hề gián đoạn. Bấy giờ vị kia xa lìa các dục, xa lìa tất cả pháp ác bất thiện, có tầm có tứ, ly sanh hỷ lạc, ở Sơ tinh lự viên mãn năm chi, đầy đủ an trụ. Đây gọi là an trụ quả tu đối trị Dục giới, cũng gọi là tùy chứng đắc ly dục Dục giới.

Lại do tác ý liễu tướng, năng chánh rõ biết điều nên đoạn trừ, năng chánh rõ biết điều nên chứng đắc. Vì đoạn nên đoạn, vì đắc nên đắc, tâm sanh khởi mong muốn tác ý thắng giải. Vì đoạn, vì đắc, nên chánh phát khởi gia hạnh. Tác ý xa lìa năng xả sở hữu phiền não bậc thượng. Tác ý nhiếp lạc năng xả sở hữu phiền não bậc trung. Tác ý quán sát năng đối với điều đã chứng đắc, xa lìa tăng thượng mạn, nơi tâm an trụ. Tác ý gia hạnh rốt ráo năng xả sở hữu phiền não bậc hạ. Tác ý

quả gia hạnh rất ráo năng chánh lãnh thọ quả của việc khéo tu tập tác ý kia.

Lại hoặc tác ý liễu tướng, hoặc tác ý thắng giải, gọi chung là tác ý tùy thuận, đồng hành với sự đối trị là nhằm chán hủy hoại. Hoặc tác ý xa lìa, hoặc tác ý gia hạnh rất ráo, gọi chung là tác ý đối trị, đồng hành với sự đối trị là đoạn. Hoặc tác ý nhiếp lạc gọi là tác ý đối trị và tác ý thuận thanh tịnh. Hoặc tác ý quán sát gọi là tác ý thuận quán sát. Ngoài ra bốn chủng tác ý nên biết nhiếp vào trong sáu tác ý, đó là tác ý tùy thuận, tác ý đối trị, tác ý thuận thanh tịnh và tác ý thuận quán sát.

Như Sơ tĩnh lự định có bảy chủng tác ý, thì Đệ nhị, Đệ tam, Đệ tứ tĩnh lự định và Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ định nên biết mỗi định cũng có bảy chủng tác ý.

Nếu muốn chứng nhập Đệ nhị tĩnh lự, thì đối với có tầm có tứ của Sơ tĩnh lự địa nhận biết rõ tướng thô, đối với không tầm không tứ của Đệ nhị tĩnh lự địa nhận biết rõ tướng tĩnh. Nên biết đây gọi là tác ý liễu tướng. Vì kia đã chứng nhập Sơ tĩnh lự định, đắc Sơ tĩnh lự, lại năng chánh rõ biết

ở nơi các tâm tứ quán là tánh thô. Nếu ở định đây, nơi duyên ban đầu thoát khởi, hành cảnh vội vàng sơ sài, tánh ý lời thô, gọi là tầm. Ở nơi duyên kia, theo kia mà phát khởi, theo kia mà hành chuyển, hành cảnh chậm rãi chi tiết, tánh ý lời tế, gọi là tứ.

Lại chánh rõ biết tâm tứ như vậy là tâm pháp tánh, khi tâm sanh thời sanh, cùng có tương ưng, cùng một duyên chuyển.

Lại chánh rõ biết tâm tứ nhiếp thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại như vậy, nương bên trong sanh, nhiếp thuộc chốn bên ngoài.

Lại chánh rõ biết tâm tứ như vậy từ nhân mà sanh, từ duyên mà sanh; hoặc tăng hoặc giảm, không tồn tại lâu, hiện hữu tạm thời, hiện tiền thoáng chốc, khiến tâm lao xao, khiến tâm tán động, hành chuyển không vắng lặng. Lúc mong cầu địa cao hơn, bị khổ đuổi theo. Cho nên đây đều nhiếp thuộc phẩm hắc, đuổi theo các dục, có được chút phần lợi ích của ly sanh hỷ lạc; tùy địa sở tại, tự tánh năng khiến có tướng như vậy. Ở thời gian lâu, sở duyên tâm hành có tâm có tứ, hành chuyển lao xao không được vắng lặng. Nếu biết có chủng

chúng hành tướng như vậy, tức ở nơi tâm tứ biết rõ tướng thô.

Lại chánh rõ biết không tầm không tứ Đệ nhị tinh lự, tất cả tướng thô như ở Sơ tinh lự địa đều không chỗ có, cho nên tuyên thuyết Đệ nhị tinh lự có tướng tinh. Nếu muốn chứng nhập Đệ nhị tinh lự, nên đều xa lìa tất cả tướng thô kia, tùy theo chỗ thích hợp mà có tác ý khác nhau, nên biết như trước. Như vậy cho đến nếu muốn chứng nhập Phi tướng phi phi tướng xứ định, ở trong các địa kia, tùy theo chỗ thích hợp nên biết đều có bảy chủng tác ý.

Lại khắp ở tất cả địa dưới, từ Dục giới triển chuyển lên đến Vô sở hữu xứ, đều có tướng thô. Tướng thô lược có hai loại: 1. So với các địa trên, thì địa dưới là không tịch tĩnh, vì trụ khổ nhiều hơn; 2. So với địa trên, thì địa dưới có thọ mạng, thời phần ngắn hơn, còn địa trên có thọ mạng, thời phần ít giảm dần. Hai tướng thô đây là do sáu sự như trước đã nói, tùy theo đó mà tư duy đúng đắn. Nếu vui muốn ly dục của địa này để chuyển lên địa cao hơn, thì tư duy tướng tinh của địa kế tiếp so với địa muốn vượt khỏi, lần hồi cho đến

chúng đắc quả gia hạnh rất ráo.

Lại nữa, nói *ly dục* thì *ly* có hai loại: 1. *Ly* sự tương ứng; 2. *Ly* cảnh giới; *dục* có hai loại: 1. Phiền não dục; 2. Sự dục.

Ly pháp ác bất thiện: đây do phiền não dục làm nhân khiến phát sanh chủng chủng pháp ác bất thiện, tức là thân hành ác, ngữ hành ác, như cầm gậy, cầm dao, đấu tranh, kiện tụng, dối trá, lừa gạt, nói vọng ngữ... Do đoạn trừ những điều kia, nên nói là *ly pháp ác bất thiện*.

Có tâm có tứ: do ở nơi tâm tứ chưa thấy được quá thất, ở nơi tự địa vẫn còn tâm tứ các thiện đối trị Dục giới, cho nên gọi là có tâm có tứ.

Ly: vì đã đạt được tác ý gia hạnh rất ráo. *Sanh*: do đây làm nhân, do đây làm duyên, sanh khởi không gián đoạn. Cho nên gọi chung là *ly sanh*. *Hỷ lạc*: vì đã đạt được nghĩa mong muốn và ở nơi hỷ chưa thấy quá thất. Vì tất cả thô trọng đã trừ diệt và đã đạt được khinh an rộng lớn, thân tâm điều nhu thích ý, có khả năng kham nhiệm, gọi là *hỷ lạc*.

Sơ: từ Dục giới mới tiến lên, mới đạt được. Nương thuận theo số thứ tự, thì gọi đây là *Sơ*.

Tĩnh lự: ở nơi một sở duyên, buộc niệm tịch tĩnh, chánh suy nghĩ chiêm nghiệm sâu, nên gọi là tĩnh lự.

Đầy đủ: vì đã đạt được tác ý quả gia hạnh rốt ráo. *An trụ*: vào lúc sau, do sự tu tập đạt được nhiều thành tựu, được tùy sở thích, được không khó khăn, được không ngăn ngại rít rắm. Ở trong tĩnh lự định, tâm đem ngày năng chánh thuận theo, thú hưởng, nhập vào, tùy chỗ vui thích, cho đến năng chánh an trú trong bảy ngày bảy đêm, gọi là an trụ.

Lại ở nơi tướng tam-ma-địa có tầm có tứ, tâm năng xả bỏ. Ở nơi tướng tam-ma-địa không tầm không tứ, buộc niệm an trụ. Ở nơi cảnh giới sở hành vội vàng sơ sài, năng chánh xa lìa. Ở nơi cảnh giới sở hành chậm rãi chi tiết, tâm an trú, chuyển theo một vị tịch tĩnh, cực tịch tĩnh. Cho nên nói là *tâm tứ tịch tĩnh, bên trong thấy đều thanh tịnh*.

Lại vị kia ở trong Tam-ma-địa không tầm không tứ, xuyên suốt tu tập, nên vượt qua vị tầm tứ có gián đoạn có khuyết hở, năng chánh đạt được vị không gián đoạn không khuyết hở, cho nên nói là *tâm nhất thú hưởng*.

Không tâm không tứ: tất cả tâm tứ thấy đều đoạn trừ.

Định: vì đã đạt được tác ý gia hạnh rất ráo.

Sanh: do đây làm nhân, do đây làm duyên, phát sanh không gián đoạn. Cho nên gọi là định sanh.

Hỷ lạc: vì đã đạt được nghĩa như mong muốn. Lại ở trong hỷ chưa thấy quá thất, có hân có hỷ. Vì tất cả thô trọng, các phẩm phiền não, tất cả tâm tứ ở Sơ tĩnh lự đều xa lìa. Khinh an rộng lớn năng đối trị kia, thân tâm điều nhu, vì kham năng đuổi theo lạc, gọi là có hỷ lạc.

Đệ nhị: Nương thuận theo số thứ tự, thì đây gọi là Đệ nhị.

Như vậy còn lại nên biết đều như trước.

Lại ở nơi tướng hỷ kia thấy sâu quá thất, cho nên nói là *lìa ham muốn đối với hỷ*. Lại lúc bấy giờ xa lìa hai chủng tai họa nhiều loạn tâm, năng ở nơi Đệ tam tĩnh lự lìa hỷ, nhiếp trì tâm. Trước ở Đệ nhị tĩnh lự đã lìa tâm tứ, nay ở trong đây lại lìa hỷ, cho nên nói là *an trụ nơi xả*. Hai pháp sau năng nhiều loạn tâm, chướng ngại sự xả vô gián: 1. Vì trong Sơ tĩnh lự có tâm có tứ, khiến cho sự xả vô gián không vận chuyển tự tại được; 2. Ở Đệ nhị

tĩnh lự, do có hỷ khiến cho sự xả vô gián cũng không vận chuyển tự tại được. Cho nên xả đây ở Sơ tĩnh lự và Đệ nhị tĩnh lự đều không có. Do nhân duyên đây, người tu tĩnh lự ở Đệ tam tĩnh lự mới gọi là có xả. Vì có xả, như như an trụ sở hữu chánh niệm, như vậy như vậy tướng đồng hành với hỷ kia và tác ý không hiện hành trở lại. Nếu trong Đệ tam tĩnh lự đây mà không khéo tu tập, một khi bị thất niệm thì tướng đồng hành hỷ kia và tác ý có lúc hiện hành trở lại. Vừa mới thoát hiện, liền nhanh chóng dùng tuệ thông đạt, năng chánh biết rõ, tùy theo chỗ sanh khởi đều không chịu thọ, phương tiện xả bỏ, trừ diệt, nhổ bỏ, tâm trụ xả bậc thượng. Cho nên nói là có *chánh niệm, chánh biết*.

Vị kia, lúc bấy giờ an trụ xả như vậy, chánh niệm chánh biết, thân cận tu tập, nhiều tu tập, khiến tâm phấn tấn vui mừng đồng hành thọ hỷ liền được trừ diệt. Vì lìa hỷ, tịch tĩnh, tối cực tịch tĩnh và tâm thọ trái với hỷ sanh khởi, bấy giờ sắc thân, ý thân lãnh nạp thọ lạc và lạc khinh an. Cho nên nói là có *lạc thân thọ*.

Các địa từ Đệ tam tĩnh lự trở xuống không có lạc và xả vô gián như vậy. Các địa từ Đệ tam tĩnh

lự trở lên, tuy lại có thể chứng đắc xả vô gián, mà không có lạc. Vì xả và lạc của các địa dưới đều không có, còn các địa trên có xả mà không lạc, cho nên nói ở địa đây *chư Thánh tuyên nói là Đệ tam tĩnh lộ*. Nương nơi đây, bổ-đặc-già-la đã được an trú, đầy đủ niệam xả cùng với chánh biết, trụ lạc thân thọ, đầy đủ an trụ Đệ tam tĩnh lộ. Nói *chư Thánh*, đó là Phật Thế Tôn và các đệ tử.

Lại nữa, trong đây vì thế lực của chủng loại đối trị giống nhau, nên lược không nói *đối trị lạc đoạn*, mà chỉ nói *lạc đoạn sở tác của đối trị*. Trong đây những gì gọi là đối trị? Đó là xả, niệam cùng với chánh biết. Do tức ở đây luôn tu tập mới năng xả bỏ, khiến không ra khỏi Đệ tam tĩnh lộ, cái lạc thù thắng của Đệ tam tĩnh lộ địa. Cho nên nói *do lạc đoạn vậy*.

Người tu tĩnh lộ tức lúc bấy giờ đều vượt qua sở hữu khổ vui. Do nhân duyên đây hoặc sở đoạn trước, hoặc sở đoạn hiện tại, đều gọi chung là lạc đoạn khổ đoạn. Ưu hỷ diệt trước tiên. Vì cơ sao? Bởi lẽ lúc nhập Đệ tứ tĩnh lộ định, thọ lạc dứt. Lúc nhập Đệ nhị tĩnh lộ định, thọ khổ dứt. Lúc nhập Đệ tam tĩnh lộ định, thọ hỷ mất. Lúc nhập Sơ tĩnh

lự định, thọ ưu mất. Trong đây hai thọ khổ lạc dứt, nên nói còn lại cái thọ không khổ không lạc. Cho nên nói vị kia bấy giờ *không khổ không lạc*. Từ Sơ tĩnh lự, tất cả tai họa của địa dưới đều đã đoạn dứt, đó là tâm tứ hỷ lạc, hơi thở ra hơi thở vào. Do kia đoạn, xả niệm thanh tịnh sáng sạch. Do nhân duyên đây, lúc chánh nhập định Đệ tứ tĩnh lự, tâm trụ vô động, xa lìa tất cả động loạn. Cho nên nói *xả niệm thanh tịnh*.

Đệ tứ tĩnh lự... nên biết tướng đây như Sơ tĩnh lự trước đã nói.

Lại nữa, vì lấy hư không mà phát khởi thặng giải. Ở chỗ có các tướng xanh, vàng, đỏ, trắng, có tướng hiển sắc nhưng do không hiển hiện và do nhàm chán muốn xa lìa, nên đều có thể vượt qua. Cho nên nói *vượt qua tướng sắc*.

Do không hiển hiện, vượt qua tướng kia, lấy đây làm nhân, nên ở nơi chỗ có các hiển sắc hòa hợp tích tụ thành chủng chủng phẩm loại kia, có tướng chướng ngại đều được trừ diệt. Cho nên nói *tướng có đối ngại diệt mất*.

Do xa lìa các tướng, lấy đây làm nhân, nên ở nơi chỗ có chủng chủng tụ sắc kia có các tướng như

ăn, uống, y phục, bình bồn, xe cộ, vật trang sức, quân, vườn, nhà, thành... triển chuyển sai biệt, nhưng không tác ý chuyển theo. Cho nên nói *không tác ý theo chủng chủng tướng*.

Sau khi đoạn trừ chủng chủng tướng có sắc, tướng có đối ngại, phát khởi thắng giải tướng hư không vô biên. Cho nên nói *nhập hư không vô biên*.

Do đã vượt qua phần cận cho đến tác ý gia hạnh rất ráo, ngay đó nhập căn bản định kế tiếp, tác ý quả gia hạnh rất ráo. Cho nên nói *đầy đủ an trụ Không vô biên xứ*. Nên biết trong đây, hoặc nương phần cận, cho đến chưa nhập căn bản định kế tiếp, chỉ duyên nơi hư không. Hoặc đã nhập căn bản định kế tiếp, cũng duyên hư không, cũng duyên sở hữu các uẩn của tự địa. Lại trong phần cận, cũng duyên sở hữu các uẩn của địa dưới.

Lại nữa, nếu do thức đây ở nơi Hư không vô biên mà phát khởi thắng giải, phải biết thức đây tương ưng với thắng giải tướng hư không vô biên. Nếu muốn nhập Thức vô biên xứ, trước nên xả tướng Hư không vô biên xứ. Tức là nương thức kia, kế đến khởi thắng giải hành tướng vô biên, bấy

giờ vượt qua phần cận, căn bản của Không vô biên xứ. Cho nên nói *vượt qua tất cả Không vô biên xứ, nhập Thức vô biên*. Do kia vượt qua sở hữu phần cận Thức vô biên xứ, cho đến tác ý gia hạnh rốt ráo, ngay đó nhập căn bản định kế tiếp, tác ý quả gia hạnh rốt ráo, cho nên nói *đầy đủ an trụ Thức vô biên xứ*.

Lại nữa, từ Thức vô biên xứ lúc cầu tiến lên địa cao hơn, lìa ngoài thức đây mong cầu “cảnh khác đều không chỗ được”, tức là các sở hữu cảnh tánh tương ưng hoặc sắc, hoặc phi sắc. Lúc vị kia mong cầu cảnh giới đều không chỗ được, vượt qua phần cận và dùng căn bản Thức vô biên xứ, phát khởi thắng giải “cảnh khác đều không”. Đây gọi là *thắng giải giả tướng vô sở hữu*. Tức ở nơi thắng giải giả tướng như vậy, vì nhiều tu tập, năng vượt qua tất cả phần cận Vô sở hữu xứ, cho đến tác ý gia hạnh rốt ráo, ngay đó nhập căn bản định, tác ý quả gia hạnh rốt ráo. Cho nên nói *vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, không còn một chút sở hữu, đầy đủ an trụ Vô sở hữu xứ*.

Lại nữa, từ Vô sở hữu xứ muốn cầu tiến lên địa cao hơn, do tướng ở nơi Vô sở hữu xứ, khởi

tướng thô, liền năng xả bỏ tướng Vô sở hữu xứ đây. Do nhân duyên đây, lúc trước nhập Vô sở hữu xứ định vượt qua tất cả tướng có sở hữu, nay lại vượt qua tướng không sở hữu. Cho nên nói *phi hữu tướng*, tức là hoặc tướng có sở hữu, hoặc tướng vô sở hữu. Phi vô tướng, không phải như Vô tướng và Diệt tận định. Tất cả các tướng thấy đều tận diệt, chỉ có tướng vi tế, duyên cảnh vô tướng mà chuyển. Cho nên nói *Phi tướng phi phi tướng*. Tức lúc khởi thắng giải đối với xứ đây, vượt qua tất cả phần cận, căn bản Vô sở hữu xứ và phần cận Phi tướng phi phi tướng xứ, cho đến tác ý gia hạnh rốt ráo, ngay đó nhập căn bản định, tác ý quả gia hạnh rốt ráo. Cho nên nói *vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, đầy đủ an trụ Phi tướng phi phi tướng xứ*.

Lại nữa, trong đây lúc nhập tĩnh lự định, tướng trạng của thân như ở trong nhà trống. Lúc nhập vô sắc định, tướng trạng của thân như ở nơi hư không. Phải biết trong đây, do siêng tu gia hạnh tướng Xa-ma-tha, an trụ xả bậc thượng.

Lại nữa, nương tĩnh lự... nên biết năng nhập vào hai định vô tâm: 1. Vô tướng định; 2. Diệt tận định. Vô tướng định: chỉ có các dị sanh do dùng

phương tiện tác ý trái là xả bỏ tướng mà năng nhập. Diệt tận định: chỉ các bậc Thánh, do dùng phương tiện tác ý ngừng dứt tướng, thọ mà năng nhập.

Hai định như vậy, do hai phương tiện tác ý mà nhập vào. *Vô tướng định* do tác ý trái là tướng dùng làm tiền dẫn, siêng tu gia hạnh, dần dần năng nhập. *Diệt tận định* do từ Phi tướng phi phi tướng xứ, muốn cầu tiến lên địa cao hơn, nên dừng nghỉ tác ý sở duyên làm tiền dẫn, siêng tu gia hạnh, dần dần năng nhập. Nếu các dị sanh khởi nghĩ như vậy: “Các tướng như bệnh, các tướng như ung nhọt, các tướng như mũi tên, chỉ có vô tướng là tịch tĩnh vi diệu”. Do vậy, kia nhiếp thọ tác ý trái là tướng. Ở trong sự sanh khởi tất cả tướng, tinh cần tu tập tác ý không niệm. Do tu tập đây làm nhân duyên, trong đạo gia hạnh thì có vị tâm. Vô gián định, tâm không chuyển trở lại. Như vậy, tác ý là tướng làm tiền dẫn, đã là tham Biến tịnh, nhưng chưa là tham Quảng quả. Các tâm, tâm pháp diệt. Đây gọi là Vô tướng định. Do phương tiện như vậy, chúng đắc định đây. Nếu các bậc Thánh đã chứng đắc Phi tướng phi phi tướng xứ, lại muốn

tạm thời an trụ nơi tịch tĩnh, nương theo Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, tâm cầu tiến cao hơn. Lúc tâm như vậy, cầu sở duyên của cõi cao hơn, lại thêm không sở đắc. Vì không sở đắc, nên diệt mà không chuyển. Như vậy, các bậc hữu học đã lìa tham Vô sở hữu, hoặc A-la-hán tác ý tưởng cầu an trụ tạm thời làm tiền dẫn, các tâm, tâm pháp diệt, gọi là Diệt tận định. Do phương tiện như vậy, chứng đắc định đây.

Lại nữa, nương tĩnh lực phát khởi năm thần thông. Phát khởi như thế nào? Nghĩa là người hành tĩnh lực đã đắc căn bản tĩnh lực thanh tịnh, tức dụng tĩnh lực thanh tịnh như vậy làm chỗ nương tựa. Do lực lắng nghe thọ trì chánh pháp về năm thần thông tăng thượng, khiến khéo rớt ráo. Đó là tác ý tư duy ở nơi Thần cảnh thông, Túc trụ thông, Thiên nhĩ thông, Sanh tử trí thông, Tâm sai biệt thông.

Lại phát khởi tác ý định địa, nên biết rõ nghĩa, biết rõ pháp. Vì biết rõ nghĩa, biết rõ pháp, nên tu tập sửa trị tâm. Do tu tập, nhiều tu tập như vậy, nên có thời có phần phát sanh quả tu là năm thần thông.

Lại tức biết rõ nghĩa, biết rõ pháp như vậy, vì muốn dẫn phát các thần thông.. nên tu 12 tướng. Những gì là mười hai? 1. Tướng nhẹ bổng; 2. Tướng nhu nhuyễn; 3. Tướng không giới; 4. Tướng thân tâm hòa hợp; 5. Tướng thắng giải; 6. Tướng thứ tự tùy nhớ các hành đã thọ; 7. Tướng hội tụ chủng chủng dạng loại âm thanh; 8. Tướng sắc tướng quang minh; 9. Tướng các sắc biến đổi do phiền não; 10. Tướng giải thoát; 11. Tướng thắng xứ; 12. Tướng biến xứ.

1. *Tướng nhẹ bổng*: do tướng đây nên thân phát khởi thắng giải nhẹ nhàng cất lên, hoặc như bông đầu-la-miên, hoặc như sợi tơ, hoặc như gió thoảng. Do phát khởi tác ý thắng giải như vậy, nên ở các nơi chốn khác nhau thân chuyển nhẹ nhàng, đó là từ giường cất nhẹ đặt lên ghế, từ ghế cất nhẹ đặt lên giường, từ giường cất nhẹ đặt lên thảm cỏ, từ thảm cỏ cất nhẹ đặt lên giường.

2. *Tướng nhu nhuyễn*: do tướng đây nên phát khởi thắng giải thân mềm mại, hoặc như túi bông, hoặc như lông thú, hoặc như lụa mềm. Tướng nhu nhuyễn đây trưởng dưỡng nhiếp thọ tướng nhẹ bổng, khi nhiếp thọ khiến tướng nhẹ bổng tăng

trưởng rộng lớn.

3. Tưởng không giới: do tưởng đây, trước nơi thân mình đã phát khởi thắng giải tưởng nhẹ bổng và tưởng nhu nhuyễn, nên đến đi tùy thích. Nếu trong không trung có các sắc tích tụ làm chướng ngại, bấy giờ liền khởi tác ý thắng giải, tức nơi sắc kia tác thắng giải hư không, thì có thể đi qua mà không bị ngăn ngại.

4. Tưởng thân tâm hòa hợp: do tưởng đây, hoặc dùng tâm hòa thuận với thân, hoặc dùng thân hòa thuận với tâm. Do đây khiến thân triển chuyển nhẹ bổng, triển chuyển nhu nhuyễn, triển chuyển có đủ lực kham năng, triển chuyển trong sáng. Tùy thuận tâm, hệ thuộc tâm, nương tâm mà chuyển.

5. Tưởng thắng giải: do tưởng đây nên hiểu biết chuyển xa thành gần, chuyển gần thành xa, chuyển thô thành tế, chuyển tế thành thô, chuyển đất thành nước, chuyển nước thành đất. Như vậy mỗi một đại chủng khác nhau, chuyển đổi qua lại lẫn nhau, rộng như thắng giải do biến hóa tạo thành, hoặc sắc biến hóa, hoặc thanh biến hóa.

Do tu tập thành tựu viên mãn năm tưởng đây, nên lãnh thọ chủng chủng vi diệu của thần cảnh

thông. Hoặc từ một thân thị hiện nhiều thân, là do tướng thắng giải hiện hóa. Hoặc từ nhiều thân thị hiện một thân, là do tướng thắng giải ẩn hóa. Hoặc dụng thân này đi qua các loại như tường vách, hào rãnh, các vật cản hiểm trở... không bị trở ngại. Hoặc ở nơi đất trời lên, thụt xuống như ở trong nước. Hoặc ở trong nước, dòng nước chảy, đến lui qua lại như đi trên đất. Hoặc như chim bay, ngồi thế kiết già, vọt lên không trung. Hoặc có uy lực rộng lớn, lấy tay sờ mặt trời mặt trăng. Hoặc dụng thân đây đến cõi Phạm thế, rồi tự tại quay về. Nên biết các loại thần biến như vậy đều do thắng giải nhiếp thọ tướng nhẹ bổng, tướng nhu nhuyễn, tướng không giới, tướng thân tâm hòa hợp, tùy theo điều mong muốn, tất cả đều có khả năng thực hiện.

Trong đây lược có hai dạng dụng thân tự tại hành chuyển đến lui cõi trời Phạm Thế: 1. Hồi chuyển qua lại tự tại; 2. Ở Phạm thế, trong bốn đại chủng, một phần tạo sắc, thuận theo lực thắng giải tự tại hành chuyển như ý thích.

6. Tướng thứ tự tùy nhớ các hành đã thọ: do tướng đây, từ giai đoạn thơ ấu cho đến hiện nay,

nhớ nghĩ tự tại không bị ngăn ngại. Tùy theo từng giai đoạn khác nhau, hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm, nói rộng tất cả hành đã thọ trước kia, từ tổng thể cho đến chi tiết đều rõ biết nhớ nghĩ. Vì tu tập, nhiều tu tập đối với việc đây nên chúng đắc quả tu, nói rộng cho đến tất cả hành tướng ở nơi vô lượng kiếp sống đời trước, tất cả điều đã nói đều có thể nhớ nghĩ.

7. Tưởng hội tụ chủng chủng dạng loại âm thanh: do tưởng đây, khắp ở những nơi có nhiều người hội họp như thôn xóm, làng mạc, hoặc ở chúng trưởng giả, hoặc chúng trong thôn xóm, hoặc các tạp chúng khác, hoặc ở nơi rộng lớn, hoặc nhà, hoặc phòng... vô số phẩm loại, những nơi phát sinh chủng chủng dạng loại âm thanh lẫn tạp sai khác, gọi là âm thanh huyền ảo; hoặc âm thanh của các dòng nước chảy xiết, hoặc âm thanh của tiếng sóng vỗ... Khéo nắm giữ các tướng đây, dụng tu tập tác ý định địa mà thành tựu. Ở trong chúng trời người, hoặc xa, hoặc gần, âm thanh của thánh, phi thánh, gắng sức lắng nghe phân biệt. Do tu tập, nhiều tu tập, chúng đắc quả tu thiên nhĩ thanh tịnh. Do đây có thể nghe được tất cả âm thanh hoặc gần hoặc

xa, dưới từ cõi nhân gian, trên cho đến cõi trời.

8. Tướng sắc tướng quang minh: ở nơi chũng chũng tướng quang minh như trước đã nói, khéo nắm giữ tướng ấy rồi tác ý tư duy. Lại ở nơi chũng chũng nghiệp dụng thiện, bất thiện sai khác của các hữu tình, khéo nắm giữ tướng ấy, tác ý tư duy tướng kia. Đây gọi là tướng sắc tướng quang minh. Do tu tập, nhiều tu tập, nên chứng đắc quả tu sanh tử trí thông. Do thiên nhãn thông thanh tịnh đây, thấy các hữu tình bỏ thân này sẽ đến sanh trong các đường thiện của cõi trời hay cõi người...

9. Tướng các sắc biến đổi do phiền não: do tướng đây nên đều hiểu rõ phân biệt chũng chũng phiền não như tham khuể, ngu si, phẫn hận, phú não, cống siểm, keo kiệt, tật đố, kiêu hại, không tâm, không quý... và các loại phiền não, tùy phiền não khác quấy nhiễu trói buộc tâm của các loài hữu tình, chũng chũng vị sắc, tướng sắc biến đổi. Loại sắc như thế này là người tham dục, có phần vị sắc, tướng sắc biến đổi như sau, đó là: các căn lao xao, các căn trạo cử, nói thường cười mỉm. Loại sắc như thế kia là người sân khuể, có phần vị sắc, tướng sắc biến đổi như sau, đó là: mặt thường nhăn nhó,

lời nói keo rít, lời nói thường đổi sắc. Loại sắc như thế nọ là người ngu si, có phần vị sắc, tướng sắc biến đổi như sau, đó là: phần nhiều cảm ngộ, sự nghĩa ám muội, lời nói không phân biệt rõ ràng, lời nói nhiều thô thiển. Do hết thấy hành tướng như vậy, nói rộng cho đến kẻ bị trói buộc quấy nhiễu bởi không biết hổ thẹn... có phần vị sắc, tướng sắc biến đổi, nên biết cũng vậy. Đã khéo nắm giữ tướng ấy, lại tiếp tục tác ý tư duy, do tu tập, nhiều tu tập, nên phát sanh quả tu trí tha tâm sai biệt. Do trí đây, đối với tâm, ý, thức... của các loại hữu tình khác nhau, tùy theo chỗ tâm tư, tùy theo chỗ quán xét đều rõ biết như thật.

10. 11. 12. *Tướng giải thoát, tướng thắng xứ, tướng biến xứ:* đây cũng giống cách thức tu Tam-ma-hí-đa địa trước đã nói. Do ở nơi tướng đây thân cận tu tập, nhiều tu tập, nên năng hiển phát thần thông tối thắng, hoặc biến sự thông, hoặc hóa sự thông, hoặc thắng giải thông; cũng năng dẫn phát vô tránh, nguyện trí, bốn vô ngại giải là pháp vô ngại giải, nghĩa vô ngại giải, từ vô ngại giải và biện vô ngại giải... chủng chủng công đức.

Lại nữa, thần cảnh thông của thánh và phi

thánh có sự sai khác. Thần thông thánh thì tùy việc mà biến, tùy việc mà hóa, tùy việc mà thắng giải, tất cả năng thành tựu trọn vẹn như thật, không biến đổi, có dụng thực tế. Còn thần thông phi thánh thì chẳng được như vậy, giống như huyền hóa, chỉ có thể xem thấy, không thể thọ dụng.

Nên biết 12 loại tướng đây, thân cận tu tập, nhiều tu tập, tùy chỗ thích hợp năng dẫn phát năm thứ thần thông. Lại năng dẫn phát các loại thần thông không cùng chung với hàng dị sanh, như chỗ thích hợp cùng chung với công đức của các bậc Thánh.

Lại nữa, trong đây nếu khéo tu tập ở Sơ tĩnh lự phẩm hạ, trung, thượng, thì tùy chỗ thích hợp sẽ sanh trong chúng đồng phận cõi trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Đại phạm. Nếu khéo tu tập ở Đệ nhị tĩnh lự phẩm hạ, trung, thượng, thì tùy chỗ thích hợp sẽ sanh trong chúng đồng phận cõi trời Thiếu quang, trời Vô lượng quang, trời Tịnh quang. Nếu khéo tu tập ở Đệ tam tĩnh lự phẩm hạ, trung, thượng, thì tùy chỗ thích hợp sẽ sanh trong chúng đồng phận ở cõi trời Thiếu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh. Nếu khéo tu tập

đối với Đệ tứ tinh lự phẩm hạ, trung, thượng, thì tùy theo chỗ thích hợp sẽ sanh trong chúng đồng phận ở cõi trời Vô vân, trời Phước sanh, trời Quảng quả.

Nếu quả Bất hoàn dùng vô lậu Đệ tứ tinh lự huân tu xen tạp với hữu lậu Đệ tứ tinh lự, tức ở trong đây thành tựu phẩm hạ, phẩm trung, phẩm thượng, phẩm thắng thượng, phẩm cực thượng. Đã khéo tu tập rồi, tùy theo đó mà sanh ở trong chúng đồng phận ở cõi trời Ngũ tịnh cư, bao gồm trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Thiện kiến, trời Sắc cứu cánh.

Nếu khéo tu tập ở Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ, thì tùy theo phẩm hạ, trung, thượng, sẽ sanh trong chúng đồng phận ở cõi Không xứ, cõi Thức xứ, cõi Vô sở hữu xứ, cõi Phi tướng phi phi tướng xứ, cõi trời Tùy hành. Mỗi mỗi vị trời kia không có hình sắc, nên cũng không có nơi chốn sai biệt, nhưng trụ nơi sở tác có khác biệt. Nếu khéo tu tập ở Vô tướng định, sẽ sanh trong chúng đồng phận trời Vô tướng hữu tình.

Lại nữa, sao biết tướng của người ly dục? Người

ly dục thành tựu thân nghiệp an trụ, các căn không loạn động, oai nghi tiến dừng khi đi khi đứng không trao cử dao động. Ở nơi một oai nghi có thể trải qua thời gian lâu mà không nhiều sự nôn nóng sợ hãi, trọn không để mất oai nghi. Người kia sử dụng ngôn từ uyển chuyển, ngôn từ tịch tĩnh, ngôn từ an tường; không vui thích ồn tạp, không vui thích những nơi chúng tạp huyên náo. Mắt thấy sắc, nhận biết rõ là sắc mà không nhân đó khởi tham sắc. Như vậy tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, tuy nhận biết rõ âm thanh cho đến cảm xúc, mà không nhân đó phát khởi tham âm thanh cho đến tham cảm xúc. Người kia có lực vô sở úy, giác tuệ thâm sâu, khinh an trải khắp. Thân tâm ẩn mật, không tham lam, không nóng giận. Lại có khả năng kham nhẫn, không bị các ác tâm tư như chủng chủng tâm tư dục... nhiều loạn nơi tâm. Hết thấy dạng loại như vậy gọi là tướng của người ly dục.



Quyển 34

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA Phần 4 của DU GIÀ XỬ - Thứ 2

Như vậy đã biện xong “hướng đến đạo thế gian”. Nếu vui *hướng đến đạo xuất thế gian*, phải nương theo cảnh bốn Thánh đế, dần dần sanh khởi bảy chủng tác ý – trước tiên là tác ý liễu tướng, sau cùng là tác ý quả gia hạnh rốt ráo – cho đến chứng đắc quả A-la-hán. Các thầy tu Du-già, vì ở nơi giáo pháp bốn thánh đế đã được nêu lược biện rộng tăng thượng, thuận theo lắng nghe thọ trì, hoặc nơi tác ý đã khéo tu tập, hoặc đắc căn bản Vô sắc tĩnh lự.

Do bốn chủng hành nên rõ tướng *Khổ đế*, đó là: hành vô thường, hành khổ, hành không, hành vô ngã. Do bốn chủng hành nên rõ tướng *Tập đế*, đó là: hành nhân, hành tập, hành khởi, hành duyên. Do bốn chủng hành nên rõ tướng *Diệt đế*, đó là: hành diệt, hành tịnh, hành diệu, hành lìa. Do bốn chủng hành nên rõ tướng *Đạo đế*, đó là: hành đạo,

hành như, hành hạnh, hành xuất. Như vậy gọi là tác ý liễu tướng.

Do mười chủng hành quán sát Khổ đế, nên năng hiểu biết nhập vào bốn hành Khổ đế. Những gì là mười? 1. Hành biến đổi; 2. Hành hoại diệt; 3. Hành biệt ly; 4. Hành pháp tánh; 5. Hành hội hợp; 6. Hành kiết phược; 7. Hành không khả ái; 8. Hành không an ổn; 9. Hành không sở đắc; 10. Hành không tự tại. Mười hành như vậy nương chứng thành đạo lý, năng chân chánh quán sát.

Trong đây nương lý của chí giáo lượng như Đức Thế Tôn nói: “Các hành vô thường”. Lại các hành đây lược có hai loại: 1. Hữu tình thế gian; 2. Khí thế gian. Đức Thế Tôn nương hữu tình thế gian mà nói rằng: “Bí-sô nên biết! Ta dùng thiên nhân thanh tịnh vượt hơn người thường, quán sát các hữu tình lúc sống lúc chết, nói rộng cho đến khi thân hoại sẽ sanh ở đường thiện, trong các cõi trời”. Do pháp đây hiển thị Đức Thế Tôn dùng thiên nhân thanh tịnh hiện thấy *tất cả hữu tình thế gian là tánh vô thường*.

Lại, Thế Tôn nói: “Bí-sô nên biết! Khí thế gian đây tồn tại trường thời. Quá đây về sau, dần

dẫn cho đến bảy mặt trời xuất hiện, như trong *Kinh Thất Nhật* đã nói rộng. Các đại địa, các núi, biển lớn, kể cả núi báu Tô-mê-lô đại bảo sơn vương, cho đến các khí thể gian của các cõi trời Phạm thế đều bị hỏa tai, lần lượt trải qua bảy ngày như thế. Sau khi hỏa tai diệt rồi, tro bụi cũng không còn, cho đến hình bóng sót lại cũng chẳng thể có”. Do pháp đây, Đức Thế Tôn muốn hiển thị *các khí thể gian là tánh vô thường*.

Như vậy là nương lý của chí giáo lượng.

Người tu quán hành, vì sự tăng thượng của tín tâm thanh tịnh, của lực tác ý, nên ở nơi tánh vô thường của hành đã đạt được sự quyết chắc tin sâu. Tức do lực tịnh tín, tác ý tăng thượng như vậy, luôn luôn tìm tòi tư duy quán sát tất cả, hiện thấy không trái tánh vô thường, không do duyên khác.

Sao gọi là luôn luôn tìm tòi tư duy quán sát? Như trước đã kiến lập hai sự là bên trong và bên ngoài. Sự bên trong có 6 nơi. Sự bên ngoài có 16 loại: 1. Đất như thành ấp, làng mạc, nhà, chợ...; 2. Vườn như thuốc, cỏ, rừng...; 3. Núi, đó là vô số các loại núi an bày khác nhau; 4. Nước như sông suối, ao hồ, đầm...; 5. Nghề nghiệp; 6. Kho tàng; 7. Thức

ăn; 8. Thức uống; 9. Xe cộ; 10. Y phục; 11. Vật trang sức; 12. Vui ca múa; 13. Hương xoa, hoa cài; 14. Vật dụng nuôi thân; 15. Ánh sáng; 16. Nam, nữ hầu hạ.

Đã an lập các sự trong ngoài như vậy, vì lực tác ý tăng thượng, lại hiện thấy các sự kia hành chuyển biến đổi, tư duy quán sát thấy tánh hành vô thường. Trong đây, các sự trong có 15 loại gây ra sự biến đổi và có 8 nhân duyên khiến biến đổi.

– Tám nhân duyên khiến biến đổi: 1. Cát giữ lâu năm; 2. Bị người khác làm tổn hại; 3. Thọ dụng khiến hao mòn; 4. Thời tiết biến đổi; 5. Bị lửa thiêu đốt; 6. Bị nước cuốn trôi; 7. Bị gió thổi khô héo; 8. Gặp gỡ các duyên khác.

Sao gọi là do cát giữ lâu năm khiến biến đổi? Các pháp có sắc, tuy được bảo quản giữ gìn nơi an toàn, nhưng trải qua thời gian lâu tự nhiên hư hoại, hình sắc bị suy tổn biến đổi.

Sao gọi là do bị người khác làm tổn hại khiến biến đổi? Chúng chủng pháp có sắc nếu bị người khác dùng những phương tiện khác nhau để tác động, sẽ bị tổn hại, tức lúc ấy chúng chủng hình dáng màu sắc thay đổi.

Sao gọi là do thọ dụng hao mòn khiến biến đổi? Các loại vật sắc khác nhau do người chủ sử dụng quá nhiều, nên bị hao mòn biến đổi.

Sao gọi là do thời tiết thay đổi khiến biến đổi? Vào mùa thu, mùa đông, cỏ, cây, hoa, lá, quả... héo vàng rơi rụng. Vào mùa xuân, mùa hạ, cỏ, cây, hoa, lá, quả... xanh tươi.

Sao gọi là do lửa thiêu đốt khiến biến đổi? Lửa cháy lan thiêu đốt thôn xóm, thành quách, vương đô... thấy đều thành tro bụi.

Sao gọi là do nước cuốn trôi khiến biến đổi? Nước lớn tràn ngập cuốn trôi thôn xóm, thành quách, vương đô... thấy đều bị chìm ngập.

Sao gọi là do gió thổi khô héo khiến biến đổi? Gió lớn thổi khiến áo quần ướt, đất ướt... thấy đều khô ráo.

Sao gọi là do gặp gỡ các duyên khác khiến biến đổi? Duyên tiếp xúc thọ vui, lúc đang cảm thọ vui gặp tiếp xúc thọ khổ. Duyên tiếp xúc thọ khổ, lúc đang cảm thọ khổ gặp tiếp xúc thọ vui. Duyên tiếp xúc thọ không khổ không vui, lúc đang cảm thọ không khổ không vui gặp tiếp xúc thọ vui, hoặc tiếp xúc thọ khổ. Lại người có tham gặp duyên

sân, lúc này tham triền dừng nghỉ, sân triền phát khởi. Như vậy người có sân, si gặp duyên khiến phát khởi phần phiền não khác phải biết cũng vậy. Như vậy nhãn thức đang hiện tiền, gặp gỡ với cảnh thanh, hương, vị, xúc... cảnh khác, duyên khác, thì phát khởi phần thức khác. Còn lại tất cả nên biết như lý.

Đây gọi là 8 loại nhân duyên khiến biến đổi. Tất cả pháp có sắc và không sắc bị biến đổi đều do tám chủng nhân duyên như vậy. Ngoài đây ra trọn không có hoặc hơn, hoặc thêm các nhân duyên khác với trên.

– *Mười lăm loại gây ra sự biến đổi*: 1. Biến đổi do phần vị tạo ra; 2. Biến đổi do hiển sắc tạo ra; 3. Biến đổi do hình sắc tạo ra; 4. Biến đổi do hưng suy tạo ra; 5. Biến đổi do gia sản đủ, không đủ tạo ra; 6. Biến đổi do mệt nhọc tạo ra; 7. Biến đổi do người khác tổn hại tạo ra; 8. Biến đổi do nóng lạnh tạo ra; 9. Biến đổi do oai nghi tạo ra; 10. Biến đổi do tiếp xúc đối ngại tạo ra; 11. Biến đổi do tạp nhiễm tạo ra; 12. Biến đổi do tật bệnh tạo ra; 13. Biến đổi do mạng chung tạo ra; 14. Biến đổi do xanh bầm trương sinh... tạo ra; 15. Biến đổi do tất

cả tận diệt không còn hiển hiện tạo ra.

Sao gọi là tư duy sự bên trong biến đổi do phần vị tạo ra, tánh vô thường? Vì quan sát thấy hoặc mình, hoặc người, từ lúc thiếu niên cho đến lúc già suy, các hành nối nhau trước sau sai khác, trọn không giống nhau. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường. Vì có sao? Bởi lẽ phần vị bên trong đây trước sau biến đổi hiển thấy được”.

Sao gọi là tư duy sự bên trong biến đổi do hiển sắc tạo ra, tánh vô thường? Do quan sát thấy hoặc mình, hoặc người, trước kia sắc da mịn màng tươi nhuận, về sau sắc da nhăn nheo khô héo, thời gian sau nữa lại thấy sắc da mịn màng, tươi nhuận. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường. Vì có sao? Bởi lẽ hiển sắc bên trong đây, trước sau biến đổi hiển thấy được”.

Sao gọi là tư duy sự bên trong biến đổi do hình sắc tạo ra, tánh vô thường? Như nói về hiển sắc, thì hình sắc, do gây mập biến đổi nên biết cũng vậy.

Sao gọi là tư duy sự bên trong biến đổi do hưng suy tạo ra, tánh vô thường? Do quán sát thấy

hoặc mình, hoặc người, trước kia có quyền thuộc, tài bảo, địa vị... đều hưng thịnh, về sau thấy tất cả đều suy bại, thời gian sau thấy hưng thịnh trở lại. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường. Vì có sao? Bởi lẽ hưng suy biến đổi hiện thấy được”.

Sao gọi là tư duy sự bên trong biến đổi do gia sản tạo ra, tánh vô thường? Do quán sát thấy hoặc mình, hoặc người, trước kia tài sản không bị khuyết giảm; về sau lại thấy bị suy giảm, hoặc do vua gây ra, hoặc do giặc cướp gây ra, hoặc do người gây ra, hoặc do phi nhân gây ra... Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là tư duy sự bên trong biến đổi do mệt nhọc tạo ra, tánh vô thường? Do quán sát thấy hoặc mình, hoặc người, thân thể lao nhọc mỗi mệ, tánh thân rất mỗi mệ, hoặc do rượt đuổi, hoặc do nhảy nhót, hoặc do tới lui, hoặc do cưỡi ngựa, hoặc do vô số thân nghiệp gấp rút vội vã. Lại ở lúc khác thấy xa lìa mỗi mệ cực nhọc kia. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là tư duy sự bên trong biến đổi do người khác tổn hại tạo ra, tánh vô thường? Do quán sát thấy hoặc mình, hoặc người, bị người khác tổn hại khiến thân hình biến đổi, hoặc do dao gậy, roi da, dây da, giáo mác... hủy hoại; hoặc do các loại độc trùng như rắn độc, ruồi muỗi, bò cạp... chích đốt gây hại. Lại ở lúc khác thấy không bị biến đổi. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là tư duy sự bên trong biến đổi do nóng lạnh tạo ra, tánh vô thường? Do quán sát thấy hoặc mình, hoặc người, khi thời tiết lạnh thân bị lạnh bức bách, chẳng thư thái, nằm run rẩy co quắp, lúc ấy lại mong thời tiết nắng ấm. Vào lúc ngày nắng ấm, thân thể thư thái, phần chấn. Nhưng lúc quá nóng, thân bị cảm giác nóng khát bức bách, cổ họng khô, chảy mồ hôi, lúc ấy lại mong thời tiết mát mẻ. Rồi đến lúc lạnh rét, thấy tương trạng trở lại như trước. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là tư duy sự bên trong biến đổi do oai

nghi tạo ra, tánh vô thường? Do quán sát thấy hoặc mình, hoặc người, tùy theo một oai nghi đi, đứng, ngồi, nằm, hoặc lúc bị tổn giảm, hoặc lúc được tăng thêm. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là tư duy sự bên trong biến đổi do tiếp xúc đối ngại tạo ra, tánh vô thường? Do xúc nơi cái xúc thuận thọ vui, lúc lãnh thọ duyên xúc vui sanh khởi vui, tự năng phân biệt rõ phần vị của thọ vui. Như đã hiểu rõ phần vị thọ vui, thì hiểu rõ phần vị thọ khổ, phần vị thọ không khổ không vui nên biết cũng vậy. Kia do phân biệt rõ các thọ như vậy, trước sau biến đổi, là tánh luôn chuyển mới, chẳng phải tánh cũ cũ; hoặc tăng, hoặc giảm, tạm thời hiện hữu, bỗng chốc hiện tiền, tìm cầu liền biến hoại. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát sự bên trong biến đổi do tạp nhiễm tạo ra, tánh vô thường? Đó là năng biết rõ tâm sanh khởi ban đầu, hoặc tâm có tham, hoặc tâm lìa tham, hoặc tâm có sân, hoặc tâm lìa sân,

hoặc tâm có si, hoặc tâm lìa si. Lại năng biết rõ tùy mỗi một chủng trong các tùy phiền não khiến tâm bị nhiễm ô. Lại năng biết rõ tùy mỗi một chủng trong các tùy phiền não mà tâm không bị nhiễm ô. Lại năng biết rõ tâm kia tương tục, do các phiền não và tùy phiền não ở vị trí trước sau sai khác, tánh nhập vào biến hoại, không biến hoại. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường. Vì có sao? Bởi lẽ tâm bị biến đổi do tạp nhiễm hiện thấy được”.

Sao gọi là quán sát sự bên trong biến đổi do tật bệnh tạo ra, tánh vô thường? Do quán sát thấy hoặc mình, hoặc người, trước kia không bị bệnh tật, an vui mạnh khỏe. Lúc sau thấy hoặc mình, hoặc người, lâm vào hoàn cảnh bệnh khổ trầm trọng, thân phần lãnh thọ những thọ khổ vô cùng mãnh liệt, như trước nói rộng. Lại vào thời gian khác thấy không còn bệnh, an vui khỏe mạnh. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát sự bên trong biến đổi do mạng chung tạo ra, tánh vô thường? Do quán sát thấy hiện tại còn sống, điều khiển các chi phần.

Lại thời gian sau thấy đã qua đời, chỉ còn thi hài, không còn tâm thức. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát sự bên trong biến đổi do xanh ứ... tạo ra, tánh vô thường? Do quán sát thấy thi hài người chết, trải qua một thời gian trở nên xanh bầm, hoặc trải qua thời gian nữa trở nên thối rữa, như vậy cho đến chỉ còn lại xương khớp. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát sự bên trong biến đổi do tất cả tận diệt, không còn hiển hiện, tánh vô thường? Do quán sát thấy thi hài kia, vào thời gian khác, xương cốt cũng không hiện hữu, hết thấy đều tan hoại, ly tán, diệt mất, khắp cả tầm mắt cũng không thấy được. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường. Vì cố sao? Bởi lẽ tướng sắc luôn luôn chuyển đổi, trước sau biến đổi hiện thấy được”.

Như vậy, do lực tác ý hiện thấy tăng thượng, quán sát 15 loại hành của sự bên trong, hiện thấy chủng chủng biến đổi tánh vô thường. Quán sát

như vậy rồi, lại tiếp tục quát sát 16 việc bên ngoài, có chủng chủng biến đổi tánh vô thường.

Sao gọi là quán sát đất biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy vùng đất này, trước kia chưa xây dựng đạo tràng, chùa tháp, miếu thờ, thành quách, thôn xóm... về sau khéo xây dựng, khéo trang trí. Vào thời gian khác, thấy công trình kia cũ mục, nứt dần rồi sụp đổ, cho đến bị hủy hoại, hoặc bị lửa thiêu rụi, hoặc bị nước cuốn trôi. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường. Vì cố sao? Bởi lẽ tướng sắc trước sau chuyển đổi hiện thấy được”.

Sao gọi là quán sát thấy vườn biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy trong vườn trước kia tươi tốt, các loài cỏ cây, hoa quả, cành lá đều khoe sắc xanh tươi, thật đáng ưa thích. Nhưng thời gian sau thấy vườn kia hoặc trở nên khô héo, không còn hoa quả, cành lá khô gãy; hoặc bị lửa thiêu cháy, hoặc bị nước cuốn trôi. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát núi biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy ở thời gian này, núi kia

từng có rừng rậm um tùm, sum suê, vách đá cao vút. Nhưng thời gian khác, thấy rừng kia tàn lụi, vách đá sụp lở, hoặc bị lửa thiêu cháy, hoặc bị nước cuốn trôi. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát nước biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy ở thời gian này từng có sông suối, hồ ao, giếng nước... có sóng gợn, có nước ngọt tràn đầy. Một thời gian khác, tất cả đều khô cạn. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát nghề nghiệp biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy trong một thời gian, có vô số dạng nghề như chăn nuôi, làm nông, thợ thuyền, công nghiệp, kỹ nghệ khéo léo thảy đều hưng thịnh. Một thời gian khác, thấy tất cả đều suy tổn. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát kho tàng biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy thời gian này vô số kho

tàng đã từng đầy ắp, qua thời gian khác lại bị cạn kiệt. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát thức ăn uống biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy các loại thức ăn, thức uống, có lúc không đủ, có lúc đầy đủ. Lúc được đưa vào miệng, nhai hòa với nước miếng, rồi từ từ nuốt xuống cổ. Sau vào bao tử, dần dần được tiêu hóa. Sau nữa thành phân, nước tiểu, được thải ra ngoài. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát xe cộ biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy một thời gian, vô số loại xe mới đẹp, thích mắt. Một thời gian khác, các xe kia hư mục, chi tiết rời rạc tan rã. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát y phục biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy các loại y phục lúc mới may, lúc hư cũ, lúc sạch sẽ, lúc dơ bẩn. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy

tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát vật trang sức biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy các vật trang sức có lúc chưa thành, có lúc đã thành, có lúc bền chắc, có lúc hư hoại. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát ca múa hát biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy ca múa kỹ nhạc hiện có chủng chủng âm khúc khác nhau, lúc bắt đầu khác, lúc kết thúc khác. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát hương xoa hoa cài biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy vô số các loại hương hoa tươi đẹp cài tóc dùng trang điểm. Về sau, thấy hương kia héo úa, thối rữa. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát vật dụng nuôi thân biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy kia có lúc chưa tạo làm, có lúc đã tạo làm, có lúc hoàn thành, có lúc hư hoại, trước sau đổi khác. Thấy việc đây

rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát ánh sáng biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy các loại sáng tối sanh diệt biến đổi, thấy việc đây rồi liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát nam nữ hữu hạ biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy những người kia hoặc có lúc suy vong, hoặc có lúc hưng thịnh, không sống lâu dài. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Như vậy, tất cả các hành thuộc sự bên ngoài, sáu loại trước nhiếp thuộc các sự nhiếp thọ, mười loại sau là các sự vật dụng cho thân, tóm lại phải biết tánh của chúng đều vô thường. Vì có sao? Hình tướng chuyển biến hiện có thể thấy được. Do như vậy thấy, dụng lực tác ý hiện thấy tăng thượng, dụng các hành biến đổi, tùy chỗ thích hợp mà quán sát, thấy được các sự bên trong và bên ngoài tất cả là tánh vô thường. Do nhân duyên đây, ở nơi tánh vô thường của sự biến đổi, hiện thấy không

trái ngược, không do duyên khác, không bị cái khác dẫn dắt, theo đó nhớ nghĩ quán sát, xem xét sâu kỹ chắc chắn. Do đây gọi là tác ý hiện thấy tăng thượng. Do lực tác ý hiện thấy tăng thượng như vậy, đã quán sát xong tánh vô thường biến đổi, các hành sắc kia tuy hiện hữu mà sát-na sanh diệt, hoại diệt vô thường, nhưng vì vi tế nên không hiện thấy. Cho nên nương tác ý hiện thấy tăng thượng, cần tỷ lượng đúng đắn.

Tỷ lượng thế nào? Các hành kia chủ yếu có sát-na sanh diệt, hoại diệt, mới có thể có được trước sau biến đổi. Nếu thật tồn tại thì không có sự biến đổi như vậy, cho nên xác quyết các hành phải có sát-na sanh diệt. Vì các duyên kia có hòa hợp nên các hành được sanh, đã sanh thì chẳng đợi nhân duyên hoại diệt mà tự nhiên hoại diệt. Chỗ có nhân duyên biến đổi như vậy năng khiến các hành chuyển biến sanh khởi, nhưng chỉ là nhân duyên chuyển biến sanh khởi, chẳng phải là nhân duyên khiến các hành hoại diệt. Vì cơ sao? Do các hành kia cùng với nhân duyên hoại diệt hiện thấy ở thế gian đồng hoại diệt rồi, thì về sau chẳng tương tự sanh khởi khả đắc. Nhưng chẳng

phải tất cả kia hoàn toàn không sanh khởi trở lại. Hoặc có các hành một khi đã hoại, hoàn toàn không thể sanh khởi trở lại, như nước đun sôi, bốc hơi, cuối cùng đều tan biến; như lửa đốt cháy khí thể gian cho đến không còn một chút tro tàn, hay một chút bóng dáng nào sót lại. Vì kia cũng nhân duyên, nên về sau cũng triển chuyển giảm dần đến lúc chấm dứt, rốt sau tất cả đều không chỗ có. Không phải lửa là nguyên nhân tạo nên sự biến đổi, mà chỉ do tám chủng nhân duyên đã thuyết ở trước khiến chuyển biến sanh khởi, tự nhiên hoại diệt. Như vậy vì lực tác ý tỷ lượng, do hành hoại diệt, nên đạt được sự xác quyết: “Các hành kia sát-na sanh diệt, hoại diệt vô thường”.

Đã xác quyết được như vậy rồi, lại nên chân chánh tỷ lượng cách khác đối với các hành sanh khởi *không hiện thấy được*.

Tỷ lượng thế nào? Nghĩa là các hữu tình hiện có chủng chủng sai biệt có thể thấy được, hoặc có hình sắc đẹp, hoặc có hình sắc xấu; hoặc dòng họ cao quý, hoặc dòng họ thấp hèn; hoặc dòng họ giàu sang, hoặc dòng họ nghèo cùng; hoặc dòng tộc lớn, hoặc dòng tộc nhỏ; hoặc thọ mạng dài, hoặc thọ

mạng ngăn; hoặc lời nói uy nghiêm, hoặc không uy nghiêm; hoặc tánh lợi căn, hoặc tánh độn căn.. Tất cả hành trạng tướng sai biệt của hữu tình như vậy là do nghiệp gây tạo sai biệt, nên mới có thể thành lập, chẳng phải không có nghiệp gây tạo. Sắc loại hữu tình sai biệt như vậy nhất định do nghiệp thiện, bất thiện của đời trước tạo tác, tăng trưởng có chủng chủng phẩm loại khác nhau. Do nhân duyên đây, nên ở hiện tại tự thể sanh khởi khác nhau, chẳng thể do trời Tự tại biến hóa làm nhân. Vì cớ sao? Nếu nói “Tự tại biến hóa làm nhân năng sanh các hành”, vậy thì các hành được sanh đây chỉ dụng Tự tại kia làm duyên, hay phải đợi duyên khác như thế Tự tại mới năng biến hóa? Nếu chỉ dụng Tự tại kia làm duyên, thì lẽ các hành và Tự tại kia đều vốn có, nào chờ đợi lại sanh? Hoặc nói “Trước có tánh thể Tự tại, về sau hành sanh”, vậy thì các hành đây không chỉ có Tự tại làm duyên sanh khởi. Hoặc nói “Tự tại đây còn tùy theo chỗ muốn, dụng công mong cầu mới năng tạo hóa”, vậy thì cũng là dụng *muốn* làm nhân duyên, chẳng phải chỉ có Tự tại. Vậy *muốn* đây là có nhân chẳng? Là không nhân chẳng? Nếu nói có nhân,

mà lấy Tự tại làm nhân thì cũng mắc lỗi như trước đã nói. Điều này không hợp đạo lý. Nếu nói *muốn* đây có nhân khác, thì tức như muốn dụng công mong cầu, lia ngoài Tự tại lấy pháp khác làm nhân. Như vậy, tất cả các hành cũng đều nên lấy pháp khác làm nhân, sao phải chờ đợi mưu tính không dùng Tự tại? Do lực tác ý so lường tăng thượng như thế, nên đạt được sự xác quyết: “Các hành đời khác sanh khởi”.

Như vậy, tóm lược là do ba chủng lực tác ý tăng thượng, nên có thể tư duy quán sát thấy các hành trong ngoài đều là tánh vô thường: 1. Vì lực tác ý tịnh tín tăng thượng; 2. Vì lực tác ý hiện lượng tăng thượng; 3. Vì lực tác ý tỷ lượng tăng thượng. Do vậy đối với sự việc trước đã nêu ra, năng thuận theo đó mà tu năm hành vô thường.

Như vậy đã biện rõ hai hành là *hành biến đổi* và *hành hoại diệt*.

Sao gọi là do *hành biệt ly* quán tánh vô thường? Là nương hai chủng biệt ly trong và ngoài, nên biết các hành là tánh vô thường.

– Nương biệt ly trong tánh vô thường: Như có người trước kia ở địa vị chủ, chẳng phải tôi trai,

chẳng phải tứ gái, năng tự ý thọ dụng, năng sai khiến người khác. Nhưng thời gian sau, kia suy bại nên mất địa vị chủ, không phải tánh tôi tứ mà chuyển sang địa vị hầu hạ kẻ khác và bị sai khiến. Ở nơi tính chất ông chủ, gọi là hành biệt ly tánh vô thường.

– Nương biệt ly bên ngoài tánh vô thường: Như có người hiện tại gia sản, tài bảo chưa bị biến đổi, chưa bị ly tán vô thường hoại mất. Nhưng thời gian sau, hoặc bị vua, bị giặc cướp chiếm đoạt, hoặc do gây tạo các việc ác nên mất hoại, hoặc phương tiện tìm cầu mà không được. Hết thấy loại như vậy nên biết là do hành biệt ly tánh vô thường.

Sao gọi là do *hành pháp tánh* quán tánh vô thường? Là chỗ có biến đổi vô thường, hoại diệt vô thường, biệt ly vô thường, ở đời hiện tại vẫn chưa hòa hợp được, ở đời vị lai sẽ có pháp tánh. Như thật thông đạt các hành như vậy ở đời vị lai sẽ có pháp tánh. Hết thấy loại như vậy gọi là thông đạt pháp tánh tánh vô thường.

Sao gọi là do *hành hội hợp* quán tánh vô thường? Là chỗ có biến đổi vô thường, hoại diệt vô thường, biệt ly vô thường, ở đời hiện tại hội hợp

với nhau cùng hiện tiền. Như thật thông đạt các hành như vậy hiện tiền hội hợp ở đời hiện tại. Hết thấy loại như thế gọi là thông đạt hội hợp tánh vô thường.

Người kia do quán sát năm tánh vô thường của các hành trong và ngoài đây, tùy chỗ thích hợp mà tác ý tu tập, nhiều tu tập, sẽ đạt được sự xác quyết.

Như vậy, do chứng thành đạo lý và tu tập tăng thượng, nên xác quyết được các hành vô thường. Từ đây không gián đoạn nhập vào hành khổ, tác ý tư duy: “Các hành như vậy đều là vô thường”. Vì vô thường nên chắc chắn có tánh pháp sanh. Các hành như vậy đã là pháp sanh, tức là có sanh khổ, đã có sanh khổ, nên biết cũng có già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oán ghét mà gặp nhau khổ, yêu thương mà chia lìa khổ, mong cầu mà không được khổ. Như vậy gọi là do *hành không khả ái* mà nhập vào hành khổ.

Như vậy, lại ở nơi *hữu hữu lậu* và *thủ hữu lậu*, trong tất cả uẩn thường thuận theo thọ vui, do *hành kiết phược* mà nhập vào hành khổ. Vì sao? Bởi lẽ ở nơi xứ kiết như ái... sanh khởi các kiết như

ái... Ở nơi xứ phước như tham... sanh khởi các phước như tham... Cho nên năng chiêu tập sanh, lão, bệnh, tử, sầu, bi, ưu, khổ... tất cả nhiều ão, các uẩn thuận khổ lớn.

Như vậy, lại ở nơi *hữu hữu lậu* và *thủ hữu lậu*, ở trong tất cả uẩn thuận theo thọ không khổ không vui, do *hành không an ổn* mà nhập vào hành khổ. Vì sao? Vì ở trong các uẩn năng thuận theo không khổ không vui thuộc *hữu, thủ hữu lậu*, bị chủng tử khổ vui đồng hành thô trọng theo đó đuổi theo khổ khổ và hoại khổ, không được giải thoát. Cho nên tất cả đều là pháp hoại diệt vô thường.

Người hành như vậy, ở nơi các hành năng thuận theo thọ vui và do hành kiết phước trong thọ vui mà nhập vào hoại khổ. Ở nơi các hành năng thuận theo thọ khổ và do hành không khả ái trong thọ khổ mà nhập vào khổ khổ. Ở nơi các hành năng thuận theo thọ không khổ không vui và do hành không an ổn trong thọ không khổ không vui, mà nhập vào hành khổ.

Như vậy, do lực tăng thượng của hành kiết phước, hành không khả ái, hành không an ổn, nên ở trong ba thọ, nói rằng: “Các sở hữu thọ thấy đều

là khổ”. Đây gọi là do tác ý *hành vô thường* làm tiền dẫn, mà nhập vào hành khổ.

Lại khởi nghĩ này: “Ngã hiện tại đây chỉ có các căn, chỉ có cảnh giới, chỉ có các thọ từ kia sanh khởi, chỉ có tâm này, chỉ có giả danh pháp ngã, ngã sở, chỉ có nhận thức này, chỉ có giả lập trong đây khả đắc. Ngoài đây ra, trọn không có hoặc thêm hoặc hơn. Như vậy chỉ có các uẩn khả đắc. Ở trong các uẩn không thường hằng, không bền chắc, không chủ tử, hoặc nói là ngã, hoặc nói là hữu tình; hoặc lại trong đây nói là sanh, lão, bệnh, tử; hoặc lại nói kia năng gây tạo các nghiệp, năng thọ chủng chủng quả và dị thực. Do các hành đây thấy đều là không, không có ngã”. Đây gọi là do *hành vô sở đắc* mà nhập vào hành không.

Lại khởi nghĩ này: “Sở hữu các hành cùng tự tướng kia tương ưng với tướng vô thường, tướng khổ. Vì kia cũng từ tất cả duyên mà được sanh, không được tự tại. Vì không tự tại, nên đều chẳng phải là ngã”. Đây gọi là do *hành không tự tại* mà nhập vào hành vô ngã.

Như vậy, người hành dùng mười hành nhiếp vào bốn hành.

Lại dùng bốn hành để hiểu rõ tướng *Khổ đế*. Đó là hành vô thường nhiếp vào năm hành: 1. Hành biến đổi; 2. Hành hoại diệt; 3. Hành biệt ly; 4. Hành pháp tánh; 5. Hành hội hợp. Hành khổ nhiếp vào ba hành: 1. Hành kiết phược; 2. Hành không khả ái; 3. Hành không an ổn. Hành không nhiếp vào một hành là hành vô sở đắc. Hành vô ngã nhiếp vào một hành, đó là hành không tự tại. Người kia do mười hành mà nhập vào bốn hành.

Lại do bốn hành nên nhận biết rõ tướng *Khổ đế*. Kế lại quán sát *Khổ đế* như vậy: “Nhân gì? Tập gì? Khởi gì? Duyên gì? Do đoạn kia, nên theo đó mà khổ cũng dứt”. Như vậy tức lấy bốn hành *Tập đế* mà rõ tướng *Tập đế*. Đó là biết rõ vì ái năng dẫn khổ gọi là *nhân*. Đã dẫn khổ rồi, lại năng chiêu tập khiến kia sanh, nên gọi là *tập*. Đã sanh khổ rồi lại khiến kia khởi, nên gọi là *khởi*. Lại năng nhiếp thọ các chủng tử khổ ở vị lai, dần dần chiêu dẫn các tập khổ, nên gọi là *duyên*.

Lại có sự giải thích khác: Biết rõ ái là nhân của thủ, lại năng chiêu tập, tức là lấy thủ đây làm nhân của hữu. Lại năng sanh khởi, tức là lấy hữu làm tiền dẫn cho sanh ở đương lai. Lại năng dẫn

phát, tức lấy sanh làm duyên cho các pháp khổ lão, bệnh, tử... tùy chỗ thích hợp gọi là *nhân, tập, khởi, duyên*.

Lại có cách giải thích khác: Rõ biết phiền não tùy miên sở y phụ thuộc vào ái tùy miên... là *nhân* của sanh hậu hữu ở đời đương lai. Lại chánh biết sự phát sanh triển của ái kia, tùy chỗ thích hợp là *tập, khởi, duyên*. Nghĩa là vì ái hậu hữu năng chiêu dẫn, tức là *tập*. Ái hậu hữu đây lại năng phát khởi ái đồng hành hỷ tham. Ái đồng hành hỷ tham đây lại cùng với nhiều chủng ái hỷ kia kia làm duyên. Như vậy, nương vào ái tùy miên... và ba chủng triển, năng sanh hậu hữu và năng phát khởi các ái sai biệt. Do đây gọi là *nhân, tập, khởi, duyên*.

Như vậy người hành do bốn chủng hành rõ tướng *Tập đế*.

Đã chánh nhận biết rõ tướng *Tập đế* rồi, lại chánh nhận biết *Tập đế* như vậy diệt dứt không sót thừa, nên gọi là *diệt*. Tất cả Khổ đế tịch tĩnh không sót thừa, nên gọi là *tĩnh*. Tức là diệt dứt và tịch tĩnh đây là bậc nhất, là tối thắng, là vô thượng, nên gọi là *diệu*; là thường trụ, là xuất ly vĩnh viễn, nên gọi là *liạ*. Như vậy người hành do bốn chủng

hành rõ tướng *Diệt đế*.

Đã chánh biết rõ tướng *Diệt đế* rồi, lại chánh biết rõ đạo chân thật đối trị. Ở nơi cảnh sở tri, vì nghĩa năng thông suốt tầm cầu, vì nghĩa năng chân thật tầm cầu, vì nghĩa ở bốn môn tùy chuyển, vì nghĩa một hướng năng hướng đến Niết-bàn, do vậy gọi là *đạo, như, hành, xuất*. Như vậy người hành do bốn chủng hành rõ tướng *Đạo đế*.

Như vậy gọi là ở nơi bốn thánh đế, tự bên trong hiện quán tác ý liễu tướng. Vị kia nơi mình đã hiện thấy các uẩn như vậy, nương lý các đế chánh quán sát tư duy không điên đảo rồi, lại ở nơi giới không đồng phạm, không hiện thấy các uẩn, tỷ lượng quán sát. Đó là sở hữu *hữu* của kia là hữu lậu, trải khắp tất cả xứ, trải khắp tất cả chủng, trải khắp tất cả thời đều có pháp như vậy, đều rơi vào lý như vậy, đều có tánh như vậy. Sở hữu *diệt* của kia đều vĩnh viễn tịch tĩnh, thường trụ an lạc. Sở hữu *đạo* của kia đều năng vĩnh viễn đoạn, cứu cánh xuất ly. Phải biết trong đây, hoặc đế trí hiện lượng ở nơi các uẩn, hoặc đế trí tỷ lượng ở nơi các giới không đồng phạm khác, cảnh không hiện thấy, tức là chỗ nương của chủng tử pháp trí, loại trí

năng sanh.

Lại tức tác ý liễu tướng như thế, nên biết do văn-tư vẫn còn xen tạp. Nếu người tu quán hành, ở trong các đế luôn luôn chánh quán sát như vậy, do 16 hành, ở nơi chúng thành đạo lý bốn Thánh đế đã quyết định tin chắc.

Lại ở nơi các đế, tận tánh sở hữu, như tánh sở hữu, vượt qua tác ý văn-tư xen tạp, một hướng phát khởi thắng giải tu hành. Đây gọi là tác ý thắng giải.

Tác ý như vậy chỉ duyên cảnh đế, một hướng tại định. Vì tu tập, nhiều tu tập, nên trong hai cảnh đế là Khổ và Tập, chúng đặc trí không ngăn mé. Do trí đây nên rõ biết vô thường, phát khởi thắng giải vô thường không ngăn mé. Như vậy, do rõ biết khổ... phát khởi thắng giải khổ không ngăn mé, thắng giải không - vô ngã không ngăn mé, thắng giải ác hạnh không ngăn mé, thắng giải đến cõi ác không ngăn mé, thắng giải hưng suy không ngăn mé và thắng giải tất cả thiêu não quá nhiều như lão, bệnh, tử, sầu, bi, ưu, khổ... không ngăn mé. Trong đây *không ngăn mé* tức là sanh tử lưu chuyển. Như vậy các pháp không ngăn không mé, cho đến

sanh tử lưu chuyển không dứt. Thường có các pháp được nói thế này: “Chỉ có sanh tử, không có gì khác dứt diệt, đây có thể dứt diệt, lại không có phương tiện dứt diệt nào khác”. Tức là ở nơi các hữu, các đường trong pháp sanh tử như vậy, dùng hành vô nguyện, hành không nương tựa, hành nhằm chán trái nghịch mà phát khởi thắng giải, tinh cần tu tập tác ý thắng giải đây.

Lại ở nơi các hữu, các sanh tăng thượng ý vui như thế, tâm sanh sâu nhằm chán hãi sợ. Đối với Niết-bàn, chỉ khởi một hành, đó là tâm sanh sâu vui muốn. Kể kia trong đêm dài, tâm yêu thích sắc, thanh, hương, vị, xúc... của thế gian, vì lấy sắc, thanh, hương, vị, xúc... làm sự nuôi dưỡng tích tập. Do nhân duyên đây, tuy tâm sanh sâu vui muốn đối với Niết-bàn, nhưng không thể thú nhập, không thể chứng tịnh, không thể an trụ, không thể thắng giải, nơi tâm thối chuyển. Đối với cõi tịch tĩnh, vì tâm chưa thể sanh ngưỡng vọng sâu, vì có sự nghi hoặc, nên tâm luôn sợ hãi chán lìa. Tuy ở nơi hai đế là Khổ và Tập, tâm luôn luôn chán lìa sợ hãi và đối với Niết-bàn luôn luôn phát khởi tâm vui muốn sâu, nhưng thâm tâm vẫn còn chưa thể thú nhập.

Vì sao? Bởi lẽ kia còn bị ngã mạn phẩm thô trọng chương hiện quán theo vào tác ý hoặc chuyển gián đoạn, hoặc chuyển liên tục. Người kia tác ý tư duy: “Ta từng lưu chuyển lâu xa trong sanh tử, ta sẽ lại lưu chuyển trong sanh tử. Ta phải năng thú nhập đối với Niết-bàn. Bởi thế ta vì Niết-bàn mà tu các thiện pháp. Ta năng quán Khổ, thấy chân thật là khổ. Ta năng quán Tập, thấy chân thật là Tập. Ta năng quán Diệt, thấy chân thật là Diệt. Ta năng quán Đạo, thấy chân thật là Đạo. Ta năng quán Không, chân thật là Không. Ta năng quán vô nguyện, chân thật là vô nguyện. Ta năng quán vô tướng, chân thật là vô tướng. Các pháp như vậy là sở hữu của ta”. Do nhân duyên đây, người kia tuy tâm vui muốn đối với Niết-bàn, nhưng tâm không thể thú nhập.

Người kia rõ biết ngã mạn như vậy là chương ngại rồi, liền năng nhanh chóng dùng tuệ thông đạt, xả bỏ nhậm vận tùy chuyển tác ý, chế phục tất cả cảnh sở tri bên ngoài. Nhập vào tác ý, theo tác ý hành, chuyên cần quán sát Thánh đế không gián đoạn. Tùy theo chỗ sanh khởi, hoặc lúc tâm lui diệt, hoặc lúc tâm không gián đoạn sanh khởi, tác

ý quán sát, phương tiện trôi chảy không gián đoạn. Người kia tức dụng tâm duyên tâm như vậy, tinh chuyên không rời bỏ, liền năng khiến kia nhập vào tác ý, phẩm ngã mạn thô trọng chướng ngại hiện quán không dễ dàng sanh khởi.

Như vậy, người siêng tu hạnh Du-già, quán tâm tương tục triển chuyển đổi khác, luôn sanh khởi mới, hoặc tăng hoặc giảm, tạm thời hiện hữu, bỗng chốc hiện tiền, trước sau thay đổi, là tánh vô thường. Quán tâm tương tục nhiếp thuộc thủ uẩn, đây là tánh khổ. Quán tâm tương tục là pháp thứ hai, đây là tánh không. Quán tâm tương tục từ các duyên sanh, không được tự tại, đây là tánh vô ngã. Như vậy gọi là ngộ nhập Khổ đế.

Kế lại quán sát tâm tương tục đây lấy ái làm nhân, lấy ái làm tập, lấy ái làm khởi, lấy ái làm duyên. Như vậy gọi là ngộ nhập Tập đế.

Kế lại quán sát tâm tương tục đây, sở hữu trạch diệt là tánh vĩnh viễn diệt, là tánh vĩnh viễn tịnh, là tánh vĩnh viễn diệu, là tánh vĩnh viễn lia. Như vậy gọi là ngộ nhập Diệt đế.

Kế lại quán sát tâm tương tục đây, đạo đối trị rốt ráo đi đến diệt là tánh chân đạo, là tánh chân

như, là tánh chân hành, là tánh chân xuất. Như vậy gọi là ngộ nhập Đạo đế.

Như vậy, trước đây chưa khéo quán sát, nay khéo tác ý phương tiện quán sát, dùng tuệ vi diệu năng chánh ngộ nhập bốn Thánh đế. Tức ở nơi tuệ đây, vì thân cận tu tập, nhiều tu tập, nên chánh trí năng duyên sở duyên bình đẳng bình đẳng được sanh. Do sanh đây, nên năng đoạn sở hữu phẩm thô của ngã mạn hiện hành, vì chúng năng chướng ngại tâm vui thích đối với Niết-bàn. Lại đối với Niết-bàn, tâm sanh sâu vui muốn, nhanh chóng thú nhập, không thối chuyển, lìa các sợ hãi, nhiếp thọ ý lạc vui thích tăng thượng.

Người hành như vậy, ở nơi các Thánh đế, trí năng duyên sở duyên bình đẳng bình đẳng nhiếp thuộc nhãn bậc hạ sanh khởi. Đây gọi là *Noãn*. Trí năng duyên sở duyên bình đẳng bình đẳng nhiếp thuộc nhãn bậc trung sanh khởi. Đây gọi là *Đảnh*. Trí năng duyên sở duyên bình đẳng bình đẳng nhiếp thuộc nhãn bậc thượng sanh khởi. Đây gọi là *Nhãn thuận đế*.

Vị kia đã đoạn phẩm thô của ngã mạn năng làm chướng ngại và nhiếp thọ ý lạc vui thích tăng

thượng đối với Niết-bàn, liền năng xả ly sở hữu gia hạnh quán tâm về sau, trú nơi tâm không gia hạnh, không phân biệt. Lúc bấy giờ, tâm tợ như diệt mà chẳng phải thật diệt, tợ như không có sở duyên mà chẳng phải không duyên. Lại lúc bấy giờ tâm tịch tĩnh, tuy tợ như xa lìa mà chẳng phải xa lìa. Lại lúc bấy giờ không bị ngủ say che lấp, chỉ hành Xa-ma-tha, phân minh không cao không thấp. Lại có một loại ngu si ám muội, bị ngủ say che lấp, lúc này tâm giống như diệt nhưng thật chẳng phải diệt, lại khởi tăng thượng mạn cho là đang hiện quán. Vị đây không như thế.

Người kia đã đắc tâm đi đến hiện quán như vậy, không lâu sẽ nhập Chánh tánh ly sanh. Túc ở vị tâm tịch tĩnh như vậy, một niệm tâm cuối cùng không phân biệt, từ đây không gián đoạn, ở nơi các lý Thánh đế đã quán trước, khởi tác ý bên trong. Đây gọi là *Pháp thế đệ nhất*. Từ đây về sau, tâm xuất thế sanh khởi, chẳng phải tâm thế gian. Đây là giới hạn ngăn mé sau cùng của các hành thế gian, cho nên gọi là Pháp thế đệ nhất.

Từ đây không gián đoạn, nơi các lý thánh đế đã quán trước, khởi tác ý bên trong. Tác ý không

gián đoạn, tùy thứ tự các đế trước đã quán, hoặc hiện thấy, hoặc không hiện thấy. Như thứ lớp đó, có trí quyết định không phân biệt, trí hiện kiến sanh khởi. Do đây sanh, nên tất cả thô trọng, các phẩm phiền não kiến đạo sở đoạn phụ thuộc sở y, hệ thuộc ba cõi thấy đều vĩnh viễn đoạn dứt. Do đoạn hẳn đây, nếu người trước đã lìa tham Dục giới, kia hiện nay nhập đế hiện quán như thế, chứng đắc quả Bất hoàn. Vị kia cùng với tướng của người ly dục đã nói ở trước phải biết không khác. Nhưng ở đây cũng có chút ít sự sai biệt, đó là sẽ thọ hóa sanh. Tức là ở nơi cõi kia sẽ Bát-niết-bàn, chẳng còn sanh trở lại thế gian. Nếu người trước trái lìa tham Dục giới, kia hiện nay đã nhập đế hiện quán như vậy, chứng đắc quả Nhất lai. Nếu người trước chưa lìa tham Dục giới, kia hiện nay đã đắc nhập đế hiện quán như vậy, thô trọng vĩnh viễn đoạn, chứng đắc quả Dự lưu.

Do trí năng tri cùng cảnh sở tri hòa hợp không trái nhau, hiện tiền quán sát, gọi là *hiện quán*. Như dòng Sát-đế-lợi cùng với dòng Sát-đế-lợi hòa hợp không trái nhau, hiện tiền quán sát, gọi là hiện quán. Bà-la-môn... nên biết cũng vậy. Đây cũng

có nhiều tướng trạng, đó là đã chứng để hiện quán, đạt được bốn trí. Ở nơi hoặc đi hoặc đứng, trong các tác ý, vì khéo tìm cầu, nên chỉ đặc Duy pháp trí, đặc Phi đoạn trí, đặc Phi thường trí, đặc Duyên sanh hành như việc huyền trí.

Nếu cảnh giới hành, do thất niệm, tuy khởi các phiền não triền mạnh mẽ, tạm thời tác ý nhanh chóng trừ bỏ. Lại năng rớt ráo không dọa ác thú. Trọn không cố suy nghĩ trái vượt sở học, cho đến loài bàng sanh cũng chẳng được hại mạng. Trọn không thối chuyển, xả bỏ sở học. Lại không năng tạo năm nghiệp vô gián. Quyết chắc rằng: “Khổ vui chẳng phải do mình làm, chẳng phải do người làm, chẳng phải do mình người làm, chẳng phải chẳng do mình người làm, không nhân mà sanh”. Trọn không cầu thỉnh ngoại đạo làm thầy, cũng không đối kia khởi tưởng cho là bậc phước điền. Đối với hết thấy Sa-môn, Bà-la-môn khác, trọn chẳng ngẩng lên nhìn miệng và mặt. Duy chỉ tự mình kiến pháp, biết pháp, đặc pháp, chứng tận gốc nguồn của pháp. Vượt qua nghi hoặc, không do duyên khác. Y chỉ sự dạy bảo của bậc Đại sư, không bị kẻ khác dẫn dắt. Ở trong pháp được vô sở úy.

Trọn không vọng tính những điều tốt thế gian cho là thanh tịnh. Trọn không thọ thêm sự sanh hữu lần thứ tám, thành tựu đầy đủ bốn chủng chứng tịnh.

Người tu hành như vậy, cho đến Pháp thế đệ nhất trở về trước, gọi là tác ý thắng giải. Hiện quán các Thánh đế trở về sau, cho đến vĩnh viễn đoạn trừ tất cả phiền não kiến đạo sở đoạn, gọi là tác ý xa lìa.

Lại từ đây về sau, vì muốn tiến lên đoạn trừ các hoặc tu sở đoạn, như đạo đã đắc càng thêm tu tập, năng vĩnh viễn đoạn các phiền não bậc trung và bậc thượng của Dục giới, chứng đắc quả Nhất lai. Như sở hữu các tướng của quả Dự lưu, nhưng đây có ít phần sai khác. Đó là cảnh giới hành, ở nơi năng thuận theo các phiền não triền mạnh mẽ phẩm thượng, do thất niệm, tạm thời phát khởi các phiền não triền nhỏ yếu. Vừa thoát hiện, năng tác ý nhanh chóng trừ bỏ. Chỉ sanh trở lại thế gian một lần, liền năng rốt ráo chứng biên tế khổ, đắc quả Bất hoàn và tướng Bất hoàn. Như trước đã nói, nên biết trong đây do tác ý quán sát ở nơi tất cả việc tu đạo, luôn luôn quán sát đã đoạn, chưa

đoạn, như đạo đã đắc mà chân chánh tu tập.

Lại ở trong đây, thế nào gọi là *tu tự tánh*? Thế nào gọi là *tu nghiệp*? Thế nào gọi là *tu các phẩm loại sai biệt*?

Tu tự tánh: là tác ý định địa ở nơi pháp thiện hữu vi thế gian, xuất thế gian, tu tập tăng trưởng, thực hành không gián đoạn, thực hành ân trọng, khiến tâm tương tục, lãnh hội thể tánh của kia. Như vậy gọi là tu tự tánh.

Tu nghiệp, lược có 8 chủng: 1. Có một loại pháp do tu nên được; 2. Có một loại pháp do tu nên tập; 3. Có một loại pháp do tu nên tịnh; 4. Có một loại pháp do tu nên trừ khiến; 5. Có một loại pháp do tu nên biết; 6. Có một loại pháp do tu nên đoạn; 7. Có một loại pháp do tu nên chứng; 8. Có một loại pháp do tu nên xa lìa.

Nếu trước chưa được thiện pháp thù thắng, tu tập khiến được, gọi là do tu nên được.

Nếu trước đã được, khiến hiện tiền triển chuyển, gọi là do tu nên tập.

Nếu trước đã được, nhưng chưa khiến hiện tiền, chỉ cần tu tập chủng loại pháp kia, sẽ khiến hiện tiền, khiến triển chuyển sanh khởi thanh

tịnh sáng sạch, gọi là do tu nên tịnh.

Nếu bị thất niệm khiến pháp nhiệm ô hiện hành, nhưng do lực tu thiện pháp, khiến không hẳn thọ, đoạn trừ, biến đổi, nhả ra, gọi là do tu nên trừ khiển.

Nếu chưa sanh khởi pháp phải đoạn trừ, nhưng do lực tu thiện pháp, biết rõ kia như bệnh, nên thân tâm nhằm chán hủy hoại. Biết rõ như ung nhọt, như tên độc, chướng ngại pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, nên sanh sâu nhằm chán hủy hoại. Đây gọi là do tu nên biết.

Hiểu biết như vậy rồi, vì luôn tu tập, đạo không gián đoạn sanh, đoạn trừ các phiền não, gọi là do tu nên đoạn.

Đã đoạn phiền não, chứng đắc giải thoát, gọi là do tu nên chứng.

Như như thăng tiến lên các thiện pháp của địa cao hơn, như vậy như vậy khiến cho các pháp đã đoạn của địa dưới chuyển thành phần xa, cho đến rốt ráo xa lìa. Đây gọi là do tu nên xa lìa. Phải biết đây gọi là tám chủng tu nghiệp.

Tu các phẩm loại sai biệt có 11 chủng: 1. Tu Xa-ma-thạ; 2. Tu Tỳ-bát-xá-na; 3. Tu đạo thế gian;

4. Tu đạo xuất thế gian; 5. Tu đạo phẩm hạ; 6. Tu đạo phẩm trung; 7. Tu đạo phẩm thượng; 8. Tu đạo gia hạnh; 9. Tu đạo không gián đoạn; 10. Tu đạo giải thoát; 11. Tu đạo thắng tiến.

Tu Xa-ma-tha: là chín chủng hành khiến tâm an trụ, như trước đã nói.

Tu Tỳ-bát-xá-na: như trước đã nói.

Tu đạo thế gian: ở các địa dưới quán là tướng thô, ở các địa trên quán là tướng tinh, cho đến năng đi đến Vô sở hữu xứ tất cả ly dục.

Tu đạo xuất thế gian: chánh tư duy Khổ chân thật là Khổ, Tập chân thật là Tập, Diệt chân thật là Diệt, Đạo chân thật là Đạo. Do thánh đạo vô lậu như chánh kiến... cho đến năng đi đến Phi tướng phi phi tướng xứ, tất cả ly dục.

Tu đạo phẩm hạ: do đây năng đoạn phiền não phẩm thượng thô trọng.

Tu đạo phẩm trung: do đây năng đoạn sở hữu phiền não phẩm trung.

Tu đạo phẩm thượng: do đây năng đoạn sở hữu phiền não phẩm hạ. Đây là phẩm được đoạn trừ sau cùng.

Tu đạo gia hạnh: do đây vì đoạn phiền não,

phát khởi gia hạnh.

Tu đạo không gián đoạn: do đây nên chánh đoạn phiền não.

Tu đạo giải thoát: do đây hoặc đoạn không gián đoạn, chứng đắc giải thoát.

Tu đạo thắng tiến: do đây từ đây về sau tu thiện pháp thù thắng, cho đến chưa khởi gia hạnh năng đối trị phiền não của địa khác, hoặc lại chưa phát khởi đi đến vị rốt ráo. Đây là 11 chủng tu phẩm loại sai biệt.

Như vậy, người siêng năng tu tập ở nơi việc tu, có lúc phải chánh quán sát sở hữu phiền não đã đoạn, chưa đoạn. Có lúc đối với những pháp đáng chán ghét, tâm sanh chán lìa sâu. Có lúc đối với những pháp đáng hân lạc, tâm vui thích sâu. Như vậy gọi là tác ý nhiếp lạc.

Vị kia ở nơi tác ý nhiếp lạc đây, gần gũi tu tập, nhiều tu tập, có khả năng vĩnh viễn đoạn trừ không sót thừa phiền não tu đạo sở đoạn. Vị học sau cùng Kim cương dụ Tam-ma-địa sanh, do vì sanh đây, liền năng vĩnh viễn đoạn trừ tất cả phiền não tu đạo sở đoạn.

Hỏi: Nhân duyên gì mà Tam-ma-địa đây gọi

là Kim cương dụ?

Đáp: Ví như kim cương đem sánh với các trân bảo khác, như ma-ni, trân châu, lưu ly, xa cừ, ngọc bích, san hô... thì rắn chắc hơn cả, năng cắt xuyên qua, phá được tất cả vật báu khác; còn các vật báu khác chẳng thể xuyên qua, phá hoại được kim cương. Như vậy nên Tam-ma-địa đây đối với các Tam-ma-địa hữu học là tối thượng, là tối thắng, là bền chắc hơn cả, năng phá hoại được tất cả phiền não, không để tất cả phiền não phẩm thượng có thể ẩn nấp. Cho nên Tam-ma-địa đây gọi là Kim cương dụ.

Từ Tam-ma-địa Kim cương dụ đây không gián đoạn, năng vĩnh viễn hại diệt tất cả chủng tử phiền não phẩm thô trọng, khiến tâm ở nơi kia giải thoát rốt ráo, chứng đắc chủng tánh rốt ráo thanh tịnh. Vì tất cả phiền não rốt ráo tận diệt, nên phát khởi Tận trí. Do nhân tận, nên quả khổ đương lai rốt ráo chẳng sanh, tức ở trong ấy phát khởi Vô sanh trí. Vị kia lúc bấy giờ thành A-la-hán, các lậu đã tận, việc làm đã xong, không còn việc cần làm nào, chứng đắc nghĩa tự lợi, sạch các hữu kiết. Vị kia đã chánh phụng hành chánh giáo của Như Lai, tâm khéo được giải thoát. Thành tựu đầy đủ mười pháp

vô học, đó là: vô học chánh kiến, chánh tư duy, cho đến vô học chánh giải thoát, chánh trí. Ở trong các trụ và trong tác ý, năng tùy dụng tâm tự tại mà chuyển. Tùy theo chỗ trụ, hoặc Thánh trụ, hoặc Thiên trụ, hoặc Phạm trụ, nếu vui thích liền năng an trụ. Tùy theo sở hữu chánh pháp, năng dẫn dắt các nghĩa lợi lành thế gian và xuất thế gian, nếu vui thích tư duy tức liền tư duy.

Thánh trụ: là trụ Không, trụ Vô nguyện, trụ Vô tướng, trụ Diệt tận định. Thiên trụ: tức là trụ các tinh lự, các Vô sắc. Phạm trụ: tức là trụ từ, trụ bi, trụ hỷ, trụ xả.

Lại lúc bấy giờ, vị kia đi đến cực cứu cánh, rốt ráo vô cấu, chúng đắc rốt ráo ngần mé phạm hạnh, xa lìa các then chốt. Đã ra khỏi hầm sâu, đã vượt khỏi hào thẳm, đã năng hàng phục Y-sư-ca kia. Đây là bậc chân chánh bẻ gãy cờ kiêu mạn. Đã đoạn năm chi, thành tựu sáu chi. Một hướng thủ hộ bốn chỗ nương tựa, tối cực xa lìa. Độc nhất thật đế, xả bỏ mong cầu. Tư duy không vẫn đục, thân hành đoạn dứt mạnh mẽ, tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát. Một mình không bạn lữ, chánh hạnh đã lập. Như vậy gọi là đã gần gũi bậc Vô

Thượng Trọng Phu. Vị kia thành tựu đầy đủ sáu pháp hằng trụ, đó là mắt thấy sắc rồi, không mừng không buồn, chánh niệm chánh biết, an trụ xả bậc thượng. Như vậy tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, ý rõ pháp cũng không mừng không buồn, chánh niệm chánh biết, an trụ xả bậc thượng. Vị kia lúc bấy giờ lãnh thọ tham dục vĩnh viễn tận không sót thừa, lãnh thọ sân khuể vĩnh viễn tận không sót thừa, lãnh thọ ngu si vĩnh viễn tận không sót thừa. Vị kia đều vĩnh viễn tận tham sân si, nên không tạo tác các ác, gần gũi tu tập các pháp thiện. Tâm như hư không, như nước thanh tịnh, như hương chiên-đàn vi diệu. Lại được khắp tất cả Thiên đế, Thiên vương cung kính cúng dường. Vị kia trụ Hữu dư y Bát-niết-bàn giới, vượt qua biển sanh tử, đã đến bờ kia, cũng gọi là trụ trì thân tối hậu. Nghiệp phiền não trước dẫn dắt các uẩn kia tận diệt tự nhiên, vì không tương tục, vì không còn thủ sót thừa, ở nơi Vô dư y Bát-niết-bàn giới mà Bát-niết-bàn. Trong đây đều không người Bát-niết-bàn, như ở nơi sanh tử không người lưu chuyển. Chỉ có tất cả khổ vĩnh viễn diệt, tịch tĩnh, thanh lương, diệt hết. Duy ở xứ đây là tịch

tĩnh tối thắng hơn cả. Vì xả bỏ tất cả sự nương bám, ly dục ái tận, vĩnh viễn tịch diệt Niết-bàn. Nên biết cõi đây có tướng như vậy.

Bí-sô A-la-hán các lậu đã vĩnh viễn tận, không gần gũi tập quen năm loại hành vi: 1. Không cố ý sát hại mạng chúng sanh; 2. Không lấy của không cho; 3. Không hành phi phạm hạnh, tập quen pháp dâm dục; 4. Không nói vọng ngữ; 5. Không chứa nuôi, tích trữ, thọ dụng các dục. Cũng không vọng tính khổ vui hoặc mình làm, hoặc người làm, hoặc mình người cùng làm, hoặc chẳng phải mình người làm, không nhân mà sanh. Lại cũng không khiếp sợ những việc không nên nghĩ nhớ. Lại cũng không sanh sâu sợ hãi đối với những hiện tượng như mây, sấm chớp, mưa đá... và chủng chủng các việc đáng sợ khác.

Phải biết tác ý nhiếp thuộc Kim cương dụ định đây gọi là tác ý gia hạnh rốt ráo. Tác ý nhiếp thuộc quả tối thượng A-la-hán đây gọi là tác ý quả gia hạnh rốt ráo. Do hết thấy tác ý như vậy, cần nương đạo xuất thế mới chứng đắc rốt ráo.

Tất cả như vậy gọi là Thanh Văn Địa. Đây là tất cả giáo pháp căn bản tương ứng với Thanh văn

mà hết thấy bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đã thuyết. Giống như tất cả danh, cú, văn thân là chỗ tạo ra văn chương, chú thuật, dị luận căn bản khác.

Thứ 14. ĐỘC GIÁC ĐỊA

Như vậy đã thuyết Thanh văn địa. Sao gọi là *Độc giác địa*? Phải biết địa đây có năm chủng: **1.** Chủng tánh; **2.** Đạo; **3.** Tập; **4.** Trụ; **5.** Hành.

1. Chủng tánh Độc giác: Nên biết do ba tướng.

Có bản tánh Độc giác trước lúc chưa chứng đắc Bồ-đề, đã có chủng tánh mông trần. Do nhân duyên đây, tâm không ưa thích ở nơi chốn ồn ào náo nhiệt, tâm sanh vui thích ở chốn tịch tĩnh.

Có bản tánh Độc giác trước lúc chưa chứng đắc Bồ-đề, đã có chủng tánh tâm bi mông. Do nhân duyên đây, tâm không ưa thích đối với việc tuyên thuyết chánh pháp lợi lạc hữu tình. Đối với việc ít

suy tư, an trú trong tịch tĩnh, tâm sanh vui thích sâu.

Có bản tánh Độc giác trước lúc chưa chứng đắc Bồ-đề, có chủng tánh trung căn, là loại hành mạn. Do nhân duyên đây, thâm tâm không mong muốn, không thầy, cũng không người sánh bằng, mà chứng đắc Bồ-đề.

2. Đạo Độc giác: Nên chánh rõ biết do ba tướng.

Có một loại an trú chủng tánh Độc giác, trải qua một trăm kiếp, được gặp Phật ra đời, gần gũi phụng sự, tương tục thuần thực, chuyên tâm cầu chứng Độc giác Bồ-đề. Vì kia tinh cần tu học uẩn thiện xảo, xứ thiện xảo, giới thiện xảo, duyên khởi thiện xảo, xứ phi xứ thiện xảo, đế thiện xảo, nên ở đời vị lai nhanh chóng chứng được Độc giác Bồ-đề. Như vậy gọi là đạo Độc giác thứ nhất.

Có một loại được gặp Phật xuất thế. Vì kia gần gũi bậc Thiện sĩ, lắng nghe chánh pháp, như lý tác ý. Ban đầu chưa phát khởi thiện căn thuận phần quyết trạch, đó là vị Noãn, Đảnh, Nhẫn. Không đủ năng lực ngay ở kiếp sống đó chứng

pháp hiện quán, đắc quả Sa-môn. Lại tiếp tục tu uẩn thiện xảo, tu xứ thiện xảo, tu giới thiện xảo, tu duyên khởi thiện xảo, tu xứ phi xứ thiện xảo, tu đế thiện xảo. Ở đời vị lai, năng chứng pháp hiện quán, đắc quả Sa-môn. Đây gọi là đạo Độc giác thứ hai.

Có một loại được gặp Phật xuất thế, gần gũi bậc Thiện sĩ, lắng nghe chánh pháp, như lý tác ý. Vị kia đã chứng pháp hiện quán, đắc quả Sa-môn, nhưng không có năng lực ở tất cả chúng đi đến cực cứu cánh, rốt ráo lìa cấu, rốt ráo chứng đắc ngần mé phạm hạnh quả A-la-hán. Lại tiếp tục tu uẩn khéo léo, tu xứ khéo léo, tu giới khéo léo, tu duyên khởi khéo léo, tu xứ phi xứ khéo léo, tu đế khéo léo. Do nương đạo xuất thế, nên ở đời vị lai đi đến cực cứu cánh, rốt ráo lìa cấu, rốt ráo chứng đắc ngần mé phạm hạnh quả A-la-hán. Đây gọi là đạo Độc giác thứ ba.

3. Tập Độc giác: Có một loại nương đạo Độc giác thứ nhất, trải qua đầy đủ trăm kiếp tu tập tư lương. Quá trăm kiếp, tuy ra đời không gặp Phật, không thầy mà năng tự tu ba mươi bảy pháp Bồ-đề

phần, chứng pháp hiện quán, đắc quả Độc giác Bồ-đề, vĩnh viễn đoạn tận tất cả phiền não, thành A-la-hán.

Lại có một loại, hoặc nương đạo Độc giác thứ hai, hoặc nương đạo Độc giác thứ ba. Do nhân duyên đây, tuy ra đời gặp lúc không có Phật, không thầy nhưng tự năng tu ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần, chứng pháp hiện quán, cho đến đắc quả Bồ-đề, hoặc đắc quả Sa-môn. Đi đến cực cứu cánh, rốt ráo lìa cấu, rốt ráo chứng đắc ngàn mé phạm hạnh, chứng đắc quả tối thượng A-la-hán.

Trong đây, do tập thứ nhất nên thành tựu Độc giác, gọi là Lâm giác dụ. Do tập thứ hai và tập thứ ba nên thành tựu Độc thắng, đều gọi là Bộ hành dụ.

4. Trụ Độc giác: Độc giác Lâm giác dụ sở tập thứ nhất, vui sống ở rừng vắng, vui sống một mình, vui thắng giải sâu xa, vui quán sát đạo lý duyên khởi thẳm sâu. Tác ý vui an trụ không, vô tướng, vô nguyện cùng tột. Nếu là Độc thắng Bộ hành dụ sở tập thứ hai và thứ ba, thì không hẳn chỉ một ý hướng vui sống trong rừng vắng, vui sống một mình,

mà cũng vui sống hỗn tạp cùng với các chúng. Còn có dạng tướng trụ khác như Lân giác dụ.

5. Hành Độc giác: Tất cả các Độc giác tùy nương thôn xóm, tụ lạc mà ở. Vị kia khéo hộ thân, khéo gìn giữ các căn, khéo trụ chánh niệm. Vị kia lúc đi vào thôn xóm, tụ lạc, hoặc vì khát thực, hoặc vì tế độ những kẻ ngu muội hạ liệt, chỉ dùng thân tế độ, không dùng lời nói. Vì cơ sao? Bởi lẽ các vị kia chỉ thuyết pháp bằng cách hiện thân tướng, không phát ra lời nói, thị hiện chủng chủng cảnh giới thần thông, khiến tâm của kẻ phỉ báng sanh khởi hướng về quy phục.

Lại, hết thấy kia nên biết bản lai xưa nay chỉ một bề thú hướng tịch tịnh.



Quyển 35

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Như vậy đã thuyết Độc giác địa. Sao gọi là Bồ-tát địa?

Ốt-Đà-Nam nói:

*Trước trì, kế tướng, phân,
Tăng thượng ý lạc, trụ,
Sanh, nhiếp thọ, địa, hành,
Kiến lập là rốt sau.*

Có mười pháp nhiếp đầy đủ đạo và quả của Bồ-tát Đại thừa. Những gì là mười? **1. Trì; 2. Tướng; 3. Phân; 4. Tăng thượng ý lạc; 5. Trụ; 6. Sanh; 7. Nhiếp thọ; 8. Địa; 9. Hành; 10. Kiến lập.**

Phân đầu TRÌ DU GIÀ XỬ Phẩm 1. CHỨNG TÁNH

Sao gọi là *Trì*? Đó là tự thừa đương chứng tánh, phát tâm ban đầu, tất cả sở hành pháp Bồ-

đề phần của chư Bồ-tát. Đây gọi là trì.

Vì có sao? Vì lấy *tự thừa đương chủng tánh* của chư Bồ-tát làm chỗ nương, làm chỗ kiến lập, nên có khả năng kham nhiệm, có sức mạnh lớn, năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Cho nên nói: “Tự thừa đương chủng tánh của kia là trì tánh kham nhiệm của chư Bồ-tát”.

Vì lấy *phát tâm ban đầu* của chư Bồ-tát làm chỗ nương, làm chỗ kiến lập, nên năng tinh cần tu học ở nơi sáu Ba-la-mật-đa là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, tĩh lự, trí tuệ; tu học ở nơi tư lương phước đức, tư lương trí tuệ, tu học ở nơi tất cả pháp Bồ-đề phần. Cho nên nói: “Phát tâm ban đầu của kia là trì gia hạnh các hạnh của chư Bồ-tát”.

Vì lấy *tất cả sở hành pháp Bồ-đề phần* làm chỗ nương, làm chỗ kiến lập, nên viên mãn Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Cho nên nói: “Tất cả sở hành pháp Bồ-đề phần của kia là trì sự viên mãn Đại Bồ-đề”.

Nếu có bổ-đặc-già-la trụ không chủng tánh, vì không chủng tánh nên tuy có phát tâm và hành gia hạnh làm chỗ nương, cũng quyết định không thể kham nhiệm viên mãn Vô thượng Chánh đẳng

Bồ-đề. Do đạo lý đây, nếu có bồ-đặc-già-la tuy chưa phát tâm, chưa tu tập sở hành gia hạnh Bồ-tát, nhưng có chủng tánh, nên biết so với điều đã nói trên, vẫn được gọi là trì.

Lại có bồ-đặc-già-la trụ chủng tánh, nếu không phát tâm, không tu sở hành gia hạnh Bồ-tát, thì tuy có thể kham nhiệm mà không nhanh chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Trái với tướng trên phải biết mau chứng.

Lại chủng tánh đây như đã nói thì gọi là trì, cũng gọi là trợ giúp, cũng gọi là nhân, cũng gọi là nương tựa, cũng gọi là thêm bậc, cũng gọi là dẫn đường, cũng gọi là nhà ở. Như chủng tánh, thì phát tâm ban đầu, sở hành gia hạnh nên biết cũng vậy.

Sao gọi là *chủng tánh*? Lược có hai chủng: 1. Chủng tánh trụ bản tánh; 2. Chủng tánh do tập mà thành.

Chủng tánh trụ bản tánh: chư Bồ-tát có sáu việc thù thắng. Có tướng như vậy là do từ đời vô thủy triển chuyển cho đến nay, vốn có tự nhiên. Đây gọi là chủng tánh trụ bản tánh.

Chủng tánh do tập mà thành: do trước xuyên suốt tu tập thiện căn mà được, gọi là chủng tánh

do tập mà thành.

Theo như ý nghĩa trong đây đều lấy cả hai chủng.

Lại chủng tánh đây cũng gọi là chủng tử, cũng gọi là giới, cũng gọi là tánh.

Lại chủng tánh đây chưa tập thành quả, vì chưa thành quả, nên gọi là tế. Đã tập thành quả, vì đồng cho quả, gọi là thô.

Nếu chư Bồ-tát thành tựu chủng tánh, thì đã vượt qua Thanh văn, Độc giác, huống là tất cả hữu tình khác. Phải biết chủng tánh đây không gì vượt trên, thù thắng hơn cả. Vì cố sao? Lược do hai loại tịnh: 1. Tịnh phiền não chướng; 2. Tịnh sở tri chướng.

Tất cả chủng tánh Thanh văn, Độc giác chỉ năng chứng tịnh phiền não chướng, nhưng không thể chứng tịnh sở tri chướng. Còn chủng tánh Bồ-tát cũng năng chứng tịnh phiền não chướng, cũng năng chứng tịnh sở tri chướng, cho nên nói: “So với tất cả chủng tánh, thì chủng tánh Bồ-tát không gì vượt trên, thù thắng hơn cả”.

Lại do bốn việc nên Bồ-tát thù thắng hơn tất cả Thanh văn, Độc giác. Những gì là bốn? 1. Căn

thắng vượt hơn; 2. Hành thắng vượt hơn; 3. Thiện xảo thắng vượt hơn; 4. Quả thắng vượt hơn.

Căn thắng vượt hơn: chư Bồ-tát bản tánh căn thông lợi. Độc giác căn bậc trung. Thanh văn căn yếu kém. Đây gọi là căn thắng vượt hơn.

Hành thắng vượt hơn: chư Bồ-tát năng lợi mình cũng năng lợi người, làm lợi ích an lạc vô lượng chúng sanh, vì xót thương thế gian, khiến chư thiên, loài người đạt được nghĩa lợi ích an lạc thù thắng. Thanh văn, Độc giác chỉ hành lợi mình. Đây gọi là hành thắng vượt hơn.

Thiện xảo thắng vượt hơn: Thanh văn, Độc giác ở trong uẩn, giới, xứ, duyên khởi, xứ, phi xứ năng tu thiện xảo. Bồ-tát ở đây và ở nơi tất cả minh xứ khác năng khéo léo tu tập. Đây gọi là thiện xảo thắng vượt hơn.

Quả thắng vượt hơn: Thanh văn năng chứng Thanh văn Bồ-đề. Độc giác năng chứng Độc giác Bồ-đề. Bồ-tát năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đây gọi là quả thắng vượt hơn.

Lại chư Bồ-tát có sáu tướng chủng tánh Ba-la-mật-đa. Do các tướng đây, khiến người khác rõ biết đây chân thật là Bồ-tát: 1. Tướng chủng tánh

Bố thí Ba-la-mật-đa; 2. Tướng chủng tánh Trì giới Ba-la-mật-đa; 3. Tướng chủng tánh An nhẫn Ba-la-mật-đa; 4. Tướng chủng tánh Tinh tấn Ba-la-mật-đa; 5. Tướng chủng tánh Tĩnh lự Ba-la-mật-đa; 6. Tướng chủng tánh Trí tuệ Ba-la-mật-đa.

1. Tướng chủng tánh Bố thí Ba-la-mật-đa của Bồ-tát: Chư Bồ-tát bản tánh vui thí, kham bố thí các vật hiện có thường hằng không gián đoạn. Tánh năng phân phát bình đẳng cho mọi loại người. Tâm hoan hỷ thí cho, ý không nuối tiếc, vật thí tuy ít mà phân chia đồng đều. Huệ thí rộng sâu, không cạn hẹp, ôm lòng hổ thẹn sâu đối với việc không huệ thí. Thường vì người mà ngợi khen việc thí, khuyến khích bố thí, thấy người thí lòng sanh vui sướng. Đối với bậc kỳ lão phước điền đáng tôn kính cúng dường, khi thấy các bậc ấy, đang ngồi liền đứng dậy đón tiếp, cung kính phụng thí. Đối với những việc lợi ích vô tội trong các loài hữu tình, đời này, đời khác, hoặc được thỉnh cầu, hoặc không thỉnh cầu, Bồ-tát vẫn như lý mà nói.

Hoặc chư Bồ-tát thấy các hữu tình hãi sợ khi gặp nạn vua, giặc, lửa, nước... thì thí cho họ sự vô

úy. Ở trong hoàn cảnh đáng sợ khác, cũng tùy khả năng cứu giúp. Đối với các vật mà người gởi gắm, trọn không làm điều sai trái. Nếu thiếu nợ tài vật của người, trọn không dối gạt. Đối với tài sản chung, cũng không lừa gạt gian dối. Nếu có kẻ tâm mê muội điên đảo đối với các vật dụng nuôi thân và các vật báu như ma-ni, trân châu, lưu ly, loa bối, ngọc bích, san hô, vàng bạc, thì chân chánh khai sáng chỉ dạy. Đối với các vật kia còn không khiến người gian dối, huống là tự mình làm.

Hoặc chư Bồ-tát tự thấy mình có tánh ham thích tiền của địa vị rộng lớn, có tâm ham thích thọ dụng tiền của rộng lớn, có tâm ham thích sự nghiệp rộng lớn, không thích nhỏ hẹp... thì nhanh chóng xa lìa xả bỏ, sanh hổ thẹn sâu. Đối với các dục hiển hiện ở thế gian như tử sắc, bài bạc, vui chơi, đàn ca hát xướng... tâm bị mê đắm, liền nhanh chóng nhàm chán xả bỏ, sanh sâu hổ thẹn. Nếu có được tài bảo rộng lớn, còn không tham đắm, hưởng chút lợi nhỏ. Nên biết hết thấy loại như vậy gọi là tướng chủng tánh Bồ thí Ba-la-mật-đa của Bồ-tát.

2. Tướng chủng tánh Trì giới Ba-la-mật-

đa của Bồ-tát: Chư Bồ-tát bản tánh bất thiện yếu kém. Hành động của thân, khẩu, ý nghiệp rất ít bạo ác. Đối với các hữu tình ít gây tổn não. Nếu có lỗi nghiệp, thường sanh hổ thẹn, không lòng vui thích, nhanh chóng ăn năn. Không dùng dao, gậy, tay, chân... cho đến hết thấy các vật khác để não hại hữu tình. Đối với chúng sanh, tánh thường từ ái. Đối với bậc đáng kính, đứng dậy tiếp đón, chấp tay thưa hỏi lễ bái, tu nghiệp hòa kính. Việc làm nhanh nhẹn khéo léo, không ngu độn, khéo tùy thuận tâm người. Dung mạo thư thái, thường mỉm cười, xa lìa cau mày nhăn nhó, mắt nhìn đoan chánh, mở lời thăm hỏi ân cần trước. Với hữu tình có ân thì biết ân, biết báo ân. Với người đến cầu xin, thường hành chánh trực, không dùng lời dối nịnh mà chối từ. Như pháp cầu tài vật, không dùng phi pháp, không dùng cách hung bạo nóng vội. Tánh thường vui thích tu các nghiệp phước. Với người tu phước, thường khích lệ hỗ trợ, hướng lại không tự mình làm. Hoặc thấy, hoặc nghe người thọ khổ, như bị trời cột, cắt chém, đánh đập, chửi mắng, bức hiếp... thì đau đớn hơn cả chính mình đang nhận chịu. Tôn trọng pháp đã thọ và tôn

trọng đời sau, nên đối với ít tội vẫn còn sanh sâu sợ hãi, hưởng là nhiều tội. Đối với vô số công việc của người như buôn bán, làm nông, chăn nuôi, in ấn, kế toán, hòa giải tranh tụng, phương tiện sanh lời, xả thí, hôn nhân... đối với các việc như pháp như vậy, thấy đều đồng sự. Còn trong tất cả việc phi pháp như đấu tranh kiện tụng người khác, các việc nào hại lẫn nhau, khiến mình người thọ các khổ não vô nghĩa vô ích... thì không đồng sự. Đối với mười loại nghiệp đạo ác bất thiện, khéo năng ngăn chặn, không làm. Khéo tùy thuận ý người, không trái mệnh lệnh người, đồng an nhẫn hướng đến giới. Đối với sự nghiệp như pháp của người, tùy theo chỗ muốn của kia, sẵn sàng bỏ việc mình khiến kia được thành tựu. Tâm ôn hòa nhuần hậu, thuần tịnh. Tâm giận hờn, tâm não hại không tương tục lâu, vừa sanh liền xả. Khởi tâm hiền thiện, tôn trọng lời nói chân thật, không lừa dối người. Không chia rẽ thân quyến của người, cũng không vui thích việc làm như vậy. Không tùy tiện nói lời vô nghĩa, vô ích, không tốt. Thường dùng lời nhu nhuyễn, không thô ác. Đối với kẻ hầu người hạ thì tôn trọng không la mắng khiến họ tổn não,

huống là đối với những người khác. Đối với người có thật đức, thật lòng tán thán. Hết thấy loại như vậy nên biết gọi là tướng chủng tánh Trì giới Ba-la-mật-đa của Bồ-tát.

3. Tướng chủng tánh An nhẫn Ba-la-mật-đa của Bồ-tát: Tánh của chư Bồ-tát đây khi gặp phải những việc không lợi ích do người khác gây ra, lòng không sân hại, cũng không đáp trả. Nếu người kia nhận lỗi, mau chóng thọ nhận, trọn không kết hận thù, cũng không ôm lòng oán giận lâu. Hết thấy loại như vậy gọi là tướng chủng tánh An nhẫn Ba-la-mật-đa của Bồ-tát.

4. Tướng chủng tánh Tinh tấn Ba-la-mật-đa của Bồ-tát: Tánh của chư Bồ-tát đây tự tinh cần nỗ lực, thức khuya dậy sớm, không đắm sâu ngủ nghỉ. Đối với những việc nên làm, mạnh mẽ xác quyết vui làm, không sanh giải đãi. Suy nghĩ chọn lựa phương tiện khiến đi đến rốt ráo. Làm việc gì bền bỉ quyết chắc, nếu chưa làm xong, chưa đi đến rốt ráo, thì ở giữa đường trọn không giải đãi thối lui. Đối với đệ nhất nghĩa thâm sâu rộng

lớn, tâm không khiếp nhược, không tự khinh miệt, phát tâm dũng mãnh: “Ta có đủ năng lực chống đến bờ kia”. Hoặc ở giữa đại chúng, hoặc tranh luận với người, hoặc gặp phải chủng chủng sự việc khó hành, đều không kinh sợ. Đối với những việc lớn năng dẫn nghĩa lợi còn không nhàm mỏi, hướng là việc nhỏ. Hết thấy loại như vậy gọi là tướng chủng tánh Tinh tấn Ba-la-mật-đa của Bồ-tát.

5. Tướng chủng tánh Tinh lực Ba-la-mật-đa của Bồ-tát: Tánh của Bồ-tát đây đối với pháp, đối với nghĩa, năng tư duy quán xét sâu kỹ, không tán loạn. Hoặc thấy, hoặc nghe có chốn a-lan-nhã, núi cao, rừng rậm, chỗ nằm ngồi bên bờ vắng, không người đến lui, lìa chúng sanh ác, thích hợp cho việc tĩnh tọa, liền khởi nghĩ này: “Đây là chỗ an vui xuất ly, viễn ly”. Thường ở nơi hạnh xuất ly và hạnh viễn ly sanh sâu quý thích. Tâm tánh phiền não mỏng yếu, các cái chuyển nhẹ, các thô trọng suy yếu. Đi đến những chốn viễn ly, suy lường tự nghĩa, tâm ít bị các tâm tư ác quấy nhiễu vây bủa. Với hạng người oán, năng nhanh chóng an trụ tâm từ, hướng là đối với hạng người thân và

hạng người không oán không thân. Hoặc thấy, hoặc nghe chồn nào có chúng sanh khổ bị thống khổ bức bách não loạn, liền khởi tâm đại bi, tùy khả năng, tùy sức lực, phương tiện cứu vớt chúng sanh kia khiến họ lìa các khổ. Tánh tự vui thí lợi ích an lạc cho chúng sanh. Nếu thân quyến bị suy vong, bị hao tán tài bảo, bị giam cầm trói buộc, bị bức bách xua đuổi... trong các khổ nạn ấy thấy đều an nhẫn. Tánh thông minh nhạy bén, ở nơi pháp năng lãnh thọ, năng thọ trì, năng tư duy, thành tựu niệm lực. Đối với việc làm, lời nói lâu xa, tự mình nhớ nghĩ, cũng khiến người nhớ. Hết thấy loại như vậy gọi là tướng chủng tánh Tĩnh lự Ba-la-mật-đa của Bồ-tát.

6. Tướng chủng tánh Trí huệ Ba-la-mật-đa của Bồ-tát: Chư Bồ-tát thành tựu trí tuệ câu sanh, năng nhập vào tất cả cảnh giới minh xứ. Tánh không ngoan độn, tánh không ám muội, tánh không ngu si. Khắp ở mọi nơi đều xa lìa phóng dật, có năng lực tư duy chọn lựa. Hết thấy loại như vậy gọi là tướng chủng tánh Trí huệ Ba-la-mật-đa của Bồ-tát.

Nên biết tướng thô của chủng tánh Bồ-tát còn

có thể so sánh được, nhưng thật nghĩa quyết định, duy có Đức Phật Thế Tôn hiện thấy rõ ráo.

Vì sở hữu chủng tánh của chư Bồ-tát, tánh tương ứng cùng công đức, nên thành tựu các pháp bạch tịnh hiền thiện. Do đây năng làm nhân chứng đắc, cho ra quả vị Như Lai khó được, tối thắng, không thể nghĩ bàn, vô động, vô thượng. Như trên là xứng hợp với chánh đạo lý, ngoài ra không hợp lý.

Chủng tánh Bồ-tát cho đến chưa bị sự nhiễm ô của bốn tùy phiền não trái với pháp bạch tịnh, hoặc đầy đủ, hoặc không đầy đủ, thì tánh cùng tương ứng với pháp bạch như thế. Nếu bị nhiễm ô, pháp bạch đều không hiển hiện.

Nếu một khi Bồ-tát sanh vào đường ác, tuy sanh trong các loài ác, nhưng do lực chủng tánh, nên biết cùng với những kẻ sanh trong loài ác vẫn có khác biệt lớn. Đó là Bồ-tát kia ở lâu trong sanh tử, hoặc có lúc tuy tạm sanh vào các đường ác, mà năng nhanh chóng giải thoát. Tuy ở trong loài ác mà không cảm thọ những khổ mãnh liệt như những hữu tình khác sanh trong đường ác. Tuy cảm thọ khổ nhỏ nhiệm, mà năng sanh tâm chán lia tăng thượng. Đối với những hữu tình thọ khổ sanh trong

loài ác, phát khởi tâm bi. Hết thấy sự việc đây đều do sự huân tập nhân đại bi của chúng tánh Phật khiến phát khởi. Cho nên chúng tánh Bồ-tát tuy sanh trong đường ác, nhưng có sự khác biệt lớn đối với các hữu tình khác trong đường ác.

Những gì gọi là bốn tùy phiền não trái với pháp bạch tịnh của chúng tánh Bồ-tát?

1. Phóng dật, do trước thường xuyên tập quen các phiền não, nên tánh trở thành phiền não mãi mãi lâu dài. Đây gọi là tánh tùy phiền não thứ nhất.

2. Ngu si, do không khéo léo, nương tựa bạn ác. Đây gọi là tánh tùy phiền não thứ hai.

3. Bị bức bách, do những người tôn trưởng, chồng, vua, giặc cướp, oán địch... nên không được tự tại, tâm mê loạn. Đây gọi là tánh tùy phiền não thứ ba.

4. Do vật thực nuôi sống bị thiếu thốn, nên luyến tiếc thân mạng. Đây là tánh tùy phiền não thứ tư.

Lại chư Bồ-tát tuy chúng tánh đầy đủ, nhưng do bốn nhân duyên khiến không nhanh chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Những gì là bốn?

1. Chư Bồ-tát trước chưa gặp chư Phật, Bồ-tát, các bậc thiện tri thức chân chánh vì mình giảng thuyết đạo Bồ-đề không diên đảo. Như vậy gọi là nhân duyên thứ nhất.

2. Chư Bồ-tát tuy gặp được bạn lành vì mình thuyết chánh đạo, nhưng do chấp trước diên đảo, ở trong sở học chân chánh của Bồ-tát mà tu học diên đảo. Như vậy gọi là nhân duyên thứ hai.

3. Chư Bồ-tát tuy gặp được bạn lành vì mình thuyết chánh đạo, ở trong sở học chân chánh của Bồ-tát tu học không diên đảo. Nhưng ở nơi phương tiện gia hạnh lại chậm chạp, giải đãi lười biếng, không khẩn thiết tinh tấn mạnh mẽ. Như vậy gọi là nhân duyên thứ ba.

4. Chư Bồ-tát tuy gặp bạn lành vì mình thuyết chánh đạo, ở trong sở học chân chánh của Bồ-tát tu học không diên đảo, cũng ở nơi gia hạnh đồng mãnh tinh tấn. Nhưng các thiện căn vẫn chưa thành thực, tư lương Bồ-đề chưa được viên mãn, chưa tích tập lâu dài sở hữu pháp Bồ-đề phần. Như vậy gọi là nhân duyên thứ tư.

Bồ-tát như vậy tuy có chủng tánh, nhưng vì khuyết nhân duyên, nên không thể nhanh chóng

chúng Vô thượng Bồ-đề; nếu đầy đủ nhân duyên, liền nhanh chóng chứng đắc. Nếu bổ-đặc-già-la không có chủng tánh, tuy có đầy đủ tất cả tất cả chủng, nên biết nhất định không chứng Vô thượng Bồ-đề.

Phân đầu TRÌ DU GIÀ XỨ

Phẩm 2. PHÁT TÂM

Lại, chư Bồ-tát ban đầu phát tâm là chánh nguyện trước nhất trong sở hữu chánh nguyện của chư Bồ-tát, khắp năng nhiếp thọ các chánh nguyện khác. Cho nên sơ phát tâm lấy chánh nguyện đầu tiên làm tự tánh.

Lại chư Bồ-tát lúc khởi tâm chánh nguyện cầu Bồ-đề, phát tâm nói lời như vậy: “Nguyện tôi nhất định sẽ chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, năng làm lợi ích cho tất cả chúng sanh rốt ráo an trụ cứu cánh Niết-bàn và an trụ trong trí Như Lai rộng lớn”. Phát tâm như vậy quyết định tự mình mong

cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề và mong cầu làm nghĩa lợi ích cho tất cả hữu tình. Cho nên phát tâm lấy sự quyết định mong cầu làm hành tướng.

Lại chư Bồ-tát vì phát tâm Đại Bồ-đề và duyên tất cả nghĩa lợi ích hữu tình nên phát tâm mong cầu, chẳng phải không có sở duyên. Cho nên phát tâm lấy Đại Bồ-đề và tất cả nghĩa lợi ích hữu tình làm cảnh sở duyên.

Lại chư Bồ-tát phát tâm ban đầu năng nhiếp tất cả pháp Bồ-đề phần. Vì thiện căn thù thắng làm tiền dẫn, nên thiện càng thêm thiện, hiền càng thêm hiền, diệu càng thêm diệu, năng trái với ba nghiệp ác hạnh của các hữu tình, tương ứng công đức.

Lại, sự phát khởi chánh nguyện của chư Bồ-tát phát tâm ban đầu, so với chánh nguyện của tất cả thế gian và xuất thế gian khác hy cầu nghĩa thiện diệu, thật là bậc nhất, thật không gì vượt hơn.

Như vậy phát tâm ban đầu có năm chủng tướng:

1. Tự tánh; 2. Hành tướng; 3. Sở duyên; 4. Công đức; 5. Tối thắng.

Lại chư Bồ-tát đã sơ phát tâm tức gọi là thú nhập Vô thượng Bồ-đề, tham dự vào dòng chư Bồ-

tát Đại thừa. Đây nương vào đạo lý nói theo thế tục, cho nên phát tâm là nhiếp vào thú nhập.

Lại chư Bồ-tát đã phát tâm, lần hồi mới năng nhanh chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, nếu chưa phát tâm không thể có việc đây. Cho nên phát tâm là căn bản của Vô thượng Bồ-đề.

Lại chư Bồ-tát có tâm bi mẫn đối với tất cả chúng sanh đau khổ, vì muốn cứu vớt nên phát tâm Bồ-đề. Cho nên phát tâm là dòng chảy Đại bi.

Lại chư Bồ-tát lấy sơ phát tâm làm chỗ nương, làm chỗ kiến lập, khắp ở trong tất cả pháp Bồ-đề phần sở học của Bồ-tát, ở trong tất cả việc làm nghĩa lợi cho chúng hữu tình, đều năng tu học. Cho nên phát tâm là chỗ nương cho sự học của chư Bồ-tát.

Như vậy nên biết phát tâm ban đầu là nhiếp vào thú nhập, là căn bản của Bồ-đề, là dòng chảy Đại bi và là chỗ nương tựa của sở học.

Lại chư Bồ-tát sơ phát tâm lược có hai chủng:
1. Ra khỏi hẳn; 2. Không ra khỏi hẳn.

Ra khỏi hẳn: đã phát tâm rồi, rốt ráo theo đó triển chuyển, không còn thối lui trở lại.

Không ra khỏi hẳn: đã phát tâm rồi, không theo đó triển chuyển, giữa đường thối lui. Sự thối

thất phát tâm đây lại có hai chủng: 1. Hoàn toàn; 2. Không hoàn toàn.

Thối thất hoàn toàn: một khi đã thối thất, không thể phát tâm cầu Bồ-đề trở lại.

Thối thất không hoàn toàn: một khi đã thối thất, về sau luôn luôn phát tâm cầu Bồ-đề trở lại.

Lại chư Bồ-tát sơ phát tâm do bốn duyên, bốn nhân, bốn lực.

Bốn duyên:

1. Hoặc có thiện nam tử, thiện nữ nhân được thấy uy lực thần biến rất hy hữu kỳ lạ không thể nghĩ bàn của chư Phật và Bồ-tát; hoặc từ người đáng tin mà nghe được việc đây. Đã thấy nghe rồi, khởi nghĩ như vậy: “Vô thượng Bồ-đề có đủ uy đức lớn, khiến người an trụ và người tu hành, hoặc do thấy, hoặc do nghe mà thành tựu uy lực thần biến không thể nghĩ bàn như thế”. Do lực thấy nghe tăng thượng đây, nên đối với Đại Bồ-đề sanh sâu tin hiểu. Nhân đây phát khởi tâm Đại Bồ-đề. Đây gọi là duyên sơ phát tâm thứ nhất.

2. Hoặc có người tuy không thấy nghe uy lực thần biến như trước đã nói, mà nghe tuyên thuyết

chánh pháp vi diệu giáo tạng Bồ-tát nương Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, nghe rồi tin sâu. Do lực nghe chánh pháp và tin sâu tăng thượng, nên sanh tin hiểu sâu nơi trí Như Lai. Vì muốn chứng đắc trí Như Lai vi diệu, nên phát tâm Bồ-đề. Đây gọi là duyên sơ phát tâm thứ hai.

3. Hoặc có người tuy không nghe chánh pháp như trên, mà thấy tất cả pháp tạng Bồ-tát sắp diệt mất. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Pháp tạng Bồ-tát trụ lâu nơi đời, năng diệt thống khổ cho vô lượng chúng sanh. Ta nên an trụ giữ gìn tạng pháp Bồ-tát, phát tâm Bồ-đề, vì muốn diệt thống khổ cho vô lượng chúng sanh mà ta thọ trì”. Do lực an trụ giữ gìn tạng pháp Bồ-tát tăng thượng, nên sanh tin hiểu sâu nơi trí Như Lai. Vì muốn chứng đắc trí Như Lai vi diệu, nên phát tâm Bồ-đề. Đây gọi là duyên sơ phát tâm thứ ba.

4. Hoặc có người tuy không thấy chánh pháp sắp diệt, nhưng thấy ở kiếp mạt, đời mạt, thời mạt, thấy thân tâm chúng sanh chứa chấp các thứ ác trược, bị não loạn bởi mười tùy phiền não. Đó là nhiều ngu si, nhiều không tầm quý, nhiều các tật đố, nhiều các ưu khổ, nhiều các thô trọng, nhiều các

phiền não, nhiều các ác hành, nhiều các phóng dật, nhiều các giải đãi, nhiều các bất tín. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Đời hiện tại phát khởi các thứ ác trước lớn, bị các tùy phiền não nhiễu loạn, người năng phát khởi yếu ớt tâm tu hành Thanh văn, Độc giác Bồ-đề còn khó thể được, huống là năng phát tâm đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Nay ta phải phát tâm Đại Bồ-đề, khiến nơi đời ác đây, vô lượng hữu tình tùy học theo ta mà khởi Bồ-đề nguyện”. Do thấy trong đời mạt kiếp phát tâm khó được lực tăng thượng, nên tin hiểu sâu đối với Đại Bồ-đề. Nhân đây phát khởi tâm Đại Bồ-đề. Đây gọi là duyên sơ phát tâm thứ tư.

Bốn nhân:

1. Chư Bồ-tát có chủng tánh đầy đủ. Đây gọi là nhân sơ phát tâm thứ nhất. Trong đây, nếu chư Bồ-tát thành tựu sáu việc thù thắng, pháp nhĩ tự nhiên vốn có từ đời vô thủy triển chuyển cho đến nay, gọi là chủng tánh đầy đủ.

2. Chư Bồ-tát nương vào sự nhiếp thọ chư Phật, Bồ-tát, bạn lành. Đây gọi là nhân sơ phát tâm thứ hai. Trong đây, do bốn chủng tướng, nên biết Bồ-

tát có bạn lành đầy đủ. Đó là chư Bồ-tát gặp được bạn lành có tánh thông minh, sáng suốt, không ngu độn, không đọa nơi ác kiến. Đây gọi là tướng bạn lành đầy đủ thứ nhất. Lại chư Bồ-tát gặp được bạn lành trọn không dạy người hành hạnh phóng dật, cũng không trao cho các vật dụng phóng dật. Đây gọi là đầy đủ bạn lành thứ hai. Lại chư Bồ-tát gặp được bạn lành trọn không chỉ dạy người hành các ác hạnh, cũng không trao cho các vật dụng ác hạnh. Đây gọi là bạn lành đầy đủ thứ ba. Lại chư Bồ-tát gặp được bạn lành trọn không khuyên xả tín tâm, không khuyên xả tinh tấn thọ học các phương tiện công đức tăng thượng để tin muốn tinh tấn thọ học tu tập phương tiện công đức hạ liệt. Đó là trọn không khuyên xả Đại thừa để tu Nhị thừa, khuyên xả tu tuệ để tu tứ tuệ, khuyên xả tứ tuệ để tu văn tuệ, khuyên xả văn tuệ để tu phước nghiệp, khuyên xả giới để tu huệ thí. Trọn không khuyên xả hết thấy loại công đức tăng thượng để tu hết thấy công đức hạ liệt như thế. Đây gọi là đầy đủ bạn lành thứ tư.

3. Chư Bồ-tát đối với chúng sanh khởi nhiều tâm bi. Đây gọi là nhân sơ phát tâm thứ ba. Trong

đây, do bốn nhân duyên nên biết Bồ-tát đối với chúng sanh khởi nhiều tâm bi. Đó là chư Bồ-tát tuy ở mười phương vô lượng vô biên thế giới không có khổ, nhưng vẫn sanh trong các thế giới có khổ. Ở các nơi đó, luôn phải lãnh chịu các thứ khổ lớn, chẳng phải không gặp khổ. Hoặc có lúc thấy người gặp khổ bức bách, hoặc có lúc thấy tự mình gặp khổ bức bách. Hoặc có lúc thấy mình người gặp khổ bức bách, hoặc có lúc thấy cả mình người đều trường thời phải chịu vô số nỗi khổ mạnh mẽ bức bách không gián đoạn. Nhưng Bồ-tát đây tự nương chủng tánh, tánh tự nhiên nhân hiền, nương bốn cảnh xứ, tuy không thường xuyên tập quen, vẫn năng phát khởi tâm bi bậc thượng, trung, hạ không bao giờ ngừng nghỉ.

4. Chư Bồ-tát ở nơi các loại khổ hạnh khó hành, trong sanh tử thống khổ lâu dài không gián đoạn không khuyết hở, vẫn không sanh tâm khiếp sợ. Đây là nhân sơ phát tâm thứ tư. Trong đây, do bốn nhân duyên nên biết Bồ-tát trước khởi tâm bi đối với chúng sanh; ở nơi các loại khổ hạnh khó hành, trong sanh tử thống khổ lâu dài không gián đoạn không khuyết hở, còn không sanh tâm khiếp sợ,

huống là đối với những khổ nhỏ. Đó là chư Bồ-tát đây tánh dũng kiện, có lực kham nhẫn. Đây gọi là nhân duyên thứ nhất. Lại chư Bồ-tát tánh tự nhậy bén, thông minh, sáng suốt, năng chánh tư duy, đầy đủ khả năng suy xét. Đây gọi là nhân duyên thứ hai. Lại chư Bồ-tát năng đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề thành tựu tin hiểu thanh tịnh bậc thượng. Đây gọi là nhân duyên thứ ba. Lại chư Bồ-tát thành tựu thân tâm bi mẫn bậc thượng đối với chúng sanh. Đây gọi là nhân duyên thứ tư.

Bốn lực:

1. Tự lực: chư Bồ-tát do năng lực của bản thân, nên sanh sâu vui thích đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đây gọi là lực sơ phát tâm thứ nhất.

2. Tha lực: chư Bồ-tát do năng lực của người khác, nên sanh sâu vui thích đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đây gọi là lực sơ phát tâm thứ hai.

3. Lực nhân: chư Bồ-tát vì đời trước tu tập thiện pháp tương ưng Đại thừa, nên ở hiện pháp hoặc được thấy chư Phật, Bồ-tát, hoặc được nghe tán thán khen ngợi, liền nhanh chóng phát tâm

Bồ-đề; hướng chi được thấy thần lực, được nghe chánh pháp. Đây gọi là lực sơ phát tâm thứ ba.

4. Lực gia hạnh: chư Bồ-tát ở trong hiện pháp gần gũi các bậc thiện sĩ, được nghe chánh pháp, tư duy sâu chắc, trường thời tu tập chủng chủng thiện pháp. Do gia hạnh đây phát tâm Bồ-đề. Đây gọi là lực sơ phát tâm thứ tư.

Nếu chư Bồ-tát nương chung, hoặc nương riêng bốn nhân, bốn duyên trên; hoặc do tự lực, hoặc do lực nhân, hoặc do lực cả hai mà phát tâm, phải biết tâm đây bền vững không lay động. Hoặc do tha lực, hoặc do lực gia hạnh, hoặc do lực cả hai mà phát tâm, phải biết tâm đây không bền vững, cũng dễ bị lay động.

Lại có bốn nhân duyên khiến Bồ-tát thối thất tâm Bồ-đề. Những gì là bốn? 1. Chủng tánh không đầy đủ; 2. Bị bạn ác thâm nhiếp; 3. Đối với chúng sanh, tâm bi yếu ớt; 4. Ở nơi chúng chủng khổ hạnh khó hành, trong sanh tử thống khổ lâu dài không gián đoạn không khuyết hở, tâm quá sanh kinh hãi, khiếp sợ.

Như vậy có bốn chủng nhân duyên khiến thối thất tâm. Trái với tướng đây là bốn chủng nhân

duyên phát tâm, đã được biện rộng ở phần trước.

Lại chư Bồ-tát sơ phát tâm kiên cố lược có hai tướng pháp rất hy hữu kỳ đặc, không cùng chung với thế gian. Những gì là hai? 1. Thâu nhiếp tất cả chúng sanh đều làm quyến thuộc; 2. Đã thâu nhiếp làm quyến thuộc, không có lỗi nhiễm ô. Thâu nhiếp làm quyến thuộc đây, lỗi có hai dạng: đó là đối với quyến thuộc nhiều ích, có lỗi nhiễm ô thuận theo. Đối với quyến thuộc suy tổn, có lỗi nhiễm ô trái nghịch. Cả hai việc đây, Bồ-tát đều không gây tạo.

Lại chư Bồ-tát sơ phát tâm kiên cố, đối với các chúng sanh phát khởi hai chủng ý vui thiện lành thù thắng: 1. Ý vui lợi ích, vì muốn cứu giúp chúng sanh kia ra khỏi việc làm bất thiện, an đặt nơi việc làm thiện; 2. Ý vui an lạc, vì đối với chúng sanh bản cùng không nơi nương tựa, Bồ-tát là tâm nhiễm ô, muốn đem đến cho họ chủng chủng việc nhiều ích, đầy đủ an vui.

Lại chư Bồ-tát sơ phát tâm kiên cố có hai gia hạnh: 1. Gia hạnh ý vui, đó là ngày đêm tăng trưởng ý vui lợi ích và ý vui an lạc; 2. Gia hạnh chánh hạnh, đó là ngày đêm năng tự gia hạnh thành thực Phật pháp. Đối với chúng sanh, tùy

khả năng, tùy sức lực, nương theo điều đã thuyết trước, sanh khởi gia hạnh ý vui và gia hạnh làm lợi ích an lạc.

Lại chư Bồ-tát sơ phát tâm kiên cố có hai pháp môn thiện lớn tăng trưởng: 1. Gia hạnh tự lợi, năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề; 2. Gia hạnh lợi tha, năng cứu thoát tất cả hữu tình ra khỏi các khổ. Như hai pháp môn thiện lớn tăng trưởng, thì hai chủng pháp tự thiện lớn và hai chủng pháp tạng vô lượng thiện lớn phải biết cũng vậy.

Lại chư Bồ-tát sơ phát tâm kiên cố, do phát tâm ban đầu cầu Bồ-đề, nên việc thâm nhiếp thiện pháp so với tất cả việc thâm nhiếp thiện pháp khác có hai chủng thù thắng hơn: 1. Nhân thù thắng hơn; 2. Quả thù thắng hơn. Vì sự thâm nhiếp thiện pháp của chư Bồ-tát đều là nhân năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Và sở chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề là quả của nhân kia vậy. Nếu so với việc thâm nhiếp thiện pháp của Thanh văn, Độc giác còn thù thắng hơn, huống chi so với thiện pháp khác mà tất cả hữu tình nhiếp. Cho nên thâm nhiếp thiện pháp của Bồ-tát sánh với tất cả việc

thâu nhiếp thiện pháp khác, nhân quả đều thắng vượt hơn.

Lại chư Bồ-tát sơ phát tâm kiên cố lược có hai chủng lợi ích thù thắng của việc phát tâm:

1. Đã sơ phát tâm Bồ-đề, tức là bậc *phước điền đáng tôn trọng* của chúng sanh, hết thảy chúng sanh đều nên cúng dường, cũng làm cha mẹ của tất cả chúng sanh.

2. Đã sơ phát tâm, tức là năng nhiếp thọ *phước không nào hại*. Do chư Bồ-tát thành tựu phước không nào hại đây, nên được vô số Chuyển luân vương thủ hộ che chở. Hoặc ngủ, hoặc thức, hoặc hôn mê... đều được sự che chở bảo vệ như vậy, nên tất cả yêu ma, dục-xoa, thần, người, phi nhân không thể nhiều hại.

Lại chư Bồ-tát đây chuyển sanh đời khác, được sự thu nhiếp giữ gìn của phước như vậy, nên ít bệnh, hoặc không bệnh, không thường bị các bệnh nặng xúc tổn đến thân. Đối với các việc làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, dùng thân ngữ dũng mãnh mà làm. Thường vì chúng sanh tuyên thuyết chánh pháp, thân không mỏi mệt, không quên mất chánh niệm, tâm không bị lao tổn. Bồ-tát lúc bản tánh

trụ chủng tánh, tất cả tánh thô trọng tự mỏng yếu. Do đã phát tâm, nên sở hữu thô trọng của thân và tâm chuyển thành mỏng nhẹ. Nếu có các chúng sanh khác, vì muốn dứt trừ các tai họa tật dịch, sử dụng thần chú không có hiệu nghiệm, nhưng Bồ-tát sử dụng vẫn được linh nghiệm, huống là những thần chú hiệu nghiệm khác. Bồ-tát nhu hòa nhẫn nhục tăng thượng, nhẫn chịu người não hại mà không não hại lại người, thấy người não hại lẫn nhau sanh lòng thương xót. Các tùy phiền não như giận, ghét, dối... đều năng hàng phục, khiến thế lực phiền não kia trở nên mỏng nhẹ. Nếu chúng tạm thời hiện hành, cũng nhanh chóng trừ khiến. Tùy theo chỗ cư trú, đất nước, thành quách là nơi nhiều đấu tranh, khủng bố, đói khát, dịch bệnh hoành hành, phi nhân quấy nhiễu, nếu chưa phát khởi thì không dễ sanh khởi, nếu đã sanh khởi thì dần dần trừ diệt.

Lại chư Bồ-tát sơ phát tâm đây, nếu có lúc sanh vào đường cực ác, ở trong địa ngục, phần nhiều ở cõi địa ngục đây nhanh chóng được giải thoát, lãnh thọ khổ chút ít mà sanh chán lìa sâu. Đối với hết thấy khổ mà chúng sanh đã lãnh thọ,

luôn khởi lòng đại bi.

Tất cả như vậy đều do phước của nhân nhiếp thọ không nào hại. Bồ-tát sơ phát tâm kiên cố vì năng nhiếp thọ phước không nào hại đây, nên lãnh thọ hết thấy sự thù thắng lợi ích như vậy.

Phân đầu TRÌ DU GIÀ XỨ Phẩm 3. TỰ LỢI - LỢI THA thứ 1

Như vậy đã thuyết sơ phát tâm của Bồ-tát. Sao gọi là *tu hành các hạnh Bồ-tát*? Nếu nói lược, hoặc nơi học, hoặc học như thế, hoặc năng tu học của Bồ-tát, tất cả như vậy nhiếp chung làm một, gọi là Bồ-tát hạnh.

Chư Bồ-tát tu học ở xứ nào? Đó là học ở bảy xứ. Những gì là bảy xứ? Ốt-Đà-Nam nói:

*Lợi mình, người, thật nghĩa
Uy lược, thực hữu tình
Tự thành thực Phật pháp
Bảy học xứ Bồ-đề.*

1. Xứ tự lợi; 2. Xứ lợi tha; 3. Xứ chân thật nghĩa; 4. Xứ uy lực; 5. Xứ thành thực hữu tình; 6. Xứ tự thành thực Phật pháp; 7. Xứ Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

1 và 2. **Xứ tự lợi, lợi tha:** Lược có 10 loại: **a.** Chỉ thuần tự lợi hoặc lợi tha; **b.** Cùng tự lợi, lợi tha; **c.** Chung loại lợi ích tự lợi, lợi tha; **d.** Chung loại an lạc tự lợi, lợi tha; **e.** Nhiếp nhân tự lợi, lợi tha; **f.** Nhiếp quả tự lợi, lợi tha; **g.** Đời này tự lợi, lợi tha; **h.** Đời khác tự lợi, lợi tha; **i.** Rốt ráo tự lợi, lợi tha; **j.** Không rốt ráo tự lợi, lợi tha.

a. và **b.** *Sao gọi là thuần tự lợi, lợi tha và cùng tự lợi, lợi tha của Bồ-tát?* Chư Bồ-tát ở nơi thuần lợi mình, hoặc thuần lợi người, nên biết phải đoạn những điều sai trái, vì trái vượt không thuận theo đạo Bồ-tát. Đối với điều đáng học khác, nên siêng tu học, vì không trái vượt, thuận theo đạo Bồ-tát.

Trong đây, Bồ-tát ở nơi thuần tự lợi phải đoạn trừ những việc: hoặc vì mình mà vui cầu tài vật để thọ dụng; đối với giáo pháp mà chư Phật, Bồ-tát đã dạy, tuy thưa hỏi thọ trì, nhưng xển tiếc pháp. Hoặc vì sanh thiên để thọ khoái lạc mà thọ trì

cấm giới, phát siêng tinh tấn tu tập định tuệ. Hoặc mong cầu quả báo thế gian nhiễm ô, vì tiền của vật thực thế gian mà cung kính cúng dường bảo tháp chư Phật. Hoặc tham lợi dưỡng, vì lợi dưỡng mà tự tuyên nói chửi chửi điều vô ích, không phải công đức chân thật, dối gạt người khác, ngỗ hầu chiêu tập lợi dưỡng. Hoặc tham muốn người làm tội tở để sai khiến mà phi pháp nhiếp chúng. Không đúng như pháp, chỉ giả dối phương tiện cứu độ hữu tình, khiến thoát khỏi thân phận làm tội tở cho người để trở lại làm tội tở cho mình. Cứu vớt hữu tình khiến thoát khỏi sự trói buộc, rồi lại tự bắt giữ họ để hoàn thành việc của mình. Cứu vớt hữu tình khiến thoát khỏi các hình phạt đáng sợ, rồi lại nhiếp phục khiến sợ mình. Hoặc chư Bồ-tát đấm trước hiện pháp lạc trú các định, vất bỏ tư duy các việc làm lợi ích hữu tình. Nên biết hết thấy loại như thế gọi là thuần tự lợi. Bồ-tát nên biết phải đoạn trừ các việc làm thuần tự lợi như vậy.

Nếu chư Bồ-tát lấy tâm bi làm tiền dẫn, hoặc vì sanh cõi trời, hoặc vì hồi hương Vô thượng Bồ-đề, nên luôn tu tập bố thí, an nhẫn... Đây gọi là tự lợi cùng lợi tha. Lại trừ các tướng đã nói ở trước,

còn lại tất cả tướng trái với sở hữu hành tự lợi của chư Bồ-tát, nên biết đều gọi là tự lợi cùng lợi tha. Bồ-tát đối với hạnh đây nên siêng năng tu học.

Trong đây, Bồ-tát nên biết phải đoạn trừ các việc làm thuận lợi tha như dùng tà kiến để tu hành bố thí... và dùng chấp kiến cho là không nhân không quả, nên hủy phạm giới luật, xa lìa chánh hạnh vì người thuyết pháp.

Lại nếu chư Bồ-tát khéo léo hồi chuyển các tỉnh lự, đã vượt qua địa dưới, nhưng lại nhiếp thọ bạch pháp của địa dưới. Tức là chư Bồ-tát đã năng an trụ các tỉnh lự, nhưng do năng lực bi nguyện nên xả các tỉnh lự, tùy theo chỗ vui thích mà sanh trở lại Dục giới.

Lại chư Bồ-tát đã được tự tại tạo làm chủng chủng biến hóa ở mười phương thế giới, tạo làm vô số nghĩa lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Lại chư Mâu-Ni việc làm đã xong, chư Bồ-tát nương theo lực vô úy của Như Lai như vậy, sở hữu tất cả pháp Phật bất cộng, trải khắp mười phương năng làm vô lượng việc lợi ích lớn cho vô lượng chúng sanh. Những sự việc như vậy gọi là chỉ thuận lợi tha.

Như vậy đã thuyết hạnh thuận lợi tha. Trước cũng đã nói hai chủng mà Bồ-tát cần phải đoạn trừ, còn lại các hạnh thuận lợi tha khác đã thuyết cần phải tu học nhiều.

Trừ các tướng đã nói ở trước, còn lại tất cả tướng trái với hạnh lợi tha của chư Bồ-tát, nên biết đều gọi là lợi tha cùng tự lợi. Bồ-tát đối với hạnh đây nên siêng năng tu học.

c. Sao gọi là chủng loại lợi ích tự lợi, lợi tha của Bồ-tát? Lược thuyết có năm chủng tướng: 1. Tướng không tội; 2. Tướng nhiếp thọ; 3. Tướng đời này; 4. Tướng đời khác; 5. Tướng tịch diệt.

Hoặc chư Bồ-tát tự có khả năng nhiếp thọ thiện pháp, tăng trưởng thiện pháp, hoặc ít hoặc nhiều. Trở lại khiến người cũng nhiếp thọ thiện pháp, tăng trưởng thiện pháp, hoặc ít hoặc nhiều, bằng phương tiện khuyến bảo, điều phục, an trí, kiến lập. Đây gọi là tướng không tội của chủng loại lợi ích tự lợi, lợi tha của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát năng dẫn hoặc mình hoặc người đến những niềm vui không nhiễm ô, hoặc niềm vui đầy đủ vật dụng, hoặc niềm vui an trú trong định. Đây gọi là tướng nhiếp thọ của chủng

loại lợi ích tự lợi, lợi tha của chư Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát tự lợi, lợi tha, hoặc năng dẫn lợi ích ở đời này, chẳng phải đời khác; hoặc năng dẫn lợi ích ở đời khác, chẳng phải đời này; hoặc đều dẫn lợi ích cả đời này và đời khác; hoặc không dẫn lợi ích cả đời này và đời khác. Bốn loại tự lợi, lợi tha như thế, tùy theo thứ tự tương ứng với bốn chủng pháp thọ.

Sao gọi là bốn chủng pháp thọ? 1. Hoặc có pháp thọ, hiện tại thọ vui, đời vị lai thọ khổ dị thực; 2. Hoặc có pháp thọ, hiện tại thọ khổ, đời vị lai thọ vui dị thực; 3. Hoặc có pháp thọ, hiện tại thọ vui, đời vị lai thọ vui dị thực; 4. Hoặc có pháp thọ, hiện tại thọ khổ, đời vị lai thọ khổ dị thực. Nếu muốn hiểu rộng bốn chủng đây, thì như trong kinh đã biện rõ. Đây gọi là tướng đời này, đời khác của chủng loại lợi ích tự lợi, lợi tha của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát sở hữu Niết-bàn, cùng đắc Niết-bàn, phần pháp Niết-bàn thế gian, xuất thế gian. Đây gọi là lược nói tướng tịch diệt của chủng loại lợi ích tự lợi, lợi tha của Bồ-tát. Phải biết tướng đây so với những tướng khác là thù thắng hơn cả, không gì vượt trên.

d. Sao gọi là chủng loại an lạc tự lợi, lợi tha của Bồ-tát? Tóm lược nhiếp vào năm lạc. Sao gọi là năm lạc? 1. Lạc nhân; 2. Lạc thọ; 3. Lạc đối trị khổ; 4. Lạc đoạn trừ thọ; 5. Lạc không nào hại.

Lạc nhân: là cảnh giới các căn thuộc hai phẩm lạc, hoặc vì nhân đây xúc thuận thọ lạc, hoặc các nghiệp quả khả ái có trong hiện pháp, đương lai. Hết thấy như vậy nhiếp chung làm một, gọi là lạc nhân. Ngoài đây ra trọn không có hoặc thêm hoặc hơn.

Lạc thọ: tức là chờ đợi khổ dứt. Do ba nhân duyên nhiếp vào lạc nhân đã nói ở trước, năng nhiếp ích cho thân tâm thọ sanh, gọi là thọ lạc. Nói tóm lược lạc đây có hai chủng: 1. Hữu lậu; 2. Vô lậu. Lạc vô lậu: là lạc của bậc học và vô học. Lạc hữu lậu: là lạc hệ buộc trong ba cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Lại lạc hệ buộc ba cõi đây tùy chỗ thích hợp mà có sáu xứ riêng khác. Có sáu chủng, đó là nhân xúc sanh ra cho đến ý xúc sanh ra. Sáu chủng như vậy lại nhiếp làm hai: 1. Lạc thân; 2. Lạc tâm. Lạc tương ưng với năm thức gọi là lạc thân. Lạc tương ưng với ý thức gọi là lạc tâm.

Lạc đối trị khổ: do những việc như lạnh, nóng, đói, khát... sanh khởi, không phải một mà nhiều chủng chủng phẩm loại thọ khổ. Do năng đối trị dứt trừ lạnh nóng đói khát... nên lúc khổ được dứt trừ, như vậy sanh khởi cảm giác lạc. Đây gọi là lạc đối trị khổ.

Lạc đoạn trừ thọ: là diệt thọ tướng định.

Lạc không nào hại, lược có 4 chủng: 1. Lạc xuất ly: vì chánh tín nên lìa bỏ gia đình, hướng đến không gia đình, thoát khỏi chủng chủng phiền não khổ lớn bức bách giam cầm của gia đình, gọi là lạc xuất ly. 2. Lạc xa lìa: đoạn trừ các pháp dục ác bất thiện, chứng đắc Sơ tĩnh lự, ly sanh hỷ lạc, gọi là lạc xa lìa. 3. Lạc tịch tĩnh: từ Đệ nhị tĩnh lự trở lên, tâm tứ dừng dứt, gọi là lạc tịch tĩnh. 4. Lạc Tam-bô-đề: rốt ráo xa lìa tất cả phiền não trói buộc, đối với sự sở tri thấy đều như thật hiểu biết, gọi là lạc Tam-bô-đề.

Trong đây, *lạc nhân*, vì là nhân của lạc nên gọi là lạc, chẳng phải tự tánh.

Lạc thọ, vì là tự tánh của lạc nên gọi là lạc, chẳng phải là nhân của lạc.

Lạc đối trị khổ, vì dứt các thứ khổ, xua đuổi

các khổ, chẳng phải nhân lạc, chẳng phải tự tánh lạc.

Lạc đoạn trừ thọ, vì chẳng phải nhân lạc, vì chẳng phải tự tánh, cũng chẳng phải diệt dứt chủng chủng khổ mà gọi là lạc. Nhưng nương nơi thắng nghĩa “tất cả các sở hữu thọ đều là khổ”, lúc an trú ở Diệt định, vì thắng nghĩa khổ đây tạm thời tịch tĩnh, nên gọi là lạc.

Lạc không nào hại, lạc đây nhiếp vào lạc Tam-bồ-đề an đặt sau cùng, vì ở đời đương lai, thắng nghĩa khổ đây vĩnh viễn tịch diệt; ở trong hiện tại, tất cả phẩm phiền não thô trọng nương dựa sở y cũng vĩnh viễn tịch diệt, nên gọi là lạc.

Các sở hữu lạc không nào hại khác, đối với lạc Tam-bồ-đề sau cùng đây, vì năng thuận theo, vì là một phần của kia, vì kia năng dẫn phát, cho nên cũng gọi là lạc không nào hại.

Trong đây, Bồ-tát phải nhớ nghĩ sở hữu an lạc thuộc phẩm lợi ích đối với chúng sanh, trọn không được nhớ nghĩ sở hữu an lạc thuộc phẩm không lợi ích.

Bồ-tát sở hữu an lạc không lợi ích, dùng trí tuệ không điên đảo như thật liễu tri, khích lệ

chúng sanh khiến đều xa lìa. Tùy theo năng lực, dùng phương tiện mà tước đoạt những việc làm bất thiện của hữu tình kia.

Hoặc đối với việc có lợi ích mà khổ, chúng sanh đối với việc đây tuy không vui muốn, nhưng Bồ-tát nương phương tiện quyền xảo, cùng vào trong ưu khổ để dẫn dắt. Hoặc đối với việc không lợi ích mà vui, chúng sanh đối với việc đây tuy vui muốn, nhưng Bồ-tát nương phương tiện quyền xảo, cùng vào trong sự vui thích ấy, tìm cách tước đoạt đi. Vì có sao? Phải biết phương tiện quyền xảo như vậy, tức cùng ưu khổ đối với việc có lợi ích, tức cùng vui thích đối với việc không lợi ích, chỉ vì mục đích khiến chúng sanh kia về sau nhất định được an lạc. Cho nên, Bồ-tát đối với chúng sanh, nếu vui lợi ích, phải biết ý chính là vui an lạc; nếu cho lợi ích, phải biết ý chính là cho an lạc. Vì có sao? Lợi ích như nhân, an lạc như quả. Vì thế phải biết đối với các chúng sanh, nếu cho lợi ích tất cho an lạc. Nên biết lạc nhân, lạc đối trị khổ, lạc đoạn trừ thọ và lạc không nào hại nhiếp thuộc sở hữu quả nghiệp khả ái ở hiện pháp, đương lai. Bồ-tát đối với việc đây không nên dẫn đo cân nhắc, chỉ một hướng

trao cho chúng sanh, vì năng nhiều ích và không tội. Ở nơi lạc thọ và lạc nhân nhiếp thuộc xúc của căn trần, nếu năng sanh nhiễm ô, nếu tánh là nhiễm ô, có tội, không có ích, không hợp đạo lý, thì không nên trao cho chúng sanh; nếu không sanh nhiễm ô, nếu tánh không nhiễm ô, không tội, có ích lợi, hợp đạo lý, thì nên trao cho chúng sanh. Bồ-tát đối với việc đây, tùy năng lực của mình cũng phải thọ học tu hành như vậy.

Đây gọi là chủng loại lợi ích, an lạc tự lợi, lợi tha của Bồ-tát. Trừ những chủng loại đã nói trên, không còn có thêm hoặc có hơn chủng loại nào.



Quyển 36

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phân đầu TRÌ DU GIÀ XỨ

Phẩm 3. TỰ LỢI - LỢI THA thứ 2

e. và f. Sao gọi là *nhiep nhân, nhiep quả tự lợi, lợi tha của Bồ-tát*? Nếu lược nói nên biết có ba nhân, ba quả. Những gì là ba? 1. Nhân dị thực, quả dị thực; 2. Nhân phước, quả phước; 3. Nhân trí, quả trí.

Sao gọi là *dị thực*? Tóm lược có tám loại: 1. Đầy đủ thọ lượng; 2. Đầy đủ hình sắc; 3. Đầy đủ dòng tộc; 4. Đầy đủ tự tại; 5. Đầy đủ tín ngôn; 6. Đầy đủ đại thế; 7. Đầy đủ tánh người; 8. Đầy đủ đại lực.

Nếu chư Bồ-tát sống lâu trường thọ, gọi là Bồ-tát có đầy đủ thọ lượng. Hình sắc đoan nghiêm, dung nhan thù diệu, người nhìn thấy sanh lòng hoan hỷ, gọi là Bồ-tát có đầy đủ hình sắc. Sanh nhà giàu sang, gọi là Bồ-tát có đầy đủ dòng tộc. Có nhiều tiền của, được nhiều bạn bè giúp đỡ, quyển

thuộc có thể lực lớn, gọi là Bồ-tát có đầy đủ tự tại. Được mọi người tin tưởng làm theo, tuân thủ phép tắc, đoạn trừ việc cãi vả đấu tranh, không hành siểm cuống, lường gạt... thọ nhận vật người gởi, trọn không làm điều sai trái, lời nói không hư dối đối với hữu tình, do nhân duyên đây nói ra điều gì không ai không tin thọ. Đây gọi là Bồ-tát có đầy đủ tín ngôn. Được những lời xưng khen truyền tụng trong thế gian, như là sung mãn, dũng mãnh, tinh tấn, kiên định, nhạy bén, tôn trọng tất cả thiện giới; hiểu biết sử dụng khéo léo vô số kỹ nghệ, nghề nghiệp tinh xảo, triển chuyển vượt hơn người khác. Do nhân duyên đây được người đời cung kính, được đại chúng cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen. Đây gọi là Bồ-tát có đầy đủ đại thế. Thành tựu nam căn, đầy đủ thân phần trượng phu, gọi là Bồ-tát có đầy đủ tánh người. Hoặc tánh ít tật bệnh, hoặc hoàn toàn không bị bệnh tật, có sức kham chịu mạnh mẽ, gọi là Bồ-tát có đầy đủ đại lực.

Sao gọi là *nhân dị thực*? Chư Bồ-tát không gây tạo việc sát giết tổn hại, xa lìa tất cả ý làm tổn hại chúng sanh; đây gọi là Bồ-tát có nhân đầy đủ

thọ lượng. Huệ thí các thứ y phục, vật thực, ánh sáng đều thanh tịnh, sạch sẽ; đây gọi là Bồ-tát có nhân đầy đủ hình sắc. Xa lìa kiêu mạn đối với chúng sanh, đây gọi là Bồ-tát có nhân đầy đủ dòng tộc. Ở những nơi chúng sanh bị thiếu thốn vật dụng nuôi thân, phải đi du hành khát thực, tùy theo nhu cầu của họ để huệ thí; đây gọi là Bồ-tát có nhân đầy đủ tự tại. Lời nói thành thật, phân minh, cũng không thích những lời gây chia rẽ, hung ác, không tương ưng; đây là Bồ-tát có nhân đầy đủ tín ngôn. Vị lai nhiếp trì chúng chúng công đức, tự thân phát hồng thệ nguyện cúng dường Tam Bảo cùng các bậc tôn trưởng; đây gọi là Bồ-tát có nhân đầy đủ đại thế. Vui muốn hình thể của bậc trưởng phu, chán ghét, thấy sâu quá hoạn của thân nữ. Do hai nhân duyên thí pháp khiến người được tánh người: 1. Người nữ vui thân nữ, liền khuyên răn khiến nhàm lìa từ bỏ thân nữ; 2. Kẻ trưởng phu sắp mất nam căn, phương tiện nhiếp hộ khiến không hoại mất và nói chánh pháp khiến giữ được thân nam. Đây gọi là Bồ-tát có nhân đầy đủ tánh người. Đối với chúng sanh, tự thân tận lòng chăm sóc, tùy theo những việc làm sự nghiệp như pháp

của họ đều hỗ trợ giúp đỡ. Tùy năng lực của mình mà dụng chánh pháp khuyên răn, không dùng tội bạo. Dùng các thức ăn uống như cơm, cháo, bánh, đậu thí cho chúng sanh, năng khiến sức lực thân tâm của họ được tăng trưởng. Đây gọi là Bồ-tát có nhân đầy đủ đại lực.

Tám chủng dị thực đã nói ở trước, lấy tám chủng này làm nhân.

Lại các nhân đây, lược do ba duyên mà được tăng trưởng, năng chiêu cảm khiến sanh khởi dị thực tăng trưởng rộng lớn cho đến viên mãn. Những gì là ba duyên? 1. Tâm thanh tịnh; 2. Gia hạnh thanh tịnh; 3. Ruộng thanh tịnh.

Nếu ý lạc tăng thượng đối với Vô thượng Bồ-đề, dùng thiện căn đây ý vui mãnh liệt quyết định hồi hướng. Thuần hậu rộng lớn, tịnh tín tu hành, thấy các bạn đồng pháp sanh hoan hỷ sâu. Ngày đêm trong từng sát-na, ở trong sự thực hành như pháp, tùy tâm tùy tứ. Đây gọi là tâm thanh tịnh.

Trong đây luôn tu tập thực hành không gián đoạn, thực hành xuyên suốt lâu dài. Đối với thiện pháp đây, nếu người chưa tín thọ phụng hành, tán thán khiến tín thọ phụng hành; nếu người đã tín

thọ phụng hành, tán thán khiến hoan hỷ. Ở nơi sở hữu thiện căn như thế mà an đặt kiến lập. Đây gọi là gia hạnh thanh tịnh.

Nếu năng chân chánh phát khởi gia hạnh như vậy và chân chánh an trụ quả gia hạnh đây, gọi là ruộng thanh tịnh.

Sao gọi là *quả dị thực*? Hoặc chư Bồ-tát đầy đủ thọ lượng, nên năng tu tập phẩm thiện lâu dài. Vì nương tự lợi lợi tha, nên vô lượng thiện căn được tích tập tăng trưởng. Đây gọi là Bồ-tát thành tựu quả đầy đủ thọ lượng.

Hoặc chư Bồ-tát đầy đủ hình sắc, nên được mọi người yêu thích. Vì mọi người yêu thích, nên đều thân cận quy ngưỡng. Vì hình sắc khả ái an lạc, vì tất cả đại chúng đều quy ngưỡng, nên phàm có phát lời nói thấy đều được lắng nghe, tín thọ. Đây gọi là Bồ-tát thành tựu quả đầy đủ hình sắc.

Hoặc chư Bồ-tát đầy đủ dòng tộc, nên mọi người tôn kính, cúng dường, xưng tán. Do đây, khuyến khích chúng sanh siêng tinh tấn tu học những hạnh khác nhau, không lời khuyên nào mà không được cung kính, nhanh chóng ứng dụng tu hành, không trái không phạm. Đây gọi là Bồ-tát

thành tựu quả đầy đủ dòng tộc.

Hoặc chư Bồ-tát đầy đủ tự tại, nên năng lấy bố thí nhiếp các chúng sanh, khiến mau chóng thành thực. Đây gọi là Bồ-tát thành tựu quả đầy đủ tự tại.

Hoặc chư Bồ-tát đầy đủ tín ngôn, nên năng dùng ái ngữ, lợi hành, đồng sự nhiếp các chúng sanh, khiến mau chóng thành thực. Đây gọi là Bồ-tát thành tựu quả đầy đủ tín ngôn.

Hoặc chư Bồ-tát đầy đủ đại thế, nên ở nơi chúng chúng sự nghiệp của chúng sanh đều năng hỗ trợ, bố thí ân đức. Do ân đức đây cảm được lòng chúng sanh, vì tri ân Bồ-tát nên đều đến quy ngưỡng. Nhân đây Bồ-tát mở lời dạy bảo, kia nhanh chóng tin thuận, cung kính vâng nghe thực hành. Đây gọi là Bồ-tát thành tựu quả đầy đủ đại thế.

Hoặc chư Bồ-tát đầy đủ tánh người, thành tựu nam căn, nên kham làm khí cụ của tất cả công đức thù thắng, năng vào trong tất cả sự nghiệp, tư duy chọn lựa tất cả cảnh giới sở tri đều không hãi sợ, hành chuyển vô ngại. Ở tất cả thời, tất cả hữu tình đều đến vây quanh, đồng chung tụ hội, bất kỳ chốn nào khuất hay hiển, đều dừng dứt nói bàn huyền

náo, thọ dụng thức uống ăn đều không hiềm ngại. Đây gọi là Bồ-tát thành tựu quả đầy đủ tánh người.

Hoặc chư Bồ-tát đầy đủ đại lực, nên năng ở nơi gia hạnh dẫn nhiếp thiện pháp và gia hạnh nhiều ích hữu tình mà không nhàm mỏi, đồng mãn tinh tấn, bền bỉ tinh tấn, nhanh chóng chứng thông tuệ. Đây gọi là Bồ-tát thành tựu quả đầy đủ đại lực.

Nếu chư Bồ-tát thành tựu tám chủng dị thực như vậy, thì cũng thành tựu đầy đủ tám chủng quả, do đây năng nhiều ích tất cả hữu tình thuận theo đó sanh khởi tất cả Phật pháp.

Bồ-tát an trụ trong quả dị thực năng làm vô lượng sự nghiệp lợi ích đối với hữu tình, tự có năng lực và khéo léo giáo hóa hữu tình, đặt họ ở nơi an ổn. Tự nơi bản thân, Bồ-tát tùy thuận làm các việc của mình, như vậy cho đến tùy theo ý muốn mà hoàn thành công việc.

Hoặc chư Bồ-tát tự có năng lực nhưng không khéo giáo hóa hữu tình, đặt họ ở nơi an ổn. Tự nơi bản thân, Bồ-tát không biết tùy thuận làm các việc lợi ích mà người khác làm. Cho nên đối với việc lợi ích người không gọi là mạnh mẽ, không

gọi là tùy thuận. Do nhân duyên đây không gọi là làm việc lợi ích người.

Hoặc chư Bồ-tát tự không có năng lực, nhưng khéo giáo hóa hữu tình, đặt họ ở nơi an ổn. Ở nơi bản thân, Bồ-tát tùy thuận làm các việc lợi ích mà người khác làm. Cho nên đối với việc tạo tác đem lại lợi ích người cũng không gọi là mạnh mẽ, không gọi là tùy thuận. Do nhân duyên đây không gọi là làm việc lợi ích người.

Như vậy, Bồ-tát cần yếu phải đầy đủ cả hai yếu tố mới làm lợi ích hữu tình, đó là mạnh mẽ và tùy thuận. Do nhân duyên đây được gọi là năng làm việc lợi ích người.

Bồ-tát an trụ nơi quả dị thực như vậy, tự năng thành thực tất cả Phật pháp, cũng năng khiến người tùy chỗ thích hợp nhanh chóng thành thực đối với đạo tam thừa. Lại cũng năng khiến mình mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, cũng khiến người đã thành thực nhanh chóng chứng đắc giải thoát. Do chư Bồ-tát an trụ nơi tám chủng quả dị thực, nên năng khiến hữu tình được lợi ích an lạc. Cho nên, chỗ của hữu tình ở trong vô thủy sanh tử, thì hư huyền không có nghĩa lợi; chỗ của

Bồ-tát an trụ năng khiến không hư huyền, có nghĩa lợi lớn.

Sao gọi là *Phước*? Sao gọi là *Trí*? Nếu nói lược thì *phước* tức là ba chủng Ba-la-mật-đa: 1. Bồ thí Ba-la-mật-đa; 2. Trì giới Ba-la-mật-đa; 3. An nhẫn Ba-la-mật-đa. *Trí* chỉ có một chủng là Trí tuệ Ba-la-mật-đa. Hai chủng Tinh tấn Ba-la-mật-đa và Tĩnh lực Ba-la-mật-đa thông cả hai phần là phước và trí.

Nếu nương tinh tấn để tu hành bồ thí, thọ trì gìn giữ tịnh giới và tu tập bốn chủng vô lượng tâm là từ-bi-hỷ-xả. Hết thấy loại tinh tấn như vậy gọi là phần phước.

Nếu nương tinh tấn mà tu tập văn-tư-tu, thành tựu ba tuệ. Tu tập uẩn thiện xảo, tu giới thiện xảo, tu xứ thiện xảo, tu duyên khởi thiện xảo, tu xứ phi xứ thiện xảo. Tu tập quán sát, phân biệt rộng tất cả pháp, đó là Khổ là chân Khổ, Tập là chân Tập, Diệt là chân Diệt, Đạo là chân Đạo; cùng với tất cả pháp hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc có tội, hoặc không tội, hoặc kém, hoặc hơn, hoặc đen, hoặc trắng. Trong pháp duyên sanh đều năng tư trạch quán sát như thật. Hết thấy loại tinh tấn như vậy gọi là phần trí.

Nếu nương tĩnh lự mà tu tập bốn chủng vô lượng tâm, hết thấy loại tĩnh lự như vậy gọi là phần phước.

Nếu nương tĩnh lự mà năng tu uẩn thiện xảo... như trước đã nói, hết thấy loại tĩnh lự như vậy gọi là phần trí.

Như vậy phước, trí lược có 6 chủng, mỗi mỗi phân biệt nên biết có vô lượng chủng.

Sao gọi là *nhân phước*? Sao gọi là *nhân trí*? Nhân phước, nhân trí lược chung có 3 loại: 1. Ở nơi phước, ở nơi trí, năng chứng đắc, năng an trụ, năng tăng trưởng ham muốn; 2. Ở nơi phước, ở nơi trí, khéo năng thuận theo duyên không trái nghịch; 3. Ở nơi phước, ở nơi trí, trước xuyên suốt tu tập.

Trong đây, thuận theo *duyên không trái nghịch*, như là: duyên diên đảo mà tánh không hiện tại tiền, không hội ngộ; hoặc duyên không diên đảo, tánh đang hiện tiền, đang hội ngộ. Nếu gặp phải bạn ác chỉ bày phước trí diên đảo, hoặc tác ý diên đảo cho nên chấp thủ diên đảo, đây gọi là duyên diên đảo, hiện tiền, hội ngộ. Sở hữu phẩm bạch trái với tướng đây, nên biết gọi là duyên không diên đảo, hiện tiền, hội ngộ. Nếu siêng

năng tu tập loại nhân phước, nhân trí thứ nhất khiến pháp chướng ngại hạnh viễn ly không sanh khởi; đây gọi là duyên không trái nghịch.

Nếu chư Bồ-tát ở nơi ba loại nhân phước, nhân trí đây mà bị khiếm khuyết, phải biết không thể sanh phước, sanh trí.

Sao gọi là *quả phước*? Sao gọi là *quả trí*? Chư Bồ-tát vì nương nơi phước, tuy trường thời lưu chuyển trong sanh tử mà không bị các khổ tổn não. Lại tùy sở thích năng làm những việc có nghĩa lợi nhiếp các chúng sanh. Vì nương nơi trí, nên phước được nhiếp thọ là chánh, chẳng phải tà. Lại năng tạo làm vô lượng chủng chủng sự nghiệp khéo léo, cho đến rốt ráo chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Như vậy đã lược nói về quả phước, quả trí, như chỗ thích hợp nên biết có bốn chủng, phẩm loại sai biệt lại có vô lượng. Trong đây hoặc thể dị thực, hoặc nhân dị thực, hoặc quả dị thực, tất cả như thế đều nương nơi phước, từ phước sanh khởi. Phước lại nương trí, từ trí sanh khởi. Cho nên hai chủng đây đối với sự chứng đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề tuy đều thù thắng, nhưng phước

là tối thắng, trí là vô thượng.

Nếu chư Bồ-tát tùy khuyết một chủng trong hai chủng hoặc phước hoặc trí, quyết định không thể chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đây gọi là nhiếp nhân, nhiếp quả tự lợi, lợi tha của Bồ-tát.

g. và **h.** *Sao gọi là hiện pháp, hậu pháp tự lợi, lợi tha của Bồ-tát?* Chư Bồ-tát như chánh lý khéo léo ứng dụng nghề nghiệp để tích tập tài vật, đối với tài vật như vậy thọ dụng biết lượng.

Lại những nghiệp quả khả ái đã tạo từ trước, nay quả dị thực đã chín, ở trong hiện pháp thọ dụng quả kia.

Lại chư Bồ-tát khéo léo ra vào các tinh lự. Vì muốn thu được lạc trú hiện pháp mà trong hiện pháp nương tinh lự đây, không vì an lập việc lợi tha mà nương tinh lự.

Lại hiện pháp Niết-bàn của chư Như Lai, sở hữu các pháp thế gian và xuất thế gian, các pháp hữu vi, Bồ-tát đều năng đắc tất cả. Đây gọi là Bồ-tát ở hiện pháp tự lợi. Chư Bồ-tát tự lợi như vậy mà giáo hóa hữu tình, do đây khiến họ thu được lợi ích ở hiện pháp. Nên biết đây tức là ở hiện pháp lợi tha.

Nếu ở Dục giới, trong đời khác Bồ-tát năng đạt được đầy đủ tài bảo, đầy đủ tự thể, sẽ năng sanh ở tĩnh lự Vô sắc. Nếu sanh ở tĩnh lự và trong Vô sắc, thì đời khác năng đạt được đầy đủ tài bảo, đầy đủ tự thể.

Nếu trong hiện pháp đồng hành cùng tâm ưu khổ, Bồ-tát luôn luôn tư duy chọn lựa kỹ, rồi tu tập nhân lành. Đây gọi là tu tập hậu pháp tự lợi, lợi tha của Bồ-tát.

Nếu trong hiện pháp đồng hành cùng tâm hỷ lạc, ở đời đương lai sở hữu nhân lành do tu tập đầy đủ tài bảo, đầy đủ tự thể mà thành tựu, cũng chẳng do đây thối lui đối với tĩnh lự Vô sắc và tất cả đẳng chí. Đây gọi là hiện pháp, hậu pháp tự lợi, lợi tha của Bồ-tát.

i và j. Sao gọi là rốt ráo và không rốt ráo tự lợi, lợi tha của Bồ-tát? Đó là ở Dục giới, đầy đủ tài bảo, đầy đủ tự thể, hoặc nhân hoặc quả, cùng thế gian thanh tịnh của các dị sanh, hoặc nhân hoặc quả. Đây gọi là không rốt ráo tự lợi, lợi tha.

Hoặc các phiền não đoạn dứt, hoặc sở hữu tám Thánh đạo chi, hoặc đây làm chỗ nương thành tựu tất cả thiện pháp thế gian. Đây gọi là rốt ráo

tự lợi, lợi tha.

Do ba nhân duyên nên biết rốt ráo và không rốt ráo: 1. Do tự tánh; 2. Do thối lui, không thối lui; 3. Do thọ dụng quả có cùng tận, không cùng tận.

Do tự tánh: cứu cánh Niết-bàn gọi là rốt ráo, tất cả hữu vi gọi là không rốt ráo.

Do thối lui, không thối lui và thọ dụng quả có cùng tận, không cùng tận: tám Thánh đạo chi vì không còn thối lui và vì thọ dụng quả không cùng tận, gọi là rốt ráo. Ngoài ra tất cả pháp thiện hữu lậu vì còn thối lui và thọ dụng quả có cùng tận, gọi là không rốt ráo.

Như vậy, mười chủng tự lợi, lợi tha của Bồ-tát, hoặc nói lược, hoặc nói rộng, Bồ-tát tùy theo sức lược, tùy theo khả năng, phải nên siêng tu học. Ngoài đây ra trọn không có hoặc hơn hoặc thêm. Quá khứ, vị lai, sở hữu tất cả chư Bồ-tát đã học, sẽ học cũng chỉ có mười chủng tự lợi, lợi tha như vậy. Ngoài đây ra không có thêm một pháp nào vượt quá mười pháp trên.

Phần đầu TRÌ DU GIÀ XỨ

Phẩm 4. CHÂN THẬT NGHĨA

Sao gọi là *chân thật nghĩa*? Lược có hai loại: 1. Tánh chân thật của các pháp nương vào như tánh sở hữu; 2. Tánh tất cả của các pháp nương vào tận tánh sở hữu. Như vậy tánh chân thật, tánh tất cả của các pháp, nên biết gọi chung là chân thật nghĩa.

Phẩm loại sai biệt của chân thật nghĩa đây lại có bốn chủng: 1. Sự chân thật nhất, thành tựu của thế gian; 2. Sự chân thật nhất, thành tựu của đạo lý; 3. Sự chân thật sở hành của trí do phiền não chướng thanh tịnh; 4. Sự chân thật sở hành của trí do sở tri chướng thanh tịnh.

1. Sự chân thật nhất, thành tựu của thế gian: Tất cả thế gian kia ở nơi các sự việc đây kia, thuận theo đó giả lập. Do thế tục huân tập thường xuyên, nên có cái nhìn, nhận thức, trí hiểu biết cùng một tánh, như đất chỉ là đất, chẳng phải là

lửa... Đất đã như vậy, thì nước, lửa, gió, sắc, thanh, hương, vị, xúc, vật thực, y phục, xe cộ, các vật trang sức, các vật nuôi thân, hương xoa hoa cài, ca múa kỹ nhạc, các loại ánh sáng, nam nữ hầu hạ, ruộng vườn, nhà cửa... hết thấy các sự việc phải biết cũng vậy. Khổ chỉ là khổ, chẳng phải vui; vui chỉ là vui, chẳng phải khổ. Tóm lại mà nói: đây tức là đây, chẳng phải không như đây; thế tức như thế, chẳng phải chẳng như thế. Tất cả thế gian từ bản tế triển chuyển truyền lại đến nay. Tướng tự nó phân biệt cùng được thành lập, chẳng do tư duy, suy lường, quán sát, nhưng về sau mới có sự chấp thủ. Đây gọi là sự chân thật nhất, thành tựu của thế gian.

2. Sự chân thật nhất, thành tựu của đạo

lý: Những bậc trí giả thông hiểu nghĩa đạo lý, những bậc thông tuệ, những bậc trí tuệ, người năng tầm tư, người năng quán xét, người trụ tâm tứ địa, người đầy đủ năng lực biện tài, người ở vị dị sanh, người quán sát hành... ở nơi sự sở tri, sở hành của trí nương vào hiện lượng, tỷ lượng, chí giáo lượng, cực khéo tư duy, chọn lựa, quyết định. Nghĩa được kiến

lập, được thi thiết nhờ vào chứng thành đạo lý. Đây gọi là sự chân thật nhất, thành tựu của đạo lý.

3. Sự chân thật sở hành của trí do phiền não chướng thanh tịnh: Đó là cảnh giới sở hành của tất cả Thanh văn, Độc giác, hoặc vô lậu trí, hoặc năng dẫn vô lậu trí, hoặc hậu đắc trí. Đây gọi là sự chân thật sở hành của trí do phiền não chướng thanh tịnh. Do duyên đây làm cảnh, từ phiền não chướng, trí được thanh tịnh, ở đời vị lai an trụ không chướng ngại. Cho nên gọi là sự chân thật sở hành của trí do phiền não chướng thanh tịnh.

Đây lại thế nào? Đó là bốn thánh đế: 1. Khổ thánh đế; 2. Tập thánh đế; 3. Diệt thánh đế; 4. Đạo thánh đế. Ở nơi nghĩa của bốn thánh đế như vậy, cực khéo tư duy phân tích, chứng nhập hiện quán; đã nhập hiện quán, như thật trí sanh. Đế hiện quán đây, Thanh văn, Độc giác năng quán *chỉ có các uẩn khác được, trừ ngoài các uẩn, ngã chẳng khác được*; vì luôn tu tập tuệ tương ưng duyên sanh, các hành sanh diệt; vì luôn tu tập kiến uẩn khác, bổ-đặc-già-la tánh không, phát sanh Hiện quán thánh đế như vậy.

4. Sự chân thật sở hành của trí do sở tri chướng thanh tịnh: Do trí bị ngăn ngại ở nơi cảnh sở tri, nên gọi là sở tri chướng. Cảnh giới sở hành của trí từ sở tri chướng được giải thoát, đây gọi là sự chân thật sở hành của trí do sở tri chướng thanh tịnh.

Đây lại thế nào? Đó là chư Phật Thế Tôn, chư Bồ-tát nhập vào pháp vô ngã. Đã nhập rồi khéo thanh tịnh, ở tất cả pháp tự tánh lìa lời, tự tánh giả nói, hết thấy đều bình đẳng, cảnh giới sở hành của trí vô phân biệt. Cảnh giới như vậy là tối đệ nhất, là ngăn mé sở tri không gì vượt hơn của chân như. Lấy tất cả chánh pháp tư trạch để so lường với đây, thì hết thấy đều lùi lại, không thể vượt qua.

Lại an lập tướng chân thật nghĩa đây, phải biết tức là hiển bày *không hai*. Chỗ nói “hai” đó là *có* và *chẳng phải có*.

Trong đây, *có* là tự tánh giả nói được an lập, tức là chỗ chấp trường thời của thế gian, cũng là tất cả phân biệt hý luận căn bản của thế gian. Hoặc gọi là sắc, thọ, tưởng, hành, thức; hoặc là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; hoặc là địa, thủy,

hỏa, phong; hoặc là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; hoặc là thiện, bất thiện, vô ký; hoặc là sanh diệt, hoặc là duyên sanh; hoặc là quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc là hữu vi, hoặc là vô vi; hoặc là đời này, hoặc là đời khác, hoặc là ngày tháng; hoặc là chỗ thấy, chỗ nghe, chỗ hiểu, chỗ biết, chỗ cầu, chỗ được, ý theo đó tầm tứ, cuối cùng cho đến hoặc là Niết-bàn. Hết thấy loại như vậy là pháp giả nói tự tánh mà thế gian cùng hiểu biết. Đây gọi là *có*.

Trong đây, *chẳng phải có* tức là giả nói tự tánh của các sắc, cho đến giả nói tự tánh của Niết-bàn, không sự, không tướng, giả nói có chỗ nương, tất cả đều là không. Lời nói giả lập nương kia chuyển, cũng đều không chỗ có. Đây gọi là *chẳng phải có*.

Trước nói *có*, nay lại nói *chẳng phải có*, *có* và *chẳng phải có* cả hai đều xa lìa. Đây là tánh sự chân thật nhiếp thuộc pháp tướng. Đây gọi là không hai. Do không hai nên gọi là trung đạo, xa lìa hai biên, cũng gọi là vô thượng. Trí của chư Phật Thế Tôn ở nơi chân thật đây đã khéo thanh tịnh. Trí của chư Bồ-tát ở nơi sự chân thật đây được hiển bởi đạo học.

Lại trí tuệ đây là phương tiện rộng lớn khiến chư Bồ-tát năng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Vì cố sao? Bởi lẽ chư Bồ-tát ở trong sanh tử, với những kiếp khác nhau, tu Không giải thoát môn, khéo năng thành tựu tất cả Phật pháp và tất cả hữu tình.

Lại năng như thật rõ biết sanh tử mà không ở nơi sanh tử, dụng hành vô thường... phát khởi tâm chán lìa sâu. Nếu chư Bồ-tát chẳng thể như thật rõ biết sanh tử, tức chẳng năng ở nơi tất cả phiền não tham, sân, si... thâm tâm xả bỏ. Vì không thể xả bỏ các phiền não, tâm bị tạp nhiễm, thọ các sanh tử. Do tâm tạp nhiễm thọ các sanh tử, không thể thành thực tất cả Phật pháp và các hữu tình.

Nếu chư Bồ-tát ở nơi sanh tử dụng hành vô thường... tâm chán lìa sâu, thì nhanh chóng nhập Bát-niết-bàn. Nếu Bồ-tát mau nhập Bát-niết-bàn, thì không thể thành thực tất cả Phật pháp và các hữu tình, huống là năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Lại, chư Bồ-tát do tu tập Không giải thoát môn như vậy, nên không sanh sợ hãi sâu đối với Niết-bàn, cũng không sanh nhiều vui muốn đối với

Niết-bàn. Vì cơ sao? Nếu chư Bồ-tát sanh sợ hãi sâu đối với Niết-bàn, thì không thể viên mãn tư lương Niết-bàn. Do sanh sợ hãi sâu, nên không thấy công đức lợi ích thù thắng của Niết-bàn. Do không thấy, nên xa lìa tất cả thắng giải thanh tịnh đối với Niết-bàn.

Nếu chư Bồ-tát trụ nhiều vui muốn đối với Niết-bàn, thì năng nhanh chóng nhập Bát-niết-bàn. Nếu nhanh chóng nhập Bát-niết-bàn, thì chẳng năng thành thực Phật pháp và các hữu tình.

Trong đây, chư Bồ-tát nếu không như thật rõ biết sanh tử, thì tâm tạp nhiễm lưu chuyển trong sanh tử. Nếu tâm chán lìa sâu đối với sanh tử, thì nhanh chóng nhập Bát-niết-bàn. Nếu tâm hãi sợ sâu đối với Niết-bàn, thì chẳng năng chứng đắc cho đến viên mãn tư lương Niết-bàn. Nếu chư Bồ-tát trụ nhiều vui muốn đối với Niết-bàn, tức nhanh chóng nhập Bát-niết-bàn. Như vậy, chư Bồ-tát đây đối với việc chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề không có phương tiện lớn.

Nếu năng như thật rõ biết sanh tử, thì tâm không nhiễm lưu chuyển trong sanh tử. Nếu đối với tất cả sanh tử không dụng hành vô thường...

tâm chán lìa sâu, thì không nhanh chóng nhập Bát-niết-bàn. Nếu không hãi sợ sâu đối với Niết-bàn, thì năng viên mãn tư lương Niết-bàn. Tuy đối với Niết-bàn thấy có công đức thù thắng lợi ích vi diệu, nhưng không vui muốn mạnh mẽ mau chóng, thì Bồ-tát đây đối với chúng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề có phương tiện rộng lớn. Phương tiện rộng lớn đây nương thắng giải tánh không là thù thắng hơn cả. Cho nên Bồ-tát lúc tu tập đạo học nhiếp lấy thắng giải tánh không tối thắng, mới gọi là phương tiện rộng lớn năng chứng diệu trí Như Lai.

Lại chư Bồ-tát do năng thâm nhập *pháp vô ngã trí*, ở nơi tất cả pháp tự tánh lìa lời đã như thật biết, tự mình thông đạt không có chút pháp cùng chút phẩm loại nào có thể khá phân biệt. Chỉ nắm giữ như vậy, chỉ nắm giữ chân như nhưng không tác nghi “đây chỉ là sự, đây chỉ là chân như”, chỉ hành nơi nghĩa thù thắng. Bồ-tát hành thắng nghĩa như vậy, nên bình đẳng bình đẳng đối với tất cả pháp, dùng tuệ chân như như thật quán sát. Ở tất cả xứ, có cái thấy bình đẳng đầy đủ, có tâm bình đẳng đầy đủ, đặc xả thù thắng nhất. Vì

nương xả đây, lúc siêng năng tu tập minh xứ và tất cả thiện xảo, tuy gặp phải tất cả gian khổ khó nhọc mà không thối chuyển, khiến thân tâm mau chóng vượt qua mỗi mật. Ở nơi các thiện xảo được lực nhớ nghĩ, nhanh chóng thành tựu trọn vẹn, cũng không vì thiện xảo mà tự cao ngạo, cũng không hẹp hòi che giấu đối với người. Ở nơi các việc thiện xảo, tâm không khiếm nhược, năng kham nhẫn, sở hành vô ngại, đầy đủ áo giáp gia hạnh kiên cố.

Chư Bồ-tát đây ở trong sanh tử như như lưu chuyển gặp khổ nạn lớn, như vậy như vậy đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề càng thêm tăng trưởng. Như như đạt được sự tôn quý thù thắng, như vậy như vậy đối với các hữu tình, kiêu mạn càng giảm dần. Như như chứng được trí tuệ thù thắng, như vậy như vậy ở nơi những sự nạn vấn, tranh tụng, lời nói bàn luận tạp nhạp, chạy theo đàm luận hư huyền, hiện hành phạm giới cấm, thì luôn quán sát tăng gấp bội, tâm xả bỏ tận gốc. Như như công đức triển chuyển tăng trưởng, như vậy như vậy chuyển vận che giấu điều thiện của mình, không mong cầu người khác biết, cũng không mong

cầu lợi dưỡng cung kính.

Hết thấy sở hữu của Bồ-tát như vậy có nhiều chủng thù thắng lợi ích, đó là Bồ-đề phần. Nếu vì thuận theo Bồ-đề, tất cả đều phải nương trí kia. Cho nên tất cả Bồ-đề đã thành tựu, sẽ thành tựu, nay thành tựu, đều phải nương trí đây. Ngoài đây ra, trọn không có hoặc hơn hoặc thêm một trí nào khác.

Lại chư Bồ-tát thuận theo lý không hý luận như vậy, thành tựu nhiều chủng lợi ích thù thắng như vậy, vì tự thành thực Phật pháp, vì thành thực pháp Tam thừa cho người, mà tu hành chánh hạnh.

Bồ-tát lúc tu hành chánh hạnh như vậy, đối với thân mạng, tài của, tự thân xa lìa tham ái. Đối với chúng sanh muốn học hạnh xa lìa tham ái, Bồ-tát vì lợi ích chúng sanh, đều năng xả thân mạng, tiền của.

Lại năng phòng hộ, cực khéo phòng hộ, tu học thân ngữ luật nghi, tánh không vui với điều ác, tánh rất hiền thiện. Lại năng nhẫn chịu tất cả xâm não của người, cũng năng học hạnh kham nhẫn đối với kẻ làm ác. Tánh ít sân hận, không

xâm bức não hại người. Lại năng siêng tu tất cả minh xứ, khiến ngày càng thêm thiện xảo. Tất cả như vậy chỉ vì dứt trừ nghi hoặc cho chúng sanh, vì huệ thí chúng sanh các việc làm nhiều ích, vì tự nhiếp thọ nhân Nhất thiết trí.

Lại vì tịnh tu trị bốn thứ phạm trụ, vì năng du hí năm thần thông, vì năng thành lập việc lợi ích chúng sanh, vì muốn trừ khiến tất cả mỗi một phát khởi trong lúc siêng năng tu học các thiện xảo, nên năng an trụ nội tâm khiến tâm khéo định. Nơi việc an trụ tâm, thường siêng năng tu học.

Lại tánh thông tuệ, thành tựu chân trí. Vì thành tựu chân trí, nên thường siêng năng tu học. Vì tự mình ở đương lai Bát-niết-bàn, nên tu tập Đại thừa.

Lại chư Bồ-tát lúc tu hành chánh hạnh như vậy, đối với các hữu tình có đầy đủ công đức, thường hoan hỷ hiện tiền cúng dường cung kính. Đối với các hữu tình có nhiều lỗi lầm, thường vui hiện tiền phát khởi tâm bi tâm mẫn mạnh mẽ, tùy năng lực khiến họ đoạn trừ các lỗi lầm. Đối với các hữu tình đã có oán thù với mình, thường khởi tâm từ, không

siểm, không cưỡng, tùy theo năng lực làm chủng chủng việc lợi ích an vui cho họ, khiến kẻ oán kia ý vui muốn thực hành gia hạnh, chỗ có lỗi lầm cùng tâm oán hiềm tự nhiên dứt trừ. Đối với hữu tình đã mang ân, vì khéo biết ân, hiện tiền báo đáp hoặc bằng hoặc hơn. Tùy sức tùy khả năng, như pháp mà báo đáp, khiến người kia được như ý mãn nguyện. Tuy không có khả năng, nếu người kia cầu thỉnh, Bồ-tát vì nhớ ân xưa, chuyên tâm tinh cần không lười biếng, trợ giúp sự nghiệp cho người, trọn không bỏ qua cầu thỉnh của người. Nếu không đủ khả năng, phải khéo léo khiến họ biết được.

Hết thấy loại như vậy gọi là Bồ-tát thừa thuận theo lý không hý luận, nương cực chân trí mà tu hành chánh gia hạnh.

Nương đạo lý gì nhận biết các pháp tự tánh là lời? Đó là tự tướng của tất cả pháp giả lập, hoặc nói là sắc, hoặc nói là thọ, như trước nói rộng cho đến Niết-bàn. Nên biết tất cả chỉ là giả kiến lập, chẳng phải có tự tánh, cũng chẳng phải là kia mà riêng có tự tánh. Đây là sở hành của ngôn ngữ, cảnh giới của ngôn ngữ. Như vậy các pháp chẳng

phải có tự tánh. Như chỗ nói của ngôn ngữ, cũng chẳng phải tất cả đều vô sở hữu. Như vậy chẳng có, cũng chẳng phải tất cả đều vô sở hữu.

Có như thế nào? Tức là ở nơi thật không, xa lìa vọng chấp tăng thêm; ở nơi thật có, xa lìa vọng chấp tổn giảm. Như vậy, có tức là thắng nghĩa tự tánh các pháp, phải biết chỉ là sở hành cảnh giới của trí vô phân biệt.

Nếu ở nơi các pháp, các sự, tùy khởi ngôn thuyết, thì tức ở nơi pháp kia, sự kia có tự tánh ấy. Như thế một pháp, một sự lẽ ra phải có nhiều tự tánh. Vì cơ sao? Vì ở nơi một pháp, một sự, đặt ra nhiều giả thuyết để chứng minh hiển thị. Nhưng cũng chẳng phải có nhiều giả thuyết để chứng minh hiển thị quyết định khả đắc. Đó là tùy một giả thuyết ở nơi pháp kia, sự kia có thể, có phần, có tự tánh, chẳng phải những giả thuyết khác. Cho nên tất cả giả thuyết, hoặc đầy đủ, hoặc không đầy đủ, ở nơi tất cả pháp, tất cả sự, đều không hẳn có thể, có phần, có tự tánh ấy.

Lại như trước nói các pháp sắc... nếu theo giả thuyết mà có tự tánh ấy, thì cần yếu trước hết phải có sự, về sau tùy muốn mà đặt ra giả thuyết. Vậy

trước lúc chưa đặt giả thuyết kia, thì pháp kia, sự kia lẽ không có tự tánh? Nếu không có tự tánh, không sự mà đặt ra giả thuyết để chứng minh hiển thị, điều này không hợp đạo lý. Giả thuyết chứng minh hiển thị đã không chỗ có, thì pháp kia, sự kia theo giả thuyết mà có tự tánh, thì không hợp đạo lý.

Lại nếu các sắc trước kia lúc chưa đặt ra giả thuyết để chứng minh hiển thị, trước có tánh sắc, về sau nương tánh sắc đặt ra giả thuyết để nhiếp lấy sắc ấy, vậy thì là giả thuyết chứng minh hiển thị “sắc”, ở nơi tướng pháp sắc, ở nơi tướng sự sắc, lẽ phải khởi hiểu biết về sắc, mà thật ra không khởi. Do nhân duyên đây, cũng do đạo lý đây, nên biết các pháp tự tánh là lời.

Như đã nói về sắc như vậy, thì thọ... như trước đã nói, cho đến Niết-bàn phải biết cũng vậy.

Có hai hạng người ở nơi pháp Tỳ-nại-da mà Phật thuyết đều làm hư hoại: 1. Kẻ ở nơi pháp sắc... ở nơi sự sắc... cho là có giả thuyết tự tánh, tự tướng; ở nơi sự *thật không* mà khởi chấp tăng thêm; 2. Kẻ ở nơi tướng giả thuyết, ở nơi nương vào tướng giả thuyết, tự tánh là lời, thắng nghĩa pháp tánh, cho

là tất cả chúng đều không chỗ có, ở nơi sự *thật có* mà khởi chấp tổn giảm.

Lỗi lầm của kẻ ở nơi thật không sự mà khởi chấp tăng thêm, hư vọng giả lập pháp. Đây đã khai thị hiển rõ đầy đủ ở phần trước. Vì ở trong pháp sắc... thật không sự, mà có lỗi lầm khởi chấp tăng thêm, nên ở nơi pháp Tỳ-nại-da mà Phật thuyết gây hủy hoại rất lớn.

Lỗi lầm của kẻ ở nơi các pháp sắc... thật có chỉ sự mà khởi chấp tổn giảm, hoại các pháp. Do quá thất đây, ở nơi pháp Tỳ-nại-da mà Phật thuyết cũng gây hủy hoại rất lớn. Ta nay sẽ thuyết: “Đó là nếu ở nơi các pháp sắc... kia, thật có chỉ là sự mà khởi chấp tổn giảm, tức không chân thật, cũng không hư giả”.

Hai hạng người như vậy đều không như lý. Thí như có các uẩn sắc... mới có giả lập bổ-đặc-già-la, chẳng thể không có thật sự mà có bổ-đặc-già-la giả lập. Như vậy nói chung cần có các pháp sắc... thật có chỉ là sự, mới khá có được chỗ chứng minh hiển thị giả thuyết các pháp sắc... Chẳng phải “không chỉ sự” mà có chỗ chứng minh hiển thị giả thuyết sắc... Nếu chỉ có giả, không có thật sự, tức không có

chỗ nương. Đã không chỗ nương, giả lập cũng không có. Do đây gọi là kẻ hoại các pháp.

Như có một hạng người khi nghe thuyết kinh điển tương ưng Đại thừa, tương ưng tánh Không, khó hiểu nghĩa thú mật ý thâm sâu chưa hiểu rõ. Kẻ kia không thể như thật hiểu nghĩa đã thuyết, khởi hư vọng phân biệt không như lý. Do không khéo dùng phương tiện để dẫn dắt tâm tư, nên khởi kiến, khởi lập luận như vậy: “Tất cả chỉ là giả, điều này mới là chân thật. Nếu khởi quán đây tức là chánh quán”. Kẻ kia ở nơi chỗ nương hư giả, thật có chỉ sự, bác bỏ cho là chẳng phải có. Vậy tức “tất cả hư giả đều không, làm sao có được tất cả chỉ là giả. Điều này mới là chân thật”. Do đạo lý đây, kia ở nơi hai chủng là chân thật cùng với hư giả đều chệch cho là không chỗ có. Do hủy báng chân thật và hư giả, nên biết gọi là kẻ chấp không tột cùng.

Kẻ chấp không như vậy, tất cả bậc có trí đồng phạm hạnh không nên cùng bàn luận, cùng cư trú. Như vậy kẻ chấp không năng tự hủy hoại mình, cũng hủy hoại thế gian theo kiến chấp của y. Thế Tôn nương kia mật ý thuyết rằng: “Như hạng người khởi ngã kiến, còn hơn hạng chấp không thô ác”.

Vì cố sao? Kẻ khởi ngã kiến chỉ bị mê hoặc ở nơi cảnh giới sở tri, không bài bác tất cả cảnh giới sở tri, không do nhân đây đọa vào đường ác. Đối với người cầu pháp, cầu giải thoát khổ, không đối gạt, cũng không làm trở ngại. Nơi pháp, nơi để cũng năng kiến lập. Nơi các học xứ, không sanh khởi chậm chạp.

Kẻ ác chấp không cũng ngu mê ở nơi cảnh giới sở tri, cũng bài bác tất cả cảnh giới sở tri. Do nhân duyên đây nên đọa vào đường ác. Đối với người cầu pháp, cầu giải thoát khổ, năng đối gạt cũng năng làm trở ngại. Nơi pháp, nơi để không thể kiến lập, đối với các học xứ sanh cực trì trệ. Kẻ tổn giảm sự thật có như vậy, ở nơi Tỳ-nại-da mà Phật thuyết làm hủy hoại rất lớn.

Kẻ ác chấp không như thế nào? Có Sa-môn hoặc Bà-la-môn, do kia nên không, cũng không tin thọ; ở đây mà không, cũng không tin thọ. Như vậy gọi là kẻ ác chấp không. Vì cố sao? Do kia nên không, kia thật là không; ở đây mà không, đây thật là có. Do đạo lý đây khá nói là không. Nếu nói tất cả đều không chỗ có, thì chỗ nào, cái gì, có gì gọi là không? Cũng không nên nói do đây, ở đây

tức nói là không. Cho nên gọi là kẻ ác chấp không.

Người khéo nắm giữ Không như thế nào? Do ở đây kia đều không chỗ có, tức do kia nên chánh quán là không. Lại do ngoài đây ra thật là có, tức do phần còn lại nên như thật biết có. Như vậy gọi là ngộ nhập tánh Không như thật không điên đảo. Đó là như trước đã nói tất cả tướng sự sắc... chỗ nói tánh pháp giả thuyết sắc... đều không chỗ có. Cho nên ở nơi tướng sự sắc... đây, do tánh pháp giả thuyết sắc... kia, nên nói là không. Ở tất cả tướng sự sắc... cái gì là phần còn lại? Tức là sở y của giả thuyết sắc...

Hai chủng như sau đều như thật biết, đó là: ở trong đây thật có chỉ là sự. Ở trong chỉ sự đây cũng có chỉ là giả. Không ở nơi thật không khởi chấp tăng thêm, không ở nơi thật có khởi chấp tổn giảm. Không thêm, không bớt, không lấy, không bỏ. Như thật rõ biết chân như như thật, tự tánh lìa lời. Như vậy gọi là người khéo nắm giữ Không.

Ở nơi pháp tánh Không, năng dùng chánh huệ diệu khéo thông đạt. Như vậy thuận theo chứng thành đạo lý, rõ biết các pháp tự tánh lìa lời. Lại do chí giáo lượng nên biết các pháp tự tánh lìa lời.

Như trong *Kinh Chuyển Hữu*, Đức Phật Thế Tôn vì hiển nghĩa đây mà thuyết kệ rằng:

*Dùng các danh này kia
Hiển các pháp này kia
Trong đó không có kia
Là pháp tánh các pháp.*

Kệ tụng đây hiển nghĩa kia thế nào? Đó là ở nơi tướng pháp sắc... kiến lập danh pháp sắc... Tức lấy danh pháp sắc... như vậy mà chứng minh hiển thị tùy nói tướng pháp sắc... hoặc nói là sắc, hoặc nói là thọ, hoặc nói là tưởng, nói rộng cho đến nói là Niết-bàn. Ở trong tất cả tướng pháp sắc... đây, tự tánh sắc... đều vô sở hữu, cũng không có tánh pháp sắc... nào khác. Nhưng ở trong tướng pháp sắc... tánh lìa nghĩa lời chân thật là có, nên biết tức là thắng nghĩa tự tánh, cũng là pháp tánh.

Lại Đức Phật Thế Tôn ở trong phẩm *Nghĩa* nói:

*Các thế tục thế gian
Mâu-Ni đều không đắm
Không đắm ai năng thủ
Thấy nghe mà không thích.*

Kệ dây hiền nghĩa kia thế nào? Đó là tướng sự sắc... ở thế gian, ở nơi sở hữu sắc... có chủng chủng giả thuyết, gọi là các thế tục. Như kia giả thuyết, thì ở nơi tướng dây, sự dây có tự tánh. Thế tục như vậy Đức Mâu-Ni không nương bám. Tại sao? Vì có cái thấy không tăng thêm, cũng không tổn giảm, vì hiện tiền không có cái thấy điên đảo. Do đạo lý dây được gọi là không đắm trước. Không đắm trước như vậy, thì ai năng thủ? Vì không kiến chấp nên ở nơi sự tăng thêm hay tổn giảm đều không chấp thủ. Ở nơi cảnh sở tri năng chánh quán sát, nên được gọi là cái thấy. Lắng nghe ngôn thuyết về cảnh giới sở tri, nên gọi là nghe. Nương thấy nghe dây mà không sanh tham ái, cũng không tăng trưởng, chỉ ở nơi duyên kia rốt ráo đoạn diệt, an trụ xả bậc thượng, nên gọi là không thích.

Lại nữa, Thế Tôn vì Bí-sô Tán-Tha-Ca-Đa-Điển-Na mà dạy bảo như vậy: “Bí-sô Tán-Tha! Không nương Địa mà tu tịnh lự; không nương Thủy, không nương Hỏa, không nương Phong, không nương Không xứ, không nương Thức xứ, không nương Vô sở hữu xứ, không nương Phi tướng phi phi tướng xứ; không nương đời này, đời khác; không nương

chu kỳ ánh sáng của mặt trời, mặt trăng; không nương thấy, nghe, hay, biết; không nương sở cầu, sở đắc; không nương ý thuận theo tâm tứ, không nương tất cả mà tu tĩnh lự.

Bí-sô làm sao tu tập tĩnh lự, chẳng nương Địa mà tu tĩnh lự, nói rộng cho đến chẳng nương tất cả mà tu tĩnh lự?

Bí-sô Tán-Tha! Hoặc có khi ở nơi Địa khiến trừ tướng Địa, hoặc có khi ở nơi Thủy khiến trừ tướng Thủy, nói rộng cho đến hoặc ở nơi tất cả khiến trừ tất cả tướng. Bí-sô tu tập tĩnh lự như vậy, chẳng nương Địa mà tu tĩnh lự, nói rộng cho đến chẳng nương tất cả mà tu tĩnh lự.

Bí-sô tu tập tĩnh lự như vậy, khiến Nhân-đà-la, khiến Y-xá-na, khiến vua chúa thế gian cùng chúng chư thiên từ xa tác lễ, khen ngợi tán thán:

*Kính lễ bậc Kiết Tường
Kính lễ bậc Trung Tôn
Tôi nay không biết Ngài
Nương đâu tu tĩnh lự”.*

Kệ đây hiển nghĩa kia như thế nào? Đó là ở nơi tướng sự địa... các danh địa... thi thiết giả lập

gọi là tướng địa... Tức các tướng này, ở nơi sở hữu tướng sự sắc... kia, hoặc khởi tăng thêm, hoặc khởi tổn giảm. Nếu ở nơi sự kia, phát khởi năng tăng thêm, tức là chấp có tự tánh thể, gọi là tướng tăng thêm; phát khởi năng tổn giảm, tức là chấp thặng nghĩa chỉ sự, gọi là tướng tổn giảm. Vị kia ở nơi tướng đây, năng chánh trừ khiển, năng đoạn năng xả, nên gọi là trừ khiển.

Hết thủy loại thánh ngôn như vậy gọi là chí giáo. Do chí giáo tối thắng của chư Như Lai đây, nên biết các pháp tự tánh là lời.

Hỏi: Nếu như vậy, do nhân duyên gì ở tất cả pháp tự tánh là lời mà khởi ngôn thuyết?

Đáp: Nếu không khởi ngôn thuyết, thì không thể vì người thuyết: “Tất cả pháp tự tánh là lời”. Người khác cũng không thể được nghe nghĩa như vậy. Nếu không được nghe, thì chẳng thể biết tất cả pháp đây tự tánh là lời. Vì muốn khiến người nghe biết các pháp tự tánh là lời, cho nên ở tự tánh là lời đây mà khởi ngôn thuyết.

Lại các kẻ ngu si ở nơi chân như được hiển bày như vậy, không thể rõ biết. Do nhân duyên đây, nên tám chủng phân biệt chuyển, năng phát

sinh ba sự, năng sinh khởi tất cả hữu tình thế gian và khí thế gian.

Sao gọi là *tám chủng phân biệt*? 1. Phân biệt tự tánh; 2. Phân biệt sai biệt; 3. Phân biệt tổng chấp; 4. Phân biệt ngã; 5. Phân biệt ngã sở; 6. Phân biệt ái; 7. Phân biệt phi ái; 8. Phân biệt trái với cả hai là ái và phi ái.

Vì sao tám chủng phân biệt như vậy năng phát sanh ba sự? Ba chủng phân biệt hoặc phân biệt tự tánh, hoặc phân biệt sai biệt, hoặc phân biệt tổng chấp, năng phát sanh sự sở y, sở duyên của phân biệt hý luận. Đó là vì hết thấy tướng sự sắc... làm y, làm duyên, gọi là phân biệt hý luận nhiếp thuộc ngôn thuyết tướng, được hiển bởi ngôn thuyết tướng. Tức ở nơi sự việc này phân biệt, so sánh, tính toán, chẳng phải một mà nhiều phẩm loại sai biệt.

Hoặc phân biệt ngã, hoặc phân biệt ngã sở, hai chủng phân biệt đây năng phát sanh tất cả kiến căn bản khác và thân kiến căn bản của mạn và năng phát sanh sở hữu ngã mạn căn bản của tất cả mạn khác.

Hoặc phân biệt ái, hoặc phân biệt phi ái, hoặc

phân biệt trái với cả ái và phi ái, tùy chỗ thích hợp năng sanh tham dục, sân khuể, ngu si.

Đây gọi là tám chủng phân biệt năng phát sanh ba sự: 1. Sự sở y, sở duyên của phân biệt hý luận; 2. Sự kiến chấp ngã mạn; 3. Sự tham, sân, si. Phải biết trong đây, sự sở y, sở duyên của phân biệt hý luận làm chỗ nương sanh khởi thân kiến cùng với ngã mạn. Thân kiến và ngã mạn làm chỗ nương, sanh khởi tham, sân, si. Do ba sự đây năng hiển hiện khắp tất cả phẩm pháp lưu chuyển ở thế gian.

Sao gọi là phân biệt tự tánh? Là sở hữu tâm tư ở nơi tướng sự sắc... phân biệt chủng chủng tự tánh sắc... Như vậy gọi là phân biệt tự tánh.

Sao gọi là phân biệt sai biệt? Tức là ở nơi sự tướng sự sắc... kia, nói đây có sắc, đây không sắc; nói đây có thể thấy, đây không thể thấy; nói đây có đối ngại, đây không đối ngại; nói đây hữu lậu, đây vô lậu; nói đây hữu vi, đây vô vi; nói đây là thiện, đây là bất thiện, đây là vô ký; nói đây là quá khứ, vị lai, hiện tại. Do vô lượng phẩm loại đạo lý sai biệt như vậy, tức ở nơi chỗ nương là phân biệt tự tánh, mà phân biệt chủng chủng nghĩa sai

biệt của kia. Như vậy gọi là phân biệt sai biệt.

Sao gọi là phân biệt tổng chấp? Tức là ở nơi tướng sự sắc... kia mà giả tướng thì thiết ngã và hữu tình, mạng, sanh... nương đây phân biệt phát khởi. Ở nơi gộp chung nhiều pháp, chấp chung làm nhân, phân biệt mà chuyển. Như ở nơi thi thiết giả tướng nhà, quân, rừng, uống, ăn, y, xe... nương đây phân biệt phát khởi. Như vậy gọi là phân biệt tổng chấp.

Sao gọi là phân biệt ngã, ngã sở? Là chỗ chứa nhóm hoặc các sự việc có lậu, có chấp thủ, tập quen lâu dài chấp làm ngã, ngã sở. Do tập quen tà chấp kia, nên phân biệt hư vọng do kiến xứ của mình làm duyên sanh khởi. Như vậy gọi là phân biệt ngã, ngã sở.

Sao gọi là phân biệt ái? Là sự phân biệt sanh khởi do duyên vào cảnh sự tịnh diệu, thích ý. Như vậy gọi là phân biệt ái.

Sao gọi là phân biệt phi ái? Là sự phân biệt sanh khởi do duyên vào cảnh sự không tịnh diệu, không thích ý. Như vậy gọi là phân biệt phi ái.

Sao gọi là phân biệt trái với cả hai? Là phân biệt sanh khởi do duyên vào sự việc cùng lìa cả hai tịnh diệu, không tịnh diệu; thích ý, không thích ý.

Những điều nói trên tóm lược có hai chủng: 1. Tự tánh của phân biệt; 2. Sự sở y, sở duyên của phân biệt. Hai chủng như vậy từ vô thủy đến nay triển chuyển xoay vần làm nhân, đó là ở đời quá khứ phân biệt làm nhân, năng sanh sự sở y, sở duyên của phân biệt trong hiện tại; hiện tại sự sở y, sở duyên của phân biệt đã được sanh rồi, lại năng làm nhân sanh phân biệt ở đời hiện tại do y, duyên kia phát khởi; ở nơi sự phân biệt trong hiện tại, vì không rõ biết, lại sanh sự sở y, sở duyên ở đời đương lai. Vì kia sẽ sanh, nên nhất định sẽ sanh phân biệt do y, duyên kia phát khởi.

Sao gọi là *phân biệt rõ biết*? Do bốn chủng tâm tư, bốn chủng như thật trí.

– Sao gọi là bốn chủng tâm tư? 1. Tâm tư danh; 2. Tâm tư sự; 3. Tâm tư giả lập tự tánh; 4. Tâm tư giả lập sai biệt.

Sao gọi là tâm tư danh? Chư Bồ-tát ở nơi danh, duy chỉ thấy danh, gọi là tâm tư danh.

Sao gọi là tâm tư sự? Chư Bồ-tát ở nơi sự, duy chỉ thấy sự, gọi là tâm tư sự.

Sao gọi là tâm tư giả lập tự tánh? Chư Bồ-tát ở nơi giả lập tự tánh, chỉ thấy giả lập tự tánh, gọi

là tầm tư giả lập tự tánh.

Sao gọi là tầm tư giả lập sai biệt? Chư Bồ-tát ở nơi giả lập sai biệt, chỉ thấy giả lập sai biệt, gọi là tầm tư giả lập sai biệt.

Chư Bồ-tát đây ở nơi danh kia, sự kia, hoặc là tướng mà quán, hoặc hợp tướng mà quán. Vì nương theo danh, sự, hợp tướng mà quán, nên thông đạt hai chủng là giả lập tự tánh, giả lập sai biệt.

– Sao gọi là bốn như thật trí? 1. Tầm tư danh dẫn phát như thật trí; 2. Tầm tư sự dẫn phát như thật trí; 3. Tầm tư giả lập tự tánh dẫn phát như thật trí; 4. Tầm tư giả lập sai biệt dẫn phát như thật trí.

Sao gọi là tầm tư danh dẫn phát như thật trí? Chư Bồ-tát ở nơi tầm tư danh chỉ thấy có danh, tức là ở nơi danh đây như thật rõ biết. Đó là danh như vậy, ở nơi sự giả lập là nghĩa như vậy, khiến thế gian khởi tướng, khởi kiến, khởi ngôn thuyết. Nếu ở nơi tướng sự sắc... không giả kiến lập danh sắc... thì không thể ở nơi tướng sự sắc... mà khởi tướng sắc... Nếu không có tướng, thì không năng khởi chấp tăng thêm. Nếu không có chấp, thì không có ngôn thuyết. Nếu như thật rõ biết như vậy gọi là

tâm tư danh dẫn phát như thật trí.

Sao gọi là tâm tư sự dẫn phát như thật trí? Chư Bồ-tát ở nơi tâm tư sự thấy chỉ có sự. Quán thấy tất cả tướng sự sắc... tánh lìa ngôn thuyết, không thể nói năng. Nếu năng như thật rõ biết như vậy, gọi là tâm tư sự dẫn phát như thật trí.

Sao gọi là tâm tư giả lập tự tánh dẫn phát như thật trí? Chư Bồ-tát ở nơi tâm tư giả lập tự tánh, thấy chỉ có giả lập tự tánh. Như thật thông đạt, biết rõ trong tướng sự sắc... sở hữu tự tánh giả lập, chẳng phải tự tánh của sự kia mà giống như tự tánh của sự kia hiển hiện. Lại năng rõ biết tự tánh sự kia giống như biến hóa, như ảnh tượng, tiếng vang, như bóng trăng trong nước, như khói lửa mộng huyễn, chỉ hiển hiện tương tự mà chẳng phải hình thể của kia. Nếu năng như thật rõ biết cảnh giới sở hành của nghĩa tối thậm thâm như vậy, đây gọi là tâm tư giả lập tự tánh dẫn phát như thật trí.

Sao gọi là tâm tư giả lập sai biệt dẫn phát như thật trí? Chư Bồ-tát ở nơi tâm tư giả lập sai biệt, thấy chỉ có giả lập sai biệt. Như thật thông đạt, rõ biết trong tướng sự sắc... giả lập sai biệt, nghĩa không hai, đó là các sự kia chẳng phải có tánh,

chẳng phải không tánh. Tánh mà có thể nói bàn, vì không thành thật, nên chẳng phải có tánh. Tánh lìa nói năng, vì chân thật lập thành, nên chẳng phải không tánh. Như vậy do thắng nghĩa đế, nên chẳng phải có sắc, vì ở trong không có các sắc pháp. Do thế tục đế, nên chẳng phải không sắc, vì ở trong có các sắc pháp. Như có tánh, không tánh; có sắc, không sắc; thì có thể thấy, không thể thấy; hết thấy môn giả lập sai biệt do đạo lý đây đều nên rõ biết. Nếu năng như thật rõ biết giả lập sai biệt như vậy nghĩa không hai, đây gọi là tâm tư giả lập sai biệt dẫn phát như thật trí.

Kẻ ngu ở nơi bốn như thật trí đây, vì có sự khiếm khuyết, vì không hiện tiền, nên có tám chủng tà phân biệt chuyển, năng phát sanh ba sự, năng sanh khởi tất cả hữu tình thế gian và khí thế gian. Do tà phân biệt như vậy, nên khởi các tạp nhiễm. Vì khởi tạp nhiễm, nên lưu chuyển trong sanh tử. Vì trường thời lưu chuyển trong sanh tử, nên thường hằng có vô lượng chủng chủng khổ sanh, lão, bệnh, tử... đuổi theo sanh tử lưu chuyển không dừng.

Bồ tát nương bốn như thật trí đây, năng chánh

rõ biết tám chủng phân biệt. Ở trong hiện pháp chánh rõ biết, nên sự sở y, sở duyên nhiếp thuộc hý luận đời vị lai không sanh khởi trở lại. Vì không sanh khởi, nên từ y, duyên kia phát khởi phân biệt đời vị lai cũng không sanh trở lại.

Như vậy, vì phân biệt và sự y, duyên kia, cả hai đều diệt, nên biết tất cả hý luận đều diệt. Hý luận đều diệt như vậy, nên Bồ-tát năng chứng Đại thừa Đại Bát-niết-bàn. Ở trong hiện pháp, vì thắng nghĩa chân thật, sở hành trí cực thanh tịnh, nên năng gặt hái tự tại rộng khắp. Do đây chư Bồ-tát ở nơi chủng chủng hóa hiện, năng hóa hiện thân thông tự tại; ở nơi chủng chủng biến hiện, năng biến hiện thân thông tự tại; khắp ở nơi tất cả cảnh trí sở tri đều được tự tại. Nếu muốn trụ lâu nơi đời, tùy thích năng trụ tự tại. Nếu muốn bỏ thân, không đợi duyên hại, năng bỏ thân tự tại. Do chư Bồ-tát thành tựu vô lượng tự tại như vậy, nên ở trong chúng hữu tình là thù thắng hơn cả, không gì vượt trên.

Chư Bồ-tát rộng khắp tất cả đều được tự tại như vậy, nên thu được 5 chủng thù thắng lợi ích tối thượng: 1. Đạt được tâm cực tịch tĩnh, đây do

an trụ tịch tĩnh, không phải do phiền não được tịch tĩnh; 2. Năng ở nơi tất cả minh xứ không bị chướng ngại, trí kiến vi diệu thanh tịnh sáng sạch triển chuyển; 3. Vì lợi ích hữu tình, nên lưu chuyển sanh tử không nhầm mỗi; 4. Khéo nhập tất cả nghĩa ngôn mật ý của Như Lai; 5. Thắng giải Đại thừa đã được, không thể bị hoại mất, không bị duyên khác dẫn đoạt.

Năm chủng thù thắng lợi ích như vậy, có năm chủng nghiệp:

1. Bồ-tát thành tựu hiện pháp lạc trú tối thắng, năng diệt vô số mỗi một của thân tâm sanh khởi, do tinh cần gia hạnh đi đến Bồ-đề. Đây gọi là nghiệp thù thắng lợi ích của tâm cực tịch tĩnh.

2. Bồ-tát khắp năng thành thực tất cả Phật pháp. Đây gọi là nghiệp thù thắng lợi ích của trí kiến vi diệu thanh tịnh sáng sạch, không chướng ngại ở các minh xứ.

3. Bồ-tát khắp năng thành thực tất cả hữu tình. Đây gọi là nghiệp thù thắng lợi ích của sự lưu chuyển sanh tử không nhầm mỗi.

4. Bồ-tát năng giáo hóa tất cả hữu tình, tùy theo sự sanh khởi nghi hoặc của họ, năng chánh

khiển trừ. Hộ trì khiến chánh pháp nhãn vi diệu của Như Lai cửu trụ. Khi Thánh giáo của Như Lai bị ẩn mất, vào thời tương tợ chánh pháp, Bồ-tát năng biết, năng hiển, năng chánh trừ diệt. Đây gọi là nghiệp thù thắng lợi ích của việc khéo nhập nghĩa ngôn mật ý của Như Lai.

5. Bồ tát năng bẻ gãy tất cả dị luận của ngoại đạo, tinh tấn bền vững, chánh nguyện không lay động. Đây gọi là nghiệp thù thắng lợi ích của thắng giải Đại thừa không thể bị hoại mất, không bị duyên khác dẫn đoạt. Như vậy tất cả sở hữu việc làm của Bồ-tát đều nhiếp thuộc năm nghiệp thù thắng lợi ích như vậy.

Sao gọi là *tất cả việc làm của Bồ-tát*? Đó là tự mình an lạc mà không tạp nhiễm, khắp năng thành thực tất cả Phật pháp, khắp năng thành thực tất cả hữu tình, hộ trì chánh pháp Như Lai vô thượng, hàng phục các luận khác, tinh tấn dũng mãnh chánh nguyện không lay động.

Tóm lại, phải biết bốn chân thật nghĩa như vậy, nghĩa thứ nhất và nghĩa thứ hai nhỏ bé, nghĩa thứ ba bậc trung, còn nghĩa thứ tư thù thắng hơn cả.

Quyển 37

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phần đầu TRÌ DU GIÀ XỬ

Phẩm 5. UY LỰC

Sao gọi là *uy lực của chư Phật, Bồ-tát*? Lực có ba loại: 1. Uy lực Thánh; 2. Uy lực pháp; 3. Uy lực câu sanh.

Uy lực Thánh: chư Phật, Bồ-tát được định tự tại, vì khéo tu tâm, vì tâm điều nhu, nương định tự tại đây tùy theo sở thích thành tựu mọi việc. Đây gọi là uy lực Thánh.

Uy lực pháp: là các pháp thù thắng có quả rộng lớn, có lợi ích thù thắng lớn. Trong đây, Pháp chính là sáu chủng Ba-la-mật-đa, từ Bồ thí Ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Các pháp như vậy có uy lực lớn. Đây gọi là uy lực pháp.

Uy lực câu sanh: chư Phật, Bồ-tát trước đã chứa nhóm tư lương phước đức rộng lớn, chứng đắc pháp câu sanh hy hữu kỳ lạ. Đây gọi là uy lực câu sanh.

Chư Phật, Bồ-tát có uy lực như vậy, phẩm loại sai biệt lại có năm loại: **1.** Uy lực thần thông; **2.** Uy lực pháp; **3.** Uy lực câu sanh; **4.** Uy lực cùng chung với Thanh văn, Độc giác; **5.** Uy lực không cùng chung với Thanh văn, Độc giác.

1. Uy lực thần thông của chư Phật, Bồ-tát: Có sáu thần thông: **a.** Tác chứng Thần cảnh trí thông; **b.** Tác chứng Tùy niệm tức trụ trí thông; **c.** Tác chứng Thiên nhĩ trí thông; **d.** Tác chứng Kiến sanh tử trí thông; **e.** Tác chứng Biết tâm sai biệt trí thông; **f.** Tác chứng Lậu tận trí thông. Đây gọi là uy lực thần thông.

a. Sao gọi là Thần cảnh trí thông của chư Phật, Bồ-tát? Lược có hai loại: 1. Thần thông năng biến hiện; 2. Thần thông năng hóa hiện. Hai thần thông như vậy có nhiều phẩm loại sai biệt.

– *Sao gọi là phẩm loại sai biệt của năng biến hiện Thần cảnh trí thông?* Là 18 loại biến hiện: 1. Chấn động; 2. Đốt cháy; 3. Lưu bố; 4. Thị hiện; 5. Chuyển biến; 6. Đến đi; 7. Thâu lại; 8. Mở ra; 9. Nhiều hình tượng nhập vào thân; 10. Nhập vào đồng loại; 11. Hiện; 12. Ẩn; 13. Việc làm tự tại; 14.

Chế ngự thần thông khác; 15. Năng thí biện tài; 16. Năng thí nhớ nghĩ; 17. Năng thí an vui; 18. Phóng đại quang minh. Hết thấy loại như thế đều gọi là năng biến hiện Thần cảnh trí thông.

Chấn động: Chư Phật, Bồ-tát vì tâm điều nhu, vì khéo tu tâm, đắc định tự tại. Nương định tự tại, năng khiến tất cả đều bị chấn động như nhà cửa, chùa chiền, thôn xóm, tụ lạc, thành đô, đất nước, thế giới địa ngục, thế giới bàng sanh, thế giới tổ phụ, thế giới người, thế giới trời, bốn đại châu, một ngàn thế giới, hai ngàn thế giới, một tam thiên đại thiên thế giới, trăm tam thiên đại thiên thế giới, ngàn tam thiên đại thiên thế giới, trăm ngàn tam thiên đại thiên thế giới, cho đến vô lượng vô số tam thiên đại thiên thế giới... Đây gọi là chấn động.

Đốt cháy: Chư Phật, Bồ-tát nương định tự tại, từ trên thân phát lửa hùng hực, dưới thân phun nước; từ dưới thân phát lửa, trên thân phun nước. Nhập định hỏa giới, khi cử động thân, khắp thân phần phát ra vô lượng ngọn lửa xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, đỏ tía, màu của bảo phả-chi-ca. Đây gọi là đốt cháy.

Lưu bố: chư Phật, Bồ-tát nương định tự tại, chiếu rọi quang minh trùm khắp tất cả nhà cửa, chùa chiền, đền đài, cho đến vô lượng vô số thế giới, không chỗ nào không trùm khắp, như phần *Chấn động* đã nói trước. Đây gọi là lưu bố.

Thị hiện: chư Phật, Bồ-tát nương định tự tại, như ý thích hiện thân đến trong tất cả chúng hội Sa-môn, Bà-la-môn, Thanh văn, Bồ-tát, Trời, Rồng, Dược-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Yết-lộ-trà, Khẩn-na-la, Ma-hô-lạc-già, Người, Phi nhân... khiến tất cả đều thấy các cõi ác ở dưới, cho đến các cõi trời người ở trên. Lại khiến tất cả đều thấy các quốc độ Phật khác và chư Phật, Bồ-tát ở trong nước ấy, cho đến vượt qua hàng hà sa số các quốc độ Phật... và cũng khiến thấy đều hiện thấy chủng chủng âm thanh của cõi Phật đó và danh hiệu như thế như thế. Cũng vì chúng tuyên thuyết danh hiệu của cõi Phật và danh hiệu của Như Lai ở cõi Phật đó. Từ quốc độ chư Phật và chư Như Lai ở kia cho đến đây, hoặc lại vượt quá kia, tùy theo ý thích, tùy theo ý muốn, đều khiến hiện thấy, cũng vì tuyên thuyết. Đây gọi là thị hiện.

Chuyển biến: Chư Phật, Bồ-tát nương định tự

tại, hoặc ở nơi đất khởi chuyển thành nước, tức đất kia biến thành nước như thật không khác; chuyển thành lửa, gió cũng lại như vậy. Hoặc ở nơi nước khởi chuyển thành đất, tức nước kia biến thành đất như thật không khác; chuyển thành lửa, gió cũng lại như vậy. Hoặc ở nơi lửa khởi chuyển thành đất, tức lửa kia biến thành đất như thật không khác; chuyển thành nước, gió cũng vậy. Hoặc ở nơi gió khởi chuyển thành đất, tức gió liền thành đất như thật không khác; chuyển thành nước, lửa cũng vậy. Hoặc ở nơi tất cả khởi chuyển thành cái khác, tức tùy theo đó mà biến đổi như thật không khác. Như các đại chủng xoay vần chuyển biến, thì sắc, hương, vị, xúc phải biết cũng vậy. Hoặc từ cỏ lá, phần trâu, bùn đất... khởi chuyển thành thức uống ăn, xe cộ, y phục, trang sức, vật dụng, hương xoa, hoa cài... tức theo chuyển khởi đó mà biến chuyển như thật không khác. Hoặc từ hết thấy vật như cát, ngói, đá khởi chuyển thành ma-ni, trân châu, lưu ly, loa bối, ngọc bích, hổ phách, tức liền biến đổi như thật không khác. Hoặc ở nơi các núi, núi tuyết... khởi chuyển thành vàng, tức liền biến đổi như thật không khác. Hoặc ở nơi tất cả khởi

chuyển thành vật khác, tức tùy theo đó mà biến đổi như thật không khác. Hoặc ở nơi hữu tình có sắc đẹp khởi chuyển thành sắc xấu; hoặc từ hữu tình sắc xấu khởi chuyển thành sắc đẹp; hoặc hữu tình không xấu không đẹp khởi chuyển thành sắc xấu, sắc đẹp; hoặc ở nơi hữu tình xấu, đẹp khởi chuyển thành không xấu không đẹp, tức tùy theo đó mà biến đổi như thật không khác. Như sắc đẹp, sắc xấu, thì chi phần đầy đủ, chi phần không đầy đủ; béo mập, gầy ốm phải biết cũng vậy.

Như vậy, ở nơi sở hữu tự tướng của những vật khác nhau, khởi chuyển thành sắc vật khác, đều tùy theo đó biến đổi tất cả như thật không khác. Đây gọi là chuyển biến.

Đến đi: Chư Phật, Bồ-tát nương định tự tại, tùy theo sở thích, ở nơi các núi, vách đá, tường, dùng thân đi qua không bị ngăn ngại. Nói rộng cho đến đi đến cõi trời Phạm thế, cho đến cõi trời Sắc cứu cánh, trở về không ngăn ngại. Hoặc lại nương nơi vô lượng vô số tam thiên đại thiên thế giới, hoặc đến hoặc đi đều không ngăn ngại. Hoặc vận chuyển thân tứ đại thô nặng. Hoặc ở nơi xứ xa khởi chuyển thành xứ gần. Hoặc như ý mà đến đi

nhANH chóng. Đây gọi là đến đi.

Thâu lại, mở ra: Chư Phật, Bồ-tát nương định tự tại, năng thu nhỏ núi chúa Tuyết sơn thành một cực vi, ngược lại có thể phóng đại một cực vi thành núi Tuyết sơn... Đây gọi là thâu lại, mở ra.

Hết thấy hình tượng nhập vào thân: Chư Phật, Bồ-tát nương định tự tại, năng đem vô lượng đại chúng hiện tiền, cùng với tất cả sắc tượng như thôn xóm, tụ lạc, cỏ cây, lùm rừng, núi non, đại địa... nhập trong thân mình. Lại khiến tất cả đại chúng, mỗi mỗi đều tự biết đang được nhập ở bên trong thân. Đây gọi là hết thấy hình tượng nhập vào thân.

Nhập vào đồng loại: Chư Phật, Bồ-tát nương định tự tại, hoặc năng sanh trong chúng Sát-đế-lợi, đồng sắc loại, đồng hình dáng, đồng ngôn âm. Nếu nơi đó, họ dùng tên này nghĩa như thế, thì Bồ-tát cũng dùng tên này nghĩa như thế; nếu họ không dùng tên này nghĩa như thế, thì cũng không dùng tên này nghĩa như thế. Do đây, về sau vì họ diễn nói chánh pháp, thị hiện dạy dẫn, khuyên bỏ, khích lệ, ái mẫn... Việc giáo hóa đã hoàn thành, tự nhiên ẩn mất. Thời gian sau, trong chúng tướng

nhớ, liền thâm nghĩ: “Không biết vị đó là trời hay người?”

Như năng nhập vào chúng Sát-đế-lợi như vậy, thì năng nhập vào chúng Bà-la-môn, hoặc chúng Sa-môn, hoặc chúng Trưởng giả, hoặc chúng Cư sĩ, hoặc trời Tứ thiên vương, hoặc trời Ba mươi ba, hoặc trời Dạ-ma, hoặc trời Đổ-sử-đa, hoặc trời Lạc biến hóa, hoặc trời Tha hóa tự tại, hoặc trời Phạm chúng, hoặc trời Phạm thiên ích, hoặc trời Đại phạm, hoặc trời Thiếu quang, hoặc trời Vô lượng quang, hoặc trời Quang âm, hoặc trời Thiếu tịnh, hoặc trời Vô lượng tịnh, hoặc trời Biến tịnh, hoặc trời Vô vân, hoặc trời Phước sanh, hoặc trời Quảng quả, hoặc trời Vô phiền, hoặc trời Vô nhiệt, hoặc trời Thiện hiện, hoặc trời Thiện kiến, hoặc trời Sắc cứu cánh phải biết cũng vậy. Đây gọi là nhập vào đồng loại.

Ẩn hiển: Chư Phật, Bồ-tát nương định tự tại, ở trước đại chúng trăm cõi nước, ngàn cõi nước, hoặc vượt quá số đây, tự nhiên ẩn mất thân, lại khiến hiện ra. Đây gọi là ẩn hiển.

Việc làm tự tại: Chư Phật, Bồ-tát nương định tự tại, khắp ở tất cả cõi hữu tình, ở nơi tất cả hành

động đến đi, dừng ở thấy đều tự tại hành chuyển, khiến đi liền đi, khiến đứng liền đứng, khiến đến liền đến, khiến nói liền nói. Đây gọi là việc làm tự tại.

Chế ngự các thần thông khác: Chư Phật, Bồ-tát nương định tự tại, năng chế phục sự hiển hiện của các thần thông khác. Thần thông của Như Lai năng chế phục chỗ hiển thần thông của tất cả các loại thần thông, theo sở thích khiến việc thành tựu. Sở hữu thần thông của Bồ-tát cứu cánh chỉ một lần sanh trở lại, hoặc Bồ-tát tối hậu thân đều năng chế phục chỗ hiển thần thông của tất cả người có đầy đủ thần thông khác, trừ thần thông của chư Như Lai, Đẳng loại Bồ-tát. Sở hữu thần thông của các bậc Bồ-tát khác đều năng chế phục chỗ hiển thần thông của tất cả người có đầy đủ thần thông khác, trừ thần thông của Bồ-tát ở địa cao hơn, Đẳng loại Bồ-tát. Đây gọi là chế ngự các thần thông khác.

Năng thí biện tài: Chư Phật, Bồ-tát nương định tự tại, nếu các hữu tình biện tài cùng tận, năng thí cho biện tài. Đây gọi là năng thí biện tài.

Năng thí nhớ nghĩ: Chư Phật, Bồ-tát nương

định tự tại, nếu các hữu tình quên mất niệm đối với pháp, năng khiến kia nhớ nghĩ. Đây gọi là năng thí nhớ nghĩ.

Năng thí an vui: Chư Phật, Bồ-tát nương định tự tại, khi thuyết chánh pháp, khiến người lắng nghe thân tâm được nhiều ích an vui, lìa các cái, chuyên tâm nghe pháp. Đây là phương tiện tạm thời, không phải rốt ráo. Lại khiến sự tổn hại do các giới chống trái lẫn nhau, tai hoạn tật dịch do phi nhân gây ra, đều được diệt dứt. Đây gọi là năng thí an vui.

Phóng đại quang minh: Chư Phật, Bồ-tát nương định tự tại, dùng lực thần thông thân phóng quang minh. Hoặc có quang minh rộng khắp mười phương vô lượng vô số các thế giới, khiến tất cả chúng hữu tình trong các đường ác dứt trừ các khổ. Hoặc có quang minh uy đức lớn chiếu đến các cõi trời, khiến Trời, Rồng, Dược-xoa, Kiện-đạt-phước, A-tổ-lạc, Yết-lộ-trà, Khẩn-nại-lạc, Ma-hô-lạc-già... đang ở trong cung của mình, nhờ ân quang minh chiếu đến, đều đến cầu hội. Hoặc có quang minh rộng đến mười phương vô lượng vô số các thế giới, khiến Bồ-tát an trụ ở thế giới phương khác, bắt gặp quang minh

chiếu đến, đều đến câu hội. Nói tóm lại, hết thấy chư Như Lai năng phóng vô lượng vô số phẩm loại chủng chủng quang minh, năng làm vô lượng vô số việc lợi ích cho vô lượng vô số hữu tình ở vô lượng vô số thế giới. Đây gọi là phóng đại quang minh.

Nên biết phẩm loại sai biệt của tất cả năng biến hiện Thần cảnh trí thông như vậy, mỗi mỗi phân biệt có vô lượng vô số. Do thần thông đây, năng chuyển tự tánh vật hiện có khiến thành vật khác. Cho nên gọi là năng biến hiện Thần cảnh trí thông.

– Sao gọi là *phẩm loại sai biệt của năng hóa hiện Thần cảnh trí thông*? Nếu nói lược thì từ không có gì mà chuyển thành có, đây gọi là hóa ra. Năng dùng tâm hóa, tùy theo sở thích tạo ra vô số việc chưa từng có, đây gọi là thần thông Trí năng hóa thần cảnh. Đây lại có nhiều loại: hoặc hóa làm thân, hoặc hóa làm cảnh, hoặc hóa làm lời nói.

Hoặc hóa làm thân: đó là hoặc hóa thân mình, hoặc hóa thân người. Hoặc hóa giống thân mình, hoặc không giống; hoặc hóa giống thân người, hoặc không giống. Lại thân được hóa, hoặc giống, hoặc không giống, hoặc mình, hoặc người, chỉ có thể

hóa ra các căn tương tự, chỗ sở y của căn, mà chẳng phải căn thật.

Lại thân được hóa đồng loại với mình, chẳng phải một mà có chủng chủng loại sai khác. Hoặc hóa giống sắc tướng Trời, Rồng, Dược-xoa, Kiện-đạt-phước, A-tổ-lạc, Yết-lộ-trà, Khẩn-nại-lạc, Ma-hô-lạc-già. Hoặc hóa làm hình dáng giống người, bàng sanh, quỷ, địa ngục. Hoặc hóa làm hình dáng giống Như Lai, Bồ-tát, Độc giác, Thanh văn. Nếu thân được hóa rất giống thân của Bồ-tát, gọi là hóa thân và mình giống nhau. Nếu thân được hóa không giống như vậy, gọi là hóa thân không giống mình.

Hoặc thân được hóa cùng đồng loại với người khác cũng có nhiều chủng. Nếu hóa thân trời, giống thân trời kia, gọi là thân được hóa giống với kẻ khác. Nếu không như thế, gọi là thân được hóa không giống người khác. Như hóa làm thân trời, cho đến hóa làm thân Phật phải biết cũng vậy.

Hóa làm nhiều thân thế nào? Chư Phật, Bồ-tát ở mười phương vô lượng vô số thế giới, một lúc hóa làm chủng chủng hình loại, năng làm lợi ích vô lượng vô số hữu tình. Việc hóa chủng chủng hình loại như vậy, hoặc chư Phật, Bồ-tát tuy đã

diệt độ, nhưng do lực trụ trì mà được tùy chuyển. Hoặc có hóa thân đã làm xong việc lợi ích, thì việc hóa hiện liền dứt.

Hoặc hóa làm cảnh: năng hóa ra giống như cảnh giới, đó là các vật thực, các loại báu ma-ni, trân châu... các vật dụng nuôi thân bên ngoài nhiếp thuộc sở hữu sắc, hương, vị, xúc. Hoặc giống như vật kia, hoặc khác với vật kia, tùy theo sở thích tất cả đều có thể hóa ra.

Lại chư Phật, Bồ-tát hoặc làm việc hóa hiện chỉ khiến chúng sanh xem thấy rồi biến mất, như việc làm huyễn, không thể thọ dụng. Hoặc lại hóa làm các thứ uống ăn, y phục, các thứ báu vật như ma-ni, trân châu, lưu ly, loa bối, ngọc bích, san hô, các phương tiện đi lại, xe cộ... như vật thật không khác. Tài bảo, ăn uống, vật dụng được hóa hiện như vậy, khiến các chúng sanh được thọ dụng. Đây gọi là hóa làm thân và hóa làm cảnh giới.

Hoặc hóa làm lời nói: hoặc hóa lời diệu âm tương ứng, hoặc hóa lời có âm thanh rộng lớn đầy đủ, hoặc hóa lời hệ thuộc mình, hoặc hóa lời hệ thuộc người, hoặc hóa lời không hệ thuộc đâu, hoặc hóa lời nhiếp vào ngôn từ tuyên nói chánh pháp,

hoặc hóa lời nhiếp vào ngôn từ răn dạy quả trách phóng dật.

Diệu âm tương ưng: hóa lời của chư Phật, Bồ-tát, âm thanh sâu xa như tiếng sấm vang dội trong mây, âm thanh hòa nhã như tiếng chim Ca-lăng-tần-già, năng cảm hóa tâm chúng sanh sanh vui thích sâu. Lại lời được hóa đây rất viên mãn vi diệu, rõ ràng dễ hiểu, nghe vui không trái, không dính mắc, không cùng tận.

Âm thanh rộng lớn đầy đủ: hóa lời của chư Phật, Bồ-tát, âm thanh rộng xa, tùy theo sở thích của vô lượng loài như Trời, Rồng, Dược-xoa, Kiện-đạt-phước, A-tổ-lạc, Yết-lộ-trà, Khẩn-nại-lạc, Ma-hô-lạc-già, Thanh văn, Bồ-tát, Người, Phi nhân... vô lượng chúng hội, trong khoảng một do-tuần thấy đều sung mãn. Lại dùng diệu âm viên mãn tùy mỗi loài mà dạy bảo khắp. Lại tùy ý muốn trong một tiểu thiên thế giới, nhị thiên thế giới, tam thiên đại thiên thế giới, cho đến mười phương vô lượng vô số các thế giới, hoặc gần hoặc xa, có các chúng hội trong ấy, dùng âm vi diệu tùy loài mà dạy bảo khắp. Ở nơi âm thanh ấy phát ra chủng chủng các loại âm thanh, vì các chúng sanh mà thuyết chủng

chủng pháp, tùy theo chỗ thích hợp mỗi mỗi đều được nghĩa lợi ích.

Hệ thuộc mình: là hóa lời tuyên thuyết của chư Phật, Bồ-tát ở nơi thân mình hóa hiện, phát ra chủng chủng âm thanh tuyên thuyết chánh pháp, răn trách phóng dật.

Hệ thuộc người: là hóa lời tuyên thuyết của chư Phật, Bồ-tát ở nơi thân người khác hóa hiện, tuyên thuyết chánh pháp, răn trách phóng dật.

Không hệ thuộc đâu: là hóa lời tuyên thuyết của chư Phật, Bồ-tát hoặc ở trong không trung, hoặc ở nơi pháp hóa hiện không thuộc hữu tình mà tuyên thuyết.

Nhiếp vào ngôn từ tuyên thuyết chánh pháp: là hóa lời tuyên thuyết của chư Phật, Bồ-tát khai thị chánh lý, khiến các chúng sanh ngu si đều được hiểu rõ ở nơi chủng chủng pháp.

Nhiếp vào ngôn từ răn trách phóng dật: là hóa lời tuyên thuyết của chư Phật, Bồ-tát vì người không ngu si đã được tâm tịnh tín nhưng lại phóng dật. Dùng hóa lời răn trách kẻ phóng dật kia, khiến sanh tâm tầm quý, dạy bảo không phóng dật, khiến siêng năng tu học.

Như vậy có nhiều loại hóa hiện được nói đến, nhưng lược có ba loại: hóa thân, hóa cảnh và hóa lời. Nên biết phẩm loại sai biệt của tất cả năng hóa hiện Thần cảnh trí thông như vậy, mỗi mỗi phân biệt có vô lượng vô số.

Như vậy hai loại Thần cảnh trí thông của chư Phật, Bồ-tát năng hiển hai việc: 1. Thị hiện chủng chủng thần thông dẫn các chúng sanh nhập vào Thánh giáo chư Phật; 2. Thị hiện chủng chủng thần thông huệ thí rất nhiều phẩm loại lợi ích an lạc cho chúng sanh đang thọ vô lượng khổ.

b. Sao gọi là Tỳ niệm túc trụ trí thông của chư Phật, Bồ-tát? Chư Phật, Bồ-tát dùng trí túc trụ năng tùy nhớ đời sống trước của mình, đó là từng ở trong loài hữu tình như thế, có tên như thế, như kinh rộng nói. Cũng năng tùy nhớ phẩm loại thân... sai khác của tất cả hữu tình, như việc tự nhớ thân mình không khác.

Lại năng khiến người được trí túc trụ, năng tự nhớ quá khứ đã trải qua. Người đó tùy nhớ tất cả phẩm loại sai khác, hoặc thân mình, hoặc thân người đã từng trong loài hữu tình như thế, có tên như thế, cho đến nói rộng. Hữu tình như vậy lại

triển chuyển khiến người khác được trí tức trụ, năng tự nhớ tất cả đời sống trước rõ ràng như ở trước không khác. Triển chuyển như vậy, khiến nhớ đời sống trước kia, đều như tự mình đã nhớ. Ở trong hiện pháp, lại năng tùy nhớ hoặc ít hoặc nhiều các việc rất chi tiết, các việc làm, các suy nghĩ trước kia, tất cả đều không bị quên mất.

Lại năng tùy nhớ từng sát-na không gián đoạn, vì thứ tự việc làm không gián đoạn. Lại năng tùy nhớ có số có lượng các đời trước sai khác, vì chỗ biết thời kiếp có thể tính đếm. Lại năng tùy nhớ vô lượng vô số đời trước sai khác, vì chỗ biết thời kiếp chẳng thể tính đếm.

Như vậy trí tức trụ đây, ở nơi chốn như vậy, ở loài như vậy, ở lượng như vậy, tùy theo sở thích đều triển chuyển không bị ngăn ngại. Như vậy gọi là uy lực nhiếp thuộc tùy niệm tức trụ của chư Phật, Bồ-tát.

Lại do trí tùy niệm tức trụ, nên nhớ được bốn sanh, vì các hữu tình khai thị chủng chủng phẩm loại sở hành khổ hạnh khó hành hy hữu bậc nhất mà chư Bồ-tát đã làm trong các đời trước, khiến các hữu tình phát sanh tâm tịnh tín, khởi tâm

cung kính đối với Phật, sanh khởi chán lìa sâu đối với sanh tử.

Lại do trí tùy niệm túc trụ, nên nhớ được bốn sự, vì các chúng sanh khai thị chủng chủng nghiệp quả dị thực tương ứng ở đời trước; phá trừ kiến chấp thường của luận vọng chấp tiền tế là thường, luận một phần thường, luận kiến sanh tử là thường.

c. Sao gọi là Thiên nhĩ trí thông của chư Phật, Bồ-tát? Chư Phật, Bồ-tát dùng thiên nhĩ thanh tịnh, năng ở nơi chủng chủng âm thanh như âm thanh trời, âm thanh người, âm thanh thánh, âm thanh phi thánh, âm thanh lớn, âm thanh nhỏ, âm thanh biện, âm thanh không biện, âm thanh hóa hiện, âm thanh không hóa hiện, âm thanh xa, âm thanh gần, thảy đều nghe được.

Nghe âm thanh trời: Nếu không tác ý, chủng chủng âm thanh phát sanh từ các loài hữu tình thọ sanh nơi ấy, dưới từ Dục giới, trên đến cung trời Sắc cứu cánh, đều năng nghe được. Nếu lúc tác ý, âm thanh của các thế giới từ cung trời Sắc cứu cánh trở lên đều năng nghe được.

Nghe âm thanh người: chủng chủng âm thanh phát ra từ các loài hữu tình thọ sanh khắp tất cả

bốn đại châu, thấy đều nghe được.

Nghe âm thanh thánh: các âm thanh của chư Như Lai, Bồ-tát, Độc giác, Thanh văn vì các loại hữu tình khác nhau mà triển chuyển tuyên thuyết chủng chủng pháp, thị hiện dạy dẫn, khuyên bảo khích lệ siêng tu các thiện pháp, xa lìa ác pháp, thấy đều nghe được. Lại ở nơi chủng chủng âm thanh xuất phát từ tâm không nhiễm ô, thọ trì, đọc tụng, luận nghị, quyết trạch, răn bảo không diên đảo, khiến nhớ nghĩ, dạy trao dạy răn và sở hữu thiện ngôn thiện thuyết khác năng dẫn phát nghĩa lợi, thấy đều năng nghe được. Hết thấy loại như vậy gọi là nghe âm thanh thánh.

Nghe âm thanh phi thánh: chủng chủng âm thanh xuất phát từ các hữu tình, âm thanh hư vọng, gây ly tán, tà vạy, thù dật, chia lìa, tà ác, thô xấu, sanh xuống đường ác, sanh lên cõi trời, sanh trong đường bàng sanh, cõi người, thấy đều nghe được.

Nghe âm thanh lớn: chủng chủng âm thanh xuất phát từ đám đông, âm thanh của những sự hội họp, âm thanh kêu gào khóc lóc của vô số loại khổ bức bách, âm thanh của kêu gọi nhau, âm thanh

của sấm sét vang rền, âm thanh của các loại kèn loa, âm thanh của trống, tù và... thấy đều năng nghe được.

Nghe âm thanh nhỏ: chủng chủng âm thanh rất nhỏ, cho đến âm thanh thì thầm, thấy đều năng nghe được.

Nghe âm thanh biện: chủng chủng âm thanh xuất phát từ nghĩa dễ hiểu, thấy đều năng nghe được.

Nghe âm thanh không biện: chủng chủng âm thanh xuất phát từ nghĩa khó hiểu, như âm thanh của chủng chủng minh chú Đạt-la-nhị-trà, âm thanh của các loại chuông gió, âm thanh của gió khua cây, âm thanh của các loài chim anh vũ, bồ câu, hoàng oanh, mạng mạng... thấy đều năng nghe được.

Nghe âm thanh hóa hiện: chủng chủng âm thanh do hành giả tâm tự tại, có đầy đủ thần thông, dùng lực thần thông hóa ra, thấy đều năng nghe được.

Nghe âm thanh không hóa hiện: chủng chủng âm thanh khác với âm thanh hóa ra, thấy đều năng nghe được.

Nghe âm thanh xa: trừ sở hữu âm thanh phát

ra trong thôn xóm, tụ lạc mà chư Phật, Bồ-tát cư trú, còn lại âm thanh ở vô lượng vô số thế giới khác, thấy đều năng nghe được.

Nghe âm thanh gần: nghe được những âm thanh khác, trừ âm thanh đã nghe ở trên.

d. Sao gọi là Kiến sanh tử trí thông của chư Phật, Bồ-tát? Chư Phật, Bồ-tát dùng thiên nhãn thanh tịnh vượt qua nhục nhãn của loài người, thấy các hữu tình lúc chết, lúc sống, sắc đẹp, sắc xấu, hoặc kém, hoặc tốt. Thời gian sau, sự sống tăng trưởng, các căn thành thực, thân hành chuyển theo các việc hoặc thiện, hoặc ác, hoặc vô ký sai biệt.

Lại hiện thấy biết các sắc quang minh, các sắc vi tế, các sắc biến hóa, các sắc tịnh diệu, dưới từ địa ngục Vô gián, trên đến cung trời Sắc cứu cánh, không do tác ý đều năng thấy biết. Nếu khi tác ý, năng thấy trên dưới vô lượng vô số sắc của các thế giới khác. Cũng năng thấy được vô lượng vô số tất cả các sắc của thế giới hai bên. Cho đến năng thấy cõi Phật kia kia, Như Lai kia kia đang an tọa trong pháp hội kia kia, tuyên thuyết chánh pháp, hiển hiện thứ tự như vậy không tạp loạn.

Lại chư Phật, Bồ-tát dùng thiên nhãn thanh

tịnh thấy khắp mười phương vô lượng vô số các hữu tình, thân gây tạo nghiệp hoặc tịnh, hoặc bất tịnh. Đã thấy kia rồi, tùy theo chỗ thích hợp, tùy theo căn loại mà thí làm vô số lợi ích an lạc. Lại dùng thiên nhĩ thanh tịnh nghe khắp mười phương vô lượng vô số các loại hữu tình do ngũ gây tạo nghiệp hoặc tịnh, hoặc bất tịnh. Đã nghe thấy rồi, tùy chỗ thích hợp, tùy theo căn loại mà thí làm vô số lợi ích an lạc. Đây gọi là lược nói việc sở tác bằng thiên nhĩ, thiên nhĩ của chư Phật, Bồ-tát.

e. *Sao gọi là Biết tâm sai biệt trí thông của chư Phật, Bồ-tát?* Chư Phật, Bồ-tát dùng tha tâm trí biết khắp các loại hữu tình khác trong mười phương vô lượng vô số thế giới, hoặc tâm có phiền não triền, hoặc tâm là phiền não triền, hoặc tâm có phiền não tùy phược, tùy miên, hoặc tâm là phiền não tùy phược, tùy miên.

Lại cũng rõ biết khắp tâm có nhiễm, tâm tà nguyện, đó là tâm của ngoại đạo và các tâm của người có ái nhiễm. Lại cũng rõ biết khắp tâm không nhiễm, tâm chánh nguyện, đó là những tâm trái với tâm trên.

Lại cũng khắp rõ biết tâm thấp kém, đó là

tâm của các loài chúng sanh sanh ở Dục giới, dưới cho đến tất cả tâm của loài cầm thú. Lại cũng khắp rõ biết tâm bậc trung, đó là sở hữu tâm của các loài hữu tình ở Sắc giới. Lại khắp rõ biết tâm thù thắng, đó là sở hữu tâm của các loài hữu tình sanh ở Vô sắc giới.

Lại rõ biết khắp tâm tương ưng lạc, tâm tương ưng khổ, tâm tương ưng không khổ không lạc.

Lại năng dùng một trí tha tâm, ở nơi một hữu tình có sở hữu như vậy, thể tánh như vậy, phẩm loại như vậy, hành tướng như vậy, ngang đó như vậy, tâm khởi hiện tiền như vậy, ở trong một niệm như vậy đều khắp biết như thật.

Lại năng dùng một trí tha tâm, ở nơi nhiều hữu tình có sở hữu như vậy, thể tánh như vậy, phẩm loại như vậy, hành tướng như vậy, ngang đó như vậy, tâm khởi hiện tiền như vậy, ở trong một niệm như vậy đều khắp biết như thật.

Lại chư Phật, Bồ-tát có tha tâm thông đây, biết căn thù thắng yếu kém của các hữu tình, biết chủng chủng thắng giải, chủng chủng giới hạnh của các hữu tình, tùy chỗ thích hợp năng chánh an đặt họ nơi chủng chủng chánh hạnh, hướng đến

cung Niết-bàn. Đây gọi là việc sở tác bằng trí tha tâm của chư Phật, Bồ-tát.

f. *Sao gọi là Lưu tận trí thông của chư Phật, Bồ-tát?* Chư Phật, Bồ-tát rõ biết như thật phiền não tận; rõ biết như thật hoặc mình, hoặc người, đã đắc, chưa đắc lậu tận; rõ biết như thật hoặc mình, hoặc người, phương tiện năng đắc lậu tận. Như năng rõ biết như thật phương tiện, thì đối với chẳng phải phương tiện cũng như thật biết. Rõ biết như thật người đã đắc lậu tận mà có tăng thượng mạn. Rõ biết người đã đắc lậu tận lia tăng thượng mạn.

Lại chư Phật, Bồ-tát tuy năng rõ biết như thật phương tiện năng chứng tất cả công đức của lậu tận, mà không tác chứng. Cho nên Bồ-tát ở nơi việc hữu lậu, cùng với các lậu mà không nhanh chóng xả ly. Tuy hành trong chủng chủng việc hữu lậu mà không bị nhiễm ô. Uy lực như vậy, trong các uy lực, thật là thù thắng.

Lại chư Phật, Bồ-tát do trí lậu tận, tự không nhiễm ô, cũng khéo vì người phân biệt giảng thuyết rộng, diệt trừ tăng thượng mạn. Đây là việc sở tác bằng trí lậu tận của chư Phật, Bồ-tát.

2. Uy lực pháp: Từ uy lực của Bố thí cho đến uy lực của Bát-nhã, uy lực của mỗi loại pháp như vậy lược có bốn tướng: 1. Tướng đoạn trừ sở đối trị; 2. Tướng tư lương thành thực; 3. Tướng nhiều ích mình người; 4. Tướng cho quả ở đời đương lai.

Bốn tướng của *Bố thí*: 1. Chư Bồ-tát tu hành huệ thí, năng đoạn trừ sở đối trị của thí là keo kiệt; 2. Huệ thí đây năng huân tập tư lương Bồ-đề cho chính mình, cũng tức tạo làm bố thí, nhiếp sự thành thực hữu tình; 3. Trước khi thí, ý vui; đang lúc thí, tâm thanh tịnh; sau khi thí, không hối tiếc. Ở trong ba thời tâm thường hoan hỷ, là tự nhiều ích mình; cũng năng trừ các khổ đói khát, nóng lạnh, bệnh tật, năng trừ các khổ do sợ hãi, mong muốn cầu mà bị thiếu thốn để làm nhiều ích người; 4. Đời vị lai, sanh ở xứ nào cũng thường được giàu sang sung túc, được nhiều tài bảo, tước vị to lớn, bạn bè giúp đỡ, quyến thuộc danh tiếng. Đây gọi là bốn tướng uy lực của bố thí. Ngoài đây ra trọn không có hoặc hơn hoặc thêm tướng nào khác.

Bốn tướng của *Trì giới*: 1. Chư Bồ-tát thọ trì luật nghi thân ngữ thanh tịnh, năng đoạn trừ sở

đối trị của giới là phạm giới; 2. Trì giới thanh tịnh đây năng là tư lương Bồ-đề cho chính mình, cũng năng làm việc đồng sự, nhiếp sự thành thực hữu tình; 3. Thọ trì tịnh giới nên xả bỏ xa lìa các việc sợ hãi, oán địch... do phạm giới làm duyên sanh khởi, khi thức ngủ đều an vui, là tự nhiều ích mình. Lại do thọ trì tịnh giới nên không hối hận, cho đến tâm định, cũng là tự nhiều ích mình. Do thọ trì tịnh giới, nên không nào hại người, phổ thí sự vô úy khắp tất cả hữu tình, là sự nhiều ích người; 4. Do nhân duyên đây, thân hoại về sau sanh ở cõi thiện, trong thế giới chư thiên. Đây gọi là bốn tướng uy lực của trì giới. Ngoài đây ra trọn không có hoặc hơn hoặc thêm tướng nào khác.

Bốn tướng của *An nhẫn*: 1. Chư Bồ-tát tu hạnh an nhẫn năng đoạn trừ sở đối trị của nhẫn là không nhẫn; 2. An nhẫn đây năng làm tư lương Bồ-đề cho chính mình, cũng tức năng hành đồng sự, nhiếp sự thành thực hữu tình; 3. Do an nhẫn đây năng nhổ bật sự hãi sợ lớn của mình, người, khiến nhiều ích mình, người; 4. Do nhân duyên đây, đời vị lai, năng khiến Bồ-tát không nhiều oán địch, không nhiều chia rẽ, không nhiều ưu khổ.

Đời hiện tại, lúc thân hoại mạng chung, tâm không buồn lo hối tiếc. Thân hoại về sau sanh ở cõi thiện, trong thế giới chư thiên. Đây gọi là bốn tướng uy lực của an nhẫn. Ngoài đây ra trọn không có hoặc hơn hoặc thêm tướng nào khác.

Bốn tướng của *Tinh tấn*: 1. Chư Bồ-tát an trụ siêng năng tinh tấn, năng đoạn trừ sở đối trị của tinh tấn là giải đãi; 2. Tinh tấn đây năng làm tư lương Bồ-đề và làm chỗ nương tựa cho chính mình, cũng năng hành đồng sự, nhiếp sự thành thực hữu tình; 3. Vì siêng năng tinh tấn, nên trụ nơi an lạc, không bị sự tạp loạn của tất cả pháp ác bất thiện. Về sau sự chứng đắc hiện tiền càng chuyển thêm thù thắng, khiến tâm phát sanh hoan hỷ bội phần, là tự nhiều ích mình. Siêng tu phẩm thiện, không dùng thân ngữ tổn não người, khiến người phát sanh vui muốn tinh tấn, là nhiều ích người; 4. Do lực của nhân đây, đời vị lai vui thích sự nghiệp khéo léo thù thắng của bậc trượng phu. Đây gọi là bốn tướng uy lực của tinh tấn. Ngoài đây ra trọn không có hoặc hơn hoặc thêm tướng nào khác.

Bốn tướng của *Tĩnh lự*: 1. Lúc chư Bồ-tát nhập tĩnh lự, năng đoạn trừ sở đối trị của tĩnh lự là các

phiền não, ngôn ngữ, tâm tứ, sắc tướng, hỷ lạc... và tùy phiền não; 2. Tĩnh lự đây năng làm chỗ nương và năng làm tư lương Bồ-đề cho chính mình, cũng năng hành đồng sự, nhiếp sự thành thực hữu tình; 3. Hiện pháp lạc trú là tự nhiều ích mình. Nơi tâm tịch tĩnh, tối cực tịch tĩnh, xa lìa tham ái, không làm tổn hại, không làm ưu não đối với hữu tình, là nhiều ích người; 4. Do nhân duyên đây, đắc trí thanh tịnh, năng hiển phát thần thông. Đời vị lai, thác sanh cõi Tịnh thiên, đắc quả tĩnh lự. Đây gọi là bốn tướng uy lực của tĩnh lự. Ngoài đây ra trọn không có hoặc hơn hoặc thêm tướng nào khác.

Bốn tướng của *Bát-nhã*: 1. Chư Bồ-tát đầy đủ diệu tuệ, năng đoạn sở đối trị của tuệ là vô minh; 2. Bát-nhã đây năng làm tư lương Bồ-đề cho chính mình và năng lấy việc bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự thành thực hữu tình; 3. Ở nơi sự sở tri, hiểu biết đúng như nghĩa, năng dẫn hoan hỷ thanh tịnh rộng lớn, là tự nhiều ích mình; cũng rộng vì hữu tình thuyết pháp đúng lý, khiến họ thu được lợi ích an lạc hiện đời và đương lai, là nhiều ích người; 4. Do nhân duyên đây nhiếp các thiện căn, năng làm những việc chân chánh. Đời vị lai, năng

chúng đặc xa lìa trời buộc của hai chướng là phiền não chướng và sở tri chướng. Đây gọi là bốn tướng uy lực của Bát-nhã. Ngoài đây ra trọn không có hoặc hơn hoặc thêm tướng nào khác.

Tất cả như vậy gọi là uy lực pháp.

3. Uy lực câu sanh của chư Phật, Bồ-tát:

Tánh năng nhớ lại các việc bốn sanh. Vì muốn lợi ích tất cả hữu tình, nên không do tư duy chọn lựa, ở nơi chủng chủng thống khổ mãnh liệt trường thời không gián đoạn, thấy đều năng kham nhẫn. Vì muốn lợi ích tất cả hữu tình, nên hoan hỷ thọ nhận sự khổ. Vì muốn lợi ích tất cả hữu tình, nên sanh cõi trời Đổ-sử-đa thứ tư, an trụ hết thọ mạng ở đây. Có ba việc thù thắng mà chúng chư thiên thọ sanh nơi đó có được: 1. Thọ lượng trời; 2. Hình sắc trời; 3. Danh xưng trời.

Khi sắp hạ sanh nhập vào thai mẹ, phóng đại quang minh chiếu khắp thế giới. Lúc vào thai mẹ, các giai đoạn nhập, trụ, xuất thai đều chánh rõ biết. Khi xuất thai rồi, liền ở trên mặt đất không đợi dất dìu, tự đi bảy bước trên đất, tự xưng đức hiệu. Lúc sơ sanh có oai đức lớn, Trời, Rồng, Dược-

xoa, Kiện-đạt-phước, A-tố-lạc, Yết-lộ-trà, Khẩn-nại-lạc, Ma-hô-lạc-già... đem diệu hoa thơm cõi trời rải khắp nơi, nhạc trời tự nhiên trỗi dậy, dùng đủ các thứ thặng diệu, y phục thượng diệu, tràng phan, bảo cái cúng dường. Lại lấy ba mươi hai tướng trượng phu không gì vượt hơn để tự trang nghiêm thân, trụ thân tối hậu. Trong thân tối hậu sanh đây, tất cả oán địch, ma quân, tai hoạn, không thể xâm hại. Ngồi tòa Bồ-đề, dùng lực Từ định hàng phục chúng ma. Mỗi mỗi chi tiết đều đầy đủ sức mạnh Na-la-diên. Lúc còn hài nhi, không cần học tập mà tự nhiên giỏi khéo. Đối với các công kỹ nghệ, y học của thế gian, nhanh chóng lãnh hội. Không thầy dạy, tự nhiên một mình, ở Tam thiên đại thiên thế giới chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Chủ cõi Sách-ha là Đại phạm thiên vương tự đến quy phục, ân cần khuyến thỉnh hãy vì xót thương thế gian mà tuyên thuyết chánh pháp. Ở trong định tịch tĩnh, giả sử mây mưa sấm chớp vùn vũ, chưa từng nhận biết, an nhiên không động. Lúc làm Bồ-tát, tất cả cảm thú, các loài nhuyển động... thấy đều tín ngưỡng, thường đến quy thú, tùy thích gần gũi chung ở. Lúc đã thành Phật, dưới

cho đến loài bàng sanh cũng đến cúng dường. Như di hâu kia thanh tịnh dâng cúng mật ong, Thế Tôn xót thương thọ nhận, di hâu vui mừng nhảy nhót. Còn rồng thường theo hầu, làm mây mưa tẩy rửa. Nếu lúc du hành, dừng nghỉ mà không lưu lại. Bồ-tát như vậy, lúc tĩnh tọa dưới cây, tất cả nhánh cây đều tỏa bóng che thân, từng không có chỗ trống. Lúc chứng Bồ-đề rồi, trong sáu năm ma thường tìm cơ hội quấy phá, rốt chẳng thể được. Thường hằng câu hành niệm, mỗi mỗi hiện tiền. Do niệm đây, nên thọ, tưởng, tầm tư, sanh, trụ, diệt... không gì chẳng rõ biết.

Lại, chư Phật thành tựu uy lực câu sanh hoặc nhiếp vào được thấy liền nhiều ích; hoặc nhiếp vào hành, trụ của Thánh hiền.

– Uy lực câu sanh nhiếp vào được thấy liền nhiều ích: các chúng sanh ở thế gian tâm loạn điên cuồng, nếu thấy Như Lai tức hoàn lại được bản tâm, kẻ thai nghịch được thuận, kẻ mù được thấy, kẻ điếc được nghe, kẻ ôm lòng tham dục được lìa tham triền, kẻ ôm lòng sân khuể được lìa sân triền, kẻ ôm lòng ngu si được lìa si triền. Hết thấy loại như vậy, nên biết gọi là uy lực câu sanh nhiếp

thuộc do thấy nên được nhiều ích.

- Uy lực câu sanh nhiếp vào hành, trụ của Thánh hiền: chư Phật, Bồ-tát thường nằm nghiêng hông bên phải như sư tử chúa. Tuy hiện nằm trên cỏ lá, thân vẫn nằm nghiêng hông bên phải, chưa từng diêu động. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, tuy hiện ngủ nghỉ mà chỉ nằm nghiêng hông phải, không chuyển sang hướng khác, tuy gió lớn thổi mà y trên thân chẳng động. Dáng đi như sư tử, bước đi như trâu chúa, trước cất chân phải, sau mới di chuyển chân trái. Đất tùy chuyển theo, chỗ cao liền hạ thấp, chỗ thấp liền thành cao, bằng phẳng như bàn tay, không có các thứ đá, ngói, gạch... Tâm chuyên nhất niệm viên ly khi đi vào tụ lạc. Cửa tùy chuyển theo, như cửa vào đang nhỏ hẹp tự nhiên chuyển thành cao rộng. Lúc ăn vật thực, hạt cơm đều nhuyễn. Hết thấy loại như vậy, gọi là uy lực câu sanh nhiếp vào hành, trụ của Thánh hiền. Lúc Bát-niết-bàn, đại địa chấn động, các vì sao sáng rực di chuyển đụng nhau rơi rụng, cùng một lúc các phương bỗng nhiên sáng rực biến khắp hư không, nhạc trời tấu lên réo rắt. Vô lượng việc hy hữu như vậy đều là uy lực câu sanh của Như

Lai, chẳng phải do uy lực thần thông hiển hiện. Như vậy gọi là uy lực câu sanh của chư Phật, Bồ-tát.

4 và 5. Uy lực của chư Phật, Bồ-tát cùng chung, không cùng chung với Thanh văn, Độc giác: Lược có ba tướng nên biết *không cùng chung*: 1. Vì vi tế; 2. Vì phẩm loại; 3. Vì cõi giới.

Chư Phật, Bồ-tát ở nơi vô lượng vô số các loài hữu tình và vô lượng vô số phương tiện uy lực, đối với các việc lợi ích nên làm đều như thật biết, không việc gì không thể làm. Đây gọi là *vi tế*. Tất cả phẩm loại uy lực thần thông, uy lực pháp, uy lực câu sanh thấy đều thành tựu. Đây là *phẩm loại*. Dùng tất cả thế giới, tất cả cõi giới hữu tình làm cảnh uy lực. Đây là *cõi giới*.

Thanh văn chỉ dùng Nhị thiên thế giới và cõi giới hữu tình làm cảnh thần thông. Độc giác chỉ dùng Tam thiên thế giới làm cảnh thần thông. Vì cớ sao? Do kia chỉ vì điều phục một thân mà tu chánh hạnh, chẳng phải vì hữu tình. Cho nên cao nhất chỉ dùng một cõi giới để làm cảnh thần thông. Trừ những điều ở trên, uy lực còn lại của chư Phật, Bồ-tát, nên biết tướng thô cùng chung với các Thanh

văn, Độc giác. Như vậy, uy lực của Thanh văn, Độc giác vẫn còn không sánh kịp với uy lực của chư Phật, Bồ-tát, huống là tất cả trời, người, dị sanh và ngoại đạo khác.

Chư Phật, Bồ-tát lược có ba loại uy lực thần biến: 1. Uy lực nhiếp thuộc thần cảnh thần biến; 2. Uy lực nhiếp thuộc ký thuyết thần biến; 3. Uy lực nhiếp thuộc giáo giới thần biến. Ba thần biến đây tùy theo chỗ thích hợp nhiếp vào ba loại uy lực thần thông, đó là uy lực Thần cảnh trí thông, uy lực Tâm sai biệt trí thông và uy lực Lưu tận trí thông.

Phân đầu TRÌ DU GIÀ XỨ

Phẩm 6. THÀNH THỰC

Sao gọi là *thành thực*? Lược có sáu loại thành thực: 1. Tự tánh thành thực; 2. Bồ-đặc-già-la được thành thực; 3. Sai biệt thành thực; 4. Phương tiện thành thực; 5. Bồ-đặc-già-la năng thành thực; 6. Tướng bồ-đặc-già-la đã thành thực.

1. Tự tánh thành thực: Do có chủng tử thiện pháp và luôn luôn tu tập các thiện pháp, đạt được khả năng đoạn trừ, thanh tịnh hai chướng, nên thân tâm tăng thượng, có tánh kham nhiệm. Tánh rất điều nhu thiện lành, chánh gia hạnh viên mãn. An trụ nơi đây, dù được gặp bậc Đại sư hoặc không gặp bậc Đại sư, đều có thế lực lớn, có khả năng kham nhiệm không gián đoạn năng chứng được đoạn dứt phiền não chướng và sở tri chướng.

Thí như ung nhọt cương cứng đến giai đoạn chín muồi có thể phá vỡ được, gọi là thực. Lại như vật dụng bằng đất nung, được nung chín đến mức cuối cùng, gọi là thực. Lại như các quả chín không gián đoạn, đến khi thật chín, rồi chín muồi có thể ăn được, gọi là thực. Như vậy, do có chủng tử thiện pháp và do luôn tu tập các thiện pháp, nên đạt được khả năng đoạn trừ, nói rộng cho đến chánh gia hạnh viên mãn, từ đây không gián đoạn, năng chứng đắc thanh tịnh hai chướng, gọi là thành thực. Như vậy gọi là tự tánh thành thực.

2. Bồ-đặc-già-la được thành thực: Lược có bốn loại: 1. Bồ-đặc-già-la trụ chủng tánh Thanh

văn, có thể thành thực ở nơi Thanh văn thừa; 2. Bồ-đặc-già-la trụ chung tánh Độc giác, có thể thành thực ở nơi Độc giác thừa; 3. Bồ-đặc-già-la trụ chung tánh Phật, có thể thành thực ở nơi Vô thượng thừa; 4. Bồ-đặc-già-la trụ không chung tánh, có thể thành thực ở nơi đường thiện. Chư Phật, Bồ-tát đối với bốn sự đây, cần phải thành thực bốn loại bồ-đặc-già-la như thế. Đây gọi là bồ-đặc-già-la được thành thực.

3. Sai biệt thành thực: Lược có sáu loại: 1. Thành thực các căn; 2. Thành thực thiện căn; 3. Thành thực trí tuệ; 4. Thành thực phẩm hạ; 5. Thành thực phẩm trung; 6. Thành thực phẩm thượng.

Thành thực các căn: là đầy đủ thọ lượng, đầy đủ hình sắc, đầy đủ dòng tộc, đầy đủ tự tại, đầy đủ tín ngôn, đầy đủ đại thế, đầy đủ tánh người, đầy đủ đại lực. Vì nương quả dị thực đầy đủ của thân đây làm chỗ nương tựa, nên có khả năng kham nhiệm, phát khởi tinh tấn dũng mãnh tu tập các thiện pháp. Ở nơi việc tu học tất cả minh xứ, tâm không nhàm mỏi.

Thành thực thiện căn: là tánh mỏng trần cấu làm chỗ nương tựa, tâm không vui thích nhập vào tánh các pháp ác bất thiện. Các cái chuyển nhẹ, tầm tư mỏng dần, chánh trực nhu hòa, tùy thuận theo đó mà thọ trì.

Thành thực trí tuệ: là đầy đủ chánh niệm, tánh thông minh nhạy bén, có khả năng kham nhiệm, có đại thế lực, năng hiểu nghĩa pháp thiện thuyết, ác thuyết, năng thọ, năng trì, năng chánh thông đạt. Thành thực đầy đủ diệu tuệ câu sanh, do nương diệu tuệ đây nên có khả năng kham nhiệm, có đại thế lực, năng khiến tâm rớt ráo giải thoát khỏi tất cả phiền não. Phải biết trong đây, vì thành thực các căn, nên giải thoát khỏi dị thực chướng; vì thành thực thiện căn, nên giải thoát khỏi nghiệp chướng; vì thành thực trí tuệ, nên giải thoát khỏi phiền não chướng.

Thành thực phẩm hạ: có hai nhân duyên khiến thành thực phẩm hạ: 1. Chưa tu tập các căn, thiện căn, trí tuệ lâu dài, nên nhân duyên thành thực chưa tăng trưởng thật sự; 2. Nhân duyên thường xuyên tu tập còn yếu kém.

Thành thực phẩm trung: ở nơi hai nhân duyên

kể trên, một chủng khiếm khuyết, một chủng đầy đủ.

Thành thực phẩm thượng: hai nhân duyên trên đều khuyết.

4. Phương tiện thành thực: Có 27 loại: 1. Giới tăng trưởng; 2. Nhiếp thọ duyên hiện tại; 3. Thú nhập; 4. Nhiếp lạc; 5. Bắt đầu phát khởi; 6. Chẳng phải mới phát khởi; 7. Xa thanh tịnh; 8. Gần thanh tịnh; 9. Gia hạnh; 10. Ý lạc; 11. Dùng tài vật nhiếp thọ; 12. Dùng pháp nhiếp thọ; 13. Dùng thần thông dẫn nhiếp; 14. Tuyên thuyết chánh pháp; 15. Thuyết pháp ẩn mật; 16. Thuyết pháp hiển rõ; 17. Gia hạnh phẩm hạ; 18. Gia hạnh phẩm trung; 19. Gia hạnh phẩm thượng; 20. Lắng nghe; 21. Tư duy; 22. Tu tập; 23. Nhiếp thọ; 24. Hàng phục; 25. Tự mình thành thực; 26. Tỉnh người thành thực; 27. Cả hai đều thành thực.

Giới tăng trưởng: bản tánh đầy đủ chủng tử thiện pháp, lấy đây làm chỗ nương tựa. Vì trước đã thường xuyên tu tập các thiện pháp, giai đoạn càng về sau, chủng tử thiện pháp càng triển chuyển tăng mạnh, triển chuyển vượt trội, sanh khởi sự

an trụ bền chắc. Đây gọi là giới tăng trưởng.

Nhiếp thọ duyên hiện tại: trong hiện pháp, thuyết pháp không điên đảo, thọ trì không điên đảo, tu hành như lý, tùy pháp hành pháp, nên biết giới tăng trưởng. Do nhân đời trước, nên hiện tại thành thực, nhiếp thọ duyên hiện tại. Do nhân hiện tại, nên hiện tại thành thực.

Thú nhập: vì được lực tịnh tín tăng thượng, nếu ở tại gia, thì xa lìa ác hạnh, thọ trì học xứ; nếu hướng đến không gia đình, thì xa lìa các dục, thọ trì học xứ.

Nhiếp lạc: nương dấu tích xuất ly các khổ và nương dấu tích xa lìa hai biên là biên dục lạc và biên tự khổ hạnh. Ở nơi pháp Tỳ-nại-da mà chú Phật thuyết, Thánh giáo chân thật, sanh tâm quý thích sâu.

Bắt đầu phát khởi: ban đầu, đối với pháp đáng chán ghét, sanh khởi chán lìa sâu; đối với việc năng thành tựu trọn vẹn nghĩa lý chân thật, như thật rõ biết có công đức thù thắng, rồi mới nhập vào. Đây gọi là bắt đầu phát khởi.

Chẳng phải mới phát khởi: bổ-đặc-già-la đã thú nhập, lúc đang thành thực thường không lìa

bỏ chư Phật, Bồ-tát. Những điều đã hiểu biết rõ ràng, triển chuyển càng thêm sáng sạch. Do thành thực đây, nên sự triển chuyển càng thêm thăng tiến.

Xa thanh tịnh: hoặc do giải đãi, hoặc do nghịch duyên, nên phải trải qua thời gian lâu, hoặc trải qua nhiều đời, hoặc trải qua nhiều kiếp, mới năng thanh tịnh.

Gần thanh tịnh: nên biết tướng đây trái với tướng xa thanh tịnh.

Gia hạnh: vì thu được nghĩa lợi ích thù thắng cho mình, vì vui muốn mãnh liệt làm chỗ nương, hoặc lo sợ hiện đời bị người chê trách, hoặc lo sợ đời sau đọa vào đường ác, nên đối với các học xứ thường siêng năng hộ trì, thực hành không gián đoạn, thực hành ân trọng.

Ý lạc: vì ở nơi các pháp chân chánh quán sát, lấy an nhĩn làm chỗ nương, nên đối với pháp Tỳ-nại-da mà Phật thuyết không bị dẫn đoạt; đối với sở chứng của người, sanh sâu tin hiểu. Vì tin có công đức làm chỗ nương, đối với Tam Bảo và đối với những nghĩa lợi ích mà mình đạt được, tin hiểu thâm sâu, không gì khuynh động.

Dùng tài vật nhiếp thọ: đối với người thiếu thốn tất cả các thứ vật thực như thức uống ăn... liền thí cho tất cả. Đối với người bị thiếu thốn tùy một trong số các vật... liền thí cho tùy theo vật họ cần.

Dùng pháp nhiếp thọ: hoặc tuyên thuyết chánh pháp bố thí các hữu tình, hoặc khai thị chỉ bày đạo lý nghĩa chân chánh.

Dùng thần thông dẫn nhiếp: đó là những bậc đầy đủ thần thông, vì thương xót hữu tình nên nếu hữu tình mong cầu có được lực ý vui thanh tịnh, hoặc nếu hữu tình mong cầu có được lực gia hạnh thanh tịnh tăng thượng, các bậc kia liền thị hiện chủng chủng thần thông biến hóa, muốn khiến hữu tình được thấy, được nghe thánh giáo chư Phật. Và sau khi được thấy nghe, hoặc sẽ thu được ý vui thanh tịnh, hoặc sẽ tu hành gia hạnh không điên đảo. Các hữu tình kia do thần biến đây dẫn nhiếp tâm, hoặc đạt được ý vui thanh tịnh, hoặc tu hành gia hạnh không điên đảo.

Tuyên thuyết chánh pháp: ở nơi nghĩa lợi ích thù thắng mà tự mình đã đạt được, nếu người không thể kham, liền vì kia thuyết chánh pháp, làm bạn

trợ giúp khiến phát khởi chánh hạnh. Nếu kia có thể kham, cũng vì kia tuyên thuyết chánh pháp, khiến mau chứng thông tuệ.

Thuyết pháp ẩn mật: đối với hữu tình có trí huệ anh nhi, thì ẩn giấu pháp nghĩa thâm sâu rộng lớn, vì kia mà phương tiện thuyết pháp đơn giản, dễ có thể nhập vào, dễ làm phương tiện đi vào pháp.

Thuyết pháp hiển rõ: đối với hữu tình có trí tuệ rộng lớn, đã khéo ngộ nhập lý Thánh giáo, vì kia khai thị đạo lý pháp rộng lớn thâm sâu.

Gia hạnh phẩm hạ: khuyết cả hai gia hạnh là không gián đoạn và ân trọng.

Gia hạnh phẩm trung: khuyết một trong hai gia hạnh, hoặc khuyết gia hạnh không gián đoạn, hoặc khuyết gia hạnh ân trọng.

Gia hạnh phẩm thượng: đều tương ưng cả hai gia hạnh là không gián đoạn và ân trọng.

Lắng nghe: đối với lời dạy của Phật sanh tin hiểu sâu, tinh cần lắng nghe, thọ trì, đọc tụng các pháp như Khế kinh...

Tư duy: sống ở chốn viễn ly, vui tư duy pháp, suy gẫm tìm tòi nghĩa lý, hiểu rõ quyết định.

Tu tập: ở nơi tướng chỉ, cử, xả làm tiền dẫn, chân chánh quán sát sâu, tâm sanh sâu hân lạc, sau mới tu tập chỉ, cử, xả.

Nhiếp thọ: tâm không nhiễm ô, xem Thân giáo sư, Quý phạm sư và phương tiện đạo lý không điên đảo làm chỗ nương tựa. Lại đối với các bậc kia phát khởi chủng chủng hạnh cung kính, đó là hạnh khấn bệnh, như pháp cấp thí áo quần, vật thực, các ngọ cụ, thuốc trị bệnh cùng các tạp vật khác, hạnh khiển trừ ưu sầu và ác tác, khiển trừ phiền não và tùy phiền não. Hết thấy loại như vậy gọi là hạnh thừa sự cúng dường sai biệt.

Hàng phục: đã phòng hộ kỹ chắc tạp nhiễm của thân mình. Đối với người hủy phạm, nếu phạm phẩm hạ, khởi tâm từ khuyển răn dạy bảo; nếu phạm phẩm trung, khởi tâm từ quả răn trách phạt; nếu phạm phẩm thượng, khởi tâm từ đuổi bỏ. Trong đây trước hết khuyển răn, trách phạt, khiến kẻ kia và người khác được lợi ích an lạc. Riêng đối với sự đuổi bỏ, nếu nhiếp thọ trở lại, vì khiến kẻ kia và người khác lợi ích an lạc. Nếu đã đuổi bỏ rồi, không nhiếp thọ trở lại, chỉ khiến người khác lợi ích an lạc. Vì có sao? Người khác nếu thấy kẻ kia

vì nhân duyên hủy phạm nên bị đui bỏ, liền tự phòng hộ không phát khởi hủy phạm.

Tự mình thành thực: tự mình tuyên nói theo đúng chánh pháp, khiến các hữu tình ra khỏi nơi bất thiện, an đặt họ nơi thiện. Như điều mình đã nói, cũng tự tu hành tùy pháp hành pháp, khiến các hữu tình đồng lòng chuyển theo, không để người khác nghĩ: “Ông tự mình không thể ra khỏi việc bất thiện, an lập nơi thiện, làm sao dạy bảo người khác, khuyên răn, cử tội, khiến nhớ nghĩ? Ngược lại, người khác nên chỉ bảo đối với ông, khuyên răn, cử tội, khiến nhớ nghĩ”.

Thỉnh người thành thực: nếu có vô lượng hữu tình khác phát tâm yêu kính quý trọng đối với một bậc nào đó, mà vị kia khéo biết các phương tiện, lại khéo tu học ở nơi chánh pháp đã tuyên thuyết, thì phải ân cần khuyến thỉnh, trợ giúp khiến vị kia thành thực vô lượng hữu tình.

Cả hai đều thành thực: cả hai chúng, hoặc tự mình thành thực, hoặc khuyến thỉnh người khiến thành thực.

Do 27 chủng phương tiện thành thực đây, nên biết là căn bản cho 6 loại sai biệt thành thực trước

thành tựu viên mãn, đó là: thành thực các căn, thành thực thiện căn, thành thực trí tuệ, thành thực phẩm hạ, thành thực phẩm trung, thành thực phẩm thượng.

5. Bồ-đặc-già-la năng thành thực: Lược có sáu chủng Bồ-tát trụ sáu địa của Bồ-tát năng thành thực hữu tình: 1. Bồ-tát thắng giải hành, trụ Thắng giải hành địa; 2. Bồ-tát tịnh thắng ý lạc, trụ Tịnh thắng ý lạc địa; 3. Bồ-tát hành chánh hạnh, trụ Hành chánh hạnh địa; 4. Bồ-tát nhập vào quyết định, trụ Nhập vào quyết định địa; 5. Bồ-tát quyết định hành chánh hạnh, trụ Quyết định hành chánh hạnh địa; 6. Bồ-tát đến cứu cánh, trụ Đến cứu cánh địa.

Bồ-đặc-già-la trụ không chủng tánh, lúc đi đến việc thành thực đường thiện, luôn có sự thối chuyển, luôn còn việc phải làm. Bồ-đặc-già-la an trụ chủng tánh, lúc đi đến việc thành thực ba thừa, không hay thối chuyển, không còn việc phải làm.

6. Tướng bồ-đặc-già-la đã thành thực: Các bậc Thanh văn vì trước đã từng xuyên suốt tu tập

thiện pháp, nếu khi an trụ thành thực phẩm hạ, lúc ấy tức có vui muốn phẩm hạ, gia hạnh phẩm hạ, vẫn còn đi vào đường ác, không thể ở hiện pháp chứng quả Sa-môn, chẳng phải ở hiện pháp đắc Bát-niết-bàn.

Hoặc khi an trụ thành thực phẩm trung, lúc ấy tức có vui muốn phẩm trung, gia hạnh phẩm trung, không còn đi vào đường ác, ở hiện pháp chứng đắc quả Sa-môn, nhưng chẳng phải ở hiện pháp đắc Bát-niết-bàn.

Hoặc khi an trụ thành thực phẩm thượng, lúc ấy tức có vui muốn phẩm thượng, gia hạnh phẩm thượng, không đi vào đường ác, ở hiện pháp chứng đắc quả Sa-môn, cũng ở hiện pháp đắc Bát-niết-bàn.

Như Thanh văn, thì Độc giác cũng vậy. Vì có sao? Vì đạo Độc giác đồng chủng loại với Thanh văn. Nhưng Độc giác đây so với Thanh văn cũng có sự sai khác, đó là lúc trụ hậu hữu cuối cùng, tức sở đắc thân tối hậu, vì lực tu tập vốn có trước kia, nên không có Quý phạm sư mà tự tu tập ba mươi bảy phẩm pháp Bồ-đề, rốt ráo đoạn diệt tất cả phiền não, chứng A-la-hán, nên gọi là Độc giác.

Nếu chư Bồ-tát trụ Thắng giải hành địa, gọi là thành thực phẩm hạ; trụ Tịnh thắng ý lạc địa, gọi là thành thực phẩm trung; trụ Nhập vào quyết định địa cho đến Đến cứu cánh địa, gọi là thành thực phẩm thượng.

Hoặc lúc chư Bồ-tát trụ thành thực phẩm hạ, bấy giờ liền có vui muốn phẩm hạ, gia hạnh phẩm hạ, vẫn còn đi vào đường ác. Đây là tận cùng ngăn mé của vô số kiếp thứ nhất. Nên biết đều chưa tương ưng tất cả thiện pháp phẩm giác vô động, sung mãn, thanh tịnh cực thiện.

Hoặc lúc chư Bồ-tát trụ thành thực phẩm trung, bấy giờ liền có vui muốn phẩm trung, gia hạnh phẩm trung, không còn đi vào đường ác. Đây là tận cùng ngăn mé của vô số kiếp thứ hai. Nên biết đã tương ưng cùng thiện pháp phẩm giác vô động, sung mãn nhưng vẫn chưa tương ưng thiện pháp phẩm giác thanh tịnh cực thiện.

Hoặc lúc chư Bồ-tát trụ thành thực phẩm thượng, lúc bấy giờ có vui muốn phẩm thượng, gia hạnh phẩm thượng, không đi vào đường ác. Đây tận cùng ngăn mé của vô số kiếp thứ ba. Nên biết đều đã tương ưng với tất cả thiện pháp phẩm giác

vô động, sung mãn, thanh tịnh cực thiện.

Trong đây, vì tánh thuần hậu, vì cực nhạy bén sung mãn, vì năng đắc quả rộng lớn phẩm thượng, vì lợi ích thù thắng, nên gọi là sung mãn. Vì không quay trở lại, vì không thối đọa, vì thường thắng tiến, nên gọi là vô động. Bồ-tát ở trong địa đây vì không gì vượt hơn, nên gọi là thanh tịnh cực thiện.

Phải biết trong đây, năm loại thành thực: hoặc thành thực do dùng tài vật nhiếp thọ, hoặc thành thực do dùng thần thông dẫn nhiếp, hoặc thành thực do thuyết pháp ẩn mật, hoặc thành thực do gia hạnh phẩm hạ, hoặc thành thực do lắng nghe, nếu trường thời tu tập pháp kia vẫn còn ở phẩm hạ, huống là ít thời tu tập.

Ngoài ra, tất cả nhân duyên thành thực khác nên biết đều có 3 phẩm đạo lý: nếu kia tu tập phẩm hạ thì thành thực phẩm hạ, nếu kia tu tập phẩm trung thì thành thực phẩm trung, nếu kia tu tập phẩm thượng thì thành thực phẩm thượng. Thành thực ba phẩm hạ, trung, thượng đây, mỗi thứ lại có ba phẩm. Ở trong phẩm hạ, có ba phẩm thành thực, đó là: hạ hạ, hạ trung, hạ thượng. Ở trong phẩm trung, có ba phẩm thành thực, đó là:

trung hạ, trung trung, trung thượng. Ở trong phẩm thượng, có ba phẩm thành thực, đó là: thượng hạ, thượng trung, thượng thượng. Chư Phật, Bồ-tát vì muốn thành thực hữu tình, nên triển chuyển nhiều đạo lý sai khác, có vô lượng phẩm loại sai khác như vậy. Trong đây, Bồ-tát do nhân duyên thành thực đã thuyết ở trước, vì muốn tự thành thực Phật pháp, nên tinh cần tu tập thành thực các căn, thành thực thiện căn, thành thực trí tuệ, thành thực phẩm hạ, thành thực phẩm trung, thành thực phẩm thượng. Lại muốn khiến bố-đặc-già-la khác vì cõi pháp Tam thừa, vì đi đến cõi thiện, mà tu tập sáu loại thành thực như vậy.



Quyển 38

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phần đầu của TRÌ DU GIÀ XỬ

Phẩm 7. BỒ ĐỀ

1. Tự tánh Bồ-đề: Nếu lược nói thì Bồ-đề có hai đoạn và hai trí.

Hai đoạn: 1. Đoạn phiền não chướng; 2. Đoạn sở tri chướng.

Hai trí: 1. Do đoạn phiền não chướng, nên trí rất ráo lia cấu, tất cả phiền não không còn theo đuổi trôi buộc; 2. Do đoạn sở tri chướng, nên trí ở tất cả sở tri không còn bị chướng ngại.

Lại có các môn khác là: thanh tịnh trí, nhất thiết trí, vô trệ trí. Tất cả phiền não cùng tập khí diệt hẳn không sót thừa, khắp tất cả chủng không nhiễm, vô minh vĩnh viễn đoạn diệt không sót thừa. Đây gọi là Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Thanh tịnh trí: vì tất cả phiền não cùng các tập khí rất ráo đoạn dứt, gọi là Thanh tịnh trí.

Nhất thiết trí: ở tất cả giới, tất cả sự, tất cả

phẩm, tất cả thời, trí khởi chuyển không bị ngăn ngại, gọi là nhất thiết trí. Giới có hai loại: 1. Thế giới; 2. Cõi giới hữu tình. Sự có hai loại: 1. Hữu vi; 2. Vô vi. Phẩm là vô lượng phẩm loại khác nhau của hai sự hữu vi và vô vi, tức là vì tự tướng của chúng triển chuyển thành chủng loại sai biệt, vì cộng tướng sai biệt, vì nhân quả sai biệt, vì cõi giới sai biệt, vì thiện, bất thiện, vô ký sai biệt. Thời có ba loại: 1. Quá khứ; 2. Vị lai; 3. Hiện tại. Như vậy, tức ở nơi tất cả giới, tất cả sự, tất cả phẩm, tất cả thời như thế, vì biết như thật, gọi là Nhất thiết trí.

Vô trệ trí: lúc tạm tác ý, khắp ở tất cả, trí khởi chuyển nhanh chóng, không trì trệ, không ngăn ngại, không do lớp lớp tác ý tư duy, vì chỉ nương vào một tác ý mà rõ biết khắp.

Lại có môn khác, đó là 140 pháp Phật bất cộng và trí vô tránh, nguyện trí, vô ngại giải... của Như Lai. Đây gọi là Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Một trăm bốn mươi pháp Phật bất cộng bao gồm: ba mươi hai tướng Đại trượng phu, tám mươi tùy hảo, bốn chủng nhất thiết thanh tịnh, mười lực, bốn vô sở úy, ba niệm trụ, ba bất hộ, đại bi, pháp vô vong thất, tập khí vĩnh viễn hoại diệt,

nhất thiết chủng diệu trí. Đây là các pháp Phật, trong phẩm *Kiến lập* sẽ rộng phân biệt.

2. Bồ-đề tối thắng: Bồ-đề như thế gọi là tối thắng, vì cùng tương ứng với bảy chủng tối thắng. Do nhân duyên đây ở trong các Bồ-đề thật là thù thắng.

Sao gọi là bảy chủng tối thắng? 1. Sở y tối thắng; 2. Chánh hạnh tối thắng; 3. Viên mãn tối thắng; 4. Trí tối thắng; 5. Uy lực tối thắng; 6. Đoạn tối thắng; 7. Trụ tối thắng.

Chư Như Lai dùng ba mươi hai tướng Đại tướng phu để trang nghiêm thân, nên gọi là sở y tối thắng.

Chư Như Lai tự lợi mình, năng lợi người, đem đến lợi ích an lạc cho vô lượng chúng sanh, xót thương thế gian, khiến trời người thu được lợi ích thù thắng, lợi ích an lạc mà hành chánh hạnh. Đây gọi là chánh hạnh tối thắng.

Chư Như Lai thấy đều thành tựu bốn chủng viên mãn không gì vượt hơn, không gì sánh kịp: 1. Giới viên mãn; 2. Kiến viên mãn; 3. Quĩ tắc viên mãn; 4. Tịnh mạng viên mãn. Đây gọi là viên mãn tối thắng.

Chư Như Lai thấy đều thành tựu bốn chủng vô ngại giải không gì vượt hơn, không gì sánh kịp: 1. Pháp vô ngại giải; 2. Nghĩa vô ngại giải; 3. Huấn từ vô ngại giải; 4. Biện thuyết vô ngại giải. Đây gọi là trí tối thắng.

Chư Như Lai thấy đều thành tựu sáu chủng thần thông không gì vượt hơn, không gì sánh kịp, như trước đã nói. Đây gọi là uy lực tối thắng.

Chư Như Lai thấy đều thành tựu việc đoạn dứt vĩnh viễn tập khí tất cả phiền não và đoạn dứt vĩnh viễn tất cả sở tri chướng, không gì vượt hơn, không gì sánh kịp. Đây gọi là đoạn tối thắng.

Chư Như Lai nhiều an trụ ở nơi ba trụ không gì vượt hơn, không gì sánh kịp: 1. Thánh trụ; 2. Thiên trụ; 3. Phạm trụ. Đây gọi là trụ tối thắng. Trong đây, nếu trụ Không, Vô nguyện, Vô tướng và trụ Diệt tận định gọi là Thánh trụ. Nếu trụ bốn tinh lự, bốn vô sắc định, gọi là Thiên trụ. Nếu trụ bốn chủng vô lượng gọi là Phạm trụ. Trong ba trụ đây, Như Lai trụ nhiều ở bốn trụ thù thắng hơn cả: trong Thánh trụ, nhiều an trụ ở trụ Không, trụ Diệt tận định; trong Thiên trụ, nhiều an trụ ở trụ Đệ tứ tinh lự vô động; trong Phạm trụ, nhiều an

trụ ở trụ Đại bi. Do đây Như Lai ngày đêm sáu thời (ba thời vào ban ngày, ba thời vào ban đêm) thường dùng Phật nhãn quán sát khắp thế gian, ai tăng trưởng, ai tổn giảm, đối với người chưa khởi thiện căn khiến trồng thiện căn, nói rộng cho đến khiến họ kiến lập quả tối thắng A-la-hán.

Lại chư Như Lai vì sở y tối thắng nên gọi là bậc Đại trượng phu. Vì chánh hạnh tối thắng nên gọi là bậc Đại bi. Vì viên mãn tối thắng nên gọi là bậc Đại giới và bậc Đại pháp. Vì trí tối thắng nên gọi là bậc Đại tuệ. Vì uy lực tối thắng nên gọi là bậc Đại thần thông. Vì đoạn tối thắng nên gọi là bậc Đại giải thoát. Vì trụ tối thắng nên gọi là bậc Nhiều an trụ nơi trụ rộng lớn.

3. Mười loại công đức, công đức tùy niệm danh hiệu: Chư Như Lai lược có mười công đức, tùy theo mỗi công đức mà có danh hiệu tương ứng. Những gì là mười? Đức Bạc-Già-Phạm hiệu là “Như Lai, Ứng, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-Già-Phạm”.

Lời nói chân thật không hư vọng nên gọi là

Như Lai. Đã đắc tất cả nghĩa cần phải chứng đắc, xứng đáng làm phước điền vô lượng cho thế gian, xứng đáng được tất cả sự cung kính cúng dường, cho nên gọi là *Ứng*. Vì giác các pháp đúng như nghĩa thù thắng nên gọi là *Chánh Đẳng Giác*. Minh, đó là tam minh; hạnh, như kinh đã nói rộng; viên mãn, vì hai phẩm Chỉ Quán cực khéo viên mãn, cho nên gọi là *Minh Hạnh Viên Mãn*. Vì tối cực thù thắng không gì vượt hơn, vĩnh viễn không thối thất trở lại, gọi là *Thiện Thệ*. Vì khéo biết thế giới và cõi giới hữu tình, với tất cả phẩm loại tướng nhiễm, tướng tịnh, nên gọi là *Thế Gian Giải*. Tất cả thế gian chỉ duy nhất một bậc trượng phu khéo biết dùng phương tiện để điều phục tâm thù thắng hơn cả, nên gọi là *Vô Thượng Trượng Phu Điều Ngự Sĩ*. Vì thật nhân, vì thật trí, vì thật nghĩa, vì thật pháp, vì khai dẫn khiến hiển rõ nghĩa, vì làm chỗ nương tựa cho tất cả nghĩa, vì năng khiến hiểu rõ những nghĩa chưa rõ, vì năng đoạn trừ những chỗ sanh nghi hoặc, vì năng khiến hiển rõ những điều thâm sâu, vì khiến cho minh tịnh, vì làm căn bản cho tất cả pháp, vì khai dẫn, vì làm chỗ nương, năng chánh dạy trao dạy răn trời người khiến kia

ra khỏi tất cả các khổ, cho nên gọi là *Thiên Nhân Sư*. Ở nơi tụ năng dẫn nhiếp nghĩa pháp, nghĩa lợi; ở nơi tụ năng dẫn nhiếp không nghĩa lợi, nghĩa pháp; ở nơi tụ năng dẫn nhiếp chẳng phải nghĩa lợi nghĩa pháp, chẳng phải phi nghĩa lợi nghĩa pháp, khắp tất cả chúng hiện tiền đều biết hết thấy, cho nên gọi là *Phật*. Năng phá thế lực lớn của chúng ma quân, đầy đủ nhiều công đức, nên gọi là *Bạc-Già-Phạm*.

4. Xuất hiện: Hoặc có nhiều kiếp không có vị Phật nào xuất hiện nơi đời, hoặc trong một kiếp có nhiều vị Phật xuất hiện nơi đời. Trong mười phương vô lượng vô số các thế giới kia, có vô lượng Phật đồng thời xuất hiện nơi đời. Vì có sao? Bởi lẽ mười phương thế giới hiện có vô lượng vô số Bồ-tát đồng thời phát nguyện, đồng siêng tu tập tư lương Bồ-đề. Nếu có một vị Bồ-tát, hoặc vào ngày như vậy, hoặc vào tuần như vậy, hoặc vào tháng như vậy, hoặc vào năm như vậy, phát tâm Bồ-đề, nguyện đi đến Bồ-đề, tức vào ngày đó, vào tuần đó, vào tháng đó, vào năm đó, tất cả Bồ-tát cũng phát tâm, nguyện đi đến Bồ-đề như vậy. Như có một Bồ-tát dưng

mãnh nỗ lực, siêng năng tinh tấn mạnh mẽ, thì tất cả Bồ-tát khác cũng vậy. Nay hiện thấy ở đây, trong một thế giới, nhiều trăm Bồ-tát đồng thời phát nguyện, đồng tu huệ thí, đồng tu tịnh giới, đồng tu an nhẫn, đồng tu tinh tấn, đồng tu tĩnh lực, đồng tu trí tuệ, huống là mười phương vô lượng vô biên thế giới chư Phật.

Lại, ở mười phương hiện có vô lượng vô số tam thiên đại thiên cõi Phật, không có hai Bồ-tát đồng thời tu tập tư lương Bồ-đề mà đồng thời viên mãn, đồng thời thành Phật xuất hiện nơi đời, huống là ở trong một thế giới mà có vô lượng vô số Bồ-tát cùng lúc thành Phật.

Lại không nên nói: “Nhiều chư Bồ-tát đồng thời tu tập tư lương Bồ-đề, đồng thời viên mãn, trước sau tránh lẫn nhau, thứ tự thành Phật”. Cũng không nên nói: “Tất cả Bồ-tát đều không thành Phật”. Cho nên phải biết nhiều chư Bồ-tát đồng thời tu tập tư lương Bồ-đề, nơi mười phương vô lượng vô số đều viên mãn. Tùy theo chỗ không tịnh của quốc độ không có chư Phật Như Lai, mỗi mỗi xuất thế khác nhau, đồng thời thành Phật. Do đạo lý đây, nên trong nhiều thế giới quyết định

phải có nhiều chư Bồ-tát đồng thời thành Phật. Nhưng quyết chắc trong một cõi Phật không có hai Như Lai đồng thời xuất hiện nơi đời. Vì cố sao? Trong đêm dài Bồ-tát khởi nguyện, theo đó tăng trưởng: “Ta sẽ một mình ở trong các thế giới không người dẫn đường. Nay Ta làm người dẫn đường, điều phục hữu tình, khiến họ thoát khổ, chứng đắc Bát-niết-bàn”. Vì thế, đêm dài Bồ-tát phát khởi nguyện lớn, theo đó khiến tăng trưởng, nhiếp thọ chánh hạnh, cho đến được thành tựu viên mãn. Cho nên không có hai Như Lai đồng thời xuất hiện trong một thế giới.

Lại ở một Tam thiên đại thiên cõi Phật, một Như Lai khắp năng thí làm tất cả Phật sự. Cho nên nếu xuất hiện Như Lai thứ hai trên đời, thì không có chỗ để làm lợi ích.

Lại trong một cõi Phật, có một Như Lai xuất hiện nơi đời, khiến các hữu tình thành tựu nghĩa tự lợi rất mạnh mẽ, rất tùy thuận. Vì cố sao? Vì hữu tình kia tác ý tư duy: “Tất cả thế gian chỉ có một Như Lai, lại không có Như Lai thứ hai. Nếu ở cõi Phật đây, sự giáo hóa của Như Lai đã hoàn thành, Ngài hoặc đi đến phương khác, hoặc nhập

diệt, chúng ta biết nương vào đâu để tu hành phạm hạnh, chúng ta nương vào đâu để được nghe chánh pháp”. Do suy nghĩ như vậy, kia phát khởi sâu sắc ý muốn siêng năng tinh tấn đồng mãnh, nhanh chóng lắng nghe chánh pháp. Nếu ở một cõi Phật mà có nhiều Phật xuất thế, người kia sẽ không nhanh chóng thực hành chánh pháp. Nên một cõi Phật chỉ có một Phật xuất thế, mới khiến các hữu tình thành tựu nghĩa tự lợi rất mạnh mẽ, rất tùy thuận.

5. Sai biệt: Tất cả sở hữu công đức của tất cả chư Như Lai bình đẳng bình đẳng không sai khác, chỉ trừ bốn pháp: 1. Thọ lượng; 2. Danh hiệu; 3. Dòng tộc; 4. Thân tướng. Tất cả Như Lai nơi tướng bốn pháp đây có tăng giảm, nhưng công đức không sai khác.

Lại, thân nữ không thể chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Vì có sao? Tất cả Bồ-tát lúc vượt qua vô số kiếp thứ nhất, đã xả thân nữ. Cho đến an tọa trên tòa diệu Bồ-đề, chưa từng làm nữ, vì tất cả người nữ tánh nhiều phiền não, tánh nhiều ác tuệ. Chẳng thể bảm tánh thân nhiều phiền não, nhiều ác tuệ mà năng chứng Vô thượng

Chánh đẳng Bồ-đề.

Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề như vậy, như *Tự tánh* đã nói, phải như thật biết; như *Tối thắng* đã nói, phải như thật biết; như *Mười loại công đức*, công đức tùy niệm danh hiệu đã nói, phải như thật biết; như *Xuất hiện* đã nói, phải như thật biết; như *Sai biệt* đã nói, phải như thật biết.

Lại, Bồ-đề đây thật bất tư nghì, vì vượt qua tất cả đạo tâm tư. Là không có hạn lượng, vì vô biên công đức tích tập mà thành. Là không có gì vượt trên, vì sanh thành tất cả công đức của Thanh văn, Độc giác cùng với Như Lai. Cho nên chỉ có Phật mới chứng được Bồ-đề tối thượng, tối tôn, tối diệu và tối thắng.

Phân đầu TRÌ DU GIÀ XỨ Phẩm 8. LỰC CHỨNG TÁNH

Như vậy đã thuyết *Các học xứ Bồ-tát cần phải học*. Ta nay sẽ thuyết phần *Học như thế*. Ớt-Đà-Nam thuyết:

*Nhiều thắng giải, câu pháp,
Thuyết pháp, tu hành pháp,
Chánh dạy trao, dạy răn,
Phương tiện nhiếp ba nghiệp.*

Nếu chư Bồ-tát muốn học các học xứ mà Bồ-tát phải học, nên tinh cần tu học: **1.** Quyết định phải đầy đủ nhiều thắng giải; **2.** Phải thỉnh cầu chánh pháp; **3.** Phải thuyết chánh pháp; **4.** Phải chánh tu hành tùy pháp hành pháp; **5.** Phải chánh dạy trao; **6.** Phải chánh dạy răn; **7.** Phải an trụ không diên đảo dạy trao dạy răn, phương tiện nhiếp hộ thân, ngữ, ý nghiệp.

1. Bồ-tát đầy đủ nhiều thắng giải: Bồ-tát ở nơi 8 chủng thắng giải thành tựu đầy đủ tịnh tín làm tiền dẫn, vui muốn quyết định.

Thắng giải nương vào công đức Tam Bảo, thành tựu đầy đủ tịnh tín làm tiền dẫn, vui muốn quyết định. Đó là đối với công đức chân thật của Phật, Pháp, Tăng, đầy đủ nhiều thắng giải.

Thắng giải nương vào uy lực của Phật, thành tựu đầy đủ tịnh tín làm tiền dẫn, vui muốn quyết định. Đó là đối với uy lực như trước đã thuyết, đầy

đủ nhiều thắng giải.

Thắng giải nương vào nghĩa chân thật, thành tựu đầy đủ tịnh tín làm tiền dẫn, vui muốn quyết định. Đó là đối với chân thật nghĩa như trước đã thuyết, đầy đủ nhiều thắng giải.

Thắng giải nương vào nhân, thành tựu đầy đủ tịnh tín làm tiền dẫn, vui muốn quyết định. Đó là đối với chủng chủng nhiếp lấy nhân không điên đảo, như chỗ thích hợp, đầy đủ nhiều thắng giải.

Thắng giải nương vào quả, thành tựu đầy đủ tịnh tín làm tiền dẫn, vui muốn quyết định. Đó là đối với chủng chủng nhiếp lấy quả không điên đảo, như chỗ thích hợp, đầy đủ nhiều thắng giải.

Thắng giải nương vào nghĩa nên đắc, thành tựu đầy đủ tịnh tín làm tiền dẫn, vui muốn quyết định. Đó là đối với nghĩa Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề nên đắc, Ta có khả năng kham nhiệm quyết định năng đắc, đầy đủ nhiều thắng giải.

Thắng giải nương vào phương tiện chứng đắc, thành tựu đầy đủ tịnh tín làm tiền dẫn, vui muốn quyết định. Đó là ở nơi đạo học của Bồ-tát, năng đắc phương tiện. Vì đắc phương tiện đây, nên đắc nghĩa cần đắc, đầy đủ nhiều thắng giải.

Thắng giải nương vào thiện ngôn, thiện ngữ, thiện thuyết, thành tựu đầy đủ tịnh tín làm tiền dẫn, vui muốn quyết định. Đó là đối với hết thảy pháp như Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt... đầy đủ nhiều thắng giải.

Bồ-tát nương nơi tám chủng thắng giải đây, do hai nhân duyên nên được đầy đủ nhiều thắng giải: 1. Vì tu tập nhiều thắng giải; 2. Vì tu tập Nhẫn mạnh mẽ.

Lúc chư Bồ-tát cầu chánh pháp, phải cầu điều gì? Làm sao mà cầu? Nghĩa nào nên cầu? Chư Bồ-tát phải cầu tất cả pháp tạng Bồ-tát, pháp tạng Thanh văn, tất cả ngoại luận, tất cả luận ngành nghề công xảo của thế gian. Nên biết ở trong mười hai phần giáo, chỉ một phần Phương Quảng nói về tạng Bồ-tát, các phần còn lại nói về tạng Thanh văn. Tất cả ngoại luận lược có ba loại: 1. Nhân luận; 2. Thanh luận; 3. Y phương luận. Tất cả luận ngành nghề công xảo của thế gian, chẳng phải một loại mà nhiều chủng chủng phẩm loại, như thợ sắt, thợ vàng, thợ làm châu báu... các ngành nghề kỹ thuật khác. Tất cả loại như vậy nhiếp thuộc minh xứ. Có năm loại minh xứ: 1. Nội minh

xứ; 2. Nhân minh xứ; 3. Thanh minh xứ; 4. Y phương minh xứ; 5. Công nghiệp minh xứ. Nếu chư Bồ-tát chánh tinh cần cầu học năm minh xứ đây, thì gọi là cần cầu tất cả minh xứ.

Theo ngôn ngữ của chư Phật thì gọi là nội minh luận, đây có bao nhiêu tướng chuyển? Như vậy cho đến tất cả công nghiệp xứ của thế gian, gọi là công nghiệp minh luận, đây có bao nhiêu tướng chuyển?

Nội minh luận lược có hai tướng chuyển: 1. Hiển thị tướng chánh nhân quả; 2. Hiển thị tướng đã làm không mất, chưa làm không được.

Nhân minh luận cũng có hai tướng chuyển: 1. Hiển thị tướng thắng lợi bề gãy luận thuyết của người khác; 2. Hiển thị tướng thắng lợi thoát khỏi luận thuyết của người khác.

Thanh minh luận cũng có hai tướng chuyển: 1. Hiển thị tướng an lập giới, tướng năng thành lập; 2. Hiển thị tướng lợi ích thù thắng khéo léo của ngôn từ.

Y phương minh luận có bốn tướng chuyển: 1. Hiển thị tướng thiện xảo của thể bệnh; 2. Hiển thị tướng thiện xảo của nhân bệnh; 3. Hiển thị tướng

thiện xảo đoạn trừ bệnh đã sanh; 4. Hiện thị tướng thiện xảo về việc bệnh đã đoạn trừ không sanh trở lại.

Tất cả công nghiệp minh luận của thế gian hiển thị nghề nghiệp khéo léo riêng biệt, cách thức tạo làm cũng có chủng chủng tướng sai khác.

a. Sao gọi là nội minh luận hiển thị tướng chánh nhân quả? Có mười chủng nhân kiến lập nhân không điên đảo, nhiếp tất cả nhân, hoặc khiến tạp nhiễm chuyển, hoặc khiến thanh tịnh chuyển, hoặc khiến vô ký chuyển, như việc cấy gặt... ở thế gian.

Sao gọi là mười nhân? 1. Nhân tùy thuyết; 2. Nhân quán đãi; 3. Nhân dẫn dắt; 4. Nhân nhiếp thọ; 5. Nhân sanh khởi; 6. Nhân dẫn phát; 7. Nhân định riêng; 8. Nhân đồng sự; 9. Nhân trái nghịch; 10. Nhân không trái nghịch.

Tất cả pháp, danh làm tiền dẫn nên tướng, tướng làm tiền dẫn nên thuyết. Đây gọi là *nhân tùy thuyết* của các pháp kia. Vì xem xét đối đãi của cái này, vì cái này làm nhân, nên ở nơi các sự việc kia hoặc tìm cầu, hoặc nắm giữ. Cái này gọi là *nhân quán đãi* của sự việc kia. Như vì xem xét đối

đãi tay, vì tay làm nhân, nên có nghiệp cầm nắm. Vì xem xét đối đãi chân, vì chân làm nhân, nên có nghiệp đến đi. Vì xem xét đối đãi chi phần, vì chi phần làm nhân, nên có nghiệp co duỗi. Vì xem xét đối đãi đói khát, vì đói khát làm nhân, nên ở nơi việc ăn uống hoặc tìm cầu, hoặc nắm giữ. Hết thấy vô lượng đạo lý như vậy, nên rõ biết tướng nhân quán đãi. Tất cả chủng tử, so với quả của chính nó về sau, gọi là *nhân dẫn dắt*. Ngoại trừ chủng tử, các duyên còn lại gọi là *nhân nhiếp thọ*. Tức các chủng tử, so với quả của chính nó ban đầu, gọi là *nhân sanh khởi*. Tức là quả do chủng tử ban đầu sanh khởi, so với quả của chủng tử về sau dẫn dắt, gọi là *nhân dẫn phát*. Có chủng chủng loại khác biệt, nhân duyên mỗi mỗi riêng khác, gọi là *nhân định riêng*. Hoặc nhân quán đãi, hoặc nhân dẫn dắt, hoặc nhân nhiếp thọ, hoặc nhân sanh khởi, hoặc nhân dẫn phát, hoặc nhân định riêng, các nhân như vậy nhiếp chung làm một gọi là *nhân đồng sự*. Nhân năng làm chướng ngại cho pháp sanh khởi gọi là *nhân trái nghịch*. Nhân chướng ngại đây hoặc khiếm khuyết, hoặc xa lìa, gọi là *nhân không trái nghịch*.

Nên biết *nhân trái nghịch* lược có sáu chủng:

1. Ngôn ngữ trái nghịch: như có Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra các luận, trước sau trái ngược nhau;
2. Đạo lý trái nghịch: là sự thành lập, các việc được thành lập, các nghĩa sở tri được kiến lập mà không tương ứng với tỷ lượng, chứng thành đạo lý;
3. Sanh khởi trái nghịch: là khi pháp sanh khởi mà duyên năng sanh khuyết, duyên chướng ngại sanh hội hợp;
4. Đồng xứ trái nghịch: như các pháp tham, sân, khổ, vui, sáng, tối...;
5. Oán địch trái nghịch: như độc trùng, chó sói, mèo, chồn, chuột, ác tri thức...;
6. Chướng trị trái nghịch: như tu bất tịnh cùng với tham dục, tu từ cùng với sân, tu bi cùng với hại, tu bảy giác chi, tám thánh đạo cùng với tất cả phiền não hệ buộc ba cõi. Ý nghĩa chính trong đây chủ yếu chỉ nắm lấy “sanh khởi trái nghịch”.

Tất cả nhân đây nhiếp thuộc hai nhân: 1. Nhân năng sanh; 2. Nhân phương tiện. Trong đây, chủng tử dẫn dắt, chủng tử sanh khởi gọi là nhân năng sanh. Các nhân còn lại gọi là nhân phương tiện.

Lại có bốn duyên: 1. Nhân duyên; 2. Đẳng vô

gián duyên; 3. Sở duyên duyên; 4. Tăng thượng duyên. Trong đây, nhân năng sanh gọi là nhân duyên. Nhân phương tiện gọi là tăng thượng duyên. Đẳng vô gián duyên và sở duyên duyên, chỉ so với tất cả tâm, tâm pháp mà nói. Do tất cả tâm và tâm pháp kia, vì được sự sanh khởi dẫn dắt trước kia nhiếp thọ, vì sở duyên cảnh giới nhiếp thọ, nên mới sanh, mới chuyển. Do vậy, đẳng vô gián duyên và sở duyên duyên nhiếp thuộc nhân nhiếp thọ.

Mười nhân như vậy làm sao năng khiến tất cả chủng chủng sự việc thế gian kia chuyển? Làm sao năng khiến tất cả sự tạp nhiễm chuyển? Làm sao năng khiến tất cả sự thanh tịnh chuyển?

Chủng chủng sự vật ở thế gian có chủng chủng danh, tướng, thuyết, thí như đại mạch, tiểu mạch, lúa, nếp, mè, đậu... Tức đây so với kia gọi là *nhân tùy thuyết*. Như nói đại mạch, trước được bảo quản, sau được bảo quản, hoặc mài, hoặc đặt để, hết thủy loại như vậy là chủng chủng tùy thuyết. Như nói đại mạch, còn lại tiểu mạch... nên biết cũng vậy. Quán đãi thân đang đói khát gầy yếu, quán đãi chỗ có ái vị của đoạn thực. Ở nơi kia tìm cầu, nắm giữ, thọ dụng, tức nói pháp kia là *nhân quán đãi*. Do tự

chủng tử hạt giống của kia mỗi mỗi khác nhau, nên vô số sự cấy gặt khác nhau sanh khởi. Tức nói chủng tử kia là *nhân dẫn dắt* của đây. Nhờ các duyên như mưa, đất, nắng... khiến các mầm sanh trưởng, gọi là *nhân nhiếp thọ*. Tức chủng tử kia so với mầm được sanh, gọi là *nhân sanh khởi*. Hết thấy mầm, thân, lá phát triển không ngừng, so với việc chín cho đến thu hoạch, gọi là *nhân dẫn phát*. Từ hạt giống đại mạch, sanh mầm đại mạch, phát triển thành thân lúa đại mạch non, không thể sanh thành loại khác. Ngoài ra các loại khác cũng vậy. Đây nói kia là *nhân định riêng* của đây. Tức tất cả đây, quá trình lúa mạch kia, từ nhân quán đãi cho đến nhân định riêng, cho đến cuối cùng chín rồi gặt, gọi là *nhân đồng sự*. Chỉ cần khuyết một trong những nhân kia thì chẳng thể thành thực, nên tất cả phải hòa hợp. Đây gọi là *nhân đồng sự*. Các pháp chướng ngại như sương muối, mưa đá, thiên tai... so với việc cây lúa xanh tốt, gọi là *nhân trái nghịch*. Khuyết đi các chướng ngại kia gọi là *nhân không trái nghịch* của lúa lớn tốt.

Mười nhân như vậy, chủng chủng sự vật khác

ở thế gian, tùy chỗ thích hợp nên biết rộng như luận Thóc lúa.

Lại ở nơi tất cả duyên khởi tạp nhiễm có chủng chủng danh, tướng, nói thuyết, đó là: vô minh, hành, thức, danh, sắc, nói rộng cho đến lão, tử, sâu, bi, thán, khổ, ưu, não. Tức đây so với kia, các pháp tạp nhiễm, là *nhân tùy thuyết*. Như nói vô minh duyên hành, cho đến sanh duyên lão tử, hết thấy loại như vậy là chủng chủng tùy thuyết. Quán đãi chỗ có sanh khởi ái vị ở nơi các cảnh giới, nên ở nơi các chi hữu tương tục lưu chuyển. Tức kia so với đây, các pháp tạp nhiễm, là *nhân quán đãi*. Ngay trong hiện pháp, các pháp vô minh... chỗ có chủng tử đã sanh khởi, đã trưởng thành, khiến chủng tử đây so với sanh, lão, tử... của đời khác, là *nhân dẫn dắt*. Gần gũi kẻ bất thiện, nghe pháp bất chánh, tác ý không như lý, cộng với thế lực do trước thường xuyên dẫn dắt sanh khởi vô minh... gọi là *nhân nhiếp thọ*. Pháp vô minh... chỗ có chủng tử mỗi mỗi riêng khác, gọi là *nhân sanh khởi*. Từ chi vô minh cho đến chi hữu, triển chuyển dẫn phát tương tục về sau, so với sanh, lão, tử... của đời khác gọi là *nhân dẫn phát*. Chi vô minh khác

và tự chủng tử cho đến chi hữu năng sanh địa ngục; chi vô minh khác và tự chủng tử, cho đến chi hữu năng sanh bàng sanh, ngã quý, người, trời, nên biết cũng vậy. Tức kia so với đây, các pháp tạp nhiễm, gọi là *nhân định riêng*. Tức tất cả kia, từ nhân quán đãi cho đến nhân định riêng, gọi là *nhân đồng sự*. *Nhân trái nghịch* của pháp tạp nhiễm đây, đó là xuất thế gian có đầy đủ chủng tánh, gặp Phật ra đời thuyết chánh pháp, thân cận bậc thiện tri thức, được nghe chánh pháp, như lý tác ý, tùy pháp hành pháp và tất cả pháp Bồ-đề phần. Tức chủng chủng thiện pháp như trên đã nói, hoặc bị khuyết hoặc xa lìa, gọi là *nhân không trái nghịch* của pháp tạp nhiễm. Mười nhân như vậy khiến sanh khởi tất cả tạp nhiễm của tất cả hữu tình.

Lại tất cả phẩm pháp thanh tịnh và diệt Niết-bàn, chỗ có chủng chủng danh, tướng, nói thuyết. Tức đây so với kia, các pháp thanh tịnh là *nhân tùy thuyết*. Như nói niệm trụ, chánh đoạn, cho đến tám thánh đạo chi. Vô minh diệt nên hành diệt, nói rộng cho đến sanh diệt nên lão tử diệt. Hết thủy loại như vậy là chủng chủng tùy thuyết. Quán đãi các hành vì có nhiều quá hoạn, nên vui cầu

thanh tịnh, nhiếp thọ thanh tịnh, thành tựu trọn vẹn thanh tịnh. Kia so với đây là *nhân quán đãi*. Bồ-đặc-già-la an trụ chủng tánh, đầy đủ chủng tánh, năng làm bậc thượng thủ, chứng hai Niết-bàn giới là Hữu dư y và Vô dư y. Kia so với thanh tịnh là *nhân dẫn dắt*. Thân cận bậc thiện tri thức, lắng nghe chánh pháp, như lý tác ý và trước tu tập thành thực các căn, gọi là *nhân nhiếp thọ*. Sở hữu chủng tử nhiếp thuộc chủng tánh, tất cả vô lậu của pháp Bồ-đề phần, so với tất cả pháp Bồ-đề phần kia là *nhân sanh khởi*. Tức tự chủng tử sanh khởi tất cả pháp Bồ-đề phần, thứ lớp năng chứng đắc hai Niết-bàn giới hoặc Hữu dư y hoặc Vô dư y, gọi là *nhân dẫn dắt*. Chủng tánh Thanh văn dụng Thanh văn thừa năng Bát-niết-bàn, chủng tánh Độc giác dụng Độc giác thừa năng Bát-niết-bàn, chủng tánh Đại thừa dụng Vô thượng thừa năng Bát-niết-bàn, kia so với thanh tịnh là *nhân định riêng*. Nếu phẩm thanh tịnh từ nhân quán đãi cho đến nhân định riêng, kia so với thanh tịnh gọi là *nhân đồng sự*. Chủng tánh không đầy đủ, không gặp Phật xuất thế, sanh chốn không nhân hạ, không thân cận bậc thiện sĩ, không được nghe chánh

pháp, không như lý tác ý, tu tập theo tà hạnh, kia so với thanh tịnh là *nhân trái nghịch*. Nhân trái nghịch đây hoặc khiếm khuyết, hoặc xa lìa, gọi là *nhân không trái nghịch* thanh tịnh. Nếu nhân trái nghịch của pháp tạp nhiễm, tức là *nhân pháp thanh tịnh*. Nếu nhân trái nghịch với pháp thanh tịnh, tức là *nhân của pháp tạp nhiễm*.

Như vậy, hiện có mười nhân tạp nhiễm, mười nhân thanh tịnh. Quá khứ đã nhiễm tịnh, vị lai sẽ nhiễm tịnh cũng chỉ có mười nhân như vậy. Ngoại trừ đây ra không có nhân nào vượt quá mười nhân này.

Ở trong tướng đây, sao gọi là quả? Lược có năm loại: 1. Quả dị thực; 2. Quả đẳng lưu; 3. Quả lìa hệ buộc; 4. Quả sĩ dụng; 5. Quả tăng thượng.

Các pháp bất thiện thọ quả dị thực ở trong các cõi ác. Pháp thiện hữu lậu thọ quả dị thực ở trong các cõi thiện. Đây gọi là *quả dị thực*. Vì tập quen bất thiện, vui thích trụ nơi bất thiện, nên pháp bất thiện tăng trưởng. Vì tu tập thiện, vui thích trụ nơi thiện pháp, nên thiện pháp tăng trưởng. Nếu nghiệp gây ra từ trước, tùy chuyển có quả về sau. Đây gọi là *quả đẳng lưu*. Tám thánh

đạo chi diệt các phiền não gọi là *quả lìa trói buộc*. Nếu các dị sanh dùng đạo thế tục diệt trừ phiền não, vì không rốt ráo, nên không được gọi là quả lìa trói buộc. Có một dạng người ở hiện tại theo học một ngành nghề, có được sự ứng dụng thành tựu khéo léo, như làm nông, buôn bán, hội họa, tính toán... Do đây thành tựu sự nghiệp, nên thu hoạch được quả tài bảo, gọi là *quả sĩ dụng*. Nếu nhân thức... gọi là quả tăng thượng của nhân căn, cho đến ý thức... gọi là quả tăng thượng của ý căn. Thân phần chúng sanh không tan, không hoại, gọi là quả tăng thượng của mạng căn. Hai mươi hai căn, mỗi căn năng phát khởi quả tăng thượng, phải biết tất cả đều gọi là *quả tăng thượng*. Tác dụng tăng thượng của hai mươi hai căn, tướng đây trong phần *Nhiếp Sự* sẽ thuyết.

Bồ-tát ở nơi nội minh luận hiển thị tướng chánh nhân quả như thật biết rồi, tinh cần tu tập, khiến chủng tánh trí lực về xứ, phi xứ dần dần được thanh tịnh, dần dần được tăng trưởng.

b. Sao gọi là nội minh luận hiển thị tướng đã làm không mất, chưa làm không được? Các hữu tình tự tạo tác nghiệp, tuy làm đã trải qua hàng

trăm kiếp, nhưng công năng cho quả trọn không bị hoại mất. Cũng không gì không làm, hoặc chẳng phải không làm, hoặc lại làm khác, nên có dị thực hoặc quả dị thực. Bồ-tát ở nơi nội minh hiển thị tướng đã làm không mất, chưa làm không được, như thật biết rõ. Đã biết như thật rồi, tinh cần tu tập khiến chủng tánh trí lực của tự nghiệp dần dần được thanh tịnh, dần dần được tăng trưởng.

2. Bồ-tát thỉnh cầu nghe chánh pháp: Chư Bồ-tát ở nơi pháp thiện thuyết phải an trụ tâm yêu thích quý trọng mạnh mẽ cầu nghe chánh pháp. Tóm lược nói như vậy: “Ở nơi pháp thiện thuyết, tướng an trụ yêu thích mạnh mẽ”. Như chư Bồ-tát chỉ vì muốn nghe một lời pháp thiện, giả sử đường đi trải đầy sắt nóng đỏ cháy rục, không phương tiện nào khác để được nghe lời pháp thiện, vẫn phát khởi tâm quý thích tha thiết dũng mãnh đi vào, huống là Bồ-tát mong muốn nghe nhiều pháp thiện.

Lại chư Bồ-tát đối với thân phần của chính mình và đối với tất cả vật dụng nuôi thân có tâm yêu thích, cũng có tâm yêu thích đối với việc muốn

lắng nghe lời pháp thiện. Nhưng sự yêu thích trước so với sự yêu thích sau trăm phần chẳng bằng một, ngàn phần chẳng bằng một, số phần cũng chẳng bằng một, toán phần cũng chẳng bằng một, cho đến ô-ba-ni-sát-đàm phần cũng chẳng bằng một. Bồ-tát như vậy ở nơi lời pháp thiện sanh kính trọng sâu, thường vui lắng nghe không mệt mỏi, cũng không biết chán đủ; tánh nhu hòa thuần hậu tịnh tín, tâm chất trực, có cái thấy chánh trực. Bồ-tát vì quý kính pháp, vì quý kính đức nên đến chỗ Pháp sư không tâm chất vấn, chỉ có tâm kính trọng; không tâm kiêu mạn, chỉ chuyên tâm cầu thiện; chẳng vì hiển đức của mình, chỉ muốn an lập thiện căn cho mình cho người, không vì nhân duyên lợi dưỡng cung kính. Bồ-tát đầy đủ công đức như vậy mà đến chỗ Pháp sư, tâm không tạp nhiễm, tâm không tán loạn lắng nghe chánh pháp.

Sao gọi là Bồ-tát tâm không tạp nhiễm lắng nghe chánh pháp? Khi nghe chánh pháp, tâm xa lìa tạp nhiễm cống cao, tâm xa lìa tạp nhiễm khinh mạn, tâm xa lìa tạp nhiễm khiếp nhược.

Do sáu tướng khiến tâm xa lìa tạp nhiễm cống cao. Đó là lúc nghe chánh pháp: đúng thời mà

nghe, ân trọng mà nghe, cung kính mà nghe, chẳng vì tổn hại, chẳng vì tùy thuận, chẳng tìm lỗi lầm.

Lại do bốn tướng khiến tâm xa lìa tạp nhiễm khinh mạn. Đó là khi nghe pháp: cung kính chánh pháp, cung kính người thuyết pháp, không khinh chánh pháp, không khinh người thuyết pháp.

Lại do một tướng khiến tâm xa lìa tạp nhiễm khiếp nhược, đó là khi nghe pháp, không tự khinh miệt mình. Bồ-tát tâm không tạp nhiễm như vậy mà lắng nghe chánh pháp.

Sao gọi là Bồ-tát tâm không tán loạn mà lắng nghe chánh pháp? Lược có năm tướng: 1. Lắng nghe chánh pháp với tâm câu tử ngộ; 2. Lắng nghe chánh pháp với tâm chuyên nhất; 3. Lắng nghe chánh pháp bằng cách lắng tai nghe; 4. Lắng nghe chánh pháp để gột rửa tâm; 5. Lắng nghe chánh pháp vì thu nhiếp tất cả tâm.

Bồ tát phải cầu nghe chánh pháp như vậy.

Vì cơ gì Bồ-tát cầu nghe chánh pháp? Chư Bồ-tát cầu nội minh vì chánh tu hành tùy pháp hành pháp, cũng vì rộng khai thị khiến người lợi ích, tỏ ngộ.

Chư Bồ-tát cầu nhân minh vì muốn như thật

rõ biết nhân luận do ngoại đạo tạo là ác ngôn, vì muốn hàng phục các luận thuyết khác của họ, vì muốn khiến người chưa tịnh tín đối với Thánh giáo chân thật được tịnh tín, người đã được tịnh tín khiến tăng trưởng bội phần.

Chư Bồ-tát cầu thanh minh vì muốn chúng sanh vui tin ngôn ngữ điển chương, đối với thân Bồ-tát sanh sâu kính tín. Vì muốn ngộ nhập ngôn âm, văn cú chú giải khác nhau. Trong một nghĩa có chủng chủng phẩm loại, Bồ-tát dùng âm thanh thù thắng tùy thuyết.

Chư Bồ-tát cầu y phương minh vì muốn dứt trừ chủng chủng bệnh tật cho chúng sanh, vì muốn nhiều ích tất cả đại chúng.

Chư Bồ-tát cầu trí công nghiệp xứ thế gian vì muốn dùng ít công lực nhưng thu hoạch nhiều tài bảo, vì muốn đem lại lợi ích cho chúng sanh. Vì khiến chúng sanh đối với Bồ-tát sanh khởi tưởng thật kỳ lạ hiếm có; vì dùng trí khéo phân chia bình đẳng, nhiều ích nhiếp thọ vô lượng chúng sanh.

Bồ-tát cầu tất cả ngũ minh đây vì muốn tư lương đại trí Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề nhanh chóng viên mãn. Nếu không ở nơi tất cả minh xứ

đây thứ lớp tu học, thì chẳng thể đắc Vô trệ trí, Nhất thiết trí.

Như vậy đã thuyết tất cả chư Bồ-tát ở nơi điều chân chánh nên cầu, như vậy mà cầu, vì nghĩa đây mà cầu.

3. Bồ-tát vì người thuyết pháp, phải thuyết những gì? Thuyết như thế nào? Nghĩa gì nên thuyết?

Điều chân chánh nên cầu của chư Bồ-tát tức là điều phải thuyết. Vì nghĩa đây mà cầu, tức là vì nghĩa đây mà thuyết. Nương hai chủng tướng nên vì người mà thuyết: **a.** Nương tùy thuận thuyết nên vì người mà thuyết; **b.** Nương thanh tịnh thuyết nên vì người mà thuyết.

a. *Sao gọi là Bồ-tát nương tùy thuận thuyết nên vì người mà thuyết?* Chư Bồ-tát phải an trụ oai nghi như pháp, chẳng thể chẳng như pháp. Không được vì người không bệnh ngồi trên tòa cao hơn, mà thuyết chánh pháp. Không được người ngồi, mình đứng mà thuyết chánh pháp. Không được người đi trước, mình đi sau mà thuyết chánh pháp. Không được vì người che đầu đi trước, mình đi sau

mà thuyết chánh pháp. Tất cả như *Kinh Biệt Giải Thoát* đã rộng nói. Vì cơ sao? Vì chư Phật, Bồ-tát kính trọng pháp vậy.

Lại đối với pháp sanh tâm tôn kính, cũng sẽ khiến người sanh tâm trọng kính quý pháp, cung kính lắng nghe, không khởi tâm khinh hủy. Lại vì tất cả mà thuyết tất cả pháp, khi thuyết không gián đoạn. Lại đối với chánh pháp không sanh tâm keo lẩn, không nương quyền làm thầy. Lại đối với chánh pháp, theo văn cú thứ lớp mà nêu ra, thứ lớp mà giải thích, thứ lớp mà phân biệt nghĩa. Lại nếu nghĩa pháp dẫn nhiếp nghĩa lợi, phải nên nêu ra, nên giải thích, nên rộng phân biệt, chẳng phải vì nghĩa pháp không dẫn nhiếp nghĩa lợi. Lại nên hiển bày điều cần hiển bày, dạy dẫn điều cần dạy dẫn, khích lệ điều cần khích lệ, vui mừng với điều nên vui mừng. Lại phải nương đạo lý hiện lượng, tỷ lượng, chí giáo lượng mà thuyết chánh pháp, không thể không nương ba đạo lý kia. Lại tuyên thuyết những điều thuận với con đường thiện lành. Lại tuyên thuyết không lộn xộn, không ẩn mật, dễ nhập vào. Lại nên tuyên thuyết xứng hợp bốn thánh đế. Lại khi ở nơi tất cả chúng tuyên

thuyết chánh pháp, tùy theo căn cơ của đại chúng mà thuyết.

Bồ-tát nương 15 tướng tùy thuận thuyết đây mà rộng làm lợi ích hữu tình. Cần phải như vậy mà tuyên thuyết.

b. Sao gọi là Bồ-tát nương thanh tịnh thuyết nên vì người thuyết? Chư Bồ-tát đối với hữu tình đã có oán thù với mình, nên trụ tâm từ vì họ thuyết chánh pháp. Đối với hữu tình làm ác hạnh, nên trụ tâm lợi ích vì họ thuyết chánh pháp. Đối với hữu tình có vui, có khổ, phóng dật, thấp kém, nên trụ tâm lợi ích, tâm an lạc, tâm ai mẫn vì họ thuyết chánh pháp. Không vì tật đố ganh ghét lực tăng thượng mà tự khen mình chê người. Dụng tâm vô nhiễm, không mong cầu lợi dưỡng, cung kính, khen tặng mà vì người thuyết pháp.

Bồ-tát nương 5 tướng thanh tịnh thuyết đây rộng vì lợi ích hữu tình mà như vậy tuyên thuyết.

Tóm lại, tướng tuyên thuyết chánh pháp của Bồ-tát như vậy lược có 20 chủng: 1. Đúng thời; 2. Tôn trọng pháp; 3. Thứ tự; 4. Tương tục; 5. Tùy thuận; 6. Hoan hỷ; 7. Vui thích; 8. Phấn tấn; 9. Sung sướng; 10. Không đui bỏ; 11. Đúng lý; 12.

Xứng thuận; 13. Không lộn xộn; 14. Như pháp; 15. Thuận theo chúng; 16. Từ tâm; 17. Tâm lợi ích; 18. Tâm ai mẫn; 19. Không tự khen mình chê người; 20. Không nương lợi dưỡng, cung kính, xưng khen. Bồ-tát phải thường như vậy mà vì người tuyên thuyết chánh pháp.

4. Tỳ pháp hành pháp của Bồ-tát: Hành đây lược có năm chủng. Bồ-tát như pháp đã cầu, như pháp đã thọ, khiến thân ngữ ý nghiệp hành chuyển không điên đảo, chân chánh tư duy, chân chánh tu tập. Nếu chư Phật Thế Tôn nơi các pháp kia chế phục thân ngữ ý khiến không tạo tác, nơi các pháp đây mở thân ngữ ý khiến tạo tác, tức ở trong hai pháp như vậy, thân ngữ ý nghiệp xa lìa không điên đảo, tu chúng không điên đảo. Đây gọi là Bồ-tát ở trong các pháp, thân ngữ ý nghiệp tùy chuyển tùy pháp hành pháp không điên đảo.

Sao gọi là Bồ-tát chánh tư duy pháp? Chư Bồ-tát vui muốn ở một mình nơi chốn nhàn tịnh, theo pháp đã được nghe vui muốn tư duy, vui muốn suy lường, vui muốn quán sát. Do vậy Bồ-tát tư duy pháp trước cần xa lìa điều không nên nghĩ bàn.

Hằng thường tư duy, gia hạnh không gián đoạn, gia hạnh ân trọng, không chậm chạp. Đó là lúc chư Bồ-tát dũng mãnh tinh tấn tư duy pháp, chỉ ở nơi ít phần pháp, dùng lý quán sát mà tùy thông hiểu nhập vào, chỉ ở nơi ít phần pháp mà đã tin hiểu sâu sắc. Phạm chỗ tư duy chỉ nương nghĩa, không nương văn, như thật hiểu biết pháp được thuyết bằng sự im lặng, pháp được thuyết bằng giọng lớn. Vừa mới tư duy, năng chân chánh nhập vào. Đã ngộ nhập rồi, luôn luôn tác ý khiến được bền vững.

Chư Bồ-tát đây do năng xa lìa những điều không nên nghĩ bàn mà tư duy, nên tâm không rơi vào mê muội, tán loạn. Do năng thường hằng gia hạnh không gián đoạn, ân trọng, không chậm chạp mà tư duy, nên nghĩa trước kia chưa biết nay được chánh rõ biết, được chánh quyết liễu. Nếu nghĩa trước đã rõ thì được không quên mất, được không hoại mất. Do ở nơi ít phần, dùng lý quán mà được nhập vào, nên ở trong sự quán sát pháp theo chánh lý, không do duyên khác. Do ít phần tin hiểu sâu sắc, nên ở nơi tuệ giác ít ỏi của mình chẳng thể thông đạt pháp quá thẳm sâu, ngưỡng mộ chư Như Lai, tự suy nghĩ: “Như vậy là sở hành của Phật,

chẳng phải cảnh giới của ta”. Ở nơi pháp như vậy, không sanh phỉ báng, chẳng tự tổn hại, xa lìa lo sợ, không lỗi trái vượt. Do lúc tư duy pháp chỉ nương nghĩa, chẳng nương văn, nên ở nơi tất cả ngôn ngữ mật ý của Đức Thế Tôn năng tùy ngộ nhập. Do khắp ở tất cả, khéo biết pháp thuyết bằng cách im lặng, pháp thuyết bằng giọng lớn, nên ở nơi nghĩa chân thật không vật không pháp, không bị khuynh động. Do năng chánh ngộ nhập tư duy ban đầu, năng đắc Nhẫn từ trước đến nay chưa đắc. Do đã đắc Nhẫn đây, luôn luôn tác ý khiến tương tục bền vững, năng ở nơi việc tu tập, tùy thuận đi vào.

Bồ-tát do tám tướng đây, năng chánh tu hành tùy pháp hành pháp, nhiếp vào việc tư duy chân chánh.

Sao gọi là Bồ-tát chánh tu hành pháp? Tu đây lược có bốn tướng: 1. Xa-ma-tha; 2. Tỳ-bát-xá-na; 3. Tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na; 4. Vui tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Sao gọi là Xa-ma-tha? Chư Bồ-tát do khéo nương tựa thọ trì tám chủng tư duy, ở trong cảnh sở duyên lìa ngôn thuyết, chỉ có sự, chỉ có nghĩa, buộc tâm

khiến an trụ. Xa lìa các hý luận, lìa tướng tác ý nhiều loạn tâm, thắng giải ở nơi sở duyên. Ở nơi các tướng định, khiến tâm nội trụ, an trụ, đẳng trụ, nói rộng cho đến nhất hướng, đẳng trì. Đây gọi là Xa-ma-tha.

Sao gọi là Tỳ-bát-xá-na? Chư Bồ-tát do huân tu tác ý Xa-ma-tha, ở nơi các pháp trước đã tư duy, tư duy tướng ấy, chọn lựa như lý, chọn lựa tận cùng, cực chọn lựa pháp, nói rộng cho đến giác minh, tuệ, hành. Đây gọi là Tỳ-bát-xá-na.

Sao gọi là tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na? Chư Bồ-tát ở nơi Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, gia hạnh không gián đoạn, gia hạnh ân trọng, hằng thường tu tập.

Sao gọi là vui tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na? Chư Bồ-tát ở nơi tướng Chỉ, Quán như vậy, tâm vô động, lìa gia hạnh, không cần dụng công mà vẫn nhậm vận chuyển, nhiếp thọ không loạn. Đây gọi là vui tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Chư Bồ-tát như như tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, như vậy như vậy vui trụ Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Như như vui trụ Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, như vậy như vậy Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na được

thanh tịnh. Như như Xa-ma-tha thanh tịnh, như vậy như vậy thân an vui, tâm an vui tăng trưởng rộng lớn. Như như Tỳ-bát-xá-na thanh tịnh, như vậy như vậy hoặc tri hoặc kiến tăng trưởng rộng lớn. Ngang đây gọi là tu tập việc cần làm, đó là ở trong sở y nên khiến trừ thô trọng và ở tất cả sở tri, nên tu thanh tịnh trí kiến. Tất cả sở tác tu nghiệp như vậy, Bồ-tát do bốn chủng tướng tu trước kia, mới năng hoàn thành viên mãn.

5. Dạy trao: Nên biết dạy trao lược có tám tướng. Đó là chư Bồ-tát hoặc vì Tam-ma-địa làm chỗ nương, hoặc đã ở chung rất lâu với người, vì tâm từ bi nên muốn dạy trao đối với kia. Hoặc do Như Lai, hoặc do các chúng Bồ-tát khác, vì kia làm giáo thọ. Khi dạy trao trước phải quán xét sâu kỹ tầm tư tâm người. Tầm tư rõ biết như thật tâm rồi, tầm tư rõ biết như thật nơi căn. Tầm tư rõ biết như thật nơi căn rồi, tầm tư rõ biết như thật ý vui. Tầm tư rõ biết như thật ý vui rồi, tầm tư rõ biết như thật tùy miên. Tầm tư rõ biết như thật tùy miên rồi, như chỗ thích hợp tùy nghi thị hiện chủng chủng phương tiện môn thú nhập, khiến hữu tình

kia đi vào. Đó là hoặc tu bất tịnh, hoặc tu từ, hoặc tu chủng chủng duyên khởi của tánh duyên, hoặc tu giới sai biệt, hoặc tu A-na-ba-na niệm. Đã khiến người kia thú nhập rồi, lại vì kia thuyết pháp năng đối trị hạnh tà chấp biên thường, biên đoạn. Cũng khiến kia đoạn trừ xả ly các tầng thượng mạn, chưa làm cho là làm, chưa đắc cho là đắc, chưa xúc cho là xúc, chưa chứng cho là chứng.

Tám tướng dạy trao của Bồ-tát như vậy nhiếp vào ba việc. Sao gọi là ba việc? 1. Người tâm chưa an trụ, vì khiến kia an trụ, khiến ở nơi sở duyên, buộc niệm không điên đảo; 2. Người tâm đã an trụ, vì khiến kia thành tựu nghĩa tự lợi, nên vì kia tuyên thuyết phương tiện đạo chân chánh; 3. Người tự tu tập, nhưng chưa đi đến rốt ráo, thì khiến xả bỏ những chướng nạn ở trung gian.

Nếu Bồ-tát biết tâm, căn, ý vui, tùy miên của người kia rồi, như chỗ thích hợp tùy nghi thị hiện chủng chủng môn thú nhập, khiến người kia đi vào; đây gọi là với người tâm chưa an trụ thì khiến an trụ, khiến ở nơi sở duyên buộc niệm không điên đảo. Nếu Bồ-tát tuyên thuyết để đối trị sở hành tà chấp của hai biên đoạn, thường; đây gọi là người

tâm đã an trụ, vì khiến kia thành tự nghĩa tự lợi, nên tuyên thuyết phương tiện đạo chân chánh. Nếu Bồ-tát khiến kia đoạn trừ, xa lìa các tầng thượng mạn, chưa làm cho là làm, nói rộng cho đến chưa chứng cho là chứng; đây gọi là người tự tu tập, nhưng chưa đi đến rốt ráo, khiến xả bỏ những chướng nạn ở trung gian. Ba việc đây nên biết năng nhiếp tám tướng dạy trao.

Bồ-tát như vậy, hoặc do được chánh dạy trao từ người, hoặc do thí pháp cho người không điên đảo, năng khiến tám lực chủng tánh khác dần dần được thanh tịnh, dần dần được tăng trưởng: 1. Chủng tánh trí lực tĩnh lự giải thoát đẳng trì, đẳng chí; 2. Chủng tánh trí lực các căn thắng liệt; 3. Chủng tánh trí lực chủng chủng thắng giải; 4. Chủng tánh trí lực chủng chủng giới; 5. Chủng tánh trí lực vào khắp hành; 6. Chủng tánh trí lực túc trụ tùy niệm; 7. Chủng tánh trí lực tử sanh; 8. Chủng tánh trí lực lậu tận.

6. Dạy răn: Dạy răn lược có năm tướng: 1. Sự hiện hành ngăn cấm có tội; 2. Sự hiện hành khai mở không tội; 3. Nếu có người ở trong pháp ngăn

cấm, khai mở mà tạm thời hủy phạm, thì như pháp can ngăn khiến ăn năn; 4. Nếu có người ở trong pháp kia luôn luôn khinh mạn, hủy phạm, thì dùng ý vui thân thiện, không niêm trước, không biến đổi, như pháp quả trách, đuổi ra, khiến người kia nhớ nghĩ lại; 5. Nếu có người ở trong pháp kia năng chân chánh hành trì, thì từ ái xưng khen chân thật công đức, khiến kia hoan hỷ.

Nên biết đây nói lược năm tướng dạy răn của Bồ-tát, đó là: ngăn cấm, khai mở, can ngăn khiến ăn năn, quả trách đuổi ra, vui mừng khích lệ.

7. Phương tiện nhiếp hộ nghiệp thân, ngữ, ý của Bồ-tát: Nếu nói tóm lược thì bốn tướng nhiếp sự của Bồ-tát gọi là phương tiện. Như Đức Thế Tôn dạy: “Bồ-tát thành tựu phương tiện nhiếp vào bốn tướng nhiếp sự, mới được gọi là Bồ-tát”.

Nhân duyên nào chỉ có bốn nhiếp sự mới được gọi là phương tiện? Chư Bồ-tát lược do phương tiện nhiếp vào bốn tướng nhiếp sự như vậy, nên khắp năng nhiếp thọ, điều phục, thành thực tất cả hữu tình. Ngoài đây ra không còn tướng nào khác bốn tướng này.

Những gì gọi là bốn tướng phương tiện? 1. Phương tiện tùy nhiếp; 2. Phương tiện năng nhiếp; 3. Phương tiện khiến nhập; 4. Phương tiện tùy chuyển.

Chư Bồ-tát hành bố thí trước tiên, gọi là *phương tiện tùy nhiếp*. Vì cơ sao? Bồ-tát trước hết dụng chủng chủng tài vật để bố thí mà nhiều ích hữu tình, vì muốn khiến hữu tình kia lắng nghe, lãnh thọ những lời giảng dạy, vâng lãnh hành trì.

Kế đến Bồ-tát hành ái ngữ, như những nơi nào có kẻ ngu mê, vì muốn dứt trừ hoàn toàn sở hữu ngu si của kia, khiến kia nhiếp thọ, quán sát như lý. Bồ-tát ái ngữ như vậy nên biết gọi là *phương tiện năng nhiếp*.

Bồ-tát biết hữu tình kia đã trân trọng nhiếp thọ, quán sát đạo lý một cách chân chánh, tiếp đến hành lợi hành khiến hữu tình kia ra khỏi bất thiện, an trú pháp thiện. Bồ-tát khuyên răn hữu tình kia nỗ lực tự điều phục, kiến lập đặt để họ ở nơi an ổn. Bồ-tát lợi hành như vậy gọi là *phương tiện khiến nhập*.

Chư Bồ-tát dùng phương tiện như vậy, khiến các hữu tình được nhập vào rồi, rốt sau, nơi chánh

sự nghiệp đó cùng chung với kia tu hành, khiến kia chuyển theo. Do nhân duyên đây, khiến người được giáo hóa không nói lời này: “Ngài không tự viên mãn tịnh tín, viên mãn giới, viên mãn huệ thí, viên mãn trí tuệ, làm sao lại ở nơi thiện khéo can ngăn khiến ăn năn, quở trách đuổi bỏ và khiến nhớ nghĩ đối với người?”. Cho nên sở hành thứ tư của Bồ-tát là đồng sự nhiếp sự, gọi là *phương tiện tùy chuyển*.

Bốn tướng phương tiện của Bồ-tát như vậy, hoặc chung, hoặc riêng nhiếp lấy thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp. Đây gọi là phương tiện nhiếp lấy ba nghiệp, đối với các hữu tình, năng chân chánh nhiếp thọ, điều phục, thành thực.



Quyển 39

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA Phân đầu TRÌ DU GIÀ XỬ Phẩm 9. BỐ THÍ

Lại nữa, Bồ-tát thứ lớp viên mãn sáu Ba-la-mật-đa, năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đó là Bố thí Ba-la-mật-đa, Tịch giới Ba-la-mật-đa, An nhẫn Ba-la-mật-đa, Tinh tấn Ba-la-mật-đa, Tĩnh lự Ba-la-mật-đa, Trí tuệ Ba-la-mật-đa.

Sao gọi là **Bố-thí Ba-la-mật-đa của Bồ-tát?**
Ôt-Đà-Nam thuyết:

*Tự tánh, tất cả, khó,
Tất cả môn, thiện sĩ,
Tất cả chúng, toại cầu,
Hai đời vui, thanh tịnh,
Chín chủng tướng như thế
Đây gọi lược nói thí.*

Có chín chủng tướng bố thí, gọi là Bố thí Ba-la-mật-đa của Bồ-tát: **1.** Tự tánh thí; **2.** Tất cả thí; **3.** Khó hành thí; **4.** Tất cả môn thí; **5.** Thiện sĩ thí;

6. Tất cả chủng thí; 7. Thỏa mãn mong cầu thí; 8. Vui thí đời này, đời khác; 9. Thanh tịnh thí.

1. Tự tánh thí của Bồ-tát: Chư Bồ-tát đối với tài vật của bản thân không lòng đoái tiếc, năng thí xả tất cả vật cần thí, không khiến nghĩ suy đồng hành với tham nhân đây phát khởi. Năng thí tất cả những vật thí vô tội thanh tịnh. Hai nghiệp thân, ngũ an trụ luật nghi. Tùy thuận kiến A-cấp-ma (*A-Hàm*), kiến quyết định có quả báo. Tùy theo đối tượng mong cầu mà hành huệ thí. Đây gọi là tự tánh thí của Bồ-tát.

2. Tất cả thí của Bồ-tát: Lược có hai loại: 1. Vật thí bên trong; 2. Vật thí bên ngoài.

Nếu chư Bồ-tát chỉ xả thân mình, gọi là chỉ thí vật thí bên trong. Nếu chư Bồ-tát vì thương chúng sanh sống nhờ vào thức ăn nôn mửa, nên Bồ-tát luôn luôn ăn rồi nôn lại thức uống ăn để thí cho chúng. Đây gọi là tạp thí vật thí trong và ngoài. Trừ những điều đã nói ở trên, nếu chư Bồ-tát thí tất cả những vật cần thí khác, gọi là chỉ thí vật thí bên ngoài.

Lại chư Bồ-tát lấy thân mình để thí cho người đến cầu xin lược có hai tướng: 1. Có người cầu xin toàn bộ thân, Bồ-tát liền đem thân thí cho người kia. Tùy theo ý muốn của họ mà làm việc, hệ thuộc họ, tùy thuận họ. Ví như có kẻ vì kế sinh nhai, Bồ-tát mạnh mẽ tự mình làm kẻ tôi tớ cho người. Bồ-tát như thế không tâm ái nhiễm, chỉ vì mau chóng Bồ-đề tối thắng, chỉ vì lợi ích an lạc chúng sanh, chỉ vì nhanh chóng viên mãn Bồ thí Ba-la-mật-đa, nên đem thân xá thí cho kẻ kia, theo ý muốn của kia làm việc, hệ thuộc kia, tùy thuận kia; 2. Có người chỉ cầu xin một trong số chi phần của cơ thể như tay, chân, đầu, mắt, gân, cốt, máu, thịt cho đến tủy não. Bồ-tát đều tùy theo mong muốn của kia, thấy đều thí cho.

Lại chư Bồ-tát dùng vật thí bên ngoài bố thí cho chúng sanh cũng do hai tướng: 1. Đối với kẻ cầu xin để thọ dụng, thì Bồ-tát bố thí như chỗ cần, như ý thích của kẻ kia, mặc cho kia tùy ý thọ dụng; 2. Đối với kẻ cầu xin được tự tại, Bồ-tát không cần suy nghĩ, thấy đều thí cho họ.

Lại chư Bồ-tát chẳng phải không có sự sai biệt khi sử dụng tất cả loại, tất cả sở hữu vật thí

trong ngoài để bố thí cho chúng sanh. Tức là chư Bồ-tát đây dùng chũng chũng vật thí trong ngoài, hoặc có thí cho, hoặc không thí cho đối với chúng sanh. Sao gọi là thí cho? Sao gọi là không thí cho? Chư Bồ-tát nếu biết bố thí chũng chũng vật thí trong ngoài cho chúng sanh kia, chỉ khiến họ được vui mà không làm lợi ích, hoặc không khiến họ vui cũng không làm lợi ích, thì Bồ-tát không thí cho. Nếu biết chũng chũng vật thí trong ngoài, đối với chúng sanh kia quyết chắc làm lợi ích mà không nhất định làm an vui, hoặc quyết chắc làm an vui cũng quyết chắc làm lợi ích, Bồ-tát liền thí cho.

Như vậy đã nói lược Bồ-tát nên thí, không nên thí, kế tiếp sẽ biện rộng.

Hoặc có người đến mong cầu cùng chư Bồ-tát làm bạn hữu để làm điều phi lý, bức bách, tổn hại, lừa dối, mê hoặc đối với người, thì không đem thân thí cho kẻ kia, không theo ý muốn kẻ kia mà làm, không hệ thuộc kia, không tùy thuận kia. Chư Bồ-tát thà trăm lần trở lại, ngàn lần trở lại, trăm ngàn lần trở lại tự xả thân mạng thí cho chúng sanh, trọn không theo sự sai bảo của kẻ kia, làm vui lòng kẻ kia, để rồi đối với chúng sanh gây tạo

những việc phi lý, bức bách, tổn hại, dối gạt.

Nếu chư Bồ-tát nơi việc hành thí ý vui thanh tịnh, thấy có vô lượng việc lợi ích chúng sanh hiện đang cần làm, nếu có kẻ đến cầu xin chi phần của thân thì không nên thí cho. Vì có sao? Chẳng phải Bồ-tát đối với việc hành thí ý vui không thanh tịnh, tâm sanh khiếm nhược thối lui mà khởi nghĩ: đây nên khá bố thí, đây không nên khá bố thí, đây nên thí cho, đây không nên thí cho. Bồ-tát chỉ vì muốn khiến ý vui của kẻ kia được thanh tịnh, nên tu xả việc lợi ích chúng sanh hiện tiền mà thí thân phần cho kia. Nếu ý vui của kia đã thanh tịnh, thì không nên xả bỏ việc lợi ích chúng sanh hiện tiền mà thí xả thân phần.

Lại, chư Bồ-tát nếu thấy chúng thiên ma ô mòng não loạn, hiện đến cầu xin chi phần cơ thể, thì không nên phân chia thân thể để thí cho. Vì có sao? Chớ để chúng thiên ma kia gây tổn hại, sẽ thu hoạch tội lỗi sâu nặng bậc thượng. Như chúng thiên ma, thì đối với chúng sanh bị ma kia sai sử, nên biết cũng vậy.

Nếu có chúng sanh tâm si mê cuồng loạn đến cầu xin chi phần thân thể của Bồ-tát, cũng không

nên phân chia thân thể mà thí cho. Vì cố sao? Vì kia tâm không ổn định, không vì nghĩa lợi mà đến cầu xin, vì tâm cuồng loạn không được tự tại, phát ra vô lượng lời nói cuồng vọng; cho nên không được bố thí thân phần cho kia.

Trừ những điều đã nói ở trên, nếu có người đến cầu xin chi phần thân thể, Bồ-tát tùy theo ý muốn của họ mà thí xả thân, tùy theo ý muốn của họ mà làm, hệ thuộc họ, tùy thuận họ. Đây gọi là Bồ-tát ở nơi vật thí bên trong hoặc nên thí cho, hoặc không nên thí cho.

Lại chư Bồ-tát đối với vật thí bên ngoài, nếu có chúng sanh đến cầu xin tất cả vật loại như lửa, dao, rựa... hoặc dùng để tự hại, hoặc dùng để hại người, thì không thí cho. Nếu có chúng sanh đến cầu xin lửa, dao, rựa... hoặc dùng để nhiều ích mình, hoặc để nhiều ích người, tức liền thí cho.

Lại chư Bồ-tát không lấy những vật thuộc sở hữu người khác, không được sự đồng ý của họ mà hành bố thí.

Lại chư Bồ-tát không làm mai mối, đem thể thiếp của người mà hành bố thí.

Lại chư Bồ-tát không dùng vật thực ăn uống

có trùng giòi mà hành bố thí.

Lại chư Bồ-tát nếu thấy chúng sanh đến cầu xin chũng chũng vật năng dẫn phát việc vui chơi, năng dẫn phát việc vô nghĩa, thì không thí cho. Vì có sao? Nếu thí cho kia, tuy tạm thời khiến kia sanh tâm vui mừng đối với Bồ-tát, nhưng kẻ kia nường dây rộng gây tạo vô số việc không lợi ích. Tức là do sự bố thí đây, khiến kia hành nhiều kiêu căng, phóng dật, ác hạnh, đến khi thân hoại mạng chung sẽ đọa vào các đường ác. Nếu Bồ-tát tuy cũng thí cho chũng chũng vật dụng để vui chơi, nhưng không khiến chúng sanh sa vào các đường ác, cũng không tăng trưởng các căn bất thiện, chỉ vì muốn khiến kia được nhiếp thọ nhiều ích, sanh tâm tịnh tín. Bồ-tát nhân đây dễ dàng giáo hóa, dễ dàng thành thực, nên tùy mong cầu của kia, thấy đều thí cho.

Chư Bồ-tát nếu thấy có người đến cầu xin các vật dụng để vui chơi, cái gì nên thí cho, cái gì không nên thí cho? Chư Bồ-tát trọn không thí những vật dụng sẵn bán cho người. Hoặc trong các lễ cúng tế tạp uế, chiêu tập nhiều người, nhiều phương tiện, tổn hại nhiều thân mạng, thu hoạch

vô lượng tội, Bồ-tát đối với các lễ cúng tế kia trọn không tự làm, cũng không dạy người làm. Hoặc nơi các miếu thờ trời, cũng không giết vật để cúng tế. Hoặc có người vì muốn sát hại sinh mạng của vô lượng chúng sanh, nên đến cầu xin hoặc nước hoặc đất, là chỗ sinh sống của kia, Bồ-tát đã biết trọn không thí cho. Hoặc có người đến xin những vật như lưới đánh cá, bẫy thú, bắt chim... để làm hại chúng sanh, hoặc để tập thử, Bồ-tát đều không thí cho. Hoặc có oan gia vì muốn trả báo sự hiềm khích, vì muốn mắng chửi, trói cột, giết hại, trị phạt, tranh đoạt tài bảo mà đến cầu xin, Bồ-tát trọn không thí cho.

Tóm lại, tất cả vật dụng dùng để vui chơi, dùng để bức bách tổn hại chúng hữu tình, có người đến cầu xin Bồ-tát đều không thí cho. Nếu lại có người vì ham muốn mà đến cầu xin chũng chũng voi, ngựa, quân, xe, y phục, hương hoa trang sức, thức ăn uống thượng diệu, các loại nhạc khí để tập đàn ca hát xướng; chũng chũng thứ để vui chơi như vườn, rừng, lầu, quán, nhà, chợ, nữ hầu; tập học chũng chũng nghề nghiệp công xảo... Tất cả dụng cụ để vui chơi như vậy, vì muốn khiến kia nhân

đây phát khởi tín tâm thanh tịnh, thì Bồ-tát thấy đều thí cho.

Lại chư Bồ-tát hoặc thấy có người bệnh đến cầu những vật thực ăn uống quá lượng, không phù hợp, thì cũng không thí cho. Hoặc có chúng sanh đã ăn uống no đủ rồi, nhưng tánh tham ăn, luôn tham cầu quan tâm đến thức ăn uống mỹ diệu, thì cũng không thí cho. Hoặc có chúng sanh bị ưu sầu bức bách, muốn cầu được sát hại, như đánh đập thân thể, uống thuốc độc, thả mình từ núi cao rơi xuống, nhảy xuống vực sâu, tự thiêu mình... Bồ-tát đều không được thí cho theo mong cầu của kia.

Lại, chư Bồ-tát nếu thấy người đến cầu xin cha mẹ, sư trưởng, thì quyết định không được thí. Vì có sao? Chư Bồ-tát đối với cha mẹ, sư trưởng là những người có ân sâu dày nuôi dưỡng dạy dỗ, ở trong đêm dài thường tự đặt ân đây trên đánh đầu mình, hằng thời đem thân tùy thuận kính vâng, không sanh nhàm mỏi. Nhẫn đến bị giết hại, trói cột, chửi mắng, mua bán, vẫn còn không dám ôm tâm trộm nghĩ thí cho, hà huống đem thí cho người đến cầu xin!

Lại, chư Bồ-tát nếu làm Quốc vương quán đánh

tự tại thống lãnh bờ cõi, đối với quan dân trong nước, trọn không được cướp đoạt vợ con người này để chuyển thí cho người khác. Chỉ giữ gìn tự lạc, thôn xóm, sông núi, đất đai, lầy đây hoặc hoàn toàn, hoặc chia nhỏ dùng để bố thí, rồi nói với người được thí rằng: “Như sự ân hóa của ta đây, người cũng nên làm như vậy”.

Lại chư Bồ-tát đối với quyến thuộc, thân thích, vợ con, nô tỳ, nô bộc của mình, nếu trước không dùng lời lẽ chân chánh, hợp tình dẫn dụ khiến họ hoan hỷ, thì trọn không được cưỡng bức đem bố thí cho người cầu xin, khiến họ sanh ưu não. Tuy trước kia đã dùng lời lẽ chân chánh hợp tình dẫn dụ, khiến họ hoan hỷ sanh lòng vui thuận, nhưng cũng không được thí cho người hung bạo, oan gia, bạn ác, dục-xoa, la-sát. Không được đem vợ con, hoặc nam nữ trong dòng tộc có thể lực yếu đuối mà thí cho người đến cầu xin để làm tội tở.

Lại chư Bồ-tát thấy người bức não chúng sanh tội bậc, người thích gây chủng chủng nghiệp bạo ác, đến cầu chức vị, thì không được thí cho. Nếu kẻ bạo ác kia đang ở chức vị, Bồ-tát có quyền lực hơn còn phải phế truất, hướng là thí cho.

Lại chư Bồ-tát trọn không xâm đoạt tài bảo của thân thích, quyến thuộc, cha mẹ, vợ con, tôi trai tớ gái, lấy đó dùng bố thí; cũng không bức nã họ, lấy tài vật được thí để thí cho người đến xin.

Lại chư Bồ-tát dùng chánh pháp, không dùng tội bạo để tích lũy tài vật mà hành huệ thí. Không dùng phi pháp, không dùng tội bạo, cũng không dùng bức bách tổn nã đối với người mà hành huệ thí.

Lại chư Bồ-tát nếu ở trong thánh giáo của chư Phật mà xuất gia, trọn không trái vượt học xứ đã thọ mà hành huệ thí.

Lại chư Bồ-tát lúc hành huệ thí, phải rộng khắp tất cả hữu tình, khởi tâm bình đẳng, trụ tướng phước điền mà hành huệ thí. Trọn không phân biệt dạng người sai biệt: người oán, người thân, người không oán thân, người có đức, không đức, người xấu, tốt, người có khổ, có vui...

Lại chư Bồ-tát như điều trước kia đã hứa, đã nói, trọn không được giảm bớt khi người đến cầu xin, chỉ được bố thí ngang bằng hoặc hơn thế.

Lại chư Bồ-tát trọn không được trước hứa bố thí tài vật tốt đẹp, mà về sau lại bố thí tài vật xấu

kém. Nếu trước kia đã hứa thí cho tài vật xấu kém, mà có tài vật tốt đẹp, sau đó bố thí tài vật tốt đẹp ấy thì được phép.

Lại chư Bồ-tát không dùng hai ý, không đem tâm giận dữ, tháo động, tạp loạn mà hành huệ thí.

Lại chư Bồ-tát trọn không thí rồi mà lại tự xưng khen, như luôn dùng nhiều lời bảo rằng: “Tôi đã từng hành huệ thí cho ông như thế, như thế, nhiếp thọ nuôi sống cứu vớt ông”.

Lại chư Bồ-tát đối với kẻ hạ tiện, khi hành bố thí hãy còn không được bất kính, ném vất mà thí cho, hà huống đối với bậc có đức.

Lại chư Bồ-tát, nếu người đến cầu xin hành chủng chủng tà hạnh, hủy phạm, trạo cử, quấy nhiễu, không tự phòng hộ, chuyên hành mắng chửi, sân hận, trách móc... trọn không đối với kẻ kia tạm khởi tà hạnh, khởi tâm mỗi một mà hành huệ thí. Vì rõ biết kẻ kia bị phiền não vây bủa khiến biến đổi tâm tánh, nên Bồ-tát lại càng an trụ tâm lân mẫn sâu xa mà hành huệ thí.

Lại chư Bồ-tát không do ác kiến, hư vọng chấp thủ mà hành huệ thí. Như những lễ cúng tế bạo ác, chẳng được mưu tính sát sanh cho là như pháp bố

thí, cũng không được hư vọng chấp thủ tướng trạng tương ưng với điềm kiết hung mà hành bố thí.

Lại chư Bồ-tát trọn không vọng tính vì tất cả chủng thanh tịnh cực thiện mà hành huệ thí, đó là vì ly dục thanh tịnh của thế gian và xuất thế gian; chỉ rõ biết việc hành bố thí như thế là tư lương thanh tịnh của việc ly dục.

Lại chư Bồ-tát không quán xét quả mà hành huệ thí. Tất cả việc bố thí chỉ vì hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Lại chư Bồ-tát như thật rõ biết tất cả phẩm loại sở hành bố thí, sanh tin hiểu sâu sắc quả thí dị thực của tất cả phẩm loại thí; không do duyên khác, không do người dẫn mà hành bố thí. Đó là tin hiểu thí thức ăn uống năng cảm sự khỏe mạnh, thí các y phục năng cảm diệu sắc, thí các loại xe năng cảm vui vẻ khoái lạc, thí tất cả các loại đèn sáng năng cảm được mắt thanh tịnh. Tất cả loại như vậy nên biết nói rộng.

Lại chư Bồ-tát không vì lo sợ tự thân bần cùng mà hành bố thí, chỉ vì ý vui thương xót chúng sanh mà hành bố thí.

Lại chư Bồ-tát đối với kẻ đến cầu xin, trọn

không thí cho những vật không hợp với phép tắc. Như thí cho người xuất gia những thức ăn uống dư thừa, hoặc các vật tạp nhiễm các loại bất tịnh, nước dãi, máu mủ... mà không nói rõ khiến người nhận không biết; thí cơm cháo... không như pháp, như người không ăn hành mà lại thí hành trộn lẫn vào thức ăn, người không ăn thịt mà lại thí thịt trộn lẫn vào thức ăn, người không uống rượu mà lại thí rượu trộn lẫn vào thức ăn. Hoặc lại sắp xếp công việc không hợp với phép tắc mà hành bố thí. Hết thấy loại bố thí không hợp với phép tắc như vậy, Bồ-tát trọn không làm.

Lại chư Bồ-tát không được để người đến cầu xin phải qua lại nhiều lần, thân mệt gần gũi, tới lui mỗi mệt, rồi sau mới thí; chỉ vừa đến cầu xin phải liền thí cho.

Lại chư Bồ-tát không vì danh tiếng xưng khen của thế gian mà hành bố thí, không nương sự báo đáp ân đức của người mà hành bố thí, không nương quả Đế Thích, Ma vương, Luân vương, Tự tại... mà hành bố thí. Lại cũng không lừa dối, dụ dỗ mà hành bố thí, như muốn khiến quốc vương, đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ, trưởng giả nhiều tài bảo, thương

chủ, các thí chủ biết mình hành bố thí, nhằm sanh tâm tôn trọng, cung kính, tán thán, cúng dường.

Lại chư Bồ-tát không hẹp kém mà hành huệ thí, tuy có ít tài bảo vẫn còn rộng lòng thí, hà huống có nhiều tài bảo.

Lại chư Bồ-tát không vì lừa dối người mà hành huệ thí, như là trước đối với kẻ kia hành huệ thí chút ít khiến họ sanh lòng yêu mến, gần gũi nương tựa, sau lại hãm hại tiêu diệt họ.

Lại chư Bồ-tát không vì trái nghịch chia rẽ người khác mà hành huệ thí, như khởi nghĩ: “Ta dùng thí đây để chia rẽ một phần thôn xóm, hoàn toàn thôn xóm; chia rẽ một phần đất nước, hoàn toàn đất nước, khiến người phản bội lại chủ, trở lại quy phục nơi ta”.

Lại chư Bồ-tát mạnh mẽ siêng năng không lười biếng, phát khởi sự linh hoạt, dũng mãnh nhạy bén tự nghiêm thân, trước tự hành bố thí, sau khuyến phát khích lệ người hành bố thí. Không được bản thân mình ít bố thí, mà lại khuyến phát người khác tinh cần bố thí.

Lại có vô lượng người cùng tụ tập đến cầu xin, Bồ-tát như thật rõ biết người trì giới, người phạm

giới, tùy theo lớn nhỏ mà sắp đặt chỗ ngồi thứ tự từ trên xuống dưới, phân phát các vật thí đầy đủ, đồng đều, giáp vòng trở lại.

Lại chư Bồ-tát hiện có vô lượng tài bảo rộng nhiều, trọn không được hạn lượng mà hành bố thí.

Lại chư Bồ-tát không tổn não người mà hành huệ thí, tức là không được quở trách, thóa mạ, đánh đập, khủng bố, hủy nhục, trói buộc, gia hại, đuổi người này mà lại hành bố thí cho người kia.

Lại chư Bồ-tát trước khi thí, ý vui; đang lúc thí, tâm thanh tịnh; sau khi thí, tâm không hối tiếc.

Lại chư Bồ-tát lòng không siểm nịnh đối trá mà hành huệ thí, tức là trọn không được đem trần châu, ma-ni, loa bối, ngọc bích, san hô giả mà thí cho người, hy vọng có được trần bảo thật.

Lại chư Bồ-tát sở hữu tài vật hoặc ít hoặc nhiều, tâm không được thay đổi, tức là không được trước đã thí tất cả, sau cầu xin lại. Phải xem tài vật đã thí như hoàn trả vật cho người.

Lại chư Bồ-tát thí đúng thời, không thí phi thời; mình người tịnh thí, không phải không thanh tịnh; hợp phép tắc mà thí, không được không hợp

phép tắc; tâm không loạn mà thí, không được tán loạn.

Lại chư Bồ-tát thấy người đến cầu xin, trọn không cười nhạo, khinh khi, đùa cợt, cũng chẳng khiến người đỏ mặt hổ thẹn, cũng chẳng cau mày khó chịu. Nét mặt thư thái, mắt nhìn ôn hòa, trước cười sau nói, trọn không được trì hoãn, phải nhanh chóng mà hành thí.

Lại chư Bồ-tát tuy thấy người không cầu xin, nhưng biết người kia đang có ý cầu xin mình, nên đáp ứng thích hợp nhu cầu của kia, lại thêm cởi mở khiến kia vui vẻ nhận lấy.

Lại chư Bồ-tát không dùng ác tuệ, thường dùng tuệ khéo mà hành bố thí. Sao gọi là Bồ-tát dùng tuệ khéo mà hành bố thí? Chư Bồ-tát hiện có vô số tài vật dùng để bố thí, nhưng người cầu xin chưa đến, trước phát tâm này: “Giả sử có hai người cùng đến cầu xin ta, một người an vui, chẳng nghèo khó, chẳng bần cùng, có nơi nương tựa, một người nghèo cùng, khốn khổ, thiếu thốn, không nơi nương tựa. Ngay lúc bấy giờ, tự ta phải dự đoán để phân phát tài vật đúng lượng hiện có. Nếu có thể khiến cả hai đều đầy đủ mãn nguyện, thì nên thí cho cả hai.

Nếu tài vật không thể khiến cả hai được đầy đủ mãn nguyện, thì phải phương tiện đối với người thứ nhất, còn dùng hết tài vật thí cho người thứ hai”. Phát tâm như vậy rồi, như điều đã tư duy tức liền thực hiện. Đối với người an vui đến cầu xin, Bồ-tát không đủ khả năng khiến kia đầy đủ mãn nguyện, nên trước phương tiện phát ý tư duy, dùng lời từ tạ: “Tôi đã hứa dùng vật đây để thí cho người có hoàn cảnh bần cùng khốn khổ, nên nay tôi phải thí cho họ. Chẳng phải tôi đối với ông không tâm vui thí, chỉ vì khả năng của tôi có hạn, mong ông chớ đối với tôi mà sanh tâm oán giận trách hờn”.

Lại chư Bồ-tát hiện có chủng chủng tài vật dùng để bố thí, biết có nhà hà tiện rất keo kiệt, tiếc rẻ tài bảo, luôn lo âu sợ hãi, họ chưa từng huê thí cho một Sa-môn, Bà-la-môn. Bồ-tát liền đi đến nhà đó, trước mở lời thăm hỏi vấn an, sau dùng phương tiện kính thuận cất lời: “Tôi không khiến tài bảo của ông giảm bớt, mà chỉ khiến ông làm được việc nhiều ích lớn trong hiện tại. Nhà tôi hiện có nhiều tiền của, nhiều vật dụng dùng để bố thí, vì tôi muốn viên mãn Bố thí Ba-la-mật-đa, nếu có người đến nhà ông cầu xin, chớ để họ về không,

hãy đến nhà tôi để lấy tài vật, tùy ý thí cho họ. Nếu có người đến nhà tôi cầu xin, khi tôi hành thí, mong ông đối với việc thí đây nên sanh tâm tùy hỷ”. Kia nghe lời đây rồi, liền sanh vui mừng hoan hỷ: “Như vậy tài bảo của ta không bị khuyết giảm, lại được tán thán là người có tấm lòng thiện. Vì vậy ta nên tùy thuận để thành tựu việc làm này”. Bồ-tát hành như vậy khiến kia dần dần gieo trồng hạt giống điều phục keo lẩn. Do Bồ-tát lấy tuệ làm tiền dẫn, kể đến phương tiện khéo léo, khiến kia dần dần tu tập, tự xả chút ít tài vật của mình, từ không tham bậc hạ tiến lên bậc trung, từ không tham bậc trung tiến lên bậc thượng.

Lại chư Bồ-tát hoặc làm Thân giáo sư, hoặc làm Quỹ phạm sư cùng cộng trú với đệ tử và đồng phạm hạnh. Họ có tánh tham lam keo kiệt, thuộc loại tham sển; hoặc tánh tuy chẳng phải chủng loại tham sển, nhưng thiếu tiền của, thiếu những vật cần thiết. Vì muốn kia gieo trồng vào ruộng Phật Pháp Tăng, nên khi họ lãnh thọ sự nghiệp tu phước thí, Bồ-tát tự lấy vật của mình đem khiến kia làm, tự mình không làm. Bồ-tát có tuệ khéo phương tiện, lại khiến cho người đồng phạm hạnh kia điều phục

được phiền não keo tham, cũng khiến cho người vui thích thiện pháp, sở nguyện được viên mãn, nhiếp thọ hữu tình, thành thực hữu tình.

Lại, chư Bồ-tát hiện có nhiều tài vật dùng để bố thí, khi thấy người đến có ý mong cầu, Bồ-tát biết tâm kia rồi liền tùy theo chỗ thích thấy đều thí cho.

Lại có thương nhân tánh gian trá, muốn phỉnh gạt, Bồ-tát đã biết nhưng khéo ẩn giấu lỗi họ, không để người khác biết, huống là xúc não đối với kia. Thỏa mãn mong muốn của họ, khiến kia không e ngại, xấu hổ, lo sợ, mà chỉ vui vẻ ra đi.

Lại có người gian trá lừa dối, Bồ-tát ban đầu không biết, sau mới biết rõ. Tuy biết rõ cũng chẳng đem việc đây mà rêu rao lỗi xấu của kia, cũng chẳng quở trách khiến người kia nhớ nghĩ, chỉ sanh lòng bi悯: “Kia đối với ta đã lỡ hành động lấy vật không cho như thế, ta nên tùy hỷ khiến kia vô tội”. Hết thấy việc làm như vậy, nên biết gọi là Bồ-tát hiện có tài vật dùng để thí, dùng tuệ khéo léo mà thí.

Lại chư Bồ-tát nếu hiện không có tài vật để bố thí, trước đã tập học thành thực khéo léo đối

với các ngành nghề của thế gian, hiện tiền tác ý ít tốn công sức mà thu hoạch nhiều tài bảo, dụng đây thí cho chúng sanh. Chư Bồ-tát đây lại vì người mà sử dụng chủng chủng ngôn từ khéo léo mỹ diệu tuyên thuyết chánh pháp, khiến kẻ bần khổ còn vui hành thí, hà huống kẻ giàu sang; khiến kẻ keo tham còn chuyên tâm hành thí, hà huống người đang tu tập hạnh bố thí. Nếu có nhà tịnh tín nhiều tài bảo thường vui hành thí, Bồ-tát giới thiệu người cầu xin đến nhà kia để họ hành thí. Hoặc lúc người kia huệ xả, tu nghiệp phước, Bồ-tát tự đi đến nhà kia, siêng năng chăm chỉ vượt bậc, không lười nhác, khởi sự linh hoạt, thân tâm hoan hỷ, tùy sức lực, tùy khả năng giúp đỡ từ thân cho đến lời nói, khiến việc huệ thí được đầy đủ tốt đẹp. Trong lúc hành thí, người kia mắc phải lỗi do sức lực, tài vật bị thiếu thốn ít ỏi, hoặc cung cấp những vật thô xấu, hoặc bị rơi vào các việc ác, hoặc bị bạn xấu hủy hoại, hoặc không lòng cung kính, hoặc quên mất không nhớ... Bồ-tát khéo léo giúp đỡ nên tất cả lỗi kia đều không hiện hành. Bồ-tát như vậy hiện không có tài bảo, nhưng có phương tiện tuệ khéo mà hành huệ thí. Đây nói đến các Bồ-tát

chưa chứng ý lạc thanh tịnh tăng thượng. Nếu các Bồ-tát đã chứng ý lạc thanh tịnh tăng thượng, không còn đi vào các đường ác, thì đời đời nhất định thành tựu tài bảo vô tận.

Lại chư Bồ-tát trọn không dùng miệng cầu thỉnh chánh pháp cho ngoại đạo, cũng chẳng biên chép kinh điển để thí cho kia. Bồ-tát biết người đến cầu xin có tánh nhiều tham cầu, muốn khoe khoang, buôn bán kinh sách, cũng không được thí cho. Kẻ kia muốn biết tạng bí mật, cũng không thí cho. Người đến cầu xin không cầu thắng trí cũng không thí cho, nhất định phải cầu thắng trí mới thí cho. Nếu rõ biết tự mình đối với nghĩa trong quyển kinh đã được đầy đủ, đã biện biệt được, thì tùy ý muốn như chỗ thích hợp mà thí cho. Nếu Bồ-tát tự rõ biết mình chưa hiểu đầy đủ nghĩa của kinh, cần phải hằng thường tự mình khai mở, thì phải cân nhắc đối với việc thí pháp đây. Bồ-tát như vậy nếu thấy nơi khác có quyển kinh, tức nên phương tiện cầu xin để thí cho, hoặc lại biên chép để thí cho kia. Nếu thấy nơi khác không có quyển kinh, cũng không có khả năng biên chép, tức liền quán sát sâu kỹ tâm mình: “Có đúng là ta đối với

pháp này không rơi vào tâm keo lẩn mà chẳng thí cho kia ư? Có đúng là ta đối với pháp này không rơi vào ý riêng ngăn ngại mà chẳng thí cho kia ư? Hay vì ta đối với pháp có điều cần thiết hơn, nên không thí cho ư?”. Như vậy đã chiếu soi quán sát sâu xa trong tâm rồi, nếu tự rõ biết có chút keo lẩn, ý riêng ngăn ngại đối với pháp đây, khiến không thể thí, tức khởi nghĩ này: “Ta nay quyết định phải hành pháp thí. Giả sử do ta hành thí pháp đây mà ở hiện pháp thành ngu si, tâm ngọng, phiền não không thể kham chịu, còn phải hành thí pháp, hà huống chỉ thiếu thốn tư lương diệu trí”. Lại nếu Bồ-tát quán sát rồi tự rõ biết ở nơi pháp đây không có chút keo lẩn, cũng không có ý riêng ngăn ngại, chỉ vì muốn thành tựu nghĩa tu tập thù thắng hơn mà không thí cho người, Bồ-tát bấy giờ lại nên suy nghĩ: “Ta đem pháp đây thí đối với kia, mà vẫn đoạn trừ được phiền não của mình chăng? Mà vẫn khiến viên mãn tư lương trí huệ chăng? Là nghĩ thương chúng sanh chăng?”. Đã suy nghĩ rồi, liền chánh rõ biết: “Ta nhận thấy tự mình không có phiền não, nếu không thí cho kia quyển kinh đây, thì tư lương trí tuệ hiện tại, vị lai của ta triển

chuyển càng thêm thù thắng. Ta thí cho kia thì không thể kiến lập được công đức này, chỉ khiến ở đời vị lai người kia nhận mỏng pháp lợi, không khiến pháp tuệ phong phú thêm. Nếu không thí cho kia, ta có khả năng tu tập trí phương tiện thiện xảo làm lợi ích an lạc tất cả chúng sanh, như thế là thương nhớ một chúng sanh đây và tất cả người khác. Nếu thí cho kia, chỉ là thương nhớ một chúng sanh đây, chẳng phải tất cả chúng sanh”. Bồ-tát như thật biết như vậy rồi, chẳng thí cho kia thì không tội, không hối hận, cũng không trái vượt tịnh giới Bồ-tát.

Sao gọi là Bồ-tát phương tiện không bố thí? Nghĩa là Bồ-tát không nói thẳng với người đến cầu xin: “Tôi chẳng thể huệ thí cho ông”, chỉ dùng phương tiện khéo léo dẫn dụ khiến kia bỏ đi.

Sao gọi là dùng phương tiện khéo léo? Nghĩa là Bồ-tát trước tiên phải tác tịnh đối với tất cả vật dụng tích chứa, tất cả vật thí, dùng ý lạc thanh tịnh cúng dường mười phương chư Phật, Bồ-tát. Giống như Bí-sô tác tịnh đối với y áo, vật dụng của mình, sau mới cúng dường cho Thân giáo sư, Quý phạm sư.. Nhân duyên Bồ-tát tịnh thí như vậy, tuy

tích chứa vô số vật dụng tốt đẹp, tất cả vật thí, nhưng vẫn được gọi là an trụ thánh chủng, sanh vô lượng phước. Thường ở nơi phước đây tư duy hơn nữa, mọi lúc theo đuổi, tăng trưởng hành như vậy; hằng tác tịnh đối với tất cả vật thí, như chỗ chư Phật, Bồ-tát gởi gắm giữ gìn. Bồ-tát thấy người đến cầu xin liền quán sát, tùy theo chỗ muốn của kia, trước tác tịnh; lúc hành huệ thí phải xứng hợp chánh lý, khởi nghĩ rằng: “Chư Phật, Bồ-tát không vật gì mà chẳng bố thí cho chúng sanh”. Suy nghĩ như vậy rồi, liền lấy vật thí đã tác tịnh mà thí cho người, khiến kia được đầy đủ mãn nguyện. Nếu quán sát việc hành huệ thí đây không đúng chánh lý, trước nên nhớ nghĩ làm pháp thí thanh tịnh, bảo rằng: “Hiền thủ! Tất cả vật đây là sở hữu của người khác, không thể thí cho ông”. Bồ-tát dùng lời nhu nhuyễn, phương tiện hiểu dụ khiến kia ra đi. Hoặc Bồ-tát dùng vật khác, số lượng tăng gấp hai, gấp ba, cung kính thí cho. Sau đó khiến kia ra đi và biết rằng: “Bồ-tát đây không vì lẩn tiếc mà không muốn thí cho ta, quyết chắc kinh sách đây vì ấy không được tự tại, nên không thể thí cho ta”. Đây gọi là Bồ-tát có tuệ khéo mà hành pháp thí.

Lại chư Bồ-tát ở nơi tất cả loại thí: pháp thí, tài thí, vô úy thí, hoặc môn khác, hoặc thể tướng, hoặc giải thích tên, hoặc nhân quả sai khác, như thật rõ biết mà hành huệ thí. Đây cũng gọi là Bồ-tát có tuệ khéo mà hành bố thí.

Lại chư Bồ-tát đối với người oán, dùng ý vui từ mà hành huệ thí. Đối với người khổ, dùng ý vui bi mà hành huệ thí. Đối với người có đức, dùng ý vui hỷ mà hành huệ thí. Đối với người có ân, thân thiện, cùng chung ý hướng, dùng ý vui xả mà hành huệ thí. Đây cũng gọi là Bồ-tát có tuệ khéo mà hành bố thí.

Lại chư Bồ-tát đối với chướng ngại trong việc hành bố thí và các pháp đối trị chướng kia, như thật rõ biết. Trong đây *chướng ngại của bố thí* có bốn dạng: 1. Trước kia chưa tập quen thường xuyên; 2. Vật thí ít ỏi, thiếu kém; 3. Đắm trước tài vật tốt đẹp thích ý; 4. Quán thấy vị lai được quả tài bảo đầy đủ nên sanh vui sướng.

Nếu chư Bồ-tát hiện có chủng chủng tài vật dùng để thí, hiện tiền tuy thấy có người đến cầu xin, mà ở nơi việc huệ thí đây tâm không thú nhập. Bấy giờ Bồ-tát nhanh chóng dùng chánh tuệ

thông đạt: “Đây là lỗi do ta trước kia chưa thường xuyên tập hành bố thí”. Lại dùng diệu tuệ thông đạt như vậy: “Ta ở đời trước nhất định chưa từng tu tập thường xuyên, nên đời hiện tại đây tuy ta có nhiều tài vật dùng bố thí, hiện tiền có người đến cầu xin, mà đối việc huệ thí đây tâm ta chẳng đoái hoài hưởng đến. Nếu đời này ta không suy nghĩ mạnh mẽ mà hành bố thí, thì ở đời sau nhất định sẽ chán ghét với hạnh bố thí nên làm”. Bồ-tát chánh thông đạt như vậy làm đối trị, cố gắng quyết tâm hành huệ thí, không đuổi theo thói quen lỗi lầm của đời trước, liền được tự tại trong việc hành bố thí.

Lại chư Bồ-tát hiện tiền tuy thấy có người đến cầu xin, vì tài vật thiếu thốn ít ỏi, nên đối với việc huệ thí đây tâm không thú nhập. Bấy giờ Bồ-tát liền nhanh chóng dùng chánh tuệ thông đạt: “Chớ để nhân duyên thiếu thốn như vậy làm chướng ngại bố thí, ta nên nhẫn thọ các khổ thiếu thốn”. Bồ-tát nỗ lực tư trạch, khởi tâm bi mẫn mà hành huệ thí. Lại tác nghĩ: “Hoặc do lỗi lầm của nghiệp đời trước, hoặc do hiện tại hệ thuộc người khác, khiến ta phải chịu đủ mọi nỗi thống khổ của sự

thiếu thốn và đói rét, không thể làm nhiều ích cho tất cả chúng sanh. Giả sử ngày nay ta vì hành trì huệ thí nhiều ích người, mà hiện đời phải thọ vô lượng khổ cho đến mất mạng, thì việc hành thí đây vẫn thật sự tối thắng, không khiến người đến xin phải tay không ra về như vậy. Hướng chi ta lại có các loại rau lá để tự nuôi sống”. Bồ-tát nhấn thọ các khổ do thiếu thốn như vậy mà hành huệ thí.

Lại chư Bồ-tát hiện tiền thấy có người đến cầu xin, do vật dùng để thí quá yêu thích, quá tốt đẹp, nên đối với việc hành huệ thí đây tâm không thú nhập. Bồ-tát lúc bấy giờ liền nhanh chóng dùng chánh tuệ thông đạt: “Ta bị lỗi lầm do đắm trước gây nên. Ta nay ở nơi khổ mà phát khởi hư vọng điên đảo tưởng cho là vui, do đây năng sanh nhiều thứ khổ ở đời vị lai”. Bồ-tát khắp rõ biết điên đảo đây, vì muốn đoạn trừ, nên nỗ lực tư duy phân tích, dùng tài vật đây mà hành huệ thí.

Lại nếu chư Bồ-tát hành thí rồi, thấy công đức thù thắng đối với quả dị thực có được tài bảo rộng lớn ở đương lai, nên sanh vui mừng quá độ, không cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Bồ-tát lúc bấy giờ liền nhanh chóng dùng chánh tuệ thông

đạt: “Đây là lỗi do có cái thấy sai lầm về quả gây ra”, như thật quán sát: “Tất cả các hành đều không bền chắc, tất cả các hành đều niệm niệm sanh diệt. Quả thọ dụng nhanh chóng diệt mất, nhanh chóng tan hoại”. Khi quán như vậy, liền năng đoạn diệt cảm xúc vui mừng quá độ, tất cả các việc hành thí đều hồi hướng Vô thượng Bồ-đề.

Bốn chương ngại cho việc hành bố thí của Bồ-tát như vậy, nên biết phát khởi bốn chủng trí năng đối trị: 1. Thông đạt; 2. Nhẫn thọ các khổ; 3. Biết khắp diên đảo; 4. Thấy tất cả hành tánh không bền chắc. Chư Bồ-tát đây dùng ba chủng trí năng đối trị trước, quyết định có khả năng kham nhiệm thực hành huệ thí. Dùng một chủng trí năng đối trị sau, năng chánh nhiếp thọ quả phước thù thắng. Đây cũng gọi là Bồ-tát có tuệ khéo mà hành bố thí.

Lại chư Bồ-tát sống trong chốn nhàn tịnh, do ý lạc thanh tịnh, thuần hậu tịnh tín, thắng giải phân biệt luân duyên niệm vô lượng tài bảo thượng diệu, dùng lực thắng giải mà vui hành huệ thí cho chúng sanh. Do nhân duyên đây, chư Bồ-tát chỉ dùng ít dụng công, nhưng sanh vô lượng phước. Đây cũng gọi là Bồ-tát có tuệ khéo mà hành bố thí.

Như vậy, chư Bồ-tát có tuệ vi diệu, có tuệ rộng lớn, dùng tuệ khéo mà hành bố thí. Tóm lược nghĩa chung: do có tài bảo, không có tài bảo nhiếp thuộc tài thí, do pháp thí, do vô ngại giải thí, do ý vui thù thắng thí, do trí tuệ năng đối trị chướng ngại thí, do tăng thượng ý vui thắng giải thí, nên biết gọi là hành không cùng chung của chư Bồ-tát, chỉ có ở chư Bồ-tát mà thôi.

Như vậy đã nói tất cả tướng thí sai biệt sở hành của chư Bồ-tát ở các việc trong ngoài. Từ đây về sau, ở nơi tất cả tướng thí sai biệt phân ra các tướng khó hành bố thí khác cần phải rõ biết.

3. Khó hành thí của Bồ-tát: Nên biết thí đây lược có ba tướng: 1. Nếu chư Bồ-tát có ít tài vật, tự mình nhẫn chịu nghèo khổ để thí cho người khác, đây gọi là khó hành thí thứ nhất của Bồ-tát; 2. Nếu chư Bồ-tát đối với vật khả ái, hoặc tánh yêu thích mê đắm, hoặc sanh yêu thích tột độ, hoặc thường xuyên tập quen, hoặc người có ân bậc thượng, mà năng tự mình giải mở, đem vật ấy để huệ thí cho người, đây gọi là khó hành thí thứ hai của Bồ-tát. Như đối với vật khả ái, thì vật quá thù diệu,

cực sanh đấm trước nên biết cũng vậy; 3. Nếu chư Bồ-tát rất khó khăn vất vả mới có được tài vật, mà lại dùng vật đây để huệ thí cho người, đây gọi là khó hành thí thứ ba của Bồ-tát.

4. Tất cả môn thí của Bồ-tát: Nên biết thí đây lược có bốn tướng, đó là: chư Bồ-tát hoặc dùng tài vật do mình tự có, hoặc dùng tài vật do khuyến hóa người khác mà có, rồi thí cho thân thuộc, cha mẹ, vợ con, tôi trai tớ gái, bạn bè, đại thần, quốc thích, hoặc lại thí cho người khác đến cầu xin. Đây gọi là tất cả môn thí của Bồ-tát.

5. Sở hành thiện sĩ của Bồ-tát, gọi là thí của bậc Thiện sĩ: Nên biết thí đây lược có năm tướng. Đó là: chư Bồ-tát tịnh tín bố thí, cung kính bố thí, tự tay bố thí, đúng thời bố thí, không tổn nã người mà hành huệ thí. Đây gọi là sở hành thiện sĩ của Bồ-tát, gọi là sự bố thí của bậc Thiện sĩ.

6. Tất cả chủng thí của Bồ-tát: Nên biết thí đây có 13 tướng: 1. Bố thí không nương tựa; 2. Bố thí rộng lớn; 3. Bố thí vui vẻ; 4. Bố thí thường

xuyên; 5. Bồ thí những vật dụng thuộc ruộng thí; 6. Bồ thí những vật dụng không thuộc ruộng thí; 7. Bồ thí tất cả vật; 8. Bồ thí ở tất cả xứ; 9. Bồ thí ở tất cả thời; 10. Bồ thí không tội; 11. Bồ thí vật là hữu tình; 12. Bồ thí vật là ruộng đất; 13. Bồ thí vật là tiền của, lúa thóc. Đây gọi là tất cả chủng thí của Bồ-tát.

7. Thỏa mãn mong cầu thí của Bồ-tát:

Nên biết thí đây lược có 8 tướng: 1. Có người thiếu thốn vật thực ăn uống đến cầu xin, Bồ-tát liền đem thức ăn uống mà thí cho; 2. Có người thiếu thốn phương tiện đi lại đến cầu xin, liền đem phương tiện đi lại mà thí cho; 3. Có người thiếu thốn y phục đến cầu xin, liền đem y phục mà thí cho; 4. Có người thiếu thốn vật dụng trang nghiêm thân đến cầu xin, liền đem vật dụng nghiêm thân mà thí cho; 5. Có người thiếu thốn tạp vật nuôi thân đến cầu xin, liền đem chủng chủng tạp vật nuôi thân mà thí cho; 6. Có người thiếu thốn các loại hương hoa trang sức đến cầu xin, liền đem hương hoa trang sức mà thí cho; 7. Có người thiếu thốn nhà ở đến cầu xin, liền đem nhà ở mà thí

cho; 8. Có người thiếu thốn ánh sáng đến cầu xin, liền đem ánh sáng mà thí cho. Đây gọi là thỏa mãn mong cầu thí của Bồ-tát.

8. Vui thí đời này, đời khác của Bồ-tát:

Nên biết thí đây lược có 9 tướng, thuyết chung làm ba loại: tài thí, pháp thí, vô úy thí. Đây là sự bố thí năng khiến chúng sanh đời này, đời khác an vui.

Tài thí: dùng tài vật thanh tịnh tốt đẹp thượng diệu, như pháp mà hành huệ thí; điều phục trần cấu keo tham mà hành huệ thí; điều phục trần cấu tích chứa mà hành huệ thí. Điều phục trần cấu keo tham tức là xả bỏ sự chấp đắm vào tài vật. Điều phục trần cấu tích chứa tức là xả bỏ sự chấp đắm thọ dụng.

Pháp thí: thuyết pháp không điên đảo, thuyết pháp đúng lý, khuyến khích hữu tình tu học các học xứ.

Vô úy thí: cứu độ hữu tình thoát khỏi sự sợ hãi của nạn sư tử, chó sói, hổ lang, quỷ mị... Cứu độ hữu tình thoát khỏi sự sợ hãi của nạn giặc cướp, vua quan. Cứu độ hữu tình thoát khỏi sự sợ hãi của nạn nước, lửa.

Tất cả 9 tướng nói chung như vậy gọi là sự bố thí năng khiến chúng sanh vui đời này, đời khác của Bồ-tát. Trong đây tài thí, vô úy thí và sự sai biệt của đây năng khiến chúng sanh hiện đời an lạc, pháp thí và sự sai biệt của đây năng khiến chúng sanh đời sau an lạc.

9. Thanh tịnh thí của Bồ-tát: Nên biết thí đây lược có 10 tướng: 1. Bố thí không trì trệ; 2. Bố thí không chấp thủ; 3. Bố thí không tích góp; 4. Bố thí không cao cử; 5. Bố thí không ỷ dựa; 6. Bố thí không thối nhược; 7. Bố thí không thấp kém; 8. Bố thí không thiên lệch; 9. Bố thí không mong báo ân; 10. Bố thí không mong cầu quả dị thực.

Sao gọi là bố thí không trì trệ? Chư Bồ-tát hiện thấy người đến cầu xin, nhanh chóng huệ thí, không trì hoãn chậm chạp. Chẳng phải người đến cầu xin mong nhanh được tài vật, nhưng chư Bồ-tát mong mau được huệ thí.

Sao gọi là bố thí không chấp thủ? Chư Bồ-tát hoặc không dùng vọng kiến chấp thủ trong việc bố thí, hoặc chấp lấy việc bố thí đây rỗng không, không có kết quả, hoặc chấp giết vật để hành huệ

thí mà cho là chánh pháp, hoặc chấp chỉ có thí cực thanh tịnh đầy đủ là thanh tịnh rốt ráo của xuất thế gian.

Sao gọi là bố thí không tích góp? Chư Bồ-tát không tích tập lâu dài, dần dần gom góp nhiều tài vật, sau đó mới nhanh chóng bố thí. Vì cơ sao? Chẳng phải chư Bồ-tát hiện có vật thí, có người đến cầu xin, mà lại không thí cho, không xem việc không thí cho là hợp chánh lý.

Sao gọi là tích góp tài vật mà không nhanh chóng thí? Chư Bồ-tát không thấy việc tích góp tài vật về sau mới thí là năng sanh trưởng nhiều phước. Lại chân chánh quán thấy, hoặc chung hoặc riêng, người cầu xin đều giống nhau, thí từ từ hay thí mau chóng, tài vật bình đẳng.

Duyên nào chấp phước có sai khác? Chư Bồ-tát nếu trước tích góp tài vật rồi sau mới thí, thì việc thí này có tội. Nếu tùy thí theo sự cầu xin, thì thí này không tội. Vì cơ sao? Nếu đã tích góp rồi, về sau lập tức thí, như vậy lúc trước có người đến cầu xin nhiều lên đến cả trăm mà không thí cho, khiến họ sanh hiềm hận, không nhẫn chịu, không còn tin tưởng. Về sau một loại người không mong

cầu tài vật, mà lại liền thí cho. Cho nên Bồ-tát không tích góp rồi mới thí.

Sao gọi là bố thí không cao cử? Chư Bồ-tát đối với người đến cầu xin, tâm khiêm hạ mà thí, cũng không vì tranh hơn người mà thí, cũng không thí rồi lại sanh kiêu mạn: “Ta năng bố thí, ta là thí chủ, người khác thì chẳng làm được như vậy”.

Sao gọi là bố thí không ỷ dựa? Chư Bồ-tát không dựa vào lời xưng khen, âm thanh ca tụng mà hành bố thí. Hiểu được lời xưng khen của thế gian chỉ là chỗ sanh khởi hư vọng phân biệt của văn tự, chỉ là âm thanh hư giả, chỉ là tiếng vang vọng.

Sao gọi là bố thí không thối nhược? Chư Bồ-tát trước khi thí, ý vui vẻ; lúc thí, tâm thanh tịnh; thí rồi không hối tiếc. Khi nghe sự bố thí thù thắng rộng lớn bậc nhất của chư Bồ-tát, không tự khinh miệt mình, khiếp sợ thối lui.

Sao gọi là bố thí không thấp kém? Chư Bồ-tát đối với các vật thí như thức ăn uống, phương tiện đi lại, các vật dụng, y phục... luôn chọn lựa những vật đẹp nhất, tốt nhất dùng để bố thí.

Sao gọi là bố thí không thiên lệch? Chư Bồ-tát tâm bình đẳng, không thuận theo phe đảng mà

bố thí, đối với kẻ oán người thân, tâm bi bình đẳng thí cho.

Sao gọi là bố thí không mong báo ân? Chư Bồ-tát chỉ vì tâm từ bi, tâm ai mẫn mà hành huệ thí, trọn không được hy vọng người đáp đền trở lại. Bồ-tát chỉ vì thấy chúng sanh vốn tánh là khổ, bị lửa ái thiêu đốt, mong cầu an vui, nên sanh lòng bi mẫn sâu xa mà hành huệ thí.

Sao gọi là bố thí không mong cầu quả dị thực? Chư Bồ-tát tu hành huệ thí, trọn không mong cầu đời sau quả thí dị thực thu được tài bảo viên mãn, tự thân viên mãn. Quán tất cả hành tánh là hư ngụy, quán Đại Bồ-đề có công đức tối thắng.

Do mười tướng đây, sở hành bố thí của Bồ-tát được thanh tịnh, tối cực thanh tịnh.

Như vậy, Bồ-tát nương theo chín tướng mà hành huệ thí, do đây viên mãn Bố thí Ba-la-mật-đa, năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.



Quyển 40

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA Phần đầu TRÌ DU GIÀ XỨ Phẩm 10. TRÌ GIỚI - 1

Sao gọi là Trì giới Ba-la-mật-đa của Bồ-tát? Ớt-Đà-Nam thuyết:

*Tự tánh, tất cả, khó,
Tất cả môn, thiện sĩ,
Tất cả chủng, toại cầu,
Hai đời vui thanh tịnh.
Chín chủng tướng như vậy,
Đây gọi lược nói giới.*

Có 9 chủng tướng giới gọi là Trì giới Ba-la-mật-đa của Bồ-tát: **1.** Tự tánh giới; **2.** Tất cả giới; **3.** Khó hành giới; **4.** Tất cả môn giới; **5.** Thiện sĩ giới; **6.** Tất cả chủng giới; **7.** Thỏa mãn mong cầu giới; **8.** Đời này đời khác vui giới; **9.** Thanh tịnh giới.

1. Tự tánh giới của Bồ-tát: Lược nói đây đủ có 4 công đức gọi là tự tánh giới của Bồ-tát. Những

gì là bốn? 1. Chánh thọ từ người; 2. Ý vui thiện tịnh; 3. Đã trái phạm, trở lại thanh tịnh; 4. Kính trọng sâu, chuyên nhớ nghĩ, không phạm.

Do chư Bồ-tát chánh thọ từ người, nơi học giới đã thọ học, nếu có phạm, bên ngoài thấy người sanh hổ thẹn sâu (tàm). Do chư Bồ-tát ý vui thiện tịnh, nơi giới đã thọ học, nếu có phạm, bên trong tự quán chiếu sanh hổ thẹn sâu (quý). Nếu chư Bồ-tát ở nơi các học xứ, phạm rồi được trở lại thanh tịnh, phải nên kính trọng sâu, chuyên nhớ nghĩ, không phạm lỗi ban đầu.

Có hai nhân duyên xa lìa các việc ác, đó là Bồ-tát chánh thọ từ người như vậy, ý vui thiện tịnh làm chỗ nương, nên sanh khởi tàm quý. Do tàm quý, năng khéo giữ gìn giới đã thọ. Do khéo giữ gìn giới đã thọ, nên xa lìa các việc ác.

Lại ở trong đây, hai pháp chánh thọ từ người và ý vui thiện tịnh dẫn phát hai pháp đã hủy phạm trở lại thanh tịnh và kính trọng sâu, chuyên nhớ nghĩ không phạm.

Lại ở trong đây, do ba pháp chánh thọ từ người, ý vui thiện tịnh và kính trọng sâu, chuyên nhớ nghĩ không phạm, khiến Bồ-tát không hủy

phạm tịnh giới đã thọ. Do một pháp đã hủy phạm trở lại thanh tịnh, khiến Bồ-tát đã phạm rồi lại ra khỏi.

Như vậy, Bồ-tát đầy đủ bốn công đức tự tánh giới. Vì chân chánh thọ, theo đó tu học năng lợi mình, cũng khiến lợi ích an lạc vô lượng chúng sanh; vì xót thương tất cả thế gian, trời, người... khiến được nghĩa lợi, được lợi ích an lạc, nên biết tức là *tịnh giới diệu thiện*. Vì nhiếp thọ vô lượng sở học của Bồ-tát, nên biết tức là *tịnh giới vô lượng*. Vì hiện tiền năng làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình, nên biết tức là *tịnh giới nhiều ích tất cả hữu tình*. Vì nhiếp thọ, tùy cho quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, nên biết tức là *tịnh giới năng thu được quả lợi ích thù thắng rộng lớn*. Đây gọi là tự tánh giới của Bồ-tát.

2. Tất cả giới của Bồ-tát: Lược có hai phần giới của Bồ-tát: 1. Phần giới của người tại gia; 2. Phần giới của người xuất gia. Đây gọi là tất cả giới.

Lại nương theo hai phần tịnh giới tại gia, xuất gia đây, tóm lược có ba loại: 1. Luật nghi giới; 2. Nhiếp thiện pháp giới; 3. Nhiều ích hữu tình giới.

Luật nghi giới: chư Bồ-tát thọ bảy chủng Biệt giải thoát luật nghi, đó là giới Bí-sô, giới Bí-sô-ni, giới Chánh học, giới Sa-di, giới Sa-di-ni, giới Cận sự nam, giới Cận sự nữ. Bảy chủng như vậy như chỗ thích hợp nên biết nương theo hai phần tịnh giới của tại gia, xuất gia. Đây gọi là luật nghi giới của Bồ-tát.

Nhiếp thiện pháp giới: chư Bồ-tát sau khi thọ luật nghi giới, thân ngữ ý tu tập thiện pháp, tất cả sở hữu chỉ vì Đại Bồ-đề, gọi chung là nhiếp thiện pháp giới.

Việc đây thế nào? Chư Bồ-tát y giới, an trụ giới, nơi văn, tư, tu, Chỉ Quán, vui ở một mình tinh cần tu học. Đối với bậc tôn trưởng, mọi lúc đều tinh cần tu tập các nghiệp hòa kính như chấp tay, đứng dậy, tiếp đón, hỏi thăm, lễ bái, cung kính, cũng tức là đối với bậc tôn trưởng siêng tu tập việc cung kính. Đối với người tật bệnh, Bồ-tát thương xót ân cần chăm sóc, hầu hạ phục dịch. Đối với những bậc thuyết diệu pháp, thành lòng tán thán “Lành thay!”. Đối với chúng sanh có công đức, thành lòng tán thán. Đối với tất cả phước nghiệp của tất cả hữu tình trong mười phương cõi giới, dùng ý lạc

thù thắng khởi tâm tịnh tín, nói lời tùy hỷ. Đối với lỗi trái phạm của người, tư duy quyết trạch an nhẫn. Dem tất cả thiện căn thân, ngữ, ý đã làm, chưa làm, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Luôn luôn phát khởi vô số chánh nguyện, dem tất cả chủng thượng diệu đầy đủ cúng dường Phật, Pháp, Tăng. Hằng thường đồng mãnh tinh tấn tu tập các phẩm thiện pháp. Nơi thân, ngữ, ý an trụ không phóng dật. Nơi các học xứ, chánh niệm, chánh biết, chánh hành phòng thủ, mật hộ căn môn; nơi việc ăn biết lượng; đầu đêm, cuối đêm thường tỉnh thức tu hành. Gần gũi bậc thiện sĩ, nương tựa bạn lành. Nơi lỗi mình đã phạm, quán xét sâu kỹ, rõ biết thấy sâu quá thất. Đã chiếu soi rõ biết thấy quá thất rồi, ở nơi giới chưa phạm, chuyên ý phòng hộ giữ gìn. Nếu đã phạm, thì đối trước Phật, Bồ-tát, bạn đồng pháp, chí tâm như pháp phát lồ hối trừ. Hết thấy loại như vậy khiến dẫn nhiếp, hộ trì, tăng trưởng các thiện pháp giới. Đây gọi là nhiếp thiện pháp giới của Bồ-tát.

Nhiều ích hữu tình giới: nên biết giới này lược có 11 tướng. Những gì là mười một? Chư Bồ-tát năng dẫn nghĩa lợi cho các hữu tình, làm bạn

trợ giúp nơi các sự nghiệp của họ. Như vậy cho đến đối với các hữu tình phát khởi tật bệnh đau khổ... Bồ-tát cũng làm trợ bạn.

Lại chư Bồ-tát nương theo nghĩa lợi ích thế gian, xuất thế gian mà vì hữu tình thuyết các pháp yếu. Trước phương tiện thuyết, như lý thuyết; sau khiến người kia đạt được nhiều nghĩa lợi ích.

Lại chư Bồ-tát khéo nghĩ nhớ tri ân đối với các hữu tình đã ban ân, tùy chỗ thích hợp hiện tiền báo đáp.

Lại chư Bồ-tát đều năng cứu vớt các hữu tình khiến xa lìa các sợ hãi khi gặp nạn sư tử, chó sói, quý mị, giặc cướp, nước lửa...

Lại chư Bồ-tát khéo vì các hữu tình bị hao tổn tài bảo, quyến thuộc mà khai giải khiến họ lìa ưu buồn, áo não.

Lại chư Bồ-tát xem thấy các loại hữu tình bị thiếu thốn các tạp vật nuôi thân, đều thí cho tất cả.

Lại chư Bồ-tát thuận theo đạo lý, lấy đây làm chỗ nương, như pháp lãnh đạo đồ chúng.

Lại chư Bồ-tát thuận theo sự việc, lời nói thế gian như đến đi, mời gọi, đàm luận, chúc mừng, an

úi; tùy lúc mà đi, mà đến, mà thân cận; từ người thọ nhận các thứ vật thực uống ăn...; đều xa lìa tất cả việc năng dẫn vô nghĩa, hiện hành ý chống trái lẫn nhau. Đối với những việc khác, tâm đều theo đó tùy chuyển.

Lại chư Bồ-tát hoặc ẩn, hoặc hiện đều hiển thị công đức chân thật, khiến các hữu tình hoan hỷ, tinh tấn học theo.

Lại chư Bồ-tát đối với người phạm lỗi, phát khởi tâm gần gũi, ý vui muốn làm lợi ích an lạc cho kia. Vì muốn khiến kia ra khỏi các việc bất thiện, an đặt nơi thiện, nên dụng phương tiện điều phục, quả trách, trị phạt, đuổi bỏ.

Lại chư Bồ-tát dùng lực thần thông, phương tiện thị hiện địa ngục cùng hình trạng của các đường ác... khiến các hữu tình khởi tâm hy hữu kỳ lạ, do nhân duyên đây nhằm chán xa lìa bất thiện. Đối với thánh giáo Phật, phương tiện dẫn dắt khiến họ nhập vào, tin vui hoan hỷ, siêng tu chánh hạnh.

Sao gọi là Bồ-tát trụ luật nghi giới, trụ nhiếp thiện pháp giới, trụ nhiều ích hữu tình giới; khéo phòng hộ luật nghi giới, khéo tu tập nhiếp thiện pháp giới, khéo hành tất cả mọi việc để nhiều ích

hữu tình giới?

Chư Bồ-tát lúc trụ luật nghi giới Biệt giải thoát, xả ngôi Chuyển luân vương mà xuất gia, không đoái hoài vương vị như vất bỏ cỏ mục dơ bẩn. Giả sử có người nghèo cùng, vì mạng sống mà từ bỏ ham muốn thấp kém, cầu xin xuất gia, không nghĩ đến các thứ dục hạ liệt. Việc xả bỏ đây không như ý lạc thanh tịnh của Bồ-tát xả bỏ ngôi vị Luân vương mà xuất gia, không đoái tưởng đến ngôi vị tối thắng trong tất cả loài người.

Lại chư Bồ-tát trụ luật nghi giới, ở đời vị lai tuy thọ hưởng diệu dục nơi vương cung mà không sanh vui thích, cũng không mong cầu, từ bỏ tất cả để tu hành phạm hạnh. Nơi các diệu dục kia hãy còn quán sát như thật, hãy còn thú nhập vô số sợ hãi rộng lớn, hà huống các dục khác.

Lại chư Bồ-tát khi đã xuất gia, đối với chúng chúng lợi dưỡng cung kính thượng diệu hiện tiền mà hữu tình tôn quý dăng cúng, dùng chánh tuệ quán sát xem như đồ nôn mửa, chưa từng đắm trước mùi vị của chúng, hà huống đối với lợi dưỡng cung kính hạ liệt do hữu tình thấp kém đem lại.

Lại chư Bồ-tát thường vui hạnh viễn ly. Hoặc

một mình ở tịnh xứ, hoặc ở trong chúng, tất cả thời chuyên tâm xa lìa, tịch tĩnh mà trụ, không chỉ nơi luật nghi Thi-la mà sanh vui đủ, y giới trụ giới, siêng năng tu tập vô lượng đẳng trì của chư Bồ-tát, vì muốn dẫn phát chứng đắc tự tại.

Lại chư Bồ-tát tuy sống với chúng hỗn tạp mà không vui tạo tác cho đến chút phần bàn luận; ở chốn viễn ly, không khởi chút phần các tâm tư ác. Nếu do thất niệm khiến các ác tâm tư và bàn luận bất chánh tạm thời hiện khởi, liền thấy rõ lỗi gây hại của chúng, phát khởi ăn năn hổ thẹn mãnh lợi, nhanh chóng an trụ chánh niệm. Ở nơi kia khiến tâm không quay lại đường cũ, do nhân duyên đây bèn có khả năng phát hiện, ngăn dứt. Như vậy, vì thường tập quen phòng hộ tâm, nên đối với sự sanh khởi hiện hành các ác tâm tư, bàn luận bất chánh kia, lúc trước nhập vào, sanh nhiều vui thích, thì nay không nhập vào cũng không vui thích, lại năng trái nghịch khiến chúng không hiện khởi.

Lại chư Bồ-tát ở nơi tất cả học xứ Bồ-tát, được nghe chư Bồ-tát đã nhập đại địa rộng lớn vô lượng không thể nghĩ bàn, trường thời hành các học xứ cực khó hành mà tâm không kinh sợ, cũng không

khiếp nhược. Bô-tát khởi nghĩ như vậy: “Vị kia cũng là người, dần dần thứ lớp tu học tất cả học xứ rộng lớn vô lượng không thể nghĩ bàn của chư Bô-tát, thanh tịnh thân ngữ, thành tựu viên mãn tất cả luật nghi giới. Ta cũng là người, nếu thứ lớp tu tập, quyết chắc không nghi sẽ thành tựu như vị kia, thanh tịnh thân ngữ, thành tựu viên mãn tất cả các luật nghi giới”.

Lại chư Bô-tát trụ luật nghi giới thường quán xét kỹ lỗi mình, không quán xét lỗi người. Đối với tất cả hữu tình phạm giới hung ác, Bô-tát hiện tiền phát khởi tâm không tổn hại, cũng không sân khuyển. Đối với kẻ kia, Bô-tát sanh lòng đại bi bậc thượng, hiện tiền phát khởi tâm lân mẫn thân thiện, tâm muốn làm nhiều ích.

Lại chư Bô-tát trụ luật nghi giới tuy bị người dùng tay, chân, đá, dao, gậy gia hại, tâm còn không chút oán giận, hướng chi muốn dùng lời ác, muốn làm gia hại, phát lời hủy nhục, quát mắng; lại cũng không làm điều gì không nhiều ích, ngay cả một sự gia hại nhỏ nhất đối với kẻ kia.

Lại chư Bô-tát trụ luật nghi giới thành tựu đầy đủ năm chi nhiếp vào hạnh không phóng dật:

1. Hạnh không phóng dật câu hành tiền tế; 2. Hạnh không phóng dật câu hành hậu tế; 3. Hạnh không phóng dật câu hành trung tế; 4. Lúc sau, thời đầu, thực hành hạnh không phóng dật; 5. Mọi thời đều hành không phóng dật.

Chư Bồ-tát chân chánh tu học học xứ Bồ-tát, hoặc ở quá khứ Bồ-tát đã từng hủy phạm, như pháp hối trừ; đây gọi là Bồ-tát hành hạnh không phóng dật câu hành tiền tế. Hoặc ở vị lai, Bồ-tát sẽ hủy phạm, như pháp hối trừ; đây gọi là Bồ-tát hành hạnh không phóng dật câu hành hậu tế. Hoặc ở hiện tại, Bồ-tát hủy phạm, liền như pháp hối trừ; đây gọi là Bồ-tát hành hạnh không phóng dật câu hành trung tế.

Nếu chư Bồ-tát ở lúc sau, thời đầu sẽ có hủy phạm, tự phát khởi thề nguyện mạnh mẽ trụ nơi an lạc như vậy: “Ta quyết định phải như điều nên hành, như điều nên trụ, như vậy mà hành, như vậy mà trụ, đều khiến không phạm”. Đây gọi là Bồ-tát lúc sau, thời đầu thực hành không phóng dật.

Nếu Bồ-tát lấy thời đầu hành không phóng dật làm chỗ nương, như điều nên hành, như điều nên trụ, như vậy mà hành, như vậy mà trụ, không

sanh khởi hủy phạm; đây gọi là Bồ-tát mọi thời đều thực hành hạnh không phóng dật.

Lại chư Bồ-tát trụ luật nghi giới, tự ẩn giấu việc thiện của mình, phát lộ việc ác, kham nhẫn các khổ, ít muốn vui đủ. Tánh không lo âu, không trao cử, không xao động, uy nghi tịch tĩnh, xa lìa dối trá, xa lìa tất cả pháp sanh khởi tà mạng.

Tóm lại, chư Bồ-tát thành tựu 10 điều thì được gọi là *trụ luật nghi giới*: 1. Không đoái luyến các dục quá khứ; 2. Không mong cầu các dục vị lai; 3. Không đắm trước các dục hiện tại; 4. Vui hạnh viễn ly, không sanh vui đủ; 5. Năng trừ sạch các tâm tư ác, bàn luận bất chánh; 6. Không tự khinh miệt mình; 7. Tánh nhu hoà; 8. Có khả năng kham nhẫn; 9. Không phóng dật; 10. Năng đầy đủ quý tặc tịnh mạng.

Lại, chư Bồ-tát năng an trụ nhiếp thiện pháp giới, đối với tài vật thân mạng của mình vẫn còn không nhẫn thọ sanh chút đoái luyến, hà huống nhiều đoái luyến.

Lại đối với tất cả nhân duyên phạm giới, phiền não căn bản, hay ít phần phiền não khiến phát sanh phần hận, Bồ-tát cũng không nhẫn thọ. Lại

đối với các việc khác của người khiến phát khởi tâm khuể hại, tâm oán giận... Bồ-tát cũng không nhẫn thọ. Lại những lúc phát khởi tâm giải đãi lười biếng, Bồ-tát cũng không nhẫn thọ. Lại những lúc phát khởi tâm đắm trước mùi vị đẳng chí, phiền não của đẳng chí, Bồ-tát cũng không nhẫn thọ.

Lại chư Bồ-tát năng như thật rõ biết năm việc: 1. Như thật rõ biết thù thắng lợi ích của quả thiện; 2. Như thật rõ biết nhân thiện; 3. Năng như thật biết nhân quả thiện diên đảo; 4. Năng như thật biết nhân quả thiện không diên đảo; 5. Như thật rõ biết thu nhiếp chương ngại thiện pháp. Đó là chư Bồ-tát năng ở nơi quả thiện thấy lợi ích thù thắng to lớn, tầm cầu nhân thiện. Vì nhiếp thiện, nên như thật rõ biết diên đảo và không diên đảo. Do đây Bồ-tát gạt hái quả thiện, không ở nơi vô thường vọng thấy là thường, không ở nơi khổ vọng thấy là vui, không ở nơi bất tịnh vọng thấy là tịnh, không ở nơi vô ngã vọng thấy là ngã. Như thật rõ biết thấu nhiếp chương ngại thiện pháp. Vì nhiếp thiện, nên nhanh chóng xa lìa.

Tóm lại, Bồ-tát thành tựu 10 tướng sau được gọi là *trụ nhiếp thiện pháp giới*, nhanh chóng thu

nhiep tất cả chủng tướng thiện: 1. Tu tập thứ lớp bố thí; 2. Tu tập thứ lớp trì giới; 3. Tu tập thứ lớp an nhẫn; 4. Tu tập thứ lớp tinh tấn; 5. Tu tập thứ lớp thiền định; 6 đến 10. Tu tập năm chủng trí tuệ.

Lại chư Bồ-tát do 11 tướng gọi là trụ tất cả tướng nhiều ích hữu tình giới, ở trong mỗi một tướng đều thành tựu tất cả chủng, từ bố thí cho đến trí tuệ.

Chư Bồ-tát đối với tất cả hữu tình và tất cả sự nghiệp của họ, đều làm bạn trợ giúp. Đó là ở nơi tính toán, cân nhắc và dụng công trong công việc... thấy đều năng làm bạn trợ giúp. Hoặc trên đường đi, hoặc nơi qua chốn lại, hoặc nơi sự nghiệp gia hạnh không diên đảo, hoặc bảo quản giữ gìn tài vật, hoặc hòa giải những việc đi đến chia rẽ, hoặc giúp đỡ lãnh hội nghĩa, hoặc nơi việc tu phước... thấy đều làm bạn trợ giúp.

Lại đối với những khổ nạn cần cứu giúp, cũng đều làm bạn trợ giúp. Đó là đối với hữu tình mắc phải bệnh dịch, thì ân cần phục dịch, chăm sóc. Đối với người mù, làm kẻ dẫn đường. Đối với người điếc, ra hiệu khiến hiểu nghĩa. Đối với người dùng

tay thay lời, dùng hình ảnh dễ hiểu để giải thích nghĩa. Đối với người lạc đường, chỉ dẫn khiến kia biết đường. Đối với người thiếu chi phần thân thể, công họ trên vai. Đối với người ngu ngốc, dùng tuệ thù thắng để dạy bảo. Đối với hữu tình khổ vì tham dục trói buộc, khai mở giảng giải khiến kia xa lìa khổ; cũng vậy đối với hữu tình bị khổ do sân khuể, hôn trầm thụy miên, trạo cử ác tác, nghi trói buộc, Bồ-tát khai mở giảng giải khiến kia xa lìa các khổ. Đối với hữu tình bị khổ do tầm tư dục trói buộc, khai mở giảng giải khiến kia xa lìa; như đối với sự khổ do tầm tư dục trói buộc, thì sở hữu tầm tư khuể hại, què hương, đất nước, bất tử, tương ưng khinh nhục, tương ưng dòng tộc nên biết cũng vậy. Đối với hữu tình khổ do bị người khác khinh miệt, thì cởi giải khiến lìa đau khổ. Đối với hữu tình khổ do đi đường mệt nhọc, liền thí cho chỗ nghỉ ngơi, khiến kia thân thể điều hòa, mệt nhọc tan biến.

Lại, chư Bồ-tát vì các hữu tình như lý tuyên thuyết, như đối với hữu tình vui thích làm ác, vì muốn khiến kia đoạn dứt hành ác, nên Bồ-tát dùng văn cú tương ưng trợ bạn, tùy thuận trong sáng, có

dụng tương xứng hợp thuận với tư lương phần pháp vì kia tuyên thuyết. Hoặc đối với hữu tình hành keo tham, vì muốn khiến kia đoạn trừ hành tham, cũng khéo léo vì kia tuyên thuyết. Hoặc trong hiện pháp có người cầu tài bảo, vì khiến kia ít tổn công sức mà thu hoạch được nhiều tài bảo, giữ gìn không bị hao mất nên biết cũng vậy. Hoặc đối với người sanh lòng ganh ghét, trái lìa thánh giáo chư Phật, vì khiến kia sanh tín tâm thanh tịnh, có cái thấy thanh tịnh, vượt qua các đường ác, dứt tận tất cả kiết sử, vượt qua tất cả khổ, nên biết cũng vậy.

Lại chư Bồ-tát đối với các hữu tình có ân thường hay nhớ nghĩ ân huệ, suy nghĩ tìm cách báo đáp. Khi gặp gỡ, Bồ-tát cung kính cất lời hỏi thăm tốt lành, dung nhan vui vẻ, lời nói đùa vui, sắp xếp chỗ ngồi; dùng tài vật hoặc bằng, hoặc hơn so với tài vật được bố thí trước kia mà hiện tiền cúng dường đền đáp, không được dùng tài vật thấp kém để cúng dường. Đối với sự nghiệp của họ, tuy họ không cầu thỉnh mà vẫn giúp đỡ, hướng chi kia ngỏ lời khẩn cầu.

Như đối với sự nghiệp, thì đối với những đau khổ, đối với việc nói như lý, đối với việc nói phương

tiện, đối với những sự sợ hãi, đối với việc buồn rầu ưu não mà khai giải sâu ưu, đối với huệ thí vật dụng, đối với việc cộng trú làm nơi nương tựa, đối với việc tùy tâm chuyển, đối với việc hiển đức chân thật khiến hoan hỷ, đối với hủy hoại tình thương mà dùng phương tiện điều phục, đối với việc hiển thân thông, kinh sợ, dẫn nhiếp... như chỗ thích hợp nên biết nói rộng cũng như vậy.

Lại chư Bồ-tát năng cứu hộ tất cả hữu tình khi gặp phải nạn khiến sanh hãi sợ. Đó là gặp nạn cầm thú, nước lửa, giặc cướp, oán địch, gia chủ khó khăn, không sống được do tiếng tăm xấu, áp lực của nhiều người, hết thấy sự sợ hãi do quỷ my, phi nhân như làm thây chết đứng dậy... Bồ-tát đều năng cứu hộ khiến họ được an ổn.

Lại chư Bồ-tát năng khéo cởi giải khiến lìa sâu ưu đối với các loại hữu tình ở nơi suy não. Hoặc do nương vào thân thuộc bị suy vong, như là lúc cha mẹ, vợ con, anh em, tôi tớ, thân tộc nội ngoại, bạn bè, tôn trưởng, Thân giáo, Quý phạm và các bậc tôn kính khác qua đời, lưu tán; Bồ-tát khéo vì họ cởi giải khiến lìa ưu não. Hoặc do nương vào tài bảo bị hao tán mất mát, như là bị giặc cướp xâm

đoạt, hoặc bị lửa thiêu cháy, hoặc bị nước cuốn trôi, hoặc bị lương gạt, hoặc vì sự nghiệp thất bại suy tổn, hoặc bị người thân xấu ác ngang ngược phi lý nắm giữ, hoặc tổn thất do nhà bị cháy... ở nơi hết thấy việc khiến tài bảo bị tan hoại mất mát như vậy, Bồ-tát khéo vì họ cởi giải khiến lìa ưu não. Do nhân duyên đây, các loại hữu tình phát khởi sâu ưu theo ba cấp độ hoặc ít, hoặc vừa, hoặc nhiều, Bồ-tát đều năng chân chánh vì họ cởi giải.

Lại chư Bồ-tát có đầy đủ vật thực nuôi thân, nếu người đến cầu xin, tùy theo nhu cầu của họ mà bố thí, như cầu ăn cho ăn, cầu uống cho uống, cầu phương tiện cho phương tiện, cầu đầy đủ vật dụng để trang nghiêm thì cho đầy đủ vật dụng, cầu các tạp vật khác thì cho tạp vật, cầu hương xoa hoa cài thì cho hương xoa hoa cài, cầu giường ghế cho giường ghế, cầu đèn sáng cho đèn sáng...

Lại chư Bồ-tát tánh vui thích nhiếp hộ tất cả hữu tình, như pháp điều phục lãnh đạo chúng. Trước dùng tâm vô nhiễm cho kia nương ở, dùng tâm lân mẫn hiện làm nhiều ích. Về sau như pháp cấp thí các thứ y phục, uống ăn, ngoạ cụ, thuốc trị bệnh, các tạp vật nuôi thân. Nếu Bồ-tát không có,

phải đến chỗ trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn... có lòng tịnh tín mà cầu xin, đáp ứng nhu cầu của kia. Đối với các vật đã theo pháp, như pháp thu được, Bồ-tát cùng đại chúng đồng dùng chung, không cất giấu riêng để tiêu dùng, khiến hao tổn. Tùy từng giai đoạn, Bồ-tát thuận theo tám chủng dạy trao mà chánh dạy trao, dùng năm chủng dạy răn mà chánh dạy răn. Phải biết *Dạy trao, dạy răn* đã rộng phân biệt ở trước, trong phẩm *Lực chủng tánh*.

Lại đối với các hữu tình tâm tánh hướng thiện, khi tùy chuyển tâm, Bồ-tát trước phải biết hoặc thể, hoặc tánh của hữu tình kia. Đã biết thể tánh rồi, đối với hữu tình nên cộng trú, tức như vậy cùng kia cộng trú. Đối với hữu tình nên đồng hành, tức như vậy cùng kia đồng hành. Nếu chư Bồ-tát muốn giáo hóa hữu tình khiến họ chuyển tâm, phải quán xét sâu: “Nếu sự hiện hành tương thân, ngữ của hữu tình như vậy sẽ khiến người phát sanh ưu khổ. Ưu khổ như thế sẽ khiến kẻ kia không ra khỏi bất thiện, an trú nơi thiện”. Bấy giờ Bồ-tát đối với sự hiện hành thân ngữ như vậy, vì muốn hộ trì tâm người kia, nên dùng phương tiện tư duy

quyết trạch, gắng sức ngăn cấm, khiến không hiện hành thân ngữ như vậy. Nếu năng khiến kẻ kia ra khỏi bất thiện, an trú nơi thiện, bấy giờ đối với sự hiện hành thân ngữ như vậy, Bồ-tát trụ tâm ai mãn, không tùy chuyển tâm hữu tình, chỉ dùng phương tiện tư duy quyết trạch, gắng sức sách tấn khiến hiện hành hơn nữa.

Lại chư Bồ-tát chánh quán sát sâu: “Nếu sự hiện hành thân, ngữ của hữu tình này khiến hữu tình khác phát sanh ưu khổ. Ưu khổ như thế sẽ không khiến người, hoặc không khiến hữu tình khác, hoặc không khiến cả hai ra khỏi bất thiện, an trú nơi thiện”. Bấy giờ đối với sự hiện hành thân ngữ như vậy, Bồ-tát vì muốn hộ trì tâm của kia, nên dùng phương tiện gắng sức tư duy quyết trạch ngăn cấm, khiến không hiện hành ưu khổ như vậy. Nếu năng khiến người, hoặc khiến hữu tình khác, hoặc khiến cả hai ra khỏi bất thiện, an trú nơi thiện, bấy giờ đối với sự hiện hành thân ngữ như vậy, Bồ-tát trụ tâm ai mãn, không tùy chuyển tâm của hữu tình kia, mà dùng phương tiện tư duy quyết trạch, gắng sức sách tấn khiến hiện hành hơn nữa.

Lại chư Bồ-tát quán sát sâu: “Nếu Bồ-tát tự mình hiện hành hai nghiệp thân, ngũ sanh ưu khổ cho người, như vậy không nhiếp vào học xứ của Bồ-tát, không thuận tư lương phước đức, trí tuệ. Ưu khổ như thế khiến người chẳng thể ra khỏi bất thiện, an trú nơi thiện”. Bấy giờ đối với sự hiện hành thân ngũ như vậy, Bồ-tát hộ trì tâm người, phương tiện tư duy quyết trạch, gắng sức ngăn chặn khiến không hiện hành. Trái với sự hiện hành tướng thân ngũ đây nên biết như trước. Như đã rộng nói sanh khởi sự ưu khổ, thì nói rộng cho đến sanh khởi sự hỷ lạc, tùy chỗ thích hợp phải biết cũng vậy.

Lại chư Bồ-tát tùy chuyển tâm người, biết các hữu tình khác bị oán giận trói buộc, hiện đang giận tức, khó thể xả ly. Lúc bấy giờ, Bồ-tát còn không được ngợi khen, hà hưởng hủy chê, cũng chẳng được khuyến răn khiến kia hối hận.

Lại chư Bồ-tát tùy chuyển tâm người, tuy người không đến thăm hỏi chuyện trò, còn phải tự đến thăm hỏi chuyện trò, huống là người kia tìm đến mà Bồ-tát chẳng tiếp đón.

Lại chư Bồ-tát tùy chuyển tâm người, trọn

không cố ý xúc não người, chỉ trừ khi quả trách các lỗi trái phạm. Lúc quả trách phải khởi tâm từ bi, các căn tịch tịnh, như lý quả trách khiến điều phục kia.

Lại chư Bồ-tát tùy chuyển tâm người, trọn không được cười nhạo, trách cứ, cao cử, khinh thường khiến họ xấu hổ đỏ mặt, tâm không an ổn, cũng không khiến kia sanh tâm buồn rầu ray rứt. Tuy có khả năng hàng phục kẻ kia, mà không để kia rơi vào thế thua cuộc, sanh buồn bã áo não. Nếu hữu tình kia vì tịnh tín nên sanh lòng khiêm hạ, Bồ-tát cũng không được hiện tướng cao cử.

Lại chư Bồ-tát tùy chuyển tâm người, đối với các hữu tình, chẳng nên không thân cận, chẳng nên quá thân cận, cũng chẳng được phi thời mà thân cận.

Lại chư Bồ-tát tùy chuyển tâm người, trọn không hiện tiền hủy chê điều người thích, khen ngợi điều người không thích. Không được mong cầu, thọ dụng biết lượng; nếu chẳng phải bạn thâm tình, thì không được nói ra tất cả điều mong muốn chân thật của mình. Nếu trước đã hứa cúng dường vật thực... cho người, trọn không được lừa dối. Vì

tánh tự trọng, không được đến cầu xin, chỉ như pháp hiểu dụ.

Lại chư Bồ-tát tánh vui khen ngợi công đức chân thật khiến người hoan hỷ. Đối với người hiện có đầy đủ công đức tín tâm, khen ngợi đức tín khiến kia hoan hỷ. Đối với người có đầy đủ công đức giới, khen ngợi đức giới khiến kia hoan hỷ. Đối với người đầy đủ công đức nghe, khen ngợi đức nghe khiến kia hoan hỷ. Đối với người có đầy đủ công đức xả, khen ngợi đức xả khiến kia hoan hỷ. Đối với người có đầy đủ công đức tuệ, khen ngợi đức tuệ khiến kia hoan hỷ.

Lại chư Bồ-tát tánh nhiều bi mẫn, dùng pháp điều phục để điều phục hữu tình. Nếu các hữu tình có lỗi phạm phẩm hạ, Bồ-tát không tâm tổn nã, trong lòng thân cận yêu thương, dùng quả trách phẩm hạ. Nếu các hữu tình có lỗi phạm phẩm trung, Bồ-tát không tâm tổn hại, đem lòng thân cận yêu thương, dùng quả trách phẩm trung. Nếu các hữu tình có lỗi phạm phẩm thượng, Bồ-tát không tâm tổn hại, đem lòng thân cận yêu thương, dùng quả trách phẩm thượng. Như pháp quả trách, thì pháp trị phạt cũng lại như thế. Nếu các hữu

tình phạm lỗi phẩm hạ, phẩm trung có thể đuổi bỏ, bấy giờ Bồ-tát vì muốn dạy răn kia và các hữu tình khác, nên dùng tâm lân mẫn cùng tâm lợi ích, tạm thời đuổi bỏ, về sau nhiếp thọ trở lại. Nếu các hữu tình phạm lỗi phẩm thượng có thể đuổi bỏ, bấy giờ Bồ-tát kiên quyết xả bỏ, chẳng cho cộng trú, chẳng cùng thọ dụng, vì xót thương kia nên không nhiếp thọ trở lại, không khiến kẻ kia ở nơi Thánh giáo Phật nhiếp lấy nhiều điều phi phước. Lại cũng muốn dạy răn các hữu tình khác khiến họ được lợi ích.

Lại chư Bồ-tát vì muốn nhiều ích hữu tình nên hiện lực thần thông, hoặc khiến họ khiếp sợ, hoặc để dẫn nhiếp họ. Đối với kẻ vui thích làm ác, Bồ-tát phương tiện thị hiện vô lượng quả dị thực của việc làm ác, như thị hiện các cõi ác, các địa ngục nhỏ, các địa ngục lớn, các địa ngục nóng, các địa ngục lạnh. Bồ-tát đã thị hiện cho kia thấy rồi, liền bảo rằng: “Người thấy đấy, vì chúng sanh kia trước đã từng gây tạo tăng trưởng việc ác trong những cõi giới khác nhau, nên hôm nay phải thọ quả ác báo khổ sở vô cùng, quả khổ dị thực đau đớn không thể chịu nổi”. Kẻ kia nghe việc đây rồi sanh

khiếp sợ nhàm chán, xa lìa các hạnh ác.

Lại có một loại hữu tình không có tín tâm, Bồ-tát sống trong chúng tùy việc hỏi han, kẻ kia lơ láo không trả lời. Bấy giờ, Bồ-tát hoặc hóa làm thần Chấp Kim Cang Thủ, hoặc hóa làm đại lực Dược-xoa có thân to lớn khiến kia khiếp sợ. Do nhân duyên đây, kia xả bỏ kiêu mạn sanh tâm tịnh tín, cung kính thành thật trả lời. Đại chúng còn lại nghe kia thành thật trả lời, cũng đều được điều phục. Hoặc Bồ-tát hiện vô lượng thần thông biến hóa, hoặc biến một làm nhiều, hoặc biến nhiều làm một, hoặc dùng thân xuyên qua vách núi, tường đá không chướng ngại... như vậy nói rộng cho đến biến hóa thành thân Phạm thế, Tự tại. Bồ-tát cũng hiện vô lượng chủng thần biến sai khác, hoặc hiện nhập định hỏa giới... hoặc thị hiện hết thấy chủng chủng thần thông cùng Thanh văn, phương tiện dẫn nhiếp, khiến các hữu tình vui mừng nhảy nhót. Người chưa sanh tín tâm, phương tiện an đặt họ đầy đủ nơi tín; người phạm giới, phương tiện an đặt họ đầy đủ nơi giới; người ít lắng nghe, phương tiện an đặt họ đầy đủ nơi nghe; người nhiều keo lẩn, phương tiện an đặt họ đầy đủ nơi xả; người ác

tuệ, phương tiện an đặt họ đầy đủ nơi tuệ. Như vậy, Bồ-tát thành tựu tất cả việc nhiều ích hữu tình giới.

Đây gọi là ba tạng giới của Bồ-tát, cũng gọi là tạng công đức rộng lớn vô lượng: 1. Tạng giới nhiếp thuộc luật nghi giới; 2. Tạng giới nhiếp thuộc nhiếp thiện pháp giới; 3. Tạng giới nhiếp thuộc nhiều ích hữu tình giới.

Chư Bồ-tát ở nơi ba tạng giới, ở nơi sở học của Bồ-tát như vậy phải siêng năng tu học. Hoặc người tại gia, hoặc người xuất gia trước đã phát hoằng nguyện Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, phải chân thành thỉnh cầu Bồ-tát đồng pháp, họ là những bậc đã phát đại nguyện, có trí, có lực, lời nói của họ năng hiển nghĩa cốt yếu, có năng lực trao cho, có năng lực khai tỏ.

Trước tất cả công đức đầy đủ thù thắng của vị Bồ-tát trưởng lão như vậy, tân học Bồ-tát lễ dưới hai chân, thỉnh cầu: “Tôi nay đối trước Đại đức (hoặc đối trước Trưởng lão, hoặc đối trước Thiện nam tử) cầu thọ tất cả tịnh giới Bồ-tát. Duy nguyện không từ mỗi nhọc mà ai miễn dạy trao cho tôi”. Đã tác thỉnh lời như vậy rồi, trích y vai phải, cung

kính cúng dường mười phương ba đời chư Phật Thế Tôn, chư Bồ-tát chúng đã nhập đại địa, có đại trí tuệ, có đại thần lực; hiện tiền chuyên tâm nhớ nghĩ công đức của các Ngài. Tùy theo chỗ có lực công đức, hoặc sanh tâm ân trọng thanh tịnh, hoặc tâm ít thanh tịnh.

Đối trước Bồ-tát có trí lực vượt hơn, tân học Bồ-tát khiêm hạ cung kính, quỳ gối nơi đất, đối trước tượng Phật tác thỉnh như vậy: “Duy nguyện Đại đức (hoặc duy nguyện Trưởng lão, hoặc duy nguyện Thiện nam tử) ai mẫn trao cho tôi tịnh giới Bồ-tát”. Thỉnh như vậy rồi, tâm chuyên niệm một cảnh, trưởng dưỡng tâm thanh tịnh: “Tôi chẳng lâu sẽ được tạng công đức rộng lớn vô tận vô lượng không gì vượt hơn”. Đã yên lặng tư duy nghĩa như vậy, bấy giờ Bồ-tát có trí có lực thấy người kia thành tâm cầu học chánh hạnh Bồ-tát, nên dùng tâm không loạn, hoặc ngồi, hoặc đứng mà nói lời này: Thiện nam tử, lắng nghe! (hoặc Pháp đệ, lắng nghe!) Ông tên.. là Bồ-tát chăng?. Người kia đáp: Đúng vậy. Bồ-tát hỏi: Phát Bồ-đề nguyện chưa?. Người kia đáp: Đã phát rồi, kể từ ngày hôm nay cho đến về sau. Bồ-tát hỏi: Thiện nam tử! (hoặc

Pháp đệ!) Ông tên... muốn đến chỗ ta cầu thọ tất cả học xứ Bồ-tát, cầu thọ tất cả tịnh giới Bồ-tát, đó là luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới và nhiều ích hữu tình giới. Học xứ như vậy, tịnh giới như vậy, tất cả Bồ-tát quá khứ đã đầy đủ, tất cả Bồ-tát vị lai sẽ đầy đủ, tất cả Bồ-tát hiện tại khắp mười phương đang đầy đủ. Học xứ đây, tịnh giới đây, quá khứ tất cả Bồ-tát đã học, vị lai tất cả Bồ-tát sẽ học, hiện tại tất cả Bồ-tát đang học. Nay ông có thọ không? Người kia đáp: Mô Phật, thọ!

Bồ-tát truyền giới hỏi như vậy lần thứ hai, lần thứ ba. Tân học Bồ-tát đáp như vậy lần thứ hai, lần thứ ba. Như vậy Bồ-tát truyền giới hỏi ba lần, cho đến truyền tịnh giới ba lần. Tân học Bồ-tát cũng đáp thọ ba lần, cho đến thọ tịnh giới ba lần. Tân học Bồ-tát không rời khỏi chỗ. Bồ-tát truyền giới đối trước tượng Phật, cung kính cúng dường đánh lễ khắp mười phương chư Phật cùng chư Bồ-tát hiện trụ, tác bạch: “Bồ-tát đây tên... nay ở chỗ tôi đã ba lần đáp thọ Bồ-tát giới. Bồ-tát tôi tên... đã vì tân Bồ-tát ấy chứng minh. Duy nguyện chư Phật, Bồ-tát, Thánh hiền bậc nhất trong mười phương thế giới không ngăn không mé, hoặc ẩn

hoặc hiển, ở tất cả thời, tất cả hữu tình đều hiện nhận biết, cũng vì chứng minh cho Bồ-tát tên... đã thọ Bồ-tát giới”. Tác bạch như vậy lần thứ hai, lần thứ ba. Như vậy pháp Yết-ma thọ Bồ-tát giới thành tựu rất ráo. Từ đây không gián đoạn trong khắp mười phương thế giới chư Phật hiện trụ không ngần không mé, chư Bồ-tát trước đã nhập đại địa, hiện tướng pháp nhĩ, do đây chứng minh Bồ-tát như thế đã thọ tịnh giới Bồ-tát.

Bấy giờ, tân Bồ-tát ở nơi tướng pháp nhĩ đó, sanh khởi nhớ nghĩ mười phương chư Phật Thế Tôn. Do nhớ nghĩ nên chánh trí kiến chuyển, do chánh trí kiến nên như thật hiểu biết: “Tôi ở trong thế giới này, tôi là Bồ-tát tên... tôi đã đối trước Bồ-tát kia... chánh thọ tịnh giới Bồ-tát. Ở nơi tất cả Bồ-tát đã thọ giới Bồ-tát, xin xem tôi như con, như em, sanh ý thân thiện nhớ nghĩ, lân mẫn chiếu cố”. Do chư Phật, Bồ-tát lân mẫn chiếu cố, khiến tân học Bồ-tát mong cầu thiện pháp không thối giảm, ngày càng tăng trưởng gấp bội. Đây gọi là thọ giới Bồ-tát, tác bạch cầu thỉnh chứng minh.

Như vậy đã xong pháp Yết-ma thọ Bồ-tát giới. Bồ-tát truyền giới, Bồ-tát tân học hiện đầy đủ oai

nghi, tác lễ cúng dường chư Phật, Bồ-tát khắp mười phương thế giới không ngần không mé, đánh lễ dưới hai chân cung kính mà lui.

Như vậy, việc thọ luật nghi Bồ-tát giới so với tất cả việc thọ luật nghi giới khác là thù thắng hơn cả, không gì vượt hơn, là chỗ đuổi theo của vô lượng vô biên tạng công đức lớn, là chỗ phát khởi của ý lạc thiện tâm bậc nhất tối thượng, khắp năng đối trị tất cả chủng ác hạnh của các loại hữu tình. Tất cả luật nghi Biệt giải thoát so với luật nghi giới Bồ-tát đây, trăm phần chẳng kịp một, ngàn phần chẳng kịp một, số phần chẳng kịp một, kế phần chẳng kịp một, toán phần chẳng kịp một, dụ phần chẳng kịp một, ô-ba-ni-sát-đàm phần chẳng kịp một, vì nhiếp thọ tất cả công đức rộng lớn vậy.

Lại chư Bồ-tát lúc an trụ tịnh giới Bồ-tát như vậy, trước tự tư duy quán xét sâu kỹ đây là việc Bồ-tát nên làm, đây là việc Bồ-tát không nên làm. Đã tư duy rồi, vì thành tựu sở tác chánh nghiệp về sau, nên siêng năng tu tập. Lại nên sách tấn nỗ lực lắng nghe Kinh tạng Bồ-tát, cùng nhau giải thích nghĩa. Ở nơi Ma-đát-ly-ca của Kinh tạng Bồ-tát, theo điều đã được nghe mà siêng năng tu học.

Lại chư Bồ-tát chỉ theo tất cả người thông tuệ để cầu thọ sở thọ tịnh giới Bồ-tát, không nên theo thọ những người không tịnh tín. Vì có sao? Vì người đối với sở thọ tịnh giới như vậy nếu ban đầu không tâm tin hiểu, thì không thể thú nhập, không thể khéo tư duy. Lại không nên cầu thọ người keo tham, người bị keo tham che lấp, người có nhiều ham muốn, người không biết vui đủ; cũng không nên cầu thọ người không cung kính các học xứ, người hủy phạm tịnh giới, người chậm chạp ở nơi luật nghi giới; cũng không nên cầu thọ người phẫn hận, người nhiều bất nhẫn, người phạm giới; cũng không nên cầu thọ người lười biếng, uể oải, giải đãi, đêm ngày vui ngủ, vui dựa, vui nằm, vui nói chuyện, vui nhóm họp bè đảng; cũng không nên cầu thọ người trong một tâm thiện, an trụ một duyên tu tập ít ỏi; cũng không nên cầu thọ người có tâm tán loạn, người không có ý chí, người ám muội, người ngu si, người quá yếu hèn, người phỉ báng Ma-đát-lý-ca của Kinh tạng Bồ-tát.

Lại chư Bồ-tát khi đã thọ pháp luật nghi Bồ-tát giới, tuy đã thọ trì rốt ráo, đối với hữu tình không tín tâm, hữu tình hủy báng tạng Bồ-tát,

trợn không tuyên nói chỉ bày khai triển. Vì cố sao? Kẻ kia được nghe chẳng thể tin hiểu, vì bị che lấp bởi đại vô tri chướng sâu dày, do đây sẽ sanh phỉ báng. Nếu chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, nên thành tựu tạng công đức rộng lớn vô lượng, thì kẻ kia do sanh tâm phỉ báng cũng chính là sự đui theo tạng nghiệp vô lượng tội. Bồ-tát cho đến chưa xả bỏ hoàn toàn tất cả lời ác, kiến ác và tư duy ác, thì đối với luật nghi Bồ-tát giới đây trợn không sanh tâm chán lia.

Lại chư Bồ-tát muốn truyền Bồ-tát giới, trước nên vì người mà thuyết Ma-đát-ly-ca của tạng Bồ-tát, học xứ của Bồ-tát và các tướng phạm. Người kia sau khi được nghe, dùng tuệ tự quán sát tự suy nghĩ nơi bản thân, quyết định có ý lạc đầy đủ kham thọ Bồ-tát giới, chẳng phải vì được người khác khuyến khích, cũng chẳng phải vì hơn người. Đây gọi là Bồ-tát vững tin kham thọ luật nghi tịnh giới Bồ-tát. Đã thọ giới pháp rồi, phải nên theo đó mà thọ học chân chánh.

Bồ-tát an trụ luật nghi giới như vậy, có bốn pháp xứ muốn hơn người (tội tha thắng). Những gì là bốn?

1. Hoặc chư Bồ-tát vì muốn tham cầu lợi dưỡng cung kính, nên tự khen mình chê người. Đây gọi là pháp xứ muốn hơn người thứ nhất.

2. Hoặc chư Bồ-tát hiện có tài vật riêng mà tánh bần xén, khi thấy hữu tình nghèo khổ, bần cùng, không nơi nương tựa đến cầu xin tài vật, mà không khởi tâm ai mẫn tu huệ thí. Có người đến cầu chánh pháp, vì tánh xén tiếc đối với pháp, nên tuy có pháp mà chẳng cấp thí. Đây gọi là pháp xứ muốn hơn người thứ hai.

3. Hoặc chư Bồ-tát trưởng dưỡng tâm sân giận trời buộc, do nhân duyên đây bị giận tức ngăn che, không chỉ phát lời thô ác, lại thêm dùng tay chân, dao gậy đá để thóa mạ, đánh đập, tổn hại, não loạn hữu tình, bên trong ý ôm lòng sân giận mãnh liệt. Nếu người phạm lỗi đến tạ lỗi, lại không chấp nhận, không bỏ qua, không xả bỏ oán giận. Đây gọi là pháp xứ muốn hơn người thứ ba.

4. Hoặc chư Bồ-tát hủy chê tạng Bồ-tát, vui muốn kiến lập, tuyên thuyết, khai thị tương tợ chánh pháp. Pháp tương tợ đây, hoặc tự mình tin lập ra, hoặc từ người mà chuyển theo. Đây gọi là pháp xứ muốn hơn người thứ tư.

Như vậy gọi là bốn pháp muốn hơn người của Bồ-tát. Nếu chư Bồ-tát phạm một trong bốn pháp muốn hơn người đây, không có khả năng nhiếp thọ tăng trưởng tư lương Bồ-đề trong hiện pháp, không có khả năng kham nhiệm ý lạc thanh tịnh trong hiện pháp, hà huống hủy phạm tất cả. Đây gọi là tương tợ Bồ-tát, chẳng phải chân thật Bồ-tát.

Chư Bồ-tát nếu hủy phạm bốn pháp muốn hơn người phẩm triển bậc nhuyển và bậc trung, thì chưa gọi là xả luật nghi tịnh giới Bồ-tát; nếu hủy phạm bậc thượng, tức gọi là xả.

Nếu chư Bồ-tát hiện hành hủy phạm bốn pháp muốn hơn người đây, luôn luôn hiện hành mà không thấy xấu hổ, sanh tâm ưa thích sâu, cho là thật công đức; đây gọi là phạm phẩm triển bậc thượng. Nếu Bồ-tát tạm hiện hành hủy phạm một pháp muốn hơn người, thì chưa gọi là xả bỏ luật nghi tịnh giới Bồ-tát. Nhưng nếu Bì-sô hủy phạm pháp muốn hơn người, tức đồng nghĩa xả bỏ Biệt giải thoát giới. Nếu chư Bồ-tát do hủy phạm đây, xả bỏ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, ở trong hiện pháp lại có thể kham nhiệm liền hoàn thọ, chẳng phải không được thọ. Nhưng Bì-sô trụ Biệt giải thoát giới,

phạm pháp muốn hơn người, ở trong hiện pháp không được kham nhiệm liền thọ.

Lược có hai nhân duyên khiến xả luật nghi tịnh giới Bồ-tát: 1. Xả bỏ đại nguyện Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề; 2. Hiện hành hủy phạm pháp muốn hơn người phẩm triển bậc thượng.

Chư Bồ-tát tuy chuyển thân khắp mười phương thế giới, sanh ở chốn nào cũng không xả luật nghi tịnh giới Bồ-tát. Do đây Bồ-tát không xả đại nguyện Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, cũng không hiện hành hủy phạm pháp muốn hơn người phẩm triển bậc thượng. Nếu chư Bồ-tát chuyển thân thọ sanh nơi khác quên mất bản nguyện, được gặp bạn lành vì kia nhắc khiến nhớ nghĩ Bồ-tát giới. Bồ-tát như vậy đã nhiều lần thọ, không phải mới thọ, cũng không phải mới đắc.



Mục Lục

815

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN

Quyển 21

Thứ 13. Thanh Văn Địa

Phần đầu Du Già Xứ - Chứng Tánh Địa thứ 1 7

Phần đầu Du Già Xứ - Thụ Nhập Địa thứ 2 32

Quyển 22

Thứ 13. Thanh Văn Địa

Phần đầu Du Già Xứ - Xuất Ly Địa thứ 3-1 48

Quyển 23

Thứ 13. Thanh Văn Địa

Phần đầu Du Già Xứ - Xuất Ly Địa thứ 3-2 81

Quyển 24

Thứ 13. Thanh Văn Địa

Phần đầu Du Già Xứ - Xuất Ly Địa thứ 3-3 117

Quyển 25

Thứ 13. Thanh Văn Địa

Phần đầu Du Già Xứ - Xuất Ly Địa thứ 3-4 153

Quyển 26

Thứ 13. Thanh Văn Địa

Phần 2 Du Già Xứ thứ 1 198

Quyển 27

Thứ 13. Thanh Văn Địa

Phần 2 Du Già Xứ thứ 2 240

Quyển 28

Thứ 13. Thanh Văn Địa

Phần 2 Du Già Xứ thứ 3 281

Quyển 29

Thứ 13.	Thanh Văn Địa		
Phần 2	Du Già Xứ	thứ 4	326

Quyển 30

Thứ 13.	Thanh Văn Địa		
Phần 3	Du Già Xứ	thứ 1	370

Quyển 31

Thứ 13.	Thanh Văn Địa		
Phần 3	Du Già Xứ	thứ 2	409

Quyển 32

Thứ 13.	Thanh Văn Địa		
Phần 3	Du Già Xứ	thứ 3	446

Quyển 33

Thứ 13.	Thanh Văn Địa		
Phần 4	Du Già Xứ	thứ 1	481

Quyển 34

Thứ 13.	Thanh Văn Địa		
Phần 4	Du Già Xứ	thứ 2	516
Thứ 14.	Độc Giác Địa		561

Quyển 35

Thứ 15.	Bồ Tát Địa		
Phần đầu	Trì Du Già Xứ		
Phẩm 1.	Chủng Tánh		566
Phần đầu	Trì Du Già Xứ		
Phẩm 2.	Phát Tâm		581
Phần đầu	Trì Du Già Xứ		
Phẩm 3.	Tự Lợi - Lợi Tha	thứ 1	595

Quyển 36

Thứ 15.	Bồ Tát Địa		
Phần đầu	Trì Du Già Xứ		
Phẩm 3.	Tự Lợi - Lợi Tha	thứ 2	606
Phần đầu	Trì Du Già Xứ		
Phẩm 4.	Chân Thật Nghĩa		620

Quyển 37

Thứ 15.	Bồ Tát Địa		
Phần đầu	Trì Du Già Xứ		
Phẩm 5.	Uy Lực		652
Phần đầu	Trì Du Già Xứ		
Phẩm 6.	Thành Thục		685

Quyển 38

Thứ 15.	Bồ Tát Địa		
Phần đầu	Trì Du Già Xứ		
Phẩm 7.	Bồ Đề		701
Phần đầu	Trì Du Già Xứ		
Phẩm 8.	Lực Chủng Tánh		711

Quyển 39

Thứ 15.	Bồ Tát Địa		
Phần đầu	Trì Du Già Xứ		
Phẩm 9.	Bố Thí		743

Quyển 40

Thứ 15.	Bồ Tát Địa		
Phần đầu	Trì Du Già Xứ		
Phẩm 10.	Trì Giới - 1		780
Mục Lục			815

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN

Tập II

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

270. Nguyễn Đình Chiểu Q.3 - TP. Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Mai Thời Chính

Biên tập:

Công Bình – Thăng Long

Bìa và trình bày:

Trần Phú Nhạc

Khổ 14.5 x 20.5 cm, Số ĐKKHXB: 293 - 2010 / CXB / 41 - 09 / TN

Quyết định xuất bản số 449 / QĐ - TN / CN ngày 06 . 10 . 2010

In 1000 cuốn, tại XN IN ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

In xong và nộp lưu chiểu quý 4 - 2010